

# ALICE SEBOLD

#1 INTERNATIONAL BESTSELLER

## Hình ảnh yêu dấu



NHA XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN

# MỤC LỤC

TỰA 2

CHƯƠNG MỘT 2

CHƯƠNG HAI 9

CHƯƠNG BA 21

CHƯƠNG BỐN 27

CHƯƠNG NĂM 32

CHƯƠNG SÁU 41

CHƯƠNG BẢY 53

CHƯƠNG TÁM 55

CHƯƠNG CHÍN 56

CHƯƠNG MƯỜI 65

CHƯƠNG MƯỜI MỘT 74

CHƯƠNG MƯỜI HAI 81

CHƯƠNG MƯỜI BA 90

CHƯƠNG MƯỜI BỐN 100

CHƯƠNG MƯỜI LĂM 108

|                                    |     |
|------------------------------------|-----|
| <u>CHƯƠNG MƯỜI SÁU</u>             | 113 |
| <u>NHỮNG BỨC ẢNH CHỤP BẮT CHỢT</u> | 121 |
| <u>CHƯƠNG MƯỜI BẢY</u>             | 132 |
| <u>CHƯƠNG MƯỜI TÁM</u>             | 142 |
| <u>CHƯƠNG MƯỜI CHÍN</u>            | 150 |
| <u>CHƯƠNG HAI MƯƠI</u>             | 155 |
| <u>CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT</u>         | 161 |
| <u>CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI</u>         | 171 |
| <u>CHƯƠNG HAI MƯƠI BA</u>          | 179 |
| <u>HÀI CỐT</u>                     | 186 |

Alice Sebold

## **Hình Hải Yêu Dấu**

Võ Thị Kim Nga dịch

e-thuvien.com

Đánh máy: wind4, thuyax, etou\_akira, hoadien

Làm e-book: who cares? :D

## TỰA

**Alice Sebold** sinh ngày mùng 6, tháng Chín, năm 1963, tại thành phố Madison, tiểu bang Wisconsin, là tác gia Mỹ nổi tiếng nhờ hai tác phẩm *Lucky* (May Mắn) và *The Lovely Bones* (Hình hài yêu dấu). Thời còn đang theo học tại đại học California, thành phố Irvine, bà viết *May mắn*, cuốn tự truyện kể sự việc bà từng bị cưỡng hiếp và may mắn thoát chết ở tuổi vị thành niên. Sau khi *May mắn* được xuất bản vào năm 1999, Sebold tiếp tục sự nghiệp viết văn. Bà cho ra đời cuốn tiểu thuyết *Hình hài yêu dấu* vào năm 2002, và đón nhận thành công vang dội. Với tác phẩm này, năm 2004 Alice Sebold đã giành giải sách đọc hay nhất trong năm. *Richard and Judy Best Read Away*, do British Book Awards trao tặng, năm 2003 nhận giải thưởng Sách trong năm của thể loại Văn học người lớn, do hiệp hội các nhà sách Mỹ trao tặng, và năm 2002 là giải Bram Stoker cho Tiểu thuyết đầu tay.

*Hình hài yêu dấu* là cuốn tiểu thuyết tiếp nối đề tài phản ánh và mổ xẻ các vấn đề bạo lực trong xã hội hiện đại của Alice Sebold. Câu chuyện kể về một bé gái mười bốn tuổi, sau khi bị cưỡng hiếp và giết hại thảm khốc bởi một kẻ giết người hàng loạt, linh hồn cô trên thiên đàng vẫn tiếp tục dõi theo mọi biến chuyển trong cuộc sống của những người thân yêu, cách họ vượt qua nỗi đau mất mát, từng bước trưởng thành của họ trên con đường tìm đến hạnh phúc... Cuốn tiểu thuyết nhanh chóng nhận được sự đồng cảm của nhiều tầng lớp độc giả và trở thành một hiện tượng trong thế giới xuất bản.

*Hình hài yêu dấu* hiện đang được đạo diễn nổi tiếng từng ba lần đoạt giải Academy Award và Quả cầu vàng, Peter Jackson, (đạo diễn phim *Chúa tể*

của những chiếc nhẫn) chuyển thể thành phim, hứa hẹn sẽ thu hút một lớp công chúng mới cho một xuất phẩm hình ảnh giàu chất thơ

---

*Trong quả cầu tuyết đặt trên bàn làm việc của bố tôi có một con chim cánh cụt, cổ quàng khăn sọc trắng đỏ. Ngày tôi còn bé bố hay bế tôi ngồi trong lòng ông rồi với tay lấy quả cầu. Ông lật ngược quả cầu để các bông tuyết tụ ở đỉnh cầu, xong thoắt cái lật lại như cũ. Hai bố con cùng ngắm nhìn bông tuyết lãng đãng rơi quanh chú chim. Tôi nghĩ con chim ở trong đó thật lẻ loi, nên lấy làm lo cho nó. Nghe tôi thổ lộ, bố mới bảo: "Susie ơi, con đừng lo. Đời nó sung sướng lắm. Nó bị giam hãm, nhưng trong một thế giới hoàn mỹ đấy, con ạ."*

## CHƯƠNG MỘT

Họ của tôi là Salmon, nghĩa là cá hồi; còn tên là Susie. Tôi mười bốn tuổi khi bị sát hại vào ngày mùng 6 tháng Chạp năm 1973. Hầu hết các cô gái bị mất tích vào những năm 70 có hình đăng trên báo đều trông hao hao như tôi: da trắng, tóc nâu như lông chuột. Mãi về sau mới đến thời kỳ mà ảnh trẻ em, cả gái lẫn trai, da màu lẫn da trắng, được in cả trên hộp đựng sữa tươi hay lên mặt báo, chứ hồi đó người ta vẫn nghĩ làm gì có những chuyện như vậy xảy ra trên đời này. Trong tập kỷ yếu của trường trung học cơ sở tôi ghi một câu trích dẫn nhà thơ Tây Ban Nha tên Juan Ramon Jimenez mà em gái tôi đã mách cho để tìm đọc. Đại ý thế này: "Dù ai đưa giấy kẻ dòng ngay hàng thẳng lối, xin bạn cứ giữ các viết riêng của mình." Tôi chọn câu này trước nhất vì nó diễn tả thái độ bất mãn của tôi đối với môi trường khuôn phép, theo kiểu quản lý lớp học, trong đó có tôi, thứ nữa, vì đó không phải là câu phát biểu dấm dớ của một ban nhạc Rock nào đó, tôi mặc nhiên sẽ được xem là dân hay chữ. Tôi là hội viên Câu lạc bộ Cờ vua, Câu lạc bộ Hóa học, và tuy cố gắng nhiều tôi vẫn cứ làm chảy các món bà Delmonico cho cả lớp tập nấu trong giờ gia chánh. Giáo sư tôi ưa nhất là thầy Botte, dạy môn sinh học, ông thích bày trò làm hồi sinh lũ ếch nhái và tôm cá mà chúng tôi phải tập mổ xẻ, bằng cách cho chúng vào mấy cái chảo loại không dính, khiến chúng giật búng lên như đang nhảy nhót.

Tiện thể xin nói ngay rằng thầy Botte không phải là thủ phạm giết tôi đâu đấy. Bạn đọc chớ nghĩ rằng bất cứ nhân vật nào sắp xuất hiện ở đây cũng đều đáng nghi cả. Thế mới thành chuyện chứ. Chẳng ai biết chắc cả. Thầy Botte có đến dự lễ tưởng niệm tôi (như hầu hết thầy trò toàn trường, xin nói thêm. Tôi chưa bao giờ nổi tiếng đến thế) và thầy khóc lóc khá thảm thiết. Thầy có một người con bị bệnh. Chúng tôi biết, nên mỗi khi thầy đem những mẫu chuyện giễu cù mèm, đã kể từ trước thời tôi học thầy, ra kể rồi cười, cả lớp cũng phụ họa, đôi khi còn cố cười ngặt nghèo để làm ông vui.

Cô con gái thầy mất một năm rưỡi sau khi tôi chết, vì bệnh bạch cầu, nhưng tôi chưa từng gặp cô ấy trên thiên đường của tôi.

Kẻ giết tôi là một tay hàng xóm. Mẹ tôi thích loại hoa hắc tròng dọc hàng rào, bố tôi có lần trò chuyện với hắc về phân bón. Kẻ giết tôi cho rằng chỉ những chác cổ điển, lấy vỏ trứng, bã cà-phê đem bón, như mẹ hắc từng làm, theo lời hắc kể, mới làm tốt đất. Bố tôi trở vào nhà cười cười, pha trò về khu vườn của hắc, đẹp thật, nhưng mỗi đợt trở trời nóng gắt mùi hôi thối bốc lên đến tận mây xanh.

Thế nhưng vào hôm mùng 6 tháng Chạp năm 1973 thì trời đổ tuyết, từ trường về nhà tôi đi lối tắt băng qua cánh đồng ngô. Trời đã sấm tối vì mùa đông ngày ngắn hơn; bây giờ tôi vẫn còn nhớ những thân ngô đổ ngang đổ ngửa làm tôi đi đứng khá vất vả. Bông tuyết rơi nhẹ, như những bàn tay tí hon lất phất bay, tôi thở bằng mũi cho đến lúc nước mũi rùng rùng, đành há miệng để thở. Còn cách chỗ Harvey đứng độ hai thước, tôi thè lưỡi hứng một bông tuyết ném thử.

"Đừng hoảng hồn nhé." hắc lên tiếng.

Đương nhiên là tôi phải sợ hết hồn rồi vì đang ở giữa cánh đồng ngô, mà trời thì tối mịt. Khi chết rồi, tôi nhớ lại rằng trước đó có người thấy thoáng thoáng mùi nước hoa Cô-lôn(1) nhưng tôi không chú ý hoặc tưởng rằng mùi ấy bay ra từ một trong các ngôi nhà phía trên kia.

"Chú Harvey đó à," tôi nói.

"Cháu là gái lớn nhà Salmon phải không?"

"Vâng ạ."

"Bố mẹ khỏe cả chứ?"

Tuy là con gái lớn trong nhà và ở lớp đạt điểm cao nhất trong một kỳ thi đồ kiến thức khoa học, tôi chẳng bao giờ thấy thoải mái khi phải tiếp chuyện người lớn.

"Khỏe ạ." tôi trả lời. Tôi lạnh, nhưng uy quyền đương nhiên lại thuộc về hẳn, một người lớn tuổi, lại là hàng xóm từng trò chuyện với bố tôi về phân bón, buộc tôi cứ đứng đó như chôn chân tại chỗ.

"Chú mới dựng xong cái này," hẳn nói. "Cháu muốn xem thử không?".

"Cháu hơi lạnh, chú Harvey ạ," tôi trả lời. "vớ lại mẹ muốn cháu về nhà trước khi trời tối."

"Đằng nào trời cũng tối rồi, Susie ạ." hẳn nói.

Giờ đây tôi ước gì lúc đó mình nhận ra ngay điều lạ lùng này. Tôi chưa hề xưng tên mình cho hẳn biết. Tôi đoán hẳn là bố tôi lại đã đem kể một trong những giai thoại làm chúng tôi ngượng chín người, trong khi ông thấy làm thế chứng tỏ rằng ông yêu quý các con. Ông thuộc giới các ông bố hay giữ ảnh chụp con trần truồng lúc mới lên ba đứng trong phòng tắm, ở tầng trệt vốn dành cho khách khứa. Ông có ảnh chụp Lindsey, em gái tôi, như thế thật - lạy Chúa. Phần tôi ít ra cũng đã thoát được cái cảnh xấu hổ đến muốn độn thổ ấy. Thế nhưng ông rất thích kể câu chuyện hồi Lindsey mới sinh, tôi ghen với nó đến nỗi một hôm nhân lúc bố mải điện thoại trong phòng bên, tôi mò xuống đi vắng - ông thấy được tôi từ chỗ đang đứng - tìm cách tè lên đầu Lindsey đang nằm trong chiếc nôi có quai xách. Lần nào ông kể chuyện này tôi đều thấy bề mặt vô cùng, dù là kể cho ông mục sư giáo xứ



hay với bà hàng xóm Stead vốn là chuyên viên trị liệu tâm lý, mong bà cho biết ý kiến, hay với bất kỳ ai từng bảo ông "Susie gan lắm đấy!"

"Gan à?" bố tôi thốt lên. "Để tôi kể cho nghe chuyện cháu gan thế nào nhé" và ông bắt đầu giai thoại Susie - tè - lên - em - bé - Lindsey liền tức thì.

Nhưng sự thực là : bố tôi chưa hề nêu tên chúng tôi và cũng không hề kể cho Harvey nghe giai thoại Susie - tè - lên - em - bé - Lindsey nói trên.

Sau này Harbey tình cờ gặp mẹ tôi ngoài đường và nói thế này với bà: "Tôi có nghe về thảm kịch kinh hoàng này, thật kinh khủng ngoài sức tưởng tượng. Thế cháu tên gì nhỉ?"

"Susie", mẹ tôi đáp, cố gồng mình mang cái gánh nặng gắn liền với cái tên này, gánh nặng mà bà ngỡ sẽ có ngày nhẹ bớt đi, đâu ngờ nó sẽ còn gây cho bà nhiều đau đớn mới, muôn hình vạn trạng, trong suốt quãng đời còn lại của bà.

Harvey phân ưu giống như mọi người: "Mong thằng khốn nạn đó sớm bị tóm cổ. Xin chia buồn với bà về nỗi mất mát này."

Nghe thế, lúc đó tôi đang lắp ghép lại chân tay của mình trên thiên đường, tôi thật không ngờ nỗi hẫng lại mặt dày mà dạn đến thế. "Thật là quân vô liêm sỉ," tôi nói với Franny, bà hướng dẫn của tôi, lo việc đón tiếp người mới tới. "Đúng thế," bà đáp gọn lỏn. Trên thiên đường của tôi không mấy ai nói chuyện phiếm.

Harvey bảo chỉ cần một phút thôi, thế là tôi đi theo hẫng thêm một đoạn nữa vào sâu trong cánh đồng, quãng này ít thân ngô gãy hơn vì không ai đi tắt

lối này đến trường. Mẹ tôi từng bảo em trai Buckley của tôi, hồi nó còn bé tí, rằng ngô trong cánh đồng này không ăn được, khi nó hỏi sao không thấy ai ăn. "Ngô này dành cho ngựa, không phải cho người," bà nói. "Cũng không cho chó, hờ mẹ?" Buckley hỏi tiếp. "Không con ạ", mẹ trả lời. "Cũng không cho khủng long à?" Buckley cứ thế hỏi mãi không dứt.

"Chú mới làm xong một chỗ trú ẩn nho nhỏ," Harvey lên tiếng.

Hắn dừng bước quay lại nhìn tôi.

"Cháu có thấy gì đâu," tôi trả lời. Tôi chợt nhận ra hắn đang nhìn tôi bằng ánh mắt lạ lùng. Tôi đã từng bắt gặp ánh mắt tương tự ở những người đàn ông lớn tuổi từ ngày tôi không còn nét bụ bẫm của trẻ con nữa, nhưng thường thì đầu óc họ cũng không đến nỗi phát cuồng khi nhìn tôi khoác chiếc áo pác-ca có mũ trùm màu xanh dương và mặc quần ống loe màu vàng. Tròng mắt kính của hắn nhỏ và tròn, gọng vàng, hắn nhướn mắt nhìn tôi từ phía trên gọng kính.

"Phải tập quan sát kỹ hơn đi chứ, Susie." hắn bảo.

Tôi linh cảm mình nên tìm cách ra khỏi chỗ đó, nhưng tôi lại không làm. Tại sao tôi không làm thế nhỉ? Franny bảo rằng thế chẳng ích gì: "Cháu đã không làm, và thế là hết chuyện. Đừng nghĩ tới nghĩ lui mãi. Chẳng được gì. Cháu đã chết rồi, phải chấp nhận thế thôi."

"Thử tìm lần nữa đi." Harvey nói rồi ngồi xồm, vỗ vỗ trên mặt đất.

"Cái gì thế?" tôi hỏi hắn.

Hai tai tôi buốt cóng. Tại tôi không chịu đội cái mũ sặc sỡ có ngù len gắn những quả chuông tí hon kêu leng keng mẹ tôi đan làm quà mùa Giáng sinh năm nào, mà cuộn lại nhét vào túi áo pác-ca.

Bây giờ tôi nhớ lại là đã bước tới và giậm chân lên mặt đất gần chỗ hẩn. Đất chỗ đó có vẻ còn rắn hơn cả đất đóng băng vốn đã cứng lắm rồi.

"Gỗ đấy", Harvey giải thích. "Để giữ cho cửa vào không bị sụp lở. Còn toàn bằng đất cả."

"Đó là cái gì vậy?" tôi hỏi. Tôi không còn cảm thấy lạnh, không còn hoảng sợ trước ánh mắt hẩn nhìn tôi nữa. Tôi lại trở thành đứa học trò trong tiết khoa học tự nhiên: tôi tò mò.

"Cháu cứ chui xuống mà xem."

Phải chật vật lắm mới chui được xuống cái hầm, hẩn cũng công nhận thế, khi cả hai xuống lọt rồi. Nhưng vì tôi quá kinh ngạc không hiểu sao hẩn dựng được cả một cái ống để thông khói, khi nào muốn đốt lửa, nên chưa kịp thắc mắc sao việc chui vào chui ra cái hầm lại khó khăn vậy. Cũng phải nói thêm rằng tẩu thoát là khái niệm tôi chưa hề biết đến qua một kinh nghiệm nào trong đời sống. Nguyên nhân từng làm tôi kinh hoàng bỏ chạy là Artie, một thằng cổ quái cùng lớp, có bố làm nghề nhà đôn chuyên lo mai táng. Nó thích làm như luôn mang theo người một ống tiêm đựng đầy dung dịch liệm xác. Trên tập vở của mình Artie vẽ những chiếc kim tiêm nhiều giọt thứ chất lỏng đen sì.

"Thế này thì ngẫu thật!" Tôi nói với Harvey. Lúc đó hẩn có là Chàng Gù nhà thờ Đức Bà (2) chúng tôi biết qua bài học ở lớp Pháp văn đi nữa thì tôi cũng không bận tâm. Tôi thoát trở lại thuở bé con. Tôi trở thành em trai

Buckley hôm đi thăm Viện bảo tàng lịch sử tự nhiên ở New York, em mê mẩn nhìn mấy bộ xương khủng long vì đại được trưng bày. Cả chữ "ngẫu" tôi cũng chưa hề công khai dùng lại suốt từ hồi ở trường tiểu học đến nay.

"Đúng là trò giặt lại que kẹo để dụ em bé đi theo" Franny bảo thế.

Giờ đây tôi vẫn hình dung rất rõ cái hầm, như thể chuyện mới xảy ra hôm qua, mà đúng là hôm qua thật. Với chúng tôi, từ nay cuộc sống mãi mãi sẽ chỉ là chuyện của ngày hôm qua. Cái hầm to cỡ cái phòng con ở nhà, nơi chúng tôi để giày ống và treo áo đi mưa, nơi mẹ cố xoay xở nhét vừa cái máy giặt và đặt cái máy sấy chồng lên trên. Tôi gần như đứng thẳng lưng được trong hầm, nhưng Harvey phải cúi lom khom. Lúc đào hẳn đã đập sẵn một băng ghế dọc chiều dài căn hầm. Hẳn ngồi ngay xuống đó.

"Cháu cứ việc xem đi," hẳn bảo.

Tôi ngẩn người, mê mải ngắm cái giá treo phía trên đầu hẳn, nơi hẳn để sẵn diêm, một lô pin, một cái đèn huỳnh quang chạy pin, nguồn ánh sáng duy nhất trong hầm - loại ánh sáng ma quái sẽ làm tôi khó nhận rõ các đường nét trên mặt hẳn khi hẳn nằm đè lên người tôi.

Trên giá có một cái gương, con dao cạo và kem cạo râu. Tôi thấy kỳ cục thật. Sao hẳn không cạo râu ở nhà nhỉ? Song hẳn tôi cho rằng một người có tòa nhà mấy tầng khang trang mà lại đi đào cái hầm cách đó chỉ nửa dặm đường thì chắc không điên cũng dở người. Bố tôi có cách rất hay để mô tả loại người như thế: "Ông ta là người có cá tính, thế thôi".

Thế nên hẳn lúc đó tôi cho rằng Harvey là một kẻ có cá tính, và tôi thấy thích cái hầm ấm áp, tôi muốn biết cách hẳn đào hầm, theo trình tự nào, và

hắn đã học được ở đâu.

Nhưng ba ngày sau đó, lúc con chó của gia đình Gilbert tìm thấy rồi tha về mẫu xương khủy tay của tôi, còn dính cả vỏ bắp ngô tổ giác, thì Harvey đã lấp hầm rồi. Suốt quãng thời gian đó tôi đang trên đường quá cảnh. Tôi hụt không được mục kích cảnh hắn cuống cuống rút những thanh gỗ gia cố, thu vén mọi tang vật cho vào một bao tải cùng với những bộ phận cơ thể tôi, chỉ bỏ sót có mẫu xương khủy tay kia. Đến lúc tôi tom góp đủ các mảnh thi thể cần nhất để làm được việc quan sát mọi chuyện diễn ra ở dương thế thì mọi tâm tư tôi hướng cả về gia đình mình, không còn đầu óc để ý đến gì khác nữa.

Mẹ tôi ngồi trên cái ghế gỗ trước cửa ra vào, miệng há hốc. Sắc mặt bà vốn nhợt nhạt giờ xanh xao hơn bao giờ hết. Đôi mắt xanh thẳm của bà mở trừng trừng. Còn bố tôi bị lôi vào những bận bịu tí mù. Ông đòi được biết mọi chi tiết, muốn cùng đi với cảnh sát đào xới cánh đồng ngô. Đến nay tôi vẫn cảm ơn Chúa đã gửi đến viên thanh tra vóc người nhỏ nhắn tên Len Fenerman. Ông ta cử hai viên cảnh sát mặc sắc phục đi với bố tôi ra phố, để ông chỉ mọi chỗ tôi hay tụ tập với chúng bạn. Suốt ngày đầu họ kèm bố tôi đi khắp một khu thương xá. Không ai kể cho Lindsey, lúc đó đã mười ba tuổi và đủ khôn lớn, hay cho Buckley, mới lên bốn và dĩ nhiên chẳng hiểu gì lắm.

Harvey hỏi tôi có muốn giải khát không. Hắn nói thế đấy. Tôi bảo tôi phải về nhà ngay.

"Ngoan nào, uống Coca Cola đi," hắn nói. "Chú chắc chắn những đứa khác hẳn bảo là uống ngay thôi."

"Mấy đứa nào khác cơ?"

"Chú làm cái hầm này cho bọn trẻ quanh đây, cháu ạ. Chú định làm một loại câu lạc bộ ấy mà."

Tôi không nghĩ rằng lúc đó mình tin lời hăn. Tôi ngờ hăn nói dối, nhưng cho đó là một câu nói dối đáng tội nghiệp. Tôi hình dung hăn cô đơn. Chúng tôi có được đọc về những loại đàn ông tương tự trong giờ Y học - Sinh lý. Những kẻ không lấy vợ, tối về hầm thức ăn đông lạnh đóng gói sẵn, luôn sợ bị hắt hủi đến nỗi thú vật cũng không dám nuôi. Tôi thấy thương hại hăn.

"Thôi được", tôi bảo. "Cháu uống Coca Cola vậy."

Sau hăn hỏi tiếp: "Cháu không thấy nóng sao, Susie? Sao không bỏ áo khoác ra?"

Tôi làm theo.

Hăn mới tiếp: "Cháu xinh lắm, Susie ạ".

"Cám ơn chú," tôi đáp, tuy lúc đó hăn gây cho tôi thứ cảm giác mà tôi với nhỏ bạn Clarissa từng gọi là "sảng hồn sảng vía".

"Cháu có bồ chưa?"

"Chưa ạ". tôi trả lời. Nốc vội chỗ Coca Cola, còn gần đầy chai, rồi bảo, "Cháu phải đi, chú Harvey ạ. Ở đây thích thật, nhưng mà cháu phải đi thôi."

Hăn đứng lên lom khom diễn màn Chàng Gù, ra chỗ có sáu bậc thang

bằng đất nện dẫn ra thế giới bên ngoài. "Chú chẳng hiểu tại sao cháu lại nghĩ sẽ rời khỏi nơi này được."

Tôi nói để khỏi phải nhìn nhận sự thật này: Harvey không phải là một kẻ có cá tính. Giờ đây thấy hắn đứng chặn lối ra, tôi mới thấy ghê sợ kinh tởm hắn.

"Chú Harvey à, cháu phải về nhà thật mà"

"Cởi quần áo ra".

"Sao cơ?"

"Cởi hết quần áo ra," Harvey ra lệnh. "Ta muốn kiểm tra xem mi có còn trinh không?"

"Còn mà, chú Harvey ạ", tôi trả lời.

"Ta phải kiểm tra cho chắc. Bố mẹ mi sẽ cảm ơn ta nữa là khác."

"Bố mẹ cháu à?"

"Họ chỉ muốn có con gái nết na," hắn nói.

"Chú Harvey", tôi van vãn, "làm ơn để cháu đi đi mà."

"Mi chẳng đi đâu cả, Susie. Mi ở trong tay ta rồi."

Thời đó chưa có phong trào luyện tập thể dục, ít ai nghe đến và biết môn

Aerobics, thể dục nhịp điệu là gì. Con gái phải thùy mị dịu dàng, chỉ những đứa bị chúng tôi nghĩ là đồng tính luyện ái mới tham gia môn leo dây ở trường.

Tôi chống cự kịch liệt. Tôi chống trả hết sức để hân không làm hại tôi được nhưng cái gọi là hết-sức-kịch-liệt của tôi cũng chẳng nhằm nhò gì, không đủ vào đâu, thế là tôi nhanh chóng bị vật ngửa xuống đất, hân nằm đè lên người tôi, thở hổn hển, mồ hôi vã như tắm, văng cả kính trong cuộc vật lộn.

Lúc đó tôi còn sống. Tôi thầm nghĩ không có gì trên đời khủng khiếp cho bằng phải chịu nằm ngửa, bị một người đàn ông mồ hôi nhễ nhại nằm đè lên người. Bị giam hãm dưới lòng đất và không một ai biết mình đang ở đâu.

Tôi nghĩ đến mẹ tôi.

Mẹ tôi chắc đang nhìn kim đồng hồ trên lò bếp. Cái lò mới mua và mẹ tôi thích nhất ở chỗ nó có cả đồng hồ. "Nhờ vậy con nấu nướng căn đúng từng phút." Bà nói với bà ngoại, vốn là một bà mẹ không quan tâm gì lắm đến chuyện bếp núc.

Hân là mẹ tôi sốt ruột, nhưng bà bức mình hơn là lo lắng về sự trễ giờ của tôi. Khi bố cho xe vào ga-ra rồi, bà sẽ lảng xãng pha cho ông ly cốc-tai rượu vang Sherry, rồi bảo ông với vẻ bức bối: "Anh biết Trường trung học cơ sở chứ," bà sẽ nói thế. "Hân lại có lẽ Đón xuân." "Abigail à". Bố tôi hân sẽ trả lời, "Làm gì có lẽ Đón xuân giữa mùa tuyết rơi?". Không đạt hiệu quả như ý, hân mẹ tôi sẽ lôi em Buckley vào phòng khách, bảo "Ra mà chơi với bố đi," rồi bà rút vào bếp tợp một ngụm Sherry.

Tên Harvey ấn môi lên môi tôi. Môi hân vều, ướt nhầy, tôi muốn hét to mà



không được vì quá kinh hoàng và kiệt quệ vì chống trả. Có một anh chàng tôi thích đã từng hôn tôi. Tên cậu ta là Ray, người Ấn Độ. Cậu nói pha giọng, da ngăm đen. Ít ai nghĩ rằng tôi lại đi ưa anh chàng này. Clarissa bảo đôi mắt to nhưng hay lim dim của cậu trông "ma quái" làm sao, nhưng cậu tử tế, thông minh, cố ý để cho tôi có bài thi đại số nhưng cứ tình bơ làm như không hay biết gì. Cậu hôn tôi chỗ tử để đồ cá nhân của học sinh, trước hôm phải nộp ảnh cho tập kỷ yếu. Khi phát hành tập kỷ yếu vào cuối hè, tôi thấy cậu điền vào dưới tấm ảnh của mình câu trả lời cho câu hỏi quen thuộc: "Trái tim tôi thuộc về..." hai chữ "Susie Salmon". Tôi đoán là cậu đã toan tính cả rồi. Tôi còn nhớ rằng môi cậu hơi khô ráp.

"Đừng, chú Harvey ạ." Tôi lắp bắp và cứ lập đi lập lại mãi một từ này. Đừng. Và tôi cùng nói mãi câu làm ơn làm phước, đừng. Franny kể cho tôi rằng hầu như ai trước khi chết cũng đề khẩn khoản van xin "hãy làm ơn làm phước."

"Ta thèm mi lắm, Susie ạ", hăn bảo

"Xin chú tha cho," tôi nói. "Đừng mà", tôi lại nói. Có khi tôi gộp cả hai. "Xin tha cho, đừng mà" hay "Đừng mà, xin chú tha cho." Giống như khi ta thử xoay chìa đủ mọi chiều mà ổ khóa cứ trơ trơ, hay khi hô "Bắt được rồi, bắt được rồi, bắt được rồi" mà quả bóng lại vút qua đầu bay về hướng khán đài.

"Xin chú đừng làm thế".

Phát mệt vì nghe tôi lạy van, hăn thọc tay vào túi áo pác-ca của tôi, lôi cái mũ len mẹ đan, vo lại tọng vào miệng tôi. Âm thanh duy nhất tôi còn gây ra được sau đó là tiếng leng keng yếu ớt của mấy cái chuông tí hon.

Đôi môi ướm nhẩy của hăn lướt khắp mặt và cổ tôi, khi thấy hăn luồn tay vào dưới áo thì tôi bật khóc. Tôi bắt đầu rời khỏi thân xác mình, bay lên cự ngụ trong không trung và cõi tĩnh lặng. Tôi khóc và vùng vẫy đến nỗi không còn cảm thấy gì nữa. Hăn xé toạc quần tôi vì không tìm ra dây khóa kéo mẹ tôi đã bỏ công khéo léo may chìm bên hông.

"Quần lót trắng to nhỉ," hăn nói.

Tôi cảm thấy cơ thể mình căng phồng lên. Thấy mình là biển, còn hăn đứng giữa biển mà bài tiết đủ thứ cặn bã. Tôi cảm thấy mọi góc ngách cơ thể mình bị lộn ra lộn vào, như trò xoắn dây đủ kiểu quanh các ngón tay tôi từng chơi với Lindsey để làm em cười vui. Giờ đây, nằm đè lên người tôi, hăn đang dùng tay để tự kích thích.

"Susie! Susie!" Tôi nghe tiếng mẹ gọi. "Đến giờ ăn tối rồi"

Hăn ở trong thân thể tôi. Hăn rền rĩ như lợn ỉ!

"Hôm nay có món đậu đũa với thịt cừu non đấy"

Tôi là cối, còn hăn là chày.

"Em trai con dùng ngón tay quét màu vẽ bức tranh mới đấy, còn mẹ, hôm nay mẹ nướng bánh táo".

Harvey giữ tôi nằm im lìm dưới người hăn, lắng nghe tiếng tim hăn và tiếng tim tôi đập. Nghe nhịp tim tôi giật giật như chú thỏ đang phóng, còn tim hăn đập thành thịch như tiếng búa nện vào vải. Hai cơ thể nằm duỗi dài,

áp vào nhau, và trong lúc đang run bần bật, một ý tưởng ập đến làm tôi bàng hoàng: hắn đã làm chuyện này với tôi và tôi vẫn còn sống. Vậy là xong xuôi. Tôi vẫn còn đang thở. Tôi nghe tiếng tim hắn đập. Tôi ngửi mùi hơi thở của hắn. Đất đen quanh đây có mùi riêng của nó, ẩm ướt bần thui, nơi sâu bọ và côn trùng ngày ngày sinh sống. Giá làm được thì tôi đã gào thét hàng giờ rồi.

Tôi biết hắn sắp giết tôi. Lúc đó tôi chưa ý thức được rằng thực ra tôi đã là một con thú đang hấp hối.

"Sao không dậy đi?" Harvey lăn qua một bên rồi khom dậy hỏi tôi.

Giọng hắn dịu dàng, khuyến dụ, giọng người tình nhân một buổi sáng dậy muộn. Chỉ là gợi ý, không phải mệnh lệnh.

Tôi không nhúc nhích nổi. Tôi không đủ sức ngồi dậy.

Bởi vì tôi không làm theo - có phải chỉ vì tôi không làm theo gợi ý của hắn, có phải chỉ vì thế? - hắn quay người đưa tay mò mắt mặt giá treo trên đầu, nơi hắn để dao cạo và kem cạo râu. Hắn lôi xuống một con dao. Được rút ra khỏi vỏ, con dao như cười với tôi, lưỡi cong tựa khoe miệng nhếch lên nhăn nhở.

Hắn lôi cái mũ ra khỏi miệng tôi.

"Hãy nói rằng mi yêu ta," hắn bảo.

Tôi thều thào nói theo.

Hồi kết cục đảng nào cũng đến.

## CHƯƠNG HAI

KHi mới lên thiên đường tôi tưởng ai cũng thấy những gì mình thấy. Rằng trong thiên đường của mỗi người có những cột gôn bóng đá phía xa xa, có những nữ lực sĩ ném tạ phóng lao đi đứng ì ạch. Rằng mọi tòa nhà đều giống những ngôi trường trung học xây vào những năm 1960 ở ngoại ô Đông Bắc. Những tòa nhà này to và thấp bè, nằm rải rác trên những lô đất có rải sỏi cát, quy hoạch rập khuôn đơn điệu, có hiên và những kiến trúc mở ra ngoài cho ra vẻ tân kỳ. Tôi chuộng những tòa nhà màu cam hay xanh ngọc lam, giống trường trung học ở Fairfax. Lúc còn ở dương thế thỉnh thoảng tôi xin bố chở xe chạy qua trường này để tưởng như mình được đi học ở đây.

Học xong lớp bảy, tám và chín của trung học cơ sở rồi thì trường cấp hai sẽ là khởi đầu của một giai đoạn mới. Bao giờ vào trường Fairfax tôi sẽ đòi mọi người gọi đúng tên mình là Suzanne, chứ không phải là Susie. Mái tóc tôi hoặc sẽ cắt đuôi theo một bậc thang hoặc được búi lên cao. Tôi sẽ có thân hình khiến bọn con trai ngày đêm mơ tưởng, làm bọn con gái ghen tị, không những thế tôi sẽ dễ mến đến độ bọn chúng tự thấy có lỗi nếu không tôn vinh tôi. Tôi hay hình dung rằng mình - một khi đã được xem như bà hoàng - sẽ ra tay che chở mấy đứa bị gạt ra rìa trong quán giải khát của trường. Kẻ nào đem thằng Clive Saunders ra chế nhạo vì có tướng đi như con gái thì tôi sẽ báo thù cho nó ngay bằng một cú đá vào những bộ phận ít được che chở nhất của tay đó. Hể bọn con trai trêu chọc Phoebe Hart vì bộ ngực quá nảy nở của cô nàng thì tôi sẽ thuyết giảng một bài học cho chúng hiểu tại sao loại chuyện chế giễu ngực con gái chẳng có gì đáng cười cả. Bản thân tôi cũng phải quên đi rằng chính tôi, mỗi khi Phoebe đi ngang qua, từng ghi vào bên lề vở của mình một hàng những tên nhạo đại loại: Winnebagos, Hoo-has, Johnny Yellow (1). Dứt cơn mơ, tôi thấy mình ngồi băng sau trên chiếc xe bố đang lái. Riêng tôi chẳng có gì đáng chê trách.

Hoặc, tôi sẽ học xong hết chương trình trung học trong vòng vài ngày chứ không phải vài năm, hoặc, không thể giải thích nổi tại sao, tôi sẽ đoạt giải Oscar diễn viên xuất sắc ngay từ năm học đầu.

Đó là những mơ tưởng của tôi ngày còn ở dương thế.

Sau vài ngày sống ở thiên đường tôi chợt hiểu ra rằng những nữ lực sĩ ném tạ, phóng lao và những tay chơi bóng rổ trên sân nhựa khô rộp kia đều sống trong thiên đường mỗi người tự hình dung. Thiên đường của họ giống thiên đường của tôi, không hẳn là sao nguyên bản, nhưng rất nhiều sự kiện diễn ra không khác gì với ở đây.

Tôi ở đến ngày thứ ba thì gặp Holly, cô bạn cùng nhà. Cô nàng ngồi trên ghế xích-đu. (Tôi không hề thắc mắc sao ở trường học lại có ghế xích đu. Thế mới là thiên đường chứ! Không phải thứ ghế phẳng lì - ở đây chỉ có loại ghế bằng nhựa đen cứng, mặt ghế trũng ôm sát người bạn, lại có thể nhún nhún vài cái lấy đà trước khi đu). Holly đang ngồi đọc quyển sách in ký tự lạ lẫm làm tôi liên tưởng đến món cơm chiên với thịt heo bố vẫn mua về từ quán Hop Fat Kitchen. Buckley rất thích cái tên này nên cứ hét toáng lên "Hop Fat". Bây giờ tôi biết tiếng Việt rồi, biết cả chuyện ông Herman Jade, chủ quán Hop Fat không phải người Việt Nam, cả Herman Jade cũng không phải tên thật mà là tên ông lấy khi đi từ Trung Quốc đến Hoa Kỳ. Holly đã cho tôi biết những điều này.

"Chào bạn", tôi nói. "Tớ tên là Susie."

Sau này cô nàng mới kể cho tôi nghe là đã chọn tên Holly từ phim Điểm tâm trước cửa hiệu Tiffany (2). Nhưng hôm đó cô nàng chỉ buột miệng xưng tên vậy thôi.

"Còn tớ là Holly," cô nàng đáp lại. Bởi không ai muốn nghe ra mình phát âm với giọng lạ trong thiên đường của mình nên cô nàng nói không mang tí giọng lạ nào.

Tôi nhìn chăm chăm vào mái tóc đen của cô nàng. Ông ả như vẫn thấy quảng cáo trên các báo ảnh. "Bạn ở đây bao lâu rồi?" tôi hỏi.

"Ba ngày."

"Tớ cũng thế."

Tôi ngồi xuống ghế đu cạnh cô nàng, xoay người nhiều vòng để dây treo cuộn xoắn lại. Rồi buông ra cho ghế bung ngược mãi cho đến lúc tôi chặn lại.

"Bạn có thích ở đây không?" cô nàng hỏi.

"Không".

"Tớ cũng thế."

Chúng tôi quen nhau như thế đấy.

Trên thiên đàng của mình, mọi ước nguyện bình thường nhất của chúng tôi đều được thỏa mãn. Trong trường chẳng có thầy cô nào cả. Chúng tôi không bị bắt buộc phải vào lớp, trừ giờ nghệ thuật cho tôi, còn Holly tập dượt với ban nhạc Jazz. Bọn con trai không chơi trò véo mông trộm hay lớn tiếng chê chúng tôi hôi. Sách học toàn loại tạp chí Tuổi mười bảy, Thế giới

hoa lệ và Thời trang.

Thiên đường của chúng tôi rộng thêm ra theo mỗi quan hệ phát triển. Chúng tôi có nhiều ước nguyện giống nhau.

Franny, bà cố vấn của tôi ngày tôi mới đến, trở thành người hướng dẫn cho cả bọn. Franny, đã ngoại tứ tuần, đáng tuổi mẹ chúng tôi. Mất một thời gian Holly và tôi mới hiểu rằng điều chúng tôi muốn là: có mẹ.

Trong thiên đường của bà, Franny chuyên phục vụ người khác, bà thấy được tưởng thưởng khi thấy hiệu quả việc mình làm, thấy mọi người cảm kích. Ở hạ giới bà là trợ tá xã hội, chăm lo những người nghèo khó, không cửa không nhà. Bà làm việc cho nhà thờ Thánh Mary, phân phát phần ăn dành riêng cho đàn bà và trẻ em, bà quản mọi việc từ trả lời điện thoại cho đến diệt gián bằng cách dùng cạnh bàn tay chặt theo kiểu Ka-ra-tê. Bà bị một tay đàn ông đi lòng tìm vợ mình bắn trúng mắt.

Sang ngày thứ năm bà Franny ghé thăm Holly và tôi. Bà đưa hai ly giấy đựng nước pha chanh bột hiệu Kool-Aid cho chúng tôi uống. "Cô đến xem các cháu cần giúp gì không." bà bảo.

Tôi nhìn sâu vào đôi mắt xanh nhỏ viền nhiều nếp nhăn do hay cười, thú nhận. "Chúng cháu thấy ở đây chán quá."

Holly đang cố thè lưỡi thật dài để xem đã chuyển sang màu xanh lục chưa.

"Thế các cháu muốn gì nào?"

"Cháu cũng chẳng biết nữa," tôi đáp



"Cái chính là các cháu phải ước muốn, và nếu các cháu thực sự khao khát, đồng thời hiểu - phải hiểu thật rõ cơ - tại sao mình mong muốn điều đó, thì nó sẽ tới thôi."

Nghe thật đơn giản mà quả đúng thế thật. Holly và tôi cùng ở trong ngôi nhà gồm hai căn ghép lại là từ dịp đó.

Tôi không ưa ngôi nhà xây kiểu lệch tầng của gia đình mình lúc còn ở dương thế. Tôi ghét cả tủ lắn bàn ghế trang trí nội thất cũng như cách xây cất khiến nhà này nhìn chỗ sang nhà bên cạnh, lại chỗ sang nhà kế tiếp, lại nhà kế tiếp nữa, cứ thế - như một âm thanh cứ thế vang vọng lan khắp quả đồi. Ngôi nhà hai căn của chúng tôi nhìn ra một công viên, cách một quãng, đủ gần để chúng tôi biết mình không lẻ loi, nhưng cũng không quá gần để nhìn thấy cả đèn nhà người khác.

Cuối cùng, tôi bắt đầu mong ước nhiều hơn. Chính tôi cũng thấy lạ là sao mình quá đổi khao khát muốn biết những gì chưa kịp biết ngày còn ở dương gian. Tôi muốn được trưởng thành.

"Con người ta trưởng thành được là nhờ sống," tôi bảo bà Franny. "Cháu muốn được sống."

"Chuyện này vô phương," bà đáp ngay.

"Thế ít ra chúng cháu phải được phép nhìn người ta sống chứ?" Holly hỏi.

"Thì các cháu vẫn làm đấy thôi," bà bảo.

"Cháu nghĩ ý bạn Holly muốn nói là toàn bộ cuộc đời cơ," tôi bảo, "từ đầu đến cuối, nhìn xem họ sống như thế nào. Biết được những bí mật. Có như thế chúng cháu mới làm hay hơn chứ."

"Các cháu không bao giờ có dịp thử nghiệm nữa đâu," Franny xác định rõ.

"Cám ơn Trung tâm Cố vấn," tôi nói, nhưng thiên đường của chúng tôi bắt đầu mở rộng.

Trường trung học, kiến trúc kiểu ở Fairfax, vẫn tọa lạc ở đó, nhưng bây giờ có nhiều con đường dẫn ra ngoài thành phố.

"Cứ theo những con đường đó mà đi." Franny bảo thế, "rồi các cháu sẽ tìm thấy những gì mình cần."

Thế là tôi với Holly lên đường. Thiên đường của chúng tôi có một tiệm kem, ở đó nếu bạn hỏi mua kem que bạc hà sẽ không ai trả lời "Mùa này làm gì có"; ở đó có một nhật báo hay in ảnh chúng tôi, làm chúng tôi thấy mình quan trọng hẳn lên; có in cả hình những người đàn ông đẹp trai và phụ nữ xinh tươi nữa, vì Holly với tôi thích xem tạp chí thời trang. Thành thạo Holly tỏ ra lơ đãng, lúc khác cô nàng lại bỏ đi những đâu tôi tìm không thấy. Đây là lúc cô nàng đi đến vùng nào đó của thiên đường mà tôi không được biết. Lúc đó tôi thấy nhớ cô nàng, nhớ mà thấy khó chịu bất an bởi vì lúc bấy giờ tôi đã hiểu ý nghĩa của chữ vĩnh viễn.

Điều tôi mong mỗi nhất thì lại không đạt được: rằng tên Harvey phải chết, còn tôi được tiếp tục sống. Thiên đường chưa hoàn mỹ ở chỗ đó. Nhưng dần dần tôi tin rằng nếu chú tâm theo dõi và thiết tha mong ước thì mình có thể tác động lên cuộc sống của những người thân yêu ở trần thế.

Bố tôi là người nhận điện thoại vào ngày 9 tháng Chạp. Đó là điểm khởi đầu của hồi kết. Ông cho cảnh sát biết nhóm máu của tôi, rồi tả mức độ sẫm nhạt của nước da tôi. Họ hỏi ông ngoài ra còn đặc điểm nào nữa cho phép nhận dạng tôi. Bố tả kỹ gương mặt tôi, sa đà vào những chi tiết dông dài. Thanh tra Fenerman cứ để ông nói, không ngắt lời, vì cái tin phải báo quá khủng khiếp. Cuối cùng ông Fenerman cũng phải nói: "Ông Salmon ạ, chúng tôi chỉ mới tìm ra một phần cơ thể."

Đang đứng trong nhà bếp, bố thốt rằng mình buồn nôn. Biết báo tin này cho Abigail, vợ ông, thế nào đây?

"Vậy ông đâu thể khẳng định là cháu đã chết được?" ông vặn lại.

"Trên đời này chẳng có gì là chắc chắn cả," thanh tra Len Fenerman đáp.

Đó cũng là câu bố nói với mẹ: "Trên đời chẳng có gì là chắc chắn cả."

Ba đêm liền ông không biết nên cư xử thế nào, nên nói gì với mẹ tôi. Trước nay hai người chưa hề bị suy sụp cùng một lúc. Thường thì người này cần người kia vực đỡ, lúc đó bám lấy, mượn một phần sức lực của người vững vàng hơn, chứ chưa bao giờ cả hai cùng cần lẫn nhau. Với lại, họ chưa bao giờ phải hiểu nghĩa của từ kinh hoàng như bây giờ.

"Trên đời này chẳng có gì là chắc chắn cả," mẹ tôi lặp lại, bám víu vào đó, đúng như ý bố tôi mong muốn.

Mẹ tôi là người duy nhất hiểu ý nghĩa từng cái hình khoen móc ở vòng đeo tay của tôi - bà nhớ hai mẹ con đã mua ở đâu và vì sao tôi thích. Bà liệt kê tỉ mỉ những gì tôi mang theo và mặc trên người. Nếu tìm được các món đồ ấy ở vệ đường một nơi xa đây hăng dăm, những manh mối này có thể khiến cảnh sát sở tại liên hệ đến trường hợp tử nạn của tôi.

Trong tâm tưởng, tôi bỗng bồng bềnh trôi giữa niềm vui ngọt ngào mà cay đắng, khi thấy mẹ tôi kể tên các thứ tôi ưa thích và mang trên người, và mỗi hy vọng viễn vông của bà rằng chúng sẽ làm nên chuyện. Rằng ở đâu đó có người nhặt được cục tẩy hình nhân vật trong truyện tranh hay cái phù hiệu có ảnh ca sĩ nhạc rock rồi báo cho cảnh sát.

Sau cú điện thoại của thanh tra Len, bố tôi đưa tay cho mẹ nắm và cả hai ngồi ngây trên giường, mắt nhìn sững trước mặt. Mẹ tôi mê mụ cả người, bám vào việc liệt kê mấy món đồ nợ, còn bố tôi có cảm tưởng ông bước vào một con đường hầm tối đen. Vào một lúc nào đó, trời đổ mưa. Tôi cảm thấy cả bố lẫn mẹ có cùng ý nghĩ nhưng không ai nói ra, rằng tôi đang ở đâu đó ngoài kia, mà trời lại đang mưa. Rằng họ mong tôi được yên lành, đang trú thân ở một nơi nào khô ráo, ấm cúng.

Không ai biết mình hay người kia đã thiếp đi trước, xương cốt ê ẩm vì kiệt sức, họ trôi vào cơn ngủ mê rồi chợt bừng mắt thức cùng lúc, thấy như mình làm điều gì không phải. Trận mưa - đã biến chuyển nhiều lượt tùy nhiệt độ xuống thấp đến mức nào - giờ thành mưa đá, chính tiếng đá rơi xuống mái nhà đã đánh thức họ dậy cùng lúc.

Bố mẹ tôi không nói gì. Hai người nhìn nhau trong quầng sáng mờ nhạt của ngọn đèn chưa tắt ở góc phòng đối diện. Mẹ tôi bật khóc, bố ôm mẹ, lấy hai đầu ngón tay cái gạt những giọt nước mắt lăn trên má và dịu dàng hôn lên mắt mẹ.

Lúc bố mẹ an ủi vỗ về nhau tôi quay đi, dỗi nhìn vào cánh đồng ngô, xem còn sót thứ gì mà cảnh sát có thể tìm thấy vào sáng hôm sau không. Mưa đá

làm thân ngô trữu xuống, cũng như đã xua mọi loài sinh vật chui hết cả vào hang. Dưới mặt đất không sâu lắm là hang của mấy chú thỏ rừng mà tôi rất thích, chúng ăn rau và hoa chung quanh đó, thỉnh thoảng vô tình lòi về hang cả thuốc bả độc. Thế rồi, dưới mặt đất này, khá xa nơi một ông hay bà nào đấy đã rải mồi trộn bả độc khắp vườn mình, có cả một gia đình nhà thỏ nằm chết co quắp, không còn một mống.

Buổi sáng ngày mồng mười bố tôi đem chai rượu Scotch ra dốc sạch vào bồn rửa bát. Lindsey hỏi ông nguyên do.

"Bố sợ để đó bố lại uống nữa," ông bảo.

"Hôm qua ai gọi điện vậy bố?" em tôi hỏi.

"Điện thoại của ai đâu?"

"Con nghe bố nói gì đó, như mấy lần kể về cách chị Susie cười. Về các vì sao trên trời nổ tung đấy."

"Bố có nói vậy à?"

"Thôi bố đừng vờ nữa. Phải cảnh sát không?"

"Muốn bố nói thật không?"

"Muốn, bố đừng giấu con." Lindsey đồng ý.

"Họ tìm được một mảnh thân thể. Có thể là của Susie."

Em như bị đâm vào dạ dày. "Bố nói sao?"

"Chẳng có gì là chắc chắn cả," bố tìm cách trấn an.

Lindsey ngồi xuống chỗ bàn ăn. "Con buồn nôn quá," em bảo.

"Con làm sao thế?"

"Bố, con muốn bố cho biết đó là cái gì. Mảnh cơ thể nào mới được chú, xong thì con sẽ phải nôn đây."

Bố lấy cái thau sắt to, đem lại bàn đặt cạnh Lindsey trước khi ngồi xuống.

"Con nghe đây," em bảo. "Bố cứ nói."

"Đó là mẫu xương khuỷu tay. Con chó nhà Gilbert tìm được."

Ông nắm tay em và thế là, như đã bảo trước, em nôn thốc nôn tháo vào cái thau sáng loáng ánh bạc.

Quãng gần trưa trời quang dần; cảnh sát chằng dây quây một khu của cánh đồng ngô cách nhà tôi không xa và bắt đầu tìm kiếm. Nước mưa, nước của tuyết tan, tuyết trắng còn đọng và mưa đá hòa trộn làm đất nhão nhoét; tuy thế có một chỗ rõ ràng đất mới bị xới đào lên. Họ bắt đầu đào ngay tại đó.

Sau này phòng thí nghiệm khẳng định là ở một số chỗ đất thấm đẫm máu của tôi, nhưng hôm ấy cảnh sát càng lúc càng nản lòng vì cứ phải vất vả đào xới đất bùn trong giá lạnh tìm thi thể một cô gái.

Dọc biên sân bóng đá có vài người hàng xóm đứng cách vùng chôn của cảnh sát một quãng, họ thắc mắc về mấy người đàn ông khoác áo pác-ca

màu xanh dày cộm dùng xẻng với cào mà cứ như đang cầm dụng cụ y khoa vậy.

Bố mẹ tôi ở nhà. Lindsey rút lên phòng riêng. Em Buckley mấy ngày nay ở chơi bên nhà bạn nó tên Nate ở gần đây. Gia đình Nate bảo em rằng tôi đến chơi nhà Clarissa và ngủ lại đó vài hôm.

Tôi biết thi thể mình hiện ở đâu nhưng không thể nói cho mọi người biết được. Tôi quan sát và chờ xem họ sẽ thấy được gì. Thế rồi, như một tiếng sét ngang tai, khi đã xế trưa, một viên cảnh sát giơ cao nắm tay bám đầy đất, hô hoán lên.

"Lại đây xem này!" ông ta kêu toáng, thế là đám cảnh sát kia chạy bu ngay lại.

Hàng xóm đã bỏ về hết chỉ còn bà Stead. Sau khi hội ý với cả toán quay quanh viên cảnh sát đã tìm ra tang vật, thanh tra Fenerman rẽ nhóm người trang phục màu tối sập đó đến chỗ bà đứng.

"Bà Stead phải không ạ?" ông nói từ bên này sợi dây băng chặn ngăn hai người.

"Vâng."

"Bà có cháu nào đi học trường này không?"

"Có."

"Vậy mời bà đi với tôi, được chứ?"

Một viên cảnh sát trẻ hướng dẫn bà chui dưới dây chặn, bước trên cánh đồng ngô gập ghềnh, đất bị xới tung, đến chỗ nhóm kia đang đứng.

"Bà Stead ạ," Len Fenerman nói, "chắc bà nhận ra ngay chứ?" Ông giơ cao quyển *Giết con chim nhại* (1) loại bìa mềm. "Đây là sách cho họ trò đọc phải không bà?"

"Vâng", bà đáp gọn, mặt tái nhợt đi.

"Có phiền bà không nếu tôi hỏi bà..." ông lựa lời.

"Lớp chín", bà đáp, nhìn thẳng vào đôi mắt xanh màu đá phiến của Len Fenerman. "Lớp của Susie." Bà là chuyên viên trị liệu tâm lý, tự tin vào khả năng mình dù nghe những chuyện não lòng vẫn phải giữ được đầu óc sáng suốt để phân tích mọi chi tiết rối rắm trong cuộc đời các bệnh nhân, thế mà bà đột nhiên thấy mình phải tựa vào cậu cảnh sát trẻ dẫn bà vào đây mới đứng vững nổi. Tôi đọc được cả tâm trạng bà đang hối tiếc, giá lúc này bà cũng đi về như mọi người, ước gì lúc này bà đang ngồi với chồng trong phòng khách hoặc ra vườn sau với cậu con trai.

"Thầy cô nào dạy lớp này?"

"Bà Dewitt", bà Stead trả lời. "Bọn trẻ học xong *Othello* (2) rồi thấy đọc quyển sách này đầu óc thư giãn hẳn."

"*Othello*?"

"Vâng." bà nói, những gì bà biết về nhà trường đột nhiên trở thành tối quan trọng, nhất là lúc này - cả toán cảnh sát lắng tai nghe. "Bà Dewitt hay cho đọc xen kẽ, trước kỳ nghỉ Giáng sinh bà quần học trò một trận với kịch Shakespeare. Xong, bà cho đọc Harper Lee để tưởng thưởng. Nếu Susie mang quyển *Giết con chim nhại* trong cặp, có nghĩa là cháu đã nộp bài luận về *Othello* rồi."



Các chi tiết này sau đó kiểm lại thấy đúng cả.

Cảnh sát gọi điện thoại. Tôi nhìn vòng tròn cứ rộng dần ra. Bà Dewitt còn giữ bài luận tôi nộp. Cuối cùng bà gửi lại bài luận, chưa ghi lời phê nào, cho bố mẹ tôi qua đường bưu điện. "Tôi nghĩ hẳn ông bà muốn cất giữ bài viết này," bà Dewitt viết trên tờ giấy đính kèm. "Xin thành thực chia buồn." Lindsey thừa hưởng bài luận văn này vì đọc nó mẹ tôi thấy đau lòng. Tôi đề tựa là "Kẻ bị khai trừ: một người đàn ông cô độc." Chính Lindsey đã gợi ý đặt tựa "Kẻ bị khai trừ," phần sau do tôi nghĩ ra. Em tôi bấm ba lỗ dọc theo lề rồi kẹp từng trang giấy viết tay nắn nót ấy vào một cuốn vở còn trống. Em cất vào tủ, để phía dưới ngăn đựng các búp-bê hiệu Barbie, cái hộp đựng búp-bê hiệu Raggedy tên Ann với Andy được giữ mới tinh tươm từng làm tôi phát thèm.

Thanh tra Fenerman gọi điện cho bố mẹ tôi. Cảnh sát tìm thấy một quyển sách giáo khoa mà họ nghĩ rằng cô giáo trao cho tôi vào ngày cuối cùng đó.

"Nhưng vẫn có thể là sách của ai khác," bố nói với mẹ, khi hai người bắt đầu một đêm trần trọc không chớp mắt nổi. "Hoặc giả Susie đánh rơi dọc đường."

Chứng cứ ngày càng chồng chất, nhưng bố mẹ tôi không chịu tin.

Hai hôm sau, ngày mười hai tháng Chạp, cảnh sát tìm thấy mấy trang tôi ghi chép trong tiết học của thầy Botte. Mấy con thú đã tha quyển vở ra khỏi chỗ vùi giấu ban đầu - đất bám trên giấy không giống đất quanh chỗ tìm ra - và vì một con mèo leo lên cây vọc phá tổ quạ nên người ta nhặt được trang giấy kẻ ô ly dùng vẽ đồ thị có mấy hàng viết tháu của tôi, ghi về các lý thuyết tôi chẳng hiểu gì cả nhưng vẫn chăm chỉ chép. Các mảnh giấy vụn nằm lẫn với lá và cành cây. Cảnh sát tách mấy miếng giấy kẻ ô ly ra khỏi vài mảnh giấy dài loại khác, mỏng hơn và hơi khô giòn, không kẻ hàng.

Cô gái ở ngôi nhà có cây nọ nhận ra được nét chữ. Không phải nét chữ của tôi mà của anh chàng phải lòng tôi: Ray Singh. Ray viết mấy câu tỏ tình trên tờ giấy loại đặc biệt làm từ bột gạo của bà mẹ, tờ mà hình như tôi chưa kịp đọc. Cậu đã nhét nó vào vở tôi trong tiết học vào ngày thứ tư ở phòng thí nghiệm. Chữ viết của cậu dễ nhận ra. Khi đến nơi, cảnh sát phải tìm cách chấp các mẫu giấy vụn từ quyển vở sinh vật học của tôi và tờ thư tình của Ray Singh.

"Ray không được khỏe lắm," bà mẹ trả lời khi điều tra viên đến nhà, yêu cầu được nói chuyện với Ray. Nhưng qua bà họ cũng thu thập được những gì cần biết. Ray gật đầu xác nhận khi bà lặp lại những câu hỏi của viên cảnh sát cho cậu. Đúng, cậu có viết thư tình cho Susie Salmon. Đúng, cậu có nhét vào quyển vở của Susie sau khi thầy Botte bảo Susie đi thu bài kiểm tra đột xuất thầy vừa ra cho cả lớp. Đúng thế, cậu tự gọi mình là gã người Moor (3).

Ray Singh trở thành nghi phạm số một.

"Cậu bé dễ thương đó ư?" mẹ tôi nói với bố.

"Ray Singh là người tử tế mà," em gái tôi nói, giọng bình thản, lúc ăn tối hôm đó.

Tôi quan sát cả nhà, biết họ hiểu rằng Ray Singh không thể là thủ phạm được.

Cảnh sát ập đến nhà cậu, gây áp lực nặng nề, ám chỉ bóng gió khi lục vấn. Họ phấn khích vì nhìn màu da sẫm của Ray nghĩ ngay cậu là hung thủ, nhìn cung cách của cậu mà điên tiết, rồi còn vì thấy bà mẹ đẹp một cách lạ lẫm, lạnh lùng xa cách. Nhưng Ray có bằng chứng ngoại phạm. Cả một loạt quốc gia có thể làm chứng cho cậu. Bố cậu, giảng dạy môn lịch sử hậu

thuộc địa ở đại học Pennyslavia, đã thôi thúc cậu trình bày về kinh nghiệm giới trẻ trong buổi thuyết trình ở Viện Quốc tế đúng ngày tôi lìa đời.

Lúc đầu thì chính việc Ray vắng mặt ở trường đã bị xem là bằng chứng buộc tội, nhưng khi cảnh sát được trao danh sách bốn mươi lăm người đã tai nghe mắt thấy Ray lên phát biểu về đề tài "Các khu vực ngoại vi thành phố: Kinh nghiệm của Hoa Kỳ" thì họ phải thừa nhận cậu vô tội. Mấy cảnh sát đứng ngoài khuôn viên gia đình Singh, vật càn lá ở bờ rào. Sẽ dễ dàng cho họ biết bao nếu câu giải đáp, như có ma thuật, cứ tự động từ một cái cây trên trời rơi xuống. Dù vậy, tin đồn vẫn cứ lan truyền, cố gắng hòa nhập của Ray, chưa tiến xa được mấy, nay bị đổi ngược chiều. Từ đó hể tan trường là cậu đi thẳng một mạch về nhà.

Những chuyện này làm tôi phát điên lên được. Phải mục kích mà không có cách nào hướng cảnh sát đi về phía ngôi nhà màu xanh lá cây ngay sát nhà bố mẹ tôi, nơi tên Harvey đang ngồi gọt chàm cái đầu mái ngôi nhà kiểu gô-tic hần ráp cho búp bê. Hần theo dõi tin tức và rà đọc hết các báo, nhưng hần khoác một vẻ vô tội giống như mặc chiếc áo cũ song thoải mái dễ chịu. Trước đó tâm trí hần hoảng loạn nhưng nay đã bình tĩnh lại rồi.

Tôi cố tìm an ủi nơi còn Holiday, con chó của gia đình tôi. Tôi nhớ nó khác cách tôi cho phép mình nhớ bố mẹ, em gái và em trai tôi. Vì nếu nhớ họ cũng như nhớ con chó là tôi chấp nhận sẽ không bao giờ còn được gần gũi người thân nữa; nghe thì ngớ ngẩn thật nhưng tôi chưa hề tin, và cũng không muốn tin điều đó. Tối đến Holiday nằm trong phòng Lindsey, nó luôn đứng cạnh bố tôi khi ông mở cửa cho người lạ, nó mừng quính mỗi khi được mẹ tôi chia cho vài mẫu những thứ bà lén ăn trong bếp và nó chịu để Buckley nằm đuôi kéo tai lôi đi lòng vòng trong ngôi nhà im ỉm khóa.

Có quá nhiều máu thấm vào đất.

Ngày mười lăm tháng Chạp, trong số những tiếng gõ cửa thường báo hiệu

cho gia đình tôi là phải chuẩn bị tư thế đối phó trước khi mở cửa cho khách lạ - mấy người lảng giềng tử tế lúng túng chia buồn, những tay phóng viên ăn nói vụng về mà nhẩn tâm - có tiếng gõ cửa của người làm cho bố tôi cuối cùng phải tin thật.

Đó là Len Fenerman, người luôn ân cần tử tế với bố, và một cảnh sát viên mang sắc phục.

Họ bước vào, lâu nay họ quen lệ là mẹ tôi muốn họ cần bảo gì thì vào thẳng phòng khách, để hai đứa em tôi trên gác không nghe lỏm được.

"Chúng tôi có tìm được một món đồ và nghĩ là của Susie," Len nói. Len rất ý tứ. Tôi thấy ông đang cân nhắc từng lời. Ông để ý lựa lời để bố mẹ tôi đừng lập tức nghĩ ngay rằng cảnh sát đã tìm thấy xác tôi, rằng lần này chắc chắn tôi đã chết thật rồi.

"Món đồ gì?" mẹ tôi sốt ruột hỏi. Bà khoanh tay lại, gắng nghe kể thêm một chi tiết với bà là vợ vẫn nhưng với mấy người kia thì đầy ý nghĩa. Bà như một bức tường. Tập vợ với sách truyện chẳng nói với bà được điều gì. Con gái bà có thể vẫn còn sống, cho dù cụt một cánh tay. Máu me nhiều là máu me nhiều. Không phải là xác người. Jack, chồng bà nói thế và bà cũng tin vậy; trên đời này chẳng có gì là chắc chắn cả.

Nhưng khi họ giơ lên bao tang vật đựng cái mũ của tôi, có gì đó vỡ vụn trong lòng bà. Bức tường mỏng manh bằng pha lê chỉ từng che chở trái tim bà - chẳng hiểu sao làm cho bà tê liệt, đến mất cả lòng tin - bỗng vỡ tan tành.

"Cái ngu len," Lindsey kêu lên. Em từ nhà bếp lên vào phòng khách. Không ai ngoài tôi nhìn thấy em vào phòng.

Mẹ tôi kêu hộc lên một tiếng, tay chơi với, nghe như tiếng kim loại cọ xát,

như khi một người máy hực lên vài âm cuối trước khi động cơ tắt hẳn.

"Chúng tôi đã cho phân chất sợi bông," Len nói. "Rất có thể là kẻ dụ dỗ cháu đã sử dụng nó khi phạm tội ác."

"Sao cơ?" bố hỏi. Ông thấy mình bất lực. Người ta giải thích mà ông chẳng hiểu ất giáp gì.

"Để cháu không kêu lên được."

"Cái gì?"

"Cái ngù dầm nước bọt của cháu," viên cảnh sát mang sắc phục này giờ vẫn yên lặng, tự động xen vào. "Hắn đã dùng nó bịt miệng cháu bé."

Mẹ tôi giật nó khỏi tay ông Len Fenerman, những cái chuông tí hon bà khâu vào ngù kêu leng keng khi nó rơi xuống đầu gối bà. Bà gục trên cái mũ đã đan cho tôi.

Tôi thấy Lindsey đứng chờ ở cửa. Em không nhìn ra bố mẹ nữa; em không còn nhận ra bất cứ gì nữa.

Bố tiễn ông Len Fenerman, con người đầy thiện chí, và viên cảnh sát mặc sắc phục ra cửa trước.

"Ông Salmon ạ," Len Fenerman nói, "trên cơ sở lượng máu tìm được, và sự bạo tàn tôi ước đoán được qua đó, cũng như dựa trên những chứng cứ khác mà chúng ta đã trao đổi, bây giờ chúng tôi phải tiến hành vụ này với giả thiết là con gái ông đã bị giết hại thật rồi."

Lindsey nghe lỏm được điều em đã biết từ năm ngày trước, khi bố kể về

mẫu xương khủy tay. Mẹ tôi bắt đầu khóc rầm rức.

"Kể từ này chúng tôi sẽ xử lý vụ này như một án mạng," Fenerman nói.

"Nhưng xác cháu vẫn chưa tìm ra mà," bố cố vớt vát.

"Mọi tang chứng đều cho thấy con gái ông đã chết thật rồi. Tôi xin thành thực chia buồn."

Viên cảnh sát mang sắc phục cứ nhìn chệch sang bên phải, tránh ánh mắt van lơn của bố tôi. Tôi tự hỏi phải chăng họ đã học ở trường nghiệp vụ cách phản ứng như thế. Còn ông Len Fenerman nhìn thẳng vào mắt bố tôi. "Tôi sẽ ghé lại lần nữa trong ngày," ông bảo.

Lúc quay vào phòng khách, bố tôi suy sụp đến nỗi không thể chìa tay cho mẹ tôi đang ngồi trên thảm hay cho em tôi đang đứng chết trân bên cạnh. Ông lên lầu, nhớ rằng có Holiday nằm trên tấm thảm trong phòng làm việc. Hồi nãy ông thấy nó nằm đó. Tí nữa đây, vùi mặt vào bộ lông dày quanh cổ nó, bố mới bật ra tiếng khóc.

Buổi trưa hôm ấy cả ba người đều rón rén đi lại, cố giữ im lặng, như sợ rằng tiếng bước chân sẽ xác nhận những tin mới kia. Bà mẹ cu Nate gõ cửa để giao trả Buckley. Không ai ra mở cửa. Bà lùi ra vì linh cảm đã có chuyện gì đấy xảy ra trong ngôi nhà này, tuy nó giống y những nhà bên cạnh. Bà trở thành đồng lõa với em trai tôi, khi bảo sẽ dắt nó ra hiệu kem cho ăn đến kỳ chán mới thôi.

Cuối cùng, lúc bốn giờ, mẹ và bố tôi cùng đứng trong căn phòng dưới nhà. Mỗi người vào bằng một cửa khác.

Mẹ tôi nhìn bố: "Bà ngoại", bà bảo, và ông gật đầu. Ông quay số gọi cho bà ngoại Lynn, người duy nhất còn sống trong các ông bà của chúng tôi.

Tôi hơi lo cho em gái, sợ bị bỏ một mình nó sẽ làm chuyện dại dột. Em ở trong phòng riêng, ngồi trên cái trường kỷ cũ bố mẹ tôi đã thải, đang tập cho mình cứng cáp vững vàng hơn. Hít sâu vào rồi nín giữ hơi. Cố ngồi yên lần sau lâu hơn lần trước. Thu mình nhỏ lại như hòn đá. Quấn những ven rìa của bạn lại rồi gập chúng xuống mặt dưới để không ai thấy được.

Mẹ tôi bảo để tùy em chọn ở nhà hay vẫn đi học cho tới Giáng sinh - cũng chỉ còn một tuần nữa thôi - nhưng Lindsey chọn đi học.

Sáng thứ Hai, cả lớp chăm chăm nhìn khi thấy Lindsey bước vào phòng học.

"Ông hiệu trưởng muốn gặp em đấy, cưng ạ," bà Dewitt hạ giọng nói với em.

Lúc bà Dewitt nói em tôi không nhìn bà. Em đang luyện để hoàn thiện nghệ thuật vừa giao tiếp vừa nhìn xuyên suốt người đối thoại với mình. Đó là dấu hiệu đầu tiên bảo cho tôi biết rằng sắp có chuyện đến nơi. Bà Dewitt cũng là giáo sư Anh văn, nhưng quan trọng hơn là chuyện ông Dewitt chồng bà, huấn luyện viên bóng đá cho đám con trai, đã từng khuyến khích Lindsey gia nhập đội bóng. Em tôi quý mến hai ông bà, nhưng sáng hôm đó em quyết định chỉ nhìn thẳng vào mắt những ai em biết có thể phản công chống trả được.

Trong lúc thu gom tập vở, em nghe chung quanh toàn những tiếng xầm xì. Em biết mười mười rằng ngay trước khi em rời phòng, Danny Clarke đã rỉ tai Sylvia Henley điều gì đó. Có ai vừa đánh rơi gì đấy phía cuối phòng học. Em biết chúng cố ý làm thế để nhân lúc cúi lượm rồi quay về chỗ sẽ thì thao trao đổi với nhau về em của cô gái mới chết nọ.

Lindsey đi xuyên suốt dãy phòng học, rẽ phải lách trái dọc hành lang đặt tủ có khóa - né tránh bất cứ ai định sán lại hỏi han. Ước gì tôi được đi sóng đôi bên em, bắt chước điệu bộ của ông hiệu trưởng và cách ông khai mạc những buổi họp toàn trường ở đại sảnh: "Hiệu trưởng của các em là người bạn có nguyên tắc (1)!" Tôi sẽ lải nhải mãi bên tai làm em phải cười sặc lên.

May mắn cho em là đi suốt không gặp ai, nhưng đến văn phòng thì em phải hứng chịu những cái nhìn đầy thương cảm của mấy bà thư ký thích an ủi vỗ về. Không sao. Ở nhà, trong phòng riêng, em đã chuẩn bị sẵn rồi. Em tự trang bị đến tận răng để đương đầu với mọi biểu lộ thiếu tế nhị của lòng trắc ẩn.

"Lindsey à", ông hiệu trưởng Caden nói, "sáng nay thầy mới nhận được điện thoại của cảnh sát. Thầy thành thực chia buồn với em về nỗi mất mát này."

Em nhìn thẳng vào mắt ông. Không phải tia nhìn mà là chùm tia la-de. "Chính xác thì em mất cái gì ạ?"

Ông Caden thấy nên nói thẳng vào những khủng hoảng của bọn trẻ. Ông đi vòng từ phía sau bàn giấy, dắt Lindsey tới băng ghế mà đám học trò đặt cho cái tên Trường kỷ. Mai đây ông sẽ thay nó bằng hai cái ghế dựa, cũng bởi vì khi đi kiểm tra một loạt các trường trong hạt này, các vị chức trách trong giới chính trị gia đã bảo ông: "Không nên để trường kỷ ở đây - mà nên để ghế dựa. Trường kỷ dễ gây hiểu lầm."

Ông Caden ngồi xuống nên em tôi cũng ngồi theo. Tôi thích nghĩ rằng lúc đó, dù bức bối đến mấy, em cũng thấy hơi hộp khi ngồi trên chính cái Trường kỷ nổi tiếng này. Tôi muốn tin rằng không vì tôi mà em mất hết mọi khả năng cảm nhận của mình.



"Thầy cô luôn bên cạnh để giúp các em bằng mọi cách," ông Caden bảo. Ông tỏ hết thiện chí.

"Em đâu có sao ạ."

"Thế em có muốn kể thầy nghe không?"

"Kể gì ạ?" Lindsey hỏi lại. Em đang giở cái giọng mà bố tôi gọi là "xác láo", như khi ông nói "Susie này, không được nói cái giọng xác láo đó với bố nghe chưa."

"Về nỗi mất mát của em đấy," ông nói. Ông vương tay sờ đầu gối em. Bàn tay ông như dầu sắt nung ấn lên da thịt em.

"Em không hề biết là đã đánh mất cái gì ạ," em đáp, rồi lấy hết sức bình sinh, em rà soát khắp người, lộn trái hết các túi quần túi áo ra xem.

Ông Caden không biết phải nói gì. Năm ngoái Vicki Kurtz gục đầu vào lòng ông mà khóc. Tình thế có nan giải thật, đúng vậy, nhưng giờ đây nghĩ lại, ông thấy trong trườn hợp Vicki Kurtz với bà mẹ mới mất, cách ông giải quyết cơn khủng hoảng quả là khéo léo. Ông dìu Vicki Kurtz đến băng ghế - không, không đúng, chính Vicki đi thẳng đến cái băng, ngồi xuống đó - ông vừa nói: "Thầy có lời chia buồn về nỗi mất mát của em" thì Vicki Kurtz òa khóc như quả bóng bơm quá căng bị nổ tung. Ông vỗ về cô bé khóc ròng trong vòng tay mình, và chiều hôm đó ông đưa bộ quần áo cho hiệu giặt hấp tẩy.

Nhưng Lindsey Salmon khác. Cô bé có năng khiếu, là một trong hai mươi học sinh được trường tuyển chọn gửi đi dự hội nghị học sinh năng khiếu toàn bang. Sự cố duy nhất bị ghi trong học bạ là vụ cãi lại giáo sư hồi đầu

năm, không trầm trọng gì lắm, khi cô nàng bị khiển trách đã mang loại tiểu thuyết nhảm nhí - *Sợ bay* (2) - vào lớp.

"Thầy cứ chọc cho nó cười đi," tôi muốn nói cho ông hiệu trưởng biết vô cùng. "Thầy dẫn nó đi xem phim hài của Bộ tứ huynh đệ nhà họ Marx(3), hoặc lừa cho nó ngồi phải chiếc gối phát ra tiếng rầm, hay cho nó thấy cái quần đùi thầy đang mặc có in hình mấy tên quý oắt con đang ăn bánh mì kẹp xúc-xích!" Tôi chỉ nói thôi chứ không thể làm gì khác, khổ nỗi không ai ở dương gian nghe được lời tôi.

Có lần Sở giáo dục của hạt tổ chức thi sát hạch để xem trò nào có năng khiếu, trò nào không. Trước kia tôi hay để cho Lindsey hiểu rằng tôi ghen tị với nó vì tóc nó đẹp, hơn là vì tôi bị xem là "chị ngố" trong hai đứa. Lúc còn bé cả hai mái đầu rậm một màu vàng nhưng lớn lên tóc vàng của tôi rụng dần, thay vào đó là lớp tóc mới màu nâu xỉn như lông chuột. Còn tóc Lindsey không đổi màu, được xem như chuyện hoang đường. Trong gia đình, em là người duy nhất có mái tóc vàng thật sự.

Nhưng một khi được xem là có năng khiếu, cô nàng tự buộc mình làm sao cho xứng đáng với danh hiệu ấy. Cô nàng khóa cửa phòng miệt mài đọc toàn những quyển sách dày cộm. Lúc tôi còn đọc A-lô, Chúa đây phải không ạ? Con là Margaret đây (4), thì cô nàng đọc các tác phẩm mang tựa đề *Kháng cự*, *Nổi loạn*, và *Cái chết của Camus* (5). Có lẽ không hiểu mấy, nhưng đi đâu cô nàng cũng kè kè cặp theo, thế là mọi người - kể cả thầy cô - phải dần dần để cho nó yên.

"Lindsey ạ, thầy muốn nói là ai cũng nhớ tiếc Susie cả," ông Caden nói.

Em không đáp.

"Chị của em rất thông minh," thầy thử lần nữa.

Em trần trối nhìn thầy.

"Từ nay mọi chuyện đổ lên vai em hết." Ông không biết mình đang nói những gì, nhưng thầy thấy em im lặng nên cho rằng mình đã dò đúng hướng. "Bây giờ em là con gái duy nhất họ nhà Salmon."

Vẫn yên lặng.

"Em có biết ai đến tìm thầy sáng nay không?" Ông Caden còn giữ lại cho hồi kết cuộc một cái tin chủ bài mà ông chắc sẽ có tác dụng. "Thầy Dewitt đấy. Thầy ấy dự định lập đội bóng đá nữ," ông Caden kể. "Hình dung sẽ là một đội tập hợp quanh em. Thầy ấy quan sát biết em chơi khá, ngang ngửa bọn con trai, nên nghĩ các trò gái khác sẽ tham gia nếu có em làm đội trưởng. Em thấy sao?"

Trong lòng em thôi trái tim co lại như nắm đấm. "Em thấy thật khó có lòng dạ nào chạy chơi bóng đá trên cái sân cỏ chỉ cách nơi người ta bảo chị em bị giết hại đâu có mười thước."

Tung lưới rồi!

Ông Caden há hốc miệng, nhìn sững Lindsey.

"Còn chuyện gì nữa không ạ?" em hỏi.

"Không, thầy ..." ông Caden lại đưa tay ra. Sợi dây giăng nối vẫn còn đó - ông vẫn còn mong thấy hiểu thêm. "Em phải biết rằng các thầy cô đều đau lòng," ông nói.

"Em phải về lớp thôi ạ, em hụt tiết học đầu mất rồi," em nói.

Lúc đó em làm tôi nhớ lại một nhân vật trong các phim Cao-bồi mà bố tôi rất thích, loại phim mấy bố con cùng xem trên đài truyền hình lúc về khuya. Phim luôn có một anh chàng, vừa nã đạn xong liền chậm rãi nâng súng lên chúc môi thổi nhẹ vào nòng.

Lindsey đứng lên, thông thả rời văn phòng hiệu trưởng Caden. Đường về lại lớp là thời gian duy nhất mà em thư thái. Bên kia cửa là các bà thư ký, thầy cô đứng trên bục giảng trước cả lớp, bàn nào cũng có học trò, ở nhà thì lúc nào bố mẹ cũng có đó, cảnh sát ngày nào cũng đảo qua. Em sẽ không gục ngã. Tôi quan sát em, nghe cả những câu em nhẩm đi nhẩm lại trong đầu. Ổn cả. Mọi chuyện ổn cả. Tôi chết rồi, song chuyện này ngày nào chẳng có - thiên hạ người ta vẫn chết đấy thôi. Hôm ấy, khi ra khỏi phòng ngoài - phòng của các bà thư ký, tưởng như em nhìn vào mắt các bà, nhưng thực ra em chú mục vào vệt son môi tô vụng hay bộ váy với áo khoác bằng vải kếp Trung Quốc in họa tiết lá cành của họ.

Tối hôm đó ở nhà, em nằm trên sàn trong phòng mình, thọc chân vào dưới tủ làm chỗ tựa. Em tập ngồi dậy mười bận. Rồi quay sang thế hít đất. Không phải kiểu con gái đâu. Thầy Dewitt từng kể cho em nghe hồi ở Lính thủy đánh bộ thầy tập như thế nào, đầu ngẩng cao, chỉ chống một tay thôi, rồi chập hai tay, chống một tay, chập hai tay, cứ xen kẽ như thế. Xong mười lượt em đi lại kệ sách lôi ra hai quyển nặng nhất - quyển từ điển và quyển niên giám thế giới. Em tập gồng bắp tay cho đến lúc hai cánh tay mỏi nhừ. Em chỉ tập trung vào việc thở. Hít vào, thở ra.

Tôi ngồi trong tòa vọng lâu ở quảng trường chính trong thiên đường của mình (ông bà hàng xóm O'Dwyers từng có một tòa vọng lâu; suốt thời niên thiếu tôi ganh tị thèm có được một cái như vậy) nhìn em tôi đang nổi cơn thịnh nộ.

Vài giờ trước khi tôi chết, mẹ tôi dán lên cánh cửa tủ lạnh một tấm tranh em Buckley vẽ. Bức tranh có một vạch đậm xanh da trời làm đường ranh giới giữa không gian và mặt đất. Những ngày sau đó tôi nhìn người trong nhà đi qua đi lại trước bức tranh và tôi bỗng tin chắc rằng cái vạch màu xanh đó là một nơi có thật - một Cõi lưng chừng - nơi thiên đường tiếp giáp hạ giới. Tôi muốn tới đó để đi vào trong sắc xanh hoa xa cúc của bút chì màu Crayola, sắc xanh sẫm vương giả, sắc ngọc lam lóng lánh, sắc màu thiên thanh.

Nhiều lần tôi thấy hể mình cứ mong ước những điều đơn giản là y như rằng được toại nguyện. Những món quà quý giá gói trong lông thú. Hoặc chó chẳng hạn.

Hằng ngày chó lớn chó con đủ loại chạy rông khắp công viên trong thiên đường của tôi, bên ngoài phòng riêng. KHI mở cửa nhìn ra tôi thấy chúng, con thì phục phịch vẻ thỏa thuê, con thì ồm nồm mà rậm lông, hoặc gầy còm da trụi lủi. Bọn chó Pitbull nằm ngửa lăn qua lăn lại trong nắng, núp vũ nâu sẫm của mấy con cái căng phồng, gọi lũ chó con đến bú. Lũ chó giống Basset vấp cả vào những cái tai dài lòng thòng của chúng, lại đứng đỉnh đi tiếp, huých vào sườn mấy con chó Dachs, móc vào chân mấy con Greyhound, va vào đầu mấy con chó cảnh Bắc Kinh. Khi Holly mang cái kè xắc-xô gam cao ra ngồi trước cửa chính trông ra công viên, thối nhạc Blues (6), bày chó ủa cả lại hòa ca. Chúng ngồi chồm chồm, đồng thanh tru lên. Cửa nhiều nhà khác liền mở toang, mấy người đàn bà, sống một mình hay chung nhà với bạn, bước ra xem. Tôi cũng rời phòng. Holly cứ thối hết bài này đến bài khác. Mặt trời lặn dần, và tất cả chúng tôi khiêu vũ với bày chó. Chúng tôi đuổi bắt chúng, chúng săn đuổi chúng tôi. Tất cả nối nhau thành hình tròn. Kẻ mặc áo vải đốm, người khoác áo in hoa hoặc kẻ sọc, hay trơn một màu. Khi trăng đã lên cao tiến kèn mới dứt. Buổi khiêu vũ kết thúc. Chúng tôi lạnh run.

Bà Bethel Utemeyer, người cao tuổi nhất trong thiên đường của tôi, mang ra cây vĩ cầm. Holtt nhẹ hòa tiếng kèn theo. Họ trình diễn một màn song tấu. Một bà cao tuổi, trầm lặng và một cô chưa kịp sống trọn tuổi con gái. Kẻ ứng người đối, đó là bài nhạc giai điệu hỗn loạn nhất mà họ từng sáng tác để làm chúng tôi khuây khỏa.

Những người khiêu vũ lần lượt trở vào nhà. Bài nhạc còn âm vang cho đến khi Holly hòa âm một lần cuối và bà Utemeyer, trầm lặng, trong tư thế đứng thẳng, theo tập tục, kết thúc bằng một khúc dân nhạc cho điệu nhảy Jig.

Lúc ấy ngôi nhà đã chìm vào giấc ngủ; đó là buổi lễ ban tối của tôi.

---

(1) Nguyên văn "Your principal is your pal with principles" : Hiệu trưởng (principal) của các em là người bạn (pal) có nguyên tắc (principle) - tác giả chơi chữ.

(2) "Fear of Flying"

(3) Marx Brothers: bốn anh em biểu diễn ca nhạc, nổi tiếng với những phim hài vào những năm 1930-1950.

(4) "Are you the God? It's me, Margaret".

(5) Albert Camus (1913-1960): Nhà văn Pháp, giải Nobel văn chương năm 1957.

## CHƯƠNG BA

Những gì chúng tôi thấy được khi nhìn xuống dương gian thật là lạ lùng. Ngoài hình ảnh đầu tiên ta có thể nghĩ ngay đến, tức là hiện tượng nhìn-từ-nhà-chọc-trời-thấy-như-kiến-bò, còn có cảnh những vong hồn ở mọi nơi trên địa cầu đang rời khỏi hình hài thân xác họ.

Holly và tôi thường bay rà soát mặt đất mong tìm thấy gì bất ngờ trong khoảnh khắc không lấy gì làm ly kỳ ấy, và thỉnh thoảng mới hạ xuống, mục đích trong vài giây một cảnh tượng nào đó. Có linh hồn lướt ngang qua một người còn sống, quệt nhẹ vào vai hay má, rồi bay tiếp lên thiên đường. Người sống không bao giờ nhìn thấy rõ được những linh hồn này, nhưng nhiều người hình như cảm nhận rõ rệt rằng đã có gì thay đổi chung quanh họ. Họ kể về một luồng gió lạnh thổi qua. Người chồng hay vợ của kẻ quá cố chợt thức giấc giữa cơn mơ, thấy có ai đứng ở cuối giường hay ngưỡng cửa, hoặc bước lên xe buýt, như một bóng ma.

Khi thoát ra khỏi lòng đất tôi có chạm phải một cô nàng tên Ruth. Chúng tôi học cùng trường nhưng chưa hề có dịp làm quen. Tối hôm ấy, khi hồn tôi gào thét thoát khỏi lòng đất thì cô nàng đang đứng đúng trên hướng đó, chắn mất đường. Tôi buộc lòng phải chạm vào người cô nàng. Vừa mới được giải thoát khỏi kiếp sống bị hủy hoại một cách tàn bạo như vậy, tôi không thể tính toán đường đi nước bước. Tôi nào đã có thì giờ để suy ngẫm. Khi bị bạo hành con người chỉ còn tập trung lo chuyện thoát thân. Lúc hồn bắt đầu vượt qua lằn ranh, cuộc sống rời khỏi cơ thể như con thuyền buộc phải xa bờ, ta bám chặt lấy cái chết như níu sợi thừng sẽ đưa ta đi, ta cố đu thật mạnh, mong sẽ rơi xuống một nơi nào đó xa chỗ mình đang ở.

Tương tự một cú điện thoại gọi từ ngục tối, tôi chạm phải Ruth Connors- tôi đã gọi nhầm số, quay đại một số nào hú họa. Tôi thấy cô nàng đứng đó,

cạnh chiếc xe Fiat đỏ và han gỉ của thầy Botte. Khi bay lướt qua, tôi vươn tay quạt mát cô nàng, chạm vào khuôn mặt cuối cùng, cảm nhận lần liên hệ cuối cùng với dương thế qua cô gái không-tiêu-biểu-lắm cho lứa tuổi của mình này.

Sáng ngày mùng bảy tháng chạp, Ruth than với mẹ đã mơ thấy một chuyện y như có xảy ra thật, chứ không phải chỉ là chuyện trong mơ. Khi bà hỏi vậy nghĩa là sao, Ruth đáp: “Con đang băng qua bãi đậu xe của thầy cô thì thấy ở đầu kia của sân bóng có một bóng ma mờ ảo chạy về phía con.”

Bà Connors đang quây nồi bột yến mạch đặc quánh. Bà nhìn cô con gái đang làm điệu bộ với những ngón tay thon dài - bàn tay thừa hưởng từ ông bố.

“Đó là bóng một cô gái, con cảm thấy thế thật,” Ruth nói. “ Nó bay lên khỏi mặt đất. Mắt nó lõm vào sâu hoắm. Nó choàng một tấm khăn trắng mỏng, nhẹ như vải màn. Con nhìn xuyên qua khăn thấy mặt nó, các đường hiện ra khá rõ, mũi, hai mắt, khuôn mặt, cả tóc nữa.”

“Bà mẹ bê nồi yến mạch đặt bên cạnh rồi vặn lửa nhỏ lại. “Ruth à”, bà bảo, “con tưởng tượng quá nhiều rồi đấy biết không.”

Ruth ngầm hiểu là phải im miệng. Cô nàng không dả động đến giấc mơ này – tuy chẳng phải là mơ – nữa, kể cả mười ngày sau, khi tin về cái chết của tôi lan truyền khắp trường, được thêm thắt như với mọi chuyện kinh dị nào được xem là hay ho. Đám trẻ cùng lứa tuổi tôi cứ buộc phải tô vẽ cho chuyện thêm kinh hoàng hơn nữa. Tuy nhiên vẫn còn thiếu nhiều chi tiết – diễn tiến ra sao, lúc nào và ai là hung thủ - đây là những cái bát không chúng đổ cho đầy bằng đủ mọi giả thiết. Ma quỷ. Tế lễ. Nửa đêm. Ray Singh.



Dù đã cố hết sức, tôi vẫn không làm sao mách nối cho Ruth chú ý đến một món đồ chưa ai tìm ra: đó là chiếc vòng bạc với nhiều khoen móc. Tôi nghĩ nó sẽ giúp được cô nàng. Nó nằm phơi ra đó, chỉ chờ có bàn tay nào nhặt lên, một bàn tay biết nhận ra và liên tưởng ngay: đây chính là manh mối. Thế nhưng bây giờ nó không còn nằm trong cánh đồng ngô nữa.

Ruth bắt đầu làm thơ. Nếu bà mẹ, hay các thầy cô vốn dễ gần hơn, đều không muốn nghe kể kinh nghiệm về một thực tại huyền bí cô nàng đã trải qua, thì cô nàng đành đem những vần thơ che đậy thực tại đó vậy.

Tôi đã ước giá Ruth tìm đến nhà và kể cho gia đình tôi nghe. Có thể ngoài em gái tôi ra không ai từng nghe đến tên cô nàng. Ruth là đứa áp chót được chọn vào đội thể dục. Cô nàng chuyên thụp xuống tránh khi thấy quả bóng chuyền bay về phía mình, kê cho bóng rơi xuống sàn khiến cả đội cùng huấn luyện viên phải cố nén mới không càu nhàu.

Trong lúc mẹ tôi ngồi lặng trên chiếc ghế tựa cứng ngoài hành lang, nhìn bố tôi lui tới lảng xăng làm những chuyện ông thấy có nhiệm vụ phải chu toàn – lúc này ông nhất nhất phải biết mọi động tĩnh trong căn nhà, biết đứa con trai bé bỏng, bà vợ và đứa con gái còn sót lại, đang ở đâu làm gì – thì Ruth, ghi nhớ cuộc hội ngộ tình cờ với tôi ở bãi đậu xe, âm thầm đi tìm hiểu thêm.

Ruth giở các tập kỷ yếu cũ, tìm được bức ảnh chụp cả lớp tôi, cả các ảnh chụp sinh hoạt như ở Câu lạc bộ Hóa học, cô nàng cắt ra với cái kéo hình thiên nga bà mẹ dùng lúc thêu thùa. Dù cô nàng ngày càng bị ám ảnh về chuyện tôi, tôi vẫn giữ thái độ dè chừng, cho đến tuần lễ cuối trước Giáng sinh, khi cô nàng phát hiện một chuyện trong hành lang nhà trường.

Đó là Clarissa bạn tôi và Brian Nelson. Tôi từng đặt tên cho cậu là “chàng bù nhìn” bởi vì, dù có đôi vai vạm vỡ khiến lũ con gái phải ngẩn ngơ tơ tưởng, bộ mặt cậu lại cứ khiến tôi liên tưởng đến bao vải bố độn rơm. Cậu

đội chiếc mũ da mềm kiểu Hippie, hút thuốc tự cuốn trong căn phòng dành cho học sinh hút thuốc. Theo mẹ tôi thì chuyện Clarissa thích tô mi mắt màu xanh da trời là một dấu hiệu báo động sớm, nhưng chính vì lý do đó mà tôi ưa cô nàng. Cô nàng toàn làm những chuyện tôi bị cấm đoán: nhuộm vàng tươi mái tóc dài, mang giày đế cộm, hút thuốc lá khi tan học.

Ruth đi trờ tới nhưng hai đứa kia không để ý. Cô nàng bê một chồng sách nặng chịch mượn của bà Kaplan, giáo sư xã hội học. Toàn những bài về phong trào đòi nữ quyền vào giai đoạn đầu, và cô nàng quay gáy sách vào người để không ai nhận ra những sách gì. Bố cô nàng, một nhà thầu xây cất, đã làm quà cho cô nàng hai dây đai co giãn rất chắc dùng để buộc sách. Ruth đã dùng hai dây này chẳng buộc lô sách định sẽ đọc suốt kỳ nghỉ hè. Clarissa và Brian đan cười khúc khích. Tay anh chàng thò vào dưới áo cô nàng, càng lần lên cao thì nàng càng cười to nhưng cố ngăn cản bằng cách quay đi hay lùi ra sau. Ruth đứng tránh ra, như vẫn luôn như thế. Thông thường cô nàng sẽ tảng lờ, cúi đầu, mắt quay chỗ khác nhưng ai cũng biết Clarissa là bạn của tôi. Nên Ruth mới nhìn.

“Thôi mà cưng”, Brian nói, “cho sờ chút đi. Một gò thôi cũng được.”

Tôi thấy Ruth bấu môi ghê tởm. Trên thiên đường môi tôi cũng bấu lên như vậy.

“Không, Brian. Ở đây không được đâu.”

“Thế ra bãi ngô có được không?” cậu thì thào.

Clarissa khúc khích cười bối rối, nhưng vẫn rúc mặt vào gáy cậu. Tạm thời cô nàng cứ từ chối đã.

Sau vụ đó tủ của Clarissa bị bẻ khóa.

Trong các thứ bị mất có tập tạp ký đóng giấy rời, mấy tấm ảnh linh tinh dán trong tủ và chỗ cần sa Brian giấu ở đó mà Clarissa không hề hay biết.

Ruth chưa hề biết hít là gì, đêm ấy đã moi ruột mấy điều thuốc dài màu nâu hiệu More 100 của bà mẹ, nhét cần sa thay vào. Cô nàng ngồi trong nhà kho để dụng cụ rọi đèn pin xem ảnh tôi và hút nhiều cần sa hơn những tay nghiện nặng ở trường từng hút.

Bà Connors, đang đứng rửa bát bên cửa sổ bếp, ngửi thoang thoang mùi khói thuốc bay từ nhà kho.

“Em đoán là con Ruth có bạn ở trường rồi đấy, mình ạ,” bà nói với ông chồng đang nhâm nhi cà phê, đọc tờ bản tin chiều. Cuối một ngày làm việc ông quá mệt, chẳng buồn suy diễn.

“Tốt thôi”, ông bảo

“Có lẽ vẫn còn hy vọng cho nó.”

“Đã hẳn”, ông đáp.

Khuya hôm đó, khi Ruth loạng choạng bước vào nhà, mắt đỏ đẫm do dùng đèn pin và hút hết tám điều thuốc More, bà mẹ mỉm cười đón cô nàng, bảo có bánh nướng nhân quả việt quất trong bếp. Phải mất mấy ngày bận bịu về những đề tài không-liên-can-đến-Susie, Ruth mới nghiệm ra vì sao cô nàng ăn một mạch hết cả ổ bánh ấy.

Không khí trong thiên đường của tôi thường có mùi chồn hôi – chỉ thoang thoang thôi. Đó là mùi tôi rất thích lúc còn ở dương thế. Khi hít vào tôi vừa thở vừa ngửi nó. Đó là các chất mà một con thú sung sức tiết ra lúc đang hoảng sợ, hỗn hợp thành một mùi xạ hương cay hăng, bám dai dẳng. Thiên

đường của Franny đượm mùi thuốc lá loại hảo hạng. Còn của Holly thơm mùi trái quất vàng.

Tôi những muốn ngồi suốt ngày đêm trong tòa vọng lâu nhìn xuống. Thấy Clarissa đang dần xa tôi, tìm khuây khỏa nơi Brian. Thấy Ruth đứng nép sau góc tường gần phòng gia chánh hoặc trước cửa quán giải khát kế bên trạm y tế, dăm dăm nhìn Clarissa. Mới đầu, được tha hồ quan sát mọi chuyện trong trường, tôi đam nghiện. Tôi thấy chàng phụ tá huấn luyện viên bóng đá lén để hộp sô-cô-la cho cô giáo môn khoa học tự nhiên đã có chồng, hay tay trưởng đội cổ động viên làm đủ cách để lôi kéo sự chú ý của một nhóc con từng bị đuổi nhiều lần khỏi nhiều trường đến nỗi không đếm xuể. Tôi mục kích thầy dạy vẽ làm tình với cô bồ trong phòng đặt lò nung đồ gốm, thấy ông hiệu trưởng thờ thần tượng tư tay phụ tá huấn luyện viên bóng đá kia. Tôi kết luận rằng tay phụ tá huấn luyện viên bóng đá trong trường trung học cơ sở Kennet là một gã lang chạ (1) thập thành, tuy tôi không thể nào mê nổi cái cảm vuông của hắn.

Tối tối trên đường về lại ngôi nhà ghép hai căn, tôi bước dọc dãy đèn đường kiểu cổ tôi từng có lần thấy trong vở kịch Thành phố của chúng ta. Các bóng đèn như những quả cầu treo võng trên trụ sắt hình vòng cung. Tôi nhớ lại chúng vì khi xem vở kịch với gia đình, tôi mừng tượng chúng là những trái dâu khổng lồ, nặng trĩu, đầy ánh sáng. Ở thiên đường, trên đường về nhà, tôi chơi trò xê dịch sao cho cái bóng của tôi với hái được những quả dâu ấy.

Một tối nọ sau khi quan sát Ruth, ngay giữa đường về tôi gặp Franny. Phố xá vắng teo, trước mặt tôi lá cây xoáy tròn tung bay trong gió. Tôi đứng đó nhìn bà – nhìn những nếp nhăn do hay cười quanh mắt và khóe miệng bà.

“Sao cháu run vậy?” Franny hỏi.

Tuy không khí ẩm ướt lạnh lẽo nhưng tôi không thể bảo đó là lý do được.

“Cháu cứ nhớ mẹ cháu mãi,” tôi bảo thế.

Franny lấy cả hai tay ú bàn tay trái của tôi và mỉm cười.

Tôi muốn hôn nhẹ lên má bà hoặc được bà ôm vào lòng, nhưng lại thôi, chỉ đứng nhìn bà bước xa dần, nhìn tà áo xanh của bà khuất dần. Tôi biết bà không phải là mẹ mình. Tôi không thể làm như thể bà là mẹ mình được.

Tôi quay gót về lại tòa vọng lâu. Tôi cảm thấy khí ẩm luôn suốt dọc tứ chi, đầy nhẹ, rất nhẹ, ngọn những sợi tóc của tôi. Tôi nghĩ đến những màng nhện vào buổi sáng tinh mơ, sương đọng tựa như hạt ngọc, vậy mà nhiều khi tôi nỡ đưa tay gạt nhẹ, phá đi không chút bận tâm.

Vào buổi sáng sinh nhật thứ mười một của mình, tôi thức giấc thật sớm. Chưa ai dậy cả, tôi tưởng thế. Tôi rón rén xuống nhà nhìn vào phòng ăn, nghĩ là quà cho mình để ở đó. Nhưng chẳng có gì hết. Cũng vẫn cái bàn y như hôm trước. Nhưng khi quay người lại tôi mới thấy nó nằm trên cái bàn của mẹ trong phòng sinh hoạt. Cái bàn rất đẹp này lúc nào cũng sạch bóng. Bố mẹ gọi là “bàn để thanh toán hóa đơn.” Cái máy ảnh bọc giấy mềm nhưng chưa đóng hộp đang nằm đó – món quà tôi đã hỏi xin bằng giọng năn nỉ than van, không dám tin rằng bố mẹ sẽ mua cho mình. Tôi lại gần cúi nhìn ngẩn ngơ. Đó là một chiếc tự động Instamatic, bên cạnh là ba cuộn phim và một hộp bốn bóng đèn nháy vuông vức. Đó là cái máy ảnh đầu tiên của tôi, hộp đồ nghề ban đầu để sau này làm nghề mình ưa thích. Một nhiếp ảnh viên chuyên chụp thú rừng.

Tôi nhìn quanh. Không có ai. Nhìn qua tấm màn cửa trước mà mẹ tôi luôn để xeo xéo – “mời mọc nhưng vẫn kín đáo” – tôi thấy Grace Tarking, nhà ở cuối phố, học trường tư thục, đang tập môn đi bộ, cổ chân cô nàng cột mấy quả tạ nhỏ. Tôi hấp tấp nạp phim rồi rình sẵn ảnh Grace Tarking, tôi hình dung mai sau lớn lên cũng sẽ rình rập sẵn ảnh voi và tê giác trong

rừng. Ở đây tôi nấp sau mảnh mảnh và cửa sổ, còn ở rừng sâu sẽ nấp trong lau sậy. Tôi vừa khẽ khàng, ý tôi muốn nói là lén lút, vừa túm gọn vạt áo ngủ dài bằng vải flanen trong bàn tay không cầm máy ảnh. Tôi bám theo cô nàng, tôi chạy qua phòng khách, tiền sảnh sang phòng làm việc phía đối diện. Nhìn bóng cô nàng dần khuất, đầu tôi chợt nảy ra một ý hay ho: chạy ra vườn sau, ở đó tôi có thể thấy cô nàng mà không bị cản tầm mắt.

Thế là tôi nhón chân chạy ra sau nhà, lúc đó mới thấy cửa ra hàng hiên đã mở toang.

Khi nhìn thấy mẹ, tôi quên luôn chuyện Grace Tarking. Ước gì tôi biết cách diễn đạt đúng hơn, nhưng tôi quả chưa hề thấy bà ngồi bất động, như thế ngồi nhưng không có mặt ở đây như thế. Bà ngồi trên cái ghế xếp bằng nhôm quay ra vườn sau, bên ngoài cánh cửa căng lưới muỗi. Bà cầm cái đĩa lót, trên có tách cà phê quen thuộc. Sáng hôm đó không có vệt son trên chiếc tách vì bà không tô môi, mãi sau đó bà mới tô...mà tô cho ai? Tôi chưa từng nghĩ tới việc đặt câu hỏi này. Bố tôi? hay cho chúng tôi?

Con Holiday nằm phục cạnh bể nước cho chim tắm, sung sướng thè lưỡi thỏ, không để ý tới tôi. Nó đang nhìn mẹ tôi. Bà đang nhìn đâu thật xa xăm. Giây phút ấy, bà không phải là mẹ của tôi mà là gì đó tách rời ra khỏi tôi. Tôi nhìn một con người mà trước giờ tôi chỉ biết là mẹ mình, thấy làn da mặt mịn màng như có đánh phấn của bà – phấn mà không dùng kem nền – mịn màng tự nhiên. Lông mày cùng với mắt bà hợp thành một tổng thể hài hòa. “Mắt đại dương,” bố tôi gọi bà như thế mỗi khi ông muốn xin một thỏi sô-cô-la anh đào bà cất riêng cho mình trong ngăn tủ dành để rượu. Bây giờ tôi mới hiểu nghĩa cái tên này. Tôi cứ nghĩ vì mắt mẹ màu xanh, nhưng nay mới hiểu vì chúng sâu thăm thẳm khiến tôi phát sợ. Bây giờ tôi thấy bằng trực giác, không phải đã nghĩ kỹ, rằng trước khi con Holiday thấy và đánh hơi được tôi, trước khi làn sương mù là đà trên đám cỏ tan đi và người mẹ bên trong bà thức dậy như mỗi buổi sáng, tôi phải chụp ảnh bà ngay với cái

máy ảnh mới tinh của mình.

Khi cuộn phim từ xưởng tráng Kodak được gửi lại trong chiếc phong bì đặc biệt dày cộm, tôi nhận ra sự khác biệt ngay lập tức. Chỉ có một tấm duy nhất trên đó mẹ tôi là cô Abigail. Đó là tấm ảnh đầu tiên, chụp lúc bà không hay biết, nắm bắt khoảnh khắc trước khi tiếng bấm máy làm bà giật mình trở lại thành bà mẹ của cô bé có sinh nhật, bà chủ của một con chó sung sướng, hiền thê của một ông chồng yêu vợ, mẹ của của bé gái thứ hai cùng một bé trai bà yêu quý. Là bà nội trợ. Là người chăm sóc vườn tược. Là bà hàng xóm vui tươi. Đôi mắt mẹ tôi là những đại dương chứa sự mất mát. Tôi tưởng sẽ có cả đời để tìm hiểu đôi mắt ấy, ngờ đâu tôi chỉ có một ngày duy nhất kia. Một lần trên dương thế tôi được thấy mẹ là cô Abigail, rồi tôi không cố gắng làm gì thêm mà lại để hình ảnh ấy trôi ngược mất hút – tôi không để mình bị mê hoặc vì tôi muốn bà vẫn cứ là bà mẹ kia, bao bọc tôi như bà mẹ ấy vẫn làm.

Tôi ngồi trong tòa vọng lâu, đang nhớ lại tấm ảnh, nghĩ đến mẹ tôi, thì Lindsay thức dậy giữa đêm, rón rén đi dọc hành lang. Tôi chăm chú nhìn em như theo dõi trong phim cảnh một tên đạo chích đi lòng khấp trong nhà. Tôi biết khi em tôi vặn nắm cửa phòng tôi, cửa sẽ mở. Tôi biết nó sẽ vào phòng, nhưng nó định làm gì trong đó? Lãnh thổ riêng của tôi đã trở thành một “vùng cấm địa” ngay trong nhà. Mẹ tôi không động đến nó. Giường tôi vẫn không được dọn dẹp từ buổi sáng tôi hối hả đi cho kịp giờ, buổi sáng ngày tôi lìa đời. Con hà mã nhồi bông bọc vải vẽ hoa nằm giữa đồng gối và khăn trải giường, cả bộ quần áo tôi lôi ra trước khi chọn cái quần ống loe màu vàng.

Lindsay bước qua tấm thảm chùi chân mềm mại, sờ vào cái váy màu xanh nước biển và cái áo khoác móc bằng sợi đỏ và xanh bị vò lại như hai quả bóng vải cực kỳ kinh tởm. Em cũng có một cái móc cùng kiểu, sợi màu cam và xanh lục. Em cầm cái áo lên, trải trên giường, vuốt cho phẳng phiu. Cái áo thật xấu nhưng đột nhiên lại vô cùng quý giá. Tôi thấy thế. Em vuốt ve cái áo.

Lindsay lấy ngón tay lần theo vành cái khay mạ màu vàng tôi để trên tủ áo, đựng đầy huy hiệu của trường hay được phát trong các kỳ vận động bầu cử. Cái tôi ưa nhất có màu hồng mang hàng chữ “Hippy-Dippy yêu bạn lắm” tôi nhặt được ở bãi đậu xe nhưng đã phải hứa với mẹ là sẽ không đeo. Tôi giữ một lô trong khay, còn thì cài lên tấm hiệu kỳ to tướng của trường Đại học bang Indiana, nơi bố tôi từng theo học. Tôi nghĩ em tôi sẽ nhón lấy – một hai cái thôi để cài – nhưng không phải. Em cũng chẳng cầm lên cái nào. Chỉ lướt mấy đầu ngón tay lên các thứ trong khay. Rồi em ngó nhìn chiếc khay, một mẫu màu trắng nhỏ xíu thò ra bên dưới. Em kéo ra.

Đó chính là tấm ảnh.

Em thở ra một hơi dài, ngồi xuống sàn nhà, miệng vẫn hé mở, tay vẫn cầm tấm ảnh. Mấy sợi dây buộc lá hiệu kỳ bay lất phất, quật quá lại như chiếc lều vải bật khỏi cọc. Em cũng vậy giống như tôi trước buổi sáng chụp tấm ảnh này, chưa hề nhìn thấy con-người-lạ-mà-cũng-là-mẹ-mình này bao giờ. Em đã từng thấy những tấm ảnh chụp ngay sau đó. Mẹ tôi trong một môi cười tươi. Mẹ và con Holiday đứng trước cây sơn thù du, ánh nắng chiếu qua chiếc áo ngủ và áo khoác ngoài. Nhưng tôi muốn mình là người duy nhất trong nhà biết rằng mẹ còn là một kẻ khác nữa – một con người bí ẩn và xa lạ với chúng tôi.

-----

1. Nguyên văn: a stud (tức studhorse): ngựa giống

Lần đầu tiên tôi vi phạm quy định là do ngẫu nhiên. Hôm ấy là ngày 23 tháng chạp năm 1973.

Em Buckley đang ngủ. Mẹ tôi đưa Lindsay đi nha sĩ. Tuần đó bố mẹ tôi đã thống nhất rằng mỗi ngày cả gia đình phải giành thì giờ để ổn định nhịp



sống bình thường. Bố tôi tự nguyện nhận việc thu dọn phòng dành cho khách ở trên lầu, lâu nay trở thành phòng làm việc của ông.

Ông nội chúng tôi đã chỉ ông cách làm tàu thuyền cho vào chai lọ. Mẹ, em gái với em trai tôi chẳng mấy may thú vị. Còn tôi lại mê thích vô cùng. Phòng làm việc đầy những tàu thuyền như thế.

Công việc của ông là cộng toàn những số là số - đó là sự cần cù mà hãng bảo hiểm Chadd Ford đòi hỏi – tối về ông làm thuyền hay đọc sách về cuộc Nội chiến cho đầu óc thư giãn. Ông gọi tôi vào mỗi khi sắp sửa giường buổi. Lúc đó thân tàu đã được dán chắc chắn vào đáy chai. Tôi vào phòng, ông bảo tôi đóng cửa lại. Thường thì hình như ngay tức khắc có tiếng chuông gọi ăn tối, như thế mẹ tôi có giác quan thứ sáu trước những sinh hoạt không có bà tham gia. Nhưng khi giác quan này không làm việc, nhiệm vụ của tôi là giữ cái chai cho ông.

“Giữ cho chắc nhé,” ông sẽ bảo. “Con là phó thuyền trưởng thứ nhất của bố đây.”

Ông nhẹ nhàng kéo đầu sợi dây còn thò ra ở cổ chai, và, voilà (1), mấy cánh buồm giương hết lên, dù đó là thuyền buồm thô sơ hay tàu cao tốc. Chúng tôi đã hoàn thành con tàu. Tôi rất muốn nhưng không vỗ tay được vì bận giữ cái chai. Sau đó đó bố tôi phải thật nhanh tay, đốt đầu dây còn trong chai với cái móc áo ông vừa hơi nóng trên ngọn nến. Nếu ông sơ sẩy, sẽ hỏng cái tàu, hoặc tệ hơn nữa mấy cánh buồm giấy tí hon sẽ bắt lửa và đột nhiên, trong tiếng xì xì dữ dội, tôi sẽ chỉ còn giữ trong tay một cái chai rực lửa.

Cuối cùng bố tôi ráp một cái giàn đỡ bằng gỗ Balsa (2), để thay tôi. Lindsey và em Buckley không có cùng một ham thích như tôi. Bố tôi muốn truyền một phần hứng thú của mình sang vợ con nhưng rồi đành bỏ cuộc và

rút vào phòng một mình. Với họ thì tàu thuyền trong chai nào cũng như nhau thôi.

Nhưng hôm ấy, khi dọn phòng ông đã trò chuyện với tôi.

“Susie, con ơi, cô thủy thủ bé bỏng của bố ơi,” ông bảo, “mấy cái thuyền nhỏ này con vẫn thích nhất đấy.”

Tôi nhìn ông bưng mấy cái tàu thuyền trong chai lọ vẫn bày trên kệ để thành hàng trên bàn. Ông lấy cái áo cũ của mẹ xé ra làm giẻ, lau bụi trên kệ. Dưới gầm bàn là những hàng vỏ chai không – hai bố con đã nhặt nhanh về trữ sẵn dự định sẽ làm tiếp. Trong tủ còn nhiều tàu hơn nữa – những chiếc tàu bố cùng làm với ông nội, những chiếc làm một mình, rồi những chiếc hai bố con tôi làm với nhau. Vài cái còn nguyên vẹn, nhưng vài buồm đã ngã nâu; mấy chiếc khác sụp xuống hay đổ nghiêng qua bao năm tháng. Có cả chiếc đã bốc cháy vào tuần lễ trước ngày tôi chết.

Ông đập nát chiếc này trước tiên.

Tim tôi thắt lại. Ông quay nhìn khắp lượt những chiếc kia, những năm tháng chúng ghi dấu và những bàn tay từng cầm giữ chúng. Bàn tay người cha quá cố, bàn tay đứa con mới tử biệt. Tôi nhìn ông đập nát hết số còn lại. Ông làm phép rửa tội cho mấy bức tường và cái ghế gỗ bằng tin tôi chết, sau đó ông đứng giữa căn phòng làm việc cũng là phòng cho khách, quanh ông đầy mảnh chai màu xanh lục. Chai lọ, tất cả vỡ tan nằm la liệt trên sàn, những lá buồm và thân tàu ngổn ngang trong đó. Ông đứng giữa một bãi đổ nát. Đúng lúc ấy, tôi hiện ra mà không rõ bằng cách nào. Tôi chiếu mặt mình lên từng mảnh chai, từng miếng giấy, từng mẫu gỗ. Bố tôi ngó xuống rồi nhìn quanh, mắt ông lướt khắp phòng. Chỉ một giây thôi, rồi tôi biến mất. Bố tôi lặng đi một lúc, rồi ông cười – tiếng gào học lên từ trong gan ruột. Ông cười vang và đục đến nỗi tôi run rẩy trên thiên đường.

Ông rời phòng, đi quá hai cửa đến phòng ngủ của tôi. Hành lang thì hẹp,

cửa phòng tôi giống cửa các phòng khác, đều mỏng mảnh, tổng mạnh cũng thủng. Ông định đập tan tấm gương trên tủ quần áo của tôi, định lấy móng tay xé giấy dán tường, nhưng thay vì làm thế, ông lại ngã lăn ra giường tôi khóc nức nở, vo tròn tấm khăn trải giường màu hoa oải hương trong đôi tay.

“Bố đó hả?” Buckley hỏi. Em tôi nằm quả đấm cửa.

Bố quay lại nhưng không sao ngăn được nước mắt. Ông tuột xuống sàn, tay vẫn nắm tấm khăn giường, rồi dang rộng hai tay. Ông phải bảo em trai tôi hai lần, điều chưa từng thấy, và Buckley đã tới bên ông.

Bố quấn em trong cái khăn còn mùi tôi. Ông nhớ lại ngày tôi nắn nỉ ông sơn và dán giấy tường màu tía cho tôi. Hồi tưởng lúc xếp những số cũ của tạp chí National Geographics vào tầng kệ dưới cùng. (Tôi từng muốn miệt mài trong nghề nhiếp ảnh dã thú). Hồi tưởng quãng thời gian gần gũi khi trong nhà mới có một đứa con, trước ngày Lindsey ra đời.

“Với bố, con là đứa rất đặc biệt đấy, nhóc ạ,” bố vừa nói vừa ôm nó.

Buckley lùi lại, nhìn chăm chăm vào gương mặt nhăn nhoe của bố với những giọt lệ long lanh nơi khóe mắt. Nó nghiêm trang gật đầu và hôn lên má bố. Một điều thiêng liêng đến thế thì ngay cả trên thiên đường cũng không ai nghĩ ra được: đó là sự chăm chút một đứa bé con dành cho một người lớn. Bố tôi quàng tấm trải giường lên vai Buckley và hồi tưởng chuyện tôi lăn từ trên cái giường to bốn cọc rơi xuống thảm mà không hề thức giấc. Lúc ấy đang ngồi đọc sách trên cái ghế xanh lục trong phòng làm việc, ông giật nảy mình nghe tiếng tôi rớt xuống đất. Ông đứng dậy đi một khúc ngắn tẹo đến phòng tôi. Ông hay ngắm tôi ngủ ngon lành, ác mộng hay ngay cả sàn nhà cứng cũng không đánh thức nổi. Những lúc như thế, ông thề sẽ làm tất cả để tạo điều kiện cho các con ông trở thành vua hay chúa, nghệ nhân hay bác sĩ, hoặc nhà nhiếp ảnh dã thú. Chúng mơ gì được nấy.

Vài tháng trước khi tôi chết, ông có vào nhìn tôi ngủ, nhưng lần này vùi trong chăn còn có cả Buckley, mặc đồ ngủ, tay ôm con gấu, nằm nép vào lưng tôi, vừa ngủ vừa mút ngón tay cái. Lúc ấy bố tôi lần đầu tiên thoáng cảm thấy nỗi ưu tư khác lạ của một kẻ làm cha rằng mình không bất tử. Đời ông đã sinh ra ba đứa con, con số ấy làm ông yên tâm. Ông hay Abigail dù có mệnh hệ nào thì ba đứa cũng có nhau. Như thế thì dòng dõi do ông mở đầu, theo ông thấy, sẽ trường tồn như sợi dây thép bền bỉ kéo suốt vào tương lai, vẫn tồn tại sau khi ông không còn nữa, dù ông vắng khỏi sợi dây ấy, rơi xuống đâu đi nữa. Ngay cả vào lúc tuổi hạc đã cao cũng không hề gì.

Hắn giờ đây ông tìm thấy hình ảnh Susie của ông trong đứa con trai út. Hãy dành tình thương cho người còn sống. Ông tự nhủ - nói to trong đầu mình – nhưng sự xuất hiện của tôi kéo ông, lôi giật ông lại. Ông chăm chăm nhìn đứa con trai bé bỏng đang ôm trong vòng tay. “Bé là ai thế?” ông thấy mình đang tự hỏi. “ Bé từ đâu đến đây vậy?”

Tôi nhìn đứa em trai và bố mình. Sự thật rất khác với những gì ta học ở trường. Sự thật là: đường ranh giữa người sống và người chết dường như mờ mờ ảo ảo, nhạt nhòe.

-----

- (1) Voilà (tiếng Pháp trong nguyên bản): thấy chưa; xong xuôi, thành công!
- (2) Balsa: một loại gỗ rất nhẹ ở Nam Mỹ, thổ dân dùng đóng bè đi biển.

## CHƯƠNG BỐN

Mấy tiếng đồng hồ sau khi tôi bị giết, lúc mẹ tôi gọi điện thoại khắp nơi và bố vào từng nhà những người láng giềng hỏi xem có tôi ở đó không, thì tên Harvey đã làm sập cái hầm trong cánh đồng ngô và xách cái bao, trong nhét xác tôi đã chặt khúc, đem đi. Hắn đi ngang qua chỗ cách nơi bố tôi đứng chuyện vãn với ông bà Tarking chỉ có hai căn. Hắn men theo lối hẹp giữa hai hàng giậu cành lá giao nhau, phân ranh hai nhà – hàng hoàng dương của gia đình O'Dwyer và hàng cây cúc vàng của gia đình Stead. Người hắn quệt vào đám lá xanh dày đặc, để lại dấu vết của tôi, mùi mà con chó nhà Gilbert sẽ đánh hơi ra rồi lần theo, tìm thấy mẫu xương khuỷu tay của tôi, mùi mà mưa đá và những trận mưa suốt ba ngày sau sẽ gột sạch, trước khi có người nghĩ đến chuyện cho chó của cảnh sát lùng tìm. Hắn mang tôi về nhà hắn, để tôi nằm đợi ở đó trong lúc hắn vào nhà tắm gội.

Sau này mỗi lần nhà sang tên, các chủ nhà mới than phiền về vết sẫm trên sàn ga-ra. Khi hướng dẫn những khách hàng có khả năng sẽ mua nhà đi xem một vòng, người môi giới bảo đấy là vết dầu, nhưng đó là máu của tôi rỉ qua cái bao tên Harvey xách, nhều xuống sàn bê-tông. Dấu vết đầu tiên trong số những tín hiệu tôi kín đáo gửi cho thế giới bên ngoài.

Phải một thời gian sau tôi mới nhận ra điều mà quý vị hắn đã phỏng đoán từ lâu, rằng tôi không phải là đứa con gái đầu tiên bị hắn giết. Hắn biết rành cách mang xác tôi ra khỏi cánh đồng. Hắn biết theo dõi tin tức khí tượng để chỉ ra tay trong khoảng thời gian từ mưa lay phay đến nặng hạt, khiến cảnh sát không còn dấu vết hòng lần theo. Nhưng hắn cũng không cần tắc đến mức mà phía cảnh sát thường tưởng. Hắn bỏ quên mẫu xương khuỷu tay của tôi, lấy bao vải đựng thầy người đâm máu, nên nếu ai có ở đó, bất kỳ người nào, để ý quan sát, hắn sẽ thắc mắc sao người hàng xóm của họ lại len vào lối phân ranh, vì nó quá hẹp, ngay cả với bọn trẻ con thích lấy hàng

giậu cành lá bện vào nhau này để chơi trò ú tim.

Khi kỳ cọ người dưới tia nước nóng trong phòng tắm của ngôi nhà vùng ngoại ô này – thiết kế y hệt phòng tắm mà tôi với Lindsey và Buckley sử dụng chung – động tác của hắn chậm rãi, không cấp rập. Hắn cảm thấy toàn thân thư giãn dần. Hắn không bật đèn trong phòng tắm, tận hưởng khoái cảm khi nước ấm cuốn đi những dấu vết của tôi, rồi tưởng tượng ra những gì diễn ra trong tâm trí tôi lúc đó. Tiếng gào thét tắc nghẽn của tôi vang trong tai hắn. Hơi thở cuối cùng của tôi, dịu ngọt làm sao. Da thịt nõn nà tuyệt vời, chưa hề phơi nắng, như của trẻ sơ sinh, thoát cái bị xẻ một đường thật thiện nghệ, dưới lưỡi dao của hắn. Hắn rùng mình vì hơi nóng, một khoái cảm râm ran khắp người làm chân tay hắn nổi da gà. Hắn bỏ tôi vào bao vải dầu, vứt vào đó kem và lưỡi dao cạo râu quơ từ kệ đắp đất xuống, tập thơ non-xe của hắn, cuối cùng là con dao vấy máu. Chúng nằm lẫn với đầu gối, ngón tay, ngón chân của tôi, nhưng hắn ghi vào mảnh giấy để khuya hôm đó nhớ lục ra trước khi máu tôi khô lại dính bết vào. Ít nhất hắn muốn giữ lại tập thơ non-xê và con dao.

Ở buổi thánh lễ chiều có đủ mặt họ nhà chó. Mấy con tôi ưa nhất ngẩng phắt đầu khi đánh hơi thấy mùi lạ trong không trung. Nếu mùi đủ mạnh, tuy chưa nhận ra ngay được, hoặc giả chúng biết là mùi gì rồi – bộ não chúng làm việc không ngừng nghỉ: “Ngon tuyệt, bít tết Tác-ta (1)” – chúng sẽ lần theo đến khi tìm được đối tượng truy nã. Mặt đối mặt với món hàng có thực, câu chuyện có thực rồi chúng mới quyết định phải làm gì. Đó là cách chúng tiến hành. Chúng không hề dập tắt nhu cầu muốn biết chỉ vì mùi nọ hôi thối hay đối tượng nguy hiểm. Chúng săn lùng. Tôi cũng thế.

Harvey chở cái bao vải dầu màu cam chứa thi hài của tôi đến cái hố sụt cách khu nhà chúng tôi tám dặm, một vùng mới đây còn bỏ hoang chỉ có đường ray xe lửa chạy qua và một hiệu sửa xe gần mảy gần đó. Trong xe, hấn bật một kênh phát thanh truyền liên tục những bài hoan ca mừng Giáng sinh trong tháng Chạp. Ngồi trong cái xe thùng to kênh hấn phởn phơ huyết sáo, tự chúc mừng mình, thấy no căng bụng. Bánh táo nướng này, bánh mì kẹp thịt băm pho-mát, rồi lại thêm kem, cà-phê nữa. No nê. Hấn thấy mình càng ngày càng thành thạo hơn, không bao giờ lặp lại bài bản cũ, hấn chán làm thế lắm, mà biến mỗi vụ giết người thành một điều bất ngờ, một món quà cho chính hấn ta.

Không khí trong xe lạnh và loãng. Tôi nhìn thấy cả hơi nước hấn thở ra, nên tự dừng muốn xoa bóp hai buồng phổi mình giờ đã cứng như đá.

Hấn lái vào một con đường hẹp, cỏ mọc thưa, nằm giữa hai khu công nghiệp mới. Chiếc xe chệch choạng nảy lên khỏi một ổ gà sâu hoắm, cái kết sắt đựng bao chứa xác tôi va vào làm nứt lớp nhựa che trục bánh xe sau. “Mẹ kiếp,” hấn chửi đồng. Rồi hấn luôn miệng tiếp tục huyết sáo.

Tôi vẫn còn nhớ chuyến đi trên con đường này, bố tôi cầm lái còn Buckley ngồi nép sát vào tôi – một dây nịt an toàn cho cả hai đứa – một cuộc du ngoạn trái luật giao thông.

Trước đó bố tôi hỏi có đứa nào muốn xem một cái tủ lạnh biến mất như thế nào không.

“ Mặt đất sẽ nuốt chửng nó đấy!” Ông bảo. Bố đội mũ, xỏ đôi găng da Cordovan màu sẫm mà tôi thèm có được. Tôi biết ai mang găng đều là người lớn, còn mang bao tay (2) thì chưa phải. (Chuẩn bị mừng Giáng sinh

năm 1973, mẹ tôi đã mua sẵn cho tôi một đôi găng tay. Cuối cùng chúng thành quà cho Lindsey nhưng em biết đó là phần của tôi. Một hôm đi học về, em đặt chúng ở bờ đường dọc cánh đồng ngô. Em vẫn luôn làm thế - mang cho tôi lúc thứ này lúc thứ nọ).

“ Mặt đất có mồm hở bố?” Buckley hỏi.

“ Có cái mồm to và tròn nhưng không có môi,” bố trả lời.

“ Anh Jack à,” mẹ tôi bật cười, xen vào, “thôi đi. Anh có biết em đã bắt gặp con nạt nộ đám hoa mồm rồng(3) ngoài vườn không?”

“ Con muốn đi xem,” tôi nói. Bố từng kể với tôi rằng có một cái mỏ ngầm không ai khai tác nữa nên sụt lở thành cái hố. Tôi không quan tâm; như mọi đứa trẻ tôi chỉ muốn xem mặt đất nuốt chừng các thứ ra sao.

Thế nên khi thấy Harvey mang tôi đến cái hố này, tôi phải nhìn nhận rằng hẳn thật tinh ranh. Hẳn tổng bao tải vào cái kết sắt, nhét tôi vào giữa một khối kim loại nặng chịch.

Khi hẳn đến nơi thì trời đã tối, hẳn để kết sắt trong xe, đi tới ngôi nhà của gia đình Flanagan, họ cư ngụ trên khu đất này. Gia đình Flanagan sinh sống bằng lệ phí khách hàng trả cho những máy móc gia dụng họ mang đến bỏ.

Harvey gõ cửa ngôi nhà nhỏ sơn trắng, một người đàn bà ra mở cửa. Mùi lá hương thảo và thịt cừu bốc lên phía sau nhà, làm sực nức thiên đường của tôi, thốc vào mũi Harvey.

“ Chào ông”, bà Flanagan nói, “Có món gì đấy?”



“ Còn để sau xe,” Harvey đáp. Hắn cầm sẵn tờ hai mươi đô-la.

“ Ông bỏ gì trong đó vậy, thầy người phải không?” bà nói đùa.

Dĩ nhiên bà chẳng bao giờ ngờ thế được. Bà ở trong một ngôi nhà nhỏ nhưng ấm cúng. Bà có ông chồng thường trực ở nhà sửa chữa linh tinh, yêu quý bà vì chẳng phải làm lụng gì, có thằng con còn nhỏ cứ nghĩ trên đời không còn ai khác ngoài mẹ mình.

Harvey mỉm cười; thấy nụ cười nở trên mặt hắn, tôi không tài nào quay mắt đi được.

“ Cái két sắt cũ rích của ông già tôi, bây giờ mới vãn ra đây được,” hắn bảo.

“ Cứ định từ mấy năm nay rồi đấy chứ. Không ai còn nhớ mã số của ổ khóa nữa.”

“ Có gì trong đó không?” bà hỏi

“ Khí lưu cữu.”

“ Vậy lùi xe vào đây. Ông cần phụ không?”

“ Được vậy thì tốt quá,” hắn nói.

Ông bà Flanagan không mảy may ngờ rằng cô gái mà họ đọc trên các nhật báo suốt mấy năm sau đó – MẤT TÍCH, NGHI BỊ SÁT HẠI; CHÓ HÀNG XÓM TÌM THẤY XƯƠNG KHUYẾT TAY; THIẾU NỮ, 14 TUỔI, CÓ LẼ

BỊ GIẾT TRONG RUỘNG NGÔ CỦA GIA ĐÌNH STOLFUZ; CẢNH BÁO CÁC THIẾU NỮ; QUY HOẠCH LẠI CÁC KHU ĐẤT GIÁP TRƯỜNG TRUNG HỌC; LINDSEY SALMON, EM GÁI NẠN NHÂN, ĐỌC ĐIỀU VĂN – lại có thể nằm trong cái kết sắt màu xám mà một người đàn ông đơn độc chở đến vào một tối nọ, trả hai mươi đô-la công họ đem vút xuống hố.

Trên đường trở ra xe Harvey thọc tay vào túi quần. Trong đó còn cái vòng bạc hộ mệnh của tôi. Hắn không nhớ là đã giật khỏi cổ tay tôi. Đã nhét nó vào túi cái quần sạch mới thay. Hắn lấy mấy ngón tay mân mê, mặt ngón tay trở của hắn chạm mảnh kim loại màu vàng trơn nhẵn của viên đá đỉnh vòm hình bang Pennsylvania (4), sờ gót chiếc giày múa ba-lê be bé, miệng hôm của cái đê khâu tí hon và mấy nan hoa của chiếc xe đạp có bánh quay được. Chạy xuôi đường số 202 một lúc hắn tạt vào lề đường ăn khúc bánh mì kẹp dồi gan đã chuẩn bị sẵn sáng sớm hôm đó, rồi lái đến khu công nghiệp đang xây ở phía nam thì trấn Downing. Trên công trường không một bóng người. Thời đó những vùng ngoại ô không mấy an ninh. Hắn đậu xe cạnh phòng vệ sinh đi động. Hắn chuẩn bị sẵn sàng bằng cứ phòng khi cần đến – điều khó xảy ra.

Đây là phần của màn hậu diễn tôi luôn liên tưởng khi nghĩ đến Harvey – hình ảnh hắn đi quần quanh bên những hố đất mới đào lầy lội, lọt thỏm giữa những chiếc xe ủi khổng lồ, hình thù trông phát sợ trong bóng đêm. Vào buổi tối hôm sau tôi lìa trần, bầu trời xanh thăm thẳm, tên Harvey có thể nhìn xa hàng dặm trong khoảng không trống trải đó. Tôi quyết định cùng đứng với hắn, nhìn hàng dặm phía trước để cũng thấy những gì hắn thấy. Gió nổi lên. Hắn đi tới chỗ mà trực giác của một kẻ rành xây cất như hắn mách cho biết sắp sửa đào một cái hồ nhân tạo, và hắn đứng đó, mân mê lần cuối chiếc vòng hộ mệnh. Hắn thích viên đá hình bang Pennsylvania, trên đó bố tôi đã thuê khắc mấy mẫu tự đầu của tên tôi – tôi thích nhất cái xe đạp tí hon – và hắn tháo nó ra, bỏ vào túi. Còn cái vòng

tay với những thứ kia hấn vứt vào cái hồ nhân tạo sắp đào.

-----

(1) Steak tartare: thịt bò tươi băm nhỏ với hành, thêm muối tiêu, dầu dấm. Ăn với bánh mì. Món này chỉ ăn mùa đông để tránh bị ôi.

(2) Găng tay có đủ năm ngón, bao tay là vỏ bọc.

(3) Snapdragon: Kim-ngư-thảo là hoa mồm chó. (to snap: táp, nạt nộ, quát tháo; dragon: con rồng.)

(4) “The Pennsylvania keystone”, keystone: viên đá đỉnh vòm, chem. lúc hoàn thành khung cửa xây bằng đá. Bang Pennsylvania có tên là the keystone state do có vị trí trung tâm, từ đó 13 tiểu bang liên kết phối hợp chống vương quốc Anh trong Revolutionary War (chiến tranh cách mạng), 1755-1783, cũng là nơi ký kết hiệp ước The Philadelphia Convention năm 1787 làm nền tảng cho Hiến pháp quốc hội Hoa kỳ thông qua năm 1788.

Hai hôm trước lễ giáng sinh, tôi quan sát tên Harvey đọc một quyển sách về hai bộ tộc Dogon và Bambara ở Mali. Tôi thấy hấn chột lóe lên một ý khi đọc về loại vải và thừng họ dùng để dựng lều. Hấn quyết định dựng lều, thử nghiệm như đã làm với cái hầm, và hấn chọn kiểu lều dùng cho nghi lễ như tả trong sách. Hấn sẽ gom góp những vật liệu đơn giản và chỉ trong vài giờ đồng hồ sẽ dựng xong trong vườn sau nhà.

Sau khi đập tan những tàu thuyền trong chai lọ, bố tôi gặp gấn ở đấy. Ngoài trời khá lạnh nhưng Harvey chỉ mặc phong phanh mỗi cái áo vải mỏng. Hấn năm nay tròn ba mươi sáu tuổi và mới dùng thử loại kính cứng áp tròng. Kính làm mắt hấn lúc nào cũng đỏ ngầu, và nhiều người trong số đó có bố tôi, nghĩ rằng hấn bắt đầu sinh tật rượu chè.

“Cái gì thế?” bố tôi hỏi.

Mặc dù bị chứng yếu tim di truyền trong phái nam dòng họ Salmon, bố tôi là người khỏe mạnh. Ông to cao hơn tên Harvey nên khi ông đi vòng mặt trước ngôi nhà ốp ván màu xanh lục để vào khu vườn nơi ông thấy hắt dựng thứ gì như cột gôn, trông tưởng ông dềnh dàng vạm vỡ. Ông cảm thấy phấn chấn từ khi nhìn thấy tôi trong những mảnh gương vỡ. Tôi nhìn ông băng qua sân cỏ, bước thong dong như bọn trẻ tung tăng đến trường. Ông đứng lại trước khi lòng bàn tay ông chạm vào hàng rào cây hương mộc của Harvey.

“Cái gì thế?” ông lại hỏi.

Harvey ngừng tay trong khoảng khắc quay nhìn ông, xong lại lui cui làm tiếp.

“Lều bện bằng lạt.”

“Nghĩa là gì?”

“Ông Salmon ạ,” hắt nói, “tôi xin chia buồn về mất mát của ông.”

Bố tôi đứng thẳng người lên, đáp lại theo đúng lễ nghi.

“Cảm ơn ông.” Có gì như hòn sỏi vướng trong cổ họng ông.

Hai người không ai nói gì nữa, rồi thấy bố tôi không có vẻ định cáo từ, Harvey hỏi ông có muốn phụ hắt một tay không.

Và thế là, từ trên thiên đường, tôi mục kích bố tôi cùng dựng lều với kẻ đã đã ra tay sát hại mình.

Bố tôi không học được gì nhiều. Ông tập cách xuyên những cái que đã uốn

hình vòng cung qua các cột có ngạnh, rồi xỏ loại lạt mảnh hơn bên thành những vòng bán cung trong hướng ngược lại. Ông tập cách túm các đầu que lại buộc vào những thanh bắc ngang. Ông được biết mình làm theo những cách thức này là vì Harvey mới đọc một cuốn sách về bộ lạc Imezzureg và muốn dựng một cái lều y theo cách của họ. Ông đứng đó, nghĩ bụng tay này quả là dở hơi đúng như hàng xóm vẫn đồn. Cho đến nay, họ cũng chỉ nói thế.

Nhưng khi dựng xong cái khung cơ bản – tất cả chỉ cần một tiếng đồng hồ – thì Harvey đi vào nhà mà không nói để làm gì. Bố tôi tưởng là để nghỉ tay. Hoặc hẳn ta vào uống cà-phê, hay pha một bình trà.

Ông nhầm. Harvey vào nhà lên lầu để kiểm lại con dao lạng thịt hẵn để trong phòng ngủ. Con dao vẫn nằm trong ngăn kéo bàn để ở đầu giường, trên bàn là quyển vở nháp trong đó hẵn hay vẽ phác lại những mẫu mã sơ đồ thấy trong mơ mỗi khi bừng mắt thức giấc giữa đêm khuya. Hẳn nhìn vào trong cái bao giấy gói của tiệm tạp hóa đã vo tròn nhàu nát. Máu của tôi đọng trên lưỡi dao giờ đã đen sẫm. Nghĩ đến điều đó, rồi hồi tưởng lại những gì hẵn làm dưới hầm khiến hẵn sức nhớ lại điều đã đọc về một bộ lạc có phong tục khác thường ở miền nam Ayr. Rằng khi vừa dựng lều cho một đôi nam nữ mới làm lễ hôn phối xong, những người đàn bà của bộ lạc đem hết tài nghệ khéo léo ra may một tấm khăn thật đẹp để phủ lên lều.

Bên ngoài tuyết bắt đầu rơi. Kể từ hôm tôi lìa trần đến nay tuyết mới lại rơi, và bố tôi cũng chợt có cùng ý nghĩ như tôi.

“Bố có nghe thấy tiếng con rồi, bé yêu ạ,” ông thầm bảo tôi, tuy tôi chẳng hề mở miệng. “Gì thế kia?”

Tôi cố tập trung theo hướng mắt ông nhìn và thấy một bông hoa phong lữ đã héo úa. Tôi nghĩ nếu tôi làm cho hoa nở lại được thì ông sẽ có câu trả lời ngay. Thế là trên thiên đường của tôi hoa nở rộ ngay lập tức. Những cánh hoa phong lữ xoay xoay bay rợp trời rơi xuống nằm ngập đến thắt lưng tôi.

Nhưng ở hạ giới tuyệt không thấy có mây may biến đổi nào.

Tuy nhiên qua bức màn tuyết tôi nhận thấy điều này: bố tôi nhìn ngôi nhà màu xanh với đôi mắt khác. Ông bắt đầu thắc mắc.

Harvey khoác thêm một cái áo vải fla-nen dày trước khi trở ra nhưng điều làm bố tôi chú ý trước hết là những gì hằn bưng trên tay: một chồng khăn trải giường màu trắng.

“Để làm gì vậy?” bố hỏi. Đột nhiên ông cứ thấy khuôn mặt tôi hiển hiện trước mặt ông.

“Vải bạt phủ lều,” Harvey nói. Khi hằn đưa bố tôi một xấp, mu bàn tay hằn chạm vào mấy ngón tay bố tôi. Như có dòng điện truyền làm giật tay ông.

“Ông có biết chuyện gì đấy,” bố tôi nói.

Bắt gặp tia nhìn của bố tôi hằn không quay mắt đi nhưng không đáp.

Cả hai tiếp tục làm, tuyết vẫn rơi lãng đãng. Trong lúc luôn tay làm, lượng kích thích tố a-dre-na-lin trong người ông tăng vọt. Ông kiểm điểm lại những điều đã biết. Đã có ai hỏi người đàn ông này ở đâu hôm tôi mất tích chưa? Có người nào thấy hằn trong cánh đồng ngô không? Ông biết các láng giềng của ông đều đã bị thẩm vấn. Cảnh sát đã lần lượt đến từng nhà một.

Bố tôi và Harvey trải mấy tấm khăn lên cái vòm hình vòng cung, gài chặt dọc theo những ô vuông hình thành từ những thanh ngang buộc chằng vào những cây cọc có ngạnh. Xong họ giăng những tấm còn lại từ các thanh ngang cho rũ xuống, mép khăn gần chạm mặt đất.

Lúc họ xong việc, tuyết trải một lớp mỏng trên vòm lều phủ vải. Tuyết nằm ở những chỗ hõm trên áo bố tôi và đọng thành một đường viền trên mép sợi dây thắt lưng của ông. Tôi đau lòng quá. Tôi chột hiều sẽ chẳng bao giờ còn được chạy ào ra đón tuyết đổ với con chó Holiday nữa, sẽ chẳng còn được đẩy Lindsey ngồi trên sẽ trượt tuyết, chẳng bao giờ còn dịp chỉ cho em trai tôi điều nó chưa nên biết, là làm tuyết cứng lại bằng cách nén chặt giữa hai lòng bàn tay úp lại. Tôi đứng đơn độc giữa một biển đầy những cánh hoa tươi màu. Trên mặt đất những bông tuyết rơi đều, mịn màng, tinh khôi, như tấm màn chậm chậm buông xuống.

Đứng trong lều Harvey mừng rỡ cảnh cô dâu trinh trắng ngồi trên lưng lạc đà, được đưa tới cho một thành viên bộ lạc Immezzureg. Khi bố tôi dợm bước tới, Harvey giơ tay ngăn lại.

“Làm thế đủ rồi,” hắn nói. “Sao ông không lo về nhà đi?”

Đã tới lúc để bố tôi cân nhắc xem nên nói gì. Nhưng điều duy nhất ông nghĩ ra được lại chỉ là: “Susie”, ông thì thảo, âm thứ hai quất vụt như con rắn.

“Chúng ta vừa cùng nhau dựng lều,” Harvey nói. “Hàng xóm thấy hai chúng ta đấy. Bây giờ mình là bạn của nhau.”

“Ông có biết chuyện gì mà,” bố tôi nói.

“Đi về đi. “Tôi không giúp gì ông được.”

Harvey không mỉm cười hay bước tới. Hắn lùi vào căn lều hợp cần và kéo cho cái khăn trắng cuối cùng có thêu chữ cái lồng vào nhau buông rủ xuống.

## CHƯƠNG NĂM

Con người tôi bị giằng co, một phần tôi mong muốn báo thù ngay, muốn bố tôi biến thành người khác hẳn xưa nay, thành một kẻ nổi hung vì điên giận. Giống như ta thấy trong phim và tiểu thuyết. Một người bình thường nào đấy đột nhiên vớ lấy súng hoặc vác dao truy đuổi kẻ đã sát hại gia đình mình. Ông thành một kiểu Bronson(1) và được người người hoan hô.

Trong thực tế thì sự việc diễn ra như sau :

Sáng sáng bố thức dậy. Lúc còn ngái ngủ, ông vẫn như từ trước đến nay. Nhưng rồi, khi đã tỉnh ngủ, bố như bị ngấm dần thuốc độc. Mới đầu, ông không tài nào ngồi lên nổi. Ông nằm liệt dưới một gánh nặng. Song chỉ cựa quậy mới mong thoát ra được. Ông cố cựa quậy nhưng chẳng cựa quậy nào cứu vãn nổi. Mặc cảm tội lỗi như bàn tay Thượng đế ấn xuống và phán: “ người đã vắng mặt khi con gái người cần đến người.”

Trước khi bố tôi đi qua nhà tên Harvey, mẹ tôi đang ngồi ở tiền sảnh, cạnh tượng thánh St.Francis. Khi ông trở vào nhà, bà không còn ngồi đó nữa. Ông gọi bà ba lần, như mong bà đừng xuất hiện, rồi ông lên lầu vào phòng làm việc để ghi vào quyển vở đóng gáy xoắn :Bợm rượu? Thử chuốc hẳn say. Biết đâu hẳn sẽ thổ lộ.” Rồi ông viết: “Tôi nghĩ Susie đang quan sát tôi.” Trên thiên đường tôi như lên cơn say. Tôi ôm chầm Holly, ôm chầm Franny. Tôi nghĩ là bố tôi biết.

Thế rồi Lindsey sập cửa ầm ỉ hơn thường lệ, và bố tôi mừng vì có tiếng ồn như vậy. Tiếng sập cửa mạnh làm lắng xuống buổi chiều lạ lùng ông vừa trải qua, đưa ông trở về thực tại, với những sinh hoạt để ông khỏi bị chìm ngimm. Tôi hiểu chứ - tuy như thế không có nghĩa tôi không hờn trách và



quên cái lúc ngồi vào bàn ăn tối, nghe Lindsey khoe miết với bố mẹ là đã làm bài được điểm cao, hoặc thầy giáo môn sử đề cử em được cấp bằng khen cấp quận. Nhưng Lindsey đang sống, và người sống cũng phải được mọi người quan tâm chứ.

Em bước thình thịch lên thang lầu. Tiếng guốc em động lên mặt gỗ thông làm rung chuyển cả nhà.

Hắn tôi có ghen tị chuyện bố chăm chút em, nhưng tôi thán phục cách em đối phó với tình thế. Hơn bất cứ ai trong nhà, Lindsey đối mặt với hiện tượng mà Holly gọi là hội chứng người-chết-dạo-quanh – tức là mọi người chỉ thấy ta-đã-khuất chứ không thấy ta.

Mọi người, kể cả bố mẹ tôi, đều thấy tôi khi nhìn Lindsey. Ngay cả Lindsey cũng bị hội chứng này. Em tránh soi gương. Tránh bật đèn khi tắm.

Em bước ra khỏi bồn tắm, mò mẫm tìm nơi vắt khăn. Em cảm thấy yên tâm trong bóng tối – hơi nước bốc lên từ sàn gạch che chở em. Nếu trong nhà im ắng cả hay chỉ còn tiếng rì rầm dưới nhà, em biết sẽ không bị quấy rầy. Đó là lúc em nghĩ đến tôi, bằng hai cách: hoặc em nghĩ Susie, chỉ một chữ này thôi, và bật khóc, để nước mắt lăn xuống gò má ướt đầm hơi nước, biết rằng không ai nhìn thấy em, không ai tìm cách đo đếm định lượng cái chất nguy hiểm có tên là nỗi thống khổ này, hoặc em tưởng tượng tôi phải bỏ chạy, thoát khỏi hiểm nguy, tưởng rằng em bị bắt thay vào đó, nhưng em chống trả quyết liệt cho đến lúc thoát được. Em cố gạt khỏi tâm trí câu hỏi cứ luẩn quẩn trong đầu, Hiện giờ Susie đang ở nơi nào?

Bố tôi lắng nghe những tiếng động trong phòng Lindsey. Rầm, cửa sập lại. Lẹp xẹp, tiếng sách quăng xuống đất. Két két, em ngã vật ra giường. Bùm, bùm, guốc đá văng ra sàn. Vài phút sau ông đứng ở cửa phòng em.

“ Lindsey”, ông vừa gõ vừa gọi.

Không có tiếng trả lời.

“ Lindsey, bố vào được chứ?”

“ Bố đi đi,” câu trả lời quyết liệt của em vọng ra.

“ Thôi mà, bé yêu của bố,” ông năn nỉ.

“ Bố đi đi!”

“ Lindsey”, bố tôi nói, ông thở mạnh, “sao không để bố vào?” Ông khễ tì trá vào cửa phòng ngủ. Gỗ mát lạnh và, trong một giây, ông quên tiếng mạch máu giật giật ở thái dương, quên nỗi nghi vấn cứ tự lặp đi lặp lại. Harvey, Harvey, Harvey.

Chân mang tất, Lindsey rón rén đi ra cửa. Em mở khóa, trong lúc bố lùi lại lấy vẻ mặt mà ông hi vọng sẽ diễn tả câu: “Nghe bố đã, đừng bỏ đi.”

“ Sao cơ?” em bảo. Mặt em đánh lại, bướng bỉnh. “Bố muốn hỏi gì?”

“ Bố muốn biết con ra sao,” ông trả lời. Ông nghĩ đến tấm màn buông xuống giữa ông và Harvey, lở díp tóm cổ hăn, giải pháp toàn mỹ để ông trút được gánh nặng trách nhiệm. Ngày ngày ông phải chịu đựng nhìn người thân ra phố, đến trường, đi ngang qua cửa ngôi nhà ốp ván xanh của Harvey. Để máu chảy ngược về tim, ông nhất thiết cần đến con bé.

“ Con muốn ở một mình,” Lindsey nói. “Bố không thấy sao?”

“ Bố sẽ ở lại nếu con cần,” ông bảo.

“ Bố à,” em nhượng bộ, “con tự lo được mà.”

Ông biết nói gì đây? Ông cũng có thể phá luật và thú nhận, “Bố thì không, bố không làm được như thế, đừng bỏ bố một mình,” nhưng ông đứng lặng một giây rồi rút lui. “Bố hiểu”, ông buột miệng nói, tuy trong lòng không nghĩ thế.

Tôi muốn nhắc ông lên, như những tượng tạc tôi từng nhìn thấy trong các sách lịch sử nghệ thuật. Một người đàn bà nâng một người đàn ông. Một sự cứu thoát ngược đời.

Con gái mà lại bảo với bố: “Mọi chuyện ổn cả. Bố cũng vậy. Con sẽ không để xảy ra bất cứ điều gì mà làm bố đau lòng nữa.”

Thay vì nói thế tôi quan sát ông đi gọi điện thoại cho Len Fenerman.

Trong mấy tuần lễ đầu ấy có thể nói cảnh sát thật đáng phục. Chuyện thanh thiếu nữ chết mất xác ít xảy ra ở những vùng ngoại ô này. Nhưng khi mãi vẫn không có chút manh mối nào để tìm thi thể của tôi, hay ai là hung thủ thì họ bắt đầu nóng nảy. Thường thì sau một thời hạn nhất định họ đều tìm được vài bằng chứng cụ thể nào đó; cái khung thời gian này giờ cứ càng lúc càng thu nhỏ lại.

“ Mong rằng tôi không nói những điều vô lý, thanh tra Fenerman ạ,” bố tôi nói.

“ Xin gọi tôi là Len.” Gài ở góc quyển ghi vụ việc hàng ngày trên bàn là tấm ảnh chụp ở trường mẹ tôi đưa cho Len Fenerman. Ông biết rằng tôi đã chết rồi, trước khi có ai đó nói ra điều này.

“ Tôi tin chắc có một người hàng xóm biết ít nhiều về chuyện này.” Ông dăm dăm nhìn qua cửa sổ phòng làm việc trên lầu về phía cánh đồng ngô. Người chủ ruộng ngô cho báo chí biết rằng ông sẽ không tạm canh gác trong ít lâu.

“ Người đó là ai, và điều gì đã khiến ông tin như vậy?” Len Fenerman hỏi. Ông ta cầm một mẫu bút chì đã bị gặm mòn trên khay sắt trong ngăn kéo trên bàn giấy.

Bố tôi kể về cái lều, về cung cách tên Harvey xua đuổi ông về nhà, cách hằn nhắc tên tôi, về những người láng giềng vẫn kháo nhau rằng một người sống không con cái, không có việc làm ổn định như Harvey quả là bất thường.

“ Tôi sẽ kiểm tra,” Len Fenerman nói thế vì không thể làm khác. Đó là vai ông phải đóng trong vở diễn này. Nhưng những gì bố tôi vừa thông báo là quá ít, nếu không nói là chẳng giúp ông ta được gì. “Ông nhớ đừng kể cho ai khác và tránh đừng gặp hẳn nữa,” ông căn dặn bố.

Gác máy xong, bố tôi cảm thấy mình trống rỗng một cách lạ lùng. Sức cùng lực kiệt ông mở cửa phòng làm việc rồi khép nhẹ lại sau lưng. Đứng ở hành lang, ông lại gọi tên mẹ một lần nữa: “Abigail ơi!”

Mẹ tôi đang đứng trong phòng tắm dưới nhà, ăn vụng mấy miếng bánh hạnh nhân mà hăng của bố vẫn gửi làm quà Giáng sinh. Bà ăn ngẫu nhiên; chúng như những mặt trời nở bung trong miệng bà. Hồi mang thai tôi, suốt mùa hè bà khoác mãi một cái áo thun cho đàn bà chữa bằng vải bông kẻ sọc, không chịu bỏ tiền mua thêm cái nào khác, nhưng ăn đủ các thứ bà thèm, bà vừa lấy tay xoa xoa bụng, vừa nói: “Cám ơn bé yêu,” trong lúc để sô-cô-la nhều cả xuống ngực áo.

Có tiếng gõ vào phía dưới cánh cửa.

“ M...e...ẹ?” Bà nhét mấy cái bánh hạnh nhân vào tủ thuốc trở lại, nuốt vội mấy miếng còn trong miệng.

“ M...e...ẹ?” Buckley lại gọi, giọng nghe còn ngái ngủ.

“ Mẹ...mẹ...ẹ ẹ!”

Bà ghét cay ghét đắng cái tên gọi đó.

Khi mẹ tôi mở cửa, Buckley ôm lấy đầu gối, áp má lên đầu bà.

Nghe có tiếng chân, bố tôi vào bếp, gặp mẹ. Cả hai cùng tìm an ủi trong việc chăm chút Buckley.

“ Chị Susie đâu rồi?” Buckley bật hỏi khi bố đang phết mức hạt dẻ lên bánh mì. Ông làm ba lát. Một cho mình, một cho vợ, và một cho cậu con trai bốn tuổi.

“ Con cất đồ chơi rồi à?” bố tôi hỏi Buckley, rồi lấy làm lạ tại sao mình lại

cứ nhất định lần tránh vấn đề với nhân vật duy nhất đã hỏi thẳng như thế.

“ Mẹ sao vậy?” Buckley hỏi. Cả hai bố con cùng nhìn mẹ tôi, bà đang nhìn sững vào bồn rửa bát khô queo.

“ Con có muốn tuần này nhà mình đi vườn Bách thú chơi không?” bố tôi hỏi. Ông thấy mình đáng ghét vì đã nói thế. Ông ghét mua chuộc và bồn chột – ghét lừa phỉnh. Nhưng làm sao ông kể nổi cho nó biết rằng chị cả của nó có thể đã vui thân ở đâu đó, bị chặt thành nhiều mảnh?

Nhưng Buckley vừa nghe lọt tai từ vườn Bách thú và tất cả những ý nghĩa của từ này – với em chủ yếu là Khi! – thế là em lại dấn bước trên con đường mòn chông chênh của miền quên lãng thêm một ngày nữa. Cái bóng của năm tháng chưa hề quá nặng lên thân hình bé nhỏ của nó. Em biết là tôi đã đi xa đấy, nhưng ai đi mà chẳng có lúc trở về.

Khi Len Fenerman đi hỏi từ nhà này sang nhà khác trong vùng, ông ta không thấy tên George Harvey có gì đáng chú ý. Harvey hiện sống độc thân, nhưng nghe nói lúc đầu hẳn dự tính đến đây với bà vợ. Song trước ngày dọn nhà ít lâu, bà vợ qua đời. Hẳn nhận việc lắp ráp nhà cho búp-bê, giao cho các cửa hàng chuyên bán những món đồ đó. Hẳn sống tách biệt, ít giao du. Mọi người chỉ biết có thế. Tuy hẳn không quan hệ thân thiết với ai, song hàng xóm luôn có cảm tình. Mỗi ngôi nhà ở đây đều chứa đựng một câu chuyện. Đặc biệt với Len Fenerman thì ngôi nhà của George Harvey có vẻ là một câu chuyện hấp dẫn.

Không, Harvey khai hẳn không quen biết gia đình Salmon lắm. Hẳn có thấy lũ trẻ. Ai cũng biết nhà nào có trẻ con nhà nào không, hẳn nói thêm, đầu hơi cúi về phía trái một chút. “Nhìn vào vườn thấy có đồ chơi. Những

nhà này bao giờ cũng sống động hơn,” hăn nhận xét thêm, giọng ngập ngừng.

“ Tôi được biết ông có trò chuyện với ông Salmon cách đây không lâu,” Len nói hôm trở lại ngôi nhà màu xanh lục.

“ Đúng vậy, có gì không ổn ư?” Harvey hỏi. Hăn nháy mắt với Len nhưng lại thôi ngay. “Xin lỗi tôi phải tìm cái kính đã,” hăn nói. “Tôi đang ráp mấy chi tiết cho một công trình thời Đế nhị Đế chế.”

“ Đế nhị Đế chế.” Len thắc mắc.

“ Hàng người ta đặt cho mùa Giáng sinh tôi đã giao xong cả rồi, bây giờ tôi có thể thử nghiệm mẫu mã khác,” Harvey nói. Len theo hăn ra phía sau, cái bàn ăn ở đây được đẩy sát vào tường. Trên bàn nằm xếp lớp hàng tá những thanh ván nhỏ, trông như ván dát tường tí hon.

Hăn có hơi kỳ dị thật, Fenerman nghĩ bụng, nhưng điều đó đâu khiến hăn trở thành kẻ giết người.

Harvey mang kính lên và đột nhiên trở nên cởi mở hơn. “Đúng thế, ông Salmon có lần trên đường đi dạo có ghé vào giúp tôi dựng cái lều hợp cần.”

“ Lều hợp cần là sao?”

“ Năm nào tôi cũng làm gì đó cho Leah,” hăn giải thích. “Cô ấy là vợ tôi. Tôi góa vợ.”

Len cảm thấy vừa xâm phạm những nghi thức riêng tư của người đàn ông này. “Vâng, tôi hiểu,” ông nói.

“ Tôi thấy chuyện xảy ra với cô bé thật quá khủng khiếp,” Harvey nói. “Tôi cố bày tỏ điều này với ông Salmon. Nhưng tôi có kinh nghiệm rằng vào những lúc như thế này mọi sự chẳng có ý nghĩa gì hết cả.”

“ Vậy năm nào ông cũng dựng cái lều đó à?” Len Fenerman hỏi. Đây là điều mà hàng xóm có thể xác nhận với ông là có hay không.

“ Trước kia tôi dựng trong nhà, nhưng năm nay tôi thử dựng ngoài trời. Chúng tôi lấy nhau vào đúng mùa đông mà. Tôi nghĩ sẽ dựng kịp trước khi tuyết bắt đầu rơi.”

“ Trong nhà là chỗ nào?”

“ Ở dưới hầm. Nếu ông muốn tôi chỉ ông xem. Tôi vẫn còn cất giữ mọi thứ của Leah dưới đó.”

Nhưng Len không đi xa thêm nữa.

“ Tôi quấy rầy ông thế là đủ rồi,” ông nói. “Tôi chỉ định rà qua mọi người trong khu vực này một lượt nữa.”

“ Các ông điều tra đến đâu rồi?” Harvey hỏi. “Phát hiện được gì chưa?”

Len không bao giờ ưa những câu hỏi như thế, cho dù theo ông nghĩ đó là quyền của những kẻ bị ông xâm phạm đời tư.



“ Đôi khi tôi nghĩ manh mối sẽ tìm được cách xuất hiện đúng lúc,” ông đáp. “Nghĩa là nếu chúng muốn người ta phát hiện.” Đó là lối trả lời bí hiểm, kiểu Khổng Tử, nhưng lại hầu hết hiệu quả với hầu hết đám dân sự.

“ Ông có nói chuyện với thằng nhỏ nhà Ellis rồi chứ?” Harvey hỏi.

“ Chúng tôi đã nói chuyện với gia đình đó.”

“ Tôi nghe nói nó đã hành hạ lũ vật nuôi của nhà hàng xóm.”

“ Cậu ta có vẻ hư, tôi công nhận,” Len nói, “nhưng vào thời điểm đó cậu ta đang làm việc trong khu thương xá.”

“ Có người làm chứng chứ?”

“ Có.”

“ Tôi chỉ nghĩ được đến thế,” Harvey nói. “Ước gì giúp ông được nhiều hơn.”

Len cảm thấy hần chân thành.

“ Đúng là hần hơi âm hấp,” Len gọi điện cho bố tôi, “nhưng tôi không có chứng cứ gì để buộc tội hần.”

“ Thế hần nói sao về cái lều?”

“ Rằng hần dựng cho bà vợ tên là Leah.”

“ Tôi nhớ bà Stead có kể cho cô Abigail nhà tôi rằng tên vợ hắn là Sophie mà,” bố tôi nói

Len giờ số tay kiểm tra lại. “Không, tên là Leah. Tôi có ghi rõ ràng.”

Bố tôi đâm hoài nghi chính mình. Ông nghe cái tên Sophie ở đâu nhỉ? Ông chắc chắn là có nghe cái tên đó, nhưng cách đây đã nhiều năm rồi, ở một buổi liên hoan trong khu phố, tên các đứa nhỏ và các bà vợ cứ bay phấp phới như hoa giấy giữa các câu chuyện phiếm người ta kể để tỏ ra hòa thuận với láng giềng, còn những lời giới thiệu con cái và người lạ lại quá mơ hồ khiến chẳng còn nhớ đến hôm sau.

Tuy nhiên ông nhớ chắc tên Harvey không đến dự bữa liên hoan đó. Cũng không hề tham dự bất cứ buổi liên hoan nào khác. Theo chuẩn mực của nhiều người trong khu, chứ không phải của bố tôi, thì đó là do tính hãn kỳ quặc. Bố không hề thấy thật thoải mái khi cứ phải gượng gạo chan hòa như thế.

Bố tôi viết vào sổ “Leah”. Rồi ông viết “Sophie?”. Ông không ngờ mình đã bắt đầu lên danh sách những người bị giết. (cont)

-----

1.Charles Bronson (1921-2003): tài tử Mỹ, trong phim Death wish (19) đóng vai người chồng và cha báo thù cho vợ và con bị thảm sát.

Hôm lễ Chúa giáng sinh, nếu ở thiên đường có lẽ mọi người trong gia đình tôi sẽ thoải mái hơn. Trên đó chẳng mấy ai buồn biết đến lễ Giáng sinh. Có vài người mặc toàn một màu trắng toát giả làm bông tuyết, ngoài ra chẳng có gì khác nữa.

Giáng sinh ấy, Samuel Heckler bất ngờ đến nhà chúng tôi. Cậu không hóa trang thành bông tuyết. Cậu khoác cái áo da cũ của ông anh, mặc chiếc quần nhà binh rộng thùng thình.

Em trai tôi đang mài miết với lô đồ chơi ở gian ngoài. Mẹ tôi mừng vì đã mua quà cho nó từ trước rồi. Lindsey được đôi găng tay và thỏi son môi có vị anh đào. Bố tôi được năm khăn tay trắng mẹ đặt mua qua bưu điện từ nhiều tháng trước. Trừ em trai Buckley còn chẳng ai nghĩ đến chuyện quà cáp. Suốt mấy ngày trước Giáng sinh đèn đóm trên cây thông cũng không được cắm điện. Chỉ có ngọn nến bố tôi đặt ở cửa sổ phòng làm việc của ông là được thắp lên. Bố thắp nến lúc trời sập tối; còn mẹ, em gái và em trai tôi không ra khỏi nhà sau bốn giờ chiều. Chỉ mình tôi nhìn thấy ngọn nến.

“Có ai ngoài cửa kìa!” em tôi kêu lên. Nó vừa xây Nhà trọc trời và ngôi nhà vẫn chưa chịu đổ. “Anh ta xách một cái va-li.”

Mẹ tôi tạm ngừng làm món trứng đánh với rượu, rồi bếp ra phía cửa trước. Lindsey đang đau khổ vì mấy ngày lễ đòi hỏi em phải có mặt trong phòn sinh hoạt. Em và bố đang chơi trò Monopoly(1), hai bố con cùng lờ đi những ô ác liệt để người kia khỏi lâm vào thế kẹt. Bãi bỏ thuế hàng xa xỉ, không chấp nhận Vận rủi.

Ở tiền sảnh mẹ tôi lấy tay miết cho phẳng nếp váy. Bà kéo Buckley ra trước và đặt tay lên vai em.

“Đợi người ta gõ cửa đã,” bà bảo.

“Chắc là mục sư Strick,” bố vừa nói với Lindsey vừa vợ số tiền mười lăm đô-la giải nhì cuộc thi hoa hậu.

“Con mong là không phải, vì hương hồn chị Susie,” Lindsey đánh bạo nói.

Lindsey buộc miệng gọi tên tôi, thế là bố tôi bám khư khư vào cái tên ấy. Lindsey đổ được quân nhị, tiến đến Marvin Gartens.

“Vây thành hai mươi tư đô-la,” bố nói, “nhưng bố sẽ lấy mười.”

“Lindsey ơi,” mẹ tôi gọi. “Con có khách.”

Bố tôi nhìn em đứng dậy ra khỏi phòng. Bố với tôi cùng nhìn. Lúc đó tôi ngồi lại với bố. Tôi là hồn ma trên bàn cờ. Ông nhìn trần trối chiếc giày cũ nằm một bên góc hộp. Giá mà tôi nâng nó lên được, cho nó nhảy từ đường Bàn cờ đến đường Biển Baltic, nơi tôi luôn cho là chỗ cư ngụ của những người khá giả hơn. “Vì chị hay chê bai báng bố,” hẳn Lindsey sẽ nói thế. Còn bố tôi sẽ bảo, “Bố thật hãnh diện đã nuôi dạy con thành một đứa không hợm hĩnh.”

“Nhà ga đây, Susie à,” ông nói. “Con vẫn thích tậu mấy nhà ga lắm mà.”

Để làm nổi bật kiểu tóc đuôi nhọn và ép được mớ tóc bờ liếm, Samuel Heckler chỉ chịu chải tém ra sau. Vì thế trông cậu, ở tuổi mười ba, thêm cái áo da màu đen, giống như ma cà-rồng còn vị thành niên.

“Chúc Lindsey một mùa Giáng sinh vui tươi,” cậu nói rồi trao cho em tôi hộp quà bọc giấy xanh.

Tôi thấy hết: toàn thân Lindsey bắt đầu xoắn lại. Em đã khổ công luyện tập để giữ khoảng cách với tất cả mọi người không trừ ai, còn em thấy Samuel Heckler đáng yêu quá. Tim em, như một chất liệu cho món ăn đang nấu trên bếp, co lại và nếu tạm quên cái chết của tôi, thì năm nay em đã mười ba, cậu ta thì dễ mến, nhất là lại đến thăm em vào lễ Giáng sinh.

“Nghe nói Lindsey được xếp hạng có năng khiếu,” cậu nói, vì không ai lên tiếng. “Mình cũng thế.”

Lúc đó mẹ tôi mới sức nhớ vặn nút sang vai bà chủ nhà. “Cháu vào chơi?” bà đơn đả bảo. “Bác có món kem trứng đánh rượu trong bếp.”

“Thế thì tốt quá,” Samuel nói và đưa tay cho em tôi khoác, làm em và tôi đều ngẩn cả người.

“Cái gì thế này?” Buckley lon ton chạy theo hỏi, tay chỉ vào cái em tưởng là va-li.

“Kèn an-tô,” Samuel Heckler đáp.

“Là cái gì?” Em hỏi lại.

Lindsey bây giờ mới lên tiếng. “Anh Samuel chơi kèn xác-xô an-tô.”

“Sơ sơ thôi,” Samuel nói.

Em trai tôi không hỏi tiếp kèn xác-xô là gì. Nó biết Lindsey sắp như thế nào. Cô nàng sắp thành thứ mà tôi gọi là “làm bộ làm tịch,” chẳng hạn “Buckley ơi, em đừng lo, Lindsey sắp ‘làm bộ làm tịch’ đấy.” Thường thì tôi vừa nói vừa cù em, có khi dụi dụi hay húc đầu vào bụng nó, miệng lẩm bẩm ‘làm bộ làm tịch’ mãi cho đến khi nó cười như nắc nẻ.

Buckley lẻo đẻo theo sau ba người vào bếp và hỏi điều mà ngày nào em cũng hỏi ít nhất một lần, “Chị Susie đâu rồi?”

Mọi người lặng thinh. Samuel nhìn Lindsey.

“Buckley ơi,” bố gọi em từ phòng bên cạnh, “ra đây chơi Monopoly với bố nào.”

Em tôi chưa hề được dự phần chơi trò Monopoly. Ai cũng bảo em còn bé quá, nhưng đây hẳn là phép lại của lễ Giáng sinh. Em chạy vào phòng sinh hoạt, bố nhắc em đặt ngồi lên lòng.

“Con thấy chiếc giày chứ?” bố hỏi.

Buckley gật đầu.

“Bố muốn con lắng nghe những gì bố sắp nói về chiếc giày này, rõ chưa?”

“Chị Susie?” em hỏi, mơ hồ đoán rằng hai chuyện có liên quan đến nhau.

“Đúng thế, bố sắp kể cho con nghe chị Susie giờ đang ở đâu.”

Trên thiên đường tôi bật khóc. Tôi biết phải làm gì khác bây giờ?

“Chiếc giày này là quân Susie chọn để chơi Monopoly,” ông bảo. “Bố có quân xe ô-tô, đôi khi lấy xe cút-kít. Lindsey chọn cái bàn là, khi nào mẹ chơi thì mẹ chọn cỗ súng đại bác.”

“Kia là con chó phải không bố?”

“Phải, đó là con chó xù Scottie.”

“Nó là của con!”

“Được”, bố nói. Ông không vội vàng gì. Ông đã có cách giải thích. Ông ôm con trong lòng, vừa nói ông vừa cảm nhận thân thể tí hon trên đùi mình –

một khối nặng nề, rất ấm, rất sống động, rất người. Điều này an ủi ông.  
“Con chó Scottie từ nay sẽ là quân của con. Thế quân của chị Susie là gì nào, nhắc lại đi?”

“Chiếc giày”, Buckley trả lời.

“Đúng, còn bố là quân xe, chị Lindsey là cái bàn là, mẹ là cổ đại bác.”

Em tôi cố sức tập trung.

“Bây giờ mình bày hết lên bàn cờ, nhé? Con làm đi, thay cho bố.”

Buckley bốc một nắm, lại bốc tiếp, cho đến khi mọi quân cờ đều yên vị giữa ô Vận may và Quỷ cứu tế.

“Bây giờ ta xem các quân cờ kia là bạn mình nhé.”

“Như Nate hả bố?”

“Đúng thế, mình chọn cái mũ làm Nate. Còn bàn cờ là thế giới. Bây giờ nếu bố bảo, khi bố gieo xúc-xắc xong sẽ có một quân cờ bị lấy đi, thì điều đó nghĩa là gì?”

“Một quân đó không chơi được nữa à?”

“Đúng thế.”

“Tại sao vậy?” Buckley hỏi.

Em ngược nhìn bố, do dự

“Sao vậy hả bố?” em lại hỏi lần nữa.

Bố tôi không muốn trả lời rằng “bởi vì cuộc đời bất công” hay “bởi vì cuộc đời là thế.” Ông muốn tìm một hình ảnh đơn giản, rõ ràng, giải thích cho một đứa bé bốn tuổi hiểu được chết nghĩa là thế nào. Ông áp bàn tay lên tấm lưng bé bỏng của Buckley.

“Chị Susie chết rồi,” ông nói, chịu không ghép nối chuyện này vào bất cứ luật chơi nào. “Con có thể hiểu được thế nghĩa là gì không?”

Buckley vươn tay che chiếc giày. Em ngẩng đầu nhìn bố xem mình trả lời thế có đúng không.

Bố gật đầu. “Con sẽ chẳng bao giờ gặp chị Susie nữa, bé ạ. Không ai trong chúng ta còn gặp.” Bố tôi nắc lên. Buckley ngược nhìn vào mắt bố nhưng em không hiểu hết đầu đuôi.

Sau đó Buckley đặt chiếc giày trên mặt tủ quần áo của em, cho đến một hôm nó đột ngột biến mất, tìm mấy cũng không thấy.

Trong bếp mẹ làm xong món kem trứng đánh rượu rồi xin lỗi để sang phòng ăn soạn dao muổng nĩa bằng bạc đếm cho đủ số, bày đúng thứ tự lớp lang theo hình ‘bậc tam cấp’ như đã học được thời bà làm ở hiệu Wanamaker chuyên bán hàng cưới, trước khi sinh tôi. Bà thêm một điều thuốc và ước gì mấy đứa con còn sống của bà biến quách đi một lúc.

“Lindsey bóc quà ra xem chứ hả?” Samuel Heckler hỏi em gái tôi.

Chúng đứng bên tủ bếp, dựa vào máy rửa bát và các ngăn kéo đựng khăn ăn và khăn lau bát. Trong căn phòng bên tay phải có bố đang ngồi với em trai tôi; phía bên kia nhà bếp mẹ tôi đang nghĩ tới những Wedgwood Florentine, Cobalt Blue, Royal Worcester, Mountbatten, Lenox và Eternal.



Lindsey mỉm cười, kéo dải ruy-băng màu trắng thắt trên nắp hộp.

“Mẹ mình thắt nơ hộ đấy,” Samuel Heckler nói.

Em xé lớp giấy xanh bọc chiếc hộp nhưng đen. Xé giấy xong em thận trọng cầm nó trong lòng bàn tay. Trên thiên đường tôi cũng hồi hộp phấn khích. Hồi Lindsey và tôi còn chơi búp-bê hiệu Barbie và cậu chàng Ken làm đám cưới lúc mười sáu tuổi. Với chúng tôi con người chỉ yêu một lần duy nhất trong đời; chúng tôi không hình dung được thế nào là thỏa hiệp, hoặc thử tới thử lui.

“Cứ mở ra đi,” Samuel Heckler bảo.

“Mình sợ lắm.”

“Có gì đâu.”

Cậu sờ lên cánh tay em và ôi chao là cảm giác của tôi lúc đó! Lindsey đứng trong bếp cạnh một chàng trai dễ thương, dù giống ma cà-rông hay không! Thật là tin sốt dẻo, tin giật gân chạy tít trên báo – tôi tình cờ được biết mọi chuyện. Em sẽ chẳng bao giờ hé răng kể cho tôi những chuyện này đâu.

Hộp đựng món quà gì còn tùy mắt người xem, hoặc rập khuôn, hoặc gây thất vọng, hoặc tuyệt vời. Rập khuôn vì cậu mới mười ba tuổi, hoặc gây thất vọng vì không phải là một chiếc nhẫn cưới, hoặc tuyệt vời. Cậu tặng em một nửa quả tim bằng vàng. Nửa kia cậu kéo ra từ sợi dây da thô đeo quanh cổ nhét trong chiếc áo thun hiệu Hukapoo.

Lindsey đỏ bừng mặt; trên thiên đường mặt tôi cũng ửng hồng.

Tôi quên băng bố đang ở trong phòng sinh hoạt, quên mẹ đang lo đếm  
muỗng nĩa bạc. Tôi nhìn Lindsey tiến sát lại Samuel Heckler. Em ôm hôn  
cậu; một cảnh tượng huy hoàng. Tôi như được hồi sinh.

## CHƯƠNG SÁU

Hai tuần trước ngày từ giã cõi đời, tôi rời nhà muộn hơn thường lệ, nên lúc đến trường thì bùng binh tráng nhựa đen, bãi dành riêng cho xe buýt chở học sinh đã vắng tanh.

Một viên giám thị phòng kỷ luật túc trực sẵn để ghi tên học trò nào vào trường bằng cửa chính sau khi chuông reo lần thứ nhất, mà tôi thì không muốn bị loa phóng thanh réo tên mình giữa giờ học, bắt đến ngồi chờ ở băng ghế gỗ trước phòng ông Peterford, nơi mà ai cũng biết là sẽ bị bắt quỳ xuống để ông lấy thanh gỗ quất vào mông. Ông đã yêu cầu giáo viên môn thủ công đục vài lỗ để giảm lực cản của không khí, làm đau thêm bội phần khi nó phang lên lớp quần jeans.

Tôi chưa bao giờ đến trường quá muộn hay làm điều gì sai quấy đến nỗi phải chịu đòn, nhưng tôi hay bắt cứ đứa học trò nào khác hoàn toàn hình dung rõ rệt đến nỗi thấy rất bồng cả mông. Clarissa kể cho tôi rằng mấy oắt con nghiện oạt, như vẫn gọi ở trường, toàn đi cửa sau xuyên hậu trường sân khấu mà bà Cleo gác trường luôn để ngỏ, bà đã phải bỏ học nửa chừng vì là dân nghiện thâm canh cố đế.

Thế là ngày hôm đó tôi lên vào khu hậu trường sân khấu, dò từng bước chân, cẩn thận để đừng vấp phải đủ loại dây điện và dây cáp nằm ngổn ngang. Tôi dừng lại chỗ giàn giáo, đặt cặp sách xuống để chải lại tóc. Tôi có thói quen đội cái mũ gắn chuông khi rời khỏi nhà nhưng vừa đi qua khỏi ngôi nhà gia đình O'Dwyer là tôi thay ngay, trùm cái mũ đan cũ màu đen của bố lên đầu. Tóc tôi dựng lên vì tĩnh điện nên đến nơi tôi phải vào ngay phòng vệ sinh nữ để chải cho tóc nằm xuống.

“ Susie Salmon xinh lắm đấy.”

Tôi nghe tiếng mà không nhận ra từ đâu nên đưa mắt nhìn quanh quất.

“ Đây cơ mà,” tiếng nói cất lên.

Tôi ngẩng lên thấy đầu và mình của Ray Singh ló khỏi giàn giáo trên đầu tôi.

“ Chào bạn,” cậu nói.

Tôi biết Ray Singh đang phải lòng tôi. Cậu ta từ Anh đến đây năm ngoái nhưng Clarssa bảo sinh quán cậu ta lại là Ấn Độ. Chuyện một người có thể mang khuôn mặt của một quốc gia, nói ngôn ngữ của một dân tộc khác, rồi lại di cư sang một nước thứ ba quả thật tôi thấy quá khó tin. Tôi thấy cậu thật “hết xẩy”(1) là vì thế. Hơn nữa, cậu có vẻ thông minh gấp bội tôi tám trăm lần, và cậu lại trồng cây si tôi nữa chứ. Cuối cùng những thứ mà tôi cho là điệu bộ - chiếc áo lễ phục thỉnh thoảng mặc đến trường, những điều thuốc lá ngoại, thực ra là của bà mẹ - là bằng chứng tôi nghĩ cậu là con nhà gia thế. Cậu biết và thấy những điều bội tôi không thấy. Buổi sáng hôm ấy, khi cậu nói với tôi từ trên cao, tim tôi như muốn rụng xuống sàn.

“ Chuông tiết đầu chưa rung à?” tôi hỏi.

“ Hôm nay thầy Morton phụ trách điểm danh,” cậu nói. Như thế là đã giải thích cho tất cả. Thầy Morton thường xuyên vắng đầu do nát rượu, cao điểm thường đúng vào giờ điểm danh. Thầy chẳng bao giờ điểm danh.

“ Đăng ấy làm gì trên đó vậy?”

“Leo lên đây mà xem,” cậu vừa nói vừa lúi khuất tầm mắt tôi.

Tôi ngần ngại.

“Nào, Susie.”

Đó là ngày duy nhất trong cuộc đời tôi dám làm đứa học trò hư – hay ít ra bắt chước làm những điều cấm kỵ. Tôi đặt chân lên nấc thang cuối của giàn giáo, với tay nắm thanh xà ngang đầu tiên.

“Mang cả đồ lên luôn,” Ray khuyên tôi.

Tôi quay lại lấy cặp sách, vụng về leo lên.

“Để mình giúp,” cậu nói rồi đưa hai tay xốc nách tôi nhấc lên, dù qua lớp áo pác-ca mùa đông tôi cũng thấy ngượng. Tôi ngồi buông thõng hai chân đu đưa một lúc.

“Rút chân lên đi,” cậu ta nói. “Như thế sẽ không ai nhìn thấy mình.”

Tôi làm theo rồi dăm dăm nhìn cậu một lúc. Đột nhiên tôi cảm thấy mình thật ngớ ngẩn – không hiểu sao lại lên trên này.

“Thế đằng ấy ở đây suốt cả ngày hay sao?” tôi hỏi.

“Chờ hết giờ Anh văn thôi.”

“Bạn bỏ giờ Anh văn!” Cứ như cậu nói mới đánh cướp ngân hàng xong.

“ Vở kịch nào của Shakespeare do đoàn Royal Shakespeare Company diễn mình đều đã xem cả rồi,” Ray nói. “Mụ cù lần đó đâu có gì để dạy mình.”

Lúc đó tôi thật ái ngại cho bà Dewitt . Nếu làm đứa học trò hư có nghĩa phải gọi bà là mụ cù lần thì không có tôi rồi đấy.

“ Mình thích vở Othello,” tôi mạnh mẽ nói.

“ Mụ toàn giảng nhăng cuội, thái độ lại trịch thượng kẻ cả. Một dị bản Đen như tôi đây của gã người Moor (2).”

Ray rất thông minh. Thêm chuyện là dân gốc Ấn đến từ Anh đã khiến cậu thành người từ sao Hỏa ở thị trấn Norristown này.

“ Tay tài tử trong phim hóa trang thành đen trông ngô nghê thật,” tôi nói.

“ Đăng ấy nói về Ngài Laurence Olivier(3) chứ gì.”

Ray và tôi im lặng. Im lặng đủ để nghe tiếng chuông kết thúc màn điểm danh, rồi năm phút sau là tiếng chuông báo để chúng tôi xuống tầng trệt vào lớp do bà Dewitt phụ trách. Khi tiếng chuông dứt tôi cảm thấy da mình như cứ từng giây từng phút nóng dần lên theo tia nhìn của Ray đang lướt khắp người mình, để ý từng chi tiết cái áo khoác pác-ca màu xanh dương quý tộc và chiếc váy ngắn màu xanh lá cây chói chang cùng tất dài tiếp màu hiệu Danskin của tôi. Đôi giày tôi muốn mang lại đang nằm trong cặp đựng sách để bên cạnh. Chân tôi đang xỏ đôi ủng giả da cừu lột len nhân tạo, những sợi len xoắn xít hoen bẩn thối ra dọc các đường nếp và chỗ cổ ủng, trông như mớ ruột gà lòng thong. Giá biết trước ở đây sẽ diễn ra màn

tình tự luyện ái duy nhất của cả cuộc đời mình thì tôi đã sửa soạn kỹ hơn, lấy thời son hiệu Nụ hôn tình được có vị dâu ngọt và chuối ra tô môi lại trước khi bước vào đây rồi.

Tôi cảm thấy Ray đang cúi xuống tôi, giàn giáo bên dưới chúng tôi kêu kẹo kẹt theo từng cử động của cậu. Tôi thầm nghĩ Anh chàng đến từ Anh quốc. Môi cậu càng lúc càng gần lại, giàn giáo nghiêng chênh chếch một bên. Người tôi chống chĩnh – sắp thả người lặn ngụp dưới con sóng của nụ hôn đầu, chợt cả hai cùng nghe có tiếng động. Chúng tôi lặng cả người.

Ray và tôi nằm bên nhau, mắt dán lên trần nhà đầy bóng đèn và chằng chịt dây điện. Một lúc sau cửa hậu trường mở ra, ông Peterford và cô Ryan phụ trách môn mỹ nghệ bước vào, chúng tôi nhận ra họ qua giọng nói. Còn một người thứ ba nữa cùng đi với họ.

“ Lần này thầy cô chưa áp dụng biện pháp kỷ luật, nhưng nếu em cứ tiếp tục thì sẽ phải trừng phạt thôi,” ông Peterford bảo. “Cô Ryan này, cô có cầm theo những thứ ấy không?”

“ Có đây.” Cô Ryan đã từ một trường Công giáo chuyển tới trường Kennet này, phụ trách khoa mỹ nghệ thay hai tay cựu Híp-pi(4) bị sa thải vì vụ nổ lò nung. Chúng tôi hết còn được làm thí nghiệm với kim loại nung nóng chảy, nhồi nặn đất sét nữa, bây giờ ngày này qua ngày khác phải phác họa mặt nhìn nghiêng những tượng gỗ trong tư thế cứng ngắc cô giáo đem dựng làm mẫu cho cả lớp vào mỗi đầu giờ học.

“ Em chỉ làm bài tập thôi mà.” Đó là Ruth Connors. Tôi nhận ra giọng nói và Ray cũng thế. Chúng tôi cùng có tiết Anh văn với bà Dewitt.

“ Đây không phải là bài tập,” ông Peterford nói.

Ray nắm tay tôi, bóp mạnh. Chúng tôi biết họ đang nói về chuyện gì. Bản sao một bức tranh vẽ của Ruth được chuyển đi một vòng trong thư viện, đến tay cậu đang đứng ở tủ đựng phiếu thư mục sách thì bị bà thủ thư bắt gặp.

“ Nếu cô không nhầm thì trên tượng mẫu không có bầu vú” cô Ryan nói.

Bức tranh vẽ một người đàn bà nằm hai chân vắt chéo. Không phải hình bức tượng gỗ có thân mình nối với tứ chi bằng khoen móc và dây kẽm. Người đàn bà trông rất thật, và nét chì than tô mắt – vô tình hay hữu ý – tạo một vẻ khiêu dục gợi tình làm đứa nào nhìn cũng hoặc cực kỳ khó chịu hoặc hân hoan thú vị, xin cảm ơn bạn thật đấy.

“ Trên tượng mẫu cũng đâu có mũi hay mồm,” Ruth chống chế, “thế nhưng cô vẫn bắt bọn em vẽ đủ cả.”

Ray lại bóp mạnh tay tôi lần nữa.

“ Không cần nhiều lời, cô nương ạ,” ông Peterford nói. “Chính cái thể nằm ườn trong bức vẽ này rõ ràng đã khiến cậu nhóc nhà Nelson đem đi sao chụp.”

“ Lỗi tại em à?”

“ Không có bức vẽ thì đã chẳng có chuyện.”

“ Vậy vẫn lỗi tại em chứ gì?”



“ Tôi yêu cầu cô hiểu là cô đã đưa trường ta vào tình thế nào rồi, và giúp chúng tôi bằng cách vẽ những gì mà cô Ryan đã đề ra cho cả lớp, tránh thêm thắt những chi tiết không cần thiết.”

“ Leonardo da Vinci(5) từng vẽ cả xác chết đấy thôi,” Ruth khẽ nói.

“ Rõ chưa?”

“ Rõ ạ”, Ruth nói.

Có tiếng cửa hậu trường mở ra, sập lại, sau đó một lúc Ray và tôi nghe tiếng Ruth Connors khóc. Ray chúm môi để tôi hiểu ý muốn nói “ Xuống đi!”, thế là tôi dịch người dần ra phía bờ giàn giáo, dùng đưa chân tìm chỗ bám.

Chính tuần đó Ray hôn tôi bên chiếc tủ cá nhân của tôi. Lúc ở trên giàn giáo cậu muốn lắm mà lỡ cơ hội. Nụ hôn duy nhất của chúng tôi xảy đến bất ngờ như một tai nạn – một cầu vồng tuyệt vời trong vũng xăng.

Tôi leo xuống giàn giáo, lưng quay về phía Ruth. Cô nàng không nhúc nhích hay trốn tránh, chỉ đưa mắt nhìn tôi quay người lại. Cô nàng ngồi trên một thùng gỗ gần sau hậu trường. Đôi màn phong cũ kỹ buông rủ xuống phía trái cô nàng. Cô nàng nhìn tôi bước đến gần, không buồn lau nước mắt.

“ Susie Salmon”, cô nàng nói, chỉ để tự xác định. Khả năng tôi bỏ giờ đầu, trốn ở hậu trường trong thánh phòng, cho đến ngày hôm đó, quả thật khó xảy ra như chuyện đứa nữ học sinh thông minh nhất lớp tôi bị thầy giám thị phụ trách kỷ luật la mắng vậy.

Tôi đứng trước mặt cô nàng, mũ trong tay.

“ Mũ gì trông kỳ cục quá,” cô nàng nói.

Tôi giơ cái mũ đính chuông lên nhìn. “Tớ biết chứ. Của mẹ tớ đan cho đấy.”

“ Vậy là bạn nghe rồi hả?”

“ Cho tớ xem được không?”

Ruth giở bản chụp đã nhàu vì qua tay nhiều người và tôi chăm chú nhìn.

Brian Nelson đã lấy bút bi xanh vòng một lỗ trông thật tục tũ vào chỗ giữa hai đùi bắt tréo. Tôi lùi lại còn cô nàng quan sát tôi. Tôi thấy có gì lóe lên trong ánh mắt cô nàng, một câu hỏi kín đáo, rồi cúi lòi từ ba lô một tập giấy vẽ bọc bì da màu đen.

Tranh trong đó đẹp khôn tả. Đa số vẽ đàn bà, nhưng cũng có thú vật và đàn ông nữa. Tôi chưa hề được xem những thứ như thế bao giờ. Trang nào cô nàng cũng vẽ đầy kín. Lúc ấy tôi mới hiểu vì sao Ruth bị xem là phá hoại, không phải vì cô nàng vẽ tranh đàn bà khỏa thân bị bọn con trai đem ra tô bậy, mà vì cô nàng có tài hơn các giáo viên. Cô nàng là thứ nổi loạn trầm lặng nhất. Tuyệt vọng, đúng thế.

“ Bạn vẽ tài thật đấy Ruth ạ,” tôi tấm tắc.

“ Cảm ơn”, cô nàng trả lời, còn tôi tiếp tục xem từng trang, như uống và

người. Vùng cơ thể nằm dưới lằn đen ngang rốn trong những tấm hình này – phần mẹ tôi gọi là “bộ máy chế tạo em bé” – đã khiến tôi vừa sợ vừa phấn khích.

Tôi từng tuyên bố với Lindsey rằng sẽ không bao giờ có con, và khi vừa tròn mười tuổi, trong suốt gần sáu tháng trời tôi luôn thổ lộ với bất cứ người lớn nào chịu lắng nghe rằng tôi có ý định sau này sẽ đi thắt ống dẫn trứng. Thực ra tôi không hiểu mấy thế nghĩa là sao, chỉ biết đó là một biện pháp quyết liệt, đòi hỏi phải giải phẫu, khiến bố tôi phá lên cười.

Kể từ đó, Ruth đã từ lập dị biến thành đặc biệt đối với tôi. Mấy bức họa tuyệt đến nỗi làm tôi lúc đó quên băng nội quy nhà trường, rằng lũ học trò chúng tôi phải tuân theo tiếng chuông và tiếng còi.

Sau khi cánh đồng ngô bị quây lại, đào bới dò tìm, rồi bỏ hoang, Ruth hay ra đó đi dạo. Cô nàng quấn cổ bằng chiếc khăn len to của người bà cho, dưới chiếc áo thủy thủ sồn cũ của ông bố. Cô nàng sớm nhận ra rằng ngoài môn thể dục, thầy cô các môn khác không báo lên văn phòng nếu cô nàng trốn học. Không có cô nàng họ càng mừng : trí thông minh của cô nàng đã khiến cho cô nàng trở thành vấn đề, vì nó đòi hỏi họ phải tập trung giảng dạy và đẩy nhanh chương trình học.

Thế là từ nay sáng sáng cô nàng đi theo xe ông bố để khỏi phải đón xe buýt. Ông rời nhà rất sớm, mang theo hộp sắt tây đỏ thuôn thuôn đựng bữa ăn trưa, chiếc hộp mà hồi cô nàng còn nhỏ ông cho cô nàng lấy chơi, giả làm chuồng cho ngựa của búp-bê Barbie, bây giờ ông dùng đựng chai rượu Bourbon. Trước khi thả cô nàng xuống bãi đậu xe vắng vẻ, ông dùng chiếc xe tải nhưng vẫn để máy sưởi.

“Hôm nay mọi chuyện cũng suôn sẻ cả chứ?” lần nào ông cũng hỏi.

Ruth gật đầu.

“Làm một ngụm để còn đi tiếp nhé?”

Lần nào cô nàng không gạt đầu mà đưa cái hộp cho ông. Ông mở nắp, vặn nút chai rượu, ực một ngụm to rồi trao lại cho con gái. Cô nàng ngửa cổ ra sau rất kịch rồi hoặc lấy lưỡi che bớt miệng chai để chỉ có một ít rượu vào miệng, hoặc rúm người làm một ngụm nếu ông đang nhìn.

Từ trên buồng lái cao ngất ngھu cô nàng tụt xuống. Trời lạnh, lạnh cắt da trước khi mặt trời ló dạng. Rồi cô nàng nhớ một điều học được trong lớp: vận động thì ấm hơn chỉ ngồi một chỗ. Thế là cô nàng bắt đầu rảo bước thẳng đến cánh đồng ngô. Cô nàng vừa đi vừa độc thoại, thỉnh thoảng nghĩ đến tôi. Cô nàng thường tựa bờ rào chẳng lưới ngăn sân bóng đá với đường chạy để nghỉ chân, ngắm nhìn thế giới chung quanh đang sống dậy.

Mỗi sáng chúng tôi gặp nhau trong mấy tháng đầu như thế đấy. Mặt trời lên cao trên cánh đồng ngô và con Holiday , được bố tôi thả ra, sẽ lùng sục lũ thỏ giữa những thân ngô khô héo. Lũ thỏ thích những bãi cỏ được tia xén trên những bãi tập điền kinh; khi lại gần, Ruth thấy bóng chúng sẫm màu dọc những đường biên xa nhất vạch bằng vôi trắng, trông như một đội thể thao tí hon. Cô nàng thích ý tưởng này, tôi cũng thế. Cô nàng tin rằng đám thú nhồi bông đi lại vào ban đêm khi người ta đi ngủ. Cô nàng vẫn nghĩ rằng trong hộp đựng thức ăn trưa của ông bố có những con bò và cừu tí hon dư thì giờ để nhâm nhi rượu Bourbon với dôi Baloney(6).

Sau khi Lindsey đem đôi găng tay, quà Giáng sinh của tôi, đặt giữa đường biên xa nhất của sân bóng đá tiếp giáp cánh đồng ngô, thì một sáng nọ tôi thấy lũ thỏ đang thám thính: chúng ngửi ngửi những góc găng có dính da đồng loại. Rồi tôi thấy Ruth kịp nhặt chúng lên trước khi con Holiday chớp mắt. Cô nàng lộn tría một chiếc, lật mặt lông ra ngoài rồi áp lên má. Cô nàng ngược nhìn trời rồi nói “Cảm ơn.” Tôi thích nghĩ rằng cô nàng đang

trò chuyện với tôi.

Tôi dần dần quý mến cô nàng từ những buổi sáng ấy, cảm thấy rằng bằng cách nào đấy chúng tôi sinh ra để bầu bạn với nhau, điều chẳng bao giờ giải thích nổi khi nổi đũa ở một bên Cõi lưng chừng. Hai đứa con gái khác thường đã tìm đến nhau một cách hết sức khác thường – trong cảm giác ớn lạnh đã khiến cô nàng rùng mình khi tôi lướt qua hôm đó.

Ray hay đi bộ, như tôi, dù nhà ở cuối khu phố nằm quanh trường học. Cậu đã từng thấy Ruth Connors đi dạo một mình trên các sân bóng đá. Từ sau lễ Giáng sinh cậu luôn rào bước một mạch đến trường rồi về nhà ngay, không hề la cà đâu nữa. Cậu mong tên sát nhân sớm bị tóm cổ không kém gì bố mẹ tôi. Chưa tóm được hẳn thì dù có chứng cứ tại ngoại cậu vẫn không làm sao xóa được mọi nghi ngờ.

Cậu chọn một buổi sáng ông bố không phải đi dạy ở trường đại học, rót đầy trà ngọt bà mẹ pha vào bình thủy của ông bố. Cậu rời nhà sớm để ngồi chờ Ruth trên vành sắt uốn vòng mà các vận động viên ném tạ tì chân ở vành tròn bê-tông.

Khi thấy Ruth đang đi phía bên kia hàng xích sắt giữa ngăn nhà trường với sân bóng, trong đó có cái sân được trân trọng nhất – bãi bóng bầu dục – cậu xoa tay, chuẩn bị những gì định nói. Lần can đảm này không phải vì cậu đã

hôn tôi – mục tiêu cậu đặt ra từ cả năm trước khi hoàn thành – mà vì sự cô đơn cùng cực ở tuổi mười bốn.

Tôi quan sát Ruth đang tiến đến gần sân bóng đá, tưởng chỉ có mình ở đó. Khi dọn dẹp một ngôi nhà cũ của bố cô nàng đã tìm thấy và đem về cho cô nàng một thứ rất thích hợp với thú tiêu khiển mới của cô nàng – đó là một tuyển thơ. Cô nàng ôm quyển sách sát vào người.

Cô nàng thấy Ray đứng lên khi vẫn còn cách một đoạn.

“Chào Ruth Conners!” cậu vừa gọi vừa vẫy hai tay.

Ruth ngó qua, nhớ ngay tên cậu: Ray Singh. Ngoài ra cô nàng không biết gì hơn nữa. Cô nàng nghe đồn cảnh sát đã đến tận nhà cậu ta, nhưng cô nàng tin lời ông bố rằng “ Chẳng đứa con nít nào làm chuyện đó cả.” Cô nàng liền đi về phía cậu.

“Tớ có trà trong bình thủy đây,” Ray nói. Trên thiên đường tôi đổ mặt xấu hổ giùm cho cậu. Khi luận về vở Othello thì cậu nói hay thật, nhưng lúc này cậu vụng về làm sao.

“Không, mình cảm ơn,” Ruth nói. Cô nàng đứng gần nhưng vẫn giữ một khoảng cách xa hơn bình thường. Mấy móng tay cô nàng bấu vào cái bìa đã sờn của tập thơ.

“Hôm bạn với Susie nói chuyện sau hậu trường mình cũng có mặt ở đó nữa,” Ray nói. Cậu đưa bình thủy cho cô nàng nhưng cô nàng không nhích lại gần hơn, cũng chẳng ừ hử gì.

“Susie Salmon đấy,” cậu nói rõ thêm.

“Mình biết cậu muốn nói ai mà,” cô nàng bảo.

“Bạn đến dự lễ tưởng niệm chứ?”

“Mình không biết có buổi lễ đó,” cô nàng nói.

“Chắc mình không đến đâu.”

Tôi dăm dăm nhìn vào môi anh chàng. Chúng đỏ hơn do trời lạnh. Ruth

xích lại một bước.

“Bạn muốn bơi sáp chống khô môi không?”, Ruth hỏi.

Ray đưa tay mang găng lên ngang miệng, sợi len vướng vào những vết nẻ trên đôi môi tôi từng hôn. Ruth thọc tay vào túi áo khoác lấy ra thỏi Chap Stick. “Đây này”, cô nàng bảo, “Mình có cả lô cả lèn. Cậu cứ giữ mà dùng.”

“Hay quá”, cậu trả lời. Thế có muốn ngồi xuống đây cùng chờ xe buýt với mình không?”

Cả hai cùng ngồi ở bãi xi-măng của các vận động viên đẩy tạ. Tôi lại chứng kiến một cảnh chưa từng thấy: hai người ngồi bên nhau. Điều này làm Ray trở nên quyến rũ tôi hơn hẳn trước kia. Mắt anh chàng màu xám đậm. Từ trên thiên đườn nhìn xuống tôi không ngần ngại thả mình vào đó.

Chuyện gặp nhau trở thành thông lệ. Hôm nào bố cậu Ray đi dạy thì Ruth mang cho cậu ít rượu Bourbon trong cái chai bẹt(7) của ông bố; bằng không thì có trà ngọt. Cả hai rét nhưng dường như họ chẳng bận tâm.

Họ trò chuyện về thân phận người ngoại quốc sống ở Norristown như thế nào. Họ đọc to những bài trong hợp tuyển của Ruth. Họ trao đổi cách trở thành người mình muốn - trong nghề nghiệp. Ray muốn trở thành bác sĩ. Ruth muốn trở thành họa sĩ hoặc thi sĩ. Họ thành lập một hội kín với những kẻ khá lập dị nữa tìm thấy trong lớp. Trong số đó đương nhiên có những đứa như Mike Bayles đã hít quá nhiều a-xít(8) đến nỗi không ai hiểu làm sao nó vẫn đi học nổi, hay Jeremiah từ bang Louisiana chuyển về đây và cũng dân ngoại quốc y như Ray vậy. Rồi đến những đứa trầm tĩnh hơn. Có Artie luôn hăng say giải thích cho bất cứ ai muốn nghe về tác hại của chất formaldehyde(9). Có Harry Orland cả thẹn đến nỗi chỉ mặc quần đùi tập thể dục bên ngoài quần jeans. Cả Vicki Kurt nữa, ai cũng tưởng đã bình thường

lại sau khi bà mẹ qua đời, nhưng Ruth có lần bắt gặp nó nằm ngủ trên lớp lá thông gom lại lót lưng, phía sau trạm biến điện thế của trường. Và đôi khi họ nói về tôi.

“Thật lạ”, Ruth nói. “Ý tớ muốn nói, mình với Susie học cùng lớp từ vườn trẻ, nhưng mãi đến hôm ở hậu trường sân khấu trong nhà hát hai đứa mới nhìn nhau lần đầu tiên.”

“Cô ấy rất tuyệt,” Ray nói. Cậu nghĩ tới lúc môi chúng tôi chạm phớt vào nhau khi chỉ có hai đứa đứng bên dãy tủ cá nhân. Tôi nhắm mắt nhưng miệng vẫn mỉm cười rồi sau đó gần như bỏ chạy như thế nào. “Bạn có nghĩ là họ sẽ tìm ra tên sát nhân không?”

“Chắc sẽ tìm ra thôi. Cậu biết đấy, chỗ mình ngồi đây chỉ cách nơi xảy ra án mạng độ trăm thước chứ mấy.”

“Mình biết”, cậu nói.

Hai người ngồi trên cái vành sắt ở bãi ném tạ, cầm ly trà trong bàn tay đeo găng. Cánh đồng ngô đã trở thành một nơi không ai lai vãng nữa. Khi có quả bóng bị đá lạc sang thì mới có một cậu làm gan sang lượm. Rồi buổi sáng ấy mặt trời lên cao dần, rọi qua các thân ngô khô héo nhưng chẳng có chút hơi ấm nào.

“Tớ nhật được cái này đây,” cô nàng nói, chỉ vào đôi găng da.

“Bạn có bao giờ nghĩ đến Susie không?” cậu hỏi.

Hai người lại im lặng.

“Nghĩ luôn đấy chứ,” Ruth nói. Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi.



“Cậu biết không, đôi khi mình nghĩ Susie thật may mắn. Mình ghét sống ở đây.”

“Tớ cũng thế,” Ray đáp. “Nhưng tớ đã từng sống ở nhiều nơi khác. Đây chỉ là địa ngục tạm thời, không phải vĩnh viễn.”

“Bạn muốn nói...”

“Cô ấy đang ở trên thiên đường, nếu bạn tin điều đó.”

“Thế bạn không tin à?”

“Mình không tin, không.”

“Tớ tin đấy,” Ruth nói. “Không phải tin ba cái chuyện thiên thần chấp cánh, nhưng tin là thiên đường có thật.”

“Thế cô ấy hạnh phúc chứ?”

“Đó là thiên đường, phải không nào?”

“Nhưng nghĩa là thế nào chứ?”

Nước trà giờ lạnh buốt răng, và hồi chuông đầu vang lên. Ruth nhìn vào đáy ly trà nhoen miệng cười. “Như bố mình thì ông sẽ bảo như thế có nghĩa là cô nàng đã thoát khỏi cái hố phân này rồi.”

Khi bố tôi gõ cửa nhà Ray Singh, bà Ruana mẹ của Ray làm ông ngạc nhiên đến thoảng thốt. Không phải vì bà ân cần chào đón ngày từ đầu, bà chẳng có vẻ gì hân hoan cả, nhưng có cái gì đó trong mái tóc huyền, trong đôi mắt xám và cả trong cái cách lạ lùng như thể bà lùi lại sau khi đã mở cửa, đã làm ông choáng ngợp.

Trước đó ông có nghe cảnh sát thoả mái kháo nhau về bà. Theo họ bà lạnh lùng và kênh kiệu, kẻ cả, kỳ cục. Ông hình dung sẽ gặp một con người như thế.

“Mời ông vào chơi,” bà nói khi ông xưng tên. Nghe cái tên Salmon trong mắt bà như có những cánh cửa, không phải đóng sập lại, mà mở ra dẫn lối vào những không gian còn tăm tối mà ông rất mong là người đầu tiên được thăm viếng.

Ông gần như mất thăng bằng khi bà dẫn vào gian phòng ngoài chật hẹp, đầy đồ đạc. Trên sàn la liệt sách xếp gáy hướng lên trên, thành ba hàng dọc theo tường. Bà mặc áo choàng Sari màu vàng, bên dưới trông như chiếc quần bằng hàng thêu kim tuyến. Chân trần. Bà đi qua tấm thảm, dừng lại trước đi văng. “Ông uống gì nhé,” bà hỏi và ông gật đầu.

“Ông thích uống nóng hay lạnh ạ?”

Bà cho xin thứ gì nóng.”

Khi bà rẽ sang phòng bên nằm khuất tầm mắt, ông ngồi xuống chiếc đi văng phủ vải nâu kẻ ô. Những cửa sổ đối diện ông, bên dưới xếp đầy sách, được che bằng những tấm màn dài hàng Mu-xơ-lin khiến ánh sáng chói chang phải khó nhọc mới lọt qua được. Đột nhiên ông thấy ấm người, hầu như quên bằng lý do vì sao sáng nay ông phải kiểm tra lại hai lần địa chỉ nhà Singh.

Một lúc sau, khi bố tôi đang nghĩ sao mình mệt thế và đã hứa với mẹ tôi là sẽ ghé hiệu hấp tẩy lấy một số quần áo để đó từ lâu, thì bà Singh trở ra với khay trà, đặt lên tấm thảm trước mặt ông.

“Chúng tôi chưa sắm sửa nhiều bàn ghế. Tiến sĩ Singh vẫn đang tìm chỗ làm dài hạn.”

Bà sang phòng bên cạnh lấy cho mình cái gối bọc vải tía, đặt xuống thăm đối diện với ông.

“Tiến sĩ Singh là giáo sư đại học ạ?”, bố hỏi, tuy đã biết mười mươi, biết rõ cả về người đàn bà nhan sắc này và ngôi nhà bàn ghế sơ sài, nên ông cảm thấy hơi ngượng.

“Vâng”, bà trả lời rồi rót trà. Im lặng. Bà nâng tách trà mời, khi ông cầm lấy thì bà nói: “Ray cùng đi với bố nó hôm con gái ông bị sát hại.”

Ông choáng váng tý nữa ngã chúi lên người bà.

“Hắn đó là lý do ông đến đây,” bà bói tiếp.

“Vâng”, ông trả lời, “tôi muốn nói chuyện với cháu.”

“Cháu đi học chưa về,” bà bảo. “Ông biết giờ giấc nhà trường mà.” Bà gập đôi chân trong quần kim tuyến sang một bên. Móng chân bà để dài, không tô màu, các đầu ngón chân chai đi sau nhiều năm tập múa.

“Tôi muốn ghé thăm và cả quyết với bà rằng tôi biết cháu vô can,” bố tôi nói. Tôi chăm chú nhìn ông. Chưa bao giờ tôi thấy ông như thế này. Câu chữ thốt ra như những gánh nặng ông trút xuống, những động từ và danh từ lâu nay bị kiềm giữ, nhưng ông mãi nhìn đôi bàn chân bà khum trên mặt thảm nâu xám, nhìn những đốm nắng yếu ớt lọt qua rèm cửa vuốt ve má phải của bà.

“Cháu nó không hề làm điều gì sai trái cả, và cháu phải lòng cháu gái nhà ông. Tình ở tuổi học trò nhưng vẫn là tình yêu.”

Thứ tình học trò này mẹ của Ray gặp mãi rồi. Như cậu nhỏ đi bỏ báo, quăng vào hiên nhà rồi dừng xe đạp ngóng, hi vọng rằng bà đứng gần cửa khi nghe tiếng tờ báo Thông tin bang Philadelphia rơi phạch xuống hiên. Mong bà ra lấy, mong bà vẫy chào. Bà không cần phải mỉm cười, và bà hiếm khi cười khi ra khỏi nhà – chỉ cần cậu thấy ánh mắt bà, dáng đi vũ nữ công của bà, cách bà khoan thai như cân nhắc từng động tác

Khi cảnh sát đến đây tìm kẻ sát nhân, họ đã lẩn ca lẩn cán bước vào trong cái tiền sảnh tối tăm, nhưng Ray còn chưa xuống hết cầu thang thì bà Ruana đã làm họ bối rối, khiến họ vui vẻ ngồi trên đệm bọc lụa dùng trà. Họ yên trí bà sẽ kể lể huyền thuyên, điều họ quen thấy ở các người đàn bà xinh đẹp khác, thế nhưng họ càng tìm cách lấy lòng thì bà càng tỏ thái độ không khoan nhượng, bỏ ra đứng cạnh cửa sổ suốt thời gian họ lục vấn con trai mình.

“Tôi mừng cho Susie có được một cậu trai dễ mến thương nó,” bố tôi nói. “Tôi muốn cảm ơn con trai bà.”

Bà mỉm cười, không để lộ hàm răng.

“Cậu ấy có viết cho cháu một bức thư tỏ tình,” ông nói tiếp.

“Đúng thế.”

“Ước gì tôi đã linh cảm chuyện này để cũng làm như thế,” ông nói. “Để bảo với con tôi vào ngày cuối của đời nó rằng tôi thương nó lắm.”

“Vâng.”

“Nhưng con bà đã làm được điều đó.”

“Vâng.”

Hai người nhìn nhau một lúc.

“Chắc hôm đó bà làm cảnh sát tức điên nhỉ,” ông vừa nói vừa tủm tỉm cười, với mình hơn là với bà.

“Họ đến đây để buộc tội Ray,” bà trả lời. “Tôi không bận tâm về chuyện họ nghĩ gì về tôi.”

“Hắn lúc đó cậu con trai bà khổ tâm lắm nhỉ,” bố tôi bảo.

“Không, tôi không cho phép bất cứ ai làm nó buồn phiền”, bà nghiêm giọng và đặt tách trà xuống khay. “Ông không cần thương hại Ray hay chúng tôi.”

Bố tôi lắp bắp định chống chế.

Bà khua tay. “Ông mất đứa con gái yêu và đến đây với một chủ đích nào đó. Tôi chấp nhận, song chỉ điều đó thôi, còn nếu ông muốn thử tìm hiểu cuộc sống của chúng tôi thì tôi không cho phép.”

“Tôi không hề có ý xúc phạm bà,” ông trả lời, “tôi chỉ...”

Bà lại giơ tay lên lần nữa.

“Hai mươi phút nữa Ray sẽ về đến đây. Tôi sẽ chuẩn bị tinh thần cho cháu trước, sau đó ông có thể trò chuyện với cháu về con gái của ông.”

“Tôi có nói gì đâu nào?”

“Tôi không thích mua sắm bàn ghế gì cho nhiều. Như vậy sẽ dễ cho tôi nếu một ngày nào đấy phải quyết định thu vén rời khỏi nơi này.”

“Tôi mong ông bà sẽ ở lại đây,” bố tôi nói, vì từ nhỏ ông được dạy lễ phép, ông cũng giáo dục tôi như thế, nhưng ông nói vậy vì phần nào đó ông mong đợi nhiều hơn từ phía người đàn bà lạnh lùng nhưng không thật lạnh lùng này, từ tảng đá nhưng không phải tảng đá này.

“Ông thật tử tế,” bà bảo, “nhưng ông đâu biết gì về tôi. Bây giờ chúng ta cùng đợi Ray về.”

Bố tôi đã rời nhà ngay giữa lúc Lindsey và mẹ tôi cãi nhau. Mẹ tôi cứ cố ép Lindsey cùng đi bơi với bà ở hồ tắm Y(10). Chẳng buồn cân nhắc, Lindsey tru tréo gào lên : “Con thà chết còn hơn!”. Bố tôi thấy mẹ lặng người đi, rồi òa khóc, bà nức nở chạy vào phòng ngủ sập cửa lại. Ông lặng lẽ nhét quyển sổ tay vào túi áo khoác, lấy chìa khóa xe móc ở cửa sau rồi lên ra ngoài.

Trong hai tháng đầu bố mẹ tôi mỗi người một hướng. Người này ở nhà thì người kia đi. Bố tôi ngủ gật trên chiếc ghế màu xanh lục trong phòng làm việc, khi tỉnh dậy ông rón rén vào phòng ngủ, chui vào giường. Nếu mẹ tôi đã kéo hết chăn thì ông cứ thế nằm không, co quắp, sẵn sàng bật dậy bất cứ lúc nào, sẵn sàng đối phó với mọi thứ.

“Tôi biết kẻ nào đã giết con tôi,” ông nghe thấy tiếng mình nói với bà Ruana Singh.

“Ông đã cho cảnh sát biết rồi chứ?”

“Rồi.”

“Thế họ nói sao?”

“Họ bảo tạm thời không có gì cho thấy hăn có liên quan đến vụ án mạng, ngoài sự nghi ngờ của tôi.”

“Sự nghi ngờ của một người cha...” bà bỏ lửng câu nói.

“Cũng mạnh không kém trực giác của một bà mẹ.”

Lần này khi mỉm cười bà để hé chút răng.

“Hăn là hàng xóm.”

“Ông định làm gì?”

“Tôi đang điều tra mọi manh mối,” bố tôi đáp, thừa biết giọng mình lúc ấy thế nào.

“Và con trai tôi...”

“Là một manh mối.”

“Có thể tên đàn ông kia làm ông quá sợ.”

“Nhưng tôi phải làm gì chứ,” ông phản đối.

“Chúng ta trở lại khởi điểm, ông Salmon ạ,” bà nói. “Ông hiểu nhầm ý tôi. Tôi không nói việc ông đến đây là sai. Trong chừng mực nào đó thì việc này đúng thôi. Ông muốn tìm chút gì đấy êm ái, chút gì đấy ấm áp trong tất cả những chuyện này. Sự điều tra của ông đã đưa ông tới đây. Điều đó tốt thôi. Tôi chỉ băn khoăn không biết nó cũng tốt cho con trai tôi hay không thôi.”

“Tôi không có ý làm gì cháu đâu.”

“Tên hân là gì?”

“George Harvey.” Đây là lần đầu tiên ông nói to tên hân cho một người khác nghe, ngoài Len Fenerman.

Không nói gì thêm, bà đứng lên, quay lưng về phía bố tôi, bước tới cửa sổ đầu tiên rồi cửa sổ kia kéo màn. Bà thích ánh nắng vào quãng giờ tan học. Bà ngóng chờ Ray trên đường về nhà.

“Ray về kia rồi. Tôi ra đón cháu. Xin lỗi ông, tôi phải khoác áo xỏ giày.” Bà ngừng một lát rồi nói tiếp. “Ông Salmon ạ, ở địa vị ông tôi cũng sẽ làm y như ông vậy: tôi sẽ kể với những ai tôi thấy cần, tôi sẽ không tiết lộ tên hân cho quá nhiều người biết. Khi biết chắc rồi,” bà nói, “tôi sẽ tìm một cách êm thấm giết hân.”

Ông nghe tiếng bà vọng ngoài tiền sảnh, tiếng các móc áo bằng kim loại lách cách lúc bà lấy áo choàng. Vài phút sau có tiếng cửa mở ra rồi sập lại. Một luồng gió lạnh từ ngoài lùa vào, rồi ông thấy trên đường một bà mẹ đón con trai. Hai mẹ con đều không cười. Đầu họ cúi thấp, môi mấp máy. Ray được cho biết là bố tôi đang chờ cậu trong nhà.

Mới đầu cả tôi lẫn mẹ tôi đều nghĩ rằng Len Fenerman khác những người kia là điều ai cũng thấy. Ông ta nhỏ nhắn hơn những viên cảnh sát cao lớn dềnh dàng mặc sắc phục thường tháp tùng ông. Thế nhưng còn có những đặc điểm khó thấy hơn – chẳng hạn cách ông ta hay trầm tư suy nghĩ, ít pha trò, luôn nghiêm trang khi đề cập đến tôi hay những chi tiết liên quan đến vụ này. Nhưng khi trò chuyện với mẹ tôi, Len Fenerman đã tự bộc lộ ông là người như thế nào: một con người lạc quan. Ông tin chắc kẻ giết tôi trước sau cũng sẽ bị bắt.



“Có lẽ chưa phải hôm nay hay ngày mai đâu,” ông bảo với mẹ tôi, “nhưng một ngày nào đó, hẳn sẽ có hành động bất cần. Loại người này thường không làm chủ được thói quen của họ.”

Mẹ tôi phải một mình tiếp chuyện Len Fenerma, chờ bố tôi từ gia đình Singh về. Trên bàn trong phòng sinh hoạt chung lô bút chì màu của Buckley nằm lăn lóc trên tờ giấy gói đồ mẹ tôi để đó. Buckley và cu Nate vẽ mãi cho đến lúc buồn ngủ đầu rũ xuống như những bông hoa nặng trĩu, mẹ tôi phải bế từng đứa, đặt nằm trên đi văng. Hai đứa nằm ngủ ở đó, đầu mỗi đứa một phía, chân gần chạm nhau quăng giữa đi văng.

Len Fenerman đủ lịch lãm nên đã hạ giọng thì thầm nhưng mẹ tôi để ý thấy ông ta không phải là người yêu thích trẻ con. Ông ta nhìn bà bế hai đứa bé chứ không đứng dậy giúp một tay hay nhận xét về chúng, như các nhân viên cảnh sát khác vẫn nhận xét về bà qua những đứa con, cả đứa còn sống lẫn đứa đã chết.

“Anh Jack có chuyện muốn nói với ông,” mẹ tôi nói. “Nhưng chắc là ông quá bận không đợi được.”

“Cũng không bận lắm đâu.

Tôi thấy một lọn tóc đen bà giắt sau vành tai tuột ra, làm khuôn mặt bà dịu hơn. Tôi thấy ông Len cũng nhận ra điều ấy.

“Nhà tôi đến nhà cậu Ray Singh đáng thương,” bà nói và giắt lại lọn tóc vừa vương ra.

“Tôi rất tiếc đã phải thăm vấn cậu ta,” Len nói.

“Đúng thế”, bà bảo. “Chẳng cậu nào lại có thể...” Bà không nói chữ đó ra

được mà ông không đòi bà phải nói.

“Không thể bác bỏ được bằng chứng ngoại phạm của cậu ta.”

Mẹ tôi nhặt một cây bút chì màu trên tờ giấy gói đồ. Len Fenerman nhìn mẹ tôi vạch những đường thẳng thành hình người và chó. Buckley và Nate ngáy khe khẽ trên đi văng. Em tôi nằm co người như bào thai trong bụng mẹ, một lúc sau cho ngón tay cái vào miệng mút. Mẹ vẫn dặn chúng tôi phải tập cho em bỏ cái tật đó đi. Giờ đây bà thêm được yên bình thanh thoi như em.

“Bà làm tôi nhớ đến vợ tôi,” Len lên tiếng sau một lúc lâu im lặng, trong lúc đó mẹ tôi vẽ một con chó màu cam và một thứ trông như con ngựa màu xanh da trời bị điện giật.

“Bà ấy cũng không biết vẽ à?”

“Hồi đó nhà tôi thường kiệm lời, nếu cô ấy không có gì đáng để nói.”

Vài phút nữa trôi qua. Mẹ vẽ một mặt trời như quả bóng màu vàng. Một ngôi nhà màu nâu trồng hoa trước cửa – hồng, xanh da trời, tía.

“Sao lại hồi đó?”

Hai người cùng nghe tiếng mở cửa nhà xe. “Nhà tôi mất không lâu sau khi chúng tôi lấy nhau,” ông nói.

“Bố!” Buckley la lên, bật dậy, quên cả cu Nate lẫn mọi người.

“Tôi rất lấy làm tiếc,” bà nói với Len.

“Tôi cũng thế,” ông nói, “về chuyện cháu Susie. Thật đấy.”

Bố tôi vui vẻ chào Buckley và Nate ở hậu sảnh, ông kêu “Dưỡng khí của bố ơ!” như luôn vẫn kêu khi bị ba chị em tôi bám vai bá cổ sau một ngày làm việc đặng đặng. Ngay cả khi thấy mình chỉ đóng trò thì chuyện ra về hồ hởi trước em trai tôi thường là lúc ông vui thú nhất trong ngày.

Trong lúc bố tôi từ sau nhà đi ra phòng sinh hoạt chung, mẹ tôi dăm dăm nhìn Len Fenerman. Ra ngay chỗ bồn rửa bát đi mẹ, tôi muốn nói với bà rằng mẹ hãy ngó xuống lỗ thoát nước và nhìn vào lòng đất. Con đang đợi dưới đó; con đang ở trên này quan sát.

Len Fenerman là người đầu tiên yêu cầu mẹ tôi đưa tấm ảnh tôi chụp ở trường lúc cảnh sát vẫn tin rằng tôi vẫn còn sống. Trong ví ông, nó nằm chung với một sấp ảnh khác. Giữa những ảnh trẻ con và người lạ là tấm ảnh của vợ ông. Vụ nào xong rồi, ông ghi ngày tháng giải quyết sau tấm ảnh. Vụ nào chưa xong – đó là theo ý ông, chứ không phải trong hồ sơ chính thức của cảnh sát – phía sau ảnh vẫn để trống. Phía sau ảnh tôi không ghi gì hết. Sau ảnh vợ ông cũng chẳng có gì.

“Chào ông Len, ông mạnh khỏe chứ?” bố tôi hỏi. Con Holiday nhón dậy, vẫy đuôi đòi bố tôi vuốt ve.

“Tôi nghe nói ông đến gặp Ray Singh,” Len nói.

“Hai chú nhóc này, sao không lên phòng Buckley mà chơi đi?” mẹ tôi bảo. “Thanh tra Fenerman với bố cần nói chuyện.”

## CHƯƠNG BẢY

“Bồ có thấy chị ấy không?” Buckley hỏi Nate lúc cả hai leo thang lên gác, theo sau là con Holiday. “Chị tớ ấy”.

“Không”, Nate trả lời.

“Chị ấy đi vắng ít ngày, nhưng bây giờ về rồi. Ta chạy đua nào!”

Thế là cả ba - hai cậu bé và con chó - chạy ào lên đoạn thang dài uốn khúc.

Tôi chưa từng cho phép mình thương nhớ Buckley, sợ rằng nó có thể thấy bóng hình tôi hiện ra trong gương hay nắp chai. Như mọi người khác, tôi cố che chở em. “Nó còn bé quá mà”, tôi nói với Franny. “Thế theo cháu thì lũ bạn mà bọn trẻ con vẫn tưởng tượng từ đâu mà ra?”, bà vặn lại.

Hai cậu bé ngồi vài phút dưới bức phù điêu tẩm bia mộ lông khung treo ngoài phòng ngủ của bố mẹ tôi. Cửa một ngôi mộ trong một nghĩa trang ở Luân Đôn. Mẹ kể cho Lindsay và tôi rằng bố mẹ tìm tranh treo tường; trong tuần trăng mật hai ông bà gặp một bà cụ chỉ cho cách in vỏ phù điêu mộ bia. Năm tôi lên mười, phần lớn phù điêu mộ bia này được đem cất dưới hầm, các mảng trống trên những bức tường ngoại ô của chúng tôi được trám bằng những bức đồ họa sắc sảo mà người ta cho là sẽ kích thích trí tuệ của trẻ con. Nhưng Lindsay và tôi lại ưa các bức phù điêu mộ bia, nhất là bức treo trên chỗ cu Nate và Buckley ngồi xế trưa hôm đó.

Giá còn sống, tôi và Lindsey sẽ nằm dài trên sàn ngay dưới bức tranh đó. Tôi giả làm chàng hiệp sĩ trong tranh, còn Holiday là con chó trung thành nằm cuộn mình dưới chân chàng. Lindsey đóng vai cô vợ góa. Vợ kịch luôn kết thúc bằng những tràng cười sặc sụa dù mở đầu trang nghiêm mấy đi nữa. Lindsey sẽ giải bày với chàng hiệp sĩ quá cố rằng người vợ phải tiếp

tục sống, không thể bị giam hãm cả phần đời còn lại bởi người chồng đã chết khô xác. Tôi bèn nổi cơn thịnh nộ, nhưng không đóng trò này được lâu. Cuối cùng cô vợ mô tả người tình mới của mình như sau: một gã đồ tể béo phì biểu nàng toàn thứ thịt thượng hạng, hay anh thợ rèn khéo tay biết làm cho nàng cái móc cài áo. “Hiệp sĩ ơi, chàng đã chết rồi,” Lindsey nói. “Đã đến lúc em phải đi tiếp đây.”

“Tối hôm qua chị tớ vô phòng hôn lên má tớ đấy,” Buckley kể.

“Làm gì có chuyện đó”

“Có mà”

“Thật không?”

“Thật”

“Thế bồ có kể cho mẹ bồ không?”

“Đây là chuyện bí mật,” Buckley bảo. “Chị Susie bảo là chị ấy chưa tiện trò chuyện với bố mẹ tớ. Có cái này nữa, bồ muốn xem không?”

“Có chứ”, Nate nói.

Cả hai nhóm dậy đi về phía dãy phong ba chị em, để con Holiday nằm thiêu ngủ dưới tấm phủ điều.

“Vào đây mà xem,” Buckley nói.

Hai đứa vào phòng tôi. Tấm ảnh chụp mẹ tôi Lindsey đã lấy đi rồi. Ngẫm nghĩ một lúc em lại quay vào lấy luôn cả phủ hiệu in hàng chữ “Hippy-

Diddy gửi lời chào thăm thiết.”

“Phòng của chị Susie,” Nate nói.

Buckley đưa mấy ngón tay lên môi. Bé vẫn thấy mẹ ra hiệu như thế mỗi khi muốn chúng tôi đừng làm ồn, bây giờ bé cũng muốn Nate giữ yên lặng. Bé nằm sấp trên thảm, ra hiệu cho Nate làm theo, rồi hai đứa bắt chước Holiday bò dưới tấm khăn trải giường đến chỗ giấu đồ bí mật của tôi.

Mặt dưới tấm vải bọc đệm lò xo bị thủng một lỗ, tôi mới nhét trong đó linh kính các thứ không muốn cho ai thấy. Tôi phải giấu, kéo con Holiday cào toạc chỗ đó, móc rơi ra hết. Quả nhiên điều này xảy ra hai mươi bốn giờ sau khi tôi mất tích. Bố mẹ tôi đã lục tìm phòng tôi mong tìm được mấy lời giải thích, rồi để cửa ngỏ. Con Holiday đã tha đi mấy miếng kẹo dẻo cam thảo tôi cất trong đó. Mấy thứ tôi cất giấu nằm vương vãi dưới gầm giường; trong số đó có một món chỉ có Buckley và Nate mới nhận ra được. Buckley giở chiếc khăn tay cũ của bố tôi; nó đẩy, cái cành cây con dính máu.

Năm ngoái, thằng bé Buckley ba tuổi đã nuốt que cành cây con đó. Nate và bé đang chơi trò nhét sỏi và mũi trong vườn sau; rồi Buckley tìm thấy một cành con dưới gốc cây sồi, chỗ mẹ tôi buộc một đầu dây phơi quần áo. Nó ngậm que như người ta ngậm thuốc lá. Tôi ngồi ngoài hàng hiên trước cửa sổ phòng mình nhìn xuống trông chừng em, vừa tô móng chân bằng loại thuốc hồn tía pha kim nhũ của Clarissa vừa đọc tạp chí Tuổi mười bảy.

Tôi luôn bị giao nhiệm vụ trông chừng đứa em trai nhỏ. Lindsey được xem là chưa đủ lớn. Ngoài ra, cô nàng có bộ óc đầy sáng kiến, có nghĩa là cô nàng được rảnh rang làm những chuyện như dành cả buổi trưa hè hôm đó chỉ để vẽ chi li mắt một con ruồi trên giấy vẽ đồ thị với bộ bút màu chì 130 màu hiệu Prisma của cô nàng.

Ngoài trời không nóng lắm, lúc đó đang hè, và tôi định dùng thời gian phải

bé chân ngồi nhà vào việc làm đẹp. Buổi sáng tôi đã tắm gội và xông hơi. Xong xuôi tôi ra hàng hiên ngồi hong tóc và tô móng chân.

Vừa tô xong lớp thuốc kim nhũ màu tía lần thức nhì thì có một con ruồi đậu trên que cọ của nắp lọ thuốc. Tôi nghe tiếng Nate kêu như đang thách hay dọa gì đó, tôi liếc nhìn con ruồi để cố nhận ra những ô vuông trên mắt nó mà Lindsey đang tô vẽ trong nhà. Một làn gió thoảng qua khiến những sợi vải te tua của chiếc quần Jean cắt cụt áp sát vào đùi tôi.

“Chị Susie ời, chị Susie!” Nate réo lên.

Tôi nhìn xuống thấy Buckley đang nằm lăn trên đất.

Tôi luôn kể cho Holly về chính cái ngày hôm ấy, khi chúng tôi trò chuyện về việc cứu nạn. Tôi tin là có thể được, còn cô nàng thì không.

Tôi xoay người, buông chân, chiu tọt qua cửa sổ đang mở, một chân hạ đúng xuống cái ghế đầu để ngồi khâu vá, chân kia đặt lên tấm thảm bên, ngay trước bàn chân nọ, tôi quỳ xuống rồi phóng đi như một vận động viên điền kinh rời bệ. Tôi chạy dọc hành lang rồi theo cầu thang tuột xuống nhà dưới – bình thường chún tôi bị cấm làm thế. Tôi gọi Lindsey rồi quên em ngay, chạy qua chiếc cửa căng lưới ra vườn sau, nhảy phóc qua hàng rào chắn chó tới chỗ cây sồi.

Buckley bị nghệt thở, người em co quắp, tôi bỗng em đi trước vào ga-ra, nơi để chiếc Mustang quý giá của bố, Nate lèo đẹo theo sau. Tôi từng quan sát bố mẹ lái xe, mẹ cũng đã chở tôi cách gài số lùi xe. Tôi đặt Buckley lên băng sau, mò chùm chìa khóa bố vẫn giấu trong lô chậu sành không dùng đến. Tôi phóng ào ào suốt đoạn đường đến bệnh viện. Tôi làm cháy mất phanh tay, nhưng hình như chẳng ai để ý đến chuyện đó.

“Nếu hôm đó không có cháu gái,” sau này ông bác sĩ nói với mẹ tôi, “thì

chắc là bà mất cậu bé này rồi.”

Bà ngoại Lynn tiên đoán là tôi sẽ sống lâu vì đã cứu mạng em tôi. Như thường lệ, bà đã đoán sai.

“Lạ nhỉ”, Nate thốt lên, cầm nhánh cây lên xem và lấy làm ngạc nhiên sao máu đỏ nay biến thành đen.

“Ừ, lạ thật,” Buckley nói. Hồi tưởng lại bé thấy trong bụng trộn trạo. Nhớ lại những cơn đau, nhớ có gì thay đổi trên gương mặt những người lớn đứng quanh cái giường rộng thênh thang em nằm ở nhà thương. Em chỉ thấy nét mặt nghiêm trọng này một lần nữa thôi. Nhưng hồi em ở nhà thương, ánh mắt bố mẹ lúc đầu trĩu nặng lo âu, sau rạn rỡ và nhẹ nhõm khi ôm ấp em, còn bây giờ mắt bố mẹ chúng tôi thần thờ và sẽ mãi thần thờ.

Ngày hôm ấy trên thiên đường tôi thấy kiệt sức. Tôi lão đảo bước về vọng lâu, mắt căng nhìn. Trời tối mịt, đối diện là một tòa nhà to sừng sững tôi chưa hề bước chân vào.

Thưở bé tôi từng đọc truyện Cậu James và quả đào khổng lồ. Tòa nhà này trông giống ngôi nhà các bà dì của cậu ta, đồ sộ, ảm đảm, kiến trúc kiểu Victoria (1). Tòa nhà có gác vọng canh trên nóc (2). Trong một khoảnh khắc, lúc mắt tôi làm quen với bóng tối, tôi tưởng như nhìn thấy một hàng phụ nữ đứng trên hành lang chỉ tay về hướng tôi. Nhưng một loáng sau tôi lại thấy khác. Đó là một đàn quạ đen đậu thành hàng, ngậm những cành nhỏ cong cong. Lúc tôi đứng lên để đi về ngôi nhà hai căn của mình thì chúng cất cánh bay theo. Em trai tôi có thực hình thấy tôi không nhỉ, hay cậu bé chỉ kể lại những chuyện lý thú em tự đặt ra?



## CHƯƠNG TÁM

Suốt ba tháng ròng tên Harvey chỉ nằm mơ toàn thấy nhà là nhà. Hắn thấy một khoảnh đất ở Nam Tư, nơi những ngôi nhà sàn mái rạ không chống nổi cơn nước lũ vũ bão nên bị cuốn trôi. Bầu trời trên cao một màu xanh lơ. Hắn thấy các ngôi nhà thờ gỗ xây dọc các vịnh hẹp và các vùng thung lũng nằm khuất phía sau của xứ Nauiy, những khúc gỗ này xưa kia do chính các tay thợ đóng thuyền người Viking (1) chạm khắc. Hình tượng rồng và ảnh hưởng của từng nơi được tạc lên gỗ. Nhưng chỉ có một toàn nhà ở vùng Vologda hắn hay mơ thấy nhất: đó là nhà thờ Chúa Biển Hình (2). Hắn đã nằm mơ thấy thế - giấc mơ hắn ưa nhất – vào buổi tối hôm hắn giết tôi và liên tục trong những đêm tiếp theo, cho đến khi những giấc mơ khác trở lại với hắn. Những giấc mơ không yên tĩnh – những giấc mơ về đàn bà và trẻ con.

Tôi có thể thấy ngược thời gian, trở lại lúc Harvey còn trong vòng tay bà mẹ, đắm đắm nhìn qua cái bàn đầy những mảnh thủy tinh đủ màu. Bố hắn phân loại, gom theo hình dạng, kích thước, độ dày và trọng lượng. Đôi mắt thợ kim hoàn của ông bố sẫm soi từng viên tìm tì vết. Rồi George Harvey quay sang dán mắt tìm viên đá quý quý nhất mẹ hắn đeo ở cổ, một viên mã não to hình bầu dục, chung quanh nạm bạc, trong đó có một con ruồi nguyên vẹn.

“Thợ xây cất,” Harvey chỉ nói có thế, hồi hắn còn nhỏ. Sau đó hắn không trả lời nữa khi có ai hỏi bố hắn làm nghề gì. Làm sao hắn kể được rằng ông làm việc trong sa mạc, chuyên dựng lều lán tạm bợ với mảnh chai vụn và ván gỗ cũ? Bố hắn còn thuyết cho hắn một tràng về những đặc điểm của một tòa nhà hoàn chỉnh, về bí quyết để xây những công trình bền vững.

Quyển sổ ghi cũ kỹ của bố hắn là thứ Harvey lấy ra đọc mỗi khi những giấc mơ không yên tĩnh kia trở lại. Hắn đắm mình trong hình ảnh những nơi

chỗn và thế giới khác, cố ưa thích những gì thực tâm hẳn không ưa thích. Thế rồi hẳn bắt đầu mơ về lần cuối cùng thấy mẹ hẳn, bà đang chạy băng qua cánh đồng ven đường. Mẹ hẳn mặc toàn một màu trắng, từ quần kiểu Capri đến tấm áo chên, cổ áo cắt hình mũi thuyền. Bố mẹ hẳn cãi nhau lần cuối cùng trong chiếc xe ngột ngạt lúc chạy đến ngoại vi thành phố Truth or Consequences, bang New Mexico. Bố hẳn tống mẹ hẳn ra khỏi xe. George Harvey ngồi lì như hóa đá trên băng sau, mắt mở to, không sợ hãi vì đã hóa đá, theo dõi từ đầu đến cuối, như sau này hẳn vẫn làm – giống như xem phim với tốc độ chậm. Mẹ hẳn bỏ chạy không quay lại, dáng bà mảnh mai, trắng toát dần mất hút, trong khi con trai bà nắm sợi dây chuyền với mặt ngọc mã não bà rút ra đưa cho hẳn. Bố hẳn trông chừng dòng xe trên đường rồi bảo: “Mẹ mà đi rồi, con ạ. Không về nữa đâu.”

## CHƯƠNG CHÍN

Bà ngoại đến nhà chúng tôi buổi tối trước hôm cử hành lễ tưởng niệm tôi, vẫn với cung cách như mọi khi. Bà thích thuê xe li-mu-din (1) đưa bà từ phi trường về, ngồi trong xe bà nhấm nháp rượu sâm-banh, trên người khoác cái bà gọi là “con thú lông dày tuyết vời” của bà – chiếc áo lông chồn bà mua được ở quầy quần áo cũ nhà thờ họ đạo bày bán gây quỹ từ thiện. Bố mẹ tôi không mời bà mà chỉ rủ bà cùng đi với gia đình, nếu bà muốn dự buổi lễ. Cuối tháng Giêng thầy hiệu trưởng Caden nảy ra sáng kiến này. Ông bảo rằng “Buổi lễ sẽ gây tác động tốt cho các cháu của ông bà và cho cả học sinh toàn trường nữa”. Ông đích thân tổ chức buổi lễ ở nhà thờ xứ đạo chúng tôi. Bố mẹ tôi như những kẻ mộng du, ông hỏi gì cũng đồng ý, gật đầu ưng thuận mọi đề nghị của ông, từ các thứ hoa ông chọn đến người đọc điệu văn. Khi mẹ tôi thưa chuyện này với bà ngoại qua điện thoại, bà ngạc nhiên khi nghe bà ngoại bảo “Mẹ sẽ đến”.

“Nhưng mẹ không bắt buộc phải có mặt đâu.”

Ở đầu dây bên kia bà ngoại lặng thinh một lúc. “Abigail này”, bà nói, “đây là đám tang Susan cơ mà.”

Bà ngoại Lynn đã làm mẹ tôi ngỡ ngàng vì bà khăng khăng khoác cái áo lông cũ đi dạo quanh khu phố, và bà đã có lần son phấn quá đáng khi dự một buổi liên hoan trong khu phố. Bà hỏi đi hỏi lại mẹ tôi cho đến khi biết hết tên tuổi từng người láng giềng, hỏi mẹ đã nhìn tận mắt bên trong nhà họ chưa, ông chồng làm nghề gì, xe hơi hiệu gì. Bà lên một danh sách đầy đủ về các người hàng xóm. Bây giờ tôi mới rõ ràng đó là cách để bà hiểu con gái mình hơn. Bà bủa vây mẹ song tính toàn nhằm, khác nào một màn khiêu vũ náo lòng vì không có người cùng nhảy.

“ Jack-y”, bà ngoại nói khi lại gần bố mẹ tôi đứng ở hiên trước, “Mẹ con mình phải uống chút gì mạnh mới được!” Rồi bà thấy Lindsey đang rón rén lên lên gác, cố vớt vát thêm ít phút trước màn chào hỏi bắt buộc . “Con bé này không ưa bà,” bà ngoại Lynn nói. Bà cười gượng. Răng bà trắng và đều.

“ Mẹ à”, mẹ tôi kêu lên – tôi chỉ muốn lao vào trong đôi mắt đại dương đầy mát mát của mẹ - “con chắc cháu Lindsey chỉ định lên phòng thay áo xống cho thơm tất thôi mà.”

“ Làm gì có chuyện thơm tất ở cái nhà này!” bà ngoại đáp.

“ Bà ngoại Lynn à,” bố tôi nói, “nhà này không còn là ngôi nhà lần trước bà đến nữa đâu. Con đi lấy nước mời bà đây, nhưng xin bà tôn trọng điều đó.”

“ Anh trông vẫn bánh trai gớm, Jack ạ,” bà ngoại bảo.

Mẹ tôi đỡ lấy áo choàng của bà. Con Holiday bị nhốt trong phòng làm việc của bố ngay khi Buckley hét ầm từ vị trí quan sát của nó ở cửa sổ trên lầu: “ Bà ngoại đến rồi!” Buckleu khoe với cu Nate bay bất kỳ ai chịu nghe rằng bà ngoại có những chiếc xe hơi to nhất thế giới.

“ Trông mẹ vẫn duyên dáng quá,” mẹ tôi nói.

“ Hừm...” Lúc bố tôi đứng xa không thể nghe thấy được, bà hỏi, “Anh ấy hồi này ra sao?”

“ Cả nhà phải đương đầu với khó khăn, nhưng không dễ mẹ ạ.”

“ Anh ấy vẫn cứ lăm bắm rằng tay nọ là hung thủ hay sao?”

“ Vâng, nhà con vẫn tin như thế.”

“ Coi chừng bị kiện đấy con ạ,” bà bảo.

“ Nhà con không nói với ai điều này, ngoài cảnh sát ra.”

Họ không thấy em gái tôi đang ngồi ở bậc thang trên cùng.

“ Anh ấy đừng nên nói với ai. Mẹ hiểu anh ấy cần đổ lỗi cho người nào đấy, nhưng mà...”

“ Bà Lynn ơi, 77 hay martini?” bố tôi hỏi lúc quay vào tiền sảnh.

“ Thế anh uống gì nào?”

“ Thật ra hồi này con không uống nữa,” bố tôi đáp.

“ Đó là chuyện của anh. Thôi để tôi tự liệu. Tôi biết rượu để đâu, không ai phải bảo!”

Không có bộ áo lông dày trông bà tôi gầy như que củi. Bà gọi đó là ‘nhịn cho rạc người’ khi cố vấn tôi năm tôi mười một tuổi. “Cháu phải nhịn đến rạc người ra, cưng ạ, trước khi phát phì. Ai bảo mình mồm mồm là có ý chê mình xấu đấy.” Bà và mẹ tôi đã đôi co về chuyện tôi đã đủ lớn chưa để dùng Benzedrin (2) – mà bà gọi là thuốc cứu tinh thiết thân của bà, khi nói: “ Tôi tặng cho con gái chị món thuốc cứu tinh của tôi, mà chị không chịu ư?”

Hồi tôi còn sống, chuyện gì bà ngoại tôi làm cũng đều dở hết. Nhưng

chuyện lạ đã xảy ra ngày hôm ấy, khi bà đến trong chiến li-mu-din có tài xế lái, mở cửa nhà chúng tôi, xộc vào. Với bộ trang phục diêm dúa kịch cỡm của mình bà đã đem ánh sáng trở lại ngôi nhà của chúng tôi.

“ Phải giúp con mới được, Abignail ạ,” bà tôi nói sau khi thưởng thức bữa ăn đàng hoàng mẹ tôi nấu lần đầu tiên kể từ hôm tôi mất tích. Mẹ tôi sửng sốt. Mẹ đã xỏ đổi găng xanh da trời dùng rửa bát, cho đầy nước xà-bông vào bồn, dọm rửa từng cái. Lindsey sẽ lau khô. Mẹ tôi định ninh bà ngoại sẽ bảo ông con rể Jack rót cho bà một ly rượu uống cho tiêu.

“ Ô, mẹ dễ thương quá.”

“ Có gì đâu,” bà bảo. “Mẹ chạy ù ra tiền sảnh tìm cái túi thần đã.”

“ Trời đất ơi!”, tôi nghe mẹ nói trong hơi thở.

“ A, phải rồi, cái túi thần,” Lyndsey reo lên – suốt bữa ăn em không nói năng gì.

“ Thôi mà, con xin mẹ!” mẹ tôi phản đối, khi bà ngoại Lynn quay vào.

“ Nào, mấy đứa dọn sạch bàn rồi đưa mẹ các cháu lại đây. Bà sẽ tân trang cho mẹ.”

“ Mẹ đừng có điên. Con còn phải rửa cả đồng bát đĩa đây này.”

“ Abigail”, bố tôi xen vào.

“ Không được đâu. Mẹ có thể dụ anh uống say, nhưng bà đừng hòng đến

gần em với những dụng cụ tra tấn này.”

“ Anh đâu có say,” bố trả lời.

“ Anh đang cười đấy thôi,” mẹ tôi bảo.

“ Vậy con hãy kiện anh ấy đi,” bà ngoại Lynn bảo.

“ Buckley đâu, nắm tay lôi mẹ lại đây cho bà.” Em trai tôi vâng lời. Em thích thú thấy mẹ bị người khác ra lệnh và thúc ép.

“ Bà ngoại Lynn này?” Lyndsey e dè hỏi bà.

Mẹ tôi bị Buckley kéo đến chiếc ghế bà ngoại đã xoay đối diện với bà.

“ Gì vậy, cháu?”

“ Bà dạy cháu cách trang điểm được không?”

“ Lạy chúa cả trên trời, ơn chúa, được chứ sao không?”

Mẹ tôi ngồi xuống ghế, buckley leo ngồi trên lòng bà. “Có chuyện gì vậy hử mẹ?”

“ Em đang cười phải không, Abbie?” Bố tôi tùm tùm.

Đúng thế. Mẹ cười mà nước mắt tuôn rơi.

“Susie là đứa bé ngoan, con ạ,” bà ngoại Lyn bảo mẹ.

“Như con vậy.” Bà nói luôn một mạch. “Nào, ngẩng cằm lên cho mẹ nhìn kỹ mấy cái bông mắt xem.”

Buckley leo xuống rồi lại leo lên chiếc ghế khác. “Lyndsey à, đây là que uốn lông mi,” bà giảng giải. “Bà đã chỉ cho mẹ các cháu hết mấy thứ này rồi.”

“Clarissa cũng dùng mấy thứ này,” Lyndsey bảo.

Bà ngoại kẹp lên mỗi bên mắt mẹ tôi một hàng mi giả bằng cao su, mẹ tôi biết thủ thuật này nên ngược mắt nhìn lên.

“Con nói chuyện với Clarissa chưa?”, bố tôi hỏi.

“Đúng ra thì chưa,” Lyndsey trả lời. “Chị ấy hay cặp kè với Brian Nelson. Hai người trốn học nhiều đến nỗi bị phạt cấm cửa ba ngày.”

“Bố không ngờ Clarissa lại thế,” bố tôi nói. “So với đám bạn cùng nhóm thì cô bé không phải đứa lanh lợi nhất, nhưng trước giờ chưa từng làm gì bê bối.”

“Mới đây con tình cờ gặp thì chị ấy sặc mùi cần sa.”

“Mong cháu đừng vương vào mấy thứ đó,” bà ngoại Lynn nói. Bà nốc cạn cốc rượu 77 rồi dẫn mạnh cốc rượu cao nghệ xuống bàn, “Xem này, Lyndsey, cháu có thấy khi lông mi cong lên trông mắt mẹ cháu to hơn không?”



Lyndsey cố hình dung diêm mi mắt mình nhưng lại chỉ thấy hiện ra hàng lông mi rồi như chùm sao của Samuel Heckler lúc cậu ta ghé sát mặt để hôn mình. Tròng mắt em mở lớn ra, động đậy liên tục như hai trái ô-liu nhỏ hung hăng.

“ Bà thật không ngờ đấy,” bà ngoại Lynn vừa nói vừa chống nạnh, một tay vẫn nắm hai cái cán kỳ cục của que kẹp lông mi.

“ Sao ạ?”

“ Lyndsey Salmon à, cháu có bồ rồi,” bà tôi thông báo cho cả nhà.

Bố tôi tùm tùm cười. Bỗng dưng ông thấy có cảm tình với bà. Tôi cũng thế.

“ Làm gì có,” Lyndsey chối.

Bà ngoại sắp lên tiếng thì mẹ tôi thì thào: “Có mà”

“ Xin chúa phù hộ cháu, cưng à,” bà nói, “cháu nên có bồ. Lo cho mẹ cháu xong bà sẽ trang điểm cho cháu, đặc biệt kiểu bà ngoại Lynn. Anh Jack, cho mẹ xin một ly rượu khai vị.”

“ Rượu khai vị là thứ mà mẹ...” mẹ tôi lên tiếng.

“ Thôi đừng sửa lưng mẹ, Abignail ạ.”

Bà tôi uống đến say mềm. Bà đã biến mặt mũi Lindsey thành như hề, hay như chính bà ngoại Lynn nói, là “gái điểm thượng lưu.” Còn bố tôi được bà

tặng cho danh hiệu “ma men thanh lịch.” Điều đáng ngạc nhiên nhất là mẹ tôi đi ngủ, bỏ mặc đồng bát đĩa chưa rửa trong bồn.

Khi mọi người đã yên giấc cả, Lyndsey mới ra đứng trước gương trong phòng tắm, ngắm nghía mình. Em lau bớt phấn hồng, chấm bớt lớp son môi, di ngón tay lên những chỗ sưng vì mới nhổ trên hàng lông mày vốn rậm của em. Trong gương em thấy một con người khác, cả tôi cũng thấy thế nữa: một người lớn tự chăm lo cho mình được. Dưới lớp phấn son là gương mặt xưa nay em vẫn biết là của mình, thế mà vừa mới đây nó đã trở thành gương mặt khiến mọi người nhớ đến tôi. Giờ đây em thấy rằng nhờ tô môi và kẻ mi mà những đường nét trên khuôn mặt em thành rõ nét hơn, như được dát ngọc nhập từ chốn xa xôi, nơi màu sắc phong phú hơn những màu sắc từng có trong nhà. Lời bà ngoại nói nghiêm ra đúng thật – son phấn làm nổi bật màu xanh của mắt em. Tia lông mày đã thay đổi khuôn mặt. Phấn hồng làm nổi bật chỗ hóp dưới gò má. (“Hôm nữa càng hay,” bà ngoại bảo). Còn đôi môi – em thử đủ kiểu biểu lộ trên nét mặt. Em bĩu môi, em hôn, em cười toe toét như thể cũng đã uống cốc-tai, em nhìn xuống giả vờ cầu nguyện như một cô gái ngoan đạo nhưng một bên mắt lại liếc lên xem mình ngoan đạo thế nào. Em lên giường ngủ, nằm ngửa để không làm hỏng khuôn mặt mới của mình.

Bà Bethel Utemeyer là người chết duy nhất mà em gái tôi và tôi từng biết. Bà và người con trai bà dọn đến ở khu chúng tôi lúc tôi lên sáu, còn Lindsey lên năm.

Mẹ tôi bảo rằng bà hơi mất trí nên thỉnh thoảng bỏ nhà đi rồi không biết mình ở đâu. Bà thường dừng chân trong vườn trước nhà chúng tôi, đứng dưới gốc cây sơn thù du ngóng ra đường như đang chờ xe buýt. Mẹ tôi hay đưa bà vào ngồi trong nhà bếp, pha trà cùng uống, và sau khi trấn an bà rồi mẹ tôi gọi điện thoại cho người con trai báo cho biết bà đang ở nhà chúng tôi. Đôi khi không gặp ai bên ấy, thế là bà Utemeyer ngồi ở bàn bếp nhà tôi, nhìn chăm chăm hàng giờ vào một điểm ở giữa bàn. Lúc chúng tôi đi học

về bà vẫn còn ở đó. Ngồi và mỉm cười với chúng tôi. Bà hay gọi Lyndsey là “Natalie” và đưa tay vuốt tóc em.

Khi bà qua đời, người con trai bà khuyến khích mẹ tôi đưa Lyndsey và tôi đến dự đám tang. Ông ta viết: “Mẹ tôi có vẻ đặc biệt mến các cháu bên ông bà.”

“Mẹ à, tên con bà cụ còn không biết nữa cơ mà,” Lyndsey than vãn trong lúc mẹ tôi lo cài một hàng chi chít những nút trên lễ phục của Linda. Lại một món quà không tiện dụng của bà ngoại Lynn, mẹ tôi thầm nghĩ.

“Nhưng ít ra bà ấy đã từng gọi em bằng một cái tên,” tôi bảo.

Đó là sau lễ phục sinh, một đợt nóng mùa Xuân đã ập đến trong tuần lễ ấy. Tuyết mùa đông, trừ một số bướng bỉnh, đã thấm hết vào lòng đất; ở nghĩa trang nhà thờ họ Utemeyer tuyết vẫn bám vào chân các mộ bia, trong khi cạnh đấy mao lương hoa vàng đã bắt đầu nhú.

Nhà thờ họ Utemeyer cực kỳ kiểu cách. “Công giáo gốc (1),” bố tôi bảo trong xe. Lyndsey và tôi thấy thật tức cười. Bố tôi không muốn tới, nhưng mẹ tôi bụng chứa to quá không lái xe được. Những tháng cuối mang thai em Buckley bà không thể ngồi lọt sau tay lái được. Mẹ thường khó ở nên hai đứa tôi toàn lần đi nơi khác vì sợ bị sai khiến.

Nhưng nhờ mang thai nên bà thoát được một nghi lễ mà Lyndsey và tôi cứ nói với nhau suốt mấy tuần, còn tôi một thời gian dài sau đó vẫn mơ thấy mãi : nhìn mặt người quá cố. Tôi biết là bố mẹ tôi không muốn chúng tôi thấy người chết, nhưng đến lúc mọi người đi ngang áo quan thì ông Utemeyer lại thẳng chỗ chúng tôi. “Trong hai cháu thì cháu nào bà cụ vẫn gọi là Natalie?” ông hỏi. Chúng tôi dăm dăm nhìn ông. Tôi chỉ Lyndsey.

“Chú muốn cháu đến chào bà lần cuối,” ông nói. Người ông toát mùi nước hoa ngọt hơn loại mẹ tôi thỉnh thoảng xức, nó xộc vào mũi tôi, lại cảm thấy

mình bị ra rìa làm tôi chực khóc. “Cả cháu nữa,” ông bảo tôi, dang hai tay dắt chúng tôi mỗi đứa một bên đi giữa hai dãy ghế.

Không phải bà Utemeyer, mà là cái gì khác. Nhưng đó cũng là bà Utemeyer. Tôi cố tập trung nhìn vào mấy cái nhẫn vàng lấp lánh trên mấy ngón tay bà.

“Thưa mẹ”, ông Utemeyer nói, “con đưa bé gái mẹ vẫn gọi là Natalie lại với mẹ đây.”

Sau này cả Lyndsey lẫn tôi đều thú nhận rằng tưởng mà Utemeyer sắp bật nói, và mỗi đứa quyết định nếu bà lên tiếng thì đứa này sẽ lôi đứa kia cùng chạy bán sống bán chết như bị ma đuổi.

Nỗi đau khổ kéo dài một vài giây rồi chấm dứt, ông dắt chúng tôi về giao lại cho bố mẹ tôi.

Lần đầu gặp lại bà Bethel Utemeyer trên thiên đường của mình tôi không lấy gì làm ngạc nhiên lắm, cũng chẳng ngỡ ngàng khi tôi với Holly thấy bà dắt một cô bé tóc vàng mà bà giới thiệu là con gái bà, tên Natalie.

Buổi sáng hôm làm lễ tưởng niệm tôi Lyndsey cố nán lại thật lâu trong phòng của em. Em không muốn mẹ tôi thấy lớp son phấn còn trên mặt, nên chờ cho đến khi nếu mẹ có bắt đi rửa thì cũng không còn thì giờ nữa. Em còn tự nhủ có lấy một cái áo trong tủ của tôi để mặc thì cũng chẳng sao. Rằng tôi sẽ chẳng bận tâm.

Nhưng ngó thì thấy kỳ kỳ.

Em mở cửa phòng tôi, ngôi hầm mộ mà cho tới tháng Hai càng ngày càng bị xáo tung mặc dù không ai, cả mẹ lẫn bố, Lyndsey hay Buckley nhận là có vào hay lấy đi thứ gì mà không có ý định trả lại. Họ nhắm mắt trước

những chứng cứ hiển nhiên rằng người nào cũng đã đến đây thăm tôi. Mọi lộn xộn họ đều quy cho con Holiday, dù không thể nào đổ cho nó được.

Lyndsey muốn diện cho Samuel ngắm. Em mở toang hai cánh cửa tủ và kiểm tra lại mớ hỗn độn này. Tính tôi vốn không ngăn nắp gì lắm, nên mỗi lần mẹ bảo chúng tôi dọn phòng, tôi đều nhét hết mọi thứ trên giường hay dưới sàn vào tủ.

Ngày trước Lyndsey luôn muốn là người đầu tiên được mặc những áo quần mới của tôi, nhưng chỉ nhận được đồ thải.

“Ôi chào,” em xuýt xoa, thì thào với vùng bóng tối trong tủ áo. Em vừa hân hoan vừa thấy có lỗi khi nghĩ những gì trước kia giờ thuộc cả về mình.

“Có ai trong này không? Cộc cộc,” bà ngoại Lynn lên tiếng.

Lyndsey giật nảy người.

“Bà xin lỗi đã làm rộn cháu,” bà bảo, “Bà nghĩ đã nghe tiếng cháu trong này.”

Bà ngoại tôi mặc bộ áo mà mẹ tôi gọi là cắt theo kiểu Jackie Kennedy (2). Mẹ không hiểu sao bà ngoại khác con cháu, hông lép kẹp – nên dù tuổi đã sáu mươi hai bà vẫn mặc được các kiểu áo cắt thẳng đuột, trông lại còn đẹp nữa.

“Bà vào đây có việc gì thế?” Lyndsey hỏi.

“Bà cần cháu kéo hộ khóa áo.” Bà ngoại Lynn quay lưng lại, và Lyndsey thấy được ở bà những gì em chưa hề thấy ở mẹ mình. Phần sau chiếc nịt ngực màu đen của bà, phần trên của váy lót. Em bước vài bước đến gần bà, cố tránh không chạm đến gì khác ngoài cái khóa, kéo ngược lên.

“Còn cái móc ở trên nữa,” bà ngoại Lynn nói, “cháu gài được không?”

Có mùi phấn và nước hoa Chanel số 5 vấy quanh cổ bà.

“Đây là một trong những lý do cần có đàn ông – đàn bà xoay xở một mình không xong.”

Lyndsey đã cao gần bằng bà ngoại, sẽ còn cao nữa. Lúc một tay em cầm móc tay kia giữ vòng móc, em nhìn mấy lọn tóc tơ nhuộm vàng ở sát da đầu bà. Em nhìn mái tóc mềm màu xám phủ lên gáy và lưng. Em gài móc áo cho bà rồi đứng tần ngần.

“Cháu quên mất chị cháu trông như thế nào rồi.”

“Sao?” bà ngoại Lynn quay lại.

“Cháu không nhớ nổi,” Lyndsey bảo. “Ý cháu muốn nói không biết gáy chị trông ra sao, bà hiểu chứ, không biết cháu đã bao giờ nhìn gáy chị chưa?”

“Cưng ời”, bà ngoại Lynn nói, “Lại đây.” Bà dang hai tay, nhưng Lyndsey quay về phía tủ áo.

“Cháu phải sửa soạn cho đẹp mới được,” em nói.

“Cháu đẹp sẵn rồi,” bà ngoại Lynn nói.

Lyndsey bàng hoàng, thờ không nổi. Bà ngoại Lynn chẳng hề phí lời khen ai bao giờ. Lời khen của bà vì thế như vàng vớ được giữa đàng.

“Bà cháu mình sẽ tìm được trong này một bộ thật đẹp cho cháu,” bà ngoại Lynn bảo rồi bước tới tủ áo của tôi. Ít ai đi chợ mà giỏi chọn mua như bà.

Vào những dịp hiếm hoi đến thăm gia đình lúc sắp khai trường, bà dắt chúng tôi đi phố. Hai đứa tôi sững sốt nhìn mấy ngón tay lạnh lẽ của bà lướt trên các mắc áo, thoăn thoắt như trên phím đàn. Rồi bất chợt, sau một giây lưỡng lự, bà lôi ra cái áo đầm hay sơ-mi, giơ cao cho chúng tôi xem. “Các cháu trông được không nào?” bà hỏi. Món bà chọn luôn vừa và đẹp.

Trong lúc ngắm nghía các bộ quần áo của tôi, lôi ra ướm thử lên người em tôi, bà nói:

“Mẹ cháu hồi này trông tiêu tụy quá, Lyndsey ạ. Bà chưa hề thấy mẹ cháu như thế bao giờ.”

“Bà ơi!”

“Yên, để bà nghĩ.” Bà giơ cao cái áo tôi thích mặc đi lễ nhà thờ nhất. Áo bằng len kẻ ô, cổ tròn kiểu Peter Pan. Tôi thích chủ yếu vì váy dài và rộng, tôi ngồi bắt chéo chân trên băng ghế nhà thờ mà vẫn thả váy phủ đến tận mặt đất được. “Con bé vớ đâu ra cái bao tải thế này nhỉ?”, bà ngoại hỏi. “Còn bố cháu ấy à, trông cũng thiếu nảo không kém, nhưng ít ra chuyện ấy còn làm bố cháu điên lên được,”

“Người đàn ông bà hỏi mẹ hôm qua là ai thế, hử bà?”

Câu hỏi làm bà ngoại ngớ ra. “Người đàn ông nào?”

“Thì bà hỏi mẹ có phải bố cháu vẫn khẳng khẳng rằng chính người đàn ông đó đã gây ra vụ này không. Hử là ai?”

“Voilà (3)!” bà ngoại Lynn giơ cao một cái áo đầm cắt ngắn màu xanh sẫm em gái tôi chưa hề thấy. Áo đó của Clarissa.

“Ngắn cũn cỡn,” Lyndsey nói.

“Bà bị sốc vì mẹ các cháu đấy,” bà ngoại Lynn nói. “Cho con bé mặc quần áo kiểu cộ gớm!”

Bố tôi từ dưới tiền sảnh gọi lên, ông muốn rằng mười phút nữa mọi người tề tựu dưới nhà.

Bà ngoại Lynn khẩn trương ngay vào việc. Bà giúp Lyndsey xỏ đầu vào chiếc áo xanh thẫm, đoạn hai bà cháu quay về phòng em tìm giầy, rồi cuối cùng, ở tiền sảnh, dưới ánh đèn trên trần nhà, bà còn chùi vết hoen của đường chì kẻ mắt, tô mi trên mặt em. Thao tác cuối cùng của bà là dùng miếng bông chấm phấn hồng, lướt nhanh trên hai gò má em từ dưới lên. Mãi khi bà ngoại từ thang lầu bước xuống và mẹ tôi vừa căn nhắc về bộ áo đầm cũn cởn của Lindsey vừa nghi ngờ nhìn bà ngoại thì tôi và em mới nhận ra là trên mặt bà ngoại Lynn không có tí phấn son nào. Buckley ngồi giữa hai người ở băng sau, lúc gần đến nhà thờ em nhìn bà ngoại Lynn hỏi bà đang làm gì thế.

“Nếu không kịp đánh phấn thì làm thế này cho mặt mũi hồng hào một tí, cháu ạ,” bà đáp, thế là Buckley bắt chước ngay, tự bọ má mình.

Samuel đứng chỗ hàng cột đá dựng dọc lối vào cửa nhà thờ. Cậu mặc trang phục toàn màu đen (4), cạnh cậu là ông anh tên Hal, anh khoác chiếc áo da sơn Samuel mặc hôm lễ giáng sinh.

Anh của Samuel trông giống cậu em như tạc, duy nước da sẫm hơn. Mặt anh nâu sạm, hằn vết nắng gió do hay phóng mô-tô hết tốc lực trên những con đường vùng thôn dã. Khi gia đình tôi tới gần, Hal vội quay người, đi ra chỗ khác.

“Hắn đây là Samuel rồi,” bà tôi bảo. “Ta là bà ngoại ác độc đây.”



“Mình vào chứ?” Bố tôi lên tiếng, “Samuel, rất vui được gặp cháu.”

Lindsey với Samuel đi trước, bà ngoại lùi lại đi cạnh mẹ tôi. Một mặt trận liên minh. Thanh tra Fenerman đang đứng ở cửa trong bộ đồ có vẻ làm cho ông ngửa ngáy. Ông gật đầu chào bố mẹ tôi, nhìn mẹ tôi có hơi lâu hơn. “Ông vào cùng với chúng tôi chứ?” bố tôi hỏi.

“Cảm ơn ông,” ông ta đáp, “nhưng tôi chỉ muốn đứng quanh đây thôi.”

“Cảm ơn thịnh tình của ông.”

Mọi người bước vào trong tiền sảnh chật chội của nhà thờ. Tôi muốn bám lên lưng bố tôi, quàng tay ôm cổ, ghé tai ông thì thầm. Nhưng chẳng nào thì tôi cũng đã nhập vào trong từng làn da thô thịt của ông rồi.

Sớm hôm ấy, khi tỉnh giấc, người vẫn còn ngây ngất vì chưa đã rượu, bố quay người nằm nghiêng ngấm mẹ tôi còn vùi đầu trong gối, thở nhẹ. Người vợ yêu dấu, cô gái ông yêu quý đây. Ông muốn vuốt má mẹ, vén mấy sợi tóc lòa xòa trên mặt bà ra sau, nhẹ hôn bà – nhưng lại thôi vì khi ngủ bà thật yên bình. Từ khi tôi qua đời, không ngày nào thức giấc mà ông không phải chịu đựng cho đến hết ngày. Song sự thật là ngày lễ tưởng niệm tôi lại không phải là ngày đáng sợ nhất. Ít ra đó là một ngày ông sống trung thực. Ít ra ngày hôm ấy xoay quanh sự kiện mà mọi người rất mực quan tâm: sự vắng mặt của tôi. Hôm nay ông không phải giả tảng làm như ông đã trở lại bình thường – dấu bình thường là thế nào đi nữa. Hôm nay ông có thể bước đi với niềm đau nỗi khổ bộc lộ, cả Abigail vợ ông cũng thế. Nhưng ông biết, ngay sau khi bà thức dậy, ông sẽ không còn can đảm nhìn thẳng vào mắt bà suốt ngày hôm đó, sẽ không dám soi vào tận đáy lòng xem bà nghĩ gì, không dám nhìn để thấy người đàn bà mà ông hằng biết rõ từng chân tơ kẽ tóc cho đến cái hôm họ biết tin về cái chết của tôi. Sau gần

hai tháng, ý nghĩ rằng đây chỉ là tin tức đã dần phai nhạt trong tâm trí mọi người, trừ gia đình tôi – và Ruth.

Cô nàng đến với ông bố. Hai bố con đứng một góc, cạnh chiếc tủ kính bày một ly uống nước dùng trong thời Chiến tranh cách mạng, khi nhà thờ này là một bệnh viện dã chiến. Hai ông bà Dewitt đang trò chuyện với họ. Bà Dewitt có một bài thơ Ruth sáng tác, bà để trên bàn giấy ở nhà. Thứ Hai cô nàng định sẽ cầm bài thơ đến gặp giáo sư hướng học. Bài thơ viết về tôi.

“Bà nhà tôi có vẻ đồng tình với ông hiệu trưởng Caden,” bố Ruth nói, “rằng buổi lễ tưởng niệm sẽ giúp các em học sinh chấp nhận chuyện này.”

“Thế ông nghĩ sao?”, bà Dewitt hỏi.

“Theo tôi, chuyện gì đã qua nên để cho qua và để gia đình họ tự lo liệu. Nhưng cháu Ruth nhà tôi thì nhất định muốn có mặt ở buổi lễ.”

Ruth nhìn gia đình tôi chào hỏi mọi người, cô nàng hoảng kinh thấy cách ăn mặc và trang điểm mới lạ của em gái tôi. Ruth không tin trang điểm sẽ làm đẹp hơn. Cô nàng cho rằng nó làm giảm nhân phẩm phụ nữ. Samuel Heckler đang nắm tay Lindsey. Một từ ngữ đọc đâu đó trong sách vụt hiện ra trong đầu óc cô nàng: nô dịch. Nhưng rồi tôi thấy cô nàng nhận ra Hal Heckler đang đứng ngoài cửa sổ. Anh đang đứng hút thuốc bên các ngôi mộ cổ nhất ở phía trước.

“Ruth à”, ông bố gọi, “Con sao vậy?”

Cô sực nhớ mình đang ở đâu, quay nhìn ông: “Sao là sao ạ?”

“Con vừa nhìn sững đi đâu ấy,” ông trả lời.

“Con thấy khung cảnh nghĩa địa này trông hay hay.”

“Con đúng là thiên thần của bố,” ông nói. “Ta tìm chỗ ngồi kẻo chẳng còn chỗ tốt nữa đâu.”

Clarissa cũng có mặt, với Brian Nelson ngược ngịu trong bộ quần áo mặc nhờ của ông bố. Cô nàng len đến chỗ gia đình tôi. Thấy thế, ông hiệu trưởng Caden và thầy Botte liền tránh lối cho cô nàng.

Cô nàng bắt tay bố tôi trước tiên.

“Chào cháu Clarissa,” ông nói. “Cháu khỏe không?”

“Thưa khỏe”, cô thưa. “Còn hai bác thế nào ạ?”

“Hai bác khỏe, Clarissa ạ”, ông nói. Một câu nói dối kỳ quặc làm sao, tôi thầm nghĩ. “Cháu cùng ngồi với gia đình nhé?”

“Ờ, cháu xin phép ạ” – cô nàng nhìn xuống đôi bàn tay – “Cháu cùng đi với anh bạn.”

Mẹ tôi như người nhập đồng, cứ nhìn trừng trừng vào mặt Clarissa. Clarissa vẫn sống đây, còn tôi đã chết rồi. Clarissa dần cảm thấy đôi mắt kia đang xoáy vào mình, cô nàng muốn bỏ đi. Rồi cô nàng thấy chiếc áo.

“Ờ kìa”, cô nàng vươn tay về phía em gái tôi.

“Gì thế Clarissa?” mẹ tôi gắt.

“Dạ, không ạ,” cô nàng đáp. Cô nàng nhìn cái áo lần nữa, hiểu rằng giờ đây sẽ chẳng bao giờ đòi lại được.

“Abigail à?” bố tôi gọi. Ông nghe ra nỗi hân học trong giọng nói của vợ. Có chuyện gì không ổn đây.

Bà ngoại Lynn, đứng ngay sau mẹ tôi, nháy mắt ra hiệu cho Clarissa.

“Cháu vừa nhận ra là Lyndsey trông xinh quá,” Clarissa nói.

Em gái tôi đỏ mặt.

Đám người ở tiền sảnh rục rịch rồi giãn ra tránh lối. Đó là vì mục sư Strick vận áo lễ đang tiến lại chỗ bố mẹ tôi.

Clarissa lui ra sau tìm Brian Nelson. Tìm được anh chàng rồi, cô nàng đi theo ra chỗ dãy mộ.

Ray Singh tránh không đến dự lễ. Cậu từ biệt tôi theo cách riêng của mình: cậu ngấm ảnh tôi - ảnh chân dung chụp ở hiệu - tấm ảnh tôi tặng cậu mùa thu năm đó.

Cậu nhìn vào đôi mắt trong ảnh, xuyên qua đôi mắt thấy cả bức phong bằng da lộn mặt gợn vân như cẩm thạch, đứa trẻ nào đến chụp hình cũng phải ngồi trước tấm phong đó, dưới ngọn đèn nóng hừng hực. Ray hình dung xem chết nghĩa là thế nào. Là lạc loài ở đâu đó, thân thể lạnh cứng, đi mãi không về. Cậu biết không ai ngoài đời lại có vẻ mặt như trong ảnh. Cậu biết bình thường mình không có vẻ hung hãn hay hoảng sợ như trong ảnh chụp. Ngắm ảnh tôi một lúc cậu mới nghiệm ra một điều - ảnh không phải là tôi. Tôi ở trong bầu không khí quanh cậu, tôi có mặt trong những buổi sáng lạnh lẽo cậu ngồi với Ruth, tôi ở bên cạnh những lúc cậu một mình lặng lẽ, không ôn bài vở. Tôi là cô gái cậu đã chọn để hôn. Cậu muốn, bằng cách nào đấy, cho tôi được siêu thoát. Cậu không muốn đốt hay vứt hình tôi đi, nhưng cũng không muốn nhìn hình tôi nữa. Tôi nhìn cậu kẹp tấm ảnh vào một trong mấy quyển thơ Ấn Độ đồ sộ, trong đó cậu và bà mẹ ép hàng chục

bông hoa mỏng manh đang dần tan thành bụi.

Trong buổi lễ mọi người nói những lời hay đẹp về tôi. Mục sư Strick. Hiệu trưởng trường Caden. Thầy Dewitt. Còn bố mẹ tôi ngồi chết lặng suốt buổi. Samuel luôn siết chặt tay Lindsey, nhưng em như không hề hay biết. Em không một lần chớp mắt. Buckley ngồi trong bộ quần áo mượn của Nate cho dịp này, bộ mà năm nay cậu bé đã mặc đi ăn cưới. Em cứ cựa quậy nhìn bố. Chính bà ngoại Lynn đã làm cái điều quan trọng nhất ngày hôm đó.

Lúc nhạc trời bài thánh ca để kết thúc buổi lễ và cả gia đình tôi đứng lên, bà ngoại nghiêng qua Lindsey, thì thào, “Tay đứng cạnh cửa là hăn đấy.” Lindsey đưa mắt nhìn.

Sát ngay sau lưng Len Fenerman, lúc đó đứng phía trong cửa và đang cùng hát, là một người đàn ông trong khu phố. Hăn mặc tuềnh toàng, không như mọi người đến dự lễ, chỉ quần ka-ki với áo bông khá dày. Trong một giây ngắn ngủi Lindsey tin rằng đã nhận ra hăn. Ánh mắt chạm nhau. Rồi em ngất đi.

Trong lúc mọi người nhốn nháo quanh em, tên George Harvey lên ra giữa các ngôi mộ thời Chiến tranh cách mạng năm sau giáo đường, bỏ đi không ai thấy.

## CHƯƠNG MƯỜI

Tại trại(1) năng khiếu toàn bang tổ chức vào mỗi mùa hè. Các học sinh có năng khiếu từ lớp bảy đến lớp chín tụ về sinh hoạt với nhau suốt bốn tuần, mục đích là để phô trương mình, như tôi vẫn hình dung thấy chúng leo trèo đu bám trên cành cây và moi móc cóp nhặt ý tưởng, sáng kiến của nhau. Bên lửa trại, thay vì hát dân ca chúng đồng xướng những bài đạo ca Ô-ra-tô(2). Trong khu nhà tắm nữ, bọn con gái ngắm nghía các ảnh phóng lớn, tấm tắc khen thân hình như tượng tạc của Jacques d'Amboises(3) hay vầng trán cao của John Kenneth Galbraith(4).

Nhưng ngay cả bọn năng khiếu cũng hay có trò lập bè kết cánh. Chúng tụ thành nhóm lấy tên Tín đồ Khoa học, Bộ óc Toán học. Trên thang xếp hạng của bọn năng khiếu, các nhóm này chiếm lĩnh những nấc cao nhất, ở mức này nếu xét về tiêu chuẩn quan hệ xã hội nhân quần thì đó là những con người phần nào què quặt. Rồi tới nhóm Thông kinh lâu sử, đám này thuộc nằm lòng ngày sinh tháng tử của mọi nhân vật lịch sử không sót một ai. Lúc đi ngang qua chỗ những đám khác trong trại, chúng vẫn thường xướng lên những niên đại bí ẩn, nghe thật vô nghĩa: “từ 1769 đến 1821,” “từ 1770 đến 1831.” Khi Lindsey tình cờ gặp bọn Thông kinh lâu sử này trên đường, em nhẩm tính để thử tìm lời giải: đó là năm sinh và năm mất của Napoléon và Hegel(5).

Lại có cả những cao thủ Khoa học huyền bí nữa. Ai cũng bận đọc về việc chúng có mặt trong đám năng khiếu. Bọn nhóc này có biệt tài tháo tung từng mảnh của cả một cỗ máy rồi lắp ráp lại được như cũ mà không cần sơ đồ hay bản chỉ dẫn. Chúng nắm bắt, thông hiểu mọi thứ qua kinh nghiệm thực tế chứ không bằng lý thuyết. Và có vẻ không màng đến điểm hay thứ hạng, cấp đẳng.

Samuel là một cao thủ loại này. Thần tượng của cậu là Richard Feynman(6)

và Hal, anh trai cậu. Hal bỏ ngang bậc trung học, hiện trông coi một tiệm sửa xe mô-tô không xa chỗ cái vực vốn là mỏ than bị sập nọ, lo phục vụ đủ loại khách hàng, từ hội Hell's Angel(7) cho đến các vị cao niên lái xe gắn máy chạy quanh khu gia cư của giới hưu trí. Hal ghiền hút thuốc, cư ngụ tại chỗ trong căn phòng trên gác vì cửa tiệm thuộc quyền sở hữu của cả gia đình, còn buồng xép phía sau cửa tiệm thì anh dùng làm nơi hẹn hò cho những quan hệ qua đường của mình.

Khi có ai hỏi Hal bao giờ mới chịu sống trưởng thành tự lập, thì anh đáp: “Chẳng bao giờ.” Samuel nhiễm tư tưởng này nên khi thầy cô hỏi ước vọng tương lai là gì thì cậu trả lời: “Em không biết. Em mới mười bốn tuổi mà.”

Còn Ruth Conners chưa đầy mười lăm tuổi mà đã biết rõ mình muốn gì rồi. Trong nhà kho bằng tôn chứa dụng cụ ở sau nhà, giữa những nắm đấm cửa và những thứ sắt thép ông bố thu lượm đem về từ những ngôi nhà cũ mục nát sắp bị phá sập, cô nàng ngồi trong bóng tối, tập trung suy nghĩ căng thẳng đến nỗi nhức cả đầu. Cô nàng chạy vào nhà, đi qua phòng khách nơi ông bố đang đọc báo, lên phòng riêng trên gác, ghi vội bài thơ vừa cảm ứng làm được. Chúng mang tựa: “Tôi là Susie”, “Sau khi ta chết”, “Bị chặt khúc”, “Mong ở bên bạn”, và bài thơ cô nàng thích nhất, tự hào nhất cô nàng mang đến trại, trang giấy gấp mở nhiều lần đến nỗi những nếp gấp sắp rách ra. Đó là bài “Ngồi bên bờ mộ.”

Ruth phải tự túc đi đến Trại vì buổi sáng hôm ấy, đến giờ xe buýt chạy, cô nàng vẫn còn nằm liệt giường vì cơn viêm dạ dày cấp tính. Cô nàng đang theo một chế độ ăn kiêng kỳ quặc, chỉ toàn rau, và tối hôm trước một mình ăn hết cả một bắp cải. Bà mẹ nhất định không chịu thua cuộc trước kiểu ăn chay mà Ruth bắt đầu theo từ sau cái chết của tôi.

“Chúa ơi, đây có phải là thịt Susie đâu!” bà vừa than vừa dẫn cái đĩa có miếng thịt bò thăn dày cả phân xuống mặt bàn trước mặt con gái.

Quãng ba giờ sáng ông bố đưa Ruth vào nhà thương trước rồi mới trở đến Trại, sau khi tạt qua nhà lấy cái túi quần áo đồ dùng mẹ cô nàng đã soạn sẵn, để ở cuối lối vào nhà.

Xe vừa vào cổng trại, Ruth đã dõi mắt nhìn suốt lượt đám học sinh đang xếp hàng nhận bảng tên. Cô nàng nhìn ra ngay em tôi, đứa con gái duy nhất đứng giữa nhóm các Cao thủ. Lindsey tránh không ghi họ mình lên bảng tên, mà chọn cách vẽ một con cá. Làm như vậy em không những khỏi phải nói dối mà còn hy vọng nhờ vậy quen thêm dăm ba đứa bạn học những trường khác quanh vùng, những đứa trước giờ không hay biết gì về cái chết của tôi, hay ít ra không liên hệ em với chuyện đó.

Suốt mùa Xuân em mang sợi dây chuyền có mặt khắc hình nửa trái tim, còn Samuel đeo nửa mặt kia. Cả hai còn ngượng chưa công khai bộc lộ tình cảm của mình với người ngoài cuộc. Lúc sáng đôi đi trong hành lang nhà trường cả hai không nắm tay nhau, viết thư trao tay cũng không dám. Chỉ buổi ăn trưa mới ngồi cạnh nhau. Tan trường Samuel đưa Lindsey về đến nhà. Vào sinh nhật thứ mười bốn của em, Samuel tặng ổ bánh giữa có cắm một ngọn nến. Còn thì cả hai sống hòa mình với thế giới nam nữ cách biệt như bọn cùng lứa.

Sáng hôm sau Ruth thức dậy lúc sớm tinh mơ. Như Lindsey, Ruth thuộc loại khó quy vào bộ môn nào. Cô nàng không thuộc nhóm nào nhất định ở trại. Cô nàng đi dạo ngoài đồng, hái những hoa với lá nào cô nàng định hỏi cho ra tên. Khi không ưa cái tên mà một cậu trong nhóm Tín đồ Khoa học đưa ra, cô nàng quyết định tự mình đặt tên lấy. Cô nàng vẽ hình chiếc lá hay bông hoa vào trong nhật ký, ngẫm nghĩ xem giới tính nào thích hợp nhất, rồi đặt tên ‘Jim’ cho một loại cây có lá trông đơn sơ mộc mạc, hay ‘Pasha’ cho một đóa hoa cánh mịn lông tơ.

Khi Lindsey bước vào phòng ăn, còn tần ngần nhìn quanh, thì Ruth đang



xếp hàng lượt hai để lấy thêm trứng và dồi. Ở nhà, vì đã lỡ kịch liệt phản đối ăn thịt, cô nàng đành ép bụng giữ lời, nhưng ở trại đâu có ai biết được chuyện cô nàng thề nhất quyết ăn chay trường.

Trước khi tới chết Ruth chưa hề trò chuyện với em gái tôi, ngoại trừ lần xin lỗi đã va phải Lindsey trong hành lang trường học. Nhưng cô nàng có lần nhìn thấy Samuel đưa Lindsey về nhà và thấy em mỉm cười với cậu ta. Cô nàng quan sát thấy em gái tôi chỉ chọn bánh kẹp, chứ không lấy bất cứ món gì khác. Cô nàng thử đặt mình vào địa vị em gái tôi, như đã từng nhiều lần tưởng tượng cô nàng chính là tôi.

Lúc Lindsey bước đến, thấy có chỗ trống cuối hàng thì cứ đứng vào, Ruth bắt chuyện ngay. “Con cá có ý nghĩa gì vậy?”, cô nàng hất hàm ra hiệu chỉ tấm bảng tên của em gái tôi. “Bồ tin đạo à(8)?”

“Cứ xem cá quay hướng nào khắc biết,” Lindsey trả lời, đầu óc còn bần thần không biết sẽ có bánh kem sữa đặc mùi va-ni cho bữa điểm tâm không đây. Không có gì đi với món bánh kẹp hợp khẩu vị hơn thế.

“Mình là Ruth Connors, sáng tác thơ,” Ruth nói như tự giới thiệu.

“Còn tớ tên Lindsey,” Lindsey đáp.

“Họ là Salmon, phải không?”

“Xin bạn đừng nói tên mình ra,” Lindsey van lơn, và chỉ trong một giây Ruth cảm thấu sâu sắc tâm trạng em trải qua mỗi khi phải xưng là em của tôi. Cô nàng chợt hiểu thế nào là bị hiểu như vậy; người ta nhìn Lindsey chòng chọc, nhưng lại thấy một bé gái toàn thân bê bối máu.

Ngay trong bọn học sinh năng khiếu, vốn phải tự tìm giải pháp riêng khi

tiếp cận bất cứ đề tài gì, cũng có khuynh hướng cặp đôi với nhau trong những ngày đầu. Thường là một cặp đôi hai nam hoặc hai nữ - vào tuổi mười bốn giữa bọn con trai con gái ít khi có chuyện luyến ái – nhưng năm đó có một ngoại lệ: cặp Lindsey và Samuel.

“H-Ô-N M-Ô-T C-Á-I!” đi đến đâu hai đứa cũng nghe tiếng reo hò trên chóc. Không có ai đi theo kèm cặp, trời mùa hè nóng ẩm, thế là có gì đấy mọc mầm vườn dấy, như cỏ dại, trong hai đứa. Đó là nỗi ham muốn xác thịt. Tôi chưa bao giờ cảm nhận nhục dục một cách trọn vẹn không chút mặc cảm tội lỗi, hay thấy nó truyền khắp người, làm rạo rực cơ thể một con người tôi biết rõ. Một con người cùng chia sẻ với tôi khối tế bào di truyền bố mẹ để lại.

Hai đứa rất thận trọng, tuân thủ mọi nội quy của trại. Không giám thị nào khoe được là chiếu đèn pin vào các bụi cây phía dãy phòng ngủ của đám con trai mà bắt gặp Samuel với Heckler đang âu yếm nhau. Chúng hẹn gặp nhau một chốc gần ngủ chỗ bức tường sau quán cà phê hay dưới một gốc cây, trước đó chúng đã khắc mẫu tự đầu của tên mình tốt trên cao làm hiệu. Hai đứa hôn nhau. Chúng muốn đi xa hơn nữa nhưng hiện chưa làm được. Samuel quan niệm rằng đó là một sự kiện đặc biệt. Cậu ta phải ý thức là mọi chuyện phải diễn tiến và kết thúc thật tốt đẹp. Lindsey thì chỉ muốn sao cho xong nhanh bước đầu. Sau đó xem như em đã trưởng thành – vượt khỏi không gian và thời gian. Em hình dung chuyện làm tình như một kiểu du hành thấy trong phim Star Trek(9). Ta bốc thành hơi, rồi sau một hai giây đủ để hình hài được giáp lại, xuất hiện trong phòng lái một phi thuyền mới, xuất hành trực chỉ một hành tinh khác.

“Hai đứa sắp làm chuyện đó thật,” Ruth ghi vào nhật ký như thế. Tôi đặt nhiều hy vọng vào việc Ruth sẽ không quên ghi lại hết mọi chuyện. Cô nàng ghi trong nhật ký chuyện tôi lướt qua người cô nàng trên bãi đậu xe như thế nào, đã chạm vào cô nàng buổi tối hôm ấy – cô nàng thực sự cảm nhận và với tay ra định níu tôi lại. Hình dạng tôi lúc đó ra sao. Cô nàng mơ

thấy tôi thế nào. Đã tưởng tượng linh hồn có thể là làn da thứ hai, một lớp bọc để chở che bảo vệ. Nếu chuyên cần, biết đâu cô nàng có thể giải thoát cả hai chúng tôi. Tôi nhìn qua vai cô nàng đọc những ý nghĩ cô nàng ghi lại và tự hỏi một ngày nào đó liệu sẽ có ai chịu tin cô nàng không.

Khi nghĩ ngợi về tôi cô nàng cảm thấy dễ chịu hơn, bớt cô đơn, thấy gần bó hơn với gì đó ở thế giới bên kia. Cô nàng thấy cánh đồng ngô trong những giấc mơ của mình và một thế giới mới mở ra, nơi mà biết đâu cô nàng sẽ được sống theo ý mình mong muốn.

Cô nàng tưởng tượng rằng tôi sẽ nói: “Bạn là một nhà thơ tài ba thật đấy, Ruth ạ,” rồi quyển nhật ký sẽ đưa cô nàng vào cơn mơ ngủ giữa ban ngày, rằng mình là một nhà thơ có tài, rằng câu chữ của cô nàng có đủ sức mạnh vạn năng làm tôi sống lại.

Tôi có khả năng ngược dòng thời gian, thấy lại cảnh một buổi chiều nọ Ruth ngồi trên tấm thảm chùi chân trong phòng tắm khóa trái, ngắm cô chị họ tuổi dậy thì đang cởi quần áo để rồi vừa tắm vừa trông em. Ruth thêm được ve vuốt làn da và mái tóc của cô chị họ, mong được chị ôm ấp. Tôi tự hỏi mỗi khao khát ở bé gái lên ba này có bùng dậy lúc lên tám tuổi không. Cảm giác mơ hồ về sự khác biệt, rằng chuyện cô nàng mê cô giáo hay người chị họ là điều gì rất thật chứ không giống kiểu mẩn mê của bọn con gái cùng lứa. Trong đam mê của cô nàng, ngoài những chăm chú, yêu chiều, còn có nỗi ham muốn đã vun xới cho cơn khát nhục dục, như bông hoa xanh non, dần chuyển ánh vàng rồi nở rộ một màu vàng nghệ tây rực rỡ, những cánh hoa mềm mại của cô nàng vươn ra đúng vào giai đoạn gian nan của tuổi dậy thì. Cô nàng ghi vào nhật ký rằng thật ra vấn đề không phải là cô nàng tìm quan hệ thân xác với người đàn bà nào khác, mà thật sự cô nàng muốn nhập vào, tan biến trong họ mãi mãi. Để che đậy, giấu giếm.

-----

1. Symposium: hội nghị chuyên đề; ở đây dùng theo nghĩa trại thi đua.
2. Ô-ra-tô: loại ca khúc lấy đề tài, sự tích trong kinh thánh của đạo Cơ đốc.
3. Jacques d'Amboises: vũ công đoàn vũ ba-lê New York.
4. John Kenneth Galbraith (1908-2006): nhà kinh tế học cổ vấn cho hai Tổng thống Mỹ Kennedy và Johnson.
5. Napoléon Bonaparte (1768-1821): Hoàng đế nước Pháp; Hegel (1770-1831) triết gia Đức.
6. Richard Feynman(1918-1988): nhà vật lý, giải Nobel vật lý năm 1965.
7. Hell's Angels (Thiên thần ở Địa ngục): hội những người chuộng môn giải trí lái mô-tô thành đoàn.
8. Do có mấy thánh tông đồ vốn là dân chài nên hình tượng cá (đầu cá quay về hướng trái) được chọn làm một trong những mật hiệu để nhận biết đồng đạo thời công giáo bị truy bức vào đầu Công nguyên ở La Mã.
9. Star Trek, bộ phim truyền hình Mỹ gồm 79 hồi, chiếu năm 1966, do Gene Roddenberry (1921-1991) thực hiện: một phi hành đoàn có nhiệm vụ lái phi thuyền đi tìm những giải ngân hà mới trong vũ trụ.

Tuần lễ cuối cùng ở trại luôn được dành để triển khai một dự án chung kết, mỗi trường phải trình kết quả để giành giải thi đua sẽ phát vào buổi tối trước hôm các phụ huynh đón con về. Đề tài chỉ được công bố vào bữa điểm tâm sáng thứ Bảy trước tuần lễ cuối, nhưng lũ trẻ đã bắt tay chuẩn bị từ trước rồi. Đề thi luôn là bầy chuột, mỗi năm bầy chuột phải đạt yêu cầu cao hơn năm trước. Không ai muốn ráp thứ bầy chuột đã có người làm rồi.

Samuel đi tìm những đĩa đeo niềng răng. Cậu cầm những sợi dây chun bé xíu mà các nha sĩ chỉnh hình răng hàm mặt cấp phát. Dây thun này dùng để giữ căng cần bẫy chuột. Lindsey đã năn nỉ xin được của tay đầu bếp vốn là quân nhân về hưu một tấm giấy nhôm mới. Bẫy của hai đĩa cần phản chiếu ánh sáng làm chuột quẩn trí, mất phương hướng.

“Nhỡ chuột soi vào thấy bóng chúng rồi đâm thích thì sao?” Lindsey hỏi Samuel.

“Chuột mắt kém, không nhìn rõ được,” Samuel đáp. Cậu gỡ những sợi thép dùng buộc túi rác trong trại. Khi một trại viên lom lom nhìn một vật dụng bình thường thì y như rằng cô nàng hay cậu ấy đang nghĩ xem có thể sử dụng nó để ráp cái bẫy chuột hoàn chỉnh nhất thế giới không.

“Mấy con chuột trông dễ thương ghê,” một chiều nọ Lindsey nói.

Lindsey đã dành phần lớn buổi chiều hôm qua để bắt chuột đồng bằng mỗi móc vào dây rồi nhốt chúng vào một chuồng thả bỏ không.

Samuel chăm chú quan sát lũ chuột. “Mai sau có khi mình sẽ làm bác sĩ thú y đấy,” cậu nói, “nhưng phải đem chúng ra mổ xẻ thì mình không ham lắm đâu.”

“Mình phải giết chúng sao?” Lindsey hỏi. “Thì làm một bẫy chuột hoàn chỉnh hơn, chứ đâu thi đua làm bãi diệt nhiều chuột nhất.”

“Phần việc Artie nhận làm là đóng những quan tài tí hon bằng gỗ Balsa đấy,” Samuel nói rồi cười vang.

“Đầu óc gì mà bệnh hoạn quá.”

“Artie là vậy mà.”

“Nghe kể anh chàng từng theo đuổi chị Susie,” Lindsey nói.

“Mình có biết.”

“Anh chàng có kể gì về chị ấy không?” Lindsey cầm một chiếc que dài thò qua mắt lưới.

“Có hỏi thăm Lindsey đấy,” Samuel đáp.

“Thế Samuel trả lời sao?”

“Rằng Lindsey ổn định tinh thần rồi, và mọi chuyện rồi sẽ đâu vào đấy.”

Để tránh bị que quơ trúng, lũ chuột dạt cả vào một góc chuồng. Thế là chúng cứ giẫm đạp lên nhau, tìm lối thoát thân, một cố gắng vô vọng. “Tụi mình nên làm cái bẫy có cái ghế dài tí hon bọc nhung tím, trên đó gắn một cái chốt để khi bọn chuột leo lên ghế, chốt sẽ bật cửa để những viên pho-mát rơi xuống. Mình đặt tên bẫy là vương quốc của loài gặm nhấm được đấy.”

Samuel không áp đặt ý mình với em gái tôi như kiểu người lớn thường làm. Chẳng những thế, cậu còn mô tả cận kẽ chi tiết, làm cách nào bọc chiếc ghế tí hon đặt trong bẫy chuột.

Từ mùa hè năm ấy tôi không còn để nhiều thì giờ vào việc ngồi ở vọng lâu theo dõi mọi sự, vì tôi vẫn có thể nhìn thấy Địa cầu khi tản bộ trên những cánh đồng cỏ ở thiên đường. Đêm xuống, các bà các cô hay chơi môn

phóng lao và ném tạ sẽ rời nơi đây đi tới những thiên đường khác, nơi mà một cô bé như tôi không làm sao thích ứng được. Cuộc sống ở đó có đáng sợ không nhỉ, ở những thiên đường khác ấy? Có nặng nề hơn phải sống giữa những kẻ đồng trang lứa, đang cùng mình bước dần đến tuổi trưởng thành nhưng lại thấy vô cùng cô độc? Hay đó đúng là nơi chốn tôi hằng mơ được đến? Nơi ta có lẽ bị buộc phải sống vĩnh viễn trong một thế giới êm đềm kiểu Norman Rockwell(10). Gà tây nướng được liên tục mang lên bày đầy trên bàn ăn, quanh bàn tề tựu toàn thể gia tộc. Một người trong gia đình đang cắt gà, ánh mắt dí dỏm, nhếch mép cười như giễu cợt.

Nếu tôi đi lang thang quá xa và buột miệng thốt thành lời những câu hỏi luẩn quẩn trong đầu thì những cánh đồng cỏ bỗng biến đổi. Tôi cúi nhìn, thấy lại cánh đồng ngô cho ngựa ăn, rồi nghe lời bài hát, một loại âm thanh rất trầm cùng tiếng thở dài rên rỉ, cản dận tôi phải lùi xa bờ vực. Đầu tôi như bị búa bổ, bầu trời chợt tối sầm, và cái đêm hôm ấy lại tái diễn, bắt tôi phải sống đi sống lại triền miên cái “ngày hôm qua” đó. Hồn tôi đông cứng lại dần, càng lúc càng trĩu nặng. Cứ thế, đã nhiều lần tôi ngoi lên, leo lên được đến bên bờ vực nơi vùi xác mình, nhưng cứ chăm chăm cúi nhìn mãi xuống đáy vực thăm.

Từ đó tôi bắt đầu tự hỏi thiên đường nghĩa là gì. Nếu nơi đây là thiên đường, tôi ngẫm nghĩ, quá thật là thiên đường thì ông bà tôi cũng phải sống ở đây chứ. Nếu thế thì ông nội, người tôi yêu quý nhất trong các ông bà, sẽ nhắc bóng tôi lên và khiêu vũ với tôi. Tôi sẽ chỉ còn cảm thấy hân hoan, chẳng buồn nhớ đến cánh đồng ngô hay nấm mồ dưới đáy vực.

“Cháu sẽ toại nguyện thôi,” Farnny bảo tôi. “Rất nhiều người làm được chuyện đó rồi.”

“Phải làm sao để gây được sự chuyển biến đó, hử cô?” tôi hỏi.

“Không dễ như cháu tưởng đâu,” bà đáp. “Cháu phải thôi không đòi có lời

giải đáp cho một số thắc mắc của mình.”

“Cháu không hiểu.”

“Nếu cháu thôi không đặt câu hỏi, cố sao tôi lại bị giết chứ không phải một người nào khác, nếu cháu thôi không tìm mãi xem mình chết đi thì những người thân thấy tiếc nhớ, thiếu vắng mình đến mức nào, nếu cháu thôi thắc mắc tự hỏi người này người kia ở dương thế hiện đang cảm gì nghĩ gì,” bà nói,” lúc đó chúa sẽ được tự do. Nói cho dễ hiểu là cháu phải chấp nhận đã biệt dương thế.”

Với tôi đây là điều bất khả thi.

Cũng trong đêm ấy Ruth lên vào phòng tập thể chỗ Lindsey nằm ngủ.

“Tớ mơ thấy chị của bồ,” cô nàng thì thầm với em tôi.

Lindsey chớp chớp đôi mắt ngái ngủ nhìn Ruth. “Thấy Susie à?” em hỏi.

“Tớ xin lỗi về chuyện lúc nãy ở nhà ăn nhé,” Ruth nói.

Lindsey đang nằm ở tầng dưới cùng của cái giường nhôm ba tầng. Cô gái ở giường trên đang trở mình.

“Tớ nằm chung với bồ được không?” Ruth hỏi.

Lindsey gật đầu đồng ý.

Ruth chui vào nằm cạnh Lindsey trên cái giường hẹp.



“Bồ nằm mơ ra sao?”, Lindsey thì thào.

Ruth quay đầu để Lindsey nhìn thấy được sống mũi, đường nét môi và trán mình, cô nàng kể. “Lúc ấy tớ đang nằm trong lòng đất,” Ruth đáp, “Susie đi trên mặt đất trong cánh đồng ngô, ngay trên chỗ tớ nằm. Tớ cảm thấy rõ Susie bước qua người tớ. Tớ gọi tên nhưng miệng tớ đầy đất là đất. Susie không nghe dù tớ cố gọi thật to. Rồi tớ thức giấc.”

“Tớ không mơ thấy chị ấy,” Lindsey nói. “Tớ chỉ mơ toàn ác mộng, thấy lũ chuột gặm nhấm ngọn tóc của mình.”

Ruth thích cảm giác thoải mái có được khi nằm bên em tôi, thích hơi ấm tỏa ra từ thân thể hai đứa.

“Bạn yêu Samuel phải không?”

“Phải.”

“Bạn có nhớ Susie không?”

Vì tối, vì Ruth ngoảnh mặt đi không nhìn em, và vì Ruth chưa thân thiết lắm nên Lindsey mới nói những gì em nghĩ. “Chẳng ai biết nổi mình nhớ chị ấy đến mức nào đâu.”

-----

10. Norman Rockwell (1894-1978) họa sĩ Mỹ, vẽ tranh tả cảnh sinh hoạt thường nhật ở thị trấn nhỏ.

Ông hiệu trưởng trường trung học cơ sở Devon phải rời trại đột ngột sau cú điện thoại báo chuyện gấp của gia đình, thế nên cô hiệu phó mới được bổ nhiệm của trường Chester Springs ngay hôm sau phải tức tốc bắt tay chuẩn bị cho màn thi năm nay. Cô muốn thay đổi, chọn một đề tài khác trò ráp

bầy chuột.

CÓ THỂ NÀO GÂY TỘI ÁC MÀ KHÔNG BỊ TRỪNG PHẠT KHÔNG?  
LÀM CÁCH NÀO GIẾT NGƯỜI ÊM THẨM, đó là hàng chữ tên tờ thông tin cô soạn và cho in thành nhiều bản cấp tốc phân phát.

Bọn trẻ thích mê tơi. Từ nhạc sĩ, thi sĩ, các nhà Thông kinh lâu sử cho đến nghệ sĩ đủ mọi bộ môn, đầu óc người nào cũng đầy sáng kiến, chỉ muốn bắt tay ngay vào việc. Trong lúc ăn sáng chúng vừa chén đầy món trứng rán với thịt muối và so sánh những vụ án mạng lớn trong quá khứ đến nay chưa tìm ra manh mối, hoặc kể ra những vật dụng bình thường nhưng lại có thể gây những vết thương chí mạng. Chúng moi óc xem nên âm mưu thủ tiêu kẻ nào. Mọi người thú vị với trò chơi sôi nổi này cho đến bảy giờ mười lăm, khi em tôi bước vào.

Artie thấy Lindsey đi đến chỗ đứng xếp hàng. Em chưa biết ất giáp gì, chỉ cảm thấy một không khí phấn khích, xôn xao, nên nghĩ chắc cuộc thi bầy chuột vừa được công bố.

Artie vẫn trông chừng, nhìn về phía Lindsey, chợt nhìn thấy tờ tin gần chỗ em đứng nhất được dán ở cuối hàng, trên ngăn dao nữa. Lúc đó cậu ta đang nghe dở câu chuyện về Jack the Ripper(11) ai đó ngồi cùng bàn đang kể. Cậu đứng lên bưng khay ăn đi trả.

Tới chỗ em gái tôi, cậu hăng giọng. Tôi đặt mọi hy vọng của mình vào anh chàng quá ư nhút nhát này. “Cứ tóm lấy nó mà bảo đi,” tôi nói. Lời van xin khẩn thiết vọng xuống tận trần gian.

“Lindsey à,” Artie lên tiếng.

Lindsey nhìn cậu. “Gì cơ?”

Tay đầu bếp đứng sau quầy mức một môi đầy trứng bác, bỏ tôm lên khay của em.

“Tớ là Artie, học cùng lớp với chị của bạn đấy.”

“Tôi không cần quan tài,” Lindsey nói rồi đẩy khay trên tấm vĩ sắt về phía những bình nhựa lớn có vòi đựng nước cam và nước táo ép.

“Sao cơ?”

“Samuel bảo rằng năm nay anh làm những quan tài bằng gỗ balsa cho chuột. Tôi không cần đâu.”

“Họ đổi đề tài rồi,” cậu nói.

Sáng nay Lindsey định sẽ cắt một dải từ gấu cái áo đầm của Clarissa. Vải này làm ghế cho bầy chuột là lý tưởng.

“Đổi thành gì vậy?”

“Bạn ra ngoài kia nhá?”, Artie đứng án ngữ, chặn lối em tới ngăn đựng dao nữa. “Lindsey”, cậu buột miệng nói luôn. “Đề tài năm nay là việc giết người.”

Em tôi thẳng thốt nhìn cậu

Lindsey bấu chặt hai tay vào chiếc khay, nhìn Artie không chớp mắt.

“Tớ muốn báo cho bạn biết trước khi bạn đọc bản tin,” cậu nói.

Samuel lúc đó hốt hải chạy vào trong lều.

“Có chuyện gì thế?” Lindsey nhìn Samuel ánh mắt cầu cứu.

“Đề tài năm nay là làm thế nào giết người êm thấm, không để bị trừng phạt,” Samuel đáp.

Samuel và tôi thấy người em run lấy bầy. Nghe tiếng co giật của trái tim trong lồng ngực em. Nhưng em đã tập quen nên những vết nứt rạn cứ nhỏ dần, nhỏ dần. Chẳng mấy chốc, như một kẻ nhanh tay thạo trò tráo lá bài, không ai thấy em đã làm như thế nào. Em có thể che mắt cả thế giới này, kể cả chính mình.

“Mình vẫn bình thường, không sao cả,” em nói.

Nhưng Samuel biết sự thật không phải thế.

Samuel và Artie nhìn theo khi em quay lưng bỏ đi.

“Tớ chỉ tìm cách báo trước cho cô ấy thôi,” Artie nói yếu ớt.

Artie quay lại bàn ăn. Cậu vẽ những ống tiêm dưới da, hết ống này đến ống khác. Cậu ấn bút mỗi lúc một mạnh hơn khi tô màu dung dịch ướp xác trong các ống tiêm, khi vẽ quỹ đạo rơi của ba giọt dung dịch nhều ra ngoài.

Con người này, tôi nghĩ, dù ở đâu, dưới trần thế hay trên thiên đàng, thì cô độc vẫn hoàn cô độc

“Giết người thì có nhiều cách, hoặc dùng dao đâm hay cắt cổ, hoặc cầm súng bắn,” Ruth nói. “Thật kinh tởm.”

“Mình cũng đồng ý với bạn,” Artie nói.

Samuel đưa em tôi ra chỗ khác trò chuyện. Artie nhìn thấy Ruth đang ngồi ở một chiếc bàn loại hay dùng lúc đi cắm trại, trên bàn là quyển vở mới, khổ to.

“Nhưng cũng có khi người ta giết người vì lý do chính đáng,” Ruth nói.

“Theo bạn thì ai đã làm chuyện đó?” Artie hỏi. Cậu ngồi xuống ghế, gác chân lên thanh giằng dưới gầm bàn.

Ruth ngồi gần như bất động, chân phải bắt lên chân trái, bàn chân nhịp nhịp liên hồi.

“Làm sao bạn biết chuyện đó?” Ruth hỏi.

“Bố mình kể cho bọn mình nghe,” Artie đáp. “Ông gọi hai chị em mình vào phòng khách, bảo ngồi xuống.”

“Bố khi, thế ông ấy kể đầu đuôi ra sao?” Ruth hỏi.

“Ông vào đề bằng cách bảo rằng trên thế giới ngày ngày vẫn xảy ra lắm chuyện kinh hoàng. Chị mình mới xen vô: “Ở Việt Nam chẳng hạn.” Bố mình không nói lại vì cứ động đến đề tài này là hai người lại tranh cãi không dứt. Ông bảo: “Không đâu, con ạ, nhiều chuyện kinh hoàng xảy ra ngay sát nhà mình, với những người mình quen biết. “Chị mình lại tưởng đâu là một trong mấy cô bạn gái của chị ấy chứ.”

Ruth thấy có giọt mưa rơi lên người.

“Rồi bố mình không nói cà kê gì nữa, ông bảo có một bé gái vừa bị giết.

Mình mới hỏi đó là ai vậy. Mình muốn nói, khi ông kể “có một bé gái” mình hình dung một đứa bé con, bạn biết không. Chứ không phải lứa tuổi bọn mình.”

Lần này mưa thật rồi, những giọt mưa rơi lộp độp trên mặt bàn gỗ đỏ.

“Bạn có muốn vào nhà trú mưa không?” Artie hỏi.

“Mọi người chắc đã vào trong hết rồi,” Ruth đáp.

“Mình biết.”

“Cứ ngồi đây, cho ướt luôn.”

Hai đứa ngồi im một lúc, nhìn những giọt mưa rơi quanh mình, nghe tiếng mưa đập và tán lá trên cao.

“Mình biết là bạn ấy chết thật rồi. Mình linh cảm thế,” Ruth nói, “nhưng rồi mình đọc thấy tin đó trên tờ báo của bố mình và mình biết ngay là đúng. Lúc đó họ không nêu tên. Chỉ đăng “cô gái mười bốn tuổi.” Mình hỏi xin bố trang báo đó nhưng ông không chịu đưa. Ý mình muốn nói, cứ suy ra, ngoài bạn ấy và đứa em gái ra đâu có ai khác nghỉ học cả tuần đó đâu?”

“Mình thắc mắc không biết ai báo tin cho Lindsey biết nhỉ?” Artie nói. Mưa nặng hạt hơn. Artie chui xuống dưới gầm bàn. “Tụi mình ướt hết rồi,” từ dưới gầm ra vọng ra tiếng cậu.

Rồi thoát cái trời tạnh, nhanh không kém lúc đổ cơn mưa. Mặt trời chiếu qua những cành lá trên đầu hai đứa. Ruth ngước mắt nhìn trời qua đám cành lá kia. “Chắc bạn ấy đang lắng nghe hai đứa mình đấy,” cô nàng nói

khẽ khàng, nhỏ quá khó ai nghe được.

Thế là ở trại mọi người biết rõ em gái tôi là ai và tôi là đời trong hoàn cảnh nào.

“Cứ thử tưởng tượng mình mà cũng bị đâm như thế nhỉ,” có ai đó lên tiếng.

“Tớ xin kiêu thôi.”

“Mình lại thấy như thế mới là hết ý chứ.”

“Thử nghĩ mà xem, cô ả đâm ra nổi tiếng.”

“Nổi tiếng kiểu đó đây không ham. Tớ thích nổi tiếng nhờ đoạt giải Nobel hơn.”

“Có ai biết cô ả ước mơ mai sau làm gì không?”

“Tớ thách cậu dám đi hỏi Lindsey đấy.”

Rồi chúng lên danh sách những trong vòng thân thuộc đã qua đời rồi.

Phần đông có ông hay bà, cô dì hoặc chú bác đã chết, vài đứa mất bố hoặc mẹ, hiếm đứa nào có anh chị em mất sớm vì bệnh tật, - chứng tim đập loạn nhịp, hay leukemia(12), một bệnh hiểm nghèo có cái tên khó đọc. Không ai có thân bằng quyến thuộc phải chết vì án mạng. Nhưng từ nay chúng biết đến trường hợp của tôi rồi đấy.

Samuel Heckler ôm Lindsey nằm trên sàn một chiếc thuyền chèo cũ đã hỏng lâu rồi không dùng được nữa.

“Cứ yên tâm, em chẳng sao đâu,” Lindsey nói, mắt ráo hoảnh. “Artie chắc hẳn có lòng tốt muốn giúp em đó thôi.”

“Thôi đừng nhắc lại nữa, Lindsey,” Samuel nói. “Tụi mình cứ việc nằm đây chờ cho mọi chuyện qua đi, mai kia sẽ không ai nhắc tới nữa.”

Lưng Samuel dán xuống đất, cậu kéo Lindsey sát người mình, cố che cho em không bị ướt vì cơn mưa hè đang ập đến. Hơi thở của chúng bắt đầu làm nóng không gian nhỏ hẹp dưới thuyền và Samuel không kiềm chế được – dương vật cậu cương cứng trong chiếc quần jeans.

Lindsey đặt tay lên đó.

“Mình xin lỗi...” Samuel lên tiếng trước.

“Em đã sẵn sàng,” em gái tôi nói.

Ở tuổi mười bốn em tôi đã rời tôi đi xa, dong buồm đến một nơi tôi chưa từng tới. Trong những bức tường vây bọc phần sâu kín cơ thể của tôi chỉ có toàn kinh hoàng và máu me, còn ở em tôi, tường có những cửa sổ trở ra một thế giới mới.

“Làm cách nào giết người êm thấm” là một trò chơi cũ rích trên thiên đường. Lần nào tôi cũng chọn băng nhũ thạch. Vũ khí loại này sẽ tự hủy, chảy tan thành nước.

-----



11. “Jack The Ripper” (Jack Tên đồ tể) tên đặt cho kẻ sát nhân ở khu East End, thủ đô Luân Đôn nước Anh năm 1888, đến nay vẫn chưa tìm ra tung tích.

12. Leukemia: Ung thư máu, còn gọi là bệnh bạch cầu.

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Khi bố tôi thức giấc vào bốn giờ sáng, trong nhà hoàn toàn yên ắng. Mẹ tôi nằm bên ông, gáy khe khẽ. Em trai tôi, đứa con duy nhất còn ở nhà vì em gái tôi đang ở trại, nằm ngủ say mê mết, kéo chăn trùm đầu kín mít. Bố tôi, cũng như tôi, lấy làm lạ sao nó có thể ngủ say đến thế được. Hồi tôi còn sống, Lindsey và tôi thường hay nghịch bằng cách vỗ tay, thả sách rơi xuống sàn, thậm chí gõ nắp xoong chan chat xem Buckley có vì thế mà thức dậy không.

Trước khi ra khỏi nhà, bố tôi còn vào phòng Buckley kiểm lại, khi cảm thấy hơi thở ấm của em phả vào lòng bàn tay ông mới yên lòng. Rồi ông xỏ đôi giày đế mỏng, mặc bộ quần áo thể thao nhẹ. Việc cuối cùng là trông dây vào cổ con Hoiliday.

Trời còn sớm, đến mức ông nhìn thấy hơi nước phả ra khi thở. Sớm như thế này ông vẫn có thể coi như vẫn còn là mùa đông. Như thế trời chưa chuyển mùa.

Việc dẫn chó ra ngoài buổi sáng cho ông cái cơ để đi ngang ngôi nhà của tên Harvey. Ông chỉ đi chậm lại chút xíu – không ai nhận thấy, trừ tôi hay tên Harvey, nếu hắn đã thức. Bố tôi chắc chắn rằng chỉ cần tập trung nhìn thật kỹ, thật lâu là sẽ có lúc tìm ra bằng chứng ông cần, hoặc trên các khung cửa sổ, trong lớp sơn xanh phủ lên ván gỗ, hoặc ở lối xe ra vào, đánh dấu bằng hai tảng đá to sơn trắng.

Đến cuối hè 1974 vẫn không có gì mới trong vụ án mạng mà tôi là nạn nhân. Không tìm thấy xác. Thủ phạm cũng không. Hoàn toàn không có gì.

Bố tôi nghĩ đến câu bàn Ruana Singh: “Nếu biết chắc rồi, tôi sẽ chuẩn bị kỹ lưỡng để giết hẳn thật êm thấm.” Ông không kể lại với mẹ tôi vì lời khuyên này nghe dứt khoát, quyết liệt, hẳn sẽ làm bà bất an, thấy phải thổ lộ cùng ai khác. Và ông ngờ rằng người đó là Len.

Từ hôm ông đi gặp bà Ruana Singh rồi về nhà thấy Len đang chờ mình, ông cảm thấy mẹ tôi ngày càng thiên về lập luận của cảnh sát. Nếu bố tôi nói gì đó ngược với giả thiết của họ - và như ông nghiệm ra, là họ chẳng đưa ra giả thiết nào cả - thì bà lập tức tìm cách bào chữa cho điều sơ sót mà bố tôi vừa tìm ra được. “Len bảo rằng điều đó chẳng nói lên điều gì cả,” hay “Em tin chắc trước sau cảnh sát cũng sẽ tìm ra thôi.”

Bố tôi tự hỏi sao người ta lại cả tin cảnh sát đến thế được? Sao không tin vào trực giác? Tên Harvey là hung thủ, bố biết chắc điều đó. Nhưng bà Ruana nói: Nếu biết chắc. Biết, cách biết bằng cảm nhận từ sâu thẳm nội tâm của bố tôi, không phải là bằng chứng hiển nhiên, theo tinh thần mà người ta vẫn diễn giải luật pháp.

Ngôi nhà nơi tôi lớn lên cũng là nơi tôi mở mắt chào đời. Không khác ngôi nhà của tên Harvey, nó như một cái hộp, nên tôi mới nảy thói ganh tị vớ vẩn khi đến thăm người khác. Tôi mơ về những ô cửa sổ xây nhô ra trên có mái vòm, về những ban công và bức vách nghiêng áp mái trong phòng ngủ. Tôi thích tưởng tượng có cây cối trong vườn to cao hơn người, những khoang dốc vát dưới gầm cầu thang. Những hàng rào dày rậm đến mức bên trong có những hốc do cành khô đan vào nhau thành vòm, ta có thể chui vào ngồi lọt được. Trong thiên đường của tôi có hiên, có cầu thang cuốn, cửa sổ có song sắt và một tòa lâu có chuông từng giờ lại điểm.

Tôi biết tường tận bên trong ngôi nhà của tên Harvey. Tôi đã để lại trên nền

gara một vệt ẩm cho tới khi thi thể tôi lạnh cứng. Hăn đã mang máu của tên trên áo quần và trên lớp da hăn vào trong nhà. Tôi biết căn phòng tắm. Tôi biết rằng ở nhà mẹ tôi trang trí để đón chào Buckley ra đời sau chúng tôi nhiều năm, bằng cách dán những chiếc tào chiến nhiều màu dọc thành bốn bức tường màu hồng nhạt. Trong nhà tên Harvey phòng tắm và bếp sạch bong không tì vết. Gạch sứ ốp vách màu vàng, còn gạch lót sàn màu xanh lục. Tầng trên, nơi bên nhà tôi là phòng của Buckley, Lindsey và tôi, thì bên đó hăn để trống, chẳng trưng bày gì. Hăn có một cái ghế tựa để thỉnh thoảng ngồi nhìn qua cửa sổ hướng trường trung học, tiếng ban nhạc tập luyện từ sân cỏ văng lại, nhưng phần lớn thời giờ hăn ở tầng trệt, phía sau nhà, ở trong bếp để ráp nhà cho búp-bê, nghe đài phát thanh trong phòng khách, hoặc khi nào hứng thì phác họa đồ cho những dự tính bệnh hoạn như căn hầm hoặc túp lều.

Suốt nhiều tháng chẳng có ai quấy rầy gì hăn về vụ của tôi. Mùa hè năm ấy họa hoằn lắm hăn mới lại thấy một chiếc xe tuần tra chạy chậm chậm qua nhà tôi. Hăn khôn ngoan không thay đổi cung cách sinh hoạt thường nhật. Nếu bất chợt lúc ấy hăn định ra nhà để xe hay thùng thư, hăn vẫn điềm nhiên bước tới.

Hăn đặt nhiều đồng hồ reo báo giờ. Cái thì báo giờ để hăn kéo màn hình màn, cái khác báo giờ để đóng. Sau đó hăn bật hay tắt đèn đóm trong nhà. Thỉnh thoảng khi một cậu bé đi qua mời mua một phong sôcôla hoặ đặt mua dài hạn tờ báo ra buổi chiều Evening Bulletin, nhằm giúp gây quỹ cho một cuộc thi đua trong trường, thì hăn tỏ ra thân thiện, nhưng ở mức quan hệ mua bán, không gây sự chú ý nào.

Hăn cất giữ một số kỷ vật và hay đem chúng ra đếm. Việc đếm đi đếm lại tạo cho hăn cảm giác an toàn. Đó là những thứ rất bình thường. Chiếc nhẫn cưới, bức thư trong phong bì dán kín, một mẫu góp giày, cặp mắt kính, viên tẩy có hình nhân vật trong truyện tranh, lọ nước hoa con con, vòng đeo tay bằng nhựa, viên đá hộ mệnh – hình bang Pennsylvania – của tôi, mặt dây

chuyên bằng mã não của mẹ hắn. Đêm đêm, đợi đến khuya khi chắc chắn sẽ không có trẻ bán báo hay người hàng xóm nào đến gõ cửa, hắn đem chúng ra xem. Hắn đếm từng món như người ta lần tràng hạt. Có vài món hắn đã quên tên chủ nhân. Nhưng tôi biết tên những người ấy. Gót giày là của một bé gái tên Claire ở Nutley, bang New Jersey, hắn đã dụ dỗ leo cửa sau lên chiếc xe thùng của hắn. Cô bé này hơn tôi. (Tôi cứ muốn nghĩ rằng như mình thì chẳng đời nào dại mà nghe lời leo lên một chiếc xe thùng, chẳng qua chỉ tại tôi hiếu kỳ muốn biết hắn làm sao xây hầm mà không sập). Hắn lột gót giày của Claire rồi thả cô bé đi. Ngoài ra không làm gì khác. Hắn dụ cô bé leo vô xe rồi tuột đôi giày cô ra. Cô bé òa khóc, tiếng khóc xoáy vào óc hắn như đinh vít. Hắn nài nỉ bảo cô bé nín và xéo đi cho rồi. Bé hãy đi chân trần mà leo xuống xe, đừng than khóc nữa, còn giày thì hắn giữ lại đây. Nhưng cô bé không chịu, cứ la khóc. Hắn lấy dao nhíp tìm cách tách phần gót khỏi chiếc giày, tới lúc có người động rầm rầm vào thành xe. Hắn nghe tiếng nhiều người đàn ông, rồi tiếng một người đàn bà la lối đòi gọi cảnh sát. Hắn mở cửa xe.

“Ông làm trò gì với đứa bé vậy hả?” một người đàn ông sừng sộ. Người bạn của ông này đỡ lấy cô bé đang vừa khóc lóc vừa nhảy xuống xe.

“Tôi đang sửa giày cho nó đây mà”

Cô bé hoảng loạn kể lể bù lu bù loa, còn tên Harvey thì tỏ ra là người bình tĩnh, ôn tồn. Nhưng Claire cũng đã nhìn thấy như tôi – trĩu nặng trong ánh mắt hắn – điều gì đó hắn muốn mà không nói ra được, và nếu được thỏa mãn hắn sẽ kết liễu số phận của chúng tôi.

Nhân cơ hội mọi người còn đang hoang mang chưa biết xử trí ra sao, vì không thể nhận thấy điều mà Claire và tôi linh cảm được, Harvey ra vẻ vội vã, đưa chiếc giày cho một người đàn ông rồi từ biệt đi luôn. Hắn giữ lại cho mình chiếc gót. Hắn thích cầm chiếc gót bọc da bé xíu này, và mân mê

bằng ngón tay cái và ngón trỏ - một thức bùa hộ mệnh hoàn hảo cho hân.

\*\*\*

Tôi biết cái góc tối nhất trong nhà mình nằm ở đâu. Tôi từng leo vào trốn trong đó, tôi khoe với Clarissa là nấp suốt một ngày trời, nhưng thật ra chỉ ở đó khoảng bốn mươi lăm phút thôi. Đó là một khoảng trống chỉ vừa đủ để bò lom khom ở tầng hầm dưới nền nhà. Đó là chỗ mọi đường ống dẫn điện và nước từ khắp nhà quy về, soi đèn pin thấy được, tưởng như có cả tấn bụi trong đó. Chỉ có thế. Không có sâu bọ. Chỉ cần thấy vào con kiến bò là mẹ tôi, giống hệt bà ngoại, lấy ống thuốc diệt côn trùng loại cực mạnh xịt ngay.

Sau tiếng chuông đồng hồ báo giờ để hân nhớ đóng màn hình, tiếp đến chuông đồng hồ nhắc hân tắt hầu hết đèn đóm – sau đó khu ngoại ô này chìm trong giấc ngủ - tên Harvey sẽ xuống căn hầm xây kín mít không để lọt ánh đèn, kéo có ai thấy thì họ sẽ đồn là hân quái dị. Vào thời điểm trước và sau khi giết tôi, hân không thích chui vào chỗ trống dưới những ống dẫn điện nước, nhưng vẫn thích ở lâu dưới hầm, ngồi trên một cái ghế đối diện với cái hốc tối từ khoảng lưng chừng tường kéo tới tận lớp ván lót sàn bếp. Nhiều khi hân ngồi lơ mơ rồi ngủ quên dưới đó, và khi bố tôi đi ngang ngôi nhà sơn xanh này vào sáng sớm quãng năm giờ kém hai mươi thì hân cũng đang ngủ ở đấy.

Joe Ellis là một thằng oắt con dữ tính và có thói chơi xấu. Ở hồ tắm nó lặn dưới nước lén cấu véo tôi với Lindsey, làm chúng tôi đành bỏ không đi bơi nữa vì ghét nó thậm tệ. Nó có một con chó mà nó cứ lôi bừa theo bất kể con vật muôn hay không. Con chó còn nhỏ không chạy nhanh được, nhưng Ellis mặc kệ. Cứ thế nó đánh và túm đuôi con chó xách ngược lên. Một ngày nọ con chó biến mất, biến luôn cả con mèo mà có người thấy bị thằng Ellis hành hạ. Sau đó chó mèo của toàn vùng lân cận dần dần biến đâu mất cả.

Khi dõi theo hướng nhìn của Harvey trong cái hốc chật hẹp chỉ bó mới vào được này, tôi phát hiện những con vật đã mất tích từ hơn một năm nay. Người ta cứ tưởng chuyện này chấm dứt vì thằng con nhà Ellis bị gửi vào trường thiếu sinh quân. Sáng sáng họ thả chó mèo ra, chiều tối chúng lần về. Họ xem đó là bằng chứng rõ ràng. Không ai tưởng tượng nổi rằng trong ngôi nhà màu xanh lục này có một kẻ mắc chứng thèm thuồng những con vật đó. Người đó rải vôi sống lên xác chó mèo để rút ngắn thời gian tiêu rã thịt da, sứt tập mớ xương. Bằng cách đếm xương và tránh không động đến bức thư niêm kín, chiếc nhẫn cưới, lọ nước hoa, hũ cổ gạt ra khỏi tâm trí những việc hãn muốn làm nhất, đó lần mò leo cầu thang trong bóng tối, ngồi vào chiếc ghế tựa, ngó về phía trường trung học, đó là việc mừng tượng ra những thân thể đang chuyển động dập dồn như sóng theo nhịp reo hò của các hoạt náo viên đang hăng say cổ vũ trận bóng đá tổ chức vào mùa thum hoặc đứng nhìn đám học trò trường tiểu học xuống xe buýt tại trạm đỗ cách nhà hãn hai căn. Có lần hãn dõi mắt theo Lindsey một lúc lâu, đưa con gái duy nhất trong đội bóng nam, vẫn chạy bộ quanh khu này lúc trời đã sập tối.

Tôi đã rất khó khăn, đã mất nhiều công sức để hiểu và tin rằng quả thật lần nào hãn cũng cố hết sức tự kiểm chế bản năng mình. Hãn giết súc vật, hủy diệt những sinh vật cấp thấp để kiềm giữ ham muốn ra tay hãm hại một đứa trẻ.

Vào tháng tám, Len muốn xác định lại giới hạn trong quan hệ để được yên thân mình những đồng thời cũng để giúp bố tôi. Bố tôi gọi điện tới đồn cảnh sát liên tục khiến họ đâm ngán ngẫm và bức bối, việc này chẳng giúp tìm ra thủ phạm mà chỉ làm họ ngày càng không ưa ông.

Cú điện thoại vào tuần đầu tháng Bảy là giọt cuối cùng làm tràn ly nước. Bố tôi kể lẽ đông dài với nhân viên trực máy điện chuyện con chó của ông trong một lần dắt ra ngoài lúc sáng sớm cứ trì lại trước cửa nhà Harvey không chịu đi tiếp, sủa ồm ồm. Họ kháo nhau ông Salmon kể rằng đã thử đủ

mọi cách mà con chó không chịu nhúc nhích cứ sủa liên hồi. Chuyện này trở thành chuyện tiểu lâm ở đồn cảnh sát: ông họ nhà Cá và con chó Huckleberry.

Len đứng trước hiên nhà tôi hút nốt điếu thuốc. Trời còn sớm nhưng độ ẩm trong không khí cao hơn cả ngày hôm trước. Dự báo sẽ mưa suốt tuần, loại mưa dông có sấm chớp đặc biệt của vùng này, nhưng lúc này cảm giác ẩm ướt duy nhất Len có được là từ lớp mồ hôi nhớp nháp trên người ông. Lần trước đến nhà tôi là lần cuối cùng ông thấy thoải mái.

Len nghe có tiếng lao xao – giọng đàn bà – từ trong nhà văng ra. Ông ta dụi điếu thuốc trên nền xi măng dưới bờ dậu rồi nhấc quả đấm bằng đồng thau nặng chịch để gõ cửa.

Ông ta chưa kịp gõ thì cửa đã mở ra.

“Tại cháu ngửi thấy mùi thuốc lá,” Lindsey nói.

“Phải cháu vừa nói gì đó không?”

“Mấy chất độc hại đó sẽ giết chú cho mà xem.”

“Bố có nhà không cháu?”

Lindsey tránh sang bên, nhường lối.

“Bố ơi!” em gái tôi gọi với vào trong nhà. “Có chú Len!”

“Cháu mới đi đâu về à?” Len hỏi.

“Cháu vừa vào nhà.”

Em gái tôi mặc áo thun loại để chơi bóng chày của Samuel và chiếc quần thể thao lạ hoắc. Mẹ tôi vừa quở mắng nó vì về nhà với bộ quần áo không phải của mình.

“Chú biết bố mẹ cháu hay lo, hễ cháu đi đâu là cứ ngóng.”

“Không chắc đâu,” Lindsey nói, “Cháu thì nghĩ hễ đi đâu khuất mắt thì ông bà còn mừng nữa là khác.”



Len biết nó nói đúng. Ông ta nhớ rõ những lần trước mẹ tôi không cúi gắt như thế.

Lindsey kể: “Em Buckley phong chú làm cảnh sát trưởng của thành phố nó xây dưới gầm giường của nó đấy.”

“Thế là chú thăng chức rồi.”

Hai người nghe trên lầu tiếng chân của bố tôi và tiếng Buckley đang nài nỉ gì đó. Lindsey biết rằng nó đòi gì thì rốt cuộc bố tôi cũng sẽ chiều.

Bố và em trai tôi bước xuống cầu thang, mặt mày tươi tắn.

“Chào anh Len,” ông nói và bắt tay Len.

“Chào anh Jack,” Len đáp. “Còn Buckley, sáng nay cháu khỏe không?”

Bố tôi nắm tay Buckley dẫn tới trước mặt Len. Ông ta trịnh trọng cúi hỏi nó.

“Chú nghe nói cháu phong chú làm cảnh sát trưởng.”

“Đúng thế ạ.”

“Chắc chú không xứng đáng ới chức này đâu.”

“Anh xứng hơn người khác chứ,” bố tôi nói, vẻ hớn hờ. Ông rất vui mỗi dịp Len Ferman ghé thăm. Mỗi lần ông ta đến bố tôi càng thêm tin tưởng rằng có nhiều người đồng tâm nhất trí – có cả một nhóm người làm hậu thuẫn cho ông - chứ ông không đơn độc trong chuyện này

“Các cháu à, chú cần nói chuyện riêng với bố một lúc.”

Lindsey dụ Buckley trở vào nhà bếp bằng cách hứa cho cu cậu ăn món sữa khuấy ngũ cốc sấy khô. Còn cho mình thì Lindsey nghĩ đến ly cốc-tai khai vị gọi là Jellyfish Samuel đã pha chó nó uống thử, gồm đường, rượu Gin và một quả anh đào dưới đáy ly. Samuel và Lindsey ngậm ống, hút dần mấy quả anh đào cùng với rượu, đến lúc say nhức cả đầu và môi đỏ loét.

“Tôi gọi Abigail xuống nhé? Anh uống cà phê hay thứ gì khác?”

“Jack ạ” Len nói, “tôi đến đây không phải vì có tin mới – ngược lại là khác. Ta ngồi đâu được?”

Tôi nhìn bố và Len đi vào phòng sinh hoạt. Tên là phòng sinh hoạt nhưng dường như những sự kiện quan trọng trong đời chúng tôi không hề diễn ra ở đó. Len ngồi ghé lên mép một chiếc ghế, chờ bố tôi ngồi xong rồi mới nói:

“Tôi nói cho anh nghe, Jack ạ. Về George Harvey ấy mà.”

Mặt bố tôi tươi lên. “Thế mà anh bảo không có tin mới.”

“Không có thật mà. Có ít điều tôi cần nói với anh, nhân danh sở cảnh sát và cả cá nhân tôi nữa.”

“Anh cứ nói.”

“Yêu cầu anh đừng gọi đây nói cho chúng tôi về chuyện tên George Harvey nữa.”

“Nhưng mà...”

“Tôi yêu cầu anh đừng gọi nữa. Dù chúng ta có suy diễn, phỏng đoán thêm mãi đi nữa, cũng chẳng có gì chứng minh hẳn liên quan đến cái chết của Susie được. Chó sủa râm ran và căn lều hợp cần không phải là bằng chứng.”

“Tôi biết chính hẳn đã làm điều đó,” bố tôi nói.

“Hẳn lập dị, tôi cũng đồng ý thế, nhưng theo chỗ chúng tôi biết thì hẳn không phải là một kẻ sát nhân.”

“Từ đâu mà các anh dám khẳng định như vậy?”

Len Fenerman phân trần, nhưng bố tôi chỉ nghe trong tai lời bà Ruana Singh đã khuyên, nhớ lại cảm giác lúc đứng trước nhà Harvey, như có một nguồn năng lượng toát ra từ hẳn, từ cội lòng lạnh lẽo giá băng của hẳn. Harvey là con người khó ai nhìn thấu lòng dạ nhưng đồng thời là kẻ duy nhất trên đời đáng bị nghi là sát hại tôi. Càng nghe Len bác bỏ giả thiết này bố tôi càng tin chắc là mình đúng.

“VẬY là các anh ngừng không điều tra về hắn nữa,” bố tôi nói thẳng thừng.

Len lân la đứng ở cửa phòng như hôm Len và viên cảnh sát mặc đồng phục đem lại nhà cái mũ dính chuông của tôi. Lindsey có một cái y hệt. Ngay hôm ấy nói lặng lẽ cất cái mũ thứ hai này vào một cái hộp đựng búp-bê cũ rồi giấu sau tủ quần áo. Nó không muốn mẹ tôi tình cờ phải nghe lại tiếng lanh canh của những quả chuông tí hon bé bằng viên ngọc trai này nữa

Bố chúng tôi đứng sững, với trái tim mà chúng tôi biết hoàn toàn dành cho vợ con mình. Ông mang chúng tôi trong tim, thấy quá nặng vì kiệt sức và tuyệt vọng. Hai cửa của trái tim ông đóng mở dồn dập như nấp hơi trên một nhạc cụ; những cái van bằng nỉ im lặng, ngón bấm ma quái, tập miết, thế rồi bỗng vang lên thanh âm, điệu nhạc, không gian ấm lại. Lindsey rời chỗ cửa phòng bước lại.

“À, cháu Lindsey,” Len nói.

“Thanh tra Fenerman.”

“Chú vừa nói với bố cháu...”

“Rằng chú ngừng việc điều tra.”

“Nếu có lý do vững chắc nào cho phép tình nghi người đàn ông đó thì...”

“Chú nói xong chưa?” Lindsey hỏi. Đột nhiên nó đứng vào chỗ người vợ của bố tôi, đồng thời vẫn đóng vai đứa con cả, mang trách nhiệm nặng nhất nhà.

“Chú chỉ muốn cả nhà hiểu cho rằng, đến nay các chú đã kiểm tra không sót một manh mối nào.”

Bố tôi và Lindsey nghe tiếng chân mẹ tôi, còn tôi nhìn thấy bà, từ trên cầu thang bước xuống. Buckley từ bếp ào ra, va cả người vào chân bố tôi.

“Anh Len”, mẹ tôi nói rồi kéo chiếc áo khoác vải bong sát người khi trông thấy ông ta, “anh Jack đã mời anh cà phê chưa?”

Bố tôi nhìn vợ rồi quay nhìn Len Fenerman.

“Cảnh sát bỏ cuộc rồi,” Lindsey vừa nói vừa nhẹ tay nín vai Buckley, kéo nó đứng sát vào người.

“Cuộc gì?” Buckley hỏi. Nó hay lấy lưỡi cuộn tới cuộn lui một âm như viên kẹo chua, cho đến khi biết rõ và ghi nhớ mùi vị.

“Sao cơ?”

“Thanh tra Fenerman đến đây để bảo bố đừng quấy rầy họ nữa.”

“Lindsey”, Len nói, “chú có nói như thế đâu.”

“Nói gọn lại là thế,” nó đáp. Em gái tôi muốn bỏ đi, tới nơi có trại năng khiếu được kéo dài thêm ít ngày; Samuel và nó sẽ đến đó, nếu có cả Artie càng hay – vào phút chót tay nào giật giải cuộc thi giết người êm thấm nhờ sáng kiến dùng nhũ băng làm vũ khí sát nhân - ở trại em sẽ làm chủ thế giới của riêng mình.

“Thôi bố ơi, đừng buồn nữa,” nó nói. Bố tôi đang nhẩn nại ráp ghép gì đó trong tâm tưởng. Những mảnh rời đó không dính dáng gì đến tôi hay George Harvey cả. Chúng nằm trong ánh mắt mẹ tôi.

Hôm ấy bố tôi ngồi lại rất khuya trong phòng làm việc của ông, ông hay làm thế thời gian sau này. Ông bang hoàng thấy thế giới xung quanh ông sụp đổ - bao nhiêu là chuyện từ đâu bỗng dưng đổ đến, đầu tiên là cái tin tôi chết như tiếng sét bên tai. “Tôi có cảm tưởng đang đứng trong miệng một núi lửa đang phun”, ông viết trong nhật ký. “Cả Abigail cũng cho rằng Len có lý trong chuyện Harvey.”

Trong lúc ông ngồi viết thì ngọn nến ở cửa sổ không ngớt lung linh, khiến ông không tập trung tâm trí được dù có đèn bàn. Ông ngả lưng vào thành chiếc ghế gỗ cũ vẫn ngồi từ thời còn là sinh viên, tiếng gỗ kêu kệt quen thuộc làm ông thấy thư giãn. Ở công ty ông đăng trí không biết người ta

cần ông vào công việc gì. Ngày ngày ông phải nhìn những cột số vô nghĩa mà người ta đòi hỏi ông phải kiểm tra xử lý theo nhu cầu của công ty. Hồi này ông hay phạm lỗi, và số là sai sót tăng đến mức đáng sợ, khiến ông lo mất việc, sẽ không còn đủ khả năng chăm sóc cho hai đứa con yêu quý còn lại, lo lắng hơn cả những ngày đầu sau khi tôi mất tích.

Ông đứng dậy, dang hai cánh tay, cố tập trung làm vài ba động tác mà bác sĩ gia đình đã khuyên. Tôi nhìn bố cúi người, ngạc nhiên vì chưa hề thấy ông cử động một cách khó khăn nhọc mệt đến thế. Ngày xưa thay vì đi về quản trị kinh doanh, lẽ ra ông phải chọn trở thành vũ công mới đúng. Biết đâu lại chẳng có dịp trình diễn khiêu vũ với bà Ruana Singh ở kịch viện Broadway.

Ông tắt đèn bàn, chỉ để lại ngọn nến.

Ngồi trên chiếc ghế bành thấp màu xanh như lúc này ông thấy thoải mái hơn hết. Tôi thường ngồi ngắm những lần ông ngủ quên ở đó. Căn phòng như một hầm mộ, chiếc ghế như bào thai trong bụng mẹ. Còn tôi canh giấc cho bố. Ông đăm đăm nhìn ngọn nến, nghĩ xem nên làm gì; nghĩ đến những lần ông đưa tay chạm vào người vợ thì bà nhích ra mép phía giường ra sao. Thế rồi khi viên cảnh sát xuất hiện, bà bỗng sinh động tươi tắn hẳn lên.

Mắt ông quen dần với vầng sáng chập chờn ma quái của ngọn nến trên kính cửa sổ. Ông nhìn đăm đăm cả hai – ngọn lửa thật và cái bóng của nó, rồi tâm trí ông bắt đầu lảng đãng nghĩ về nỗi căng thẳng và những sự kiện trong ngày.

Đúng lúc ông thôi không muốn nghĩ ngợi nữa để thả mình vào giấc ngủ thì hai bố con tôi cùng thấy một thứ: một nguồn sáng thứ hai. Ở bên ngoài cửa sổ.

Nhìn từ xa trông nó giống như ánh đèn pin. Một luồng sáng trắng từ từ chuyển động xuyên qua bãi cỏ đi về phía trường trung học cơ sở. Bố tôi dõi mắt nhìn theo luồng sáng ấy. Bấy giờ đã quá nửa đêm, trăng không tròn như mọi khi, không sáng đủ để soi tỏ đường nét nhà cửa, cây cối. Ông Stead, tối nào cũng chạy chiếc xe đạp có đèn chiếu bằng sức chân guồng, chắc chắn chẳng bao giờ phá nát bãi cỏ nhà hàng xóm kiểu này. Và lại với ông Stead thì giờ này đã quá khuya.

Bố tôi nhồm dậy trên chiếc ghế xanh để nhìn theo, thấy ánh đèn pin kia di chuyển về phía cánh đồng ngô bỏ hoang.

“Đồ khốn!” Ông thì thầm. “Quân giết người khốn kiếp!”

Ông vội vàng lấy chiếc áo đi săn – không hề mặc lại từ chuyển đi săn xui xẻo mười năm về trước – từ trong tủ chứa đồ khoác lên người. Xuống dưới nhà, ông lao vào phòng chứa đồ ở tiền sảnh lôi ra chiếc gậy bóng chày ông đã mua cho Lindsey trước khi nó quay sang mê môn bóng đá.

Đầu tiên bố tắt ngọn đèn trước hiên mọi người vẫn thắp cho tôi hàng đêm; dù đã tám tháng trôi qua kể từ khi cảnh sát bảo rằng không hy vọng thấy tôi còn sống nhưng chưa ai nỡ tắt lần nào. Tay đặt lên nắm đấm cửa, ông hít một hơi thật sâu.

Ông vặn nắm đấm, bước ra hàng hiên tối om. Ông khép cửa, đứng ngoài sân với cây gậy bóng chày, tự nhủ: phải nghĩ ra cách nào thật êm thấm.

Ông băng qua sân trước, sang đường rồi vào sân nhà O'Dwyer, nơi ông thấy ánh đèn xuất phát. Ông đi qua chỗ bể bơi và hai chiếc ghế đu han gi. Tim ông đập dồn dập nhưng ông không cảm thấy gì hết, ông chỉ có một ý nghĩ trong đầu. George Harvey vừa ra tay giết thêm một bé gái nữa.

Ông đi đến sân bóng đá. Phía bên phải ông, sâu trong cánh đồng ngô, nhưng xa khu ông từng biết – nơi cảnh sát quay kín lại, phát quang, đào xới lên rồi lấp lại – ông thấy lại ánh đèn kia. Ông nắm chặt hơn nữa chiếc gậy bóng chày. Trong một khoảnh khắc ông không biết đích xác mình sắp làm gì, nhưng hiểu rất rõ mình muốn gì.

Gió giúp ông toại ý, thổi thốc qua sân bóng, dọc cánh đồng ngô, quạt phần phật ống quần ông, đẩy ông tới trước, dù ông cố trì lại. Mọi thứ ngã rạp. Đến khi ông lọt vào giữa những luống ngô rồi, tập trung tâm trí vào luồng sáng, thì gió ngụy trang cho ông. Gió ào ào hú qua những thân ngô gãy gục, át tiếng chân ông giẫm đạp lên chúng.

Những hình ảnh, âm thanh hỗn độn tràn ngập đầu óc ông – tiếng đế cao su cứng giày pa-tanh của trẻ con cọ xát mặt vỉa hè, mùi thuốc tẩu của bố ông, nụ cười của Abigail khi hai người mới quen nhau, như ánh sáng xuyên thấu quả tin xao xuyến của ông – rồi ánh đèn pin vụt tắt. Chung quanh ông tối mịt, không phân biệt được gì nữa.

Ông tiến thêm vài bước rồi đứng lại.

“Ta biết mi đang ở đây,” ông nói.

Tôi làm nước dăng ngập lụt cánh đồng ngô, tôi phà hơi tiếp lửa để rọi sáng khắp chốn, tôi cho đá và cánh hoa rơi xuống như mưa, nhưng chẳng tạo ra biến chuyển gì trên dương thế, tôi không báo cho ông biết kịp. Tôi bị đẩy lui về thiên đường của mình: việc duy nhất rồi được làm là từ đó nhìn xuống thế gian.

“Ta đến đây cũng vì chuyện đó,” bố tôi nói, giọng run run. Trái tim kia co thắt rồi giãn ra, máu ào ạt ngập tràn bờ những nhánh sông trong lồng ngực ông rồi dồn ứ lại. Hơi thở, lửa, buồn phôi co cứng, phồng ra, những kích thích tôi còn lại tích tụ trong Adrenalin. Hình ảnh mẹ tôi tươi cười rồi khỏi

tâm trí ông, lần này ông nhìn thấy tôi nhoẻn miệng cười.

“Mọi người đang ngủ,” bố tôi nói. “Ta ra đây để thanh toán với mi.”

Ông nghe tiếng rên nhỏ. Giá tôi quay được đèn chiếu xuống đó, như người ta vẫn rọi đèn trong phòng khánh tiết của trường nhưng quay vụng về khiến quầng sáng không phải lúc nào cũng chiếu đúng chỗ cần rọi trên sân khấu. Sẽ thấy cô bé ngồi thu lu, sợ hãi rên rỉ, dẫu quầng mắt nó tô xanh và chân đi ủng kiểu cao bồi hiệu Bakers nhưng đừng quần ướt nhẹp. Đúng là còn con nít.

Cô bé không nhận ra tiến bố tôi vì giọng ông sục sôi căm hận. “Brian hả?”, Clarrisa run run thốt lên. “Phải Brian đó không?” Niềm hy vọng được giương lên như tấm khiên để chống đỡ.

Bàn tay nắm gậy của bố tôi rời rã, ông buông rơi gậy.  
“Ô hay, ai đó?”

Tai còn ù vì tiếng gió, Brian Nelson, thằng bù nhìn lêu nghêu như tre mướt, đậu cái xe Spyder Corvette của ông anh trong bãi xe nhà trường. Cậu ta lúc nào cũng đến muộn, luôn trễ giờ, hay ngủ gật trong lớp và có khi gục xuống bàn ở bữa ăn tối, nhưng chưa từng đến muộn hay ngủ gật nếu có thằng bạn nào đem đến tờ Playboy, hay cô gái xinh xắn nào tình cờ đi qua, chưa tối nào đến muộn khi có bạn gái hẹn hò đợi cậu ở cánh đồng ngô. Tuy thế lần này cậu còn nhẩn nha. Gió thổi ào ào bên tai, gió kiểu này thật tuyệt, sẽ làm chán và mạn báo che cho chuyện cậu định làm.

Brian đi về phía ruộng ngô với cây đèn bấm khổng lồ lấy từ thùng trang bị phòng khi có tai ương mà bà mẹ để dưới bồn rửa bát. Thế rồi cậu nghe tiếng người – sau này cậu khai rằng tưởng là tiếng Clarrisa kêu cứu.



Tim bố rôi như một hòn đá, trĩu nặng trong lồng ngực khi ông vừa chạy trong đêm đen vừa lắng nghe lần dò theo hướng có tiền đứa con gái rên rỉ. Ngày xưa mẹ của ông đan cho ông bao tay loại cho trẻ nhỏ, Susie xin đôi găng tay dành cho người lớn, cánh đồng ngô vào mùa đông lạnh lắm cơ. Clarrisa đó mà! Đứa bạn ngờ nghệch của Susie. Con bé hay son phấn, đòi bánh mì quết mứt phải đúng ý, con bé da màu nâu rám nắng.

Ông vùng chạy tới, va phải làm nó ngã nhào. Tiếng kêu của con bé tràn ứ tai ông, xuyên qua không gian trống vắng, lũng bùng trong trí ông. “Susie con ơi!” ông hét trả lời.

Nghe réo tên tôi, Brian tỉnh cả người, cầm đầu cầm cổ chạy. Ánh đèn pin của cậu nhảy nhót trên cánh đồng ngô và, trong một nháy mắt rọi qua chỗ tên Harvey. Không ai ngoài tôi nhìn thấy hắn. Ánh đèn của Brian rọi trúng lưng hắn, khi hắn đang bò lồm cồm giữa những thân ngô cao, dừng lại nghe ngón xem tiếng kêu hướng nào.

Rồi ánh đèn rọi đúng mục tiêu. Brian kéo thốc bố tôi lên, giằng khỏi Clarrisa, đánh ông tới tấp. Cậu đập cây đèn pin của thùng trang bị phòng nạn lên đầu, lưng và mặt. Bố tôi hét lên, rên vì đau đớn.

Chợt Brian nhìn thấy cây gậy.

Tôi vận hết sức lực đẩy cái đường ranh không cánh nào di dịch trong thiên đường của tôi. Tôi muốn vươn tay vực bố tôi dậy, đem ông đi, đưa ông đến chỗ tôi ở.

Clarrisa bỏ chạy. Brian vung tay lên. Mắt bố tôi gặp mắt Brian, nhưng ông hựt hơi, không thở nổi.

“Đồ già dê!” Brian nổi giận quát, mặt mày xanh xám.

Tôi nghe tiếng rền rĩ trong đất cát bụi mù. Tôi nghe gọi tên rồi. Tôi tưởng tượng mình đang nếm vị máu rịn trên mặt bố, đang đưa tay dạm vành môi nứt toác của ông, nằm xuống cạnh ông trong nám mồ của mình.

Nhưng đang ở thiên đường, tôi không làm gì khác được, chỉ có cánh ngoảnh mặt đi. Bị sa vào thế giới hoàn hảo của mình, tôi phải bó tay. Giọt máu tôi vừa nếm có vị đắng. Chưa xé lưỡi. Tôi muốn được bố sớm khuya chăm sóc, muốn hưởn tình thương sâu đậm của ông. Nhưng tôi cũng muốn ông chấp nhận rằng tôi đã chết thật, và quay mặt để cất bước đi tiếp. Tôi được ban một ân huệ nhỏ nhoi. Được phép trở lại căn phòng, nơi chiếc ghế màu xanh vẫn ấm hơi bố, thối tắt đi ngọn nến đứng chờ vợ còn cháy lập lòe.

## CHƯƠNG MƯỜI HAI

Tôi đứng cạnh giường bố, lặng nhìn ông ngủ thêm thiếp. Trong đêm hôm đó những chi tiết rối rắm của sự việc được tháo gỡ dần, cuối cùng phía cảnh sát hiểu ra: ông Salmon buồn khổ đến quần trí nên lần ra cánh đồng ngô tìm cách trả thù. Thế là khớp với những gì họ biết về ông, những cú điện thoại dai dẳng, nỗi ám ảnh của ông về người hàng xóm, lại nữa đúng sáng hôm đó thanh tra Fenerman có đến thông báo cho bố mẹ tôi hay rằng dù họ quyết tâm cao, đã dốc nhiều công sức, cuộc điều tra về cái chết của tôi nay lâm vào ngõ cụt. Không còn manh mối nào nữa để họ lần theo. Xác cũng chẳng tìm được.

Bác sĩ phải mổ đầu gối để thay bao khớp xương, đường khâu mũi chỉ to tướng như ta thấy ở loại ví tiền bằng da thô, khiến khớp xương bị hạn chế hoạt động. Tôi nhìn họ giải phẫu, trông cứ như ta vá may, tôi thấy thà bố tôi được giao cho những bàn tay khéo léo này còn hơn là được đưa đến chỗ tôi. Giờ nữ công gia chánh ai cũng thấy tôi vụng về lóng ngóng. Cầm dây khóa kéo tôi cứ nhằm không biết là đăng đầu hay đăng cuối.

Nhưng bác sĩ phẫu thuật rất kiên nhẫn. Một cô y tá đã kể ông nghe đầu đuôi sự thể trong lúc ông rửa tay trước khi mổ. Ông nhớ có đọc tin trên báo về vụ thảm sát tôi. Ông trạc tuổi bố tôi và cũng có con nhỏ. Ông thấy ớn lạnh khi kéo căng thật sát hai bàn tay. Hoàn cảnh ông và người đàn ông này có nhiều nét tương tự. Nhưng lại cũng khác nhau một trời một vực.

Trong căn phòng tối om ở nhà thương chỉ có tiếng ro ro phát ra từ ngọn đèn huỳnh quang ở đầu giường. Đó là nguồn ánh sáng duy nhất trong phòng trước rạng đông, cho tới khi em gái tôi bước vào.

Mẹ, em gái và em trai tôi sức tỉnh giấc vì tiếng xe cảnh sát hụ còi, cả ba từ

phòng ngủ chạy xuống cầu thang, vào nhà bếp còn tối bừng.

“Con lên đánh thức bố dậy,” mẹ tôi bảo Lyndsey. “Mẹ không tin rằng ồn thế này mà bố con ngủ được”

Em gái tôi lại chạy lên lầu. Lâu nay ai cũng biết phải tìm ông ở đâu: chỉ trong có sáu tháng chiếc ghế bành màu xanh đã chính thức thành cái giường riêng của ông.

“Bố không có ở đây!” em gái tôi kêu toáng lên ngay khi phát hiện ra. “Bố đi đâu mất rồi, mẹ ạ! Mẹ! Bố đi đâu rồi ấy!” Phút chốc, một giây phút hiểm hoi, Lyndsey trở lại thành một cô bé biết hoảng sợ.

“Khốn khổ khốn nạn thật!” mẹ tôi nói.

“Mẹ ơi mẹ?”, Buckley sợ sệt hỏi.

Lindsey lao vào bếp. Mẹ tôi đang đứng ở bếp. Lưng mẹ là một mảng chằng chịt những dây thần kinh, lúc bà quyết định đun nước pha trà.

“Mẹ à, mình phải làm gì đi chứ?”, Lyndsey hỏi.

“Con không hiểu gì sao...?”, mẹ tôi nói, bà đứng yên một lúc, tay vẫn giương cao hộp trà Earl Grey lúc đó như lơ lửng trong khoảng không.

“Hiểu gì cơ?”

Mẹ đặt hộp trà xuống, vặn nút bật nóng bếp rồi quay lại. Lúc ấy mẹ mới thấy tận mắt: Buckley đã chạy ra bám lấy em gái tôi, cho ngón cái vào miệng mút, vẻ mặt hoang mang.

“Bố con theo rình mò tay ấy, bây giờ tự chuốc vạ vào thân.”

“Mình chạy ra đó đi mẹ,” Lyndsey nói. “Để phụ bố.”

“Không”

“Mẹ, mình phải giúp bố chứ.”

“Buckley, không được mút tay nữa nghe chưa!”

Em trai tôi sợ hãi khóc òa, em gái tôi đưa tay kéo em sát vào người rồi nhìn mẹ.

“Con ra ngoài tìm bố đây,” Lyndsey nói.

“Con không đi đâu cả,” mẹ tôi nói. “Bố con rồi sẽ về lại. Mẹ con ta không nên can dự vào.”

“Mẹ”, Lyndsey nói, “nhỡ bố bị thương thì sao?”

Buckley nín khóc một lúc để hết nhìn mẹ lại nhìn chị. Nó biết bị thương nghĩa là gì và biết ai đang vắng nhà.

Mẹ tôi nhìn Lyndsey đủ để em hiểu rõ ý bà. “Không bàn cãi thôi. Con lên phòng hay ở đây với mẹ chờ bố về. Tùy ý.”

Lyndsey điếng người. Em trừng trừng nhìn mẹ, thâm tâm biết rõ mình muốn làm gì: chạy ra cánh đồng ngô, nơi có bố tôi, có tôi, và em chợt cảm thấy vào giờ phút này trái tim của gia đình đang ở ngoài đó. Nhưng em cũng cảm thấy hơi ấm người Buckley bám riết lấy chị.

“Buckley”, em bảo bé, “mình lên lầu lại đi. Em được phép vào giường chị

ngủ.”

Thằng bé dần dần nghiệm ra: cứ mỗi lần nó được đối xử đặc biệt là y như rằng sau đó mọi người sẽ cho nó biết vừa có chuyện gì kinh khủng xảy ra.

Sau khi nghe điện thoại của cảnh sát, mẹ đi ngay ra tủ áo gần cửa chính. “Bố con bị đánh bằng chiếc gậy bóng chày của nhà mình!”, mẹ nói rồi lôi áo khoác, cầm theo chùm chìa khóa và thổi son môi. Em gái tôi chưa bao giờ cảm thấy mình đơn độc mà lại mang nhiều trách nhiệm đến thế. Không thể để Buckley ở nhà một mình, và chẳng Lyndsey có lái xe được đâu. Ngoài ra phải nói, như thế mới hợp tình hợp lý: chẳng phải vợ thì luôn phải có mặt bên chồng hay sao?

Đến lúc gọi được điện thoại cho mẹ cu Nate – vụ lộn xộn trong ruộng ngô đã đánh thức hết cả khu – thì em gái tôi kịp nghĩ ra nên làm những gì. Em gọi tiếp cho Samuel. Trong vòng một tiếng nữa mẹ cu Nate sẽ đến đón Buckley, còn Hal Heckler sẽ chạy mô-tô tới nhà chúng tôi. Lẽ ra sẽ phải hứng thú lắm – được bám lưng ông anh tuyệt vời của Samuel, lần đầu tiên được ngồi mô tô – nhưng giờ phút này tâm trí em gái tôi chỉ luẩn quẩn ý nghĩ về bố mình thôi.

Khi Lyndsey bước vào căn phòng trong nhà thương thì mẹ tôi không có ở đó; chỉ có bố và tôi. Em bước lại gần đứng bên kia giường thút thít khóc.

“Bố ơi, bố không sao chứ, bố?”

Cửa phòng hé mở. Đó là Hal Heckler, trông ra dáng đàn ông, vóc cao lớn, đẹp trai.

“Lyndsey”, anh nói, “anh đợi em ở phòng thăm viếng, nếu em cần anh sẽ chờ về.”

Anh nhìn Lyndsey quay lại, mắt nhòa lệ. “Cảm ơn anh, Hal. Nếu anh gặp mẹ em...”

“Anh sẽ bảo bác là em đang ở đây.”

Lyndsey nắm tay bố tôi, dò tìm trên mặt ông xem có dấu hiệu là ông cảm biết gì không. Tôi mục kích từng giờ từng phút em gái tôi trưởng thành ra sao. Tôi lắng nghe nó lẩm nhẩm những câu bố tôi từng hát cho hai chị em nghe trước khi Buckley ra đời:

Này là hòn đá, này là mẫu xương;  
Này là tuyết, còn đây sương giá;  
Này là hạt mầm, hạt đậu, còn đây nòng nọc;  
Lối mòn và cành nhánh, nụ hôn đủ kiểu,  
Chúng tôi biết bố đang mong ngóng ai!  
Đó là hai bé gái nhỏ như nhái bén của bố.  
Ai ai cũng rõ, nhưng còn bạn, có biết chúng ở nơi nao?

Tôi ước gì bố mỉm miệng cười, nhưng ông chìm lìm ở đâu sâu lắm, bơi ngược dòng chống chọi với hỗn hợp thuốc men, với ác mộng và giấc ngủ chập chờn. Việc gây mê cho ý thức của ông như mảnh vải bị trải ra dần bốn góc bằng những hòn chì nặng, trong một quãng thời gian dài. Như một lớp vỏ bằng sáp cứng lại, nó đã bọc kín bố một vài tiếng đồng hồ, bố không phải nhớ mình có đưa con gái mới chết, không biết đầu gối mình bị thương, cũng không hay có đưa con gái yêu đang thì thầm vào tai những câu hát ngày xưa.

“Bao giờ người quá cố dứt khoát được, không bận lòng vì cõi trần nữa,” Franny bảo tôi, “lúc ấy người ở dương thế mới tập trung tâm trí vào chuyện khác được.”

“Thế còn những người đã chết rồi, họ sẽ ra sao?”, tôi hỏi. “Lúc đó chúng ta đi về đâu?”

Cô không trả lời tôi.

Len Fenerman vội vã đến ngay nhà thương sau khi nhận được điện thoại. Cô trực máy báo có bà Abigail Salmon cần nói chuyện với ông ta.

Bố tôi đang nằm ở phòng mổ, còn mẹ tôi đi tới đi lui trước phòng y tá trực. Bà lái xe tới bệnh viện trong chiếc áo mưa khoác ngoài chiếc áo ngủ mỏng mùa hè. Chân bà mang loại giày đế phẳng vẫn dùng đi lại trong vườn. Bà chẳng buồn kẹp tóc lại, trong túi áo với xách tay không có sẵn loại dây chun buộc tóc nào. Bà dừng xe trong bãi đậu không đèn, chìm trong sương mù của nhà thương để soi lại mặt mũi, rồi tô môi bằng thỏi son màu đỏ vẫn dùng bằng bàn tay thuần thục.

Khi nhìn thấy Len tiến lại từ cuối hành lang dài sơn một màu trắng toát, bà thấy trong người thư giãn trở lại.

“Chào chị Abigail,” ông ta chào khi đến khá gần bà.

“Anh Len ơi,” bà nói. Mặt bà lộ vẻ bối rối vì không biết nói gì tiếp. Tên ông ta là tiếng thờ trút ra mẹ đang cần có. Những gì tiếp theo không cần thốt thành lời.

Các cô y tá trong phòng trực quay đi khi Len và mẹ tôi nắm tay nhau. Theo thói quen nghề nghiệp, họ tự động giơ tay kéo tấm màn che khuất những cảnh riêng tư, mặc dù vậy họ vẫn nhận thấy người đàn ông kia khá thân thiết với người đàn bà này.

“Ta vào khu dành cho khách thăm viếng nói chuyện đi,” Len nói rồi cùng mẹ tôi đi dọc hành lang.



Vừa đi bà vừa kể cho ông ta chuyện bố tôi phải mổ. Còn ông cho bà biết thêm chi tiết về những gì xảy ra ở cánh đồng ngô.

“Hình như anh ấy khai tưởng nhầm cô bé kia là George Harvey.”

“Làm sao anh ấy lại nghĩ Clarissa là George Harvey được nhỉ?” Mẹ tôi đứng sững lại, ngay trước cửa phòng thăm viếng, vẻ mặt đầy băn khoăn.

“Trời khuya tối mò mà, chị Abigail. Tôi cho rằng anh ấy chỉ thấy ánh đèn pin của cô bé thôi. Việc tôi ghé thăm sáng nay xem ra chẳng có tác động gì. Ông ta vẫn tin chắc rằng tay Harvey dính líu đến vụ cháu gái.”

“Clarissa có sao không?”

“Người ta băng bó mấy vết trầy xước rồi cho về nhà. Con bé bị bắn loạn. Khóc gào kể lể. Thật là một trùng hợp ngẫu nhiên khá rùng rợn, nó vốn là bạn thân của Susie mà.”

Hal ngồi thườn người trong một góc tối của khu dành tiếp khách thăm viếng, chân gác lên chiếc mũ bảo hiểm anh cầm theo cho Lyndsey. Nghe tiếng người trò chuyện to dần, anh cựa người gượng ngồi dậy.

Đó là mẹ tôi và một viên cảnh sát. Anh lại ngồi thụp người xuống, để xoa vài lọn tóc dài ngang vai che tối bớt mặt. Anh nghĩ chắc mẹ tôi không nhớ mặt anh.

Nhưng bà nhận ra chiếc áo khoác có lần thấy Samuel mặc, trong một thoáng bà nghĩ: Samuel đang ở đây, song sức nhớ ra: Không phải, anh của nó.

“Ta ngồi đây nhé,” Len nói, tay chỉ vào hàng ghế nối nhau phía bức tường xa hơn.

“Tôi thích đi đi lại lại hơn,” mẹ tôi nói. “Bác sĩ bảo họ cần ít nhất một tiếng rỗi mới cho chúng tôi biết kết quả được.”

“Thế ta đi hướng nào?”

“Anh có thuốc lá đó không?”

“Chị biết thừa tôi có mà.” Len cười cười trả lời, như thể biết lỗi. Ông phải tìm xem mắt bà nhìn đi đâu. Chúng không tập trung vào ông. Chúng như đang bận nhằm vào đâu đó, ông ước rằng có thể với tay níu kéo, hướng chúng về với nơi đây, với giây phút này. Về với ông ta.

“Ta thử tìm xem gần đây có cửa ra không.”

Họ thấy có cánh cửa mở ra một gian nhỏ bằng bê tông, không xa phòng bố tôi mấy. Đó là chỗ để máy sưởi, nên tuy chật và trời khá lạnh, nhưng tiếng ồn và hơi nóng của lò sưởi chạy bằng nước ngay bên cạnh như phủ lên họ một lớp vỏ bọc, gây cảm tưởng đang ở một nơi xa xôi. Họ hút thuốc và nhìn nhau như thể bỗng nhiên, không hề chuẩn bị tinh thần trước, bước sang một trang mới của cuộc đời, nơi những gì khẩn cấp cần làm ngay được báo động bằng đèn chớp sáng.

“Vợ anh làm sao mà chết vậy?” mẹ tôi hỏi.

“Tự vẫn.”

Tóc bà rũ xuống che gần kín khuôn mặt. Nhìn bà, tôi nhớ đến Clarissa những lúc nó mất tự nhiên nhất. Nhớ lại thái độ của nó giữa đám con trai lần chúng tôi vào khu thương xá. Nó cứ cười rinh ríc, mắt theo dõi xem bọn

con trai nhìn đi đâu. Nhưng tôi cũng rất đỗi ngạc nhiên về đôi môi đỏ son của mẹ tôi, về khói thuốc quyện theo điệu thuốc bà đưa lên ngậm rồi lấy xuống. Trước kia tôi chỉ được thấy bà mẹ này một lần – trên ảnh chụp. Bà mẹ này hình như chưa hề hạ sinh con nào như ba đứa chúng tôi cả.

“Sao bà ấy lại tự vẫn?”

“Đây là câu hỏi dẫn dắt tôi nhiều nhất, vào những lúc tôi không bận bịu đầu óc vì những chuyện như vụ con gái chị bị thảm sát.”

Một nụ cười lạ lùng nở trên gương mặt mẹ tôi.

“Anh nhắc lại đi,” bà nói.

“Gì cơ?”, Len nhìn bà đang nhoén miệng cười, chợt thèm lấy đầu ngón tay vẽ theo vành môi bà.

“Vụ con gái tôi bị thảm sát ấy mà,” mẹ tôi nói.

“Abigail, chị có làm sao không vậy?”

“Chưa có ai nói thế. Hàng xóm không ai bàn tán chuyện này. Người ta gọi là “tấn thảm kịch” hay đại loại thế. Tôi chỉ mong có ai đó nói lên, gọi thẳng tên ra như vậy. Nói thật to cho tất cả đều biết. Bây giờ tôi sẵn sàng để nghe rồi – trước đây thì chưa”

Mẹ tôi vứt điệu thuốc xuống nên xi măng, mặc cho nó cháy. Bà úp hai tay lên hai bên má Len.

“Anh nói lại xem nào,” bà bảo.

“Vụ con gái chị bị thảm sát.”

“Cảm ơn anh.”

Rồi tôi thấy đôi môi đỏ đỏ chuyển dịch từ từ qua một ranh giới vô hình ngăn cách bà với thế giới còn lại. Bà kéo Len sát lại, hôn nhẹ lên môi ông ta. Mới đầu hình như ông ngần ngại. Cơ thể ông căng lên, bảo ông ĐỪNG, nhưng âm thanh ĐỪNG này lại trở nên mơ hồ, lảng đãng như mây trời, rồi thành không khí bị quạt gió kêu rền vang của cái lò sưởi nước bên cạnh họ cuốn hút mất. Bà đưa tay lên tháo nút áo mưa. Ông ta đặt tay lên làn vải mỏng nhẹ như cần sa của chiếc áo ngủ mùa hè.

Khi mẹ tôi muốn gì thì khó ai cưỡng lại nổi. Ngay từ hồi bé tôi từng mục kích cảnh những người đàn ông thay đổi hẳn khi có mặt bà. Khi chúng tôi vào siêu thị, những người phụ trách dọn hàng lên kệ quay ra hỏi han mẹ, tình nguyện tìm hộ những món bà ghi trên danh sách, rồi còn khuân giúp ra tận xe. Như bà Ruana Singh, mẹ tôi được tiếng là một trong những bà mẹ đẹp nhất trong vùng; người đàn ông nào thấy bà cũng bất giác nở nụ cười. Được bà hỏi tới tìm họ rộn rã hân hoan.

Song, cho đến nay chỉ có bố tôi làm cho bà cười vang khắp nhà được, và vì lý do nào đó không rõ, ông để bà hoàn toàn tự làm mọi chuyện theo ý thích. Ngày chúng tôi còn nhỏ, thứ Năm nào bố tôi cũng thu xếp đi về sớm, bằng cách thỉnh thoảng làm thêm giờ và làm suốt không nghỉ giờ ăn trưa. Trong khi cuối tuần là của cả nhà thì bố mẹ gọi ngày thứ Năm là ‘thời giờ riêng của bố mẹ’. Lindsey và tôi khi nhắc lại thì gọi đó là ‘những giờ bé phải ngoan’. Có nghĩa là chúng tôi không được làm ồn khi chơi đùa trong phòng phía bên kia, phòng làm việc của bố, hồi đó chưa có nhiều bàn ghế.

Vào khoảng hai giờ trưa mẹ bắt đầu chuẩn bị cho chị em tôi.

“Đến giờ đi tắm rồi đấy,” bà cất giọng ngân nga, như thể bảo chúng tôi

được phép ra vườn chơi. Mới đầu chúng tôi cũng thấy như thế thật. Ba mẹ con ùa nhau chạy lên phòng riêng, khoác áo tắm vào. Rồi chúng tôi – ba nàng – gặp nhau ở hành lang, mẹ tôi nắm tay hai đứa dắt vào phòng tắm sơn màu hồng.

Hồi đó bà hay kể cho chúng tôi những chuyện thần thoại học ở trường. Bà thích kể về Persephon và Zeus (1), mua cho chúng tôi những quyển sách ảnh về những vị thần Naui thời hoang sơ, xem xong tối đến chúng tôi nằm mê cứ bị ác mộng. Bà đã xong bằng thạc sĩ Anh ngữ - trước đó đã phải đấu tranh kịch liệt với bà ngoại Lynn để được học đến cấp bậc đó – và vẫn ấp ủ giấc mơ sau này sẽ dạy học khi chúng tôi đủ khôn lớn tự lo lấy được.

Giờ đây, những cảnh bà tắm cho hai đứa tôi và hình ảnh các vị thần tiên cả nam lẫn nữ đó nhòe nhoẹt, lẫn vào nhau trong đầu óc tôi, nhưng điều tôi ghi nhớ rõ nhất là, khi nhìn mẹ, tôi thấy luôn cả những điều đã xảy đến với bà: hoài bão bà ấp ủ từng nâng bổng bà lên, rồi việc phải dẹp bỏ hoài vọng làm bà chơi với, như bị sóng biển vùi dập. Là con đầu lòng, tôi nghĩ mình là kẻ đã cướp đi của mẹ mọi ước mơ thời trẻ về những thành tựu bà mong mỗi có ngày đạt được.

Mẹ tôi nhắc Lyndsey ra khỏi bồn tắm trước, vừa lau khô người vừa nghe nó liến thoắng kể chuyện về chị vịt kia chú mèo nọ. Xong bà nhắc tôi ra; mặc dù tôi cố gắng không nói nhiều nhưng nước ấm làm hai chị em như say say, chúng tôi kể huyền thuyên với mẹ đủ mọi chuyện mà chúng tôi chú ý hay thắc mắc. Về lũ con trai hay trêu chọc chúng tôi, hoặc về gia đình ở cuối dãy nhà có một con chó con, sao chúng tôi lại không được nuôi. Bà lắng nghe, vẻ chăm chú như thể trong óc đang ghi mọi điểm cần thực hiện lên một bản tốc ký sau này sẽ lấy ra tham khảo.

“Được rồi, chuyện nào gấp ta làm trước,” bà tóm tắt. “Nghĩa là bây giờ hai đứa ngủ trưa thẳng một giấc đi đã!”

Mẹ và tôi cùng đắp chăn cho Lyndsey trước. Tôi đứng bên giường nhìn bà

hôn trán và vén mớ tóc xòa trên mặt em. Bây giờ nghĩ lại thấy đó là phút khai màn cuộc ganh đua của tôi và em. Đứa nào được mẹ hôn thăm thiết hơn, hay níu mẹ ngồi cạnh lâu hơn sau khi tắm.

May thay tôi luôn thắng. Ngày nay nhìn lại tôi hiểu ra rằng mẹ tôi cảm thấy cô độc từ ngày ông bà dọn vào ngôi nhà này. Là con lớn nên tôi trở thành bạn tâm sự của mẹ.

Tôi còn bé quá, chưa hiểu nổi những điều bà thật sự muốn nói với tôi, nhưng tôi thích được dỗ vào giấc ngủ với những câu êm ái như điệu hát ru con của bà. Một trong những ân huệ tôi được hưởng trên thiên đường là, lúc nào muốn, tôi đều có thể trở lại sống những khoảnh khắc này bên mẹ mình, điều trước kia khi còn sống tôi không làm được. Tôi vươn tay ngang qua Cối-Lưng-Chùng và thế là nắm được bàn tay của người mẹ trẻ cô đơn ấy.

Và thế là tôi nhớ lại điều mẹ kể cho đứa bé bốn tuổi là tôi về nữa thần Helen thành Troy (2): “Bà ta ấy à, con người sôi nổi năng động, bởi thế làm náo loạn cả thế giới.” Về Margaret Sanger (3): “Về bà này thiên hạ cứ quen kiểu trông mặt mà bắt hình dong, Susie ạ. Vì bà ấy trông như con chuột nên không ai ngờ rằng bà ấy sẽ trụ được lâu dài đến thế.” Về Gloria Steinem (4): “Nói ra thì mang tiếng xấu miệng, nhưng giá bà ta chịu để ý cắt giữa móng tay...” Về bà hàng xóm của chúng tôi: “Đúng là một mụ ngổ ừa diện quần áo ống túm, lại chịu cho lão chồng ngợm đầy đọa, gốc gác rõ là dân tỉnh lẻ, chuyên bới móc chê bai không chừa một ai.”

“Con có biết Persephone là ai không?”, bà hỏi tôi một ngày thứ Năm nọ, miệng hỏi mà óc bà để tận đâu đâu. Nhưng tôi không đáp. Lúc đó tôi đã biết không nên nói nhiều khi bà đưa tôi về phòng. Thời gian bà dành cho cả hai chị em tôi là ở phòng tắm, trong lúc bà kì cọ chúng tôi. Lúc ấy Lyndsey và tôi được tha hồ nói về mọi chuyện trên đời. Còn trong phòng tôi thì đó là thời gian dành cho riêng một mình mẹ.

Bà cầm cái khăn tắm mắc vào đầu cọc giường để hình con suốt trên cái giường loại có quây màng của tôi. “Con cứ thử tưởng tượng bà Tarking hàng xóm của mình là Persephone đi nhé,” bà nói. Rồi bà kéo ngăn tủ, đưa cho tôi chiếc quần lót. Bà luôn đưa tôi từng thứ một, chứ không thúc hối tôi phải nhanh lên. Từ hồi còn bé bỏng bà đã hiểu tính tôi. Nếu tôi biết trước là sau đó sẽ còn phải buộc dây giày, thì tôi cuống quít không xỏ chân vào tất được.

“Bà ấy khoác chiếc áo màu trắng, dài đến chân, khoác mà như vắt tấm khăn choàng quanh vai, nhưng vải thì se bằng loại sợi óng ánh tuyệt đẹp và nhẹ, như lụa vậy. Rồi bà còn đi hài bằng vàng nữa, quanh bà cắm đuốc, ánh lửa bập bùng chiếu lên người bà...”

Bà lại ngăn kéo lấy áo lót cho tôi, đầu óc vẫn để đâu đâu, bà choàng áo qua đầu tôi thay vì để tôi tự làm. Một khi mẹ tôi đã rơi vào tâm trạng đó rồi thì tôi cũng nằm ngáy cơ hội – để trở lại thành đứa bé con ngày nào. Tôi chưa hề phản đối, đòi được xem là đã lớn hay thậm chí trưởng thành. Những buổi trưa đó được dành cho việc chờ nghe bà mẹ bí ẩn của tôi kể chuyện.

Bà lật tấm khăn phủ giường bằng nhung kẻ mang hiệu Sears ra, thế là tôi lăn ngay vào sát tường. Lần nào bà cũng xem giờ rồi nói: “Một lúc thôi nhé,” xong tuột giày, chui vào chăn với tôi.

Đó là lúc cả hai mẹ con được buông cho mình trôi đi. Bà đắm chìm trong chuyện mình kể. Tôi lạc đâu đó trong dòng chảy những lời bà nói.

Bà kể về nữ thần Demeter, mẹ của Persephone, hay về Cupid và Psyche (5), còn tôi lắng nghe cho đến lúc thiếp đi. Thỉnh thoảng tiếng cười của bố mẹ ở phòng bên hay những âm thanh cuộc mây mưa của họ vào buổi xế trưa làm tôi thức giấc. Tôi nằm mơ mơ màng màng, lắng nghe. Tôi thích tưởng tượng đang nằm trong khoang tàu ấm áp như trong một truyện bố từng đọc cho chị em tôi nghe, rằng cả nhà đang lên đèn giữa biển khơi, và sóng cuốn từng đợt vỗ vào mạn tàu. Cuối cùng tiếng cười, tiếng rên khe khẽ bị kìm nén lại đưa tôi trở về giấc ngủ.

-----

1. Zeus: thần tối cao trong huyền thoại Hy Lạp. Persephone là con gái của Zeus và nữ thần Demeter.
2. Helen: Con của Zeus và thần Leda, bị bắt cóc đem về thành Troy, vua Menelaos đem quân giải cứu vợ, vì thế xảy ra cuộc chiến tranh 10 năm, theo ‘the Aeneid’ của Virgil (viết năm 30-19 trước công nguyên)
3. Margaret Higin Sanger (1879-1966): nhà nữ quyền, năm 1921 sáng lập American Birth Control League (Liên minh hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình) ở New York.
4. Gloria Steinem: Nhà văn sinh năm 1934, tham gia phong trào đòi nữ quyền ở Mỹ những năm 1960.
5. Cupid hay Amor: Thần tình yêu trong thần thoại La-mã. Psyche: thần tâm linh, trong tập truyện ‘Metamorphosen’ của Apuleius.

Nhưng rồi dự định thoát ly của mẹ tôi, giải pháp bà phác họa để đi ra sống với thế giới bên ngoài đã tan vỡ năm tôi lên mười còn Lyndsey lên chín. Thấy tắc kình, bà lái xe đến cho bác sĩ khám nghiệm và xác nhận điều định mệnh đã an bài. Lúc tươi cười và hoan hỉ báo tin cho chúng tôi, thực ra trong lòng bà đã bật ra những vết nứt hằn sâu. Nhưng vì tôi không muốn biết hơn, bởi tôi còn quá bé, tôi không buồn thắc mắc gì thêm. Tôi với tay bắt lấy nụ cười của mẹ như chụp món quà được phát, và bắt đầu trò chơi tưởng tượng xem nếu mình là chị của một bé trai hay bé gái thì sẽ thế nào nhỉ.

Nếu ngày đó chú tâm hơn thì hẳn tôi cũng nhận ra được một số dấu hiệu đấy. Bây giờ nhìn lại tôi mới thấy sự biến chuyển, thấy lại lô sách trên bàn ngủ của bố mẹ tôi, quyển danh mục trường đại học trong vùng, bộ từ điển bách khoa về thần thoại, những tiểu thuyết của Jane, Eliot, Dickens (1), dần dần nhường chỗ cho bộ sách của bác sĩ Spock. Sau đó đến loại sách hướng dẫn làm vườn, nấu ăn, cứ thế cho đến hôm sinh nhật mẹ, hai tháng trước khi tôi chết, chính tôi cũng thấy nên tặng bà quyển hướng dẫn cách giữ cho nhà và vườn tược đẹp hơn là hợp nhất. Khi biết mình mang thai lần thứ ba, bà chôn giấu bản chất người mẹ bí ẩn kia đi. Bị cầm cố nhiều năm



sau bức tường này, phần con người với những nhu cầu dồn nén của bà không mòn mỏi đi mà lại lớn mãi lên, nay gặp Len, nỗi ham muốn được bung ra, đập tan, phá nát và triệt tiêu mọi thứ đã khống chế bà. Cơ thể bà đóng vai chủ động, như con tàu, và trong luồng nước sau đuôi tàu sẽ chỉ còn lại những mảnh vụn vỡ của cuộc đời bà.

Thật không dễ cho tôi chút nào khi làm nhân chứng, nhưng tôi phải đứng đó mà nhìn.

Hai người ôm lấy nhau, lúc đầu thật lỏng ngóng, cuống quýt, nồng nàn.

“Abigail”, Len nói – ông ta luồn hai tay vào bên trong áo mưa đặt lên hai bên hông bà, chiếc áo ngủ mỏng tang chỉ còn là tấm màn the giữa hai người. “Em hãy nghĩ kỹ về điều mình đang làm đi.”

“Em chán nghĩ lắm rồi,” bà đáp. Tóc bà bay lên do chiếc quạt gió bên cạnh, làm thành vầng hào quang. Len nhìn bà, mắt chớp vì lóa. Đẹp tuyệt vời, mà lại đáng sợ, và cuồng dại.

“Còn chồng em,” ông ta nói.

“Hôn em đi,” bà nói “em xin anh”

Tôi đang chứng kiến mẹ tôi khẩn khoản xin hãy khoan dung với bà. Thân thể bà vượt xuyên thời gian để thoát ra xa tôi. Tôi không có cách gì níu kéo bà lại được.

Len ghì bà hôn lên trán rồi nhắm mắt lại. Bà nắm lấy tay ông đặt lên ngực mình. Bà thì thào vào tai ông ta. Tôi biết chuyện gì đang diễn ra. Cơn điên giận, nỗi mất mát, niềm tuyệt vọng của bà. Cả cuộc đời phí hoài giam hãm bà nay vỡ tung, rơi trên vòm mái này, cản trở không cho bà được sống. Bà cần Len để gạt đứa con đã chết ra khỏi tâm trí.

Hai người hôn nhau, ông ta du bà tựa lưng vào bức tường vôi, còn bà ôm chặt, bám vào ông như thể sau nụ hôn là cả một trang đời mới sẽ mở ra.

Trên đường từ trường về nhà, thỉnh thoảng tôi đứng lại bên ngoài bờ rào quan sát mẹ tôi ngồi trên xe cắt cỏ lái vòng số tám giữa những cây thông, tôi vẫn nhớ tới cảnh sáng sáng bà thường vừa pha trà vừa huyết sáo, nhớ cảnh vào ngày thứ năm trong tuần bố tôi hấp tấp chạy về, mang cho bà một bó cúc vạn thọ và gương mặt bà ánh vàng hân hoan. Hai người yêu nhau sâu đậm, bằng cả con người mình – không có mặt chúng tôi thì bà mới đòi hỏi loại tình yêu đó, nhưng có chúng tôi thì bà dần trôi dạt ra xa. Với thời gian, bố ngày càng gần gũi với chúng tôi hơn, chỉ có mẹ tôi ngày càng xa ra.

Lyndsey ngồi ngủ gật bên giường bệnh, tay vẫn nắm tay bố tôi. Mẹ tôi, tóc chưa kịp chải lại, đi ngang qua chỗ Hal Heckler đang ngồi ở khu tiếp khách, sau đó một lúc đến phiên Len đi qua. Hal thấy thế cũng dư hiểu. Anh cầm mũ lên, đi ra đầu kia của gian tiền sảnh.

Vào phòng vệ sinh một lúc xong mẹ tôi ra, định đi về phía phòng bố tôi thì Hal trở tới.

“Con gái của bác đang ở trong ấy,” anh cao giọng gọi. Bà quay lại.

“Cháu là Hal Heckler,” anh nói, “anh của Samuel. Cháu có đến hôm lễ tưởng niệm.”

“Ừ nhỉ, bác xin lỗi cháu đã không nhận ra cháu.”

“Bác đâu cần biết cháu là ai,” anh nói.

Một khoảng khắc trôi qua, không ai nói gì.

“Số là, Lyndsey gọi điện nhờ cháu chở em tới đây, đã một tiếng đồng hồ rồi.”

“Ra thế.”

“Con Buckley hiện đang ở nhà bà hàng xóm,” anh nói.

“Thế hả.” Bà nhìn anh trân trân. Nhìn vào mắt bà, anh thấy rằng bà đang từ hố sâu ngoi lên mặt đất. Bà bám víu vào khuôn mặt anh để leo trở lên.

“Bác có làm sao không vậy?”

“Bác hơi rối trí – cũng dễ hiểu thôi, phải không nào?”

“Cháu hiểu”, anh đáp, nói chậm hần lại. “Cháu chỉ muốn báo cho bác biết rằng con gái bác đang ở trong kia với bác trai. Cháu ngồi ở khu tiếp khách, nếu bác cần gì cứ bảo.”

“Cảm ơn cháu,” bà đáp. Bà nhìn anh quay lưng bước đi, còn đứng lại một lúc nghe tiếng đế ủng mô-tô đã mòn của anh nên trên sàn hành lang lót nhựa li-nô.

Bà như hoàn hồn, giặt mình giữ sạch mọi thứ và thoát trở lại chỗ mình đứng một tiếng trước đó, tâm trí không mảy may ngờ rằng chính Hal đã chủ ý lôi bà trở về hiện tại khi lên tiếng chào hỏi.

Trong phòng lúc này tối hẵn; ánh đèn huỳnh quang phía sau bố lập lòe, chỉ còn soi mờ hình dạng bàn ghế bày biện. Em gái tôi ngồi trên chiếc ghế kéo sát giường, gục đầu trên tay ghế, tay vắt lên giường chạm vào người bố tôi. Bố tôi nằm ngửa, vẫn còn hôn mê. Mẹ tôi không thể biết được rằng tôi đang có ở đó, rằng trong phòng có bốn người, nhưng tất cả đã thay đổi,

không có gì giống những ngày mẹ đưa Lyndsey và tôi lên giường, rồi sang với bố tôi để vợ chồng có những giờ phút riêng gần gũi. Bây giờ bà nhìn thấy những mảnh vỡ vụn của đời mình. Bà nhận ra em gái và bố tôi chan hòa gần bó làm một. Điều đó làm bà thấy ấm lòng.

Thời còn nhỏ cho đến lúc lớn tôi luôn chơi trò ú tim tìm tình yêu với mẹ, làm đủ cách để được mẹ chú ý và chấp nhận mình, với bố thì tôi không cần phải cố công như thế.

Nay tôi không cần phải chơi trò trốn tìm này nữa. Khi mẹ đứng trong căn phòng đang tối dần này quan sát em và bố tôi thì tôi chợt hiểu thiên đường nghĩa là gì: Tôi có quyền lựa chọn, và tôi chọn giữ hết mọi người trong thân trong trái tim mình, không loại trừ người nào cả.

Về khuya, khoảng không gian phía trên các nhà thương và viện dưỡng lão rất náo nhiệt, vì đây những linh hồn dập dìu bay lượn. Thỉnh thoảng, khi mất ngủ, Holly và tôi thường đứng nhìn suốt đêm. Dần dà chúng tôi nhận ra rằng việc người này hay người nọ qua đời hình như được định đoạt bởi chỉ đạo từ nơi nào đâu xa lắm. Không phải từ thiên đường của chúng tôi. Thế là chúng tôi bắt đầu nghĩ rằng có một nơi còn toàn thiện toàn mỹ hơn chỗ mình đang ở nữa.

Thời gian đầu Franny hay đến cùng ngồi xem với chúng tôi.

“Đó là một trong những niềm vui cô giữ riêng cho mình,” bà thú nhận. “Nhiều năm qua rồi mà cô vẫn cứ thích nhìn các linh hồn bẽn lẽn trôi nổi, xoay vòng, ồn ào gây náo động cả thành không kia.”

“Cháu có thấy gì đâu,” lần đầu cùng đứng xem tôi nói thế.

“Cháu nhìn cho kỹ vào,” bà bảo, “và phải nín lặng.”

Nhưng tôi cảm thấy những linh hồn ấy từ trước lúc nhìn thấy họ, những tia lửa nhỏ ấm áp bám theo cánh tay. Họ đẩy – những con đom đóm lập lờ vừa thở than vừa lượn xoáy nhiều vòng sau khi rời khỏi thân xác trần tục. “Họ như bông tuyết,” Franny nói, “mỗi bông mỗi khác, nhưng từ chỗ mình đứng nhìn đây thì bông nào trông cũng như nhau cả.”

-----

(1) Henry James (1843-1916): văn sĩ Mỹ, George Eliot tức nữ văn sĩ Anh Mary Ann Evans (1819-1880), Charles Dickens (1812-1870): Văn sĩ Anh, là những tác giả kinh điển.

Mình xin lỗi vì dạo gần đây không post thường xuyên được, mình hơi bận kiểm tra với lại ....lười >.< (tha thứ tha thứ)

## CHƯƠNG MƯỜI BA

Vào mùa thu năm 1974 khi bắt đầu năm học mới ở trường trung học cơ sở thì Lindsey không chỉ là em của một cô gái bị thảm sát, mà còn là con một kẻ “điên giở”, “mát dây”, “loạn trí”, điều sau này làm em phiền lòng hơn vì không đúng sự thật.

Những lời đồn đại mà Lindsey và Samuel nghe được trong những tuần đầu lan truyền khắp chốn, cứ như những con rắn lì lợm trườn quanh dãy tủ học sinh cất đồ dùng cá nhân dọc hành lang nhà trường. Giờ đây trong cơn lốc còn có thêm cả Brian và Clarissa nữa; cũng may mà năm ấy cả hai đứa đều lên trung học cấp hai cả. Ở Fairfax hai đứa cứ ôm nhau đi cặp kè, khai thác bằng đủ mọi cách sự việc xảy ra với chúng, lấy chuyện đã làm bố tôi mất mặt để tô vẽ cho mình lớp sơn của kẻ ngang tàng, gặp ai trong trường chúng cũng kể đi kể lại những gì diễn ra ở cánh đồng ngô đêm ấy.

Ray và Ruth đi bên nhau trong hành lang, hai bên là vách kính trông ra sân trong lộ thiên. Cả hai thấy Brian đang đứng nói thao thao ở chỗ đặt những đá tảng, nơi đám học sinh ngổ ngáo hay ngồi. Năm ấy, cậu không còn dánh dấp thằng bù nhìn nhút nhát nữa mà đi đứng kệnh khạng ra vẻ đàn ông. Còn Clarissa vẫn giữ tật cười rúc rích, nửa vì sợ nửa vì thú vị; cô nàng không còn e dè ngại ngùng gì nữa, thậm chí đã ăn nằm với Brian. Những đứa tôi quen biết đều trưởng thành, mỗi người mỗi cách không ai giống ai.

Năm ấy Buckley đi vườn trẻ và ngay ngày đầu đã mê mẩn cô giáo Koekle của nó. Mỗi khi dẫn nó đi nhà vệ sinh, hoặc giảng cho nó hiểu những việc nó được giao làm, cô đều nắm tay nó thật trù mến, thế là nó thương cô không để đâu cho hết. Một mặt nó được lợi – cô thường cho nó thêm một miếng bánh hay dành cho nó tấm nệm êm hơn – mặt khác do được đãi ngộ, nó bị tách ra khỏi đám bạn cùng lớp. Vì chuyện tôi tử nạn mà nó bị xem là khác với mọi đứa trong một nhóm chỉ toàn trẻ con này, trong khi lẽ ra nó có

quyền được sống hòa lẫn trong bọn, không ai để ý.

Samuel thường đưa Lindsey về đến nhà rồi đi dọc con đường chính, vẫy xe đi nhờ đến tiệm sửa xe mô-tô của Hal. Cậu cậ vào chuyện bạn bè của anh chạy trên đường nhận ra và chở cậu đến nhà trên những chiếc mô tô ráp từ nhiều kiểu khác nhau, hoặc những chiếc xe tải anh Hal đã “điều chỉnh” tăng sức máy theo yêu cầu của tài xế.

Trong một thời gian khá lâu Samuel không ghé nhà chúng tôi. Ngoài ra cũng chẳng có ai khác đến, trừ họ hàng thân thích. Tháng Mười, bố bắt đầu đứng lên, đi lại được. Các bác sĩ bảo bố rằng chân phải của ông sẽ bị cứng nhắc, nhưng nếu bố chịu khó co duỗi và đi lại thì không đến nỗi nào. “Miễn đừng chạy đua, còn thì tha hồ, ông muốn làm gì cũng được,” buổi sáng hôm ấy, sau ca phẫu thuật, bác sĩ nói với bố tôi như thế khi ông vừa tỉnh lại, thấy Lindsey ngồi cạnh mình, còn mẹ tôi đứng bên cửa sổ dăm dăm nhìn ra bãi đậu xe.

Sau khi được sưởi ấm nhờ lòng ứa ái của cô giáo Koekle rồi, Buckley về thẳng nhà, chui vào trong cái hốc trống vắng của trái tim bố. Nó luôn miệng hỏi về : “đầu gối giả” và bố tôi chịu khó giải thích cho nó vui.

“Đầu gối này người ta mang từ không gian trong vũ trụ về đây con ạ,” bố tôi bảo thế. “Họ đào từ mặt trăng lấy nhiều mảnh đem về, xén gọt cho vừa vặn, hiện nay họ dùng cho những trường hợp như thế này đây.”

“Hay hết ý,” Buckley cười nói: “Thế bao giờ Nate cũng được xem, hở bố?”

“Không lâu đâu, Buck ạ, nay mai thôi,” bố tôi đáp, chỉ gượng nhếch miệng cười.

Khi Buckley kể những chuyện này cho mẹ chúng tôi, “đầu gối bố làm bằng

xương mặt trắng” hay “cô Koekle khen con tô màu đẹp quá” thì mẹ chỉ gật. Bây giờ bà như có ý thức hơn về những việc bà đang làm. Bà cắt cà rốt và cần tây thành những đoạn ngắn vừa miệng. Bà tráng rửa bình thủy và hộp đựng bữa trưa cho Lindsey mang đi học, rồi khi nó bảo rằng đã lớn, không cần hộp thì bà chợt thấy vui thật sự khi nghĩ ra cái cách dùng túi vải tráng sáp để thức ăn không dây bẩn quần áo con gái bà, làm bà cứ phải giặt, phải gấp. Sau đó phải là giặt, treo phẳng phiu trên móc. Những quần áo vứt ra nhà bà phải nhặt nhanh, hoặc lôi từ trong xe hay từ chiếc khăn tắm ẩm ướt quăng bừa bãi trên giường mà sáng sáng bà thu vén, giặt bốn góc khăn trải giường, giữ gối cho phẳng phiu, xếp ngay ngắn những con thú nhồi bông rồi kéo màn màn lên cho sáng phòng.

Những lúc em Buckley quần quít vùi bà, bà chấp nhận làm một cuộc đổi chác. Bà để tai lắng nghe nó kể chuyện trong vài phút rồi mới thả hồn rời khỏi ngôi nhà này, khỏi mái ấm này để đến với Len.

Quãng tháng Mười một, bố tôi đã thành thạo động tác ông gọi là ‘đi cà nhắc thật điệu nghệ’, nếu Buckley hò reo cổ vũ thì ông còn làm thêm động tác vừa nhảy vừa xoay người, làm mãi đến lúc cậu con trai hết cười mới thôi, bản thân không hề nghĩ rằng nếu ai đó hay mẹ tôi nhìn thì thấy ông trông lỗ bịch hay thảm thương quá. Trừ Buckley, còn thì trong nhà ai cũng biết: sắp đến ngày giỗ đầu của tôi.

Vào những ngày nắng thu rực rỡ, buổi trưa Buckley và bố tôi hay chơi với con Holiday trong khu vườn rào kín. Bố tôi ngồi trên chiếc ghế sắt cũ kỹ, chân duỗi dài, chống nhẹ lên tấm thảm chùi giày rất kiểu cọ mà bà ngoại Lynn tìm được trong một cửa hàng đồ cổ ở Maryland.

Buckley ném con bò độn bông phát âm thanh chút chút cho con Holiday chạy đi nhặt. Bố tôi thấy vui khi nhìn đứa con năm tuổi nhanh nhẹn, nghe tiếng cười khanh khách khi con Holiday húc nó ngã lăn quay rồi dụi mõm vào người nó hay thè cái lưỡi dài màu hồng liếm mặt. Tuy vậy bố không



sao gạt được ý nghĩ: đứa con trai yêu quý của ông đó, biết đâu có ngày bị kẻ lạ nào bắt đi mất.

Có nhiều lý do khiến bố tôi ở nhà, được tiếp tục nghỉ việc dài hạn vì lý do sức khỏe, vết thương cũng là một trong những lý do chính đáng. Lúc này sắp của ông đối xử với thái độ khác hẳn, các đồng nghiệp cũng thế. Họ chỉ lảng vảng bên ngoài văn phòng của ông, đứng xa cách bàn làm việc của ông cả thước, tuồng như lúc ông có mặt mà họ thư thái không đề phòng thì có khi cũng gặp họa như ông – như thể việc có đứa con chết sớm là một loại bệnh truyền nhiễm. Ai cũng tự hỏi làm sao ông kham nổi công việc trước giờ vẫn đảm trách đây, nhưng đồng thời họ lại muốn ông giấu kín những biểu hiện của nỗi đau buồn, xếp vào trong tập hồ sơ, nhét vào một ngăn kéo nào đó không ai muốn mở ra nữa. Bố tôi thường tạt vào hăng, sắp của ông lúc nào cũng sẵn sàng cho ông nghỉ thêm một tuần, nếu cần thì một tháng cũng được, bố tôi xem việc được ưu đãi thế là nhờ trước nay ông luôn làm xong việc đúng thời hạn hay không nề hà việc nán lại làm thêm giờ. Nhưng ông tránh mặt tên Harvey, thậm chí còn tự bắt mình đừng nghĩ tới hẳn nữa. Ông tránh cả nhắc đến tên hẳn, trừ trong quyển sổ ghi chép giấu trong phòng làm việc mà ông đề nghị mẹ tôi đừng vào thu dọn nữa, điều đáng ngạc nhiên là bà cũng thuận theo ý ông. Trong quyển sổ này ông đã viết lời xin lỗi tôi. “Bố cần nghỉ để hồi sức, con gái yêu ạ. Bố cần tính xem phải theo dõi hẳn bằng cách nào. Mong con hiểu cho.”

Nhưng ông quyết định ngày mùng 2 tháng Chạp sẽ đi làm trở lại, ngay sau lễ Tạ Ơn(1). Ông muốn trở lại hăng đúng một năm sau ngày tôi mất tích. Làm việc bình thường và giải quyết công việc ứ đọng - ở một nơi có kẻ qua người lại, buộc ông chú tâm đến chuyện khác càng nhiều càng tốt. Và nếu ông dám thú nhận với chính mình, lý do chính là để tránh mặt mẹ tôi.

Ông biết làm gì đây để bơi trở về với bà, tìm lại chỗ của mình trong tâm tưởng bà? Bà cứ tự đẩy mình xa thêm mãi – có bao nhiêu sức bà đều đổ vào

việc làm tan nát mái ấm gia đình, còn ông dồn hết sức mình cho nó. Ông quyết định phục hồi sức khỏe và vạch ra kế hoạch theo dõi tên Harvey. Tập trung quy lỗi cho kẻ nào đó thì dễ hơn là ngồi tính sổ, cộng thêm hết nỗi đau này đến mất mát khác mà ông phải chịu.

Bà ngoại Lynn hẹn sẽ đến nhà vào dịp lễ Tạ Ơn; Lindsey lâu nay làm theo phương pháp chăm sóc sắc đẹp do bà ngoại hướng dẫn qua thư. Mới đầu nó thấy thật ngớ ngẩn khi đắp những lát dưa leo lên hai mắt (để chống mọng mí mắt), bôi cháo yến mạch lên mặt (để tẩy lỗ chân lông và hút chất nhờn thừa) hay bôi lòng đỏ trứng gà lên tóc (cho tóc bóng mượt). Việc nó lấy thực phẩm dùng vào việc dưỡng da và tóc làm mẹ tôi buồn cười, nhưng bà bắt đầu tự hỏi chắc mình cũng nên chăm sóc nhan sắc. Nhưng bà chỉ thoáng nghĩ thế thôi, bởi tâm trí bà bận bịu về Len, không phải vì yêu ông ta mà vì dan díu với ông ta là cách nhanh nhất bà biết được để tìm quên lãng.

Hai tuần trước bà ngoại Lynn tới, Buckley và bố ở ngoài vườn với con Holiday. Buckley và Holiday chơi đuổi bắt, chạy luẩn quẩn giữa mấy đồng lá sồi mới rụng còn bóng láng, càng lúc càng hăng say. “Coi chừng, Buck,” bố nói. “Con làm thế Holiday sẽ cắn bậy đấy.” Và thế là y như rằng.

Bố tôi bảo ông muốn thử một trò chơi mới.

“Để xem ông bố già có công nổi con không. Để ít lâu nữa con lớn quá hết chơi được.”

Thế là ở một góc vườn nằm khuất, để lỡ ông ngã thì chỉ có một thằng bé và một con chó luôn yêu quý ông nhìn thấy, hai bố con lóng ngóng làm chuyện cả hai đều mong mỏi: trở lại quan hệ bố - con bình thường. Khi Buckley leo lên đứng trên ghế sắt rồi, bố tôi khom người xuống, dặn: “Leo lên lưng bố, bám vai bố cho vững” mà không biết liệu có đủ sức công nó hay không. Trên thiên đường tôi nín thở, chấp tay cầu cho bố được may mắn. Hôm ở

cánh đồng ngô tôi cũng làm thế, đúng vậy, nhưng lúc này đây, khi ông sửa sang cái khung để gia đình trở về nếp sống thường nhật ngày trước, chẳng quản thương tật để giành lại một khoảnh khắc như thế này, thì ông trở thành người hùng trong mắt tôi.

“Cúi xuống, cúi nữa,” ông nhắc khi đi qua khung cửa ở tầng trệt rồi bước lên cầu thang, mỗi bước là một cố gắng giữ thăng bằng, là một cơn đau nhói rúm người. Rồi khi con Holiday phóng lên cầu thang, vượt qua hai bố con, thì bố tôi, trên lưng là ký mã Buckley đang hứng chí, biết rằng ông đã đúng khi thử xem sức mình đến đâu.

Hai bố con – thêm con chó nữa – vừa kịp nhận ra có Lindsey trong phòng tắm trên lầu, thì đã nghe tiếng cô nàng ca cẩm:

“Bố ơi là bố...!”

Bố tôi thẳng người đứng lên. Buckley với tay sờ ngọn đèn gắn trên trần.

“Con đang làm gì đấy?”, bố hỏi.

“Thế bố nhìn mà không thấy à?”

Em đang ngồi trên nắp bồn cầu, quần chiếc khăn trắng to khổ (những chiếc khăn mẹ phải tẩy trắng, những chiếc khăn mẹ phải phơi trên dây cho khô, những chiếc khăn mẹ phải gấp, xếp vào giỏ rồi bưng lên cất vào tủ để khăn...), chân trái gác lên thành bồn tắm, bôi một lớp kem cạo râu. Tay cầm con dao cạo của bố.

“Con không được nói hỗn thế,” bố nói.

“Xin lỗi bố,” em gái tôi nói, mắt nhìn xuống sàn. “Con chỉ muốn được ở

riêng một lúc.”

Bố tôi nâng Buckley lên quá đầu ông. “Ấy, coi chừng trườn tú quần áo giặt, con ời,” bố kêu và Buckley hoảng vía vì thấy bàn chân lấm lem của mình tựa vào, để dấu trên chiếc tủ khám gạch trong phòng tắm – một điều cấm kỵ.

“ Nhảy xuống đi.” Buckley nghe theo. Con Holiday liền chồm tới quấn lấy nó.

“Con đâu đã đến tuổi, sao đã cạo lông chân,” bố tôi bảo.

“Bà ngoại Lynn cạo từ hồi mười một tuổi đấy thôi.”

“Buckley, con về phòng đi, dắt con chó theo nhé. Bố sẽ vào sau.”

“Thưa vâng.”

Buckley còn là một đứa bé, bố tôi chỉ cần kiên nhẫn và khéo léo một chút là có thể công kênh nó lên vai, như mọi bố con khác. Nhưng bây giờ nhìn Lindsey ông thấy đau đớn bội phần. Tôi là đứa bé gái ngồi trong bồn tắm, một bé con mới lấm chắm ông nhấc lên đặt vào bồn rửa mặt, một thiếu nữ vừa đến tuổi để làm y như em gái tôi lúc này đây, nhưng không bao giờ được phép trưởng thành nữa.

Khi Buckley đi rồi, ông tập trung tâm trí cho em gái tôi. Ông sẽ lo cho cả hai cô con gái bằng cách chăm chút đứa này: “Con biết cách cạo chứ?”

“Con mới thử lần đầu,” Lindsey nói. “Bố cứ để con tự làm.”

“Lưỡi dao cạo này có sẵn lúc con lấy từ hộp dao của bố phải không?”

“Vâng.”

“Ồ, râu bố cứng nên làm dao mau cùn. Để bố lấy cho con lưỡi dao mới.”

“Cám ơn bố,” em gái tôi nói và trở lại làm con bé Lindsey dễ thương bố công nhong nhong thưở nào.

Ông rời phòng tắm, đi dọc hành lang sang phía bên kia, tới phòng ngủ của bố mẹ tôi, tiếng là phòng chung nhưng hai người ngủ riêng giường từ lâu rồi. Vươn tay mở tủ kính lấy hộp lưỡi dao mới, ông chợt thấy đau nhói ở ngực. Ông cố quên đi, tập trung vào việc định làm. Đó chỉ là một ý nghĩ thoáng qua: Lẽ ra Abigail làm chuyện này mới phải.

Ông đem lưỡi dao cạo ra, chỉ Lindsey thay dao và cạo cho đúng cách. “Cẩn thận chỗ mắt cá và đầu gối,” ông nói. “Mẹ con gọi đó là những chỗ dễ bị phạm.”

“Bố thích thì ngồi đây với con, tùy bố,” Lindsey nói, bây giờ em chấp nhận sự có mặt của ông. “Nhưng coi chừng con làm chảy máu văng tung tóe.” Nói xong em ân hận muốn tự vả vào mặt. “Con xin lỗi,” em nói. “Đây bố ngồi đây, con lui ra kia.”

Em đứng lên, lại ngồi trên thành bồn tắm, vắn vỏi nước, còn bố tôi ngồi xuống nắp bồn cầu.

“Được rồi, con ạ,” bố nói. “Lâu nay bố con mình không có dịp trò chuyện về chị con.”

“Có ai cần nói nhỉ?”, em gái tôi đáp. “Chị ấy có mặt mọi lúc mọi nơi mà.”

“Em trai con có vẻ không bị khủng hoảng gì lắm.”

“Nó cứ bám riết lấy bố.”

“Có thể thật,” ông nói và thấy sung sướng có đứa con trai quần quít nịnh bố.

“Ài”, Lindsey kêu lên, một vết máu nhỏ rỉ qua lớp bột trắng của kem cacao râu. “Thôi, hỏng rồi.”

“Rịt ngón cái vào vết xước. Máu sẽ cầm ngay. Con chỉ nên cacao tới đầu gối thôi,” bố khuyên. “Mẹ con vẫn làm thế, trừ khi cả nhà đi chơi biển.”

Lindsey ngừng lại. “Bố với em Buckley đâu có ra biển bao giờ.”

“Ngày xưa có đi đấy chứ.”

Bố quen mẹ khi cả hai cùng làm việc cho tiệm Wanamaker vào dịp trường đại học nghỉ hè. Ông vừa buông lời bình phẩm chua chát về căn phòng để cho nhân viên ngồi nghỉ, bị ám mùi thuốc lá nồng nặc, thì bà cười cười rút ra gói Pall Mall thời đó được ưa chuộng. “Touché”(2), ông nói, rồi ngồi lì bên bà, để khói thuốc hôi rình quyện cả vào người.

“Con đang nghĩ xem con giống ai,” Lindsey nói. Giống bà ngoại Lynn hay mẹ.”

“Bố trước giờ vẫn thấy con với chị con giống mẹ,” bố nói.

“Bố à!”

“Sao con?”

“Bố vẫn cho rằng tên Harvey đáng tới vụ này thật sao?”

Như một cái que, nếu ta cứ cà mãi vào cái que khác, cuối cùng sẽ tóe lửa – việc cọ sát đã đem lại kết quả.

“Bố tin chắc như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, con ạ.”

“Vậy sao chú Len không bắt hăn cho rồi?”

Em hững hờ kéo dao cạo râu từ bàn chân ngược lên. Thế là xong một bên. Rồi dừng tay không làm tiếp, chờ đợi.

“Ước gì bố có thể nói sao cho con dễ hiểu,” bố nói, khó nhọc như phải moi óc từng chữ để ráp thành câu. Ông chưa từng kể lể dông dài với ai về những nỗi ngờ vực của mình. “Hôm ấy, gặp trong vườn nhà hăn, bố phụ hăn dựng lều – hăn bảo lều này dựng cho vợ hăn, bố nhớ hăn bảo tên là Sophie, nhưng sau Len lại ghi là Leah – trong cử chỉ thái độ của hăn có gì đó bắt bố phải tin như thế.”

“Mọi người ở đây cũng thấy hăn kỳ dị, không giống ai.”

“Đúng thế, bố biết,” bố nói. “Nhưng nói cho cùng họ chả việc gì phải dây dưa quan hệ với hăn. Họ không biết phải xem tính lập dị ở hăn là lành hay dữ.”

“Lành nghĩa là sao?”

“Là vô hại.”

“Con Holiday không ưa hăn chút nào,” Lindsey nhắc thêm.

“Đúng thế, bố chưa bao giờ nghe nó sủa hăng đến như vậy. Sáng hôm ấy

long cổ nó dựng ngược hết cả lên.”

“Nhưng cảnh sát lại cho rằng bố bị chứng bệnh tưởng.”

“Họ chỉ đưa ra độc một câu trả lời: Không có bằng chứng.” Không bằng chứng và – bố nói con nghe đừng lấy làm ghê nhé – bao lâu không tìm được thi thể thì họ bó tay, và chẳng có cơ sở gì cho phép họ tổng giam ai.”

“Thế nào là có cơ sở?”

“Bất cứ điều gì chứng minh được hắn có liên quan đến Susie, bố nghĩ thế. Chẳng hạn có ai đấy nhìn thấy hắn ngoài cánh đồng ngô, hay chỉ cần thấy hắn lảng vảng quanh nhà trường thôi cũng đủ. Đại loại thế.”

“Hoặc là hắn còn giữ lại đồ vật gì của chị Susie?” Bố tôi và Lindsey – lúc đó đã bôi kem lên chân kia nhưng chưa cạo – bàn bạc sôi nổi, vì khi hai cái que mang mỗi quan tâm của hai bố con cào vào nhau tóe lửa thì cũng lóe lên giả thiết rằng không chừng xác tôi đang bị vùi đâu đó trong ngôi nhà nọ. Thi thể tôi có thể ở dưới hầm, tầng một, tầng hai, hay trên tầng áp mái. Để tránh phải thừa nhận khả năng khủng khiếp này – nếu đúng như thế thì đó quả là những bằng chứng rành rành, tuyệt hảo, xác đáng – hai bố con cố nhớ lại những gì hôm đó tôi mang theo: viên tẩy hình nhân vật truyện tranh tên Frito Bandito tôi thích, phù hiệu hình ca sĩ David Cassidy tôi cài trong cặp, phù hiệu hình ca sĩ David Bowie tôi cài mặt ngoài cặp. Hai bố con nêu ra đủ mọi món linh kinh có thể trở thành chứng cứ hiển nhiên, gây kinh hoàng nhất có thể tìm được – thi hài của tôi bị chặt khúc, trong hốc mắt trống không chỉ còn chút da thịt thối rữa.

Đôi mắt tôi: cách trang điểm bà ngoại Lynn hướng dẫn cho Lindsey cũng giúp được ít nhiều nhưng vẫn không giải quyết được chuyện hể ai nhìn vào mắt Lindsey là tự động tìm xem có bao nhiêu phần giống mắt tôi. Khi tình cờ bắt gặp chính đôi mắt mình – trên tấm gương sáng choang trong hộp



phần trang điểm của cô gái ở bàn bên cạnh, hay ảnh phản chiếu bất chợt trên tấm cửa kính cửa hiệu – là em quay ngoắt đi. Đau khổ nhất vẫn là khi đối mặt với bố tôi. Trong lúc trò chuyện, em gái tôi nhận ra rằng, suốt lúc bàn về chuyện này – về tên Harvey, về bộ quần áo tôi mặc, cái cặp tôi mang, thi thể của tôi, và về con người tôi – những kỷ niệm sinh động còn giữ về tôi làm cho bố tôi còn nhận ra được em là Lindsey, chứ không phải một tổng thể làm náo lòng vì lắp ráp bằng nửa nọ nửa kia của hai đứa con gái.

“Vậy bố muốn biết có cách nào đột nhập vào nhà hẳn chứ gì?” em hỏi.

Hai bố con nhìn vào mắt nhau một lúc, người này hiểu rằng người kia cũng ý thức được sự nguy hiểm chứa đựng trong ý tưởng đó. Thấy bố ngập ngừng mãi, cuối cùng bảo rằng làm thế là phạm pháp, rằng ông chưa từng nghĩ đến chuyện đó, em biết là bố đang nói dối. Em thừa hiểu ông cần có người thay mình làm việc đó.

“Con lo cạo chân cho xong đi, bé ạ,” ông nói.

Lindsey biểu lộ đồng tình, quay đi, hiểu rõ bố ngầm bảo em làm gì rồi.

Bà ngoại Lynn đến nhà vào ngày thứ Hai trước ngày lễ Tạ Ơn. Cũng với đôi mắt như rọi tia la-de phát hiện ngay ở em gái tôi mọi tí vết ngoài bà không ai thấy, bà còn nhanh nhạy nhìn thấy gì đó ẩn sau nụ cười trong động tác từ tốn của con gái bà, cảm thấy cả cơ thể mẹ tôi phản ứng ra sao mỗi khi có ai đó dấn động đến thanh tra Fenerman hay giới cảnh sát.

Sau bữa ăn chiều hôm đó, khi mẹ tôi từ chối không muốn bố phụ rửa bát, thì đôi mắt la-de đã rõ mười mươi. Bà ngoại Lynn làm cả nhà giật mình, trừ em gái tôi mừng húm, khi bà tuyên bố:

“Abigail này, mẹ sẽ phụ con rửa bát. Đây là phần việc của riêng mẹ con ta.”

“Mẹ bảo sao cơ?”

Mẹ tôi đã tính sẽ cho Lindsey nghỉ tay sớm, em chỉ đợi có thể, rồi cả buổi tối sẽ đứng bên bồn, vừa thông thả rửa, tráng, vừa nhìn ra ngoài cửa sổ cho đến khi màn đêm hắt trả lại ảnh mẹ trên mặt kính. Tiếng máy truyền hình rồi sẽ nhỏ dần và mẹ sẽ được một mình một bóng.

“Mẹ vừa mới làm móng tay ngày hôm qua,” bà ngoại Lynn nói sau khi buộc tạp dề phủ bộ quần áo thanh lịch màu vàng lông lạc đà, “nên mẹ chỉ lo phần lau khô thôi.”

“Mẹ à, con không cần đâu.”

“Cần chứ, cứng cứ tin mẹ đi,” bà ngoại nói. Có chút gì đó cộc lốc, khô khan trong chữ cứng

Buckley kéo tay bố vào phòng bên cạnh, nơi đặt máy truyền hình. Hai bố con ngồi xuống, còn Lindsey, bất ngờ có thì giờ rảnh rỗi, lên lầu gọi điện cho Samuel.

Cảnh tượng trông thật lạ lùng, nếu không nói là bất thường. Bà ngoại tôi đeo tạp dề, giương cao tấm khăn lau bát trông như tấm vải đỏ của tay đấu bò trong tư thế sẵn sàng chờ chiếc đĩa đầu tiên bay tới.

Hai mẹ con mãi miết làm, không trao đổi một lời. Những âm thanh duy nhất là tiếng mẹ nhúng tay vào nước nóng bỏng, tiếng đĩa chạm nhau, tiếng dao nĩa lách cách. Sự yên ắng làm nổi căng thẳng cứ nở phòng chiếm hết không gian, làm căn phòng ngột ngạt. Tiếng ồn ào từ trận bóng truyền hình ở phòng bên cũng làm tôi thấy lạ. Bố tôi xưa nay không hề xem bóng đá, ông chỉ ưa mỗi môn bóng rổ. Bà ngoại Lynn cũng ghét việc rửa bát; thức ăn đông lạnh hoặc nấu sẵn chỉ cần mua về vẫn là thứ vũ khí bà chọn để tránh

phải rửa bát.

“Chúa ơi,” cuối cùng bà ngoại nói. “Con cầm lại này.” Bà đưa trả mẹ cái đĩa vừa tráng. “Mẹ có chuyện muốn nói với con nhưng sợ làm rơi mấy thứ này mất. Mẹ con mình đi dạo một lúc nhé.”

“Mẹ à, con cần phải...”

“Điều con cần làm là đi dạo một vòng.”

“Con phải rửa cho xong đã.”

“Nghe này”, bà ngoại nói, “mẹ biết tính mẹ thế nào, tính con ra sao, nghĩa là khác mẹ, con vẫn lấy làm mừng là không giống mẹ; nhưng có một số điều khi nhìn thấy mẹ hiểu ngay, và vào lúc này mẹ nghĩ chuyện trong gia đình con không kosher(3). Capisce(4)?”

Mẹ tôi lộ vẻ nao núng, rồi những đường nét trên mặt bà dịu lại, và đổi dạng – dịu nhẹ và ẩn hiện như hình ảnh phản chiếu mặt bà trên làn nước sóng sánh trong bồn rửa bát.

“Mẹ bảo sao cơ?”

“Mẹ thắc mắc vài chuyện, nhưng không muốn nói ra ở đây.”

Trúng phóc, Bà ngoại Lynn ạ, tôi thầm nghĩ. Chưa bao giờ tôi thấy bà cương quyết đến thế.

Hai mẹ con muốn ra khỏi nhà đi dạo riêng với nhau thì không có gì khó. Bố tôi, do đầu gối còn đau, chẳng thể đi cùng, còn Buckley luẩn quẩn bên bố, có ông thì nó mới đi theo.

Mẹ tôi làm thình. Bà không có cách nào thoái thác. Hai mẹ con tháo tạp dề vắt lên mui chiếc xe Mustang trong nhà để xe. Mẹ tôi khom người nâng cửa nhà xe đẩy lên.

Chưa muộn lắm nên lúc hai mẹ con ra ngoài trời vẫn còn sáng. “Dắt cả Holiday theo nhé,” mẹ tôi hỏi.

“Mẹ với con thôi,” bà ngoại nói. “Thấy bộ đôi mẹ con mình là thiên hạ đủ hoảng rồi.”

Hai mẹ con chưa hề có quan hệ mật thiết. Cả hai đều biết vậy, nhưng đó không phải là điều làm bận lòng họ, chẳng những thế còn đem ra cười giễu như hai đứa bé không ưa nhau lắm, nhưng lại là hai đứa bé duy nhất trong một khu dân cư mênh mông vắng bóng trẻ. Giờ đây, sau thời gian dài để con gái bà rời nhà khá sớm và bay nhảy đi những đâu bà không biết, và chưa hề tìm cách ngăn trở, đột nhiên bà thấy mình đuổi theo bắt kịp con gái.

Họ đi qua ngôi nhà của gia đình O’Dwyer, mãi khi sắp đến nhà của gia đình Tarking thì bà ngoại mới nói ra điều bà muốn thổ lộ.

“Mẹ chọn vùi chuyện đó bằng cách ra vẻ xem như không,” bà ngoại nói. “Bố con dan díu nhiều năm với một người đàn bà ở New Hamshire. Tên mụ ấy bắt đầu bằng vần F, nhưng mẹ chẳng biết gì thêm. Năm này qua năm khác mẹ thử tra tìm, ra được hàng nghìn người có thể mang tên vần đó.”

“Ồ kìa, mẹ!”

Bà ngoại tôi vẫn bước tiếp, không quay nhìn mẹ. Bà thấy không khí mát lạnh của mùa thu giúp bà nhiều, tràn vào tẩy rửa, làm hai buồng phổi như sạch hơn mấy phút trước đó.

“Ngày đó con có hay biết gì không?”

“Không.”

“Chắc mẹ không kể cho con,” bà nói. “Hẳn mẹ nghĩ con chẳng nên biết làm gì. Bây giờ đã đến lúc, phải không nào?”

“Con không rõ vì sao bây giờ mẹ đem ra kể cho con nghe.”

Họ đã tới bùng binh, ngoặt lại là quay về. Nếu cứ đi tiếp họ sẽ đến trước cửa nhà tên Harvey. Mẹ tôi thấy lạnh cóng.

“Tội nghiệp con chưa,” bà ngoại nói. “Đưa tay cho mẹ nào.”

Cả hai lúng túng. Mẹ tôi đếm được trên đầu ngón tay số lần ông bố cao lớn khom người xuống hôn ngày mẹ còn bé. Bộ râu ông cọ má làm ngứa, mát mùi nước hoa mà nhiều năm sau bà vẫn không tìm ra là hiệu gì. Bà ngoại nắm lấy bàn tay mẹ, cứ thế hai người đi tiếp ngoặt sang hướng khác.

Họ đến một khu hình như ngày càng có nhiều gia đình mới dọn đến. Tôi nhớ mẹ tôi gọi đó là những ngôi nhà móc vào neo, tôi nhớ thế, vì chúng nằm dọc hai bên đường dẫn vào khu trung tâm, nối khu phố với con lộ chính có từ xưa, trước khi vùng này được nập cấp lên phố thị. Đó là con đường dẫn đến Thung lũng Forge, đến George Washington và cuộc Cách mạng(5).

“Từ lúc Susie mất đi mẹ mới lại nhớ về bố con,” bà ngoại nói. “Mẹ vẫn chưa để tang bố con theo đúng nghĩa.”

“Con biết,” mẹ tôi nói.

“Con vẫn bực mẹ về chuyện đó phải không?”

Mẹ tôi ngần ngừ. “Có thể thật.”

Bà ngoại lấy tay kia vỗ nhẹ mu bàn tay mẹ. “Hay lắm, con thấy chưa, đã hé ra một mẫu rồi đấy.”

“Mẫu gì cơ?”

“Thì một mẫu của cả câu chuyện bây giờ mới hé ra. Con với mẹ. Một mẫu của sự thật giữa hai mẹ con ta.”

Họ đi qua khu các lô đất, mỗi lô rộng khoảng một mẫu Anh, cây cối trồng từ ngót hai mươi năm. Tuy không chót vót nhưng thân cây cũng cao gấp đôi những ông bố ngày đó cứ cuối tuần là mang loại giày làm vườn dẫm đất quanh chỗ ươm cây.

“Mẹ có biết con cảm thấy mình cô độc đến mức nào không?”

“Đó là nguyên do của buổi đi dạo này, Abigail ạ,” bà ngoại Lynn đáp.

Mắt mẹ tôi nhìn sững ra phía trước, nhưng qua bàn tay nắm lấy tay bà ngoại bà vẫn duy trì mối dây liên hệ. Bà nhớ lại cảm giác cô đơn suốt thời thơ ấu. Nhớ những lúc thấy hai cô bé gái con mình xuyên lỗ xỏ dây vào hai ly giấy rồi chia ra mỗi đứa vào một phòng để chơi trò thì thào lén kể cho nhau những bí mật của chúng, bản thân bà thực tình chưa hề biết thế nào là chia sẻ bí mật. Trong nhà chẳng có ai khác ở với bà, ngoài bố và mẹ, sau đó ông bố của mẹ lại ra đi.

Bà nhìn đăm đăm lên đầu ngọn cây, đám cây cao nhất trong toàn vùng, cách xa khu chúng tôi cả dặm đường. Chúng mọc trên một ngọn đồi cao,

đến nay chưa bị phát quang lấy đất xây nhà. Vẫn còn vài chủ nông trại đã luống tuổi cư ngụ ở đó.

“Con không diễn tả được những gì mình cảm thấy,” mẹ nói. “Không nói được với ai cả.”

Họ đi tới cuối khu phố đúng lúc mặt trời khuất sau ngọn đồi trước mặt. Một khoảnh khắc trôi qua nhưng chưa ai có ý đi vòng trở lại. Mẹ tôi dõi mắt nhìn theo tia sáng cuối cùng còn phản chiếu trên mặt vũng nước đọng chỗ cuống rãnh ở cuối con đường.

“Con không biết mình nên làm gì,” mẹ nói. “Bây giờ khi chuyện đã xong.”

Bà ngoại không rõ khi nói “chuyện” thì mẹ ám chỉ gì nhưng không vặn hỏi thêm.

“Ta quay lại chứ?” bà đề nghị.

“Sao ạ?”, mẹ tôi hỏi.

“Về nhà, Abigail ạ. Quay về nhà.”

Họ vòng lại, tiếp tục bách bộ. Đi qua hết nhà này đến nhà khác, tất cả xây cùng một kiểu giống hệt nhau. Chỉ khác ở những phần xây bà ngoại gọi là thêm thắt. Bà chịu không hiểu nổi sao người ta có thể sống ở một chỗ như thế này, đây lại là nơi con gái bà chọn để cư ngụ.

“Khi mình đến góc rẽ vào bùng binh thì con muốn đi qua căn nhà đó,” mẹ tôi nói. “Ngang qua nhà hẻm?”

“Vâng.”

Tôi thấy bà ngoại rẽ theo mẹ.

“Con hứa với mẹ là sẽ không gặp lại người đàn ông đó nữa chứ?”, bà ngoại hỏi.

“Gặp ai cơ?”

“Người đàn ông con đang dan díu ấy. Mẹ nói chuyện này từ nãy đến giờ thôi.”

“Con chẳng dan díu với ai cả,” mẹ tôi đáp. Đầu óc bà, như cánh chim, bay nhảy từ nóc nhà này sang nóc nhà khác. “Mẹ à!”, bà gọi, quay nhìn bà ngoại.

“Gì thế, Abigail?”

“Nếu cần đi xa một thời gian, con đến nhà nghỉ(6) của bố ở tạm được không?”

“Nãy giờ con có để tai nghe mẹ nói không?”

Họ ngửi thấy mùi gì thoang thoảng trong không khí. Một lần nữa tâm thức luôn âu lo, thắc mắc của mẹ tôi lại trôi tuột đi đâu. “Có ai hút thuốc đây,” bà nói.

Bà ngoại Lynn dăm dăm nhìn con gái. Con người nội trợ luôn đảm đang, nghiêm túc ở mẹ tôi bỗng biến đâu mất. Bà thành kẻ tính tình bất nhất, đầu óc lơ đãng. Bà ngoại thấy không còn gì để nói với con gái nữa.

“Thuốc lá ngoại, mẹ ạ,” mẹ tôi nói. “Để xem từ đâu ra!”



Trong nắng tà dần tắt bà ngoại ngẩn ngơ nhìn theo mẹ tôi đang lần theo mùi thuốc lá.

“Mẹ quay về nhà đây,” bà ngoại nói.

Nhưng mẹ tôi cứ bước tiếp.

Chẳng mấy chốc bà phát hiện khói thuốc từ đâu bay ra. Đó là bà Ruana Singh đang đứng sau cây thông cao trong vườn nhà bà.

“Chào chị”, mẹ tôi lên tiếng.

Bà Ruana không giật mình như tôi tưởng. Tính bình tâm của bà có được nhờ công phu tập luyện. Bà biết cách điều khiển nhịp thở để đương đầu mọi biến cố bất ngờ nhất, chẳng hạn con trai bà bị cảnh sát buộc tội giết người, hay ông chồng mời ăn tối nhưng lại biến bữa tiệc thành cuộc họp hội đồng khoa học. Bà bảo Ray cứ rút lên lầu, còn bà đi ra cửa sau để không ai để ý.

“Chào bà Salmon,” bà Ruana nói, phả làn khói thuốc thơm lừng. Mẹ tôi đưa tay ra trong làn khói và hơi ấm ủa đến, bắt tay bà Ruana.

“Nhà ông bà đang có khách à?” mẹ tôi hỏi.

“Ông nhà tôi mở tiệc đãi khách. Tôi là bà chủ nhà.”

Mẹ tôi mỉm cười.

“Chỗ mình đang sống thật quái lạ,” bà Ruana nói.

Ánh mắt họ chạm nhau. Mẹ tôi gật đầu. Đâu đó trên đường về nhà có mẹ của bà đang bước, còn bà lại đứng đây, như bà Ruana, trên một hòn đảo yên tĩnh ngoài khơi, nằm xa đất liền.

“Chị còn thuốc lá không?”

“Dĩ nhiên còn chứ, bà Salmon.” Bà cho tay vào túi chiếc áo len đan dài màu đen, lấy ra gói thuốc và chiếc bật lửa. “Hiệu Dunhills”, bà nói. “Hi vọng bà cũng thích.”

Mẹ tôi châm thuốc rồi đưa lại bà Ruana gói thuốc màu xanh có giấy bạc màu vàng. “Abigail”, mẹ nói trong lúc phả khói thuốc. “Cứ gọi tôi bằng tên Abigail.”

Trên phòng riêng đã tắt hết đèn, Ray ngửi thấy mùi thuốc lá của mẹ. Bà chưa bao giờ mắng cậu là đã lấy lên thuốc lá của bà, cũng hệt như cậu chưa từng để lộ rằng cậu biết bà có thuốc. Cậu nghe tiếng người nói từ dưới nhà vọng lên – tiếng ông bố trò chuyện ồn ào với các đồng nghiệp, họ trao đổi với nhau bằng sáu thứ tiếng, tiếng họ cười cợt về ngày lễ sắp tới, lễ đặc biệt của người dân Mỹ. Cậu ta không biết rằng mẹ tôi đang đứng cùng mẹ cậu ngoài sân cỏ hoặc tôi đang nhìn cậu ngồi bên cửa sổ, hít vào mùi thuốc lá thơm dịu. Chỉ lát nữa thôi cậu sẽ rời cửa sổ, bật ngọn đèn con ở đầu giường để đọc. Bà giáo McBride đã bảo mỗi học sinh tự chọn một bài thơ thể xon-nê mà mình thích để viết bình luận. Nhưng mỗi khi đọc những dòng thơ trong Tuyển tập Norton, đầu óc cậu lại lảng đãng quay về thời điểm cậu tha thiết muốn níu giữ, muốn trải nghiệm lần nữa. Giá lúc ấy trên giàn giáo cậu cứ hôn tôi thì biết đâu mọi chuyện đã chẳng xoay chiều theo hướng nào khác rồi.

Bà ngoại Lynn tiếp tục lộ trình mà hai mẹ con đã tính trước đó, đi một lúc thì quả nhiên thấy nó – ngôi nhà họ cố quên đi dù chỉ ở cách đó có hai căn. Jack có lý, bà ngoại nghĩ thầm. Ngay cả trong bóng tối bà cũng cảm thấy điều đó. Chỗ ngôi nhà tọa lạc như phát tỏa dấu hiệu của cái ác. Bà rùng mình, nghe tiếng đế gáy và nhìn thấy lũ đom đóm tụ lại thành đàn trên các

luống hoa sát bờ rào trước nhà hắt. Bà chợt nghĩ chỉ mong một điều là cảm thông được con gái mình. Con bà đang sống ở tâm điểm nơi bom vừa nổ, những chuyện lằng nhằng của chồng bà đâu thể giúp con gái bà sáng suốt tự nhìn lại mình được. Sáng sớm mai bà sẽ bảo mẹ tôi rằng lúc nào cần cứ đến tìm, chìa khóa căn nhà nghỉ vẫn để sẵn đó.

Đêm ấy, mẹ tôi mơ một giấc mơ thật tuyệt vời. Bà mơ thấy nước Ấn Độ, nơi bà chưa hề đến. Ở đó có đèn hiệu giao thông hình nón màu da cam và các loại côn trùng tuyệt đẹp màu xanh dương, hàm dưới nạm vàng. Một thiếu nữ bị dong trên đường phố. Cô bị dẫn tới một giàn thiêu, người ta quần khăn quanh người bó cô lại, đặt lên bệ bằng cành cây ràng bện thành giàn. Ngọn lửa sáng rực thiêu đốt cô gây cho mẹ tôi cảm giác vui sướng sâu sắc, thanh thoát, như bà vẫn thấy khi nằm mơ. Cô gái bị thiêu sống thật, nhưng lúc đầu, thân thể cô nằm đó, sạch sẽ và nguyên vẹn.

-----

1. Lễ Tạ Ơn Chúa sau mùa gặt, vào cuối tháng Mười một, là dịp gia đình đoàn tụ đông đủ, đây là lễ đặc biệt ở Mỹ, còn quan trọng hơn lễ giáng sinh.
2. Touché (tiếng Pháp): bị chạm, bị đâm trúng (trong trò thi đấu kiếm).
3. “Kosher” (tiếng Do Thái), chỉ những món được phép ăn theo luật đạo của dân tộc này; ở đây có nghĩa: ổn thỏa.
4. “Capisce?” (tiếng La-Tinh): Con hiểu chứ?
5. Valley Forge: trại đóng quân mùa đông trong cuộc chiến tranh chống vương quốc Anh, 1775-1782, George Washington là tổng soái chỉ huy.

6. Kiểu nhà ván gỗ, có tiện nghi tối thiểu, dựng ở đồi, rừng, thường làm nơi nghỉ mát mùa hè.

## CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Suốt một tuần liền Lindsey rình rập ngôi nhà kẻ đã giết tôi. Em làm đúng cái việc hăn từng làm với bao người khác.

Em đã thỏa thuận sẽ luyện tập suốt năm với đội bóng nam, trong hướng chuẩn bị cho cuộc thử thách mà thầy Dewitt và Samuel khuyến khích em cứ nhận: làm sao đạt tiêu chuẩn để được tham gia đấu trong liên đoàn cầu thủ nam của các trường trung học. Để chứng tỏ mình thật lòng ủng hộ, Samuel cùng luyện tập với em, dù không mong đạt gì cao hơn là, như cậu gọi, “anh chàng mặc quần cụt chạy nhanh nhất.”

Môn chạy thì cậu không tệ, nhưng các thao tác đá, chặn, đưa bóng hay kịp nhận xem bóng có lọt vào phạm vi của mình không thì vượt ngoài khả năng của cậu. Thế nên khi cả hai tập chạy quanh khu nhà, những lúc Lindsey để ý nhìn vào nhà tên Harvey, thì Samuel đã vượt xa phía trước, chú tâm vào việc chỉ đạo tốc độ chạy cho em gái tôi nên không để ý đến chuyện gì khác. Từ bên trong ngôi nhà màu xanh tên Harvey nhìn ra ngoài. Thấy em gái tôi có ý quan sát, hăn bắt đầu thấy nhột nhột. Đã ngót một năm rồi mà gia đình Salmon này vẫn nhất quyết theo dõi hăn mãi.

Ở các thành phố và bang khác đã từng xảy ra chuyện tương tự. Gia đình một cô bé nọ tình nghi hăn, còn chẳng ai khác lấy làm ngờ. Hăn đã chuẩn bị chu đáo, từ lời khai với cảnh sát đến vẽ vô tội kèm thái độ khúm núm, xun xoe hỏi han về các thủ tục điều tra hoặc thỉnh thoảng chêm vào vài đề nghị về những điều hăn nghĩ có thể giúp họ, nhưng thật ra vô bổ. Việc hăn gợi ý làm ông Fenerman quan tâm đến cậu nhóc con nhà Elis là một nước cờ hay, chuyện hăn khai man là mình góa vợ đến nay luôn giúp hăn thoát nạn. Hăn tạo dựng ra hình ảnh người vợ bằng những chi tiết từ một nạn nhân nào hăn đột nhiên thấy thích gợi lại từ ký ức, nếu cần làm cho hình ảnh giống người thật ngoài đời thì hăn có sẵn những gì đã biết về chính bà

mẹ của hắn.

Trưa nào hắn cũng rời nhà khoảng một hai tiếng đồng hồ. Hắn mang theo những thứ cần thiết rời lái xe tới công viên Valley Forge; ở đó hắn đi dạo dọc những trục đường chính lát đá hoặc những lối rẽ đắp đất, thỉnh thoảng bỗng thấy mình đứng lẫn giữa đám học sinh đi du ngoạn dã ngoại tề tựu ở ngôi nhà nhỏ bằng gỗ sục của George Washington (1) hay tại nhà nguyện tưởng niệm Washington. Nhưng giây phút ấy làm hắn phẩn chấn. Những giây phút mà lũ trẻ háo hức nhìn thấy tận mắt sự kiện lịch sử, như thể chúng thực sự tìm được một sợi tóc bạch kim dài từ mái tóc giả (2) của Washington vướng ở đầu cây cột gỗ sần sùi. Thỉnh thoảng một trong những hướng dẫn viên du lịch hay giáo viên để ý thấy hắn đứng đó, không quen thuộc gì họ nên tuy hắn có vẻ hòa nhã, họ vẫn đưa mắt dò hỏi. Hắn có sẵn cả nghìn câu trả lời: “Trước kia tôi vẫn thường đưa lũ con đến đây.” “Đây là nơi tôi và vợ tôi gặp nhau lần đầu.” Hắn biết rõ rằng hễ hắn kể bất kỳ điều gì liên quan đến một gia đình giả tưởng nào đó là y như các bà các cô sẽ mỉm cười với hắn ngay. Có lần một cô gái hấp dẫn, vóc đầy đà, tìm cách bắt chuyện với hắn, trong lúc người hướng dẫn của công viên kể cho đám trẻ về mùa đông năm 1776 và trận Battle of the Clouds. (3)

Hắn mới đem bài bản chuyện góa bụa của mình ra, kể lể về người đàn bà tên Sophie Cichetti, biến nàng thành bà vợ đã quá cố, người hắn yêu thầm thiết. Cô kia nghe mà mê mẩn, như thể câu chuyện tình nọ là một món sơn hào hải vị, đến phiên hắn phải nghe cô kể về lũ mèo và người anh có ba đứa con mà cô rất yêu quý thì trong đầu hắn tưởng tượng cảnh cô đang ngả trên chiếc ghế dưới hầm nhà hắn, dĩ nhiên đã nhắm mắt ngàn thu.

Sau lần đó, mỗi khi gặp ánh mắt dò hỏi của một giáo viên, hắn e dè rút lui và đi sang khu nào khác trong công viên. Hắn quan sát những bà mẹ, con nằm trong xe, thoăn thoắt đẩy xe dọc những lối đi trống trải. Hắn nhìn theo đám trẻ choai choai trốn học làm trò ôm ấp nhau trên bãi cỏ mọc cao không xén hay dọc theo những lối rẽ nằm khuất trong kia. Chỗ cao nhất trong

công viên là khu rừng nhỏ, nơi thỉnh thoảng hắn vẫn đậu xe. Hắn ngồi trong chiếc xe thùng nhỏ, quan sát những người đàn ông đi một mình đậu lại cạnh hắn rồi xuống xe. Kẻ mặc đồ bộ chỉnh tề tới đây giờ nghỉ trưa, người mặc áo vải bông sợi thô, quần jeans rảo bước vào rừng. Đôi khi họ ngoái nhìn hắn – ngẫm chút thắc mắc. Giá đến gần hơn nữa, có khi họ nhìn thấy được, xuyên qua tấm kính trước của xe hắn, điều mà các nạn nhân của hắn đã thấy: dục vọng không kiềm chế được của hắn, như vực sâu không đáy.

-----

(1) George Washington (1732 – 1799) : thống soái quân đội, tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ năm 1789.

(2) Thời bấy giờ giới thượng lưu ở Âu Mỹ đều đội tóc giả uốn lượn sóng.

(3) “Trận đánh trên các tầng mây”, 1863, trong cuộc nội chiến ở Mỹ, ở Lookout Mountain tiểu bang Tennessee.

Ngày 26 tháng mười một năm 1974, Lindsey thấy tên Harvey rời ngôi nhà xanh, thế là em từ từ chạy tụt lại sau đám con trai. Về sau em vẫn có thể bảo rằng vì có kinh nguyệt và hắn là đám con trai sẽ không nói gì, có khi còn khoái chí, vì đó là bằng chứng rằng dự án không mấy ai ưa của thầy Dewitt – một nữ cầu thủ trong đội bóng tuyển cấp vùng! – sẽ không bao giờ thực hiện nổi.

Tôi quan sát em mà lấy làm kinh ngạc. Em có thể cùng một lúc là nhiều con người. Một người đàn bà. Một điệp viên. Vận động viên điền kinh. Còn kẻ bị khai trừ kia: một thanh niên đơn độc.

Em vừa đi vừa ôm một bên bụng giả vờ bị chứng co cơ, xua tay bảo bọn con trai cứ chạy tiếp đi khi chúng ngoái cổ nhìn xem em có chuyện gì. Em đi tiếp, một tay vẫn ôm bên hông, cho đến khi đám kia rẽ ngoặt ở góc

đường. Bao quanh vuông đất nhà tên Harvey là một hàng thông cao to, đã mấy năm không cắt tỉa. Em ngồi xuống bên một gốc cây, vẫn vờ kiệt sức phòng khi có người hàng xóm nào trong nhà nhìn ra, rồi khi thấy đã đến lúc, em cuộn người như quả bóng, lăn vào giữa hai cây thông. Em chờ. Đám con trai còn chạy một vòng nữa. Thấy đám kia chạy qua, em dỗi mắt nhìn chúng cắt đường băng ngang bãi xe trống chạy về hướng nhà trường. Còn lại một mình em. Em ước tính còn khoảng bốn mươi lăm phút nữa thì bố chúng tôi mới bắt đầu bắn khoản sao em chưa có mặt ở nhà. Bố tôi đã thỏa thuận với Samuel rằng hôm nào em gái tôi tập dượt với đội bóng thì Samuel cũng đi cùng và muộn nhất năm giờ phải đưa em về đến nhà.

Suốt cả ngày mây giăng u ám cả bầu trời và cái lạnh cuối thu làm tay chân em nổi da gà. Chạy chung với đội luôn làm em ấm người, nhưng khi vào thay quần áo, nơi em chung phòng tắm với đội Hockey trên sân cỏ, em ớn lạnh cứ run lấy bầy cho đến khi nước nóng gội xuống người. Tất nhiên trên bãi cỏ của ngôi nhà màu xanh này thì em còn nổi da gà vì sợ nữa.

Khi đám con trai cắt đường chạy tắt thì em bò tới cửa sổ tầng hầm bên hông nhà tên Harvey. Em đã nghĩ trước sẽ phải bịa chuyện gì, nếu nhờ bị tóm. Rằng em đuổi theo một con mèo con chui qua hàng thông. Em sẽ kể rằng con mèo màu xám, nhanh như cắt, đã chạy vào nhà tên Harvey, em cứ thế vô tâm đuổi theo.

Em nhìn được vào căn hầm, nhưng trong đó tối om. Em thử mở cửa sổ, nhưng cửa cài then. Có lẽ phải đập vỡ kính mới được. Những ý nghĩ lướt nhanh trong đầu, em sợ gây tiếng động, nhưng đến nước này thì lỡ rồi, không dùng được nữa. Em vừa nghĩ đến bố tôi ở nhà – đang luôn thấp thỏm nhìn chiếc đồng hồ đặt cạnh ghế - vừa cởi chiếc áo bông dài tay, quần quanh hai bàn chân. em ngồi bệt xuống, tì lên hai tay, rồi dùng cả hai bàn chân đập một lần, hai lần, ba lần, cho đến khi kính vỡ toang – tiếng kính vỡ đã được hâm thanh bớt rồi.



Em thận trọng đu xuống, lần mò tìm trên tường chỗ tì chân, nhưng còn cách mấy tấc cuối em phải buông người nhảy xuống lớp kính vỡ và sàn bê tông.

Căn hầm có vẻ sạch sẽ, sàn quét sạch, khác hẳn hầm nhà chúng tôi đầy những thùng giấy ghi theo ngày lễ đặt chồng lên nhau: TRÚNG MÙA PHỤC SINH VÀ CỎ XANH (1), NGÔI SAO LỄ GIÁNG SINH/VẬT TRANG HOÀNG – và mãi chẳng được xếp lên hàng kệ bố tôi đã đóng sẵn.

Khí lạnh từ ngoài ùa vào, em cảm nhận luồng gió lùa vào gáy đã đẩy em từ đồng kính vỡ hình bán nguyệt lấp lánh vào đến giữa hầm. Em trông thấy cái ghế bành với chiếc bàn con bên cạnh. Em thấy chiếc đồng hồ báo thức to tướng với những con số có lân tinh trên kệ sắt. Tôi muốn hướng ánh mắt em tới chỗ những đường ống để em thấy xương các con vật, nhưng cũng đoán rằng em sẽ tưởng đó là xương tôi, dù em đã từng vẽ mắt ruồi trên giấy kẻ ô ly, và mùa thu vừa rồi em được điểm tối đa giờ sinh vật học của thầy Botte. Nên tôi lại thấy mừng vì em không đi về phía đó.

Tuy tôi không có cách nào hiển hiện cho em thấy, hay thì thào vào tai, hoặc đẩy em tiến tới, hay giục giã được em, nhưng, một thân một mình, tự em cũng cảm thấy được điều gì đấy. Có gì đó đã hút gió vào căn hầm lạnh lẽo ẩm ướt này khiến em rúm người lại. Em đứng chỉ cách cửa sổ thông thống có khoảng một thước thôi và biết rõ rằng bằng mọi giá phải bước tới, bằng mọi giá phải bình tĩnh và tập trung tìm tang vật; nhưng chính lúc ấy em thoáng nghĩ đến Samuel, đến lúc cậu chạy phía trước, có lẽ tưởng sẽ gặp em ở vòng cuối, vì không gặp nên có lẽ đã chạy ngược về trường, tưởng sẽ gặp em ngoài cổng trường, nhưng rồi đoán – tuy có hơi hoài nghi – rằng em tắm, thế nên chắc anh chàng cũng vào tắm rồi lại đợi em trước khi quyết định làm gì khác. Anh chàng sẽ đợi em bao lâu? Trong khi mắt em dõi theo những bậc thang dẫn lên tầng một, trước khi chân giơ lên để bước, em ước có Samuel ở đây để leo vào theo, bám em từng bước, làm

theo mọi cử động của em để xóa cho em cảm giác đơn độc. Nhưng em đã không tiết lộ cho anh chàng về ý định của mình, không kể cho ai hết. Việc em đang làm đây vượt quá giới hạn cho phép – một hành vi phạm pháp – và em biết điều đó.

Nếu sau này nghĩ lại, hẳn em sẽ bảo rằng lúc ấy em cần không khí để thở nên mới leo cầu thang lên tầng trên. Những đốm bụi trắng bám ở mũi giày khi leo thang nhưng em không nhìn thấy.

Em vặn nắm đấm cửa hầm, vào tầng một. Mới chỉ mất năm phút. Còn khoảng bốn mươi phút nữa, em nghĩ. Vẫn còn chút ánh sáng luồn qua màn hình khép kín. Trong khi lại đứng tần ngần trong ngôi nhà giống hệt nhà chúng tôi, em nghe tiếng tờ báo Bản tin cuối chiều rơi đập vào hàng hiên và tiếng cậu bé đưa báo bấm chuông xe đạp khi chạy qua.

Em gái tôi tự nhủ mình đang ở trong một dãy phòng, nếu tuần tự đi từng phòng lục tìm thì may ra kiếm được thứ em cần, thu được chiến tích mang về cho bố chúng tôi, chỉ bằng cách ấy em mới dứt được tôi ra và tìm lại tự do cho mình. Cuộc cạnh tranh không ngừng nghỉ, ngay cả giữa những người còn sống với người đã quá cố. Em trông thấy những viên gạch lát hành lang – cũng cùng một màu xanh thẫm và xám như ở nhà chúng tôi – rồi hình dung hồi bé tí em lóp ngóp bò theo tôi như thế nào, còn tôi thì mới lẫm chẫm biết đi. Rồi em thấy tôi thích chí chập chững chạy nấp ở phòng bên cạnh, em nhớ lại cảm giác lúc vươn người, bước những bước đầu tiên khi tôi từ trong phòng khách ló ra chòng ghẹo em.

Nhưng nhà tên Harvey trông trải hơn nhà chúng tôi nhiều. Không có thảm trải tạo không khí ấm cúng cho vật dụng trang trí. Lindsey bước từ lớp đá lát hành lang vào sàn gỗ thông đánh bóng của căn phòng mà ở nhà chúng tôi là phòng khách. Tiếng em bước dội ra ngoài hành lang để ngỏ; âm thanh của từng cử động đều vùn dội trở lại tai em.

Em không thể ngăn được kỷ niệm cứ ào ạt kéo tới. Mỗi kỷ niệm đều rõ nét làm em đau lòng. Tôi bước xuống cầu thang công Buckley cười nhong nhong trên vai. Mẹ tôi giữ chặt tôi, trong khi Lindsey ngóng lên nhìn ánh mắt đầy ganh tị vì tôi cao hơn, nắm những ngôi sao bạc trong tay, với được tới ngọn cây Nô-en. Tôi ngồi trên thành cầu thang, trượt xuống và thúc em cùng trượt. Hai đứa chúng tôi năn nỉ xin bố cho xem truyện tranh sau bữa ăn tối. Cả bọn săn đuổi con Holiday làm nó quính lên sủa không ngớt. Và những nụ cười mệt mỏi ngượng ngịu trên mặt, bao lần không đếm xuể, để chụp ảnh ngày sinh nhật, ngày lễ nghỉ và vào cuối niên học. Hai chị em ăn mặc giống hệt nhau trong bộ áo nhung, hay hàng len sọc vuông, hay màu vàng lễ phục sinh. Tay chúng tôi cầm giỏ đựng thỏ bằng sô cô la và trứng gà mà trước đó chúng tôi đã nhuộm màu. Những đôi giày da bóng có dây buộc và khóa. Cố giữ miệng cười trong khi chờ mẹ tôi căn máy ảnh. Những tấm hình thường mờ nhạt, còn mắt chúng tôi đỏ kè. Không cái nào trong những tác phẩm nghệ thuật để lại cho em tôi sẽ giúp cho ai đó mai sau thấy được những khoảnh khắc trước và sau đó, khi hai chị em chơi đùa trong nhà hay tranh giành đồ chơi. Khi chúng tôi còn là hai chị em.

Thế rồi em thoát trông thấy. Thấy phía lưng khi tôi chạy vụt sang phòng bên. Nơi gia đình tôi đặt phòng ăn chính là căn phòng hắc chứa những ngôi nhà búp-bê đã hoàn tất. Tôi là đứa bé đang chạy ngay trước mặt em.

Em vội chạy theo tôi.

Em đuổi theo tôi qua các phòng tầng dưới, mặc dù đã luyện tập vất vả cho môn bóng đá, thế mà khi trở lại hành lang em vẫn thở dốc. Em chóng cả mặt.

Tôi nhớ tới điều mẹ tôi vẫn nói về một anh chàng cùng đón xe buýt với chúng tôi, tuổi gấp đôi chị em tôi mà mới học lớp hai. “Anh ta không biết tự lượng sức mạnh của mình, nên các con phải cẩn thận khi đứng gần.” Anh ta thích ghì chặt, như một con gấu, bất cứ ai tỏ ra tử tế với mình, ta có thể nhìn thấy nỗi xúc cảm ngậy đại tràn ngập nét mặt anh ta và dấy lên

trong anh lòng khao khát được vuốt ve mơn trớn. Trước khi bị chuyển trường, đưa đến một nơi nào đó không ai nhắc đến nữa, anh ta có lần nhắc bổng một cô bé tên Daphne lên rồi ghì chặt đến nỗi khi anh ta buông tay thì cô bé kia ngã lăn ra đường. Để đến được với Lindsey, tôi cố đẩy Côi-Lưng-Chùng, đẩy cật lật đến nỗi bỗng dưng tôi có cảm tưởng sẽ làm em bị thương thay vì giúp được em, như mình muốn.

Em gái tôi ngồi trên những bậc thang cuối khá rộng trổ xuống lối ra cửa, nhắm mắt tập trung điều hòa hơi thở, tập trung vào câu hỏi tại sao em lại vào nhà tên Harvey này. Em cảm thấy bị bó trong cái gì đấy nặng trĩu, như một con ruồi vướng mạng nhện, bị cuốn tròn trong những sợi tơ dầy. Em biết rằng bố tôi đã ra ruộng ngô vì bị ám ảnh với cái điều giờ đây đang len lỏi vào tâm trí em. Thì ra em muốn đem về cho bố những chứng cứ để bố dùng làm bậc thang leo trở lên với em, em muốn cung cấp cho bố những dữ kiện để những điều bố nói với Len có sức thuyết phục hơn. Nhưng giờ đây em lại thấy mình đang rơi theo bố vào cái hố sâu không đáy.

Em còn hai mươi phút.

Trong ngôi nhà này em gái tôi là người duy nhất còn sống, nhưng em không đơn độc, còn tôi cũng không phải là bạn đồng hành duy nhất của em. Tiểu sử cuộc đời kẻ giết hại tôi, thi thể những cô gái hắt bỏ lại đây đó, bắt đầu hiển hiện dần trước mắt tôi vào lúc này đây, khi em tôi lọt được vào ngôi nhà này. Tôi đang ở thiên đường. Tôi gọi tên từng người trong bọn họ:

Jackie Mayer, Delaware. 1967. Mười ba tuổi.

Một chiếc ghế nằm chổng chơ, lật ngược mặt dưới. Cô bé nằm còng queo mặt quay về phía chiếc ghế, trên người chỉ mặc độc chiếc áo thun cộc tay kẻ sọc, không có quần áo gì khác. Cạnh đầu cô là một vũng máu nhỏ.

Flora Hernandez. Delaware. 1963. Tám tuổi.

Hắn chỉ định rờ rẫm thôi, nhưng cô bé khóc thét lên. Cô bé xiu so với tuổi. Tất trái và một chiếc giày về sau có tìm ra. Thi thể không tìm thấy. Xương xẩu nằm dưới hầm đất nện của một tòa chung cư.

Leah Fox. Delaware. 1969. Mười hai tuổi.

Trên một chiếc ghế nệm dài bọc vải, dưới gầm cầu lồi ra xa lộ, hắn giết cô bé rất êm thấm. Tiếng xe chạy rầm rầm phía trên ru hắn ngủ gục trên cái xác. Mãi mười tiếng sau, khi một gã vô gia cư gõ gõ vào vách lều tên Harvey dựng bằng những tấm cửa phế thải, hắn mới lo thu vén đồ đạc bỏ trốn, mang theo cả thi thể Leah Fox.

Sophie Cichetti. Pennsylvania. 1960. Bốn mươi chín tuổi.

Là chủ nhà, bà dựng tấm vách bằng Sheetrock ngăn căn hộ tầng trên làm hai. Hắn thích cái cửa sổ hình bán nguyệt trên vách, giá thuê lại rẻ. Nhưng bà than thở hoài về cậu con trai và cứ đòi đọc thơ xon-nê cho hắn nghe. Hắn ngủ với bà bên nửa căn kia, đập vỡ sọ khi bà vừa mở miệng, rồi quăng xác ở bờ lạch gần đó.

Leidia Johnson. 1960. Sáu tuổi.

Buck's company, Pennsylvania. Hắn đào một cái hầm trần hình vòm trong một ngọn đồi gần mỏ đá rồi đợi. Cô bé này ít tuổi nhất.

Wendy Richter. Connecticut. 1971. Mười ba tuổi.

Cô bé đang đứng chờ ông bố ghé đón trước một quán nước. Hắn cưỡng hiếp cô trong một bụi cây rồi bóp cổ. Lần đó, khi dần tỉnh ra, ngoi lên từ

trạng thái mê loạn thường bủa vây, hẳn nghe có tiếng động. Hẳn quay gương mặt cô gái đã chết về phía mình, rồi khi nghe tiếng người lại gần hẳn cắn vào tai cô. “Xin lỗi ông bạn,” hẳn nghe hai gã say rượu nói thể trước khi bước sang bụi cây gần đấy đứng tiểu tiện.

Giờ đây tôi nhìn thấy cái thành phố toàn những năm mộ trôi nổi bồng bềnh, lạnh căm, gió phàn phật, là nơi các nạn nhân này tề tựu về, theo những người trên dương thế hình dung. Tôi có thấy những nạn nhân khác của hẳn chiếm ngự vào nhà hẳn – dấu vết của những gì cho phép nhớ đến họ, vào thời điểm họ lìa trần. Nhưng ngày hôm đó tôi để mặc họ đi tiếp, còn tôi chạy đến với đứa em gái của tôi.

Lindsey đứng ngay dậy, khi tôi tập trung được toàn thần trí vào em. Hai chúng tôi cùng nhau lên cầu thang. Em cảm thấy mình giống những cây ma hồi sinh trong các phim Samuel với Hal thích xem. Một chân đưa lên trước, đôi mắt vô hồn đăm đăm nhìn thẳng. Em vào căn phòng mà ở nhà chúng tôi là phòng ngủ của bố mẹ tôi, song không tìm thấy gì cả. Em đi một vòng hành lang trên gác. Cũng không nốt. Rồi em vào nơi mà ở nhà tôi vốn là phòng tôi trước kia, còn ở đây là phòng ngủ của kẻ giết tôi.

Đó là căn phòng ít trống trải nhất trong ngôi nhà và em cố không xê dịch gì hết. Thò tay vào giữa chồng áo len xếp trên kệ, em trù tính rằng em sẽ tìm thấy gì đấy trong lớp len ấm áp – một con dao, một khẩu súng, một chiếc bút bi hiệu Bic bị con Holiday gặm. Chẳng có gì hết thảy. Nhưng rồi nghe có tiếng gì đấy mà em không xác định được, em quay về phía chiếc giường, thấy chiếc bàn ngủ và trong cái quầng sáng của ngọn đèn chưa tắt là quyển sổ hẳn dùng phác sơ đồ. Em đi tới đó, lại nghe tiếng động, lại một tiếng động nữa mà không giải thích được đó là những tiếng gì. Một chiếc xe hơi phóng đi. Tiếng xe phanh rít. Tiếng sập cửa xe.

Em lật từng trang trong sổ tập vẽ, nhìn những hình phác bằng mực những

xà ngang, thanh giăng hay những tháp con, cột chống, nhìn những kích thước và chú thích chẳng gọi được cho em điều gì. Rồi, khi lật tới trang cuối, em mới nghe ra có tiếng bước chân bên ngoài, rất gần.

Đúng lúc tên Harvey vặn chìa trong ổ khóa cửa trước thì em nhìn thấy bức họa phác sơ sài bằng bút chì trước mặt. Hình vẽ cây cối bên trên một cái hồ đào, cạnh đó là chi tiết về giá đỡ và ống dẫn khói thoát ra, và điều xoáy sâu vào đầu óc em là: bằng nét chữ mỏng như tơ nhện hẩn ghi thêm mấy chữ “Cánh đồng ngô Stolfuz.” Nếu không có những bài báo sau khi phát hiện mẫu xương khuỷu tay của tôi hẩn em không thể biết người chủ cánh đồng ngô mang tên Stolfuz. Giờ đây em nhìn thấy điều tôi muốn em biết. Tôi đã lìa trần trong cái hồ ấy; tôi đã gào thét, chống trả cật lực và rồi thua cuộc.

Em xé lấy trang giấy đó. Tên Harvey đang ở trong bếp chuẩn bị bữa ăn – món pa-tê gan hẩn khoái, một đĩa nho xanh ngọt. Hẩn nghe tiếng gỗ sàn cọt két. Người hẩn đờ cứng. Hẩn lại nghe lần nữa, lưng hẩn rướn lên, hẩn hiểu ngay cơ sự.

Nho rơi lăn lóc xuống sàn, bị chân trái của hẩn giẫm nát, trong khi đó em gái tôi ở phòng trên lao ra chỗ tắm mảnh mảnh nhôm, kéo chốt cái cửa sổ không chịu bật ra. Tên Harvey nhảy từng hai bậc thang một, còn em gái tôi lấy tay dấm bật tung lưới muỗi, leo ra mái hiên, lăn người xuống, đúng lúc hẩn lên tới hành lang trên lầu, lao về phía em. Ống máng vỡ toang khi em tôi lăn qua. Lúc hẩn bổ nhào vào phòng ngủ thì em tôi đã nhảy xuống trúng bụi gai hàng rào, lạng tiếp sang bụi cây mâm xôi và cuối cùng rơi giữa đồng rác.

Nhưng em không bị thương. Như có phép lạ em không hề hẩn gì. Tuyệt vời thay tuổi trẻ. Em đứng dậy khi hẩn chạy trở đến bên cửa sổ định leo ra. Nhưng hẩn lại thôi. Hẩn thấy em chạy về phía cây hương mộc. Con số in lụa trên lưng áo em quất trả vào mặt hẩn. 5! 5! 5!

Lindsey Salmon với chiếc áo cầu thủ bóng đá của mình.

-----

(1): Dịp lễ phục sinh có tục lệ bày trứng luộc nhuộm đủ màu, hoặc thả bằng sôcôla trên rổ lót cỏ xanh (giả).

Khi Lindsey chạy về đến nhà thì Samuel đang ngồi với bố mẹ tôi và bà ngoại Lynn.

“Chúa ơi!”, mẹ tôi kêu lên, bà là người đầu tiên thấy em khi nhìn qua mấy khung cửa sổ nhỏ vuông vức hai bên cửa chính vào nhà.

Lúc mẹ tôi vừa mở cửa thì Samuel chạy ào ra, lấp đầy không gian, và thế là em, không nhìn mẹ tôi, cả bố tôi đang khập khiễng bước ra, ngã ngay vào vòng tay Samuel.

“Lạy chúa, lạy chúa, lạy chúa,” mẹ tôi kêu lên khi nhận ra vết bẩn và những vết trầy xước.

Bà ngoại tôi tới đứng bên cạnh mẹ.

Samuel đặt tay lên đầu em gái tôi, vuốt tóc em ra sau.

“Nãy giờ em ở đâu vậy?”

Nhưng Lindsey quay sang bố chúng tôi, giờ đây trông người ông bé hăn – nhỏ hơn, yếu ớt hơn đứa con gái đang lên cơn giận này. Sao mà em sinh động thế! Câu hỏi này làm bận trí tôi suốt ngày hôm ấy.

“Bố đấy hả!”



“Bố đây, sao con?”

“Con làm rồi. Con lên được vào nhà hăn.” Người em còn run, nhưng em cố nén không bật khóc.

Mẹ tôi thắng thốt: “con làm gì?”

Nhưng em gái tôi không nhìn bà, dù chỉ một lần.

“Con mang về cho bố cái này. Con đoán chắc là quan trọng đấy.”

Em nắm trong tay bức vẽ đã vo tròn. Bức vẽ làm cho việc nhảy xuống đất gian truân hơn, nhưng cuối cùng em đã thoát nạn.

Câu nói bố tôi đọc ngày hôm ấy giờ đây bỗng trở lại trong trí ông. Lúc cao giọng lặp lại câu nói ấy, ông nhìn vào mắt Lyndsey.

“Không có hoàn cảnh nào khiến con người phải thích nghi nhanh chóng cho bằng thời chiến.”

Lindsey đưa cho bố bức vẽ.

“Tôi phải đi đón Buckley đây,” mẹ tôi nói.

“Mẹ không muốn nhìn xem đấy là gì hay sao, hờ mẹ?”

“Mẹ biết nói sao đây, bà ngoại con đến chơi. Mẹ phải đi chợ, làm món gà. Xem ra chẳng ai nhớ là cả gia đình tụ họp ở đây. Cả một gia đình, một gia đình và một đứa con trai, tôi phải đi đây.”

Bà ngoại Lynn đi theo mẹ tôi ra cửa sau, nhưng không tìm cách ngăn bà lại. Mẹ tôi đi khỏi rồi em gái tôi mới đưa tay cho Samuel. Bố tôi thấy điều mà

Lindsey đã nhìn ra qua nét chữ mạng nhện của tên Harvey: rất có thể đó là sơ đồ cái hố chôn tôi. Ông ngẩng lên.

“Giờ con tin bố rồi chứ?”, bố hỏi Lyndsey.

“Vâng, thưa bố.”

Bố tôi – giờ đây nhẹ lòng – thấy phải gọi điện thoại ngay.

“Bố!” em gọi.

“Sao con?”

“Con nghĩ hẳn nhìn ra con rồi.”

Tôi không thể tưởng tượng còn có vận may nào lớn hơn việc em gái tôi thoát thân an toàn ngày hôm ấy. Khi rời khỏi vọng lâu, tôi rùng mình vì nỗi lo sợ còn choáng ngợp, không chỉ lo cho bố tôi, mẹ tôi, em Buckley và Samuel, nếu như em mất đi trên cõi dương thế, mà lo – quả là ích kỷ - cho cả chính tôi nữa.

Franny từ quán cà phê bước lại gần tôi. Tôi chẳng buồn ngẩng đầu.

“Susie ơi”, bà nói, “cô có chuyện này cần nói với cháu”

Bà dẫn tôi đến dưới một cây cột đèn kiểu cổ rồi kéo tôi ra khỏi vầng ánh sáng. Bà đưa tôi một mảnh giấy gấp làm bốn.

“Khi nào thấy người khỏe lại, cháu mở ra xem rồi cứ thế tìm đường đến đó.”

Hai ngày sau, tấm bản đồ của Franny đưa tôi đến một cánh đồng tôi vẫn thường đi ngang qua, nhưng chưa từng rẽ vào xem thử, dù thấy tuyệt đẹp. Hình vẽ có một đường chấm chấm, dấu hiệu chỉ một lộ trình. Tôi sốt ruột lùng sục, tìm một con đường ngoằn ngoèo giữa vô vàn luống lúa mì. Thế rồi tôi thấy nó ngay trước mặt, khi tôi vừa đặt chân giữa những luống ấy thì mảnh giấy tan vụn trong tay.

Tôi nhìn thấy một cây ô-liu cổ thụ tuyệt đẹp ngay trước mặt.

Mặt trời đã lên cao, phía trước cây ô-liu là một trảng đất. Tôi chờ một lúc cho đến khi thấy vạt lúa mì phía bên kia lay động, tức có ai đó – không cao hơn ngọn lúa – đang đi đến.

Cô bé trông nhỏ hơn tuổi của mình trên cội trần, mặc chiếc áo vải bông dày in hoa, chỗ gấu và cổ tay đã bị sờn.

Cô bé dừng bước và chúng tôi chăm chú nhìn nhau.

“Hầu như ngày nào em cũng tới đây,” cô bé nói. “Em thích nghe những âm thanh này.”

Bây giờ tôi mới nhận thấy cảnh lúa mì xào xạc khi chúng cọ vào nhau trong gió.

“Em có biết cô Franny không?”, tôi hỏi.

Cô bé gật đầu, thái độ long trọng.

“Cô ấy đã đưa chị bản đồ để tìm đến nơi này.”

“Vậy hẳn chị đã sẵn sàng rồi,” cô bé nói, nhưng cô đang ở trong thiên

đường của mình, và điều đó đòi hỏi cô phải xoay người cho chiếc váy xòe tròn. Tôi ngồi luôn xuống đất dưới gốc cây, quan sát cô.

Múa xong, cô bé lại ngồi bên tôi, còn hụt hơi chưa kịp lấy lại nhịp thở. “Em tên là Flora Hernandez,” cô bé nói. “Dưới trần tên chị là gì?”

Tôi trả lời em rồi bật khóc, thấy được an ủi khi quen biết một cô gái khác cũng đã bị hãm giết.

“Những người kia sẽ tới ngay thôi,” cô bé nói.

Rồi trong lúc Flora quay tròn, những cô gái và phụ nữ khác, từ mọi hướng, băng qua cánh đồng tề tựu lại đây. Nỗi đau trong tim chúng tôi đổ vào nhau như nước san từ ly này qua ly khác. Mỗi lần kể chuyện mình, tôi lại bớt được một giọt nhỏ đau thương. Ngày hôm ấy tôi biết tôi muốn kể lại câu chuyện của gia đình mình. Bởi vì những chuyện kinh hoàng ở trần thế là điều có thật và diễn ra từng ngày. Nó như bông hoa hay mặt trời kia, không ai và không có cách nào ngăn ngừa hay trấn áp được.

## CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Thời gian đầu không có ai gây trở ngại cho hai mẹ con hăn, điều đó khiến mẹ hăn lấy làm thú vị vô cùng. Tiếng cười lạnh lạnh của bà khi hai mẹ con rẽ vào đường ngang ở góc phố để nấp sau khi chuồn khỏi một cửa hàng nào đó, rồi bà lôi ra khoe với hăn những món vừa thưởng được, làm George Harvey cũng bật cười theo, chờ dịp thuận tiện, như lúc bà mãi mê với chiến lợi phẩm mới thu được, để ôm lấy mẹ.

Cả hai mẹ con đều thấy nhẹ nhõm khi tránh mặt được ông bố suốt buổi trưa, được lái xe đến thành phố lân cận mua thức ăn và các thứ cần dùng khác. Buôn hàng đồng nát thì họ thạo nhất, và kiếm tiền bằng cách nhặt nhạnh sắt vụn, vỏ chai chất lên thùng chiếc xe hàng cũ mềm của lão Harvey chở vào phố giao hàng.

Lần đầu hăn và mẹ bị bắt quả tang, cô giữ kết đối xử với hai mẹ con rất khoan dung. " Nếu bà có tiền để trả thì yên chuyện. Còn không thì bỏ hàng ra đây, cứ để nguyên cả bao bì thế lên quầy," cô tươi tắn vừa nói vừa nháy mắt với thằng bé George Harvey tám tuổi. Mẹ hăn móc trong túi ra một lọ thuốc viên Aspirin nhỏ, rứt rứt đặt lên quầy. Bà cúi mặt sượng sùng. " Chẳng giỏi giang gì hơn thằng nhóc," bố hăn hay mắng bà thế.

Tình thế bị bắt quả tang là một kinh nghiệm nhớ đời cho hăn vì luôn đi kèm với nỗi hoảng sợ - cảm giác buồn nôn trợn trạo trọng dạ dày hăn, như trứng bị đánh trong tô - hăn đọc được từ sắc mặt lầm lì và ánh mắt nghiệt ngã của những người đứng quanh, rằng kẻ đang xăm xăm tiến lại phía mẹ con hăn chính là một nhân viên cửa tiệm vừa phát hiện ra mụ đàn bà mới lấy cắp hàng.

Từ đó bà tìm cách tuồn ngay đồ ăn cắp cho hăn lặn trong người, còn hăn làm thế là vì bà bắt hăn tuân theo. Nếu trót lọt và ra được tới xe, bà hay vỗ

vỗ lên tay lái và gọi hần là tên đồng lõa tí hon của bà. Buồng lái là nơi bà thể hiện thứ tình mẫu tử đột ngột kéo đến như dông bão được một lúc - rồi lắng dần xuống, đến khi hai mẹ con nhìn ra trên vệ đường có thứ gì lóng lánh làm họ lo căng óc đánh giá xem " khả năng tiêu thụ" có cao lắm không, như mẹ hần nói - lúc ấy hần cảm thấy tự do. Tự do và ấm áp trong lòng.

Hần nhớ lại lời mẹ hần khuyên lúc trông thấy bên vệ đường một cây thập tự gỗ sơn trắng, lần đầu tiên cả hai lái xe trên một con đường ở bang Texas. Quanh đó là những bó hoa cả tươi lẫn héo úa. Đôi mắt kẻ sành tìm đồ phế thải của hần lập tức nhận ra ngay màu sắc các bông hoa còn tươi.

" Con phải tập được cách nhìn, dù đó là người chết cũng đừng lấy làm e ngại," mẹ hần nói. " Thịnh thoảng có mấy thứ đá hay ngọc cũng đáng công thu nhặt lắm".

Ngay hồi ấy hần đã cảm thấy họ đang làm điều gì đó sai trái. Hai mẹ con xuống xe, đi tới chỗ cây thập tự. Đôi mắt mẹ hần thành hai chấm đen sì hần quen thấy ở bà mỗi khi hai mẹ con bới móc lục lọi. Bà tìm thấy một viên đá hộ mệnh có hình con người và một viên khác hình trái tim, chìa cho hần xem.

“ Chẳng biết bố sẽ làm gì với ba thứ này, nhưng ta cứ giữ lấy, chỉ mẹ con biết với nhau thôi.”

Bà có một chỗ cất giấu bí mật, không bao giờ tiết lộ với bố hần.

“ Con muốn cái hình con người hay hình trái tim?”

“ Hình con người”, hần đáp.

“ Mẹ thấy mấy bông hồng này còn tươi chán, treo trong xe được lắm”.

Đêm ấy hai mẹ con ngủ trong xe, không về kịp chỗ bố hấn đang làm qua ngày cái việc cửa xẻ ván bằng tay.

Hai mẹ con nằm co quắp vào nhau mà ngủ, như thỉnh thoảng vẫn phải làm thế, biến buồng lái thành một cái ổ không mấy thoải mái. Mẹ hấn lăn qua trở lại trên ghế, cứ như con chó nhay kéo tấm chăn. Sau những lần co kéo trước đây, George Harvey nghiệm ra rằng tốt nhất là cứ nằm trơ ra đấy, bà có ấy hấn sang phía nào cũng mặc. Bà chưa tìm được thế nằm thoải mái thì chẳng ai nhắm mắt được.

Nửa đêm, hấn đang mơ tới những căn phòng ấm cúng của các cung điện như trong loại sách có tranh ảnh minh họa hấn xem ở thư viện công cộng thì có ai đó đập rầm rầm vào mũi xe. George Harvey và mẹ ngồi bật ngay dậy. Đó là ba tay đàn ông đang nhòm qua kính xe với tia nhìn mà George Harvey nhận ra liền. Đó là cách bố hấn nhìn thỉnh thoảng khi ông uống rượu say. Tia nhìn này có hai hiệu ứng: tập trung cả vào mẹ hấn, đồng thời hư vô hóa thằng con, như thế hấn không hề có mặt ở đó.

Hấn hiểu rằng không được la hoảng.

“ Con ngồi yên. Bọn chúng mò đến không phải vì con đâu”, mẹ hấn thì thào. Người hấn bắt đầu run bần bật dưới tấm chăn nhà binh cũ hai mẹ con đang đắp chung.

Một trong ba gã đứng chặn trước mũi xe. Hai gã kia đập vào hai bên mũi xe, vừa cười hô hố vừa thè lưỡi.

Mẹ hấn lắc đầu quây quây, song chỉ làm chúng điên tiết thêm. Gã đứng chặn trước xe lấy móng huých vào càng xe làm đầu xe rung rinh khiến hai

gã kia càng ôm bụng cười ngặt nghèo.

“ Mẹ sẽ từ từ dịch người ra”, mẹ hần thì thoà, “ làm như sắp rời khỏi buồng lái. Khi nào mẹ bảo thì con nhồm tới chìa mở máy nhé”.

Hần hiểu mẹ vừa giao hần một việc rất quan trọng. biết mẹ cần hần hỗ trợ. Dù mẹ hần bình thản như vẫn quen tỏ ra ngoài mặt, hần vẫn nghe ra cái âm thanh kim loại trong giọng bà, mũi cọc sắt chuyên chọc xuyên nỗi sợ hãi nhô lên.

Bà cười duyên với lũ đàn ông, rồi trong khi chúng reo hò và toàn cơ thể thư giãn thoải mái trở lại thì bà dùng khuỷu tay gạt cần số vào đúng vị trí. “ Nào!” bà nói bằng giọng đều đều, George Harvey chồm tới trước, vặn chìa khóa. Động cơ già nua của chiếc xe tải sống dậy nổ ầm ầm.

Sắc mặt bọn đàn ông thay đổi hần, nổi khoái trá vì sắp được mỗi biến đầu mất, rồi trong lúc bà lùi xe được một đoạn khá dài thì chúng sững sờ nhìn theo, hoang mang do dự. Bà cài sang số chạy rồi hét con trai: “ Lăn xuống sàn!” hần cảm thấy cơ thể của một tay đàn ông tông mạnh vào xe, cách chỗ hần đang nằm cuộn người chỉ vài tấc. Rồi cơ thể đó bị hất tung lên mui xe, nằm ở đó chỉ một giây, thời gian đủ để mẹ hần sang số lùi lần nữa. trong trí hần chớp nhoáng lóe lên nhận thức về phương cách làm sao để tồn tại được ở cuộc đời này: đừng mang thân phận một đứa trẻ hay một người đàn bà. Đó là hai số phận phải chịu nhiều khốn đốn nhất.

Tim hần đập loạn lên khi thấy Lindsey chạy vội đến bụi cây hương mộc, nhưng rồi ngay lập tức hần trấn tĩnh lại. Đây là một kỹ năng mà mẹ, chứ không phải bố, đã truyền dạy cho hần – chỉ ra tay hành động sau khi cân nhắc hậu quả xấu nhất có thể xảy ra cho từng phương án hần còn có thể chọn lựa. Hần thấy ngay là quyển sổ ghi chép của hần bị xe dịch và nhận ra trang giấy vừa bị xé mất của tập phác họa. Hần kiểm tra cái túi đựng con



dao. Hắn mang dao xuống hầm, quăng xuống cái hố vuông vức khoan xuyên qua móng nền nhà. Hắn gom từ tấm kệ sắt lô đá hộ mệnh của mấy người đàn bà mà hắn còn cất giữ. Hắn nhặt viên đá hộ mệnh hình bang Pennsylvania từ chuếc vòng cổ của tôi, nắm chặt trong tay. Viên đá mang may mắn. Còn những viên đá kia hắn trải lên một chiếc khăn tay trắng, rồi buộc túm bốn góc cột thành một túi nhỏ. Hắn thò tay xuống cái hố dưới móng nhà, nằm xoải người để thọc sâu tới tận vai. Những ngón tay của hắn mò mẫm, trong khi tay kia giữ túi vải, cho đến lúc thấy đầu thanh cốt thép hoen gỉ còn nhô ra khi thợ nề đổ xi măng lên làm móng. Hắn treo túi chiến lợi phẩm vào đấy rồi rút tay ra, đứng dậy. Tập thơ xon-nê hắn đã chôn ngay đầu mùa hè trong rừng ở gần Công viên Valley Forge, nhấn nha thủ tiêu dần dần tang vật là cách hắn vẫn làm từ trước đến nay, nhưng giờ đây hắn chỉ dám mong là còn kịp thì giờ.

Nhiều lần cũng chỉ mất độ năm phút. Có thể do hắn bị sốc và tức giận. Hắn kiểm tra lại những thứ mà người khác xem là có giá trị: khuy măng-sét, tiền mặt, đồ nghề. Song hắn không có nhiều thì giờ để xem kỹ, hắn biết. Hắn phải gọi cho cảnh sát.

Hắn hồi hộp. Hắn đi đi lại lại, bước ngắn và nhanh, hơi thở dồn dập, rồi khi người trực máy ở tổng đài lên tiếng thì hắn cao giọng ra vẻ cáu gắt.

“Nhà tôi bị phá cửa đột nhập. Yêu cầu cảnh sát đến ngay”, hắn vừa nói vừa chuẩn bị sẵn phần mào đầu tường thuật sự vụ theo ý hắn, nhằm tính cách làm sao chuồn khỏi đây cho nhanh và những gì cần mang theo.

Bố tôi gọi điện tới đồn cảnh sát, yêu cầu gặp Len Fenerman. Nhưng không ai biết ông Fenerman đang ở đâu. Họ cho bố tôi biết hai cảnh sát mặc sắc phục đã được phái đi điều tra. Khi Harvey mở cửa, hai cảnh sát viên này thấy một người đàn ông mắt còn ứa lệ, hoang mang lo lắng, song nếu xét về

mọi phương diện khác, trừ ác cảm gây ra cho các viên chức khi thấy một anh đàn ông không tự kiềm chế xúc động, thì hẳn ta phản ứng rất bình thường, không rối trí khi bị cật vấn về diễn biến sự việc.

Mặc dù đã được thông báo qua điện đàm về bức phác họa Lindsey đã lấy được, việc Harvey sẵn sàng để họ khám nhà gây cho hai viên cảnh sát ấn tượng tốt về hắn. Họ thấy hắn có vẻ chân thành khi bày tỏ mối đồng cảm của hắn về gia đình Salmon.

Hai viên cảnh sát càng lúc càng thấy ngại ngùng. Họ chỉ khám chiếu lệ nên chẳng tìm ra gì khác ngoài việc thấy hiển hiện trước mắt gia cảnh một kẻ sống cô đơn cùng cực, trên tầng hai còn có một căn phòng đầy những ngôi nhà xinh xắn lắp cho búp bê, lên đến đó họ chuyển đề tài, hỏi hắn làm nghề lắp ráp này đã bao lâu rồi.

Sau này họ báo cáo nhận thấy thái độ của hắn đột nhiên thân thiện hẳn. Hắn vào phòng ngủ đem ra tập giấy có các sơ đồ, nhưng không đủ động đến bức vẽ bị lấy mất. Hai cảnh sát viên nhận thấy càng lúc hắn càng xởi lởi khi đưa họ xem bản phác họa nhà cho búp-bê của hắn. Họ khéo léo hỏi tiếp một câu.

“ Thưa ông”, một viên cảnh sát nói, “ chúng tôi có thể đưa ông về đồn để lấy khẩu cung tiếp và dĩ nhiên ông có quyền đòi có mặt luật sư, nhưng...”

Tên Harvey ngắt lời ngay. “ Tôi sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi của các ông ở đây. Tôi là kẻ bị thiệt hại, tuy tôi không có ý định đưa kiện cô bé đáng thương kia”.

“ Cô gái đột nhập vào nhà ông”, viên cảnh sát nói tiếp, “ đã lấy đi một thứ. Đó là bản vẽ một kiểu xây ở cánh đồng ngô...”

Sau này hai cảnh sát viên tường trình với thanh tra Fenerman là khi được

hỏi thế Harvey trả lời ngay một cách đầy thuyết phục. Hắn giải thích có đầu có đuôi, ăn khớp hoàn toàn đến nỗi họ không nghĩ hắn sẽ bỏ trốn – nói cho đúng thì vì ngay từ đầu họ không hề nghi hắn là kẻ sát nhân.

“Chà cô bé đáng thương đó”, hắn nói. Hắn đặt những ngón tay trên đôi môi mím lại. Hắn quay sang lật các trang trong tập vẽ, cho tới chỗ có bức họa rất giống bức mà Lindsey đã lấy.

“Đây, có phải vức hình kia giống như bức này không?” Hai cảnh sát viên – giờ trở thành khán giả của hắn – gật đầu. “Tôi từng hình dung thử xem sự vụ xảy ra thế nào”, tên Harvey bộc bạch. “Tôi xin thú nhận là tính kinh dị của vụ đó quả tình đã ám ảnh tôi mãi. Tôi nghĩ rằng cả vùng này ai cũng vắt óc nghĩ cách làm sao phòng ngừa những vụ tương tự. Bản khoản tự hỏi vì sao họ không hề nghe, cũng chẳng hề thấy gì hết. Ý tôi muốn nói là cô bé kia chắc chắn phải có gào thét chứ”.

“Thế này nhé”, hắn vừa nói với hai viên cảnh sát vừa chỉ cây bút lên bản vẽ. “Xin lỗi, nhưng tôi có thói quen suy nghĩ bằng sơ đồ xây cất, thế nên sau khi nghe kể ở cánh đồng ngô có dấu máu, rồi đấy ở chỗ đó phải xối tung lên, tôi nghĩ có lẽ...” Hắn nhìn họ, thăm dò ánh mắt. Cả hai viên chức chăm chú lắng nghe. Họ muốn nghe hắn nói tiếp. Đến nay cảnh sát chẳng tìm ra được dấu vết nào, tử thi cũng không, manh mối chẳng có. Biết đâu tay đàn ông kỳ dị này có một giả thiết họ có thể dùng được. “Thế này nhé, kẻ gây ra vụ này hắn đã xây gì đó ngầm dưới đất, một cái hố chẳng hạn, và xin thú thật là từ đó tôi mới nghĩ tới nghĩ lui, thêm chi tiết này nọ, theo cách tôi vẫn phác họa nhà cho búp-bê, thế nên tôi vẽ thêm ống khói và ngăn kệ, nói cho cùng, cũng vì thói quen thôi”. Hắn ngừng nói một lúc. “Tôi có thì giờ vì ở có một thân một mình”.

“VẬY ông có rút được kết luận gì không?” một viên cảnh sát hỏi

“Tôi vẫn tin rằng tôi đoán không sai lắm đâu”.

“Thế sao ông không báo cho chúng tôi?”

“Tôi có báo thì cũng chẳng đem được cô con gái còn sống về trả cho họ. Lần thanh tra Fenerman hỏi cung tôi khai thấy thằng con nhà Ellis khả nghi, nhưng hóa ra sai bét. Từ đó tôi không muốn đưa những suy luận vớ vẩn của mình ra cho ai biết”.

Hai cảnh sát viên cáo từ và báo trước hôm sau thanh tra Fenerman sẽ ghé qua, vì ông ta chắc chắn muốn kiểm tra lại mọi chuyện: xem tập phác họa, nghe những quyết đoán của Harvey về vụ cánh đồng ngô. Harvey đáp hần xem đây thuộc phần nghĩa vụ công dân của mình, tuy đúng ra hần mới chính là nạn nhân. Hai cảnh sát viên lập biên bản vụ em gái tôi đột nhập từ lúc phá cửa sổ hầm cho tới khi nó trèo ra ngoài cửa sổ phòng ngủ. Họ bàn đến những thiệt hại cần đòi bồi thường nhưng Harvey bảo sẽ tự bỏ tiền ra sửa, nhấn mạnh là hần nhìn thấy nỗi đau buồn hần trên khuôn mặt ông Salmon suốt nhiều tháng nay, giờ đến nỗi đau đó có lẽ đã lây lan sang em gái của cô bé tội nghiệp kia.

Càng ngày tôi càng thấy những cơ may cho phép chặn bắt tên Harvey ngày một giảm đi, đồng thời tôi mục kích sự suy sụp dần của gia đình mình mà tôi biết rõ từ tấm bé, giờ đây tôi còn thấy nó bắt lửa cháy phụt lên.

Sau khi đón Buckley từ nhà bà Nate về, mẹ tôi ngừng ở trạm điện thoại công cộng trước một tiệm 7 – Eleven(1) trên đường số 30. Bà bảo ông Len đến gặp, chỗ hẹn là một cửa hàng tạp phẩm giá rẻ trong khu thương xá cạnh siêu thị. Ông ta lên xe đi ngay. Xe ra khỏi cổng thì điện thoại reo trong nhà nên ông ta không nghe thấy. Ông ngồi trong chiếc xe như trong chiếc hộp bọc kín, nghĩ đến mẹ tôi, ý thức rằng những gì đã xảy ra quả là không nên không phải, rồi nghĩ đến chuyện ông không thể dứt khoát đoạn tuyệt với bà vì những lý do mà bản thân ông cũng không rõ, vì chưa hề dành đủ

thì giờ phân tích cận kẽ hay quyết tâm gạt sang một bên.

Mẹ tôi lái đoạn đường ngắn từ siêu thị tới khu thương xá, dắt Buckley đi qua nhiều lượt cửa kính đến một bãi hình tròn ở tầng dưới, nơi các ông bố bà mẹ có thể gửi con chơi ở đây trong khi đi mua sắm

Buckley thích mê. “Sân làm trò xiếc! Con chơi được không?” nó hỏi, khi thấy đám trẻ cùng trang lứa đang từ giàn leo nhảy xuống rồi nhào lộn trên nền nhà có lót lớp đệm cao su.

“Con thích chơi lắm hả, cưng?”, bà hỏi cậu con.

“Thích lắm”, nó đáp.

Bà đóng vai bà mẹ phải nhượng bộ con. “Thôi được”, bà nói. Nó liền chạy ào tới chiếc cầu trượt bằng sắt màu đỏ. “Ngoan nhé!” bà gọi với theo. Trước giờ bà chưa từng cho phép nó chơi khi bà không có mặt tại chỗ để trông chừng.

Bà cho nhân viên trông trẻ ở sân chơi biết tên con mình, bảo là bà đi chợ trong siêu thị cạnh tiệm Wanamaker ở tầng dưới.

Vào thời điểm tên Harvey trình bày với hai viên cảnh sát hắn đã thử tưởng tượng tôi có thể bị giết theo cách nào thì mẹ tôi đang đứng trong tiệm tạp phẩm rẻ tiền của công ty Spencer’s, chợt bà cảm thấy có bàn tay chạm nhẹ vào sau vai. Bà quay lại, thấy nhẹ người sau thời gian đứng đợi, song chỉ nhìn thấy lưng ông Len Fenerman đang tìm lối đi về hướng cửa ra. Mẹ tôi đi theo ông, ngang qua những chiếc mặt nạ sơn dạ quang, những quả bóng màu đen vẽ mặt tròng trợn, những loại móc chìa khóa hình một lũ quỷ tóc xù và một cái đầu lâu to tướng răng nhe nhẵn nhở.

Ông ta không quay lại lần nào. Bà bước theo, mới đầu còn căng thẳng, sau thành ra bực bội. Khoảnh khắc giữa những bước chân đủ dài để nghĩ suy, nhưng bà không muốn nghĩ đến bất cứ điều gì cả.

Cuối cùng bà thấy ông mở khóa một cánh cửa màu trắng ẩn vào tường mà trước nay bà không hề để ý.

Qua tiếng ồn ào trong hành lang tối om trước mặt bà biết Len đưa bà vào khi đặt máy và ống dẫn quanh trục giữa của khu thương xá. Hệ thống lọc không khí hay bơm nước. Bà không lấy làm bận tâm. Trong bóng tối, bà tưởng tượng đang ở trong chính trái tim mình, tấm phim phóng lớn bà đang thấy ở phòng mạch bác sĩ của bà vụt hiện ra trước mắt, cùng lúc đó bà thấy bố tôi, khoác lại áo như bằng giấy của bệnh viện, chân mang tất đen, ngồi ở mép bàn khám nghiệm, nghe bác sĩ giải thích cho cả hai về nguy cơ bị liệt tim do chứng sung huyết. Đúng lúc bà sắp buông mình chìm lìm trong sâu muộn, muốn gào lên, loạng choạng, tâm trí rối loạn thì bà cũng vừa đi đến cuối hành lang, chỗ dẫn vào một không gian mênh mông, chiều cao bằng ba tầng lầu, vang động tiếng ro ro, rì rầm của máy chạy liên tục, đó đây chỗ nào cũng đầy những ngọn đèn tí hon gắn trên các bể chứa kín và trục quay bằng kim loại. Bà đứng lại, lắng nghe xem có một âm thanh nào khác ngoài tiếng rì rầm đình tai của không khí được hút từ cả khu thương xá về tinh lọc ở đây rồi chuyển ngược trở lại. Không có tiếng gì khác.

Tôi nhìn thấy Len trước cả khi bà thấy ông. Đứng một mình ở một góc gần như tối om, ông ta quan sát bà một lúc, thấy mình không nhằm khi đọc được nỗi khát khao trong đôi mắt bà. Ông thấy có lỗi với bố tôi, với gia đình tôi, nhưng ông ta chọn buông thả để mình chìm trong đôi mắt ấy. “Anh chỉ muốn chết đuối trong đôi mắt em thôi, Abigail ạ”, ông ta muốn nói với bà nhưng biết rằng không được phép làm thế.

Lần hồi mẹ tôi nhìn ra hình thù các thứ kết nối chằng chịt hợp thành cái khối sắt thép bóng loáng này, và trong một khoảnh khắc tôi nghĩ hẳn bà

thấy chỉ cần một căn phòng này là đủ, một lãnh thổ xa lạ cách biệt là đã đủ để bà cho tất cả lắng dịu xuống. Đó là cảm giác khi không để cho ai hay bất cứ điều gì làm phiền mình nữa.

Giá không hề xảy ra chuyện có bàn tay ông Len đưa ra, các đầu ngón tay ông chạm nhẹ các ngón tay bà thì có lẽ tôi đã níu giữ được mẹ ở đó, cho riêng một mình tôi. Không gian này sẽ chỉ là nơi tạm nghỉ để hồi sức khá gần gũi trong cuộc đời của người đàn bà tên Salmon.

Nhưng ông ta đã chạm vào tay bà và bà quay người lại. Bà vẫn chưa thể nhìn thẳng vào mặt ông ta. Nhưng ông ta chấp nhận tâm trạng hồn một nơi thân xác một nẻo của bà.

Tôi nhìn mà đầu óc quay cuồng, tay bấu chặt vào chiếc trường kỷ trong vụng lâu, cổ hóp hơi để thở. Tôi thầm nghĩ bà sẽ chẳng bao giờ biết được rằng trong lúc bà luồn tay vào tóc ông Len, còn ông ta vòng tay ra sau lưng ghì sát bà vào người, thì kẻ giết tôi đang tiến chân hai viên cảnh sát ra cửa.

Những nụ hôn tối tấp trên cổ xuống đến ngực mẹ tôi gây cho tôi cảm giác đang có những bàn chân chuột nhắt giẫm nhẹ lên mình, như những cánh hoa đang rơi. Dẫn đến sa đọa nhưng lại tuyệt vời quá đỗi. Chúng là lời thì thào rủ rú bà bỏ đi để thoát khỏi tôi, khỏi gia đình và nỗi sầu muộn của mình. Bà để thân xác mình đi theo tiếng gọi đó.

Vào lúc ông Len nắm tay kéo bà rời chỗ bức tường đi đến một chỗ chẳng chịt đường ống, nơi tiếng động rầm rĩ phía trên cao phụ họa thêm cho cuộc hòa âm thì tên Harvey bắt đầu thu xếp hành trang, ở sân chơi trò xiếc, em Buckley làm quen một cô bé chơi trò quay vòng Hula-Hoop, em gái tôi và Samuel nằm bên nhau trên giường của nó, quần áo vẫn mặc sẵn phòng khi phải đi ngay, tinh thần căng thẳng, bà ngoại tôi một mình ngồi nốc ba ly rượu mạnh trong phòng ăn, còn bố tôi cứ ngồi canh máy điện thoại.

Mẹ tôi giăng lấy áo khoác của ông Len giặt phẳng ra, rồi đến áo sơ-mi, mê man trong cơn thèm khát, ông phụ bà cởi nốt. Ông đứng nhìn bà cuống quýt tự cởi quần áo, kéo chiếc áo len qua đầu, thả rơi chiếc váy, xong đến chiếc áo lót cổ lộ, trên người giờ chỉ còn quần áo lót. Ông ngậy người nhìn bà.

Samuel hôn lên gáy em gái tôi, ngửi thấy mùi xà bông và thuốc sát trùng Bactine, chợt biết ngay từ giây phút đó, rằng cậu không bao giờ muốn rời xa em nữa.

Ông Len định thốt lên điều gì, tôi cũng thấy mẹ tôi đã đoán biết ngay khi ông vừa hé môi. Bà nhắm nghiền mắt, ra lệnh cho toàn thể giới phải im tiếng – lời gào thét inh vang trong óc. Bà lại mở mắt ra nhìn ông ta. Ông lặng thinh, miệng khép lại. Bà kéo tấm áo lót bằng vải bông qua đầu và tuột nốt chiếc quần lót. Mẹ tôi có dáng dấp của tôi, nhưng tôi thì sẽ chẳng bao giờ trưởng thành để có thân hình như bà được. Nhưng bà đặc biệt có nước da trắng ngà, có đôi mắt xanh thẫm màu đại dương. Bà ruồng nát, chìm đắm, buông thả.

Lúc tên Harvey bước ra khỏi ngôi nhà của hăn lần cuối cùng thì mẹ tôi cũng thỏa được ước vọng lúc đó vô cùng khẩn thiết đối với bà, đó là tìm lối thoát ra khỏi trái tim đã kiệt quệ, tìm đường tự cứu lấy mình bằng một cuộc phiêu lưu tình ái.

-----\*\*\*\*\*-----

(1): 7 – Eleven: siêu thị cỡ nhỏ mở cửa thông tầm từ 7h sáng đến 11h đêm



## CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Đúng hôm tròn một năm kể từ ngày tôi qua đời, tiến sĩ Singh gọi điện thoại về nhà báo rằng sẽ không về kịp vào giờ ăn tối. Được tin, bà Ruana vợ ông vẫn tiếp tục luyện tập như thường lệ. Nếu trong khi tập kéo giãn cơ bắp trong người, trên tấm thảm ở cái góc vào mùa đông là chỗ ấm áp nhất trong nhà, mà không sao gạt khỏi tâm trí những thắc mắc về việc ông chồng hay cáo việc vắng nhà, thì bà đành chịu để chúng gặm nhấm làm bà mòn mỏi, cho đến khi cơ thể nài nỉ bà cứ để ông đi đường nín giữ, nên tập trung đầu óc – như lúc này đây, bà khom người tới trước, hai cánh tay vươn ra cố chạm đầu ngón chân – lo vận động toàn thân, cho não bộ ngừng làm việc, quên đi mọi chuyện trừ cảm giác thanh thoát dễ chịu khi kéo giãn tối đa mọi cơ bắp và uốn cong được toàn thân.

Bệ dưới của khung cửa sổ phòng ăn thấp gần sát nền nhà, giữa bệ cửa và sàn là ống nẹp sắt chạy dọc chân tường của hệ thống lò sưởi mà bà Ruana thường vặn tắt, vì tiếng ồn làm rộn bà. Nhìn ra ngoài bà thấy cây anh đào, hoa lá đã rụng cả. Lồng chim trống hoác treo lủng lẳng ở một nhánh cây đang đung đưa.

Bà kéo cho giãn mọi cơ bắp, cứ thế đến lúc thấy ấm người và không còn nhớ mình là ai, ngôi nhà nơi bà đang ở cũng trôi vào quên lãng. Không nhớ mình bao nhiêu tuổi hay có một cậu con trai nữa. Thế nhưng bóng dáng ông chồng vẫn lén vào được vào, lảng vảng đâu đây. Bà linh cảm một điều. Bà không tin có người đàn bà hay thậm chí một cô sinh viên nào đó mẫn mọ đến độ nín kéo được ông, khiến ông sau này thường về nhà rất muộn. Bà biết nguyên do đó là gì, bởi bà từng trải nghiệm, ngày đó cách đây đã lâu, và đã phải đấu tranh gay gắt với chính mình mới thoát ra được, sau một thời gian dài mang nhiều thương tích. Đó là lòng hiếu thắng.

Bỗng bà nghe có tiếng ồn.. Tiếng con Holiday sửa cách hai đường phố

vọng đến đây, thế là con chó nhà Gilbert sủa lại, thêm vào đó tiếng Ray đang lục đục trên gác. May thay, một lúc sau ùng ùng trỗi lên nhạc của Jethro Tull(1), át hết mọi âm thanh nào khác.

Trừ vài điều thuốc lá thỉnh thoảng bà hút, kín đáo không để Ray thấy mà nài cố bắt chước, còn thì bà rất chăm lo giữ gìn sức khỏe. Nhiều bà hàng xóm kháo nhau không hiểu bà làm thế nào mà trông trẻ hoài, có người còn hỏi xin bà bí quyết, bà thì cho rằng những lời yêu cầu đó chỉ là cái cớ để chuyện vãn với bà, người láng giềng sống biệt lập, sinh quán ở mãi đâu xa xôi. Tuy vậy, khi tĩnh tọa theo thể *Sukhasana* (2), làn hơi chậm dần theo nhịp thở sâu, bà vẫn không thể giải thoát tâm trí, rũ bỏ được mọi ý nghĩ. Nỗi băn khoăn còn luẩn quẩn trong trí – rằng bà sẽ phải tính sao đây khi Ray đến tuổi trưởng thành, còn ông chồng ngày càng bù đầu làm việc nhiều hơn – mới đầu chui vào gan bàn chân, chạy dọc bắp chân đến đầu gối, rồi lần lên phía bụng.

Tiếng chuông gọi cửa vang lên.

Được thoát nạn khỏi phải nghĩ ngợi tiếp, bà Ruana thấy nhẹ người, nên tuy vốn cho rằng việc tuân thủ các bước tuần tự là một phần của việc tập thiền, bà vẫn bật ngay dậy, vớ chiếc khăn choàng vắt ở thành ghế quần quanh thắt lưng, đi ra mở cửa trong khi tiếng nhạc của Ray từ trên lầu dội xuống đình tai. Bà thoáng nghĩ chắc có ai bên hàng xóm sang than phiền tiếng nhạc ồn, rồi họ sẽ thấy bà xuất hiện trong độc bộ áo nịt bó sát người màu đỏ, thêm cái khăn choàng quần quanh lưng.

Ruth đứng ở ngưỡng cửa, tay ôm túi đựng hàng siêu thị.

“Cháu đấy à,” bà Ruana nói. “Có chuyện gì đấy?”

“Cháu muốn gặp Ray.”

“Cháu vào đây.”

Hai người phải nói to mới át được tiếng ồn từ trên lầu vọng xuống. Ruth bước vào nhà.

“Cháu cứ lên thẳng trên ấy,” bà Ruana gào, tay chỉ lên cầu thang.

Tôi quan sát bà Ruana chăm chú nhìn bộ đồ bảo hộ lưng thùng, chiếc áo lót cổ lọ và chiếc áo pác-ca của Ruth. *Cô bé này mình sẽ nói chuyện hợp đấy*, bà nghĩ thầm.

Lúc đang đứng với mẹ trong siêu thị, Ruth chợt nhìn thấy lô nển sắp xếp cạnh chồng đĩa giấy và dao nĩa bằng nhựa. Sáng nay vào lớp, cô nàng đã nhớ ra hôm nay là ngày gì đó rồi nhưng khi thấy những việc mình làm từ sáng đến giờ - nằm trên giường đọc quyển *Chuông thủy tinh* (3), phụ mẹ dọn dẹp cái góc mà ông bố nhất định gọi là nhà kho chứa dụng cụ của ông, còn cô nàng gọi là kho trữ thơ văn, rồi tháp tùng mẹ đi chợ - chẳng có gì để đánh dấu rằng đó là ngày giỗ của tôi, nên cô nàng nghĩ phải làm một điều gì đấy mới được.

Khi chợt nhìn thấy nển cô nàng biết ngay việc mình cần làm là đến tìm Ray, rủ cậu cùng đi. Vì hai đứa hay gặp nhau ở khu ném tạ nên dù cách đối xử chẳng giống các đôi lứa cùng tuổi, bọn trẻ trong trường vẫn trêu chọc gán ghép hai cô cậu với nhau. Dù Ruth có vẽ đến bao nhiêu tranh phụ nữ khỏa thân hay quần đủ kiểu khăn trùm đầu, viết luận văn về nữ danh ca Janis Joplin hoặc phản đối quyết liệt chuyện đàn bà cứ phải cạo sạch lông chân lông nách, dưới mắt lũ bạn cùng trường ở Fairfax cô nàng vẫn là một thiếu nữ hơi kỳ quặc, có lần bị chúng bắt gặp đang làm màn H-Ô-N-M-Ô-

T-C-Á-I-Đ-I với một cậu trai cũng lập dị không kém.

Điều không ai hiểu được – và dĩ nhiên hai đứa đâu thể tiết lộ với ai – là hai đứa muốn làm thử xem sao. Ray mới chỉ hôn một mình tôi, còn Ruth chưa hề hôn ai, nên hai đứa mới hội ý thử hôn nhau xem sẽ cảm thấy thế nào.

“Tớ chẳng cảm thấy gì hết,” ngay sau đó Ruth nói, khi cả hai còn nằm trên lớp lá rụng dưới gốc cây đằng sau bãi đậu xe của giáo viên.

“Tớ cũng thế,” Ray thú nhận.

“Thế khi hôn Susie bạn có thấy gì không?”

“Có.”

“Thấy sao?”

“Thấy muốn thêm nữa. Tối hôm ấy tớ nằm mơ, thấy lại hôn cô nàng lần nữa, rồi lại thắc mắc không biết cô nàng có cùng mong muốn như mình không.”

“Thế còn chuyện ăn nằm với nhau?”

“Tớ đâu đã tiến xa đến thế. Bây giờ tớ hôn bạn đã thấy khác, không giống lần đó.”

“Mình thử lại cũng được,” Ruth nói. “Tớ chẳng ngại, với điều kiện bạn đừng tiết lộ cho ai biết.”

“Tớ tưởng bạn chỉ để tâm đến phái nữ thôi,” Ray nói.

“Tớ đề nghị thế này nhé,” Ruth nói, “bạn coi như tớ là Susie, tớ cũng thế.”

“Bạn nghĩ chuyện loạn bậy thật đấy,” Ray cười cười trả lời.

“Nghĩa là bạn không muốn chứ gì?” Ruth trêu.

“Cho tớ xem tranh của bạn đi.”

“Có thể óc tớ nghĩ loạn bậy thật,” Ruth vừa đáp vừa lôi trong cặp ra tập vẽ - đầy những hình phụ nữ khỏa thân phác theo ảnh trong tạp chí *Playboy*, nhiều bộ phận cơ thể được phóng lớn hoặc thu nhỏ lại, những sợi lông và chỗ da xếp nếp đã bị tẩy xóa trên tờ báo được vẽ thêm vào hay tô lại – “song ít ra tớ không bắt cây bút chì phải vẽ sai sự vật bao giờ.”

Lúc Ruth lên đến phòng Ray thì cậu đang nhảy theo tiếng nhạc. Cậu đeo mắt kính – lúc đi học thì không, vì kính dày cộp mà ông bố chỉ chịu xuất tiền cho loại gọng rẻ và bền bỉ nhất. Cậu mặc một chiếc quần jeans lưng thụng, bạc màu và chiếc áo thun cụt tay mà Ruth đoán – còn tôi biết rõ – là cậu cứ mặc thế đi ngủ chứ không thay.

Chợt thấy cô bạn ôm túi đồ xuất hiện ở ngưỡng cửa, cậu khựng lại ngừng nhảy, đưa tay lên tháo kính, rồi không biết phải làm gì, cậu huơ kính: “Chào bạn.”

“Bạn vặn nhạc nhỏ lại được không?” Ruth hét.

“Được chứ!”

Hét tiếng ồn mà Ruth vẫn còn bị ù tai mất một giây. Trong khoảnh khắc ấy cô nàng thấy có tia sáng lóa lên trong mắt Ray.

Cậu đứng phía tường bên kia, giữa hai người là chiếc giường ngủ, khăn trải cái thì nhàu cái thì vo cuộn vội, phía trên đầu giường có treo bức tranh Ruth phác họa tôi theo hồi ức.

“Tranh này bạn đem treo thật à?” Ruth nói.

“Tớ thấy tranh rất đẹp.”

“Ngoài bạn với tớ ra có thấy ai thế đâu.”

“Có, mẹ tớ cũng thấy tranh rất đẹp.”

“Mẹ bạn cảm nhận mọi thứ đều rất sâu sắc,” Ruth vừa nói vừa đặt túi xuống. “Thảo nào bạn cũng có tính dở hơi.”

“Trong túi có gì vậy?”

“Nến đấy,” Ruth đáp. “Tớ mua ở siêu thị. Hôm nay là ngày mùng 6 tháng Chạp.”

“Tớ biết.”

“Tớ nghĩ hay bọn mình đi ra ruộng ngô, thả nến lên. Nói lời vĩnh biệt.”

“Bạn nói vĩnh biệt bao nhiêu lần nữa?”

“Tớ chợt nảy ra ý đó, có thể thôi,” Ruth đáp. “Tớ đi một mình vậy.”

“Không”, Ray nói. “Tớ đi với.”

Ruth để nguyên áo xống ngồi xuống chờ cậu thay áo thun. Cô nàng nhìn cậu đang quay lưng lại, trông người mảnh dẻ, song bắp thịt cánh tay nổi cuồn sẽ còn nảy nở tiếp, còn nước da, giống bà mẹ, trông mờ mịt hơn nước da cô nàng nhiều.

“Mình thử hôn nhau một lúc đi, nếu bạn thích.”

Cậu quay lại, cười hoan hỉ vì bắt đầu thích thử nghiệm kiểu này. Cậu không còn nghĩ đến tới những lúc đó nữa – dù vậy thấy chưa đến lúc thú thật với Ruth.

Cậu thích cách cô nàng rửa xả và tỏ lòng căm ghét nhà trường. Cậu thích cách cô nàng hành xử thông minh khéo léo, cách cô nàng ra vẻ không hề tự ái về chuyện bố cậu là tiến sĩ (tuy không phải bác sĩ y khoa, như có lần cô nàng lưu ý cậu) còn bố cô nàng chỉ là người làm nghề dọn sạch loại nhà sắp phải phá sập, hay ở gia đình Singh sách xếp hàng dãy trong khi cô nàng thiếu thốn, thậm chí có sách biết bao.

Cậu ngồi xuống giường cạnh bên cô nàng.

“Cởi áo khoác ra nhé?”

Cô nàng làm theo.

Thế là vào ngày giỗ của tôi Ray ôm ghì lấy Ruth, hai người mê mải hôn nhau cho đến lúc cô nàng nhìn cậu kêu lên: “Bố khi!”, cô nàng nói. “Hình

như tớ có cảm thấy gì đấy thật.”

Khi Ray và Ruth ra đến cánh đồng ngô, cả hai cùng lặng thinh, cậu cầm lấy tay Ruth. Cô nàng không rõ cậu nắm tay cô nàng vì cả hai bắt đầu buổi lễ tưởng niệm tôi hay vì cậu mến cô nàng. Đầu óc cô nàng đang rối rắm, không còn sáng suốt như thường lệ.

Thế rồi cô nàng nhận thấy mình không phải là người duy nhất tưởng nhớ đến tôi. Hal và Samuel Heckler đứng kia rồi, lưng quay về phía cô nàng, tay đút túi quần. Ruth thấy mấy cành hoa thủy tiên màu vàng trên mặt đất.

“Bạn mang hoa này tới à?” Ruth hỏi Samuel.

“Không”, Hal đáp thay em. “Khi bọn này tới thì đã thấy có rồi.”

Bà Sead đứng ở phòng con trai bà trên lầu nhìn ra. Bà quyết định khoác áo măng-tô đi ra cánh đồng ngô. Bà thấy không cần băn khoăn là có nên ra đó góp mặt hay chẳng.

Bà Grace Tarking đang đi dạo quanh khu nhà thì gặp bà Stead cầm hoa trạng nguyên từ nhà đi ra. Hai bà trao đổi vài câu ngắn ngủi. Bà Grace bảo bà tạt về nhà rồi sẽ ra ngay.

Bà Grace gọi điện thoại đi hai nơi, một cho ông bạn ở một khu sang hơn gần đây, một cho gia đình Gilbert. Gia đình này vẫn chưa hết bàng hoàng vì ngẫu nhiên đóng vai nhân chứng cho phép xác định rằng tôi chết thật rồi – con chó giống Labrador trung thành của họ phát hiện ra tang vật đầu tiên. Bà Grace đề nghị để bà đi cùng, hai ông bà Gilbert cao tuổi nên việc băng



qua mấy sân cỏ hàng xóm và đường đất mấp mô ngoài đồng sẽ nhọc nhằn đấy, nhưng ông Gilbert bảo được mà, ông muốn đến đó. Họ có nhu cầu làm vậy, nhất là vợ ông – ông bảo bà Grace Tarking như thế, tuy tôi thấy rõ chính ông cũng suy sụp không kém. Ông luôn xoa dịu nỗi đau bằng cách hết lòng chăm sóc bà vợ. Có lúc hai ông bà đã định đem cho con chó rồi ấy chứ, song lại thôi vì nó là niềm an ủi lớn của họ.

Ông Gilbert tự hỏi không biết Ray, thường ngày lãnh việc mua các thứ cần dùng cho ông bà, cậu trai dễ mến, bị ngờ oan kia, có hay biết chuyện này không, nên ông mới gọi điện đến nhà gia đình Singh. Bà Ruana bảo cậu con trai hẳn có mặt ở đó rồi, và chính bà cũng sẽ đến.

Lindsey nhìn ra cửa sổ đúng lúc thấy bà Grace Tarking khoác tay bà Gilbert, còn ông bạn của bà Grace đỡ ông cụ đi qua bãi cỏ nhà O'Dwyer.

“Mẹ ơi, ở ngoài đồng đang có chuyện gì ấy,” cô nàng nói.

Mẹ tôi đang đọc Molière là kịch tác gia bà từng nghiên cứu kỹ hồi ở đại học, song từ đó không hề đọc lại. Trên bàn cạnh chỗ bà là sách của những tác giả ảnh hưởng sâu sắc lên cô nàng sinh viên tư tưởng cấp tiến là bà thời đó: Sartre, Colette, Proust, Flaubert(4). Bà chọn ra, rút chúng khỏi kệ sách trong phòng ngủ và tự hứa sẽ đọc lại toàn bộ trong năm nay.

“Ai muốn làm gì mẹ không để ý tới,” bà nói với Lindsey, “nhưng mẹ tin chắc bố con về biết tin thì sẽ rất quan tâm đấy. Sao con không lên lầu chơi với em?”

Từ mấy tuần nay em gái tôi tự nhận bốn phận sẵn đón mẹ, không thắc mắc về những tin hiệu bà phát ra. Bên dưới bề mặt băng giá kia có ẩn chứa điều gì đấy. Lindsey tin chắc như thế. Em ở bên mẹ, lấy ghế ngồi cạnh bà, ngó

ra cửa sổ dõi theo mấy người hàng xóm.

---

1. Jethro Tull: ban nhạc Rock, lấy tên nhà nông học người Anh Jethro Tull (thế kỷ 17).
2. Kiểu ngồi khoanh chân (kiết già).
3. ‘The Bell Jar’.
4. Những nhà văn và triết gia Pháp nửa cuối thế kỷ 19 cho đến những năm 80 thế kỷ 20.

Khi bóng đêm buông xuống thì nển của những người đến muộn phòng xa mang sẵn thắp lên rọi sáng cánh đồng ngô. Dường như mọi bạn bè tôi quen biết hoặc từng ngồi cạnh nhau từ mẫu giáo tới lớp tám đều có mặt. Sau khi chuẩn bị sẵn cho buổi thí nghiệm hàng năm về quy trình tiêu hóa ở loài vật diễn ra ngày hôm sau, thầy Botte ra về, chợt nhận thấy là đang có chuyện gì đấy. Ông cũng nổi bước đi theo, chừng hiểu chuyện rồi ông quay về trường gọi điện thoại đi mấy nơi. Gọi bà thư ký từng đau buồn thống thiết vì cái chết của tôi. Bà sẽ đến cùng với con trai. Gọi cả vài thầy và cô giáo lần trước không đến được buổi lễ tưởng niệm chính thức ở trường, nay muốn có mặt.

Tin đồn về việc tên Harvey bị tình nghi là thủ phạm bắt đầu loan đi từ tối hôm lễ Tạ Ơn, truyền từ nhà nọ sang nhà kia. Đến trưa hôm sau thì đó là đề tài duy nhất mọi người trong khu bàn tán – sao lại như thế được nhỉ? Có lẽ nào tên đàn ông lập dị sống không điều tiếng hàng ngày họ thấy lại chính là kẻ giết Susie Salmon? Song không ai dám tới nhà tôi để hỏi chi tiết. Người ta chỉ dám hỏi anh em họ hàng của bè bạn, hay ông bố các cậu trai đang xén cỏ xem có biết gì không. Những ai người ta nghĩ là có nguồn tin về việc gì cảnh sát đang tiến hành đều bị chặn hỏi trong tuần lễ vừa qua; thế là lễ tưởng niệm vừa là cách bày tỏ lòng thương tiếc tôi, vừa là dịp láng giềng hỗ trợ tinh thần lẫn nhau. Một tên sát nhân sống ngay giữa chòm xóm, họ

vẫn gặp hân ngoài đường, hân từng mua bánh con gái họ bán gây quỹ cho Hội nữ Hướng đạo, từng đặt mua báo tháng qua con trai họ.

Trên thiên đường của mình, tôi vág vất vì hơi nóng và năng lượng càng lúc càng tăng do số người đổ về cánh đồng ngô cứ đông dần, thấp nển lên và bắt đầu lầm rầm hát bài ca truy điệu, gọi cho ông O'Dwyer hoài niệm về ông nội ông quê quán ở Dublin(1). Mới bắt đầu mấy người hàng xóm của tôi còn ngại ngùng, nhưng khi ông O'Dwyer lĩnh xướng thì bà thư ký nhà trường cũng hát theo dù giọng không du dương bằng. Bà Ruana Singh đứng ở vòng ngoài, xa chỗ con trai bà. Ngay trước khi bà đi, tiến sĩ Singh đã gọi về bảo rằng sẽ ngủ lại tại văn phòng của ông. Nhưng có những ông bố khác đi làm về vừa đậu xe trong sân xong là nhập vào dòng người trong xóm. Làm cách nào để vừa lo sinh kế nuôi gia đình vừa đảm bảo an ninh cho con cái? Giờ đây họ cùng hiểu ra, đó là điều không thể làm nổi, dù có đặt ra bao nhiêu quy định, luật lệ cũng thế thôi. Chuyện từng xảy ra với tôi hoàn toàn có thể xảy ra với bất cứ ai khác.

Không ai gọi điện đến nhà tôi. Gia đình tôi không bị ai làm rộn. Bức tường bất khả xâm phạm vây quanh vách nhà lợp ván, ống thông khói lò sưởi, những chồng củi xếp lớp, lối xe ra vào và hàng rào, tương tự một lớp băng trong suốt bọc cả thân cây khi nước mưa vừa rơi xuống gặp lạnh đông ngay lại. Ngôi nhà của chúng tôi nhìn thì y như mọi căn khác trong khu phố này, nhưng thật sự không giống hân. Do vụ án mạng, cửa nhà tôi mang màu đỏ máu, phía sau cánh cửa đó diễn ra những gì thì khó ai hình dung nổi.

Khi bầu trời đây đó có ánh sáng hồng lên thì Lindsey hiểu chuyện gì đang diễn ra. Còn mẹ tôi suốt từ nãy đến giờ không hề rời mắt khỏi trang sách.

“Họ đang làm lễ cho chị Susie,” Lindsey nói. “Mẹ nghe xem này.” Em hé mở cửa sổ. Khí lạnh tháng Chạp và tiếng hát văng vẳng lùa vào nhà.

Mẹ tôi vận hết sức lực để bật ra: “Nhà mình tổ chức lễ tang rồi. Với mẹ vậy

là xong.”

“Xong gì cơ?”

Hai cánh tay mẹ tôi tựa trên thành chiếc ghế bành màu vàng. Bà hơi cúi người tới trước, hướng khuôn mặt về phía tôi khiến Lindsey khó thấy nét mặt bà ra sao. “Mẹ không tin rằng chị con mong mình có mặt ngoài đó. Mẹ không nghĩ rằng thấp nển và làm mấy chuyện kia mới tỏ lòng tưởng nhớ chị con. Có những cách khác.”

“Cách nào cơ?”, Lindsey hỏi. Cô nàng ngồi khoanh chân trên tấm thảm con trước mặt mẹ tôi, bà ngồi trên ghế, lấy ngón tay di vào hàng chữ chỗ đang đọc dở trong quyển Molière.

“Mẹ muốn mẹ còn là gì khác nữa chứ không chỉ là một bà mẹ.”

Lindsey nghĩ rằng em hiểu được ý bà muốn nói gì. Chính em cũng từng muốn mình là gì khác nữa chứ không chỉ đơn thuần là một đứa con gái.

Mẹ tôi đặt quyển Molière lên bàn ăn sáng, từ trên ghế bà trườn người ngồi luôn xuống thảm. Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Mẹ tôi không ngồi bệt xuống sàn bao giờ, bà toàn ngồi ở bàn dành cho việc thanh toán hóa đơn hay trong chiếc ghế bành cao quá đầu, thỉnh thoảng ngồi ở một góc ghế tràng kỷ với con Holiday nằm cuộn tròn bên cạnh.

Mẹ cầm bàn tay em giá tôi ấp vào tay mình.

“Mẹ sắp bỏ chúng con mà đi hay sao?”, Lindsey hỏi.

Mẹ tôi lao đao cả người. Bà nên nói điều mình biết chắc sẽ xảy ra bằng cách nào đây? Cuối cùng, bà chọn câu nói dối: “Mẹ hứa sẽ không rời bỏ

các con.”

Điều mà bà mong ước nhất là được trở lại làm cô gái không có gì ràng buộc, bận bịu sắp xếp trưng bày đồ sứ ở hiệu Wanemaker, lo giấu viên quản lý cái tách hiệu Wedgwood bà lỡ tay làm gãy quai, mong có ngày sang Paris sống như bà Beauvoir và Sartre(2), rồi hôm ấy trên đường về nhà cứ bật cười một mình khi nghĩ về anh chàng Jack Salmon ngang tính nhưng xét ra cũng đáng yêu, lại không ưa khói thuốc. Cô mới kể cho cậu ta nghe rằng vào quán cà phê ở Paris chỉ thấy toàn dân hút thuốc, làm cậu có vẻ mê cô nàng lắm. Cuối hè năm ấy, cô mời anh về nhà, với cả hai người đó là lần đầu trong đời, cô châm thuốc hút, anh bảo đùa cũng muốn làm một điều. Khi anh đưa cái tách bằng sứ xanh sứ quai để gạt tàn thuốc, cô mới kể thêm thắt cho câu chuyện làm gãy quai cái tách sứ Wedgwood rồi giấu trong áo măng-tô đem về dùng trong nhà.

“Lại đây, bé yêu,” mẹ tôi gọi, Lindsey vâng theo. Em tựa lưng vào ngực mẹ, bà lỏng ngóng ôm cô nàng đung đưa như ru con trên thảm. “Lindsey ơi, con giỏi lắm, bố nhờ có con mới gượng sống tiếp được đây.” Rồi hai mẹ con nghe tiếng xe chạy vào sân.

Lindsey để yên cho mẹ ôm mình vào lòng, trong lúc đó bà miên man nhớ lại cảnh bà Ruana Singh đứng hút thuốc sau nhà. Hương thuốc lá Dunhills dịu tỏa ngát bay theo đường phố, đưa bà đi thật xa. Người bà yêu, trước khi gặp bố tôi, thích hút thuốc Gauloises. Một kẻ tự cao tự đại, bà nghĩ thế, nhưng bộ dạng sao mà nghiêm nghị thế, đến nỗi bà cũng lây phong cách đó.

“Mẹ có thấy họ thấp nển không?”, Lindsey hỏi, mắt nhìn đắm đắm ra cửa sổ.

“Con ra đón bố kìa,” mẹ tôi nói.

Em gái tôi ra đón bố ở phong treo mũ áo, ông vừa mặc chùm chìa khóa và áo choàng. Ủ, mấy bố con đi chứ, ông nói. Dĩ nhiên là bố con mình ra đó.

“Bố ơi!” Em trai tôi từ trên lầu gọi xuống. Bố và em gái tôi lên ngay với nó.

“Tùy con thôi,” bố nói với Lindsey trong khi Buckley ôm xoắn lấy ông.

“Cứ phải che giấu, sợ em biết sẽ có hại cho nó, mãi, con mệt quá,” Lindsey đáp. “Con thấy không nói cho em biết là không thực tế. Chị Susie không về nữa. Em con biết thế mà.”

Em trai tôi ngẩng nhìn chị dò hỏi.

“Người ta tụ tập làm lễ cho chị Susie,” Lindsey nói. “Chị và bố sẽ dắt em theo.”

“Mẹ ồm à?”, Buckley hỏi.

Lindsey không muốn nói dối em, song em cảm thấy nói thế lại diễn tả đúng nhất điều em biết được.

“Ừ.”

Lindsey bảo bố chờ em đưa Buckley lên phòng thay quần áo, sau đó sẽ xuống để bố con đi ngay.

“Chị à, em có gặp chị Susie rồi,” nghe Buckley nói, Lindsey thảng thốt nhìn em.

“Lần chị bận chơi bóng đá chị ấy đến ngồi chơi với em, hỏi chuyện nữa.”

Lindsey không biết phải nói gì, em dang tay ôm choàng Buckley, ghì em vào lòng như thằng bé vẫn thường ôm siết con Holiday.

“Em tôi thật là đặc biệt,” Lindsey nói với em trai tôi. “Chị sẽ luôn ở bên em, dù có chuyện gì xảy ra đi nữa.”

Bố tôi đi thật chậm xuống cầu thang, tay trái bám lan can bằng gỗ, ông bước từng bước một cho đến khi đặt chân lên nền gạch hoa.

Ông cố ý gây tiếng động báo rằng mình đang đi tới. Mẹ tôi cầm quyền Molière lên, đi nhanh vào phòng ăn, để ông không thấy bà được. Bà đứng ở một góc phòng ăn, cầm cúi đọc sách, tránh mặt cả nhà. Bà chờ cho đến khi nghe tiếng cửa mở ra rồi sập lại.

Các người láng giềng và thầy cô, bạn bè tôi cùng người thân của họ một lúc nào đó đứng quay lại ở một tụ điểm không xa nơi tôi bị giết. Vừa ra khỏi nhà là bố, em gái và em trai tôi đã nghe tiếng hòa ca vọng lại. Mọi giác quan của bố tôi tập trung cả về nơi tỏa hơi ấm và ánh sáng. Ông tha thiết mong mọi người vẫn còn giữ hình ảnh tôi trong tâm khảm họ. Trong lúc nhìn họ tôi hiểu ra điều này: hầu như tất cả, không trừ một ai, đều muốn nói lời vĩnh biệt đối với tôi. Từ nay tôi trở thành một trong số những bé gái bị mất tích. Họ sẽ trở về nhà, để tôi nằm lại yên nghỉ vĩnh viễn, tương tự một lá thư nhận cách đây đã lâu, sẽ không giờ ra đọc lại nữa. Cả tôi cũng có dịp chào vĩnh biệt, chúc họ mọi điều tốt lành, xin ơn trên phù hộ vì họ là những kẻ có lòng. Cái bắt tay chào hỏi ngoài đường, thấy món đồ đánh rơi thì tìm cho ra khổ chủ để hoàn trả, đứng ở cửa sổ mãi đằng kia đưa tay vẫy chào, nhoẻn miệng cười, thấy trẻ con nghịch thì ngăm nháy mắt với nhau thông cảm.

Ruth là người đầu tiên nhìn thấy bộ ba gia đình tôi, cô nàng liền kéo tay Ray. “Ra giúp ông ấy đi!” cô nàng thì thầm. Ray – đã gặp bố tôi ngày đầu

tiên của cuộc điều tra thủ phạm, hóa ra còn kéo dài khá lâu – tiến ra trước. Samuel cũng nổi bước. Hai cậu tự nhiên làm nhiệm vụ hai mục sư trẻ, đưa bố và hai em tôi đến nhóm người đang đứng, họ dạt ra cho rộng lối, mọi người nín lặng cả.

Suốt mấy tháng trời bố tôi chẳng ra khỏi cửa trừ khi lái xe đến hăng hay về nhà, hoặc ngồi ở sân sau, cũng chẳng gặp mặt người hàng xóm nào. Giờ đây ông nhìn kỹ mặt từng người một, và chợt hiểu rằng, cả những người ông không nhận ra là ai, đều quý mến tôi. Tim ông căng lên, ấm lại, hình như đã lâu lắm rồi ông mới lại có cảm giác đó, nếu không kể những giây phút ngắn ngủi bên Buckley, những lúc cậu con trai bất chợt biểu lộ lòng triu mến với ông.

Bố nhìn ông O'Dwyer. “Bác Stan này,” bố nói, “mùa hè cháu Susie hay đứng ở cửa sổ nhìn ra phố, lắng nghe tiếng bác hát trong vườn nhà. Cháu nó thích lắm. Bác hát cho chúng tôi nghe nhé?”

Nhờ có giọng ca thiên phú, loại ơn phước hiếm ai được ban, và khi cần nhất lại không có được – chẳng hạn để cứu một người thân khỏi tay thần chết – ông O'Dwyer cất tiếng, chỉ hơi rung ở nốt nhạc đầu thôi, sau đó tiếng ông vang dội, trong veo và thanh thoát.

Mọi người hòa tiếng đồng ca.

Tôi hồi tưởng lại những đêm hè bố tôi vừa nhắc tới. Nhớ lại là tôi chờ mãi trời mới sẫm tối, tôi vẫn mong mãi vì đêm đến sẽ dịu cơn nóng bức. Thỉnh thoảng, đứng ở cửa sổ nhìn ra mặt tiền nhà mình, tôi đón làn gió nhẹ thổi qua mang theo tiếng nhạc từ nhà ông O'Dwyer vọng tới. Trong lúc tôi lắng nghe ông lần lượt hát hết mọi bài dân ca Ireland ông thuộc nằm lòng, thì gió bắt đầu đưa đến mùi đất, mùi không khí đượm chút ẩm của rong rêu, báo hiệu cơn đông sắp tới.



Tôi vẫn còn nhớ một khoảnh khắc im ắng tuyệt vời, lúc đó Lindsey ngồi làm bài trên chiếc trường kỷ cũ trong phòng em, bố tôi đọc sách trong phòng làm việc, còn mẹ tôi ngồi đan móc hay rửa chén bát ở dưới nhà.

Tôi thích thay quần áo ra, mặc chiếc áo ngủ dài bằng vải bông, ra hiên sau đứng. Khi mưa bắt đầu rơi nặng hạt trên mái nhà, gió nhẹ từ mọi phía thổi tới xuyên qua lưới muỗi, áp vải áo ngủ sát vào người tôi. Thật là ấm áp, tuyệt diệu, thế rồi chớp lóe lên và ngay sau đó là tiếng sấm rền.

Mẹ tôi hay đứng ở bậc cửa mở ra hàng hiên, sau khi cảnh báo tôi bằng câu quen thuộc: “Rồi thì con sẽ cảm liệt giường cho mà xem,” bà thôi không nói gì nữa. Hai mẹ con cùng lắng nghe tiếng mưa như trút nước, tiếng sấm rền, ngửi mùi đất tởa ngát chào đón chúng tôi.

“Con trông như một tay vô địch, chẳng bao giờ quy ngã,” một tối nọ mẹ bảo tôi thế.

Tôi quý biết bao những khoảnh khắc như lúc đó, khi hai mẹ con dường như có cùng chung một cảm nghĩ. Tôi quay sang, trên người khoác mỗi chiếc áo ngủ mỏng, trả lời bà: “Đúng thế mẹ ạ.”

(Hết chương Mười Sáu).

- 
1. Dublin: thủ đô Ireland. Người Ireland di dân sang Mỹ rất đông.
  2. Simon de Beauvoir (1908-) nữ văn sĩ Pháp; Jean Paul Sartre (1905-1980) văn sĩ và triết gia Pháp.

## NHỮNG BỨC ẢNH CHỤP BẤT CHỢT

Với chiếc máy ảnh bố mẹ tôi làm quà, tôi chụp lia lịa người trong nhà vào những lúc bất thần nhất, phim có đến hàng tá. Nhiều đến nỗi bố tôi bắt chọn ra xem cuộn nào đáng mới cho rửa ra ảnh. Lúc những phí tổn cho trò đam mê của tôi lên cao quá, tôi mới sắp hai cái hộp trong tủ áo: hộp “phim đưa đi rửa” và hộp “phim giữ lại”. Mẹ tôi bảo đó là biểu hiện duy nhất về khả năng thu dọn sắp xếp của tôi.

Tôi thích cách các bóng đèn chớp sáng trong hộp hình khối vuông của máy ảnh hiệu Kodak loại Instamatic đánh dấu được lưu lại trên tấm hình. Chụp hết bóng, tôi gỡ cái hộp bốn mặt ra, chuyển tay nọ sang tay kia cho đến lúc nó nguội. Những dây tóc bóng đèn cháy đứt đổi ra màu xanh cẩm thạch chảy hay đôi khi làm ám đen mặt kính mỏng. Nhờ chiếc máy ảnh tôi nắm bắt được những khoảnh khắc, tìm được cách làm thời gian ngừng trôi, níu thời gian đứng lại. Không ai có thể lấy mất của người chủ thực thụ là tôi hình ảnh đã thu được ấy.

\* \* \*

Vào một đêm hè năm 1975, mẹ tôi quay sang hỏi bố tôi: : “Anh đã bao giờ yêu ai ở biển chưa?”

Bố đáp: “Chưa”.

“Em cũng chưa”, mẹ tôi bảo. “Mình cứ thử tưởng tượng đây là biển và em sắp ra đi, có thể rồi mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa”.

Hôm sau bà rời nhà, đến ở căn lều ván của ông ngoại ở New Hampshire.

Mùa hè năm ấy, mỗi lần mở cửa Lindsey hay Buckley, không thì bố tôi, hay thấy ở bệ cửa khi thì nồi thịt hầm, khi thì ổ bánh bơ nướng trong loại khuôn

hiệu Bundt. Thịnh thoảng có bánh táo nướng – món bố tôi ưa nhất. Khó đoán trước món nào ngon hay dở. Món hầm lò của bà Stead thật là khó nuốt, bánh bơ của bà Gilbert còn hơi ướt nhưng ăn được. Còn khi nếm bánh táo nướng của bà Ruana ấy à: ta ngỡ đang ở thiên đường.

Sau ngày mẹ tôi ra đi, nhiều buổi tối dài đằng đẳng bố tôi cố tìm quên bằng cách ngồi ở phòng làm việc đọc lại những đoạn thư Mary Chesnut(1) gửi ông chồng những năm thời Nội chiến. Ông cố gắng gạt khỏi đầu óc mọi oán trách, mọi hi vọng viễn vông, nhưng không làm nổi. Chỉ một lần ông gượng cười được.

“Ruana Singh nướng bánh táo thật cừ”, ông ghi vào sổ tay.

Một ngày mùa thu, lúc xế trưa, ông nhắc điện thoại, nghe tiếng bà ngoại Lynn ở đầu dây.

“Anh Jack này:, bà ngoại đồng dạc, “bà đang tính dọn đến ở chung đây:.

Bố tôi nín thinh, nhưng qua đường dây bà nghe ra mỗi bản khoản lường lự của ông.

“Bà sẵn sàng đỡ đàn con và các cháu. Bà luân quần trong cái lãng này đến nay cũng chán rồi”.

“Bà Lynn à, chúng con vừa bắt đầu quen với nếp sống mới”, ông lắp bắp tìm chữ. Đến nay vẫn phải gửi Buckley sang cho bà mẹ của Nate trông hộ, nhưng dĩ nhiên không thể tiếp tục nhờ mãi được. Sau bốn tháng từ ngày mẹ tôi ra đi, sự vắng mặt nhất thời của bà có chiều hướng trở thành tình trạng thường trực.

Bà ngoại tôi cứ khăng khăng một ý. Tôi nhìn bà đang cố tự kiềm chế không uống ngụm Vodka cuối cùng còn lại trong ly. “Bà sẽ không uống thêm giọt nào, từ bây giờ đến...” – bà suy nghĩ lung lắm – “ năm giờ chiều, với lại”, bà nói, “khó quá gì, bà sẽ dứt rượu hẳn, nếu con thấy điều đó là cần”.

“Bà biết nói thế nghĩa là sao chứ?”

Sự tỉnh táo sáng suốt như luồng điện, bà ngoại tôi cảm thấy thế, chạy suốt từ bàn tay cầm điện thoại xuống tận đôi chân xỏ hài đi trong nhà: “Biết chứ sao không. Bà nghĩ kỹ rồi”.

Chỉ sau khi đã buông điện thoại bố mới tự hỏi: biết sắp xếp để bà cụ ở đâu đây?

Cả mấy đứa tôi cũng băn khoăn như thế

Đến tháng Chạp năm 1975 là tròn một năm kể từ khi tên Harvey khăn gói bỏ trốn, thế nhưng không ai tìm được tông tích nào của hắn. Một thời gian dài, chủ các cửa tiệm dán hình phác họa chân dung hắn ở cửa kính cho đến lúc băng keo dán bám bẩn bung ra hoặc giấy bị toạc. Lindsey và Samuel chỉ đi dạo quanh quần trong khu gần nhà hoặc la cà ở hiệu mô-tô của anh Hal. Lindsey không muốn đến quán nước chỗ đám trẻ hay tụ tập. Chủ quán thuộc kiểu người hăng say bảo vệ an ninh trật tự. Ông phóng ảnh tên Harvey to gấp đôi, dán ngay ở cửa quán. Ông sẵn sàng cung cấp mọi chi tiết rùng rợn cho bất cứ người khách nào muốn biết: đó là một bé gái, ở cánh đồng ngô, chỉ tìm ra mẫu xương khuỷu tay.

Chờ mãi không thấy gì, cuối cùng Lindsay yêu cầu anh Hal trở em đến đồn cảnh sát. Em muốn biết đích xác cuộc điều tra đã tiến hành đến đâu rồi.

Em chia tay Samuel ở tiệm sửa mô-tô, rồi anh Hal trở em đi dưới mưa tuyết

tháng Chạp.

Mới đầu, khi nghe em trình bày, thấy Lindsey nhỏ tuổi, mấy viên cảnh sát chẳng quan tâm lắm. Đến chừng có người nọ người kia nhớ ra em là ai thì họ dần dần ra xa. Hóa ra chính cô gái này đây: táo tợn, đầu óc bất thường, tuổi mới mười lăm. Ngực cô nhô lên như hai cái tách nhỏ đầy vun, đùi chưa lặn nhưng bắt đầu có nét cong lượn, mắt cô như hòn đá lửa trên cánh hoa.

Trong lúc cùng với anh Hal ngồi chờ trên băng ghế gỗ bên ngoài văn phòng cảnh sát trưởng, Lindsey nhác thấy thứ gì trong căn phòng đó mà cô nghĩ đã từng thấy ở đâu rồi.

Nó nằm trên bàn viết của thanh tra Fenerman, đập vào mắt vì màu chói chang. Cái màu mà mẹ chúng tôi vẫn đặc biệt dùng riêng tên màu đỏ son để gọi, rực rỡ hơn màu hồng nhưng, đó chính là sắc đỏ riêng của sáp tô môi, trong thiên nhiên hiếm khi tìm được. Mẹ chúng tôi tự hào có sắc da hợp với màu đỏ son. Mỗi lần quàng giải khăn độc đáo này thắt nút ở cổ, bà hay nhắc lại rằng cả bà ngoại Lynn cũng không dám mặc hay mang thứ gì màu này.

“Anh Hal à!”, em gọi, cơ bắp toàn thân như căng hết lên, mắt nhìn chăm chăm mòn đồ càng lúc càng thấy quen thuộc đang nằm trên bàn viết của ông Fenerman.

“Anh đây”.

“Nhìn kìa, anh thấy miếng vải màu đỏ chứ?”

“Có”.

“Anh vào lấy ra đây cho em được không?”

Thấy Hal nhìn mình, em bảo: “Em nghĩ đó là khăn của mẹ em.”

Đúng lúc Hal đứng lên đi lấy thì ông Len từ phía sau lưng Lindsey đi lại về phòng trực. Ông vỗ nhẹ lên vai Lindsey, ngay sau đó nhìn thấy và hiểu ra Hal đang làm chuyện gì. Em và thanh tra Fenerman thắng thốt nhìn nhau.

“Làm sao ông lại có được cái khăn của mẹ tôi?”

Ông ta lắp bắp: “Chắc có lần bà bỏ quên trong xe chú đấy mà”.

Lindsey đứng mặt đối mặt với ông ta. Em nhìn thấu suốt sự tình, dùng dùng dò biết ngay cái tin động trời. “Mẹ tôi ở trong xe ông để làm gì mới được chứ?”

“Chào Hal“ ông Len nói.

Anh Hal cầm cái khăn trong tay. Lindsey giật phăng lấy, giọng đầy phần nộ: ”Làm thế nào ông lại có được cái khăn của mẹ tôi?“

Tuy ông Len là nhân viên điều tra, song Hal lại là người đầu tiên nhìn thấy – cái vầng sáng như cầu vồng trên đầu em gái tôi – khả năng lĩnh hội bằng cách tổng hợp mọi màu sắc của tia sáng khúc xạ qua lăng kính. Hiện tượng này hay xảy ra trong giờ đại số hoặc giờ Anh văn, em gái tôi là đứa đầu tiên tính ra ngay tổng các ẩn số x, hoặc chỉ ra các ám hiệu, ẩn ý nước đôi tiềm ẩn trong câu văn cho lũ bạn cùng lớp. Anh Hal đặt tay lên vai em, hướng em quay ra cửa. “Mình về thôi”, anh bảo.

Sau đó, ở trong phòng của cửa tiệm sửa xe mô-tô, em khóc ròng, kể hết cho Samuel về điều mình nghi hoặc hầu với bớt đau buồn.

Năm nay em trai tôi lên bảy, em xây cho tôi một pháo đài. Trước kia cả hai chị em tôi đã có dự tính hai đứa cùng xây, nhưng sau đó bố tôi không sao bắt tay khởi sự. Xây gì cũng gọi bố nhớ lại chuyện đã cùng dựng túp lều vải với tên Harvey nay biến mất không chút tăm hơi.

Một gia đình với năm bé gái dọn vào ở trong ngôi nhà của tên Harvey. Tiếng cười khanh khách từ chiếc hồ bơi – chủ nhà mới cho đào đất xây lên vào mùa xuân sau vụ Harvey bỏ trốn – vang vào tận phòng làm việc của bố tôi. Tiếng cười nói của các bé gái – những đứa may mắn chưa bị lâm nạn.

Ông đau đớn như thể tiếng cười biến thành những mảnh kính vỡ vụn chọc vào tai mình. Suốt mùa xuân năm 1976 – sau hôm mẹ tôi bỏ đi – ông đóng kín cửa sổ phòng làm việc, ngay cả lúc lúc trời oi đến chiều tối vẫn còn nóng bức, để khỏi nghe những âm thanh kia. Ông dõi mắt nhìn theo cậu con trai bé bỏng thui thủi chơi trong khoảng vườn giữa ba bụi liễu tơ, lẩm bẩm nói chuyện một mình. Buckley bưng mấy chậu sành rỗng cất trong nhà để xe ra. Em lúi túi thăm chùi giày vớt bên hông nhà. Tóm lại, tất cả thứ gì dùng được vào việc dựng bức tường thành cho pháo đài. Có Samuel, anh Hal và Lindsey phụ một tay, em vẫn hai tảng đá lớn vốn dùng làm mố cho lối đi vào nhà để xe ra tận vườn sau. May cho em hết sức là Samuel thấy thế mới hỏi: “Bé định lấy gì lợp mái đây?”

Buckley ngẩn ra chưa biết nói sao thì Hal đã nhăm tính, soát lại xem ở tiệm của mình có những thứ gì, anh nhớ ra có hai tấm uốn sóng không dùng tới, vẫn dựng tạm vào vách tường sau nhà.

Một đêm hè nóng bức nọ, bố tôi từ trên lầu nhìn xuống, không thấy con trai mình đâu. Buckley đã chui vào nằm trong pháo đài của em. Em lấy tay bê, dùng đầu gối làm chỗ tựa, khệ nệ đưa được mấy chậu sành vào bên trong, rồi kê vào đấy một tấm ván cao gần đến mái tôn uốn sóng. Ánh sáng lọt

vào vừa đủ cho em đọc. Theo yêu cầu của em, anh Hal đã vẽ bằng cách phun sơn màu đen lên một bên cửa bằng ván ép mấy chữ XIN MIỄN VÀO rõ to.

Thường em hay đọc The Avengers(2) và X-Men. Em nằm mơ thành Wolverine(3), có bộ xương bằng thứ kim loại rắn nhất trong toàn bộ vũ trụ, lại còn có khả năng dù bị thương thì chỉ sau một đêm là bình phục ngay. Những lúc cảm thấy cô độc lẻ loi quá, em nghĩ đến tôi, thấy nhớ giọng nói của tôi, em ước gì tôi từ trong nhà đi ra, gõ gõ lên nóc pháo đài của em, hỏi em cho tôi vào được không. Đôi khi em ước giá Samuel và Lindsey lân la chỗ em thường xuyên hơn, hoặc bố lại bày trò chơi với em như trước đây. Không phải với vẻ mặt mà nét ưu tư thường trực vẫn lộ ra qua nụ cười, không phải với nỗi âu sầu đến tuyệt vọng giờ đây vây bủa mọi thứ như có sức hút vô hình. Nhưng em trai tôi tự không cho phép mình luyện tiếc nhớ mẹ. Em đào đường hầm tự tìm lối thoát cho mình bằng cách đọc sách truyện kể về các nhân vật yếu ớt biến hóa thành quái vật nửa người nửa thú khỏe như vâm, có búa thần hay mắt phát ra tia nhìn xuyên thủng cả thép, hoặc leo được đến đỉnh các tòa nhà chọc trời. Khi giận lên em thành quái vật Hulk da màu xanh lục, thường thì em chỉ là Người Nhện. Khi có chuyện buồn lòng, em biến hóa thành nhân vật nào đó vững chãi kiên cường hơn một cậu bé con, cứ thế em lớn lên với năm tháng. Một trái tim thoáng cái biến thành hòn đá, từ tim thành đá. Nhìn em những lúc đó tôi nhớ câu bà ngoại Lynn hay nói mỗi khi Lindsey và tôi lên trợn trạo mắt hay trề môi chun mũi sau lưng bà: “Coi chừng đó, nhìn xem mặt cháu giờ đang nhăn nhó kiểu nào. Có khi bị méo xệch luôn suốt đời đấy”.

Một hôm, Buckley, lúc đó học lớp hai, về nhà với một câu chuyện em viết thành bài: “Ngày xưa có một thằng bé tên là Willy. Nó rất ưa trò thám hiểm. Lúc thấy một cái hố nó bèn chui xuống, nhưng không thấy trở lên nữa. Thế là hết chuyện”.



Bố tôi đầu óc vẫn còn rối bời nên nghe mà chẳng nghĩ ngợi gì xa xôi. Bắt trước cách mẹ tôi trước kia vẫn làm, ông dán trang giấy em viết lên cửa tủ lạnh, đúng chỗ trước đây dán bức tranh về Cõi-Lưng-Chùng của Buckley mà bây giờ mọi người đã quên mất. Song em trai tôi có linh cảm là chuyện mình kể có gì lạ lắm bất thường. Em hiểu thế khi thấy thầy cô giả vờ làm mặt kinh ngạc, theo kiểu mấy nhân vật trong truyện tranh. Thừa lúc bà ngoại Lynn lui cui ở nhà dưới, em bó tờ giấy đi mang lên phòng cũ của tôi. Em gấp lại thành mảnh giấy vuông vức bé xíu, nhét vào chỗ giấu nay trống huếch dưới gầm cái giường bồng cộc để căng màn của tôi.

-----

(1) Mary B. Chesnut viết "A diary from Dixie" (Nhật kí từ miền Nam) những năm 1861 - 1865, xuất bản 1905.

(2) The Avengers (Những kẻ phục thù) cùng với X-Men (Những anh hùng biến hóa đổi dạng), The Incredible Hulk (Quái vật da xanh tên Hulk), Spider Man (Người nhện) hợp thành The Fantastic Four (Bộ Tứ Quái), truyện tranh dựng thành phim bộ cho truyền hình Mỹ của hãng Marvel Enterprisé Inc. những năm 1965-1967.

(3) Wolverine: loại chồn ở Bắc Mỹ, cùng họ với con lửng

Mùa thu năm 1976, vào một ngày oi bức, ông Len Fenerman kiểm tra lại cái két to có khóa an toàn để trong kho lưu trữ tang vật. Trong két có xương lũ chó và mèo của các gia đình vùng lân cận mà ông ta tìm thấy chỗ góc kẹt dưới hệ thống ống dẫn trong nhà Harvey, có cả biên bản của phòng thí nghiệm xác minh dấu vết của vôi bột. Lần đó chính ông đích thân giám sát việc khai quật, nhưng dù họ đào đi đào lại sâu mấy đi nữa cũng không phát hiện thêm xương cốt hay thi thể nào khác trên phần đất nhà hấn. Vết máu trên nền nhà để xe là tấm danh thiếp duy nhất của tôi. Ông Len đã bỏ ra hàng tuần rồi hàng tuần, rồi hàng tháng để nghiên cứu bản sao tờ sơ đồ Lindsey lấy trộm được. Ông lại dẫn cả một nhóm trở lại cánh đồng ngô đào xới nhiều lần. Cuối cùng tìm thấy ở đầu đàng kia cánh đồng một vỏ chai

Cô-la. Đây là bằng chứng hiển nhiên: có dấu tay trùng khớp với dấu tay (những bức ảnh chụp bất chợt Cont.)

Harvey ở nhà hẩn và có dấu tay khác trùng khớp với dấu in trên giấy khai sinh của tôi. Ông không còn nghi ngờ gì nữa: quả là ngay từ ngày đầu ông Jack Salmon đã đoán đúng.

Song mặc dù ông ta truy tìm ráo riết, tên George Harvey cứ như đã bốc hơi tàng hình khi vừa ra khỏi vòng rào nhà hẩn. Ông gọi điện hỏi khắp lượt mà không có nơi nào có hồ sơ mang tên như tên hẩn. Như thế hẩn chưa hề có mặt trên thế gian này.

Thứ duy nhất hẩn bỏ lại là mấy ngôi nhà ráp cho búp bê. Ông Len mới nghĩ đến chuyện gọi điện tới người vẫn thường nhận hàng ký gửi của hẩn để bán, ăn hoa hồng lẫn của các hiệu chuyên bán đồ chơi, gọi cho cả những gia đình khá giả từng đặt hàng hẩn làm theo mẫu tòa nhà của họ. Không chút tấm hơi. Ông gọi đến các xưởng chuyên làm loại bàn ghế, cửa và cửa sổ tí hon lồng kính mài, nắm cửa bằng đồng thau, ông liên hệ cả mấy hãng chuyên chế tạo loại cây và bụi gai làm từ vải. Cũng không ra manh mối nào.

Ông ngồi xuống bên cái bàn gỗ thô sơ ở tầng hầm của trụ sở cảnh sát, trên bàn ngổn ngang tang vật. Ông lật xấp giấy rao tìm con mà bố tôi đưa in để phân phát mọi chỗ. Ông còn nhớ gương mặt tôi, song vẫn muốn nhìn lại lần nữa trên tờ giấy. Ông đi đến kết luận rằng việc khu vực đang phát triển xây cất rầm rộ thời gian gần đây có khi lại đem đến lời giải cho vụ của tôi. Trong đồng đất cát đào lên xới sang chỗ khác biết đâu chẳng có những manh mối đem lại câu trả lời ông chờ đợi.

Nằm ở đáy thùng là cái túi đựng chiếc mũ đính chuông của tôi. Khi ông trao nó cho mẹ tôi, bà ngã quỵ xuống thảm. Ông vẫn không quyết chắc

được là ông phải lòng mẹ tôi vào thời điểm nào. Tôi thì biết chắc đó là hôm ông ngồi ở phòng sinh hoạt nhà tôi, lúc đó mẹ tôi vẽ phác những hình nhân trên tờ giấy gói hàng, trong khi Buckley và cu Nate nằm đầu chân vào nhau, ngủ quên trên đi vắng. Tôi thấy tội cho ông ta. Ông muốn tìm thủ phạm hạ sát tôi nhưng thất bại. Ông thử tìm tình yêu bên mẹ tôi nhưng chuyện chẳng đi đến đâu.

Ông Len nhìn tờ họa đồ vẽ cánh đồng ngô Lindsey đã trộm được, biết mình không thể né tránh sự thật: do quá thận trọng, ông đã để sên mất tên sát nhân. Ông không thể đổ lỗi cho ai hay viện cớ gì khác. Dù không ai biết được nhưng ông tự biết, chính vì hôm đó ông đến với mẹ tôi ở khu thương xá nên ông là kẻ phải chịu trách nhiệm về việc tên George Harvey vẫn được tự do ngoài vòng lao lý.

Ông rút ví từ túi quần sau, bày lên bàn những tấm ảnh của các vụ án ông phụ trách nhưng đến nay chưa hoàn toàn khóa sổ được. Trong số đó có cả ảnh vợ ông. Ông lật úp mặt tấm ảnh. Ông không muốn tiếp tục chờ đến ngày có thể ghi rõ hung thủ là ai, nguyên do vì sao hay sự thể đã diễn ra thế nào. Ông sẽ chẳng bao giờ hiểu rõ tất cả mọi lẽ cớ sao vợ mình tự vẫn. Ông cũng chẳng bao giờ hiểu nổi tại sao có nhiều trẻ em mất tích đến thế. Ông đặt mấy tấm ảnh đó vào trong két chung với những tang vật thuộc về tôi rồi tắt nển trong căn phòng lạnh lẽo.

Tuy nhiên có một điều ông không biết được.

Ngày 10 tháng 9 năm 1976, ở bang Connecticut, lúc quay về chỗ đỗ xe, một người thợ săn chột thấy dưới đất có gì lấp lánh. Đó là viên đá hộ mệnh mang hình bang Pennsylvania của tôi. Rồi ông ta nhận ra là đất quanh đấy có dấu vết bị gấu bới tung. Những mẫu vụn gấu bới lên tung tóe nhìn lại hóa ra là mảnh xương bàn chân của một đứa bé, không nhằm vào đâu được.

Mẹ tôi chỉ trụ lại New Hampshire được mỗi một mùa đông, rồi bà nảy ra ý

định lái xe đi suốt đến tận bang California. Đó là điều bà tâm niệm sẽ làm, song đến nay chưa có cách nào thực hiện được. Một người đàn ông bà quen ở New Hampshire mách là có thể tìm việc tại các đồn điền trồng nho chế rượu vang ở vùng thung lũng phía Bắc thành phố San Francisco. Chỗ làm lúc nào cũng sẵn dễ xin, chỉ là lao động chân tay thôi, và nếu muốn ẩn danh thì cũng chẳng ai bắt khai lí lịch. Cả ba điều này thật hợp ý bà.

Ông ta ngỏ ý muốn chung chạ với bà, nhưng bà dứt khoát từ chối. Bây giờ bà hiểu là quan hệ đàn dúi kiểu đó chẳng đưa đến đâu cả. Ngay buổi tối đầu tiên trải qua với ông Len ở khu vực giữa lòng khu thương xá bà đã biết cả hai sẽ không xây đắp gì chung với nhau được ngay cả khi trong lúc ân ái với ông cơ thể bà rơi vào trạng thái vô cảm.

Bà thu dọn đồ đạc vào mấy xách tay, lên đường trực chỉ California. Dừng chân ở thành phố nào bà cũng gửi bưu ảnh cho các em tôi. “Gửi lời chào từ Dayton. Loài chim tiêu biểu của bang Ohio là chim hồng y” hoặc “chiều hôm qua đến Mississippi kịp lúc mặt trời lặn. Sông rộng mênh mông làm sao.”

Ở Arizona, bang xa nhất bà từng đặt chân đến sau khi lái xuyên tám bang, bà trả tiền thuê phòng rồi lấy nguyên một thùng nước đá mua từ máy đặt bên ngoài khách sạn,, xách về phòng. Sáng hôm sau bà sẽ đến California, để đánh dấu sự kiện này bà tự thưởng cho mình một chai sâm banh. Bà nghĩ đến những gì gã đàn ông ở New Hampshire kể lại, rằng suốt một năm trời ông ta phải cạo năm mốt bám vào thành các thùng gỗ khổng lồ chứa vàng. Ông phải nằm ngửa, dùng dao cạo từng lớp nấm. Nấm có màu và độ mềm như gan nên dù ông tắm rửa kỳ cọ kỹ đến thế nào đi nữa, hàng mấy tiếng đồng hồ sau lỗ ruồi vẫn cứ xúm xít bu theo người.

Bà nhắm nháp sâm banh trong chiếc ly nhựa và nhìn mình trong gương. Bà tự buộc phải đối diện với chính mình.

Bà hồi tưởng lại đêm giao thừa đầu tiên mà cả nhà cùng thức chờ, bà ngồi với tôi, em gái, em trai và bố tôi trong phòng sinh hoạt. Hôm ấy bà đã sắp xếp đồ Buckley ngủ cho đầy giấc trước đó.

Em thức dậy lúc trời đã sập tối, định ninh rằng khuya hôm ấy sẽ có một lão ông còn tốt bụng hơn cả ông già Nô-en đến nhà. Trong trí tưởng tượng em hình dung lễ giao thừa như một tiếng nổ long trời báo hiệu em khởi hành bay đến một cõi nào đó, nơi chỉ có toàn đồ chơi.

Vài giờ sau, lúc em ngáp vắn ngáp dài nằm vùi vào lòng mẹ và bà lùa mấy ngón tay vào tóc em vuốt ve, thì bố tôi loay hoay pha ca-cao trong bếp, còn tôi với em gái lo bày bánh sô cô la nướng theo kiểu Đức để bưng ra. Khi đồng hồ điểm mười hai tiếng, nghe tiếng hò reo từ xa cùng với vài tiếng súng bắn chỉ thiên ở khu lân cận vọng đến thì em trai tôi ngớ ra. Nỗi thất vọng cùng cực ào đến với em, đột ngột đến nỗi mẹ tôi hết hồn không biết phải làm gì. Giờ nghĩ lại bà tưởng như nghe bài “Tất cả chỉ có thế này thôi sao?” của Peggy Lee bản soạn cho thiếu nhi, kết thúc bằng màn gào khóc nức nở.

Bà nhớ lại cảnh bố tôi bế Buckley lên rồi cất tiếng hát. Cả nhà hòa giọng ca theo. “Hãy lãng quên người ta quên ngày trước và đừng bao giờ hoài tưởng nữa, nên quên người cũ, quên cả những ngày của thời xa xưa ấy – Auld lang syne (1)”

Buckley ngẩng mặt nhìn mọi người. Em tóm bắt lấy những từ ngữ lạ như chụp bong bóng xà phòng bay trước mắt. “Lang syne?” em lặp lại, vẻ ngơ ngác.

“Mấy chữ đó có nghĩa gì?,” tôi hỏi mẹ.

“Nghĩa là những ngày xa xưa,” bố tôi đáp.

“Những ngày trôi qua từ lâu rồi,” mẹ tôi nói. Thế rồi bà đột nhiên quay ra gom những vụn bánh trên đĩa của bà vào một góc.

“Này, mắt đại dương ời,” bố tôi nói. “Mình định bỏ bố con tôi đi đâu đấy?” Và bà nhớ đã đáp lại câu hỏi của bố bằng cách vặn tắt, như thể tâm tư bà có một vòi thoát – cứ vặn khóa sang bên phải một cái, thế rồi bà đứng lên bảo tôi phụ bà dọn dẹp.

Mùa thu năm 1976, khi đến bang California, bà lái thẳng ra bờ biển, tìm chỗ đậu xe. Bà có cảm tưởng như suốt bốn ngày dài chỉ toàn lái từ nhà này đến nhà khác – những gia đình âm ỉ tiếng cãi vã, tiếng chửi rủa oang oang, tiếng gào thét thanh, những gia đình ngày ngày sống trong trạng thái căng thẳng phi thường – và bà cảm thấy nhẹ nhõm khi nhìn qua kính lái xe thấy biển trước mặt. Những quyển sách đã đọc thời sinh viên vụt trở lại trong tâm tưởng bà. *The Awakening* (2). Sự kiện xảy đến với nhà văn Virginia Woolf (3). Trong ký ức mọi hình ảnh xưa sao đẹp quá – mong manh và viễn vông – đá cho vào đầy túi, lội xuống nước đi ra xa.

Bà quần chiếc áo len quanh hông thắt gút lại rồi men theo bờ đã lần xuống bãi. Xuống đến nơi, bà thấy quanh mình chỉ còn những tảng đá lờm chờm và sóng nước. Bà bước dò dẫm thận trọng nhưng tôi chỉ chú ý nhìn chân bà hơn là ngắm phong cảnh bà đang thưởng ngoạn – tôi lo lỡ bà sẩy chân.

Ao ước của mẹ tôi, đến được nơi có những con sóng này, nhúng chân xuống nước của một đại dương khác với đại dương ở bờ bên kia của quê quán mình là nỗi ám ảnh thường trực – mục đích đơn thuần là gột rửa tội lỗi. Áo xuống một cái thế là ta có thể làm lại tất cả từ đầu. Hay là, đúng ra cuộc đời giống cái trò chơi đáng ghét trong giờ thể dục hơn: trong một không gian khép kín ta phải chạy từ đầu này đến đầu kia, nhặt các khúc gỗ lên rồi bỏ xuống, cứ thế miên man không dứt? Trong trí bà vang câu hãy ra với sóng đi, sóng kia, sóng kia, và tôi để ý thấy hai bàn chân bà dò dẫm lần đường trên mặt đá, rồi khi nghe bật lên tiếng trẻ con kêu – cả hai mẹ con

cùng nghe thấy một lượt – chúng tôi giật mình ngược lên.

Trên bãi biển có một đứa bé con.

Bấy giờ mẹ tôi mới thấy giữa mấy vách đá có một rẻo cát, một bé gái đội mũ đan màu hồng, quần áo lót ngắn tay, chân xỏ giày cao cổ đang bò lồm chồm trên tấm chăn, nhòai người ra cát. Chỉ có một mình em trên tấm chăn với một món đồ chơi nhồi bông – chắc là cừu, mẹ tôi đoán thế.

Lúc leo xuống bà thấy đứng quay lưng về phía mình là một nhóm người – quần áo đóng bộ, lăng xăng tíu tít một cách căng thẳng. Họ mặc y phục màu đen và xanh dương, chân xỏ ủng, mũ đội lệch một bên trông rất điệu. Rồi với con mắt một nữ nhiếp ảnh viên chuyên chụp cầm thú trong thiên nhiên, tôi nhìn ra ngay cái giá chống ba chân và tấm nhôm tròn mà một anh chàng quay lúc sang trái lúc sang phải tùy ý muốn để ánh sáng rọi hay không rọi vào đứa bé đang bò trên tấm chăn.

Mẹ tôi bật cười, song chỉ có một tay phụ việc quay phim ngoảnh lại phía vách đá thấy mẹ tôi đang đứng, còn những người khác đều tắt bật. Tôi đoán là họ quay phim quảng cáo, song quảng cáo gì? Những bé gái mới, thế chỗ con của họ? Lúc mẹ tôi cười, tôi thấy gương mặt bà tươi lên, song cũng thấy những nếp nhăn mới khá lạ lẫm.

Bà nhìn những con sóng phía sau đứa bé kia, thấy sóng vừa đẹp vừa mê hoặc lòng người đến thế - chúng có thể dần dâng cao không ai để ý rồi thoát cuốn đứa bé theo. Tất cả những kẻ ăn mặc kiểu cộ kia sẽ ùa chạy theo tìm cách vớt nhưng đứa bé sẽ chết đuối trong nháy mắt. Không ai, kể cả bà mẹ cô bé, dù từng sợi dây thần kinh luôn sẵn sàng để đối phó với mọi thảm họa, kịp cứu thoát em bé nếu biển đột ngột nổi sóng to ập vào, khi cuộc sống trôi đi như thường nhật nhưng ở một bờ biển xưa nay lặng sóng bỗng dừng tai ương khủng khiếp không rõ từ đâu đổ xuống.



Ngay trong tuần lễ đó bà tìm được việc ở nhà máy rượu vang Krusoe, trong một thung lũng nhìn xuống vùng vịnh. Bà gửi cho em gái và em trai tôi những tấm bưu ảnh mặt sau viết chi chít, tô lên đó những mảng sáng trong cuộc sống của bà, hy vọng rằng trên khoảng trống giới hạn của tấm bưu ảnh bà vẫn gây được cảm tưởng mình đang vui sống.

Vào những ngày nghỉ, bà đi dạo phố ở Sausalito hay Santa Rosa – những thị trấn nhỏ có mức sống cao, không ai quen biết ai – và tuy bà tập trung mọi cố gắng hy vọng quen dần với mọi tình huống mới lạ, mỗi khi bước vào một cửa hàng bán quà lưu niệm hay quán cà phê nào đó, bốn bức tường quanh bà bắt đầu hít thở như một buồn phổi. Rồi bà cảm thấy nổi ưu phiền bắt đầu tấn công, bò dọc bắp chân lên đùi lẫn vào đến gan ruột bà, những giọt lệ như đạo quân tí hon dẫn tới vành mi mắt bà – và bà phải hít thật sâu, giữ hơi lại, cố nén để đừng òa khóc trước mặt mọi người. Bà vào quán ăn gọi cà phê và bánh mì nướng, nước mắt rùng rùng rõ giọt lên mặt bánh. Bà vào một tiệm hoa, hỏi mua hoa thủy tiên, nghe bảo không có, bà cảm thấy như mình bị cướp đi hết mọi thứ. Kể cả một ước muốn khiêm nhường như thế - một đóa hoa vàng tươi.

-----

1. “Aud lang syne” (dĩ vãng tươi đẹp) của Robert Burns (1759-1796), nhà thơ Scotland, được phổ nhạc, thường hát vào lúc giải tán, tàn cuộc, chia tay sau một cuộc hội ngộ.
2. “The awakening” (Nhận thức, hay thức tỉnh) xuất bản năm 1899 của nữ văn sĩ Mỹ Kate Chopin (1850-1904)
3. Virginia Woolf (1882- 941) nữ văn sĩ Anh, bệnh tâm thần, tự vẫn vì sợ không bình phục được.

Lễ tưởng niệm tự phát đầu tiên cử hành ở cánh đồng ngô làm bố tôi nảy ý muốn tiếp tục làm thế. Từ đấy, năm nào bố cũng tổ chức một buổi lễ tưởng



tự, song số người hàng xóm và bạn bè đến dự ít dần đi. Những người luôn có mặt là Ruth và ông bà Gilbert, nhưng ngày càng thêm đám học trò trung học đến viếng. Năm tháng trôi qua, đám này chỉ còn biết đến tôi qua cái tên đôi khi được dùng như một lời đồn đại đầy đe dọa để cảnh cáo những đứa có vẻ thích sống đơn độc tách biệt. Nhất là đám con gái.

Mỗi lần có những người xa lạ nhắc đến tên mình, tôi tưởng như bị ai lấy kim châm một cái. Không phải cảm giác ấm áp mỗi khi bố nhắc tới tôi hoặc khi Ruth ghi vào nhật ký của cô nàng. Đó là cảm giác sống dậy rồi bị chôn trở lại trong khoảnh khắc một lần hít thở. Tương tự như khi trong giờ học môn kinh tế tôi được phân vào cột hàng dọc những hàng hóa trao qua đổi lại được: cột ‘Nạn nhân án mạng’. Một vài thầy cô, chẳng hạn thầy Botte, còn nhớ đến tôi như nhớ đến một cô bé bằng xương bằng thịt. Thỉnh thoảng trong giờ nghỉ trưa, thầy ra ngồi trong chiếc xe Fiat màu đỏ, nhớ về cô con gái mất vì bệnh bạch cầu. Xa xa, qua cửa kính xe, cánh đồng ngô hiện ra mờ mờ ảo. Những lúc đó thầy thường đọc một bài kinh cầu nguyện cho tôi.

Chỉ sau vài năm ngắn ngủi Ray Singh đã thành một thanh niên đẹp trai, đến nỗi khi đi giữa đám đông sức quyến rũ của anh chàng tỏa ra như hào quang. Những đường nét viên mãn của kẻ đã trưởng thành tuy chưa in sâu, nhưng ở tuổi mười bảy như cậu, đã hiển hiện khá rõ. Cậu gọi cho người khác hình dung về trạng thái vô tính mơ hồ, vì thế cậu thu hút cả phái nam lẫn phái nữ, với hàng mi dài và mí mắt dày, tóc rậm và đen nhánh, những nét thanh tú cho thấy cậu vẫn còn trong tuổi thiếu niên.

Khi nhìn Ray trong tôi dấy lên nỗi khát khao không hề cảm thấy đối với bất cứ ai khác. Đó là ao ước được chạm tay vào và ôm giữ lại, được tìm hiểu cặn kẽ chính cái cơ thể mà anh chàng vẫn nghiên cứu với con mắt lạnh lùng dừng dừng. Anh chàng thường ngồi ở bàn học, đọc quyển sách mình chuộng nhất – Cơ thể học của Gray (1), rồi tùy theo đang đọc gì, anh chàng

đặt đầu ngón tay lên động mạch ở cổ hay miết ngón tay cái lên cơ bắp dài nhất trên cơ thể mình, chạy từ hông tới khoeo chân. Anh chàng gầy mà hóa hay, vì xương cốt với cơ bắp lộ rõ dưới làn da.

Lúc sắp xếp hành trang lên đường đến đại học bang Pennsylvania, đầu óc anh chàng đầy ắp những thuật ngữ cùng định nghĩa khiến tôi đâm lo. Thế thì còn nghĩ đến chuyện khác sao được nữa? Tình bạn với Ruth, tình thương của mẹ, kỷ niệm về tôi sẽ bị đẩy ra phía sau, để anh chàng có chỗ đặt nào là thủy tinh thể với màng bao, kênh thông hình bán nguyệt trong tai, hay là môn tôi chuộng nhất – đặc tính của hệ thần kinh giao cảm.

Tôi lo như vậy lại là thừa. Bà Ruana tìm khắp nhà xem có thứ gì để đưa cậu con trai cầm theo, thứ gì vừa to và nặng như quyển của Gray, giúp anh chàng giữ được phần của con người thích sưu tầm hoa đem về ép, thâm tâm bà mong thế. Không để anh chàng biết, bà lén nhét vào hành lý quyển thơ Ấn Độ. Trong đó có ảnh chân dung tôi, lâu nay rơi vào quên lãng. Ở cư xá sinh viên Hill House, lúc anh chàng soạn hành lý ra, tấm ảnh của tôi rơi xuống cạnh giường. Dù anh chàng rành phẫu thuật đến đâu – hể nhìn vào mắt là thấy mạch máu của nhãn cầu, nhìn mũi thấy các xoang hốc phía sau, nhìn mặt tôi nhận ra sắc tố dưới lớp biểu bì – anh chàng vẫn không thể nhìn đôi môi mà quên mình đã từng hôn.

Tháng sáu năm 1977, vào ngày lễ ra tôi tốt nghiệp trung học, nếu còn sống, thì Ruth và Ray đều đã đi xa. Hôm trường ở Fairfax bế giảng, Ruth đã dọn đến thành phố New York, hành trang là chiếc va ly cũ màu đỏ của bà mẹ, đựng áo quần mới may tuyền một màu đen. Còn Ray, tốt nghiệp sớm hơn, đã kết thúc năm học đầu ở đại học Pennsylvania.

Cũng hôm ấy, trong bếp nhà chúng tôi, bà ngoại Lynn cho Buckley một quyển sách chỉ dẫn làm vườn. Bà chỉ cho em biết rằng cây mọc lên từ hạt giống, rằng giống củ cải em ghét ăn lại ra quả nhanh nhất, còn hoa em vốn ưa thích cũng mọc lên từ hạt. Rồi bà dạy em tên các loài hoa: cúc Zinnia

với cúc vạn thọ, hoa păng xê và tử đinh hương, hoa cẩm chướng, dã yên thảo và cây bìm bìm.

\*\*\*

Thỉnh thoảng mẹ tôi từ California gọi điện về. Bố mẹ tôi trao đổi gấp gáp vài câu gượng gạo. Bà hỏi thăm Buckley, Lyndsey và con Holiday. Bà hỏi chuyện nhà ra sao, bố có chuyện gì cần kể cho bà biết không.

“ Cả nhà vẫn nhớ em,” bố nói thế hôm tháng Chạp năm 1977, khi cây đã trơ cành, lá rụng bị gió thổi hay bị quét đi, mặt đất sẵn sàng để đón những chưa thấy tuyết rơi.

“ Em biết”, bà đáp.

“ Còn việc dạy học? Anh tưởng đó là dự tính của em.”

“ Trước kia dự tính thế thật,” bà thừa nhận. Bà đang gọi điện trong văn phòng nhà máy rượu vang. Sau bữa ăn trưa nhốn nháo bây giờ có yên ắng hơn, nhưng lát nữa sẽ có năm chiếc xe được thuê chở đến đây một nhóm các bà cụ say khướt. Mẹ im lặng một lúc rồi nói một câu gì đấy mà khó ai phản bác lại được, không cứ gì bố tôi: “Các dự tính cũng đổi thay.”

Ở New York, Ruth thuê của một bà cụ ở Lower East Side góc buồng xép vốn là chỗ treo quần áo, rộng chỉ vừa đủ chỗ ngả lưng. Đó là loại buồng duy nhất cô nàng trả nổi tiền thuê, và lại cô nàng không định ngồi nhà suốt ngày. Sáng sáng cô nàng cuộn tấm nệm đôi đẹp vào một góc, thế là có được một khoảng trống để xoay xở thay quần áo. Mỗi ngày cô nàng chỉ về lại đây một lần rồi đi ngay. Căn buồng chỉ là chỗ cô nàng cần để ngủ qua đêm

và để có địa chỉ cư trú, một cái lồng chim tuy bé tẹo nhưng cũng đảm bảo cho cô nàng có nơi trú chân trong thành phố này.

Cô nàng nhận việc chạy bàn trong một quán rượu. Trong giờ nghỉ cô nàng thả bộ đi không sót xó xỉnh nào của khu phố Manhattan. Tôi nhìn cô nàng, chân xỏ đôi ủng tạo cho cô nàng có vẻ ngang ngạnh, khi bước cô nàng nện gót trên hè xi măng, biết rằng hễ cô nàng tìm đến nơi nào thì y như rằng ở đó đã xảy ra án mạng mà nạn nhân là đàn bà. Dưới gầm khoang cầu thang hay ở tầng nào tít trên cao của những ngôi nhà chọc trời lộng lẫy. Cô nàng thường đứng cạnh cột đèn đường đưa mắt rà soát dãy phố bên kia đường. Cô nàng viết vài câu kinh cầu nguyện gắn vào nhật ký lúc ngồi ở quán cà phê hay quán rượu, nơi cô nàng ghé vào gọi món nào rẻ nhất trong thực đơn rồi đi vào phòng vệ sinh.

Với thời gian, cô nàng dần dần tin rằng mình có một thị lực thứ hai không ai khác có được. Cô nàng không biết nên làm gì với khả năng này ngoài việc tỉ mỉ ghi lại mọi chi tiết có thể sau này sẽ cần đến, nhưng cô nàng thấy mình dần dần can trường hơn, không còn biết sợ hãi như xưa. Thế giới những phụ nữ và trẻ em quá cổ mà cô nàng nhìn thấy quả có thực, hiện hữu song song với thế giới hàng ngày cô nàng sống trong đó.

Ray ngồi ở thư viện đại học Pennsylvenia, đọc một bài về những người già, bài có nhan đề in đậm ‘Hoàn cảnh đưa đến cái chết’. Bài viết tóm lược công trình nghiên cứu tiến hành ở các nhà dưỡng lão, tại đó nhiều bệnh nhân phản ánh với y tá và bác sĩ rằng đêm đêm họ thấy có người đứng ở cuối giường. Người đó thường tìm cách bắt chuyện hoặc gọi tên họ. Đôi khi các bệnh nhân bị những ảo giác này rơi vào trạng thái kích động đến nỗi người ta phải cho họ uống thuốc an thần hay buộc tay chân vào thành giường.

Bài viết giải thích tiếp rằng các bệnh nhân có những ảo giác này do trước đó đã bị những cơn đột quỵ nhẹ thường xảy ra trước khi chết. “Thói thường người ta cho đó là Thần chết. Nếu nhất thiết phải trao đổi về điều này với gia đình bệnh nhân, ta nên trình bày cho họ rõ đó là một loạt những cơn đột quỵ nhẹ có tác động cộng hưởng làm tình trạng kiệt quệ trầm trọng thêm.”

Ray đặt ngón tay làm dấu chỗ đang đọc dở trên trang sách rồi ngưng một lúc, thử hình dung giả như mình đang đứng ở bên giường một người bệnh cao tuổi, sẵn sàng đón nhận mọi tình huống xảy đến, biết đâu cũng sẽ thấy có gì đó lướt qua chạm vào người, như Ruth đã cảm nhận ở bãi đậu xe nhiều năm trước đây.

Tên Harvey vẫn lang bạt nay đây mai đó ở vùng Hành lang Đông Bắc, kéo dài từ khu ngoại vi quanh thành phố Boston xuống tới lằn ranh phía bắc của các bang miền nam, ở vùng này hẳn dễ kiếm ra việc, ít bị tra hỏi và thỉnh thoảng tìm cách sửa mình. Hẳn thích cư ngụ ở bang Pennsylvania và đã đi cùng khắp tiểu bang có chiều dài đáng kể này. Thỉnh thoảng hẳn cảm lều ngủ qua đêm ở phía sau một siêu thị 7-Eleven nằm ở lối ra xa lộ địa phương dẫn về khu chúng tôi, ở đó còn sót lại một cánh rừng nằm giữa một siêu thị mở suốt ngày đêm và khu đường ray vào sân ga xe lửa, lần nào đi qua đó hẳn đều thấy có thêm nhiều vỏ lon và mẩu thuốc lá hơn trước. Hễ có cơ hội hẳn hay tìm đường lái xe về gần khu nhà cũ. Hẳn liêu lĩnh làm chuyện này buổi sáng tinh mơ hay lúc đêm khuya, khi lũ gà lôi rừng, trước kia có rất nhiều ở vùng này, băng qua con lộ và đèn pha của xe hẳn rơi trúng những hốc mắt nhấp nháy phản chiếu ánh đèn lúc chúng lạch bạch chạy từ ven đường này sang bên kia. Sau này lũ thiếu niên và trẻ nhỏ không bị sai ra hái dâu ở khu giáp ranh vùng phố thị của chúng tôi nữa, vì hàng rào nông trại, nơi dâu leo mọc rậm đến trĩu rạp xuống, đã bị phá đi lấy chỗ xây nhà. Dần dần hẳn biết cách để không hái phải nắm dại và thỉnh thoảng hẳn ăn nắm trừ bữa khi phải ngủ qua đêm trên bãi cỏ chưa cắt tỉa trong

công viên Valley Forge. Một đêm nọ, tôi mục kích cảnh hãn tình cờ tìm thấy thi thể hai người cắm trại thiếu kinh nghiệm, chết vì ăn phải nấm độc, mới nhìn trông không khác loại nấm ăn được. Hãn khẽ khàng lục lọi móc hết tiền bạc tư trang rồi bỏ đi.

Chỉ có anh Hal, cu Nate, và con Holiday được Buckley cho vào trong pháo đài của em. Mảng cỏ bị hai tảng đá đè bẹp gì không mọc được nữa, và khi trời mưa nền pháo đài trở thành vũng nước hôi hám, nhưng nó vẫn còn đứng vững tuy Buckley không hay chui vào nữa. Cuối cùng chính anh Hal năn nỉ Buckley tu bổ nó.

“Mình phải trát kín lại không để nước vào, Buck ạ,” một ngày nọ anh Hal bảo em. “Em lên mười rồi, đủ lớn để cầm loại súng phun để hàn.”

Bà ngoại Lynn đồng lòng ngay, bà quý đám con trai. Bà khuyến khích Buck làm theo lời anh Hal. Mỗi khi biết anh Hal sẽ ghé qua nhà, bà sửa soạn thật đom đóm.

“Bà ngoại làm gì đấy?”, bố hỏi, vào một sáng thứ Bảy. Mùi thơm ngọt ngào của vỏ chanh, bơ và bột bánh vàng rộm từ lò nướng đã bắt ông rời phòng làm việc.

“Bà nướng bánh xốp,” bà ngoại Lynn đáp.

Bố tôi trở mắt nhìn bà ngoại, tự hỏi bà đã thành người dở hơi chưa: ông vẫn khoác áo choàng, mới mười giờ sáng mà trời nóng hơn 30 độ, thế mà bà đã diện quần chần, trang điểm xong xuôi. Rồi bố thấy anh Hal ngoài sân,

người chỉ mặc áo lót.

“Lạy Chúa, bà ơi,” bố nói. “Cậu ta còn trẻ quá mà...”

“Nhưng t-u-y-ê-t v-ờ-i!”

Bố tôi lắc đầu, ngồi vào bàn ăn. “Bao giờ bánh xốp nướng vì tình mới ăn được, hờ Mata Hari (2)?”

Vào tháng Chạp năm 1981, ông Len không muốn nhận cú điện thoại từ Delaware về một vụ án mạng ở Wilmington liên qua tới xác một cô gái phát hiện ở Connecticut năm 1976. Một viên thanh tra tận tụy ở lại làm thêm giờ đã kiên nhẫn lần tìm manh mối viên đá hộ mệnh có hình bang Pennsylvania trong vụ ở Connecticut, và truy đến danh sách ghi các đồ vật mất tích trong vụ án của tôi.

“Vụ này đã khóa sổ rồi,” ông Len trả lời người ở đầu dây bên kia.

“Chúng tôi muốn biết các anh hiện có dữ kiện gì.”

“George Harvey”, ông Len nói to khiến các nhân viên ở các bàn bên cạnh phải quay nhìn. “Án mạng xảy ra tháng Chạp năm 1973. Nạn nhân tên Susie Salmon, mười bốn tuổi.”

“Có tìm ra xác cô bé Simon đó không?”

“Salmon, nghĩa là cá hồi! Chúng tôi tìm được mỗi một mẫu xương khuỷu tay,” ông Len nói.

“ Cô bé còn bố mẹ chứ?”

“ Còn.”

“ Ở Connecticut tìm được răng. Các anh có hồ sơ về răng của cô bé không?”

“ Có.”

“ May ra gia đình họ sẽ thôi không còn khắc khoải mãi,” người kia nói với ông Len.

Len lại xuống tìm hộp đựng tang vật mà ông ta từng mong sẽ không bao giờ phải nhìn tới nữa. Hẳn ông sẽ phải gọi cho gia đình tôi. Nhưng ông muốn dềnh dàng trì hoãn, đợi khi nào biết chắc các món viên thành tra ở Delaware có trong tay là gì rồi mới tính tới.

Trong suốt tám năm qua, từ khi Samuel kể về bức sơ đồ Lindsey lấy trộm được, anh Hal vẫn âm thầm lùng tìm tung tích tên George Harvey thông qua mạng lưới nhóm bạn ưa lái mô-tô của anh. Song, giống ông Len, anh tự hứa sẽ không hé môi điều gì cho đến khi biết chắc đó là đầu mối thực sự. Đến nay anh chưa dám chắc về điều gì cả. Một đêm khuya nọ, lúc một người trong nhóm Hell's Angel tên là Ralph Cichetti tự động kể ra là đã từng vào tù, rằng anh ta tin rằng bà mẹ bị chính kẻ thuê nhà giết chết thì anh Hal mới đặt những câu anh hay hỏi. Nhằm mục đích loại nhân vật ra khỏi vòng khả nghi nếu không khớp. Anh hỏi về chiều cao, sức nặng và nghề nghiệp. Người kia khi nghe đến cái tên George Harvey thì chẳng có phản ứng, nhưng điều này không nói lên được gì. Tuy nhiên vụ này có vẻ không giống những vụ trước. Bà Sophie Cichetti đã bốn mươi chín tuổi. Bà bị đập chết ngay trong nhà, người ta tìm thấy vũ khí là một món đồ không



cạnh sắc vút gần thi thể còn nguyên vẹn của bà. Anh Hal đọc nhiều truyện về tội phạm hình sự nên biết rằng loại hung thủ này khi ra tay thường lặp lại một số hành vi rập theo một trình tự nhất định, theo những cách thức kỳ dị nhưng đối với chúng lại rất quan trọng. Vì thế, trong lúc anh Hal căng lại dây xích cho chiếc Harley rệu rã của Cichetti, hai người nói lan man sang đề tài khác, rồi nín thinh một lúc. Mãi đến khi Cichetti tình cờ kể một chi tiết khác thì tóc gáy anh Hal mới dựng cả lên.

“ Hẳn làm nghề lắp ráp nhà cho búp bê,” Ralph Cichetti nói.

Anh Hal gọi điện yêu cầu được nói chuyện ngay với ông Len.

Năm năm tháng tháng trôi qua. Cây cối trong vườn nhà chúng tôi cao hẳn lên. Tôi quan sát theo dõi người thân trong gia đình, bạn bè, hàng xóm và các thầy cô tôi từng theo học hoặc nghĩ rằng đã theo học, quan sát ngôi trường trung học tôi từng mong được vào học. Lúc ngồi ở vọng lâu, tôi giả như mình đang ngồi trên cành cao nhất của cây thích, dưới kia em trai tôi bị hóc que và vẫn chơi trốn tìm với cu Nate, hoặc là tôi đang ngồi trên một tay vịn cầu thang ở New York, chờ Ruth đi ngang qua. Tôi cùng ngồi học với Ray. Cùng ngồi xe với mẹ tôi chạy dọc xa lộ ven bờ biển Thái Bình Dương vào một buổi trưa ấm áp, không khí đậm mùi muối biển. Nhưng bao giờ tôi cũng kết thúc ngày của mình với bố tôi trong phòng làm việc của ông.

Tôi sắp xếp những bức ảnh chụp bất chợt, thu thập suốt thời gian theo dõi quan sát vào ký ức, và tôi có thể vạch ra được rằng một sự kiện – cái chết của tôi – nối kết những bức ảnh đó với nhau thành một mối duy nhất. Ngày trước khó ai tiên đoán được rằng sự mất mát tôi gây ra khi chết đi lại có thể làm thay đổi những khoảnh khắc ở trần thế đến mức nào. Song tôi đã chụp bắt được chúng, và sẽ cẩn trọng cất giữ mãi. Bao lâu tôi còn ở thiên đường đôi mắt nhìn theo thì không hình ảnh nào bị mất đi cả.

Ở buổi thánh lễ một chiều nọ, trong khi Holly thổi kèn xắc-xô và bà Bethel Utemeyer đàn hòa âm, tôi trông thấy nó: con Holiday chạy đua vượt qua một con Samoyed trắng mượt. Ở trần thế nó đã già lắm rồi; sau ngày mẹ tôi bỏ đi, nó hoàn toàn nằm ngủ dưới chân bố tôi, mắt lúc nào cũng lom lom canh cho bố. Nó đứng cạnh khi Buckley dựng pháo đài, và chỉ mình nó được phép nằm ở hàng hiên khi Lindsey và Samuel hôn nhau. Trong những năm cuối cùng của nó, sáng Chủ Nhật nào bà ngoại Lynn cũng làm cho nó một cái bánh kẹp quét bơ đậu phộng to bằng mặt chảo, đặt trên sàn, ngắm không chán mắt trò lấy mồm tấp bánh của nó.

Tôi chờ xem nó có đánh hơi thấy tôi không, vì tôi háo hức muốn biết rằng ở đây, tức thế giới bên kia đối với dương thế, tôi có vẫn là cô bé nó từng nằm lăn ngủ bên cạnh hay không. Tôi không phải chờ đợi lâu: nhìn thấy tôi nó cuống quít chạy xô tới đẩy tôi ngã lăn chiêng.

-----

1. “Gray’s Anatomy of the Human body”, sách giáo khoa do nhà cơ thể học Anh Henry Gray (1825-1861) soạn.
2. Mata Hari (1876-1917), vũ nữ Hà Lan, bị kết tội làm gián điệp cho Đức và bị xử bắn ở Pháp thời thế chiến II.

## CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Với tuổi hai mươi mốt, Lindsey đã trải qua nhiều giai đoạn của quá trình trưởng thành mà tôi không bao giờ có dịp thử nghiệm, nhưng về sau tôi thấy chẳng có gì đáng cho tôi phải tiếc nuối nữa. Thực ra em đi đâu cũng có tôi bên cạnh. Tôi lên nhận văn bằng tốt nghiệp đại học và cưỡi mô-tô ngồi sau lưng Samuel, vòng tay ôm chặt anh chàng, áp sát người vào lưng tìm hơi ấm...

Okay, đó là Lindsey chứ không phải tôi, tôi cũng tự biết thế. Nhưng khi dõi theo em, tôi thấy mình hòa nhập vào trong em dễ dàng hơn bất cứ người nào khác.

Buổi chiều sau lễ phát bằng tốt nghiệp, Lindsey và Samuel đi mô-tô về nhà bố mẹ tôi, sau khi hứa đi hứa lại với bố tôi và bà ngoại Lynn sẽ không đụng tới chai sâm banh nhét trong bọc gài bên hông xe cho đến khi về tới nhà. “Chúng con chẳng gì cũng là sinh viên tốt nghiệp cơ mà!”, Samuel nói. Bố tin tưởng Samuel – dù quen biết lâu năm rồi nhưng cậu ta cư xử đàng hoàng trước sau như một với cô con gái còn sống sót của ông.

Nhưng lúc hai cô cậu còn ở trên đường số 30 từ Philadelphia về nhà thì trời đổ mưa. Ban đầu mưa nhỏ thôi, như những mũi kim hắt vào em gái tôi và Samuel ở tốc độ năm mươi dặm một giờ. Nước mưa mát lạnh rơi xuống mặt đường nhựa nóng khô nẻ liền bốc thứ mùi cháy khét của nhựa nung suốt ngày dưới cái nắng gay gắt tháng Sáu. Lindsey thích tựa đầu chỗ giữa hai bả vai Samuel, hít thở mùi đường nhựa và mùi lá các bụi cây nằm rải rác hai bên đường. Em nhớ lại vài tiếng đồng hồ trước khi trời nổi cơn dông, gió lốc thổi tốc lễ phục màu trắng của các sinh viên tốt nghiệp đang đứng chờ trước Hội trường Macy. Có một lúc trông ai như cũng sắp bay bổng theo chiều gió.

Cuối cùng, tám dặm trước lối rẽ về nhà chúng tôi, mưa bỗng nặng hạt quật rất cả người. Samuel quay ra sau kêu to để Lindsey nghe ra rằng anh chàng phải dừng xe lại.

Hai người tạt vào lề đường, ở một đoạn có cây cối xum xuê như thường thấy ở giữa hai khu thương mại lớn, những khoảng đất trống dần dà sẽ biến đi theo đà phát triển đô thị, nhường chỗ cho một thương xá khác hoặc một đại lý buôn phụ tùng xe hơi. Chiếc mô-tô đảo qua đảo lại nhưng không đỗ xuống vệ đường rải sỏi ướt nhẹp. Samuel dùng chân chống xe, nhớ lời anh Hal dặn, chờ Lindsey xuống đi ra xa vài bước rồi mới xuống sau.

Anh chàng đẩy miếng kính che mặt trên mũ bảo hiểm lên rồi nói to với em gái tôi: “Chỗ này không được. Anh phải đẩy xe tới dưới những gốc cây kia.”

Lindsey theo sau, tiếng nước mưa nghe nhỏ hần dưới chiếc mũ bảo hiểm có đệm của em. Hai người tìm chỗ đặt chân trên sỏi đá và bùn lầy, đạp lên cả cành cây và rác rưởi vun bên đường. Mưa có vẻ càng lúc càng to hơn, em gái tôi lúc đó mới thấy mình thay bộ lễ phục, xỏ bộ quần áo da theo lời anh Hal là đúng, anh bảo cần phải mặc vậy, còn em phản đối bảo trông mình giống mấy người bệnh hoạn sinh lý.

Samuel đẩy mô-tô vào hàng cây sồi sát bên đường. Lindsey theo sau. Tuần trước hai đứa đến cắt tóc ở cùng một hiệu trên đường Market; tuy tóc Lindsey nhạt và mịn hơn tóc Samuel, ông phó cáo vẫn cắt cho hai đứa cùng một kiểu ngắn như lông nhím. Chúng tháo mũ bảo hiểm rồi thì chỉ nháy mắt sau những giọt mưa to len qua kẽ lá đã bám trên tóc, thuốc tô riềm mi của Lindsey bắt đầu chảy xuống má nhòe nhòe. Tôi nhìn Samuel lấy đầu ngón tay cái lau vết loang trên má Lindsey. “Chúc mừng em đã tốt nghiệp,” anh chàng nói trong bóng tối và ôm hôn em.

Ngay từ lần đầu tiên hai đứa hôn nhau trong bếp nhà tôi, cách hai tuần sau ngày tôi mất, tôi biết rằng anh chàng – như tôi và em gái luôn khúc khích cười khi chơi búp-bê hay xem Bobby Sherman trên truyền hình – là người duy nhất em sẽ yêu suốt đời. Giữa lúc em gái tôi gặp khó khăn thì Samuel luôn ở cạnh đỡ đỡ em, nên lớp keo gắn bó hai đứa kết chặt ngay từ lúc đó. Cả hai đứa cùng vào trường Temple, sát cánh bên nhau. Anh chàng ghét học ở đó nhưng nhờ Lindsey thúc bách nên cũng đi đến cùng. Nhờ em ham học quá nên anh chàng mới trụ được lâu thế.

“Mình thử tìm chỗ nào tán lá kín nhất dưới đám cây kia để núp đi,” anh chàng hỏi.

“Thế còn xe?”

“Chắc lát nữa tạnh anh Hal sẽ phải đón bọn mình.”

“Chán quá!” Lindsey nói.

Samuel cười, nắm tay kéo em cùng đi. Đúng lúc ấy tiếng sấm đầu tiên rền vang làm Lindsey giật bắn người. Anh chàng kéo em sát lại. Những tia chớp lóe còn ở mãi đằng xa nhưng ngay sau đó tiếng sấm vang rền đất trời. Em cảm nhận giông bão không giống tôi, chỉ thấy hốt hoảng bồn chồn và tinh thần căng thẳng. Trong trí em toàn tưởng tượng thân cây bị xé đôi, nhà cửa bốc cháy và lũ chó trong khu ngoại ô cuống cuồng chạy xuống hầm trốn chui trốn nhủi.

Hai người chạy dưới tàn lá, tuy nấp bóng hàng cây cao mà vẫn ướt sũng. Mới xế chiều mà trời tối mịt, chỉ còn ánh đèn pin của Samuel. Tuy vậy cả hai vẫn thấy đây là chỗ có nhiều người qua lại. Ứng của họ đập lạo xạo trên vỏ hộp hay va phải vỏ chai. Lúc ngược mắt nhìn qua tán lá rậm rạp trong bóng tối, cả hai thấy một hàng cửa sổ kính đã vỡ của một ngôi nhà cổ kiến trúc kiểu thời nữ hoàng Victoria. Samuel lập tức vặn tắt đèn.

“Anh nghĩ có người trong nhà đó không?” Lindsey hỏi.

“Không thấy đèn đóm gì.”

“Trông như có ma ám vậy.”

Hai đứa nhìn nhau rồi em gái tôi nói điều cả hai cùng nghĩ. “Miễn khô ráo là được!”

Cả hai nắm tay nhau chạy ào tới ngôi nhà dưới cơn mưa như trút nước, cố gắng không để bị vấp ngã trong lớp đất nhão như bùn.

Lúc đến gần hơn Samuel nhìn ra sườn mái nhà dốc đứng và cây thập giá nhỏ bằng gỗ treo dưới đầu hồi. Phần lớn cửa sổ tầng trệt đều được chặn bít bằng những tấm ván, còn cửa chính lại mở toang, hai cánh cửa quật qua quật lại, đập vào bức tường trát vữa bên trong. Tuy Samuel thích đứng dưới mưa ngược mắt ngắm nghía sườn mái chìa và đường gờ trên tường hơn nhưng anh chàng đành chạy ào vào trong với Lindsey. Hai người dịch sâu vào trong, cách xa cửa một quãng, run lập cập căng mắt nhìn ra cánh rừng vây quanh, ngôi nhà xây ở một khu vực nằm ngoài khu ngoại ô thành phố. Tôi đi rà soát ngay một vòng các căn buồng của ngôi nhà cổ này. Chẳng có ai khác ngoài hai đứa. Không có yêu tinh ma quái nấp sẵn ở góc ngách nào đó, không có dân vô gia cư tìm đến đây ăn dầm ở dề.

Những khu đất bỏ hoang phế kiểu này dần dà sẽ không thấy đâu nữa, song chính những nơi này lại in dấu ấn lên tuổi thơ của tôi đậm hơn bất cứ đâu. Chúng tôi dọn đến một trong những khu định cư đầu tiên thiết kế trên vùng đất trước kia là trang trại – khu này sau đó trở thành kiểu mẫu và từ đó nảy sinh vô số những khu dân cư muôn màu muôn vẻ khác. Song trí tưởng tượng của tôi hay tìm về lân la ở những khúc đường chưa đặt nghet bảng

hiệu quảng cáo màu mè chói lọi, hệ thống cống rãnh, mặt đường tráng nhựa và những thùng thư to quá khổ. Với Samuel cũng thế.

“Đẹp hết ý!”, Lindsey nói. “Theo anh ngôi nhà này xây bao lâu rồi?”

Tiếng Lindsey vang dội trở lại từ mấy vách tường, như thể cả hai đang đứng trong một giáo đường trống không.

“Mình đi một vòng xem sao,” Samuel nói.

Những khung cửa sổ tầng trệt bị bít ván nên khó thấy được gì, nhưng nhờ ánh đèn pin của Samuel họ nhận ra có lò sưởi và thanh gỗ ốp chạy vòng quanh tường.

“Em nhìn xuống sàn mà xem,” Samuel nói. Anh chàng quỳ xuống, kéo theo Lindsey. “Em thấy các thanh gỗ họ ghép công phu chưa? Chủ nhà này hẳn thừa tiền hơn hàng xóm rồi đấy.”

Lindsey tủm tỉm cười cười. Nếu ông anh Hal chỉ quan tâm xem động cơ mô-tô vận hành ra sao, thì Samuel đầu óc lúc nào cũng luẩn quẩn nghĩ đến gỗ và đồ mộc.

Anh chàng lấy ngón tay di di lên mặt sàn, bảo Lindsey làm theo. “Một công trình cổ đẹp như vậy mà để hư hao hết,” Samuel nói.

“Chắc xây kiểu thời Victoria?” Lindsey cố đoán thử.

“Thoạt đầu anh cũng nghĩ thế,” Samuel đáp, “nhưng kiểu Gô-tích Phục hưng(1) thì đúng hơn. Anh có thấy họa tiết cây thập tự ở đầu hồi, như vậy nhà này xây sau năm 1860.”

“Anh nhìn kìa,” Lindsey nói.

Cách đây đã lâu, rất lâu, có người chất củi đun bếp lửa ở giữa nhà.

“Thật là cả một thảm kịch,” Samuel nói.

“Sao họ không dùng lò sưởi nhỉ? Phòng nào cũng có sẵn mà.”

Nhưng Samuel còn đang bận nhìn lên lỗ thủng trên trần nhà do lửa gây ra, cố nhận cho ra các họa tiết trên các vì kèo viền theo khung các cửa sổ.

“Mình lên gác đi,” anh chàng nói.

“Em có cảm tưởng như đang ở trong hang động,” Lindsey nói khi leo cầu thang. “Im ắng quá, đến cả tiếng mưa cũng không nghe thấy.”

Samuel vừa đi vừa vỗ vỗ bàn tay lên lớp vôi trên vách. “Vách tường kiểu này có nhốt người xây bít kín lại cũng được đấy.”

Thế là đột nhiên lại có một khoảnh khắc gây xốn xang nhức nhối mà cả hai với thời gian tập dần được cách lờ đi, để cho trôi qua, còn tôi tiếp tục sống để ngăn ngừa điều đó. Cách lảng tránh câu hỏi vô cùng quan trọng: Tôi đang ở nơi chốn nào? Có đến nhắc đến tôi không? Có nên nêu thắc mắc và trao đổi ưu tư về tôi không? Hiện thời câu trả lời thường là ‘không’ làm tôi thất vọng. Không còn có lễ tưởng niệm Susie trên cõi đời này nữa.

Nhưng có điều gì đó làm cho ngôi nhà này và thời điểm một buổi tối – những dấu mốc như ngày lễ tốt nghiệp và ngày sinh nhật luôn luôn cho thấy là ở đâu đó trong tâm khảm mọi người hình ảnh tôi vẫn sống động hơn bao giờ hết – đã tác động khiến lúc đó Lindsey để tâm hồi tưởng về tôi lâu hơn mọi lần. Cho đến nay em chưa hề mở môi với ai. Em nhớ lại cảm giác như đang ở trong cơn mê khi đột nhập vào nhà tên Harvey và từ đấy vẫn



thường xuyên sống lại trạng thái đó: rằng tôi đang ở đâu đây bên cạnh em, thâm nhập vào tâm trí và tay chân em, và cùng đi song song như hai chị em sinh đôi.

Lên đến đầu cầu thang thì cả hai thấy lối đi vào căn phòng mà lúc đứng dưới họ cứ ngẩng lên nhìn mãi.

“Anh muốn ngôi nhà này thuộc về anh,” Samuel nói.

“Anh nói gì lạ vậy?”

“Ngôi nhà này cần bàn tay của anh, anh cảm thấy rõ như thế.”

“Có lẽ anh nên đợi lúc mặt trời ló ra đã rồi quyết định cũng chưa muộn,” Lindsey đáp.

“Đây là ngôi nhà đẹp nhất anh thấy từ trước đến nay,” anh chàng nói.

“Samuel Heckler”, em gái tôi trêu, “thợ chuyên gắn ráp đồ vỡ hỏng.”

“Cứ chê đi rồi biết,” anh chàng đáp.

Cả hai đứng đó, không nói gì nữa, hít thở mùi không khí ẩm ướt luồn qua ống khói lửa vào trong phòng. Dù tiếng mưa rơi chưa dứt, Lindsey cảm thấy như đang trú ẩn ở một nơi xa xôi nào đó của thế giới này, bên cạnh là người mình yêu thương nhất đời đang chở che ấp ủ mình.

Em nắm tay anh chàng, và tôi cũng cùng đi với hai người đến cửa một căn phòng nhô ra xa nhất phía mặt tiền. Phòng này hình bát giác, xây nhô ra trên cửa chính ở tầng dưới.

“Cửa sổ lỗi,” Samuel nói. Anh chàng quay qua Lindsey, “Khi các mặt của

cửa sổ xây nhô ra, quay lại như thế này, làm thành căn phòng bé tí, người ta gọi là cửa sổ lồi.”

“Anh nhìn thấy là mê mẩn rồi chứ gì?” Lindsey cười hỏi.

Tôi già từ, để hai người ở lại đó với bóng đêm và tiếng mưa rơi. Tôi tự hỏi không biết khi Lindsey và Samuel đưa tay kéo khóa mở bộ đồ da ra thì liệu em có nhận thấy trên bầu trời không còn lóe lên những tia chớp nữa, và tiếng rên vang trong cổ họng Ông Trời – tiếng sấm làm kinh động nọ - cũng đã ngừng bật rồi.

Ngồi trong phòng làm việc của mình, bố tôi với tay cầm quả cầu tuyết lên. Cảm giác mát lạnh ở đầu ngón tay khi chạm thủy tinh làm ông thấy tâm hồn thanh thản, ông lắc lắc quả cầu để nhìn chú chim cánh cụt biến mất rồi lại từ từ hiện ra khi bông tuyết rơi xuống hết.

Anh Hal đi từ chỗ làm lễ tốt nghiệp về được đến nhà bằng xe mô-tô, nhưng việc này thay vì trấn an bố tôi – rằng nếu có một chiếc mô-tô đương đầu nổi với đông bão, cho phép người lái về được đến nhà an toàn, thì chiếc mô-tô kia hẳn cũng sẽ thế - hình như càng làm tăng mối lo cho ông rằng có khả năng xảy ra toàn chuyện ngược lại.

Suốt buổi lễ tốt nghiệp của Lindsey ông cảm nhận điều có thể gọi là nỗi hân hoan trĩu nặng ừ sâu. Buckley ngồi cạnh ông, tự đảm nhận nhiệm vụ nhắc bố cười hay phản ứng tùy theo tình thế đòi hỏi ra sao. Bản thân ông cũng biết phải làm gì đấy chứ, nhưng hồi này khả năng kết hợp các đầu mối dây thần kinh của ông không còn được nhanh nhạy như người bình thường – hay ít ra đó là cách ông tự lý giải. Tương tự khái niệm khoảng thời gian cần để phản ứng, trong các hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại mà ông nhận được. Có một khoảng thời gian trung bình, tính bằng giây đồng hồ, cho đa số người kể từ thời điểm họ nhận thấy có gì đấy đang ập đến – một chiếc xe hơi khác, một khối đá lăn trên triền đồi xuống đường – và thời điểm họ

phản ứng lại. Thời gian bố tôi cần để phản ứng lại tính ra lâu hơn so với đa số người khác, như thể ông sống trong một thế giới mà ở đó ông bị cướp mất vĩnh viễn khả năng cảm nhận chính xác mọi thứ.

Buckley gõ vào cánh cửa chỉ khép hờ của phòng làm việc.

“Vào đi con,” bố nói.

“Hai anh chị ấy không bị gì đâu bố à.” Ở tuổi mười hai em trai tôi trông đã có vẻ nghiêm nghị, làm gì cũng có ý tứ. Tuy chưa làm ra tiền để mua đồ ăn thức uống trong nhà hay biết lo bếp núc, song em trông coi sắp xếp mọi chuyện trong gia đình.

“Hôm nay con mặc trông ra vẻ lắm đấy,” bố tôi nói.

“Cám ơn bố.” Em trai tôi chú trọng việc này lắm. Em muốn bố tôi tự hào về em nên chịu khó bỏ thì giờ sửa soạn cho tươm tất, thậm chí sáng nay em còn nhờ bà ngoại Lynn cắt bớt chỗ tóc trên trán đã dài phủ cả mắt. Em trai tôi đang ở thời kỳ khó khăn nhất của tuổi thiếu niên. Bình thường em chỉ mặc loại áo thun cộc tay và quần jeans kiểu rộng lưng thùng, nhưng hôm nay em lại muốn đóng bộ. “Anh Hal và bà ngoại chờ bố con mình dưới kia,” em nói.

“Chờ chút bố xuống ngay.”

Lần này Buckley đóng hắt cửa lại, nghe rõ tiếng then sập vào ổ khóa.

Mùa Thu ấy bố tôi đưa đi rửa cuộn phim cuối cùng trong các cuộn ‘Phim giữ lại không rửa’ cất trong tủ của tôi. Ông đi lại mở ngăn bàn, thận trọng lấy ra mấy tấm hình cầm lên ngắm, như ông vẫn thường làm mỗi khi bảo cả nhà đợi ông thêm ít phút trước bữa tối, hoặc khi ông xem truyền hình hoặc đọc báo thấy có tin tức gì đó làm ông đau lòng.

Ông đã nhiều lần giảng cho tôi hiểu rằng những gì gọi là ‘ảnh nghệ thuật’ của tôi chỉ là chụp bất thần không ngắm và căn kỹ, song tấm chân dung đẹp nhất của ông là tấm tôi nghiêng chếch máy chụp, khuôn mặt ông chiếm hết khung vuông 8 x 8 cm nếu xoay ảnh thành hình quả trám, khi cầm lên như giữ viên kim cương giữa hai đầu ngón tay.

Hắn là tôi đã chịu khó lắng nghe những chỉ dẫn của ông về góc ngắm và phối cảnh khi chụp những tấm hình ông cầm trong tay. Khi đưa phim đi tráng, ông không rõ phim chụp những gì và vào ngày tháng nào. Có cơ man nào là hình chụp con Holiday, nhiều tấm chụp hai bàn chân tôi hay bãi cỏ. Những quả cầu xám mờ mờ trong không trung là đàn chim đang bay, còn những vết lợn cợn nọ là do tôi thử chụp cảnh mặt trời lặn phía sau cảnh liễu rủ. Đến một hôm nào đó tôi quyết định chụp ảnh chân dung mẹ. Hôm mang ảnh về, bố tôi ngồi nán lại trong xe, thần người nhìn ảnh một người đàn bà ông có cảm tưởng chưa bao giờ thực sự thấu hiểu tâm tư.

Từ dạo đó, ông xem đi xem lại những tấm hình này không biết bao nhiêu lần, mỗi khi ngắm khuôn mặt người đàn bà này ông lại thấy trong lòng xôn xao. Phải một thời gian dài sau đó ông mới hiểu ra. Chỉ mới gần đây thôi, hệ thống liên hợp dây thần kinh trước bị hư hại nặng của ông nay lành lại, giúp ông tìm được tên gọi hiện tượng này. Lại một lần nữa ông rơi vào tình trạng phải lòng một người đàn bà.

Ông không hiểu nổi làm sao hai người đã lấy nhau, hằng ngày thấy mặt nhau mà lại có thể quên mất dung nhan của nhau được. Song, nếu ông phải tìm một cái tên cho hiện tượng đã xảy ra thì đúng là như thế thật. Chính hai tấm ảnh nằm cuối cuộn phim đã giúp giải mã vấn đề. Lúc ấy bố đi làm vừa về đến cổng – tôi nhớ đã đòi mẹ chỉ chú ý đến tôi trong lúc con Holiday sủa vang khi nghe tiếng xe chạy vào ga-ra.

“Bố vào đến nơi kia kìa,” tôi nói. “Mẹ đừng nhúc nhích nhé.” Bà ngồi yên. Một trong những lý do khiến tôi thích bộ môn nhiếp ảnh là uy quyền tôi có được đối với người đứng trước ống kính, cho dù đó là bố mẹ mình.

Tôi liếc thấy bố vào vườn bằng ngả cửa bên hông nhà. Ông xách cái cặp mỏng mà nhiều năm trước Lindsey với tôi từng hăm hở lục lọi, song chẳng thấy gì hay ho trong đó. Đúng lúc ông đặt cặp xuống, tôi bấm nút thu bức hình cuối cùng chụp mẹ tôi đứng một mình. Ngay hồi đó mắt mẹ đã có vẻ lơ đãng và lo âu khắc khoải, cứ như ẩn sau chiếc mặt nạ rồi lại hiện ra. Trong tấm ảnh kế tiếp chiếc mặt nạ đã có đó rồi, tuy chỉ phần nào thôi, nhưng đến tấm cuối cùng, khi bố nghiêng người hôn lên má bà thì chiếc mặt nạ đã yên chỗ đâu vào đấy.

“Anh đã làm em khổ tâm đến thế sao?” bố hỏi người trong hình, mắt đắm đắm nhìn những bức ảnh mẹ tôi bày thành hàng. “Sao lại ra nông nổi thế được nhỉ?”

“Hết sấm sét rồi,” em gái tôi nói. Da em ươn ướt lần này không phải do mưa mà vì mồ hôi rịn.

“Anh yêu em,” Samuel nói.

“Em biết.”

“Không, anh muốn nói anh yêu em và muốn lấy em, rằng anh còn muốn ở hẳn trong ngôi nhà này!”

“Anh nói sao?”

“Thế là thoát nạn với cái trường đại học khốn khiếp kia!”, Samuel la to. Căn phòng nhỏ bé thu hết tiếng anh chàng, chỉ để lại một ít âm hưởng từ những bức tường đồ sộ.

“Không, với em thì không,” Lindsey nói.

Đang nằm cạnh em gái tôi, Samuel nhóm dậy, quỳ trước mặt em. “Bằng lòng lấy anh đi nhé.”

“Samuel?”

“Anh chán cứ phải thức hiện những gì gọi là phải lẽ. Lấy anh đi, rồi anh sẽ biến cơ ngơi này thành một nơi tráng lệ.”

“Thế ai lo chu cấp cho hai đứa đây?”

“Mình chứ ai,” anh chàng đáp, “xoay xở được thôi.”

Lindsey nhóm dậy, quỳ như anh chàng. Cả hai chưa mặc lại hết quần áo nên khi nhiệt độ trong người giảm dần thì bắt đầu thấy lạnh.

“VẬY ĐỒNG Ý.”

“Đồng ý là sao?”

“Em nghĩ em cũng lo được,” em gái tôi đáp. “Nghĩa là, em bằng lòng!”

Có một số câu nói khuôn sáo tôi chỉ hiểu được khi chúng bay hết tốc lực đến tận thiên đường của mình. Tôi chưa từng tận mắt nhìn thấy một con gà

bị chặt cụt đầu. Và cũng chưa hề quan tâm đến, ngoại trừ chuyện nó với tôi cùng phải chịu chung số phận. Song tôi cứ cun cút chạy loanh quanh trong thiên đường của tôi như...một chú gà mất đầu! Tôi sung sướng đến nỗi cứ gào mãi mãi câu. Ôi, em gái của chị! Samuel yêu quý của chị ời! Ôi, giấc mơ của tôi đã thành sự thật!

Lindsey bật khóc. Anh chàng vòng tay kéo em sát lại, đừng đưa người.

“Em có sung sướng không, cưng?” Samuel hỏi.

Em gật đầu trên vòng ngực trần của anh chàng. “Có”, em đáp, rồi sững người lại. “Bố em”. Em ngược nhìn Samuel. “Em biết chắc là ông nóng ruột lắm.”

“Chắc chắn rồi,” anh chàng nói, cố gắng suy nghĩ cùng một hướng với em.

“Còn cách nhà bao xa?”

“Khoảng mười dặm,” Samuel đáp. “Hoặc tám.”

“Vậy mình chạy cũng tới,” em nói.

“Em đúng là điên.”

“Mình có giày để chạy trong giỏ xe mà.”

Không thể khoác bộ quần áo da để chạy nên hai đứa chỉ mặc đồ lót với áo thun cộc tay phóng ào đi. Chưa ai trong gia đình tôi từng ra đường mà gần giống với mấy người hay khóa thân chạy bộ đến thế. Samuel, quen lệ bao năm, chạy trước cho em gái tôi chạy theo. Đường như vắng hẵn bóng xe ô-tô, nhưng khi có chiếc nào chạy qua thì nước bắn lên cao như bức tường làm hai đứa nín hơi phát ngộp thở. Hai đứa đã nhiều lần chạy dưới mưa,

nhưng chưa từng gặp mưa to thế này. Cả hai bày trò xem ai tìm được nhiều chỗ trú hơn trong cuộc chạy đường dài này, nên không ngớt chạy ra chạy vào náu mình dưới những cành cây xò ra, mặc cho đất cát bám đầy chân. Sau dặm đường thứ ba thì cả hai im lặng đều bước theo nhịp quen thuộc từ nhiều năm nay, tập trung vào hơi thở và tiếng giày ướt gõ trên mặt đường.

Một lúc nào đấy, khi chạy qua một vùng nước – vì chán vòng né tránh – Lindsey liên tưởng đến cái hồ tắm trong khu phố mà chúng tôi ghi tên đến bơi hàng tuần, cho đến lúc cái chết của tôi chấm dứt cuộc sống cởi mở không có gì che đậy của gia đình tôi. Hồ bơi nằm đâu đó trên đoạn đường này, nhưng Lindsey không ngần đầu tìm tưởng rào lưới mắt cá quen thuộc. Thay vào đó, em nhớ đến một kỷ niệm khác. Em và tôi ở dưới mặt nước, trong bộ đồ tắm viền đăng-ten. Hai chị em ở dưới mặt nước mà mắt vẫn mở, đó là một kỹ năng mới tập được – với em là lần đầu – đứa này nhìn thân thể đứa kia đang bồng bềnh dưới nước. Tóc lượn lơ trôi, đăng-ten ở mép váy rập rình, hai má phồng vì giữ hơi. Thế rồi thoát một cái, hai đứa chộp lấy nhau, cùng trôi lên làm tóe sóng trên mặt nước. Chúng tôi hít không khí vào thật sâu trong phổi – tai vẫn còn lù lù búng – rồi cùng phá lên cười khanh khách.

Tôi dõi nhìn cô em xinh xắn chạy bộ, hai buồng phổi bơm không khí ra vào đều nhịp với đôi chân, kỹ năng học được ở hồ bơi này vẫn được dùng đến – căng mắt nhìn qua màn mưa, cố gắng nhấc chân theo nhịp Samuel định sẵn, và thế là tôi hiểu em không hề quên lãng tôi, cũng không chạy trở ngược kiếm tìm tôi mãi. Như một kẻ sống sót sau khi trúng đạn ở bụng, nay vết thương đang dần dần khép miệng, đóng lại – thành sẹo sau tám năm dang dở.

Khi cả hai chỉ còn cách nhà chừng một dặm thì mưa ngớt hẳn, đây đó sau cửa sổ các nhà dọc đường có người đứng ngóng ra đường phố.



Samuel giảm tốc độ xuống, Lindsey cũng chạy chậm lại. Áo thun dán người chúng như lớp hồ.

Lindsey bị cứng khớp một bên người, em cố làm cho giãn cơ rồi khi hết cơn em lại chạy nhanh không kém Samuel. Thành linh cả người em như nổi gai ốc, em cười hớn hở miệng rộng đến mang tai.

“Mình sắp thành vợ chồng!” em kêu lên, anh chàng đứng khựng lại, ôm lấy em nhấc bổng lên, cả hai cứ thế đứng đó hôm nhau không cần biết đến chiếc xe hơi vừa vượt qua, người lái xe bấm còi inh ỏi.

Khi chuông cửa nhà tôi réo vang thì đã bốn giờ chiều, anh Hal đang đứng trong bếp, người khoác tấm tạp dề trắng cũ của mẹ tôi, lo cắt bánh sôcôla hạnh nhân cho bà ngoại Lynn. Anh thích được giao việc, thấy mình không vô tích sự, còn bà ngoại tôi cũng ưa giao việc cho anh. Hai người thành một nhóm làm việc ăn ý nhau. Còn cậu vệ sỹ Buckley thì chỉ mê ăn.

“Để tôi ra mở cửa,” bố tôi nói. Suốt lúc trời mưa, ông cố giữ để không suy sụp tinh thần bằng mấy cốc vai Whisky và sô-đa mà bà ngoại Lynn pha không đo lường theo công thức nào cả.

Lúc này ông linh hoạt hẳn, dáng điệu thanh thoát như vũ công ba-lê đã nghỉ hưu, sau nhiều năm bắt buộc phải nhún nhảy chỉ trên một chân, nay thích dùng chân kia hơn.

“Bây giờ thì bố hết lo,” ông nói thế khi mở cửa.

Thấy Lindsey khoanh tay che ngực, bố tôi cũng phải bật cười, ông nhanh nhẩu quay vào buồng xép gần cửa lòi ra mấy tấm chăn để sẵn. Samuel lo quần cho Lindsey trước, còn bố tôi choàng vội cái khác lên vai Samuel. Trên sàn nhà nước đọng thành vũng. Lindsey vừa quần chăn đâu vào đấy thì Buckley, anh Hal và bà ngoại Lynn từ bếp bước ra.

“Buckley à,” bà ngoại bảo, “tìm chăn đem ra đây cháu.”

“Trời thế này mà hai em đi mô-tô về à?” anh Hal thắc mắc hỏi.

“Không, chúng em chạy bộ,” Samuel đáp.

“Trời đất?”

“Mình vào phòng sinh hoạt đi,” bố tôi nói. “Ta sẽ đốt lò sưởi lên.”

Trong lúc hai cô cậu ngồi quay lưng lại với lò sưởi, lúc đầu vừa run lập cập vừa uống ly rượu mạnh bà ngoại Lynn bảo Buckley bưng ra trên tấm khay bạc, thì mọi người yên lặng nghe kể về chiếc mô-tô, về toàn nhà và căn phòng hình tám cạnh có loại cửa sổ lỗi làm Samuel vừa thấy là mê mẩn.

“Thế chiếc mô-tô không sao chứ?”, anh Hal hỏi.

“Chúng em đã thử đủ cách,” Samuel đáp, “nhưng phải câu nó về thôi.”

“Hai đứa an toàn là bố mừng quá rồi,” bố tôi nói.

“Chúng cháu chạy bộ về nhà là vì bác đấy, bác Salmon ạ.”

Bà ngoại và em trai tôi ngồi ở đầu kia căn phòng, xa ngọn lửa.

“Chúng con không muốn có ai ở nhà phải lo lắng,” Lindsey nói.

“Nhất là bác, Lindsey không muốn bác phải lo âu.”

Căn phòng im ắng đi một lúc. Dĩ nhiên điều Samuel vừa nói là đúng, nhưng cũng nêu rõ một sự đương nhiên; Lindsey và Buckley khi tổ chức sắp xếp sinh hoạt của mình luôn luôn phải dự liệu những gì có thể tác động trực tiếp đến người cha sức khỏe mỏng manh.

Bà ngoại nhìn Lindsey, nháy mắt ra hiệu. “Hal, Buckley và bà đã làm bánh sôcôla hạnh nhân,” bà nói. “Còn vài cái Lasagna(2) để trong tủ lạnh, nếu muốn ăn thì bà bỏ ra sẵn cho rã đông.” Bà đứng dậy, em trai tôi cũng đứng lên theo, sẵn sàng phụ bà một tay.

“Cháu muốn ăn bánh sôcôla hạnh nhân, bà ngoại Lynn ạ,” Samuel nói.

“Bà ngoại Lynn à? Bà thích nghe cháu gọi tên như thế,” bà nói. “Thế cháu có sắp gọi Jack bằng tên ‘Jack’ chưa?”

“Có lẽ sắp ạ.”

Buckley và bà ngoại vừa ra khỏi phòng, anh Hal cảm thấy hình như bầu không khí lại căng thẳng như lúc này, vội nói: “Cháu cũng vào phụ luôn.”

Lindsey, Samuel và bố tôi lắng nghe tiếng lao xao trong bếp. Họ nghe rõ cả tiếng kim của chiếc đồng hồ đặt ở góc phòng mà mẹ tôi gọi là ‘chiếc đồng hồ thô kệch thời thuộc địa’(3).

“Bố cũng biết bố có tính hay lo,” bố tôi nói.

“Samuel không có ý nói thế đâu,” Lindsey nói.

Samuel nín lặng, tôi chăm chú nhìn anh chàng.

“Thưa bác Salmon,” cuối cùng anh chàng lên tiếng – vẫn chưa gọi bố tôi

bằng tên ‘Jack’ – cháu đã ngỏ lời hỏi Lindsey có muốn lấy cháu không.”

Tim Lindsey như bật lên nằm chẹn cổ họng, nhưng em không nhìn Samuel. Em nhìn bố tôi.

Buckley bưng vào một đĩa bánh sôcôla hạnh nhân, anh Hal theo sau, một tay cầm mấy ly sâm banh dốc ngược, kẹp giữa mấy ngón tay, tay kia cầm chai rượu hiệu Dom Perignon năm 1978. Anh nói: “Đây là quà bà ngoại mừng ngày các em tốt nghiệp.”

Rồi tới bà ngoại Lynn, hai tay không mang gì hết ngoài ly Whisky sô-đa với đá cục, lấp lánh phản chiếu ánh đèn trông như một bình kim cương trong suốt không khác băng đá.

Với Lindsey như thế ngoài em với bố ra không còn ai nữa. “Ý bố thế nào ạ?”

“Ý bố là,” bố vừa nói vừa đứng lên bắt tay Samuel, “bố chỉ mong có được chàng rể như cháu mà thôi.”

Nghe hai chữ ‘chàng rể’ bà ngoại Lynn reo to: “Lạy chúa, cưng ời! Bà chúc mừng hai cháu.”

Ngay cả Buckley cũng thoát ra khỏi sợi dây trói buộc hàng ngày, hồ hởi mừng vui, một thái độ hiếm thấy nơi em. Song tôi nhìn thấy sợi dây mỏng manh, đang đưa vắn nối liền em gái tôi với bố tôi. Sợi dây vô hình có thể làm chết người được.

Tiếng nứt chai sâm banh bật nghe giòn tan.

“Cháu có tay nghề ghê gớm!” bà ngoại nói với anh Hal đang rót rượu.

Buckley là người nhìn thấy tôi trong lúc bố và em gái tôi cùng ra ngồi nghe bà ngoại Lynn không dứt lời chúc tụng cháu. Em trai tôi thấy tôi đứng dưới chiếc đồng hồ thô kệch cổ lỗ, thế là em cũng người nhìn. Em nốc một ngụm sâm banh. Từ toàn thân tôi tỏa ra những sợi tơ, vươn lên, lượn lờ trong không trung. Có ai đẩy đưa cho em miếng bánh sôcôla hạnh nhân. Em cầm nhưng không ăn. Em thấy đáng người và khuôn mặt tôi không hề thay đổi – tóc vẫn rẽ ngôi giữa, ngực vẫn lép, hông chưa nở - và định gọi tên tôi. Tất cả chỉ xảy ra trong một khoảnh khắc, sau đó tôi biến mất.

\* \* \*

Trong những năm ấy, lúc nào chán việc ngồi nhìn xuống trần, tôi hay ngồi toa sau các xe lửa đổ về hay xuất hành từ nhà ga ngoại ô của bang Philadelphia. Trong lúc hành khách người lên tàu kẻ xuống ga, tôi lắng nghe tiếng họ trò chuyện lẫn với tiếng cửa tàu đóng mở, tiếng người soát vé xướng tên trạm xe dừng, tiếng đế giày thường và giày cao gót gõ cồm cộp ngắt quãng, mới đầu trên vỉa hè rồi trên nền sàn tàu lót ván sắt, rồi thành tiếng lộp nhộp nhẹ tai trên tấm thảm trải lối đi giữa hai hàng ghế. Lindsey gọi đó là kiểu nghỉ ngơi mà vẫn không ngừng hoạt động, trong thời kỳ em luyện để chơi thể thao; các cơ bắp của tôi vẫn trong tư thế sẵn sàng, nhưng mức độ tập trung hạ hẳn. Tôi lắng nghe những âm thanh ấy, cảm nhận những chuyển động của đoàn tàu và nhờ thế đôi khi tôi nghe được cả tiếng những người không còn sống trên thế gian. Tiếng của những kẻ như tôi – những kẻ làm việc quan sát.

Hầu như mỗi người trên thiên đường đều có người nào đó ở dương gian để dõi theo, một người thân thương, một người bạn, hay cả một người xa lạ từng tỏ ra tử tế với mình, mời ăn một món nóng sốt hay nở một nụ cười rạng rỡ đúng lúc mình cần nhất. Lúc nào không bận dõi mắt nhìn theo ai, tôi nghe những người đã quá cố đó chuyện vãn với người họ yêu thương dưới trần, họ làm một việc vô vọng không khác gì tôi. Lời tán tỉnh cho một

bên và lời dạy khôn cho đám trẻ, tình yêu một chiều và nỗi hoài vọng người xưa, trống bư thiếp trống một mặt sẽ chẳng bao giờ có ai ký tên.

Khi tàu ngừng hoặc chạy chậm lại trong khoảng giữa đường số 30 và Overbrook, tôi nghe được tiếng họ gọi tên và nói những câu như: “Cẩn thận kéo vỡ kính đấy.” “Nhớ trông nom bố cháu nhé.” “Ô, trông kìa, mặc áo đỏ trong con bé lớn hần ra.” “Con sẽ luôn nghĩ tới mẹ.” “...Esmeralda, Sally, Lupe, Kessha, Frank...” Bao nhiêu là tên. Rồi tàu tăng tốc dần, khi ấy tất cả những câu nói trên từ thiên đàng vọng xuống, mà người trần không nghe được, cứ vang dần lên; mức ồn đạt cao điểm lúc ở quãng giữa hai nhà ga, khi ấy mức ồn của những nỗi nhớ mong của chúng tôi làm đình tai nhức óc khiến tôi mở choàng mắt ra.

Nhìn qua khung cửa sổ của con tàu đột nhiên im ắng hẳn, tôi thấy bên dưới những người đàn bà đang phơi phóng hay rút quần áo xuống. Họ lom khom bên giỏ đựng, vắt những tấm khăn trải giường màu trắng, vàng hay hồng lên dây phơi. Tôi đếm quần áo lót của đàn ông, của bọn con trai và những chiếc quần đùi của bé gái bằng vải bông mang màu kẹo với tôi rất thân quen. Và loại âm thanh mà tôi nhớ và thấy thiếu vắng nhất – âm thanh của cuộc sống – át mất tiếng gọi tên người liên miên không biết lúc nào dứt kia.

Quần áo vừa giặt còn ướt: động tác chụp lấy, kéo lên, sức nặng của khăn trải giường đơn và giường đôi còn ướt. Những âm thanh của đời sống gọi lại trong tôi những âm thanh thời xa xưa hẳn lại trong ký ức, lúc tôi nằm dưới dây phơi quần áo ướt, nước nhỏ ròn ròn, tôi thè lưỡi hứng nước, hoặc chạy luồn qua luồn lại, lấy đó là ụ đánh dấu ngăn đường để chơi trò đuổi bắt với Lindsey. Thêm vào đó là kỷ niệm mẹ tôi đe nẹt chúng tôi không được lấy tay dính đầy “bơ đậu phộng” tùm vào mấy tấm khăn giường mới giặt sạch, hay về vệt kẹo chanh nhớp nháp mẹ vừa khám phá dính trên áo sơ-mi của bố chúng tôi. Cứ thế, hình ảnh và mùi vị của đời sống thực tại, của óc tưởng tượng và của kỷ niệm cứ lẫn lộn vào nhau trong

trí tôi.

Ngày ấy, sau khi quay đi già từ Cõi trần, tôi ngồi tàu lửa đi mãi cho đến lúc trong tâm trí chỉ còn một điều này:

“Con giữ cho chắc nhé,” bố tôi bảo, lúc tôi giữ con tàu trong chai còn bố đốt những sợi dây đã dùng để kéo cột buồm lên, thả cho con tàu nằm trên mặt biển xanh làm bằng ma-tít. Và tôi căng thẳng đợi ông ra hiệu, nhận thức rất rõ ràng giây phút trọng đại khi cả thế giới trong cái chai hoàn toàn tùy thuộc vào mỗi một mình tôi.

---

1. Gô-tích là kiểu kiến trúc ở châu Âu từ giữa thế kỷ 12 đến cuối thế kỷ 15. Đến thế kỷ 19 có phong trào “Gô-tích Phục hưng” chuộng kiến trúc và họa tiết thời xưa.
2. Lasgna, món ăn Ý: bột mì cán thành lá, phủ xen kẽ vài lớp thịt băm và pho mát, nướng trong lò.
3. Phần lớn vùng Bắc Mỹ là thuộc địa của Anh cho đến khi kết thúc Chiến tranh giành độc lập, 1775-1783.

## CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Ruth đang ở trong căn buồng gác xép thuê ở First Avenue khi nghe ông bố nhắc tới cái hố trước là mỏ than bị sụt. Cô nàng vừa quần sợi dây điện thoại màu đen vừa trả lời ngắn gọn những gì cần nói. Bà cụ chủ nhà nhận điện thoại hay nghe lỏm nên cô nàng không muốn nói nhiều. Lát nữa, cô nàng sẽ ra máy công cộng gọi về nhà bằng phương thức người nghe trả lệ phí, và thu xếp để về thăm nhà.

Cô nàng đã dự kiến sẽ làm một cuộc hành hương đến tận chỗ hố sụt nọ trước khi các hãng xây cất cho lấp đi. Cô nàng không hề kể cho ai chuyện cô nàng bị lôi cuốn ám ảnh bởi những nơi chốn như hố sụt nọ, loại bí mật mà cô nàng giữ cho riêng mình, như chuyện tôi bị giết rồi hai đứa tình cờ chạm nhau ở bãi đậu xe của trường. Đây là loại truyện cô nàng không hờ hời kể cho ai biết ở New York, nơi cô nàng thấy bao người khác bên quầy rượu kể lể trong cơn say đủ mọi chuyện, đem người thân và những chấn thương tinh thần ra rêu rao, chỉ để được đãi một bữa nhậu túy lúy hay cảm giác được nhiều người ái mộ. Cô nàng thấy đây là loại chuyện không thể đem lan truyền từ người này sang người khác, tương tự các món được ngụy trang thành gói quà chuyển tay một vòng trong bữa liên hoan. Nhờ nhật ký và những bài thơ của mình cô nàng luôn giữ cho mình không đi chệch quy tắc đạo đức. “Hãy nhìn vào lòng mình, soi rọi tâm tư của chính mình,” cô nàng luôn thì thào tự nhắc nhở mỗi khi có nhu cầu cần thiết phải nói lên điều gì, rồi cuối cùng chọn giải pháp đi dạo thật xa xuyên dọc thành phố, nhưng thay vì thấy cảnh tượng bên đường, trước mắt cô nàng lại hiện ra cánh đồng ngô nhà Stolfuz hay cảnh ông bố mắt dán vào những món đồ cổ ông kíp thu nhặt lại ở các ngôi nhà bị phá sập. Thành phố New York là cả một tấm phong màn tuyệt vời những lúc cô nàng suy tưởng nghiền ngẫm. Tuy cô nàng nện gót bước đi một cách quả quyết, xông xáo đi không từ một ngã đường hay góc ngách nào nhưng thành phố này thực ra không tác động gì mấy lên cuộc sống nội tâm của cô nàng.



Bây giờ trông cô nàng không còn vẻ bị ám ảnh như hồi ở trường trung học, song nếu ai nhìn sâu vào đáy mắt cô nàng sẽ thấy tiềm ẩn một nguồn sinh lực khó trấn áp, sắp sửa bùng lên, thường gây cho họ cảm giác bức dọc bất an. Trông cô nàng lúc nào cũng như đang chờ một sự kiện gì đó sắp xảy ra, hay ngóng đợi một người nào mãi chưa thấy đến. Toàn thân cô nàng cứ chúi về phía trước trong tư thế tìm tòi dò hỏi, và mặc dù ở quán rượu cô nàng làm việc nhiều người khen tóc hay đôi bàn tay cô nàng đẹp hoặc, một đôi lần khá hiếm hoi có mấy khách hàng quen thấy Ruth từ phía sau quầy bước ra khen cô nàng có cặp đùi đẹp, song không nghe ai bình phẩm gì về đôi mắt cô nàng cả.

Cô nàng thoăn thoắt thay quần áo, xỏ đôi tất dài rồi chiếc váy ngắn, đi ủng, trông chiếc áo thun ngắn tay, từ đầu đến chân chỉ tuyền một màu đen, áo váy nhiều vết ố vì cô nàng mặc suốt ngày kể cả lúc làm việc. Những vết ố này ra nắng mới thấy được thành thử chỉ khi Ruth đứng uống cà phê ngoài đường, nhìn xuống người mới phát hiện những vết hoen do thấm Vodka hay Whisky dấy ra. Rượu làm màu đen của vải sẫm màu thêm. Điều này làm cô nàng buồn cười, cô nàng ghi vào nhật ký: “Vải cũng như con người ta, đều bị rượu làm hoen ố cả.”

Một khi ra khỏi nhà, trên đường ghé quán cà phê ở First Avenue cô nàng thì thầm trò chuyện với những con chó cảnh béo núp thuộc giống Chihuahua và Pomerania nằm trên lòng mấy bà người Ukraina ngồi trên bệ cửa. Ruth thích loài chó con hung hăng này, mỗi khi cô nàng đi sát tới là rộ lên sủa om tỏi.

Cô nàng đi tiếp, sai bước không ngừng nghỉ, mỗi bước gây cảm giác đau nhói dội lên từ mặt đất truyền sang gót bàn chân vừa đặt xuống. Không ai vẫy chào cô nàng ngoài những người trông lơì thôi nhếch nhác. Cô nàng nghĩ ra trò chơi là thử xem đi suốt dọc bao nhiêu đường phố mà không phải

dừng chân chờ xe cộ ngừng lại. Cô nàng không chậm bước nhường ai hết, đi sấn vào giữa làm dạt ra hai bên đám sinh viên NYU(1) hay mấy bà già đẩy xe đem đồ đi giặt, như thể có luồng gió quạt ra từ bên phải và bên trái người cô nàng vậy. Cô nàng thích tưởng tượng rằng hễ cô nàng đi qua chỗ nào mọi người đều ngoái lại nhìn, tuy cô nàng biết thừa rằng ở đây mình hoàn toàn vô danh. Trừ lúc làm việc ở tiệm, còn thì không ai biết vào những giờ khác cô nàng đang ở đâu, và không có ai mong ngóng cô nàng ở nhà cả. Đó là sự vô danh toàn hảo.

Cô nàng không biết rằng Samuel đã hỏi cưới em gái tôi, và trừ khi tin đến tai cô nàng do Ray tiết lộ, người duy nhất cô nàng còn giữ liên lạc sau thời trung học, còn thì cô nàng không tài nào biết được. Hồi còn học ở Fairfax cô nàng có nghe kể mẹ tôi đã ra đi. Hồi ấy cả trường lại có dịp xì xào và Ruth đã chứng kiến em gái tôi phải đối phó với lời đồn đại như thế nào. Thịnh thoảng hai đứa gặp nhau ở hành lang, Ruth tìm cách nói vài lời khích lệ an ủi, cô nàng phải khéo léo lựa lời để không gây thêm khó khăn cho Lindsey nếu có ai thấy em trò chuyện với cô nàng. Ruth biết mình bị cả trường xem là lập dị bất thường, và cái đêm cùng ngủ lại ở trại năng khiếu quả đúng như cô nàng đã cảm nhận - một giấc mơ trong đó những nhân tố được tự do quần tụ, tìm đến nhau không cần lý đến những quy định quái gở của nhà trường.

Nhưng Ray khác hẳn. Với cô nàng thì những nụ hôn và những trò ôm ấp vuốt ve cả hai làm trước kia là những thứ được cất vào lồng kính, những kỷ niệm được cô nàng gìn giữ. Lần nào về thăm bố mẹ cô nàng cũng đều gặp Ray và biết ngay rằng Ray là người mình muốn cùng đi đến cái hố đất sứt kia. Anh chàng chắc sẽ hoan hỉ được dứt ra vài hôm, tạm ngưng chuyện miệt mài học gạo và, nếu cô nàng may mắn thì sẽ được nghe anh chàng trình bày, như vẫn quen làm, về một quá trình nào đó trong y học mà anh chàng mới nghiên cứu. Cách Ray diễn tả những sự kiện này làm cho cô nàng tưởng chính mình đang cảm thấy như thế thật - chứ không phải chỉ thử tưởng tượng. Anh chàng gọi cho cô nàng hình dung ra mọi thứ, chỉ với

vài câu chữ xác đáng, và chính anh chàng cũng không ý thức là mình có tài năng đó.

Lúc đi dọc First Avenue ngược lên hướng bắc, cô nàng có thể chỉ từng nơi mình đã dừng chân, tin chắc tìm đến đúng chỗ trước kia có người đàn bà hay cô gái nào đó bị giết hại. Cuối ngày cô nàng lên danh sách những người ấy trong nhật ký, nhưng thường cô nàng để quá nhiều công sức vào những chuyện có thể đã xảy ra trong lối vào ngõ tối tăm này hoặc con phố hẹp kia, nên không chú ý đến những vụ đơn giản, hiển nhiên hơn mà cô nàng biết được khi đọc tin trên báo về một người mới chết, hoặc khi cô nàng đến thăm nơi từng là chỗ vui thân một người đàn bà nào đó.

Ruth không biết rằng trên thiên đường cô nàng đã trở thành một nhân vật tiếng tăm lừng lẫy. Tôi kể cho mọi người nghe về cô nàng, về những chuyện cô nàng làm, rằng bất cứ đâu trong thành phố cô nàng đều tìm ra những giây phút tĩnh mịch rồi ghi vào nhật ký những lời cầu nguyện ngăn ngui của riêng cô nàng. Chuyện này lan truyền thật nhanh khiến các bà các cô xếp hàng dài để hỏi xem cô nàng có tìm ra nơi họ bị giết hay không. Cô nàng có nhiều người hâm mộ trên thiên đường, tuy có thể cô nàng sẽ thất vọng nếu biết khi họ tụ tập lại thì giống một nhóm thanh thiếu niên đang cúi mũi đọc tạp chí thiếu niên Teenbeat hơn là hình dung của Ruth về những tiếng rì rầm ai oán soạn riêng để hòa ca với dàn trống trên thiên đường.

Tôi là người chỉ đi theo và quan sát nên, không như dàn đồng ca, tôi thấy đây là những giây phút gây sầu thảm và làm bàng hoàng. Ruth thoát thấy một hình ảnh nào đó sau này sẽ khắc sâu vào ký ức cô nàng. Đôi khi chỉ là những khoảnh khắc như ánh chớp lóe lên - tiếng người trượt lăn xuống cầu thang, tiếng gào thét, tiếng người xô xát, đôi bàn tay đang xiết cổ - hoặc đôi khi trong tâm trí cô nàng như có cả một cuốn phim được quay lại, lâu vừa đúng bằng khoảng thời gian cô gái hay bà nọ hấp hối trước khi tắt thở.

Không ai trên đường phố chú ý đến cô gái mặc đồ đen đứng lại giữa dòng người trên phố. Với bộ y phục đội lốt sinh viên bộ môn nghệ thuật, cô nàng có thể đi cùng khắp khu Manhattan và nếu chưa hòa hẳn vào dòng người thì cô nàng cũng dễ được xếp loại và do đó không ai để ý. Trong suốt thời gian đó, cô nàng đang thực hiện một công tác, đối với chúng tôi rất quan trọng, mà phần lớn người dưới trần do quá kinh hãi đã gạt ra khỏi đầu óc không dám nghĩ đến.

Hôm sau ngày lễ tốt nghiệp của Lindsey và Samuel, tôi theo cô nàng cùng đi dạo. Khi cô nàng tới Central Park(2) của thành phố thì đã xế trưa nhưng vẫn còn đông người qua lại. Nhiều đôi trai gái ngồi chơi trên bãi cỏ xén phẳng Sheep Meadow. Ruth lom lom nhìn họ. Tia nhìn soi mói làm họ mất hứng thú hưởng một buổi trưa nắng ấm, và khi những cậu trai trẻ bắt gặp ánh mắt cô nàng họ bất giác nhắm mắt lại hay nhìn sang hướng khác.

Cô nàng đi ngang đi dọc khắp công viên. Có những chốn ai cũng rõ, như lối đi dạo, cô nàng có thể chọn đến đó tìm tài liệu về diễn tiến những vụ án ở đây mà không cần phải rời khỏi lùm cây, nhưng cô nàng ưa chọn những chỗ mọi người thường xem là an toàn hơn: mặt hồ lóng lánh mát lạnh có đàn vịt nằm ở góc nhọn nhíp phía đông nam công viên, hay cái hồ nhân tạo êm ả nơi các vị cao niên lái những chiếc thuyền buồm chạm trổ thật đẹp.

Cô nàng ngồi xuống một chiếc ghế dài trên một lối dẫn vào vườn Bách thú của Central Park, nhìn sang bên kia lối đi trải sỏi, nơi có mấy đứa bé với các cô giữ trẻ và dăm ba người lớn ngồi đọc sách trong bóng dâm hay dưới nắng. Đi bộ lâu thấm mệt, song cô nàng vẫn móc túi lấy quyển nhật ký. Cô nàng mở quyển sổ đặt lên lòng, cầm cây bút như thể đó là thứ giúp trí óc vận động. Cách tốt nhất là dăm dăm nhìn ra đâu xa, làm ra vẻ đang bận tâm bận trí lắm. Bằng không, những người đàn ông lạ hay lân la tới tìm cách bắt chuyện. Quyển nhật ký là vật thiết thân vô cùng quan trọng của Ruth. Nó ghi giữ mọi chuyện.

Phía bên kia, ngang chỗ cô nàng ngồi có một bé gái lẫm chẫm bước ra ngoài tấm chắn, trên đó cô giữ trẻ đang nằm ngủ. Bé đi về hướng những bụi cây trồng thành hàng thấp viền quanh một triền đồi dốc, tiếp sau đó là hàng rào ngăn công viên với Fifth Avenue. Khi Ruth vừa định bước vào thế giới loài người, nơi cuộc sống của người này người kia bắt buộc phải va chạm vào nhau, bằng cách gọi cô giữ trẻ thì một sợi dây mỏng manh, mà Ruth không thấy được, đã báo động cho cô giữ trẻ thức giấc. Cô lập tức ngồi bật dậy, quát gọi, bảo bé quay về ngay.

Những lúc như thế này Ruth thấy nơi những cô bé đã lớn lên rồi già đi một thứ mẫu tự viết bằng mật mã bí ẩn đối với hầu hết những cô bé không có điểm phúc đó. Cuộc đời của họ không hiểu sao có những mối liên hệ chông chéo khó gỡ với cuộc đời những cô gái bị ám hại. Đúng lúc cô giữ trẻ thu dọn mọi thứ vào túi, cuộn chần lại chuẩn bị cho công việc tiếp theo trong ngày thì Ruth trông thấy nó - một bé gái vào một hôm nào đó lạc trong bụi rậm rồi mất tích luôn.

Mở quần áo cho Ruth thấy chuyện xảy ra không lâu, song cô nàng chỉ biết đến thế thôi. Ngoài không có gì hết: không có cô giữ trẻ hay bà mẹ nào, chuyện xảy ra vào ban đêm hay ban ngày, chỉ biết có một bé gái mất tích.

Tôi ngồi lại với Ruth. Cô nàng ghi vào quyển nhật ký mở sẵn: “Lúc mấy giờ? Bé gái ở C.P(3). Đi về hướng các bụi cây. Cổ áo đăng-ten trắng, kiểu cọ.” Cô nàng gập nhật ký lại cho vào túi xách. Cách đây không xa có một chỗ cho cô nàng tìm an ủi: chuồng chim cánh cụt trong Vườn Thú.

Chúng tôi ở bên nhau trong suốt buổi trưa hôm ấy, Ruth ngồi trên ghế lát thảm kê dài dọc theo chuồng chim, bộ quần áo tuyền một màu đen nên nếu ai khác trong phòng nhìn thì chỉ thấy gương mặt và hai bàn tay cô nàng. Lũ chim cánh cụt đi lắc lự, kêu quang quác rồi lặn xuống nước; chúng trượt trên vách đá trông lóng ngóng vụng về một cách dễ thương. Nhưng dưới

nước chúng di chuyển hết như những khối cơ bắp khoác áo đuôi tôm. Lũ trẻ hò la, gí sát mặt vào kính. Ruth đếm người sống như đếm người chết. Trong khuôn viên chật chội của chuồng chim cánh cụt, tiếng hò la của bọn trẻ vang dội trùm lấp cho phép cô nàng khỏi phải nghe thứ tiếng gào thét kia trong một khoảnh khắc.

Cuối tuần ấy em trai tôi vẫn dậy sớm như mọi ngày. Em đang học lớp bảy, tự mua bữa ăn trưa trong trường. Em tham gia nhóm Luyện tập Tranh luận và, tương tự như Ruth trước kia, cu cậu là người cuối cùng hoặc áp chót được tuyển vào đội thể dục. Em không phải con người ham thể thao như Lindsey. Thay vào đó em hay làm những việc mà bà ngoại Lynn gọi là “nhằm gây ấn tượng”. Cô giáo em mẫn nhất đúng ra không thật là cô giáo, mà là thủ thư của thư viện nhà trường, một bà cao lớn ốm yếu tóc xoăn hay uống trà đựng trong bình thủy và kể rằng hồi trẻ bà sống bên Anh. Sau đó em nói pha giọng Anh mất vài tháng và tỏ vẻ chú tâm khi cùng em gái tôi ngồi xem vở kịch “Những kiệt tác sân khấu.”

Năm ấy, khi em hỏi có được sử dụng mảnh vườn ngày trước mẹ vun bón không thì bố bảo: “Được chứ, Buck, cho con tha hồ tung hoành.”

Thế là em ra tay. Em làm quần quật phờ phạc cả người, tối nào không ngủ được em lật cuốn danh mục cũ các hàng mẫu của công ty Burpee và đọc hết loạt loại sách về làm vườn thư viện trường có sẵn. Khi bà ngoại tôi gợi ý nên trồng xen vài luống mùi tây với húng quế, còn anh Hal đề nghị “vài loại rau cải nhất thiết phải có” như cà, dưa tây, dưa chuột, cà rốt và đậu thì em trai tôi thấy cả hai người đều có lý.

Em không vừa lòng với những gì đọc được trong sách. Em chẳng thấy có lý do nào để phải trồng hoa, cà chua và rau thơm tách riêng mỗi thứ một góc. Với chiếc thuổng em soi đất rải hạt dần dà kín cả mặt vườn, mỗi ngày em xin bố tôi mua thêm hạt giống mang về, hoặc em thắp tùng bà ngoại Lynn tới siêu thị, phần thưởng cho công em sốt sắng khuân đồ là được ghé lại

một vườn cây để mua một chậu hoa nhỏ. Bây giờ em chỉ còn việc chờ cho cà chua ra trái, cúc xanh, hoa dã yên, hoa păng-xê và đủ loại hoa xô đỏ nở rộ. Em biến pháo đài thành kho chứa dụng cụ làm vườn và phụ tùng linh tinh.

Nhưng bà ngoại tôi biết phải chờ đến thời điểm em nghiệm ra rằng tất cả mọi loại cây không thể mọc lên cùng một lúc được, một số hạt giống không thể đâm chồi được vào một thời điểm nào đấy, rằng những dây leo mìn lông tơ của giàn dưa chuột không lớn lên được vì bị khối rễ ngầm của cà rốt và khoai tây mọc lan tràn cản trở, rằng ngò tây có thể bị đám cỏ dại lì lợm hơn lấn át, lại còn sâu bọ nhấm nát những cánh hoa non yếu. Nhưng bà kiên nhẫn chờ. Bà không tin có thể dùng lời nói để thuyết phục. Chẳng cứu vãn được gì. Ở tuổi bảy mươi bà dần chỉ còn tin vào sức thuyết phục của thời gian.

Buckley đang lôi một thùng quần áo lấy từ dưới hầm vào bếp thì bố tôi từ trên lầu đi xuống để uống cà phê.

“Này, tìm ra món gì thế, anh nông dân Buck?” bố tôi hỏi. Buổi sáng tinh thần ông bao giờ cũng phấn chấn.

“Con định cắm cọc buộc cây cà chua,” em tôi đáp.

“Đã đâm chồi rồi à?”

Bố tôi đứng trong bếp, choàng chiếc áo khoác xanh, đi chân đất. Bố rót cà phê từ máy pha sáng sủa bà ngoại Lynn vẫn đặt, uống từng ngụm, đưa mắt nhìn con trai.

“Con vừa mới thấy,” em trai tôi hớn hờ đáp. “Chúng trời lên khum khum như mấy ngón tay.”



Mãi đến lúc ông đứng bên quầy bếp lặp lại cách em tả cây này với bà ngoại Lynn, bố tôi mới nhìn qua khung cửa sổ trông ra vườn, thấy em trai tôi lôi từ thùng ra những thứ gì. Đó là quần áo của tôi. Mớ quần áo mà Lindsey đã lục tìm xem em dùng lại được thứ nào. Mớ quần áo mà bà ngoại tôi, khi vào ở trong phòng tôi, đã đợi bố tôi đi làm rồi mới đem đóng thùng. Bà chỉ dán lên thùng một mẫu nhỏ ghi GIỮ LẠI rồi đem xuống hầm.

Bố tôi đặt tách cà phê xuống. Bố ra chỗ hàng hiên có che lưới muỗi gọi Buckley.

“Gì thế, bố?”, nghe giọng bố tôi gọi em đã thấy có gì lạ.

“Đây là quần áo chị Susie,” bố tôi nói với giọng điềm tĩnh khi ra chỗ em đứng.

Buckley nhìn cái áo bằng vải màu sẫm kẻ ô của tôi mà em đang cầm trong tay.

Bố tôi bước lại, cầm lấy cái áo trên tay em trai tôi rồi, không nói năng gì, ông thu nhặt mớ còn lại Buckley để xếp lớp trên bãi cỏ. Lúc ông cầm nín quay đi định đi vào nhà, thở một cách khó khăn, tay ôm mớ quần áo của tôi thì lửa bùng lên.

Tôi là người duy nhất thấy sắc mặt em biến đổi. Chỗ sát vành tai, trên gò má và ở cằm em ửng màu cam, hơi đỏ.

“Tại sao con không được lấy dù?” em hỏi.

Câu hỏi như một quả đấm giáng vào lưng bố tôi.

“Tại sao con không được lấy những quần áo đó để cột cây cà chua?”



Bố tôi xoay người lại. Bố thấy con trai bố đứng đó, sau lưng em là khoảng đất được xới gợn ghề với những mầm non nhỏ xíu chớm nhú. “Sao con lại có thể hỏi bố câu đó được?”

“Bố phải chọn lựa. Như thế là không công bằng,” em trai tôi nói.

“Buck, con nói gì thế?” Bố tôi ghì chặt áo quần tôi vào ngực.

Tôi thấy Buckley tóe lửa, sáng loà. Sau lưng em là vầng nắng lóa của bờ giậu cúc vàng, đã cao gấp đôi so với ngày tôi mất.

“Con chán lắm rồi!” Buckley gào lên. “Bố của Keesha cũng chết mà nó vẫn bình thường có sao đâu!”

“Keesha là bạn cùng trường con à?”

“Vâng!”

Bố tôi lạnh cả người. Ông cảm thấy những hạt sương đọng trên mắt cá chân và hai bàn chân trần, cảm nhận mặt đất dưới chân ông lạnh toát và ướt át hình như đang rung chuyển.

“Bố đâu có biết. Mất hồi nào?”

“Đâu phải chuyện đó, bố à! Bố chẳng hiểu gì cả.” Buckley xoay người rồi lấy chân giẫm nát mấy chồi cà chua non nớt.

“Buck, ngừng ngay!” bố tôi kêu lên.

Em trai tôi quay lại.

“Bố chẳng hiểu gì hết,” em nói.

“Bố rất tiếc,” bố tôi nói. “Đây là áo quần của chị Susie, bố chỉ...Có thể làm thế vô nghĩa thật, nhưng đó là của chị con...những thứ chị con từng mặc.”

“Bố đã lấy mất chiếc giày, phải không?” Buckley hỏi. Em đã nín khóc.

“Lấy cái gì?”

“Bố đã lấy mất chiếc giày. Bố vào phòng con lấy chiếc giày đi.”

“Buckley, bố chẳng hiểu con nói gì.”

“Con đem cất chiếc giày lấy trong hộp trò chơi Monopoly, sau nó biến đâu mất. Bố lấy đi rồi. Bố làm như chị con là của riêng bố!”

“Giải nghĩa cho bố hiểu con muốn nói gì. Chuyện này có dính dáng gì đến ông bố cô bạn Keesha của con?”

“Bố bỏ mấy thứ đó xuống đi đã.”

Bố tôi thận trọng đặt chúng xuống đất.

“Con không nói về chuyện ông bố Keesha đâu.”

“Vậy thì về chuyện gì.” Bố tôi tỉnh hẳn ra. Ông trở lại giường bệnh, nơi ông hồi tỉnh khỏi giấc ngủ hôn mê gây ra do thuốc giảm đau sau lần giải phẫu đầu gối, thấy thẳng con năm tuổi ngồi bên cạnh, chờ ông chớp mắt để kêu: “Ú oà, bố!”

“Chị con chết rồi mà.”

Câu nói cứ làm ông đau đớn mãi. “Bố biết.”

“Nhưng bố không làm như thế. Bố Keesha mất lúc nó lên sáu. Keesha bảo nó chẳng mấy khi nghĩ đến ông ấy nữa.”

“Rồi sẽ có lúc thôi,” bố tôi nói.

“Thế còn tụi con?”

“Con nói ai?”

“Hai đứa con, bố ơi. Con và chị Lindsey. Mẹ bỏ đi chỉ vì mẹ hết chịu nổi”

“Bình tĩnh nào, Buck,” bố tôi nói. Ông sẵn sàng để nghe thêm nhưng khí trong phổi của ông bốc hơi dồn sang lồng ngực. Rồi ông nghe có tiếng nói khẽ vẳng bên tai: buông ra đi, buông đi, thả ra. “Cái gì?” bố tôi hỏi.

“Con có nói gì đâu.”

Buông ra đi, buông đi, thả ra.

“Bố xin lỗi nhé,” bố tôi nói. “Bố thấy trong người không được khỏe.” Hai bàn chân ông giẫm trên mặt cỏ ướt sương giờ cóng không chịu nổi. Ông thấy lồng ngực như lõm sâu vào, tiếng ruồi bọ vo ve bay quanh một cái hố mới đào. Trong lòng hố có tiếng vang dội lại làm ù tai ông. Buông ra đi.

Hai đầu gối bố tôi khụy xuống. Cánh tay thông hờ xuống như khi bị gây mê. Ông cảm thấy như có kim châm suốt dọc cánh tay. Em trai tôi chạy bổ lại.

“Bố sao vậy?”

“Con!” Giọng ông run rẩy, ông quờ quạng nắm tay em.

“Con đi gọi bà ngoại.” Buckley chạy đi.

Bố tôi là người nằm xuống đất, mặt nghiêng về phía mớ áo quần của tôi, ông thều thào: “Bố mẹ không chọn con cái bao giờ. Bố thương đều cả ba đứa các con mà.”

Tối hôm ấy bố tôi nằm trong nhà thương, người đầy dây ống nối với các màn hình phát ra tiếng píp píp hoặc kêu ro ro. Tôi có thời gian để một mình quanh quần bên chân và cột xương sống của bố, để vỗ về và dẫn bố đi. Nhưng biết đi đâu?

Chiếc đồng hồ trên đầu giường cứ mỗi phút lại kêu tích tắc. Tôi nhớ đến trò chơi mà Lindsey và tôi vẫn chơi trong vườn: “Bố yêu ta, bố không yêu ta,” vừa nói vừa ngắt một cánh hoa(4) cúc. Tôi nghe tiếng đồng hồ, rập cùng nhịp ngắt mỗi cánh hoa, ném tung qua tung lại cho tôi hai điều mơ ước lớn nhất của riêng tôi: Bố chết vì con/ đừng chết vì con/ bố chết vì con/ đừng chết vì con.” Tôi như cứ muốn dầy vò quả ti đang thoi thóp của bố. Nếu bố chết, tôi sẽ có bố bên mình mãi mãi. Ước mơ như thế có gì là sai quấy không?

Ở nhà, Buckley nằm trong bóng tối, trùm chăn kín tận cằm. Em không được phép vào phòng cấp cứu, nơi Lindsey chở em đến, sau khi chạy theo xe cứu thương hụ còi chở bố tôi. Em trai tôi cảm thấy một gánh nặng kinh khủng đè trên em qua sự im lặng của Lindsey. Em gái tôi hỏi đi hỏi lại hai câu này: “Em với bố nói chuyện gì? Sao bố lại xúc động đến thế?”

Nỗi lo sợ lớn nhất của em là người em yêu quý nhất trên đời lại ra đi. Em thương Lindsey và bà ngoại Lynn, thương Samuel và anh Hal, nhưng bố là người khiến em bước rón rén, em, cậu con trai sáng và tối nào cũng trông chừng bố, như thế nếu không thường xuyên cảnh giác em sẽ mất bố ngay.

Hai chúng tôi - đứa con quá cố và đứa con còn sống - đứng hai bên giường bệnh của bố và cùng mong muốn một điều: được có bố ở bên mình mãi mãi. Làm vừa lòng cả hai đứa chúng tôi là một điều bất khả đối với ông.

Với Buckley, chỉ có hai lần trong đời em là bố tôi hụt không có mặt lúc em đi ngủ. Một lần vào buổi tối lúc ông chạy ra cánh đồng ngô lùng tìm tên Harvey, và lần này nữa là hai, ông nằm lại để bệnh viện theo dõi để phòng trường hợp bị nhồi máu cơ tim lần nữa.

Buckley biết mình quá tuổi cần bố, song tôi thông cảm với em. Hôn hít và chúc con cái một giấc ngủ ngon là việc ông là việc ông là xuất sắc hơn bất cứ ai khác. Lúc ông đứng ở chân giường, sau khi đã thả mành mành xuống rồi lấy tay vuốt để kiểm xem lá mành đã nằm xuôi xuống cả chưa - không lá nào được phép lật ngược để ánh nắng chiếu vào cậu con trai cứng trước khi ông vào đánh thức em - thì tay chân em trai tôi thường nổi da gà. Cứ nghĩ đến trò chơi sắp tới là đủ thấy mê tơi.

“Buck, sẵn sàng chưa?” bố tôi hỏi, lúc thì Buckley đáp: “Sẵn sàng”, lúc lại hô: “Cất cánh”, nhưng khi nào em phấp phồng, bồn chồn mong cho xong thì em đáp gọn lỏn: “Rồi!” Bố tôi sẽ túm tấm khăn đắp bằng vải bông mỏng, cẩn thận lấy ngón tay cái và ngón trỏ giữ lấy hai góc. Rồi bố tôi sẽ hất mạnh lên, khiến tấm khăn màu xanh nhạt(nếu là của Buckley) hoặc màu tím hoa oải hương(nếu là của tôi) phồng lên như chiếc dù, rồi nhẹ nhàng hạ xuống, phủ lên những chỗ da phơi ra: đầu gối, cánh tay, hai gò má và cằm. Không khí và tấm chăn trùm lên em một lúc, em thấy được tự do vô hạn đồng thời lại được che chở ấp ủ. Cảm giác tuyệt vời khiến em trở nên yếu mềm run rẩy, chỉ dám mong là nếu mở lời nài nỉ ông sẽ chiều em làm lại

lần nữa. Không khí và chần, không khí và chần - cột chống giữ vững mối quan hệ không diễn đạt bằng lời giữa một cậu bé con và một người đàn ông bị tổn thương.

Đem hôm đó em nằm, đầu đặt trên gối, cuộn tròn, tư thế như khi ở trong bào thai. Em không nghĩ tới chuyện tự buông mình mình, ngoài kia ánh đèn hàng xóm điểm những đốm sáng trên sườn đồi. Từ đầu này em đắm đắm nhìn những cánh cửa chớp của chiếc tủ áo, lấp sâu vào mặt tường đối diện, ngày còn nhỏ em vẫn tưởng tượng bọn phù thủy gian ác nhất trong đó sẽ tìm cách thoát ra để nhập bọn với lũ rồng dưới gầm giường. Bây giờ em không còn sợ những chuyện như thế nữa.

“Chị Susie ơi, xin đừng để bố chết,” em thì thầm. “Em cần bố lắm.”

Giã từ cậu em trai, tôi đi ngang qua tòa vọng lâu, bước tiếp dưới hàng đèn giăng giăng như chùm dâu, đi một quãng nữa thì đến chỗ có nhiều lối đi lát gạch rẽ ra nhiều hướng.

Tôi đi đến cuối đoạn đường lát gạch, sau đó là quãng đường lát đá tảng, rồi chỉ còn đường mòn lổn nhổn đá sắc cạnh, cuối cùng quanh tôi chỉ còn là vùng đất bị xới tung trải mênh mông nhiều dặm dài. Tôi đứng đấy. Tôi sống ở thiên đường đã khá lâu nên hiểu là mình sắp được biết một điều bí ẩn nào đó. Lúc nắng tắt và bầu trời tối dần chuyển sang màu xanh xám dịu dàng như buổi tối ngày tôi chết, tôi chợt thấy có bóng người thấp thoáng, còn khá xa nên lúc đầu tôi không nhận ra là đàn ông hay đàn bà, trẻ con hay người lớn. Nhưng khi ánh trăng soi tỏ bóng người ấy, tôi ngỡ ngợ nhận ra đó là ai, tâm thần hoảng loạn, tôi thở như hụt hơi, hộc tốc chạy lại gần để nhận dạng. Phải bố tôi đó không? Phải chăng điều lâu nay tôi hằng ao ước một cách vô vọng đã thành sự thực?

“Susie ơi”, người đó nói lúc tôi chạy trờ tới và đứng lại cách chỗ ông ta đứng vài bước. Ông ta dang hai tay đón tôi.

“Cháu nhớ ra chưa?”, người ấy hỏi.

Tôi thấy mình đột nhiên bé lại, ở tuổi lên sáu, đang ở trong phòng sinh hoạt gia đình ở bang Illinois. Bây giờ, tôi cũng làm y như hồi ấy, tôi đứng giẫm lên hai bàn chân ông.

“Ông nội ơi,” tôi gọi.

Không có ai khác ngoài hai ông cháu trên thiên đường, người tôi lại nhẹ bằng cứ lướt nhẹ nhàng như hồi mới lên sáu, còn ông lúc đó năm mươi sáu tuổi, ngày bố tôi đưa chúng tôi về thăm. Hai ông cháu khiêu vũ thật chậm theo một bài hát cứ làm ông mỉm lòng hoài hồi còn ở dương thế.

“Cháu nhớ ra không?”, ông hỏi.

“Barber(5)!”

“Tấu khúc cho vĩ cầm,” ông nói.

Trong khi hai ông cháu khiêu vũ và lượn vòng - không bước kiểu giật nhịp rắc rối làm trẹo chân như ở trần thế - điều tôi nhớ lại là có lần thấy ông rơi lệ khi nghe bản nhạc này, nên hỏi ông nguyên do.

“Đôi khi mình khóc, Susie à, dẫu rằng người mình yêu thương đã ra đi từ lâu lắm rồi.” Rồi ông ôm tôi vào lòng, chỉ một thoáng ngắn ngủi thôi, thế rồi tôi chạy ra chơi đùa tiếp với Lindsey trên bãi đất hình như là khu vườn thênh thang của ông nội.

Hai ông cháu không nói năng gì thêm trong đêm hôm đó mà chỉ khiêu vũ hàng giờ liền trong ánh sáng xanh biếc không rõ vào ban ngày hay ban đêm ấy. Tôi biết trong lúc hai ông cháu đang nhảy thì dưới trần và trên thiên đường đang xảy ra chuyện gì đấy. Một hiện tượng trôi trượt. Một chuyển động đang chậm đột ngột tăng gia tốc như chúng tôi được học trong giờ khoa học tự nhiên năm nào. Chấn động địa chấn ư, chuyện không thể có được, hay hiện tượng không gian và thời gian nổ tung tách rời khỏi nhau. Tôi nép vào ngực ông, hít ngửi thứ mùi đặc biệt của người già, tương tự mùi của bố tôi cộng thêm mùi băng phiến, mùi máu chồn trần ai, khung trời trên thiên đường. Quả quất vàng, con chồn hôi, thuốc lá loại hảo hạng.

Khi dứt tiếng nhạc thì tưởng như cả một khoảng thời gian vô tận đã trôi qua từ khi hai ông cháu bắt đầu khiêu vũ. Ông nội tôi lùi lại một bước, vùng ánh sáng sau lưng ông chuyển sang màu vàng.

“Ông đi đây,” ông nói.

“Ông đi đâu cơ?”, tôi hỏi.

“Đừng lo, bé yêu. Cháu luôn ở bên ông.”

Ông quay người bước đi, biến mất thật nhanh trong bụi vũ trụ và vô vòm đêm sáng. Cõi vô biên.

- 
1. NYU: New York University (Đại học New York).
  2. Central Park: công viên lớn ở thành phố New York.
  3. Viết tắt của Central Park.
  4. Trò chơi cứ ngắt từng cánh hoa lại hát: “bố(hay mẹ/chàng/...) yêu ta” hay “không yêu ta”, khi đến cánh hoa trót trúng câu nào thì đó là điều định



mệnh an bài.

5. Samuel Barber (1910-1981) nhà soạn nhạc giao hưởng giao hưởng và thánh phòng, quê quán ở West Chester, Pennsylvania; một trong những tác phẩm là “Adagio for Strings” (Tấu khúc nhịp khoan thai soạn cho vĩ cầm).

## CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

Sáng hôm ấy, khi đến hãng rượu vang Krusoe mẹ tôi thấy có mẫu giấy nhắn tin ghi tháu bằng thứ tiếng Anh chệch choạc mà tay quản đốc để lại cho bà. Chữ cấp cứu viết khá rõ, thế là bà bỏ nghỉ thức mỗi sáng sớm pha cà phê uống, đứng nhìn ra hàng dãy cây nho, cành lá leo quanh những cây cọc hình chữ thập vững chãi sơn màu trắng. Bà mở cửa vào phòng dành làm nơi mời khách thử rượu. Không bật đèn trần, bà cũng xác định được chỗ để cái máy điện thoại sau quầy rượu bằng gỗ, bà quay số Pennsylvania. Không ai nhắc máy.

Bà mới gọi tổng đài Pennsylvania, hỏi số điện thoại của Tiến sỹ Akhil Singh.

“Đúng thế,” bà Ruana nói, “Cháu Ray với tôi có thấy xe cứu thương chạy qua nhà cách đây vài tiếng đồng hồ. Hẳn là mọi người đang ở cả trong bệnh viện.”

“Ai bệnh vậy chị?”

“Chắc là bà cụ đấy?”

Nhưng qua lời nhắn bà biết chính bà ngoại đã gọi điện đến đây. Chỉ có thể là một trong hai đứa nhỏ hoặc là Jack. Bà cảm tạ bà Rauna rồi gác máy. Bà lôi chiếc điện thoại màu đỏ nặng chịch từ ngăn dưới đất đặt lên mặt quầy rượu. Xấp giấy nhiều màu để phân phát cho khách, chặn dưới máy điện thoại - “Màu vàng chanh = Sâm banh từ nho Young Chardonnay, Màu vàng rơm =rượu từ nho Sauvignon Blanc...” - rơi tung tóe quanh chân bà. Từ khi nhận việc làm ở đây bao giờ bà cũng đến sớm, lúc này bà mới thấy biết ơn là nhờ thế mà được việc. Sau đó, bà moi óc cố nhớ lại tên các bệnh viện địa phương, bà gọi đến mọi chỗ bà từng cuống quýt đưa con đến khi chúng

lên cơn sốt không rõ nguyên do, hay trượt ngã không rõ có bị gãy xương hay không. Lúc gọi đến bệnh viện nơi tôi từng đưa Buckley đến thì bà được trả lời: “Có một ông Jack Salmon được đưa vào cấp cứu, hiện vẫn còn nằm lại đây.”

“Bà cho tôi biết có chuyện gì xảy ra được không ạ?”

“Bà quan hệ thế nào với ông Salmon?”

Bà nói một câu đã nhiều năm nay không nói: “Tôi là vợ ông ấy.”

“Ông nhà bị nhồi máu cơ tim.”

Bà gác máy rồi ngồi bệt xuống tấm thảm làm bằng hợp chất cao-su và vỏ bần, trái bên phía nhân viên hăng rượu đứng tiếp khách. Bà ngồi mãi ở đấy cho tới lúc tay trưởng ca tới và bà lặp đi lặp lại những chữ bà thấy lạ tai: chồng, cơn nhồi máu cơ tim.

Mãi một lúc sau, khi ngược mắt nhìn lên, bà thấy mình đang ngồi trong chiếc xe giao hàng của viên quản đốc, và người đàn ông trầm lặng hiếm khi rời trang trại nho này đang lái xe như bay trực chỉ sân bay quốc tế San Francisco.

Bà mua vé lấy chuyến bay trước tiên đi Chicago, từ đó đổi sang tuyến khác đưa bà đến Philadelphia. Khi máy bay cất cánh, lên cao dần, nhìn ra chỉ còn thấy mây trời, bà nghe loáng thoáng tiếng chuông hiệu nhắc nhở phi hành đoàn thi hành hay chuẩn bị gì đó, nghe tiếng xe đưa nước giải khát đẩy qua kêu lạnh canh, nhưng bà không thấy những người đồng hành mà lại thấy vòm cửa bằng đá mát lạnh ở nhà máy rượu vang, phía sau vòm cửa có để một lô thùng chứa rượu bằng gỗ sồi còn rỗng, và thay vì nhìn thấy những người đàn ông ngồi đó tránh nắng bà tưởng như thấy bố tôi, tay cầm cái

tách sứ sứ quai hiệu Wedgwood đưa cho bà.

Lúc xuống máy bay ở Chicago, phải đợi ở đó hai tiếng đồng hồ, thì bà đã kịp định thần lại, tìm mua bàn chải đánh răng, bao thuốc lá và quay số điện thoại bệnh viện, lần này bà yêu cầu nói chuyện với bà ngoại Lynn.

“Mẹ à,” mẹ tôi nói. “Con hiện ở Chicago, sắp đến nhà rồi.”

“Lạy Chúa, Abigail ơi,” bà ngoại nói. “Mẹ gọi đến hãng Krusoe lần nữa, họ bảo con đang trên đường ra sân bay.”

“Nhà con ra sao hở mẹ?”

“Anh ấy bảo muốn gặp con.”

“Lũ trẻ đang ở đó phải không ạ?”

“Ừ. Cả Samuel nữa. Mẹ định hôm nay gọi kể cho con biết chuyện Samuel hỏi cưới Lindsey đấy.”

“Thế thì tuyệt quá,” mẹ tôi nói.

“Abigail này.”

“Sao mẹ?” Bà nghe bà ngoại ngần ngừ, một điều hiếm thấy.

“Jack còn bảo muốn thấy Susie nữa.”

Vừa bước ra khỏi sân bay ở O’Hare bà châm ngay một điếu thuốc. Một

đám học sinh vai đeo túi du lịch nhỏ, tay xách hộp đựng nhạc cụ bên hông có dán bản màu vàng chói lù lượt xô đẩy nhau đi vượt qua bà. Trên bảng tên là hàng chữ QUÊ NHÀ CỦA NHỮNG NGƯỜI ÁI QUỐC(1).

Khí hậu ở thành phố Chicago oi bức và ẩm ướt, khói xả ra từ số lượng xe, nhiều đến nỗi phải đậu thành hai dãy, làm bầu không khí vốn nặng nề khó thở ngày càng thêm độc hại.

Bà hút tàn điếu thuốc trong thời gian kỷ lục rồi châm tiếp điếu thứ hai, một cánh tay ép ngang ngực, tay kia duỗi ra theo mỗi đợt phả khói. Bà khoác trên người bộ đồng phục của hãng: quần jeans tuy bạc màu nhưng giặt sạch, áo thun ngắn tay màu cam nhạt thêu hàng chữ HÃNG RƯỢU VANG KRUSOE phía trên túi áo. Nước da bà giờ ngăm ngăm đậm hơn xưa khiến màu xanh nhạt của mắt bà do tương phản trông như xanh sẫm hơn. Bà cũng đã quen cột tóc kiểu đuôi ngựa để trễ xuống gáy. Tôi thấy cả vài lượt tóc màu muối lẩn tiêu bên vành tai và thái dương bà.

Bà giữ chặt hai chiếc đồng hồ cát(2) và tự hỏi tại sao lại có thể như thế được. Phần thời gian bà giành được cho riêng mình sẽ bị giới hạn, như do định luật về trọng lực, khi những mối dây liên hệ gia đình kéo bà trở lại. Giờ đây chúng đang kéo bà - bằng cả hai tay. Cuộc hôn nhân. Cơ nhồi máu cơ tim.

Vẫn đứng bên ngoài khuôn viên phi trường, bà thò tay vào túi sau quần jeans tìm chiếc ví loại đàn ông bà quen mang từ khi vào làm ở Krusoe, tiện hơn là cứ phải tìm chỗ cất xách tay dưới quầy rượu. Bà ném điếu thuốc xuống làn đường dành cho xe taxi đậu rồi quay vào tìm chỗ ngồi lên bệ một ụ bê-tông chứa đất, trong đó cỏ dại mọc đầy quanh một cây con eò uột vì khói xe.

Trong ví bà có nhiều tấm ảnh ngày nào bà cũng lấy ra nhìn. Nhưng có một

tấm bà lật úp, nhét vào ngăn để thẻ tín dụng. Đó là bức ảnh lưu giữ trong thùng tang vật ở đồn cảnh sát, cũng chính là ảnh Ray kẹp trong quyển thơ Ấn Độ của bà mẹ cậu. Đó là tấm ảnh để dán sổ lưu niệm lớp tôi, đã từng được đưa lên báo, in trên cáo thị của cảnh sát và bỏ vào hộp thư mọi nhà.

Sau tám năm mà ngay cả với mẹ tôi, tấm ảnh vẫn giống loại chân dung mà đi đâu cũng thấy của một nhân vật lừng danh nào đấy. Bà phải đương đầu với cảm tưởng này quá nhiều lần, nên tôi bị nhét gọn chôn luôn trong đó. Chẳng có tấm ảnh nào mà hai gò má hồng rựng, mắt tôi xanh biếc như trên tấm ảnh này.

Bà rút tấm ảnh ra, lật mặt lên giữ trong lòng bàn tay hơi khum lại. Bà vẫn nhớ mãi hàm răng tôi - nhỏ và tròn, bờ răng nhấp nhô như răng cửa làm bà hân hoan, ngạc nhiên vì thấy tôi lớn lên. Tôi đã hứa với bà lần chụp ảnh năm ấy sẽ nhe răng cười rõ tươi, song đứng trước ống thợ ảnh tôi lại ngượng đến nỗi nhếch mép cười cũng không nổi.

Bà nghe tiếng loa thông báo về chuyến bay chuyển tiếp của mình. Bà đứng lên. Nhìn quanh, bà thấy cái cây non còi cọc. Bà đặt tấm chân dung chụp cho sổ lưu niệm lớp tôi tựa vào đấy rồi hấp tấp đi qua mấy lớp cửa tự động.

Trên chuyến bay về Philadelphia, bà ngồi một mình ở ghế giữa hàng ghế ba chỗ. Tự động bà nghĩ ngay rằng nếu mình là một bà mẹ đi du lịch thì hai ghế kia sẽ có người ngồi. Một ghế cho Lindsey. Một cho Buckley. Tuy theo định nghĩa bà là một bà mẹ, nhưng một lúc nào đấy bà đã thôi không còn là người mẹ nữa rồi. Bà không thể đòi có quyền và đặc ân ấy sau hơn nửa thập kỷ không có mặt trong cuộc đời của những đứa con. Giờ đây bà hiểu rằng làm mẹ là một thiên chức mà biết bao cô gái mong ước. Nhưng mẹ tôi chưa hề có ước mơ đó, và bà bị trừng phạt một cách kinh hoàng nhất, không tưởng tượng nổi, vì đã không hề mong muốn có tôi.

Tôi nhìn bà đang ngồi trong máy bay và tôi gửi vào đám mây lời cầu xin

cho bà được giải thoát. Người bà càng lúc càng trĩu xuống vì lo sợ những gì sắp đến, song trong cảm giác nặng nề ấy cũng có gì đó làm nhẹ lòng. Cô tiếp viên đưa bà chiếc gối nhỏ màu xanh, và bà thiếp đi được một lúc.

Đến Philadelphia, khi máy bay lặn trên đường băng, bà mới sức nhớ mình đang ở đâu và bây giờ là năm nào. Bà hấp tấp điểm qua những gì sẽ nói khi gặp lại các con mình, bà mẹ và Jack. Cuối cùng khi những câu dự kiến kia run rẩy ngưng đọng lại, bà đành bỏ cuộc, chỉ tập trung vào việc ra khỏi máy bay.

Bà gần như không nhìn ra đứa con ruột thịt đang đứng chờ cuối lối đi dài. Trong những năm tháng vừa qua, vóc người Lindsey trông xương xương, thanh mảnh, không còn tí nào nét bụ bẫm thời bé. Cạnh em gái tôi là một cậu trông như anh trai song sinh. Cao lớn hơn, gân guốc hơn một chút. Samuel. Bà chú mục nhìn hai cô cậu, và hai người cũng chăm chăm nhìn lại, nên thoạt đầu bà không chú ý đến cậu trai đẩy đà ngồi tránh sang một bên, trên tay vịn của một trong những chiếc ghế đặt thành dãy trong phòng đợi.

Rồi, khi dợm bước về phía chúng - trong mấy giây phút đầu bà cảm tưởng chúng bất động, cứng đờ như thể bị giam trong một khối chất keo đặc sệt, và chỉ khi bà cất bước chúng mới thoát ra được - thì bà nhìn thấy Buckley.

Bà đặt chân bước xuống lối đi trải thảm. Bên tai bà văng vẳng những tiếng loa thông báo trong phi trường, mắt bà thấy các hành khách khác đang chào hỏi nhau, rào bước vượt qua bà. Khi nhìn ra Buckley thì bà như bước vào một phi thuyền bay ngược thời gian. Năm 1944 ở Camp Winnekukka. Hồi đó bà mười hai tuổi, má phính, cặp đùi mập tròn - những gì các con gái bà may mắn tránh được thì cậu con trai phải hứng cả. Bà đã văng mặt quá nhiều năm tháng, quãng thời gian mất mát quá dài không bao giờ bà có thể cứu vãn được.

Nếu bà cũng đếm, như tôi đang làm, thì hẳn bà biết rằng với bảy mươi ba bước chân bà đã hoàn tất một việc mà suốt gần bảy năm qua bà quá sợ mình sẽ không làm nổi.

Em gái tôi là người lên tiếng trước nhất.

“Mẹ”, nó gọi.

Mẹ tôi nhìn Lindsey và thoát một cái, từ cô bé đơn độc ở Camp Winnekukka bà vọt qua ba mươi tám năm.

“Lindsey”, mẹ tôi nói.

Lindsey dăm dăm nhìn bà. Buckley giờ đã đứng lên, nhưng mới đầu em nhìn xuống đôi giày rồi ngoái đầu qua cửa kính chỗ có những chiếc máy bay đang đậu, nhả hành khách vào những đường ống gấp khúc như đàn phong cầm.

“Bố ra sao hả con?”, bà hỏi.

Em gái tôi thốt ra được tiếng mẹ rồi đứng như đóng băng. Chữ mẹ gây cho em cảm giác nệm phải xà phòng hay một vị lạ nào đó.

“Cháu thấy sức khỏe của bác trai không được khả quan lắm,” Samuel nói. Đó là câu nói dài nhất từ nãy đến giờ, và mẹ tôi thấy vô cùng cảm kích.

“Buckley đấy à!” bà gọi, nét mặt vẫn thường, không đổi. Bà vẫn là con người của ngày xưa - dù con người đó thế nào đi nữa.

Em quay đầu hướng về phía bà, trông như đang quay bệ chìa nòng súng



nhằm. “Buck”, em sửa lại.

“À, Buck”, bà khẽ lặp lại rồi cúi đầu nhìn đôi bàn tay mình.

Linsey suýt buột miệng hỏi. Nhăn cười của mẹ đâu rồi?

“Ta đi chứ?” Samuel hỏi.

Cả bốn người bước vào con đường hầm dài trải thảm dẫn từ cửa máy bay của bà đến khu trung tâm phi trường. Họ đang bước tới chỗ nhận hành lý ở tầng dưới thì mẹ tôi nói: “Mẹ không mang theo hành lý.”

Mọi người dừng lại, lúng túng. Samuel tìm biển chỉ đường, hướng mọi người quay lại nhà để xe.

“Mẹ ơi”, em gái tôi cố bắt chuyện.

“Ngày đó mẹ nói dối con đấy,” mẹ tôi nói ngay trước khi Lindsey kịp nghĩ nên nói gì thêm. Ánh mắt hai mẹ con gặp nhau và trong sợi dây nóng bỏng bắt từ người nọ qua người kia tôi thề là đã nhìn thấy điều đó, tương tự một con chuột bị rắn nuốt chửng nhưng chưa tiêu hóa làm bụng rắn gồ lên: đó là điều bí mật về ông Len.

“Ta lấy thang máy trở lên,” Samuel nói, “sau đó cứ đi theo lối chính dẫn qua hầm để xe.”

Samuel gọi Buckley đang tách ra hướng theo một toán sĩ quan an ninh phi trường. Những bộ đồng phục vẫn chưa mất đi sức hân dẫn đối với em.

Xe đã ra đến xa lộ khi Lindsey là người lên tiếng tiếp theo: “Họ sẽ không để cho Buckley vào phòng bố vì em chưa đủ tuổi.”

Mẹ tôi quay người nhìn ra hàng ghế sau. “Mẹ sẽ thử, xem có làm gì được không,” bà nói, nhìn Buckley nhoén miệng cười lần đầu tiên.

“Cóc cần”, em trai tôi lẩm bẩm trong miệng, không buồn nhìn lên.

Người mẹ tôi đông cứng lại. Chiếc xe nổ tung. Chất chứa oán hận và sự căng thẳng - một dòng thác cuộn cuộn máu phải bơi qua.

“Buck”, bà kịp nhớ ra tên tắt của nó, “ngước mặt lên nhìn mẹ xem?”

Mắt em tôi bắn tia nhìn sang hàng ghế trước, để cơn thịnh nộ xoáy sâu vào lòng bà.

Cuối cùng bà xoay người lại nhìn ra phía trước. Samuel, Lindsey và em trai tôi nghe từ chỗ bà ngồi những âm thanh mà bà cố đè nén không để bật ra: tiếng thút thít và tiếng nấc nghẹn. Nhưng không có lượng nước mắt nào đủ để lay chuyển Buckley. Nó đã tích trữ - ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác, năm này qua năm khác - một kho ngầm tràn đầy căm hận. Ở một góc mãi cuối căm hăm có một cậu bé bốn tuổi đang ngồi với trái tim cứ chớp lóe lên từng chớp. Tim hóa thành đá. Tim hóa thành đá.

“Lát nữa thấy bác Salmon rồi cả nhà chắc hẳn sẽ yên lòng thôi,” Samuel lên tiếng rồi nhón tới bật đài phát thanh vì chính anh chàng cũng không chịu nổi bầu không khí trong xe.

Bệnh viện chính là nơi tám năm trước bà đã đến vào lúc nửa đêm khuya khoắt. Lần này là ở tầng khác, tường sơn màu khác, nhưng khi bước dọc hành lang bà cảm thấy chuyện cũ - những gì bà đã làm ở đây - vẫn giam hãm bủa vây bà. Toàn thân ông Len dần tới, đẩy lưng bà ép vào bức tường

trát vừa nham nháp. Mọi tế bào thân thể bà muốn vùng bỏ chạy - bay về California, trở về với cuộc sống lặng lẽ của bà, làm lụng vất vả giữa những người xa lạ. Trốn trong những hốc cây và những cánh hoa nhiệt đới, ẩn mình an toàn giữa bao thứ cây cỏ lạ lẫm và người dân tứ xứ.

Xương mắt cá chân và đôi giày thắt dây của bà ngoại mà bà nhìn thấy từ lúc còn đi ngoài hành lang đưa bà trở về với thực tại. Một trong những điều đơn giản bà đã đánh mất trong thời gian bỏ đi thật xa, chẳng hạn về điều bình thường như đôi bàn chân của bà ngoại - tuy còn vẻ vững chãi nhưng trông khô héo quá - đôi bàn chân bảy mươi tuổi đời trong đôi giày trông tức cười và thiếu thoải mái.

Nhưng khi bà bước vào phòng thì mọi người kia - cậu con trai, cô con gái, hay bà mẹ của bà - đều như không có đó nữa.

Mắt bố tôi khép lờ đờ, nhưng nghe tiếng chân bà bước vào ông nhướn mắt, làn mi giật nhẹ. Ống tiếp thuốc và dây nhợ vương lòng thòng hai bên cổ tay và vai. Đầu ông trên chiếc gối nhỏ vuông vắn trông monh manh yếu ớt.

Bà nắm tay ông, lặng lẽ khóc, nước mắt rơi lã chã.

“Em đẩy ư, đôi mắt đại dương,” bố nói.

Bà gật đầu. Người đàn ông suy sụp, thua cuộc này - chồng bà đây.

“Cô nàng tôi yêu đây rồi,” bố hắt ra nặng nhọc.

“Jack ời.”

“Em thấy đó, để em chịu về lại anh đã phải ra nông nổi này đây.”

“Có đáng không anh?” bà cười buồn, hỏi.

“Rồi thì ta sẽ biết thôi,” bố đáp.

Được thấy bố mẹ ở bên nhau, với tôi, cũng giống như biết điều mình tin là mong manh viễn vông, thế mà rồi lại thành hiện thực.

Bố tôi nhìn thấy vài tia hi vọng yếu ớt, tương tự mấy vết có màu trong mắt mẹ tôi - những thứ ông bám víu vào. Ông gom chúng chung vào với những mảnh gỗ và tấm ván vỡ vụn còn sót lại từ một chiếc tàu và phải một khối gì đấy to hơn nên chìm lìm, cách đây đã lâu rồi. Giờ ông chỉ còn trong tay những mảnh vỡ vụn và mẩu mã tự tạo lấy. Ông gượng gờ tay định sờ vào má bà nhưng cánh tay ông lả xuống. Bà cúi xuống áp má vào lòng bàn tay ông.

Bà ngoại tôi biết cách đi giày cao gót mà không gây tiếng động. Bà nhón gót lên, bước bằng đầu ngón chân ra khỏi phòng. Khi bà bước lại như bình thường và ra tới gần khu tiếp khách thì gặp cô y tá mang mẫu tin gửi ông Jack Salmon ở phòng 582. Bà chưa gặp mặt bao giờ, nhưng biết tên ông ta. “Len Fenerman, sẽ ghé thăm nay mai. Chúc ông bình phục.” Bà gấp gọn mẫu giấy. Trước khi gặp Lindsey và Buckley đã theo gót Samuel ra khu tiếp khách, bà bật nắp khóa chiếc xách tay, nhét mẫu giấy vào giữa hộp phấn và chiếc lược.

## CHƯƠNG HAI MƯƠI

Tối hôm ấy, lúc tên Harvey đến chỗ cái lán lợp tôn ở bang Connecticut thì trời sắp đổ mưa. Cách đây nhiều năm rồi, trong cái lán này hắn đã giết một cô gái chạy bàn rồi đi mua vài chiếc quần mới bằng mớ tiền hoa hồng móc được từ túi tạp dề của cô. Từ đó đến nay hắn thì thể cô đã bị phân hủy hết rồi, và quả như thế thật, khi hắn chạy xe đến gần khu đất ấy thì không thấy phả lên mùi hôi thối nào. Nhưng cửa lán mở toang, đứng ngoài nhìn vào hắn thấy ngay là đất đã bị đào xới lên. Hắn hít vào một hơi rồi dò dẫm bước đến gần.

Hắn ngủ thiếp đi ngay bên cạnh ngôi mộ trống hoác của cô gái.

Vào một lúc nào đấy, tôi bắt đầu lên danh sách tên những người còn sống cho riêng mình, để tạo đối xứng với danh sách người chết. Tôi nhận ra rằng ông Len Fenerman cũng làm y như vậy. Ngoài giờ trực, ông ghi tên các cô gái, các bà lớn tuổi và mọi phụ nữ ở giữa hai nhóm tuổi này, xem đó là một trong những việc giúp mình có sức làm việc tiếp. Như cô gái ở khu thương xá với cặp đùi thon trắng nhợt, quá dài cho chiếc áo nay quá trẻ con cùn cộn, khi mừng tượng cô có nguy cơ mang họa vào thân, cả ông Len lẫn tôi đều thấy tim thót đau. Các bà lớn tuổi, lập dị đi bằng khung có bánh xe lăn, cứ một mực đòi nhuộm tóc với những màu giả tạo không giống màu tóc ngày học còn trẻ. Những bà mẹ một mình nuôi con, tuổi ngoài ba mươi, mãi dong xe lùnh sục khắp siêu thị, không để mắt trông chừng lũ con cứ lôi những bao kẹo từ trên quầy xuống. Hễ trông thấy họ, tôi lại nhắm đếm. Những người đàn bà còn sống, đang hít thở không khí. Thịnh thoảng tôi nhìn ra những người mang thương tích - đàn bà bị chồng đánh đập, bị kẻ lạ hãm hiếp, những bé gái bị cha ruột cường dâm – và mong mỗi có cách nào can thiệp cứu vớt.

Ông Len ngày nào cũng gặp những người đàn bà mang đầy thương tích này. Họ là những người thường trực tìm đến sở cảnh sát, nhưng ngay cả khi đi đâu xe ngoài phạm vi ông có quyền xử lý, ông vẫn cảm thấy và nhận ran gay khi họ tới gần. Bà vợ tay chủ cửa hàng dụng cụ câu tuy mặt mũi không có vết bầm những lúc nào người cũng co rút như một con chó và luôn miệng thì thào xin lỗi. Cô gái đứng đường ông thường thấy đi đi lại lại mỗi bận ông chạy xe lên mạn bắc thăm mấy cô em. Năm tháng qua đi, cô càng ngày càng gầy, lớp mỡ ở gò má đã tan đi, ưu tư đè nặng làm mắt cô trông tuyệt vọng, trũng sâu xuống sau làn da vàng vọt. Hễ thấy vắng cô ông đâm lo. Đến khi cô xuất hiện, ông hoàn hồn nhưng lại thấy náo lòng.

Một thời gian dài ông không có gì để ghi tiếp vào tập hồ sơ vụ của tôi, nhưng mấy tháng sau này có vài dữ kiện mới được ghi thêm vào sổ tang vật: tên một người nữa có thể đã là nạn nhân, bà Sophie Cichetti, tên anh con trai và một biệt hiệu của George Harvey. Có cả món ông đang cầm trong tay: viên đá hộ mệnh Pennsylvania của tôi. Ông bỏ nó vào bao tang vật, lấy mấy ngón tây mân mê các thứ, và một lần nữa, lại tìm thấy mấy chữ cái hoa viết tắt tên của tôi. Viên đá đã được kiểm nghiệm xem từ đó có thể truy ra manh mối nào nữa không nhưng ngoài chuyện nó được tìm thấy ở chỗ một cô gái khác bị giết ra, không thấy thêm dấu vết nào dù soi dưới kính hiển vi.

Ngay sau khi xác định được là viên đá thuộc về tôi, ông đã muốn trao lại cho bố tôi. Làm thế là vi phạm quy định, nhưng ông đã không tìm ra thì thế đưa con gái để giao trả cho gia đình tôi, chỉ có một mỗi quyển sách học vầy bản, vào trang sách môn sinh vật học của tôi kèm bức thư tỏ tình của một cậu trai. Một vỏ chai Coca. Cái mũ đính chuông của tôi. Ông đã ghi vào danh sách và giữ lại những thứ này. Nhưng với viên đá này thì khác, ông định sẽ trao trả.

Một cô y tá, đi lại với ông trong suốt những năm mẹ tôi ra, gọi điện báo cho ông khi thấy có tên Jack Salmon trong danh sách những bệnh nhân mới nhập viện. Ông Len quyết định sẽ vào nhà thương thăm và cầm theo viên đá. Trong thâm tâm ông thấy viên đá như một thứ bùa hộ mệnh biết đâu có tác dụng giúp bố tôi chóng bình phục.

Nhìn ông tôi không khỏi nghĩ tới những thùng chứa chất thải độc hại, càng ngày càng nhiều, chất ở khu đất phía sau tiệm sửa mô-tô của anh Hal, nơi cỏ rậm đầy hai bên đường ray xe lửa, che đậy việc những hang xưởng ở quanh đó thỉnh thoảng đem vứt bậy bạ đôi ba thùng. Những chuyện đó được ém nhẹm, những lô thùng đó bắt đầu rò rỉ. Trong những năm sau khi mẹ tôi bỏ đi, tôi thấy ông Len đáng thương nhưng cũng đáng nể. Ông lần theo những tang vật cụ thể để qua đó cố nắm bắt những điều không thể lĩnh hội bằng lý trí được. Về mặt này tôi nhìn nhận, ông cũng giống như tôi.

Trước cửa nhà thương có một cô bé đứng bán những bó hoa thủy tiên nho nhỏ, các cánh hoa màu xanh được bó lại, thắt nơ màu tím hoa oải hương. Tôi nhìn mẹ tôi lúc bà hỏi mua toàn bộ lô hoa của cô.

Cô y tá Eliot đã thấy mẹ tôi tám năm về trước, nay vẫn nhận ra khi bà ôm mớ hoa từ đầu kia của hành lang lại, sốt sắng đòi phụ một tay. Cô lấy thêm vài lọ hoa để trong phòng chứa dụng cụ rồi cùng mẹ tôi đổ nước, cắm hoa trưng bày khắp phòng trong lúc bố tôi còn thiếp ngủ. Cô Eliot thăm nghĩ nếu đem sự mất mát thất bại ra để đo đạc nhan sắc của người đàn bà thì xem ra sau khi mất mát mẹ tôi trong lại còn kiêu diễm hơn xưa.

Lindsey, Samuel và bà ngoại Lynn đã đưa Buckley về nhà từ lúc trời mới sập tối. Mẹ tôi thấy lòng mình chưa sẵn sàng để nhìn lại ngôi nhà. Bà để hết tâm trí vào bố tôi. Mọi chuyện khác tính sau, từ ngôi nhà cũng âm thầm trách bà quay đi, đến cậu con trai và cô con gái. Bà cần ăn gì đó lót dạ, cần thời gian để suy ngẫm. Thay vì vào quầy ăn tự phục vụ của nhà thương - ở đó đèn đóm sang trưng buộc bà cứ phải liên tưởng đến cố gắng của nhà

thương nhằm giữ cho người ta tỉnh táo để đón nhận những tin xấu khác nữa – cà phê nhạt thếch, ghế cứng ngồi ê lưng, thang máy tầng nào cũng ngừng – bà rời tòa nhà ra cổng bước lên lối đi thoải mái.

Trời đã tối và trên bãi đậu xe, nơi nửa khuya hôm đó bà lái xe đến trong chiếc áo ngủ phong phanh, chỉ còn đậu đây đó dăm ba chiếc. Bà túm hai vạt chiếc áo len bà ngoại đưa cho kéo sát vào người.

Bà băng ngang qua bãi đậu xe, nhìn vào những chiếc xe tối om kia tìm những dấu hiệu để phỏng đoán về những người đang trong nhà thương. Trong một chiếc xe nọ băng nhạc nằm bừa bộn trên ghế cạnh người lái, trong một chiếc xe khác bà thấy thấp thoáng một chiếc ghế nệm cho trẻ em trông kèngh càng. Tìm xem có những thứ gì trong mấy chiếc xe này tự nhiên trở thành một trò chơi cho bà. Một cách để bà không cảm thấy cô đơn và xa lạ, như thể bà là đứa bé chơi trò dò xét lục lọi nhà các bạn bè của bố mẹ. Điệp viên Abigail báo cáo ban chỉ huy: tôi thấy một con chó bông lông xù, tôi thấy một quả bóng, tôi thấy một người đàn bà! Bà ta đấy, một người lạ đang ngồi sau tay lái. Bà ta không biết mẹ tôi đang nhìn mình. Thấy mặt bà ta rồi, mẹ tôi liền chăm chú quay nhìn những ngọn đèn sang trưng trong quá ăn cũ kỹ nọ, mục tiêu của bà ta. Bà không cần quay nhìn cũng biết người đàn bà kia đang làm gì. Bà ấy đang chuẩn bị để sẵn sàng đi vào trong đó. Bà biết nét mặt đó nói lên điều gì. Đó là nét mặt của kẻ không mong gì hơn là được sống ở bất cứ nơi đâu miễn không phải nơi mình đang sống.

Bà đứng trên vạt cỏ giữa bệnh viện và lối riêng vào phòng cấp cứu, thấy thêm một liều thuốc. Sáng nay bà không kịp đặt câu hỏi nào. Jack bị nhồi máu cơ tim, bà phải về nhà ngay. Nhưng bây giờ, đứng ở đây bà không biết mình nên làm gì nữa. Bà sẽ còn phải chờ ở đây bao lâu, sẽ còn xảy ra những chuyện gì trước khi bà ra đi lần nữa? Bà nghe phía sau, trên bãi xe, tiến mở rồi đóng cửa xe – người đàn bà kia đi vào trong bệnh viện.



Bà cảm nhận cái quán ăn như một nơi chốn mơ hồ mờ ảo. Bà ngồi một mình một góc, gọi một món – thịt gà hầm bột chiên - hình như ở California không thấy ở đâu bán.

Bà đang ngẫm nghĩ thì thấy người đàn ông ngồi ngay góc đối diện đưa mắt tình tứ nhìn bà, bà để ý ngay từng chi tiết diện mạo của y. Bà làm một cách tự động, thế nhưng suốt thời gian ở miền Tây nước Mỹ bà không hề có phản ứng tương tự. Sau ngày tôi bị giết và bà vẫn còn ở Pennsylvania, hề thấy một người đàn ông có thái độ lạ, khả nghi, lập tức đầu óc bà tự động làm công việc phân tích đó. Phản xạ chớp nhoáng – phải nhìn nhận nỗi sợ cũng có mặt thực dụng thật - khiến không kịp tự bảo mình đừng nên suy đoán như thế. Món ăn được bưng ra, gà chiên và nước trà, bà để hết tâm trí vào món ăn, vào lớp bột chiên lộm cộm bọc miếng thịt dai và thứ nước trà pha từ lâu mang vị sắt của bình trà. Bà nghĩ chắc sẽ không ở lại nhà lâu hơn vài ngày. Nhìn đâu bà cũng thấy tôi, nhìn sang góc đối diện bà thấy người đàn ông, nghĩ biết đâu hẳn chính là kẻ đã giết tôi.

Bà ăn cho xong bữa, trả tiền và rời khỏi quán, mắt không ngược nhìn cao quá tầm thắt lưng. Cái chuông treo ở cửa ra vào gõ kính coong vang trên đầu làm bà giật thót người, tim như nhảy dựng trong lồng ngực.

Bà đi trở lại lộ trình cũ, băng qua đường cao tốc, nhưng thấy mình hụt hơi khi đi ngang bãi đậu xe. Chiếc xe của người đàn bà lo âu khắc khoải vẫn còn đó.

Trong tiền sảnh, nơi ít có ai dừng chân, bà quyết định ngồi xuống, chờ đến khi nhịp thở bình thường trở lại.

Bà sẽ ngồi bên chồng vài tiếng đồng hồ, và khi ông thức giấc, bà sẽ nói lời giã biệt. quyết định rồi bà thấy như có luồng khí mát thổi qua bản thân. Cảm giác như đột nhiên trút bỏ được gánh nặng trách nhiệm. tấm vé đưa bà đến một nơi xa xôi.

Lúc ấy đã khuya, sau mười giờ tối, bà lấy thang máy lên tầng năm, hành lang chỉ để đèn mờ. Bà đi ngang qua phòng trực, hai cô y tá ngồi sau cửa kính đang chuyện trò khe khẽ. Bà nghe được qua thanh điệu trầm bổng nổi thú vị của họ khi kháo nhau về đủ loại tin đồn, âm thanh của kiểu thân mật thổ lộ những điều riêng tư thầm kín. Thế rồi, đúng lúc một cô y tá không nén được phá lên cười khanh khách, mẹ tôi mở cửa phòng bố tôi nằm, để cửa tự sập lại.

Đơn độc.

Khi cánh cửa sập lại thì trong phòng không khí như bị hút mất, chỉ còn khoảng chân không. Tôi cảm thấy ở đây không có chỗ cho mình, tôi cũng nên rời phòng này. Nhưng tôi như bị chôn chân tại chỗ.

Nhìn ông thiếp ngủ trong đêm, trong ánh tù mù của ngọn đèn huỳnh quang công suất thấp gắn phía sau đầu giường, bà hồi tưởng lại lúc mình đứng cũng trong nhà thương này, rồi sau đó đi những bước đầu đưa bà rời xa ông.

Khi bà cầm lấy tay ông, tôi nhớ đến cảnh cùng ngồi với em gái tôi dưới bức phù điêu treo ở hành lang trên lầu. Tôi đóng vai chàng hiệp sĩ quá cố lên thiên đường với con chó trung thành, còn em đóng vai vị hôn thê tính khí sôi nổi. “Sao lại buộc tôi phải chịu cầm tù nốt quãng đời còn lại với một người đàn ông thi thể đông cứng thế kia?” Đó là câu nói Lindsey ưa thích nhất.

Mẹ tôi ngồi một lúc lâu, áp bàn tay ông trong hai bàn tay mình. Bà thầm nghĩ giá nằm cạnh ông trên tấm khăn giường tinh tươm kia hẳn tuyệt vời lắm. Và biết là không thể làm vậy được.

Bà cúi người gần lại. khuất đầu dưới mùi thuốc tẩy trùng và mùi cồn, bà vẫn ngửi được thứ mùi của cỏ từ làn da ông. Ngày ra đi, bà gói theo chiếc áo của bố tôi mà bà thích nhất, thỉnh thoảng bà lấy ra khoác lên người chỉ để có chút hơi hương của ông. Bà không bao giờ mặc đi ra ngoài, nên vải vẫn giữ được mùi ông lâu. Bà nhớ lại một đêm nọ, khi nhớ ông quay quắt, bà lấy áo bọc gói rồi ôm mà ngủ như thể mình vẫn là một nữ sinh trung học.

Qua cửa sổ đóng kín, bà vẫn nghe tiếng xe cộ rì rầm vắng đến từ phía xa lộ, bệnh viện giờ này đã đóng hẳn cổng. chỉ còn tiếng đế giày cao su của các cô y tá trực đêm khi họ đi ngoài hành lang ngang qua cửa phòng.

Mùa đông vừa rồi, có lần bà nói với một cô cùng bà rót vang cho khách thử vào những ngày thứ Bảy, rằng trong quan hệ nam nữ bao giờ cũng có một người mạnh hơn người kia. “Song không có nghĩa kẻ yếu hơn không yêu thương người mạnh hơn mình đâu nhé,” bà biện hộ. Cô kia ngẩn ra nhìn bà. Nhưng với mẹ tôi thì điều quan trọng là khi nói thế bà chợt tự xem mình chính là kẻ yếu. Khám phá ra điều này khiến bà choáng váng cả người. Chẳng phải suốt bao nhiêu năm qua bà hoàn toàn nghĩ ngược lại như thế hay sao?

Bà kéo ghế lại thật gần chỗ ngang đầu ông, áp má vào mép gối để nhìn ông thở, nhìn mắt ông khẽ giật dưới mí khi đang nằm mơ. Sao lại có chuyện ta yêu say đắm một người nào đó, nhưng lại không chịu tự thú nhận với chính mình, rồi ngày lại ngày bừng mắt thức dậy ở một nơi xa nhà vạn dặm? Bà đã đặt cả rừng biển quảng cáo và biết bao đường xe ở khoảng giữa hai người, quăng đầy chướng ngại vật chắn đường những nơi vừa đi qua, bẻ gãy kính chiếu hậu và tường bằng cách đó đã làm ông biến mất, đã tẩy xóa cuộc sống chung của hai người và cả con cái được rồi ư?

Điều đó quá đơn giản, khi bà lặng nhìn ông và hơi thở đều đặn của ông làm

bà dịu lòng lại, đến nỗi mới đầu bà không nhận thấy chuyện gì đang xảy ra. Bà hình dung lại từng căn phòng trong ngôi nhà của chúng tôi và số lượng thời giờ bà trải qua khi sống trong đó, lượng thời gian mà bà đã bỏ nhiều công sức để xóa khỏi ký ức. tương tự các thức quả ta đã bỏ lọ ngâm rồi quên bẵng đi, đến lúc quay về hình như vị ngọt ngào của nó càng tinh khiết hơn. Trên giá sách kia là dấu vết những cuộc hẹn hò và những trò vụng dại thời họ mới si mê nhau, dải băng nối kết hình thành từ mơ mộng, gốc rễ bền chắc từ đó một gia đình nảy mầm đơm hoa. Chứng cứ nhiên nhiên đầu tiên của thời đó là tôi.

Bà nhận ra có một nếp nhăn mới trên mặt bố tôi. Bà thấy ứa mảng tóc bạc hai bên thái dương ông.

Quá nửa đêm một lúc bà thiếp đi dù cố chong mắt thức, cố ghi nhớ lại toàn bộ những gì bà thấy khi ngấm nhìn gương mặt kia, để khi ông thức giấc bà có thể từ giã ông.

Khi bà khép mắt lại và cả hai ngủ thiếp êm đềm bên nhau, tôi thì thầm với bố mẹ:

Này là sỏi đá, này là mẩu xương;  
Này là tuyết, còn đây sương giá;  
Này là hạt mầm, hạt đậu, còn đây nòng nọc.  
Lối mòn và cành nhánh, bao nhiêu là nụ hôn,  
Mọi người đều rõ Susie nhớ ai...

Gần hai giờ sáng, trời đổ mưa, mưa rơi xuống nhà thương, xuống ngôi nhà cũ của tôi và cả trên thiên đường nữa. Mưa rơi cả trên mái tôn chiếc lán nơi tên Harvey nằm ngủ. khi mưa gõ những chiếc búa tí hon phía trên đầu hăn thì hăn đang mơ. Hăn không mơ thấy cô gái mà hài cốt đã được đào lên

hiện đang được kiểm nghiệm, mà mơ thấy Lindsey Salmon, mơ tới hàng số 5! 5! 5! nhảy bừa vào bụi hương mộc. Giấc mơ trở lại như điềm báo mỗi khi hăm cảm thấy bị đe dọa. kể từ giây phút ánh dạ quang trên chiếc áo cầu thủ của em chớp lóe sáng, cuộc sống của hân cũng bắt đầu chao đảo.

Lúc gần bốn giờ sáng tôi thấy mắt bố tôi mở hé, thấy ông cảm nhận được hơi thở ấm áp của mẹ tôi phả lên má trước cả khi hiểu ra bà đang nằm ngủ kề bên. Cả hai bố con đều ước rằng ông ôm lấy bà, nhưng ông yếu quá. Còn một cách khác, và ông đã chọn cách này. Ông sẽ kể cho bà những điều ông cảm nhận sau cái chết của tôi, những điều ông thường hay nghĩ tới mà ngoài tôi ra không ai biết

Nhưng ông không muốn làm bà thức giấc. Bệnh viện hoàn toàn yên ắng, trừ tiếng mưa rơi. Ông cảm thấy mưa cứ theo đuổi mình, cả bóng đêm vào hơi ẩm nữa, ông nghĩ tới cảnh Lindsey và Samuel đứng trước cửa nhà, ướt lướt thướt nhưng tươi cười, sau cuộc chạy bộ đường trường chỉ để ông yên bụng. ông hay bắt gặp mình đang lẩm nhẩm để tự nhắc phải tập trung đầu óc: Lindsey. Lindsey. Lindsey. Buckley. Buckley. Buckley.

Nhìn màn mưa bên ngoài cửa sổ bị ánh đèn trên bãi đậu xe rọi thành các quầng tròn, ông hồi tưởng lại những cuộn phim đã xem thời trẻ - mưa Hollywood. Ông nhắm mắt lại, cảm nhận hơi thở vỗ về của bà phả vào má, lắng nghe tiếng mưa rơi nhẹ nhẹ trên bề cửa sổ bằng kim loại, rồi ông nghe tiếng chim hót – những con chim nhỏ kêu chiêm chiếp, nhưng ông không nhìn thấy chúng. Chợt nghĩ, sát bên cửa sổ biết đâu có một tổ chim, lũ chim non thức dậy trong mưa thấy chim mẹ đi mất, ông muốn ra cứu chúng. Ông cảm thấy những ngón tay buông thõng của bà, khi thiếp ngủ bà buông bàn tay ông ra. Bà đang ở đây và lần này, không cần biết đến bao chuyện đã xảy ra, ông sẽ để bà được sống trung thực con người mình.

Lúc ấy tôi lên vào trong phòng đứng với mẹ và bố tôi. Tôi hiện diện nhưng với tư cách một người trưởng thành, sự kiện trước nay chưa hề có. Tôi luôn có mặt bên bố mẹ, nhưng chưa từng đứng ngay bên cạnh.

Trong bóng tối tôi thu người cho nhỏ đi mà chẳng rõ có ai thấy mình không. Suốt tám năm rưỡi qua ngày nào tôi cũng rời xa ông vài giờ, như tôi đã rời xa mẹ, Ruth hay Ray, rời xa em trai, em gái rồi, và tất nhiên cả tên Harvey, còn ông – đến nay tôi mới biết – chưa bao giờ rời xa tôi. Tấm lòng tha thiết của ông đối với tôi khiến tôi luôn hiểu rằng: mình được thương yêu. Trong vàng sáng ấm áp của tình thương ông dành cho, tôi vẫn mãi là Susie Salmon, một cô bé với cả tương lai phía trước.

“Anh nghĩ nếu nín thính thì sẽ nghe được tiếng em,” ông thì thầm. “Nếu anh lặng yên thì biết đâu em sẽ quay về.”

“Jack đó ư?”, mẹ tôi nói khi bừng tỉnh dậy. “Em thiếp đi lúc nào không biết.”

“Có em bên cạnh thật tuyệt vời,” ông nói.

Mẹ tôi nhìn ông. Mọi thứ tháo mở, bật tung ra hết. “Anh có cách nào vậy?”, bà hỏi.

“Đâu có gì khác để lựa chọn, hử Abbie,” ông nói. “Anh biết làm gì khác hơn?”

“Ra đi, làm lại từ đầu,” bà bảo.

“Thế kết quả ra sao?”

Cả hai lặng thinh. Tôi chìa tay ra rồi tan biến, mất hút.

“Sao em không nằm xuống đây?” ông hỏi. “Mình còn ít phút với nhau trước khi các viên chức mẫn cán đến xua em đi khỏi đây.”

Bà ngồi yên.

“Họ tử tế với em lắm,” bà nói. “Cô y tá Eliot phụ em đổ nước cắm hoa lúc anh còn ngủ.”

Ông nhìn quanh, nhận ra đó là loại hoa nào. “Thủy tiên”, ông nói.

“Hoa Susie ưa đấy.”

Bố tôi nhoẻn miệng cười thật tươi. “Em thấy chưa,” ông nói. “Chỉ cần thế. Em sống bằng cách chấp nhận, bằng việc tặng con một bông hoa.”

“Sống vậy buồn quá,” mẹ tôi nói.

“Buồn thật”, ông đáp, “nhưng phải vậy thôi.”

Mẹ tôi phải khéo léo mới nằm nghiêng trên mép giường bệnh được. Họ tìm được thế nằm duỗi dài bên nhau, nhìn vào mắt nhau.

“Em thấy sao khi gặp lại Buckley và Lindsey?”

“Thật quá khó cho em,” bà đáp.

Họ im lặng một lúc rồi ông siết tay bà.

“Trông em có đổi khác đấy,” ông nói.

“Anh muốn nói là em già đi chứ gì?”

Tôi nhìn ông nâng một lọn tóc của bà quăn vào vành tai. “Suốt thời gian em đi vắng anh lại phải lòng em lần nữa đấy,” ông nói.

Tôi ước gì được ở vào cương vị của bà. Tình yêu của ông đối với mẹ tôi không chỉ dành cho con người bà trong quá khứ hay một con người bất biến. Đó là thương yêu mọi mặt – cả tính cách mỏng manh yếu đuối, và quyết định trốn chạy của bà, yêu vì bà có mặt ở đây đúng vào lúc này, trước khi mặt trời mọc và nhân viên bệnh viện vào đây. Đó là cử chỉ lấy mấy ngón tay vuốt tóc bà, và biết bây giờ ông có thể phóng xuống đáy thăm đôi mắt đại dương của bà không chút lo âu.

Mẹ tôi không mở miệng nói nổi câu: “Em yêu anh.”

“Em sẽ ở lại chứ?”, ông hỏi.

“Một thời gian ngắn.”

Ít ra cũng được thế.

“Được”, ông nói. “Thế em trả lời sao khi mấy người ở California hỏi thăm về gia cảnh?”

“Miệng thì trả lời là có hai đứa con. Nhưng trong thâm tâm em vẫn nói là ba đứa. Lúc nào em cũng thấy phải xin lỗi nó về chuyện đó.”

“Em có nhắc đến chồng không?” ông hỏi.

Bà nhìn ông: “Không.”

“Chết thật!”, ông nói.



“Jack, em trở về đây không phải để giả cách này nọ,” bà đáp.

“Thế em quay về vì sao nào?”

“Mẹ gọi cho em. Bà bảo anh bị nhồi máu cơ tim, em mới liên tưởng đến bố của anh.”

“Em sợ anh chết mất chứ gì?”

“Đúng thế.”

“Hồi này em ngủ,” ông nói. “Nên không trông thấy nó.”

“Thấy ai?”

“Có người vào phòng này rồi lại đi ra. Anh tin rằng đó là Susie.”

“Jack?”, bà hỏi lại, nhưng thực sự không hoảng sợ lắm.

“Đừng bảo rằng em không trông thấy con.”

Bà không phản bác nữa.

“Em nhìn đâu cũng thấy nó,” bà nói, thở ra nhẹ nhõm. “Tận bên California chỗ nào cũng có nó. Lúc thì trên xe buýt, lúc đứng trước trường học, khi em lái xe qua. Có khi em thấy mái tóc nó, nhưng nhìn lại thì khuôn mặt không khớp. Hoặc em thấy hình dạng nó hay tướng nó đi đứng. Em thấy những cô chị lớn hơn nó một chút với những em trai nhỏ hay hai bé gái trong như chị em, rồi em tưởng tượng tất cả những gì Lindsey bị lấy mất khỏi cuộc đời của nó: mối quan hệ với chị cả mà nó và Buckley không

được phép có nữa, thế rồi ý nghĩ đó lại làm em choáng váng, bởi em cũng bỏ đi mất. Những chuyện này sẽ đè nặng lên anh, và cả lên mẹ em nữa.”

“Bà cụ thật tuyệt vời,” ông nói, “một tảng đá. Tuy xộp như bọt biển, nhưng là cả một tảng đá.”

“Em cũng thấy thế.”

“Vậy nếu anh kể rằng cách đây mười phút Susie có mặt trong căn phòng này thì em sẽ nói gì nào?”

“Em sẽ bảo chắc anh loạn trí mất rồi và cũng có thể anh nói đúng.”

Bố tôi hơi rướn lên, đưa ngón tay lần lên sống mũi bà rồi đặt lên môi bà. Lúc ấy môi bà khê hé mở.

“Em phải cúi xuống thôi,” ông nói. “Anh vẫn là bệnh nhân mà.”

Rồi tôi nhìn bố mẹ hôn nhau. Họ vẫn mở mắt trong khi hôn, và mẹ tôi là người đầu tiên khóc, nước mắt bà tuôn rơi lã chã trên má bố tôi mãi, cho đến lúc ông cũng khóc theo.

## CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

Tôi rời chỗ bố mẹ ở bệnh viện, tìm đến với Ray Singh. Năm xưa anh chàng và tôi vừa tròn mười bốn tuổi. Giờ đây tôi nhìn anh chàng gối đầu trên gối, tóc đen trên nền màu vàng, da ngăm đen trên khăn trải giường màu vàng. Tôi vẫn yêu anh chàng như thuở nào. Tôi đếm những sợi lông mi ở mỗi bên mắt đang nhắm nghiền kia. Anh chàng là người suýt-thành, người lẽ-ra-thuộc-về tôi, và tôi chẳng muốn rời xa anh chàng cũng như không muốn xa gia đình mình.

Lúc nằm trên giàn giáo chống chênh ở hậu trường sân khấu, bên dưới có Ruth đang đứng, Ray Singh nhích lại gần đến nỗi hơi thở của anh chàng quện vào hơi thở tôi. Tôi ngửi thấy mùi đinh hương trộn mùi quế mà tôi hình dung mỗi sáng anh chàng rắc lên món bỏng ngũ cốc, ngoài ra còn có thứ mùi đậm đà, mùi của một cơ thể đang sát lại gần tôi, và sâu thẳm trong cơ thể ấy có những bộ phận điều hành bởi những hóa chất hoàn toàn khác với tôi.

Từ lúc biết chuyện ấy rồi sẽ đến, cho đến lúc nó xảy ra thực sự, tôi luôn đề phòng tránh cảnh một thân một mình gặp Ray Singh, dù trong hay ngoài khuôn viên nhà trường. Tôi hồi hộp sợ chính điều mà mình mong mỏi nhất: một nụ hôn của anh chàng. Tôi sợ rằng một nụ hôn không đem lại cảm giác như tôi vẫn nghe kể hay đọc trong các tạp chí Tuổi mười bảy, Thế giới hoa lệ, và Thời trang. Tôi sợ rằng mình quá vụng về - rằng với nụ hôn đầu tiên mình chẳng tỏ tình được mà còn làm người kia cảm thấy bị hắt hủi. Thế là tôi cứ tiếp tục sưu tầm các mẫu chuyện về đề tài cái hôn.

“Nụ hôn đầu tiên là giây phút định mệnh gõ cửa đấy, cháu ạ,” có lần bà ngoại Lynn nói thế qua máy điện thoại. Tôi cầm ống nghe trong lúc chờ bố đi gọi mẹ. “Lại chân nam đá chân chiêu rồi,” tôi nghe tiếng bố nói trong bếp.

“Giá được tái diễn màn này, bà sẽ chuẩn bị tô môi sẵn trước đó bằng loại son nào thật kỳ diệu, Hỏa và Băng chẳng hạn, nhưng hồi đó hãng Revlon chưa chế ra thứ son môi này. Bà để lại dấu ấn của mình trên người đàn ông như thế đấy.”

“Mẹ đấy à?” mẹ tôi nói xen vào từ máy phụ gần trong phòng ngủ.

“Hai bà cháu đang nói về chuyện hôn, Abigail ạ.”

“Mẹ uống mấy ly rồi?”

“Nghe này, Susie,” bà ngoại Lynn nói, “nếu lúc hôn cháu thấy như thể mình là quả chanh thì cháu sẽ tiết ra nước chanh.”

“Sẽ cảm thấy thế nào hở bà?”

“Lại vẫn chuyện hôn với hít,” mẹ tôi nói. “Thôi để hai bà cháu tiếp tục vậy.” Trước đó tôi cứ theo hỏi bố rồi mẹ về chuyện hôn này để xem mỗi người kể khác nhau ra sao. Cảnh tôi còn ghi nhớ là hình ảnh bố mẹ tôi sau làn khói thuốc mù mịt – môi họ chỉ chạm phớt vào nhau sau màn khói ấy.

Một lúc sau bà ngoại Lynn thì thào: “Susie, cháu vẫn nghe bà chứ?”

“Vâng.”

Bà lại im lặng một lúc khá lâu. “Hồi đó bà mới bằng tuổi cháu, và người đầu tiên hôn bà là một người đàn ông. Bố một cô bạn của bà.”

“Sao bà lại làm thế!”, tôi kêu lên, choáng cả người.

“Cháu sẽ không đem bà ra đùa riếu đấy chứ?”

“Không đâu.”

“Tuyệt lắm cháu ạ,” bà ngoại Lynn nói. “Ông ấy đúng là biết cách hôn. Bọn con trai mà hôn thì bà chán chịu không nổi. Bà áp tay lên ngực chúng đẩy ra. Ông McGahern biết cách phải hôn bằng môi như thế nào.”

“Rồi sao nữa hở bà?”

“Quả là lạ thú ở đời,” bà nói. “Bà biết làm thế là bậy, nhưng thật là tuyệt vời – ít ra là cho bà. Bà chưa hề hỏi xem ông ta cảm thấy thế nào, nhưng sau lần ấy bà chẳng bao giờ gặp riêng ông ta nữa.”

“Thế sau đó bà có muốn hôn lại như vậy nữa không?”

“Có chứ. Bà vẫn tìm hòa xem có cảm giác thấy lại như lần đầu nữa không.”

“Thế còn ông ngoại?”

“Ông chẳng giỏi môn đó đâu,” bà nói. Tôi nghe tiếng đá cục kêu lanh canh ở đầu kia. “Bà không quên nổi ông McGhern, đâu chỉ là chuyện thoáng qua thôi. Có cậu nào muốn hôn cháu à?”

Cả bố lẫn mẹ tôi đều không hỏi tôi chuyện nào. Bây giờ tôi mới rõ, ngày đó hai người biết cả rồi, và nhìn nhau tùm tùm cười khi kể lại cho nhau nghe.

Tôi nuốt như nghẹn bên đầu dây của tôi. “Có.”

“Tên gì?”

“Ray Singh”

“Cháu có thích cậu ta không?”

“Có”

“Thế thì vấn đề nằm ở đâu?”

“Cháu sợ mình không biết cách.”

“Susie à!”

“Sao ạ?”

“Thích thì cứ làm, cháu ạ.”

Nhưng trưa hôm ấy đứng bên chiếc tủ của mình, nghe Ray gọi tên – lần này từ đằng sau chứ không phải từ trên cao - tôi chưa kịp cảm thấy ham thích gì. Bảo rằng không thích cũng không đúng hẳn. Không phải là những trạng thái rõ ràng, hẳn không đen thì trắng, mà tôi từng biết qua. Tôi cảm thấy, nếu cần dùng chữ để tả thì xao xuyến. Không phải động từ mà là tính từ chỉ trạng thái. Sung sướng + Lo âu hồi hộp = Xao xuyến.

“Ray”, tôi chưa kịp nói thành lời thì Ray đã cúi xuống hôn lên đôi môi tôi vừa chớm hé. Tuy tôi đã linh cảm từ nhiều tuần nay là chuyện này sẽ đến nhưng vì xảy ra quá đột ngột, nên tôi chẳng thấy thỏa lòng. Tôi mãi mòn mong ngóng được hôn Ray Singh lần nữa.

Buổi sáng hôm sau ông Connors cắt từ tờ báo ra một bản tin giữ lại để đưa cho Ruth. Bài báo có hình vẽ chi tiết khu hồ sục Flanagan và thông tin về phương án san lấp trong thời gian sắp tới vào đúng thời điểm Ruth thay quần áo chuẩn bị lên đường thì ông ghi thêm cho cô nàng lời chú giải: “Đó là loại hồ nguy hiểm chết người. Sẽ có ngày một người bất cẩn chạy qua lọt xuống tiêu cả người lẫn xe cho mà xem.”

“Bố tớ bảo đây là hồi chuông báo tử của ông,” Ruth vừa nói với Ray vừa hươ mảnh giấy báo, lúc chui vào chiếc xe Chevy xanh của Ray đậu ở đầu ngõ vào nhà. “Nghe bảo rằng khu nhà của tớ xe bị mất nước khi chia lô lại. Bạn nghe này. Trong bài báo này họ có bốn khu mà, vuông vức như hình khối mình tập vẽ hồi mới học hội họa, đọc để biết họ định san lấp cái hồ bằng cách nào.”

“Ruth, tớ rất vui được gặp lại bạn,” Ray nói, vừa cho xe chạy lùi ra ngõ vừa đưa mắt nhìn dây an toàn, ra hiệu khi thấy Ruth chưa gài.

“Xin lỗi, Ruth nói. “Chào bạn”

“Bài báo nói gì?” Ray nói.

“Hôm nay đẹp trời, thời tiết tuyệt vời.”

“Thôi thôi. Đủ rồi. Kể xem bài báo nói gì.”

Cứ băng đi vài tháng mới gặp lại nhau, lần nào Ray cũng phải nhớ rằng cô bạn mình luôn hăng say sôi nổi và hiếu kỳ ham tìm hiểu đủ chuyện – hai đức tính làm họ thấy hợp nhau và muốn duy trì quan hệ bạn bè.

“Ba bức đầu vẽ cùng một hình, chỉ khác ở chỗ các mũi tên chỉ vào những điểm khác nhau, có ghi chú “lớp đất trên cùng”, “tầng đá vôi nứt rạn” và

“đá phân hủy”. Bức cuối cùng mang hàng chữ lớn “Cách san lấp”, bên dưới viết: “Đổ bê-tông xuống họng hố, trét vữa kín các khe hở.”

“Gọi là họng hố à?” Ray hỏi.

“Tớ biết”, Ruth đáp. “Trang kia còn vẽ thêm một mũi tên nữa, như thế đây là một dự án to tát đến nỗi họ phải tạm dừng một giây để đọc giả có thì giờ hiểu được khái niệm, xong mới chú thêm: ‘Sau đó đổ rác xuống lấp hố cho bằng.’ ”

Ray bật cười.

“Như một quy trình trong y học,” Ruth nói. “Phải dùng đến phẫu thuật phức tạp để vá víu sửa sang hành tinh này.”

“Tớ đang nghĩ hang hố sâu dưới lòng đất thường làm người ta ghê sợ vô cớ.”

“Đã hẳn”, Ruth nói. “Hang hố có họng để nuốt, Chúa ạ! Vậy mình đến tận nơi xem sao.”

Suốt một quãng độ một dặm dọc con đường này có dựng nhiều bản thông báo sẽ có những khu nhà nào sắp xây lên. Ray rẽ trái, chạy vào những khu xây quay lại thành hình vòng cung mặt đường mới được lát đá, cây cối ở đây đã bị đốn sạch, cứ một quãng ngắn lại có lá cờ đuôi nheo vàng hay đỏ phất phới, treo ở đầu những chiếc cọc chằng dây theo cao ngang thắt lưng.

Hai người đang yên trí là không có ai khác ngoài mình lần dò khám phá đường sá của một vùng đất không người cư ngụ thì chợt nhìn thấy Joe Ellis đang đi phía trước.

Ruth với Ray đều không vậy, mà Joe cũng chẳng làm cử chỉ gì cho thấy



nhìn ra họ.

“Mẹ tớ bảo cậu ta vẫn sống với bố mẹ và không tìm được việc làm”

“Cậu ta làm gì cho hết ngày nhỉ?” Ray hỏi.

“Tập diễn những vai kinh dị, tớ đoán thế.”

“Cậu ta không bao giờ vượt nổi chuyện này,” Ray hỏi, còn Ruth chăm chú dõi mắt nhìn những lô đất trống nối nhau hết dãy này đến dãy khác, cho tới lúc Ray quay xe ra lại trục lộ chính, băng qua đường ray xe lửa, theo đường số 30 đến chỗ hồ sụt.

Ruth để thong tay bên ngoài cửa xe để cảm nhận làn không khí ẩm buổi ban mai sau cơn mưa. Tuy Ray từng bị buộc tội là có thể dính dáng đến chuyện tôi mất tích, song anh chàng hiểu rằng cảnh sát phải làm nhiệm vụ của họ thôi. Nhưng Joe Ellis thì không hề sống bình thường lại được do việc bị buộc tội đã giết lũ chó mèo mà thực ra tên Harvey mới là thủ phạm. Cậu ta cứ đi lang thang, tránh gặp hàng xóm láng giềng và mong muốn được lũ chó mèo quần quít trêu mến mình hầu tìm an ủi. Tôi lạ thấy điều bi thảm nhất là lũ vật này đánh hơi được tâm tư day dứt khổ đau nơi Joe – một khuyết tật bẩm sinh – nên cứ lảng ra xa.

Trên đường số 30, gần Eels Rod Pike, một phố nhỏ nơi Ray và Ruth sắp đi qua, tôi thấy ông Len ra khỏi một căn hộ nằm bên trên tiệm hớt tóc của Joe. Ông xách ra xe loại túi khoác vai của sinh viên, trong nhét khá nhiều thức. Ba-lô này là quà tặng của chủ căn hộ, một phụ nữ trẻ. Một hôm cô ta mời ông cùng đi uống cà phê khi gặp ông ở buổi họp tại trụ sở cảnh sát trong

chương trình khoa tội phạm học ở Trường cao đẳng West Chester. Ba-lô chứa đủ thứ - vài món ông định đưa cho bố tôi xem, vài thứ khác mà các bậc cha mẹ không nên nhìn thấy. Trong đó có ảnh chụp hăm mộ và những thi thể tìm được ra – xác nào cũng còn đủ hay khuỷa tay.

Khi ông gọi điện vào nhà thương, y tá cho biết hiện ông Salmon có vợ và gia đình tới thăm. Giờ đây ông có cảm tưởng tội lỗi mình nặng trĩu thêm lúc lái xe vào bãi đậu của bệnh viện, ông ngồi thờ ở đấy một lúc, trong cái nóng đổ lửa do ánh nắng chiếu qua lớp kính chắn làm tăng nhiệt độ trong xe.

Tôi nhìn ông Len loay hoay sắp xếp câu cú cho những điều ông thấy cần nói. Ông chỉ nghĩ ra một giả thiết duy nhất – sau gần bảy năm trời, và từ cuối năm 1975 không mấy khi liên lạc lại – rằng điều bố mẹ tôi chờ đợi nhất là thấy thi thể tôi, hay tin bắt được tên Harvey. Vậy mà ông chỉ mang cho bố mẹ tôi có mỗi viên đá hộ mệnh.

Ông vớ chiếc ba-lô, khóa cửa xe, đi qua chỗ cô gái bán hoa với những bó thủy tiên mới mang trở ra. Ông biết số phòng của bố tôi nên không cần mất công hỏi ở phòng y tá trực tầng năm mà chỉ gõ nhẹ cửa phòng đang mở rồi bước vào.

Mẹ tôi đang đứng xoay lưng về phía ông. Khi bà quay lại tôi cũng thấy được rằng sự hiện diện của bà làm ông choáng váng. Bà đang nắm tay bố tôi. Tôi chợt cảm thấy mình lẻ loi cô độc khôn xiết.

Mẹ tôi hơi chổng chênh khi bắt gặp ánh mắt ông Len, nhưng rồi bà tìm ngay được cách chào hỏi xởi lởi.

“Hể thấy ông là mọi chuyện thành tuyệt diệu, đúng không?”, bà bông lơn.

“Chào anh Len,” bố tôi gượng nói. “Abbi, em cho giường lên cao một chút

nhé.”

“Chào ông Salmon, hiện ông thấy trong người ra sao?”

Len hỏi trong lúc mẹ tôi bấm mũi tên chỉ hướng nâng lên ở giường.

“Cứ gọi tôi là Jack đi,” bố tôi yêu cầu.

“Để ông bà không phải hi vọng hão,” Len nói, “chúng tôi chưa bắt được hãn.”

Bố tôi thất vọng thấy rõ.

Mẹ tôi chêm lại mấy cái gối để bố tôi tựa lưng và gáy. “Vậy ông đến đây có việc gì?”

“Chúng tôi tìm được một món đồ của Susie,” Len đáp.

Ông nói một câu gần như không chệch một chữ so với câu ông nói lần mang chiếc mũ đính chuông lại nhà tôi. Câu này lại văng vẳng trong tai bà.

Tối hôm trước, mới đầu mẹ tôi ngấm bố tôi đang ngủ, rồi sau đó bố tôi thức dậy thấy đầu bà kê bên gối, cả hai đều cố gặt ra khỏi ký ức cái đêm đầu tiên tuyết rơi, trời mưa, rơi cả mưa đá nữa ấy, quên cảnh hai người ôm lấu nhau, và không ai dám nói ra điều mình mong mỏi nhất. Tối hôm qua chính bố tôi là người rốt cuộc nói ra: “Con mình chẳng bao giờ về lại nữa đâu.” Một sự thật rõ ràng và đơn giản mà mọi người từng quen biết tôi đều chấp nhận rồi. Nhưng chính ông phải nói ra được, và bà cần nghe câu đó từ cửa miệng ông.

“Đó là viên đá móc ở vòng tay của Susie,” ông Len nói, “viên đá hình bang Pennsylvania, có khắc chữ tắt tên cháu.”

“Chính tôi chọn mua cho cháu,” bố tôi nói. “Ở trạm xe Đường Mười ba, hôm tôi lái xe vào phố. Họ dựng quầy bày bán, có người đàn ông mang kính bảo hiểm lo việc khắc tên, không tính thêm tiền. anh cũng mua cho Lindsey một cái. Em nhớ chứ, Abigail?”

“Em nhớ”, mẹ tôi đáp.

“Chúng tôi tìm thấy nó gần một ngôi mộ ở bang Connecticut.”

Bố mẹ tôi đột nhiên như chết sững một lúc – tựa những con vật lọt vào trong một tảng băng đá, hai mắt đông cứng cứ mở to khẩn khoản xin ai đó đang bước đi trên băng giải cứu họ, xin ông bà làm ơn làm phước.

“Không phải mộ Susie đâu,” ông Len nói, vội vàng lấp khoảng trống. “Điều này chỉ có nghĩa là tên Harvey dính dáng tới cả những vụ án mạng khác nữa ở Delaware và Connecticut. Viên đá của Susie chúng tôi tìm thấy gần một ngôi mộ nằm ngoài thị trấn Hartford.”

Bố mẹ tôi nhìn ông Len loay hoay mở khóa kéo chiếc ba lô. Khóa bị kẹt. mẹ tôi nhẹ vuốt tóc bố tôi ra phía sau và tìm gặp ánh mắt của ông. Song tâm trí bố tôi lại tập trung vào triển vọng ông Len vừa cho thấy – việc lục lại hồ sơ vụ án của tôi. Còn mẹ tôi, mới cảm thấy vững chân trên một nền đất không chuồi trượt đi mãi, không được để lộ ra là bà không hề muốn mọi chuyện lại bắt đầu lần nữa. nghe đến cái tên Goerge Harvey là bà câm bặt. Bà chưa hề suy nghĩ xem mình nên nói gì về hắn. đối với mẹ tôi, việc để cuộc sống của bà dính dáng lẫn nhằng mãi với việc có bắt được và trừng phạt hắn hay không, mang ý nghĩa là chọn sống mãi với kẻ thù, thay vì lo học cách làm sao sống tiếp trong một thế giới vắng bóng tôi.

Ông Len lôi ra một cái túi ni-lông trong kho to có khóa kéo. Ở góc dưới bố

mẹ tôi trông thấy ánh vàng lóng lánh. Len trao túi cho mẹ tôi, bà cầm túi giơ trước mắt, tay hơi dang ra không muốn để gần mình.

“Anh không cần các móng này nữa à, Len?” bố tôi hỏi.

“Chúng tôi đã kiểm tra xét nghiệm kỹ,” Len đáp. “Đã lập hồ sơ tìm thấy ở đâu và chụp ảnh nào cần giữ. Có thể một lúc nào đấy tôi cần lại, nhưng cho tới lúc đó ông bà cứ giữ lấy.”

“Em mở ra đi, Abbie,” bố tôi nói.

Tôi nhìn mẹ cầm cái túi đã mở, nghiêng người xuống đưa bố. “Món này là của anh, Jack ạ,” mẹ mới. “Món quà anh tặng con ngày đó.”

Khi bố cho tay vào túi, bàn tay ông run run, một giây sau ông cảm thấy bằng đầu ngón tay các cạnh sắc nhọn của viên đá. Cách ông lôi nó ra khỏi túi làm tôi nhớ tới trò chơi Thao tác với Lindsey, khi chúng tôi còn bé. Nếu tay ông chạm phải hai bên thành bao ni-lông thì chuông báo động sẽ réo lên và ông phải trả tiền phạt.

“Sao ông biết chắc rằng chính hắn đã giết những cô gái khác?”, mẹ hỏi, mắt đăm đăm nhìn mảnh vụn bé tí óng ánh trong bàn tay bố.

“Trên đời chẳng có gì là chắc chắn cả,” Len đáp.

Tiếng vọng kia lại dội vào tai mẹ lần nữa. Len có sẵn một số câu nói hay dùng. Đó cũng là câu bố tôi mượn lại để vỗ về vợ con. Đó là một câu nói tàn nhẫn, vì nó khiến người ta hy vọng hão.

“Tôi thấy tốt nhất ông nên rời khỏi đây ngay,” mẹ nói.

“Ờ hay, Abigail ?” bố ngạc nhiên hỏi.

“Tôi không muốn nghe thêm gì nữa.”

“Tôi rất cảm kích vì có được viên đá này, anh Len ạ,” bố tôi nói.

Ông Len giơ tay như muốn nhắc mũ chào bố tôi rồi quay đi. Ông có quan hệ yêu đương với mẹ tôi trước khi bà bỏ đi, theo kiểu lấy ái ân để tìm quên lãng. Đó là loại quan hệ ông có ngày một nhiều hơn trong những căn buồng phía trên hiệu cắt tóc nọ.

Tôi lên đường trực chỉ hướng nam định tìm Ruth và Ray, nhưng lại gặp tên Harvey. Hắn lái chiếc xe màu cam, chắp vá từ nhiều mảnh khác nhau của cùng một kiểu xe và cùng một thương hiệu, khiến nó giống như nhân vật ma quái trong truyện Frankenstein gắn trên bốn bánh xe. Mui máy xe được cột chằng bằng một sợi dây cao su, nhưng cứ bật lên bật xuống mỗi khi ngược gió.

Cái xe không chịu chạy nhanh hơn tốc độ tối thiểu, tuy hắn đã ra sức đạp lút ga. Sau đó hắn lăn ra ngủ bên ngôi mộ đào lên để trống, và trong giấc ngủ hắn mơ thấy hàng con số 5! 5! 5! nên sáng tỉnh mơ thức dậy hắn lái xe đi Pennsylvania ngay.

Những nét tạo nên con người Harvey mờ nhạt một cách lạ lùng. Bao năm qua hắn gạt được khỏi tâm trí mọi hồi tưởng về những người phụ nữ chết dưới tay hắn, nhưng giờ đây, hết người này đến người khác, họ trở lại ám ảnh hắn.

Cô gái trở thành nạn nhân đầu tiên của hắn hoàn toàn do ngẫu nhiên. Hắn như lên cơn rồ, không tự kiềm chế được, hoặc cũng có thể sau này hắn thù dật viện cớ như thế. Sau đó cô bỏ không trở lại trường trung học nơi cả hai theo học, nhưng điều này hình như chẳng làm hắn thắc mắc gì lắm. Thời kỳ đó hắn dờ dãi ở xoành xoạch nên hắn đoán cô ta cũng làm thế. Có

lúc hấn ân hận về vụ cưỡng hiếp cô bạn học này mà không bị tố giác, nhưng không hề xem đó là chuyện sẽ theo đuổi hấn hoặc cô ta mãi. Như thế buổi trưa hôm đó có một ngoại lực nào ấn hai thân thể va chạm vào nhau. Sau đó chỉ thoáng một giây cô nhìn trừng trừng trừng vô hồn. Hổ mắt sâu thẳm không đáy. Rồi cô mặc lại chiếc quần lót rách tả tơi, giặt vào cặp váy cho khỏi tuột. Cả hai lặng thinh và cô bỏ đi. Hấn lấy con dao bỏ túi rạch lên mu bàn tay. Lỡ bố hấn hỏi về vết máu thì hấn có sẵn câu giải thích hợp lý. “Đây này”, hấn sẽ chỉ vào chỗ đó trên bàn tay nói, “Con bị thương”.

Nhưng bố hấn không hỏi, cũng chẳng có ai khác tới tìm hấn. Không có ông bố hay người anh em trai, hoặc viên cảnh sát nào đến cả.

Thế rồi, điều tôi nhìn thấu được là Harvey cảm thấy cô gái nọ ngồi bên cạnh mình. Cô ta qua đời vài năm sau vụ đó, nguyên do là vì người anh hút thuốc rồi ngủ quên. Cô ta ngồi ghế phía trước. Tôi tự hỏi còn cần phải bao nhiêu năm nữa hấn mới hồi tưởng về tôi.

Dấu hiệu thay đổi duy nhất kể từ ngày tên Harvey chở tôi đến vứt ở chỗ gia đình Flanagan là những vật chắn đường hình tháp màu cam đặt quanh khu đất. Ngoài ra rõ rệt nhất là việc cái hố sụt nay rộng hấn ra. Góc ngôi nhà về hướng đông nam nghiêng chếch xuống và hàng hiên phía trước bị lún xuống đất.

Ray thận trọng đậu xe ở lề bên kia của đường Flat, quãng có cây lá mọc um tùm. Tuy vậy, phía xe bên chỗ Ruth vẫn cạ phải lề đường. “Gia đình Flanagan giờ ra sao nhỉ?”. Ray hỏi khi hai người xuống xe.

“Bố tớ bảo rằng cái hãng mua khu đất này đã đền bù một số tiền và họ dọn đi rồi.”

“Ở đây cứ như có ma ám ý, Ruth nhỉ,” Ray nói.

Hai người băng qua con đường vắng người. Trên cao bầu trời xanh nhạt điểm vài đám mây màu khói. Đứng từ dâu nhìn ra họ thấy được cả mặt sau tiệm sửa xe mô-tô của anh Hal phía bên kia đường ray xe lửa.

“Chẳng hiểu Hal Hecker có còn là chủ tiệm không nữa?”, Ruth nói. “Thời mới lớn tớ mê mẩn chàng ta lắm đấy.”

Rồi hai người đi vòng về hướng khu đất. Không ai nói gì. Ruth bước vòng như theo những đường xoáy cứ nhỏ dần lại quanh một trung điểm là cái hố và và vòng bờ vực không có cái gì đánh dấu rõ. Ruth đi trước dẫn đường, Ray theo sau. Nhìn từ xa thì hố trông không có gì nguy hiểm – giống một bãi bùn rộng ngày càng khô hạn nước. Quanh hố đây đó có những mảng cỏ dại mọc um tùm và nếu đến gần nhìn kỹ hơn ta thấy hình như đó không phải là đất nữa, mà là một thứ thịt màu ca-cao nâu nhạt, mềm và mặt lồi lên, hút tất cả mọi thứ gì đặt trên bề mặt nó xuống đáy.

“Sao bạn dám chắc nó sẽ không nuốt chửng bọn mình?”, Ray hỏi.

“Tại mình không đủ nặng,” Ruth đáp.

“Phải dừng bước ngay nếu thấy đất lún xuống.”

Nhìn hai người tôi nhớ lại lúc nắm tay Buckley hôm mấy bố con tôi đem tú lạng đi vớt. Trong lúc bố tôi trò chuyện với ông Flanagan thì Buckley và tôi lần mò tới chỗ dốc dài xuống và đất mềm mềm, nói có trời chứng, lúc ấy tôi cảm thấy đất dưới chân mình hơi thụt xuống. Cảm giác đó giống như khi đang đi trong nghĩa trang nhà thờ, bỗng dừng hụt hẫng, chân đạp phải ngách hang bọn chuột chũi khoét giữa các mộ bia.



Cuối cùng thì chính vì nhớ lại về lũ chuột chũi này – hình ảnh thấy trong sách về một loài vật mù lòa, luôn sục mũi đánh hơi, giành ăn với nhau – nên tôi thấy là bị chôn dưới lòng đất trong một kết sắt nặng trĩu còn hơn. Ít ra kết sắt còn cản được chuột chũi.

Lúc Ruth nhón chân đi tới chỗ cô nàng cho là bờ vực thì tôi nhớ lại tiếng cười giòn giã của bố tôi vào cái ngày xa xưa ấy. Trên đường về nhà tôi đã nghĩ ra một câu chuyện cho em trai tôi: rằng dưới cái hố sụt đó có cả một ngôi làng mà không ai biết và dân làng đón nhận những máy móc gia dụng này như quà tặng từ thiên đàng mặt đất. “Khi vớ được tủ lạnh của nhà ta,” tôi kể thế, “họ sẽ ca ngợi chúng ta, vì họ là một tộc ít người tí hon rất thích lắp ráp các thứ lại như cũ.” Tiếng bố cười vang trong xe.

“Ruthie này”, Ray nói, “tới gần thế đủ rồi.”

Các ngón chân của Ruth nằm trên chỗ đất mềm, chỉ gót chân còn đặt trên chỗ đất cứng, nhìn cô nàng tôi có cảm tưởng cô nàng sắp duỗi thẳng các ngón tay, dang hai tay lên cao rồi phóng xuống sâu đến tận bên cạnh tôi. Nhưng Ray đã tiến sát tới sau lưng cô nàng.

“Có vẻ như cuống họng trái đất đang ở vậy.” cậu nói.

Cả ba chúng tôi chăm chú nhìn góc của một khối bằng kim loại đang trôi lên.

“Máy Maytag đời 69, nổi danh một thời,” Ray nói.

Nhưng đó không phải là máy giặt hay kết sắt, mà là một cái bếp ga cũ rích màu đỏ đang xê dịch chậm chạp.

“Bạn có bao giờ nghĩ xem xác của Susie Salmon bị vùi ở đâu không?”,

Ruth hỏi.

Tôi thật muốn chui ra khỏi chỗ bụi cây rậm phủ một phần chiếc xe màu xanh đá băng của hai người, băng qua đường, nhảy xuống đáy vực kia rồi ngoi lên, vỗ nhẹ vai cô nàng mà nói: “Tớ đây! Bạn đoán ra rồi! Trúng phóc! Bóng vào lưới rồi!”

“Chưa”, Ray đáp. “Chuyện đó tớ phải nhường cho bạn thôi.”

“Mọi thứ ở đây giờ thay đổi hết. Lần nào tớ về thăm nhà cũng thấy có cái gì đó vừa biến mất đi, khiến vùng này khác mọi nơi trên đất nước này,” Ruth nói.

“Bạn có muốn vào trong ngôi nhà này không?”, Ray hỏi, nhưng tâm trí đang bận nghĩ đến tôi. Nhớ lại ở tuổi mười ba anh chàng đã si mê tôi như thế nào. Anh chàng thấy rồi đằng trước, trên đường đi học về. Nhớ lại một lô chi tiết vụn vặt: cái váy kẻ ô lòng thùng của tôi, chiếc áo vét đính lông con Holiday, cách chúng tôi đi về nhà, mái tóc nâu màu lông chuột của tôi phản chiếu nắng trưa, những đốm sáng chờn vờn nhảy nhót khi hai chúng tôi nối bước nhau. Thế rồi, ít hôm sau đó, trong giờ xã hội học, anh chàng đứng lên cầm nhầm bài luận văn về Jane Eyre mà đọc, thay vì bài về cuộc chiến tranh năm 1812, tôi nhìn anh chàng bằng ánh mắt mà anh chàng thấy là đầy cảm tình.

Ray đi về phía tòa nhà nay mai sẽ bị phá sập, những năm dầm cửa và vòi nước nào trong nhà còn dùng được thì ông Connors đã tháo mang đi vào một buổi tối nọ. Ruth đứng lại trên bờ vực. Lúc Ray đã vào trong nhà rồi thì sự việc mới xảy ra. Cô nàng thấy tôi, rõ như ban ngày, đang đứng ngay bên cạnh cô nàng, nhìn xuống chỗ tên Harvey đã quăng xác tôi.

“Susie”, Ruth càng cảm thấy rõ rệt hơn sự hiện diện của tôi, khi gọi tên tôi.

Nhưng tôi lặng thinh.

“Tớ đã làm thơ về bạn,” Ruth lên tiếng để bằng cách đó giữ tôi ở lại bên cô nàng. Điều cô nàng ao ước được một lần trong đời cuối cùng đang diễn ra. “Bạn không có ước nguyện gì nữa ư, Susie?”, cô nàng hỏi.

Thế rồi tôi biến mất.

Ruth đứng đó, choáng váng chờ đợi trong ánh sáng xám nhạt của mặt trời Pennsylvania. Câu hỏi của cô nàng cứ văng vẳng bên tai tôi: “Bạn không có ước nguyện gì nữa ư?”

Tiệm sửa xe của anh Hal bên kia đường ray hôm nay đóng cửa. Anh nghỉ làm, đưa Samuel và Buckley cùng đi xem triển lãm xe mô-tô ở Radnor. Tôi thấy hai tay Buckley vuốt ve cái vè hình vành cung bánh trước của một chiếc xe máy mini. Sắp đến sinh nhật nó rồi. Anh Hal và Samuel chăm chú nhìn nó. Anh Hal định tặng em trai tôi chiếc kèn xăcxô antô cũ của Samuel, nhưng bà ngoại Lynn xen vào ngay. “Nó đang có nhu cầu phang nện lên các thứ, cháu ạ,” bà nói. “Ba cái thứ mỏng mảnh phải cất đi.” Thế là anh Hal và Samuel chung tiền mua lại một dàn chiêng trống cũ cho em trai tôi.

Bà ngoại Lynn đến khu thương xá tìm máy bộ y phục giản dị mà lịch sự để thuyết phục mẹ tôi mặc. Với những ngón tay thoăn thoắt sau nhiều năm quen làm như thế, bà lôi cái áo màu xanh dương từ dây móc treo toàn quần áo màu đen. Tôi nhìn cả sắc mặt người đàn bà đứng cạnh bà ngoại chuyển sang màu xanh vì tiếc rẻ.

Ở nhà thương mẹ tôi đang đọc to cho bố nghe tờ Bản tin ban chiều của hôm trước, còn bố nhìn đôi môi bà mấy máy chữ tai không chú ý nghe. Ông chỉ

mong được hôn bà.

Còn Lindsey.

Tôi thấy tên Harvey rẽ vào khu nhà cũ của tôi ngay giữa ban ngày ban mặt, không lo sẽ có ai nhận diện vì hẳn tin tưởng mình có khả năng không để ai thấy – ngay ở đây, trong khu lán giềng nơi nhiều người từng tuyên bố sẽ không bao giờ quên được mặt hắn, rằng họ luôn thấy hắn có vẻ gì khắc lạ, họ đã ngờ ngay từ đầu rằng người vợ quá cố mà hắn nhắc đến bằng mấy tên khác nhau chính là một trong những nạn nhân của hắn.

Lindsey đang ở nhà một mình.

Tên Harvey lái xe chạy ngang qua nhà bé Nate trong phần nổi dài của khu gia cư này. Mẹ của Nate đang ngắt tia nhưng bông hoa héo ở các luống hoa hình bầu dục ở vườn trước. Bà ngẩng lên nhìn xe chạy qua. Bà thấy một chiếc xe lạ, lắp ráp từ nhiều mảnh, nghĩ là xe của bạn học một trong những cô cậu sinh viên nào đấy về nhà nghỉ hè. Bà không nhìn thấy tên Harvey ngồi ở ghế lái. Hắn rẽ trái vào con đường ngay mạn dưới, đường này vòng lại khu hắn ở ngày xưa. Con Holiday ư ử dưới chân tôi, vẫn thứ tiếng rên rỉ yếu ớt mỗi khi chúng tôi đưa nó đi bác sĩ thú y.

Bà Ruana Singh đang ngồi quay lưng ra không thấy hắn. Tôi nhìn qua cửa sổ phòng ăn thấy bà trong đó, đang xếp chồng sách mới theo thứ tự chữ cái rồi sắp ngay ngắn lên giá. Trẻ con đang chơi đu, đi cà kheo, hoặc đuổi nhau bằng súng phun nước trong vườn sau nhà. Một khu dân cư đầy những kẻ có thể trở thành nạn nhân của hắn.

Hắn đánh một vòng ở cuối con đường nhà chúng tôi rồi chạy qua cái công viên nhỏ đối diện nhà gia đình Gilbert. Họ đang ở nhà. Bà Gilbert giờ đã già yếu. rồi hắn thấy ngôi nhà xưa, không sơn màu xanh lá cây nữa, tuy với

tôi và gia đình đó vẫn cứ là “ngôi nhà màu lục”. Người chủ mới đã sơn màu tím hoa cà ngả sắc hoa oải hương, xây một bể bơi và ngay bên cạnh, gần cửa sổ tầng hầm, một tòa vòm lâu bằng gỗ cây củ tùng, quanh có dây thường xuân leo rủ lòng thong, đồ chơi trẻ con treo lủng lẳng. những luống hoa trước nhà đã được thay bằng đá lát để lối đi được rộng rãi, còn hiên trước được lắp kính chịu lạnh, sau lớp kính hắt thấy trang trí như phòng làm việc. Hẳn nghe tiếng cười của các bé gái ngoài vườn, thấy một bà đội mũ che nắng cầm kéo tia cây bước ra cửa trước. Bà nhìn chăm chặp người đàn ông trong chiếc xe màu cam, thấy co giật trong bụng – cảm giác bụng rỗng mà nôn nao buồn nôn. Bà quay phắt vào nhà, đứng cửa cửa sổ tiếp tục theo dõi hẳn. Chờ xem có gì xảy ra.

Hẳn lái tiếp ngang qua mấy nhà nữa.

Em tôi đang có đó, đưa em gái yêu dấu của tôi. Hẳn nhìn qua cửa sổ tầng trên thấy nó. Nó đã cắt tóc ngắn và mấy năm qua càng lớn càng thon thả, nhưng đúng là cô bé đó, đang ngồi bên bảng vẽ dung làm bàn viết, đọc một quyển sách về tâm lý.

Đúng lúc ấy tôi thấy tất cả đi thành một đám đông lũ lượt đổ về.

Trong lúc hẳn nhìn từng khung cửa sổ nhà cũ của tôi và tự hỏi các người khác trong nhà tôi đang ở đâu – bố tôi có còn phải đi tập thể không – thì tôi thấy những gì còn sót của lũ thú vật và đoàn người toàn đàn bà con gái đi ra khỏi ngôi nhà cũ của tên Harvey. Tất cả nhốn nháo chen nhau đi tới cùng một lúc. Hẳn nhìn em gái tôi mà nhớ tới mấy tấm khăn trải giường hẳn phủ lên những chiếc cọc lều hợp hôn. Ngày ấy, hẳn đã nhìn thẳng vào mắt bố tôi khi ông thốt ra tên tôi. Còn con chó – luôn sủa om đặng trước nhà hẳn – chắc đã chết rồi.

Lindsey đi đi lại lại sau khung cửa sổ. Tôi quan sát hẳn đang theo dõi em tôi. Nó đứng lên, đi vòng, tiến về cuối phòng chỗ kệ sách cao sát trần.

Lindsey với tay lôi xuống một quyển sách. Khi em trở lại bàn và mắt hắt dán lên khuôn mặt em thì hắt chợt thấy trong kính chiếu hậu một chiếc xe tuần tra sơn đen trắng đang từ từ tiến lại gần.

Hắt biết có chạy cũng không thoát nổi. Hắt ngồi yên trong xe, chuẩn bị mấy nét của bộ mặt hắt luôn trưng ra trước nhân viên công lực hàng chục năm nay – bộ mặt một kẻ lẽ phép làm người ta thương hại hoặc khinh bỉ nhưng không bao giờ buộc lỗi. Trong lúc viên cảnh sát chạy xe lại cạnh xe hắt, mấy người đàn bà len qua cửa sổ xe, còn lũ mèo nằm cuộn mình quanh chân hắt.

“Ông lạc đường à?”, viên cảnh sát trẻ hỏi khu ngừng xe cạnh chiếc xe màu cam.

“Trước kia tôi cư ngụ tại đây,” tên Harvey đáp. Tôi giật nảy người. Hắt chọn cách khai hết sự thật.

“Có người gọi báo cho chúng tôi về một chiếc xe khả nghi.”

“Tôi nhận ra người ta đang xây mới trên khu này, ngày xưa là cánh đồng ngô,” tên Harvey nói. Thế là tôi biết rằng một phần thi thể của mình nhập đoàn với đám người và thú vật kia, là tả rơi rụng, những mảnh nào hắt muốn giữ lại cho riêng mình thì rơi như mưa vào lòng xe hắt.

“Họ xây trường học lớn thêm ra.”

“Tôi thấy vùng này trông phồn thịnh hơn,” hắt nói với vẻ luyến tiếc.

“Có lẽ ông nên rời khu này chạy tiếp đi,” viên cảnh sát nói. Ông thấy tội cho tên Harvey phải lái chiếc xe lắp ráp nhiều mảnh, song tôi để ý thấy ông ta có ghi số xe.

“Tôi đâu có ý làm ai lo lắng sợ hãi đâu.”

Tên Harvey là một tay lỏi đời, nhưng lúc đó tôi không hề quan tâm. Sau mỗi đoạn đường hăm vượt qua, tôi lại tập trung vào Lindsey đang đọc sách ở nhà, vào những dữ liệu từ những trang sách ấy thâm nhập và bộ não của em, vào chuyện em thông minh và đa tài đến mức nào. Ở đại học Temple em đã quyết định sẽ trở thành bác sĩ chuyên khoa. Rồi tôi nghĩ tới cái hỗn hợp không khí ở khoảnh vườn trước nhà chúng tôi, ánh sáng ban ngày, một bà mẹ có tật buồn nôn và một viên cảnh sát – bao nhiêu là cơ may hội tụ bảo đảm an toàn cho em gái tôi đến bây giờ. Mỗi ngày vẫn là một dấu chấm hỏi.

Ruth không kể cho Ray chuyện vừa xảy ra. Cô này tự hứa sẽ ghi vào nhật ký. Khi cả hai băng qua đường để ra xe, Ray thấy có thứ gì màu tím tím trong bụi cây nằm ở lưng chừng gò đất lẫn rác mà nhóm thợ xây cất nào đó trút xuống đấy.

“Cây nhận lai hồng,” anh chàng nói với Ruth. “Tớ ra hái một ít mang về cho bà cụ.”

“Ý hay đấy, bạn cứ làm, mình đợi đây,” Ruth đáp.

Ray chui vào bụi cây quan sát phía tay lái của xe rồi lên đồi đi về phía bụi hoa nhận lai hồng, còn Ruth đang đứng chỗ đỗ xe. Lúc nào tâm trí Ray không bận bịu về tôi nữa. anh chàng đang nghĩ đến nụ cười của bà mẹ. Cách chắc chắn nhất khiến bà nhoẻn miệng cười là tìm các loại hoa dại như vậy mang về nhà, xem bà ép hoa, việc đầu tiên là trải từng cánh hoa đặt nằm cho phẳng giữa các trang từ điển hoặc sách tra cứu. Ray leo lên đỉnh ụ

đất rồi đi khuất xuống phía bên kia hi vọng tìm ra thêm nhiều hoa nữa.

Đúng lúc ấy tôi mới cảm thấy đau nhói dọc theo cột xương sống khi bóng dáng anh chàng chột khuất sau ụ đất. Tôi nghe tiếng con Holiday, nỗi hoảng sợ của nó nằm thật sâu trong cuống họng, và nhận ra nó rên ư ử không phải vì lo cho Lindsey. Tên Harvey vừa lái đến đỉnh Eels Rod Pike, nhìn thấy cái hố sụt và những ụ hình tháp dùng chắn đường sơn màu cam cùng màu xe hăn. Hăn từng vứt một thi thể xuống đó. Hăn nghĩ đến viên đá hộ mệnh màu hổ phách của mẹ hăn, nhớ khi bà ta trao cho hăn viên đá vẫn còn ấm.

Ruth nhìn những người đàn bà bị lèn đẩy xe, áo đỏ như máu, cô nàng tiền về phía họ. Chính trên con đường này, nơi vùi xác tôi, tên Harvey lại chạy xe ngang qua chỗ Ruth đứng. Cô nàng chỉ nhìn thấy đám đàn bà con gái. Thế rồi: blackout (1).

Đó là giây phút tôi rơi xuống cõi trần.

-----

1. “Blackout”: hiện tượng tự nhiên mất hết tri giác, ký ức không ghi nhớ bất cứ điều gì.



## CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

Ruth khụy xuống lòng đường ngất đi. Lúc đó tôi còn tỉnh táo để biết. Còn chuyện tên Harvey đến đây mà không ai theo dõi, lưu tâm hay tra hỏi, nên dong xe đi thoát - thì tôi không được biết.

Người tôi chao đảo không gượng lại được, tôi mất thăng bằng. Tôi ngã nhào qua cửa vọng lâu đang mở ngỏ, trượt suốt cả bãi cỏ vượt qua những lằn ranh nằm ngoài cùng của thiên đường tôi từng sống bao nhiêu năm nay.

Tôi nghe tiếng Ray hét lên trong không trung phía trên tôi, tiếng anh chàng la hoảng đánh một vòng cung như cầu vồng. “Ruth, không sao chứ?” rồi anh chàng đưa tay ôm lấy cô nàng.

“Ruth ơi, Ruth”, anh chàng la lên. “Có chuyện gì vậy?”

Tôi ở trong đôi mắt Ruth và đang ngược nhìn lên. Tôi cảm thấy bờ lưng cô nàng áp sát mặt đường, những vết trầy trụa dưới lớp áo quần cô nàng do bị những viên đá sắc cạnh cửa vào da thịt. Tôi cảm nhận bằng mọi giác quan – hơi ẩm mặt trời, mùi nhựa đường – nhưng tôi không cảm thấy Ruth đâu.

Tôi nghe tiếng sôi lục bục từ trong phổi Ruth, cảm thấy bao tử cô nàng đang trộn trạo, nhưng biết trong phổi cô nàng vẫn còn khí trời. Thế rồi một sức ép làm cơ thể căng ra. Cơ thể của cô nàng. Ray cúi nhìn tôi, đôi mắt anh chàng – màu xám, co giật, lảo liên nhìn suốt dọc hai bên đường xe mong có ai đến giúp một tay mà mãi không thấy. Trước đó anh chàng không nhìn thấy chiếc xe của tên Harvey, nhưng đã chui ra được khỏi lùm cây, vẻ mặt hân hoan, tay cầm bó hoa dại sẽ đem về tặng me, rồi bỗng nhìn thấy Ruth nằm sõng soài trên mặt đường.

Từ bên trong, Ruth đang cố đẩy lớp da của mình để thoát ra ngoài. Cô nàng

đang vùng vẫy hết cách để rời bỏ trong khi tôi đã ở bên trong cô nàng, phải giằng co với cô nàng để len vào. Tôi muốn níu cô nàng lại, muốn đạt điều bất khả thi thuộc quyền đấng Tạo hóa, nhưng cô nàng nhất định thoát ra. Không có gì và không có ai níu giữ cô nàng được. Bay bổng. Tôi nhìn xuống như vẫn làm bao năm trên thiên đường, nhưng lần này tôi chỉ thấy một vệt mờ nhạt bên cạnh mình. Nỗi khoái cảm và cơn thịnh nộ đang lớn dần lên.

“Ruth ời”, Ray gọi. “Bạn có nghe mình nói không, Ruth?”

Ngay trước lúc Ruth nhắm mắt lại, mọi ánh sáng tắt ngấm và thế giới xáo tung cả, tôi nhìn sâu vào đôi mắt xám của Ray Singh, nhìn làn da nâu ngăm ngăm của anh chàng, nhìn đôi môi đã từng hôn tôi. Rồi, như một bàn tay thoát khỏi còng, Ruth bay lướt ngang qua anh chàng.

Đôi mắt Ray mời tôi đi tới, cùng lúc đó việc đứng ngoài mục kích của tôi giờ nhường cho nỗi niềm khát vọng đáng thương: một lần nữa được làm người bằng xương bằng thịt ở dương thế. Tôi không phải đứng nhìn từ trên cao nữa mà được là người trong cuộc - điều tuyệt diệu nhất trên đời.

Đâu đó trong Cõi Lưng Chùng xanh thẳm tôi có nhìn thấy Ruth – cô nàng chạm phốt người tôi khi tôi rơi xuống dương thế. Nhưng cô nàng không phải là cái bóng của một hình nhân, không phải một hồn ma. Cô nàng là một cô gái khôn ngoan, phá bỏ mọi ràng buộc.

Và tôi đang ở trong cơ thể cô nàng.

Tôi nghe có tiếng ai gọi tên mình từ trên thiên đường. Đó là tiếng Franny. Bà đang chạy về hướng tòa vọng lâu, miệng gọi tên tôi. Con Holiday sửa to đến nỗi âm thanh vang ngược lại, quay lòng vòng ở đáy cuống họng. Rồi bỗng dừng Franny với Holiday cùng biến mất, tất cả lại im ắng. Tôi cảm thấy có gì đấy níu giữ tôi lại trên mặt đất, và có một bàn tay trong tay tôi.

Hai tai tôi như biển cả, trong đó những gì tôi biết, những giọng nói, gương mặt, những sự kiện bắt đầu chìm xuống đáy. Kể từ khi tôi qua đời, đây là lần đầu tiên tôi lại mở mắt ra, thấy một đôi mắt màu xám đang nhìn mình. Dần dần khi nhận ra sức nặng tuyệt vời đang đè lên mình là trọng lượng một thân người, tôi mới nằm yên.

Tôi cố hé môi để nói.

“Đừng”, Ray nói. “Có chuyện gì vậy?”

Mình chết rồi, tôi muốn kể với anh chàng như vậy. Làm cách nào nói được câu này nhỉ: “Mình qua đời rồi, bây giờ lại trở về thế giới người sống”?

Ray quỳ xuống. Hoa anh chàng hái cho bà Ruana nằm vương vãi quanh chỗ anh chàng và trên người tôi. Tôi nhìn ra vòng sáng hình bầu dục của chúng in trên áo quần màu sẫm của Ruth. Thế rồi Ray áp tai lên ngực tôi nghe nhịp thở. Anh chàng đặt một ngón tay lên phía trong cổ tay để bắt mạch.

“Bạn bị ngất à?”, chần xong anh chàng hỏi.

Tôi gật đầu. Tôi biết mình có ân huệ được về lại cõi trần này nhưng không phải để ở mãi mãi, rằng mong ước của Ruth giới hạn trong một quãng thời gian nhất định.

“Chắc không sao đâu,” tôi thử lên tiếng nhưng giọng tôi quá yếu, xa xôi khiến Ray không nghe rõ. Tôi cố mở căng mắt, nhìn dán vào mắt anh chàng. Có gì đấy hối thúc tôi bay lên. Tôi tưởng mình đang bay lên trời, đang trở về rồi chứ, nhưng hóa ra tôi chỉ gượng đứng lên thôi.

“Ruth à”, Ray nói. “Nếu bạn thấy còn yếu thì cứ nằm yên. Mình bế bạn ra

xe.”

Tôi rạng rỡ, mím nụ cười cả nghìn watt với anh chàng. “Mình khỏe mà”, tôi nói.

Anh chàng chăm chú nhìn tôi, lưỡng lự buông cánh tay tôi ra, nhưng vẫn giữ chặt bàn tay kia. Anh chàng cùng đứng lên một lượt với tôi và những bông hoa dại rơi lả tả xuống. Trên thiên đường, đám phụ nữ cũng đang tung những cánh hoa hồng khi trông thấy Ruth Connors.

Tôi nhìn khuôn mặt khô ngô của anh chàng đang rạng lên với nụ cười xem nét kinh ngạc. “Vậy là bạn bình thường lại rồi,” anh chàng nói. Với vẻ cẩn trọng, anh chàng kề mặt thật gần, đủ gần để có thể hôn tôi được, nhưng anh chàng bảo là đang kiểm tra xem hai đồng tử mắt tôi có mở to như nhau không.

Tôi cảm thấy được toàn sức nặng của cơ thể Ruth, cả cảm giác tuyệt vời khi cả hai vú và cặp đùi đung đưa nhún nhảy, nhưng đồng thời cả ý thức phải nhận một trách nhiệm nặng nề. Tôi là một linh hồn trở lại trần thế. AWOL (1), chuyển rời thiên đường tạm vắng ít lâu, tôi lại được tặng một món quà. Tôi lấy hết sức bình sinh, cố gượng đứng thẳng người lên.

“Ruth à?”

Tôi cố làm quen với cái tên này. “Sao cơ?”, tôi đáp.

“Bạn đổi khác rồi,” anh chàng nói. “Có gì đổi khác trước.”

Chúng tôi đứng gần như ngay giữa đường, song đây là khoảnh khắc của tôi. Tôi rất muốn kể cho anh chàng biết, nhưng kể gì đây? Chẳng lẽ nói: “Mình là Susie đây, mình chỉ được phép có một thời gian ngắn ngủi.” Tôi sợ không dám nói.

Thế nên tôi bảo: “Hôn mình đi.”

“Sao cơ?”

“Bạn không thích à?” Tôi đưa hai tay lên sờ mặt anh chàng, cảm thấy mấy sợi râu lởm chớm tám năm trước chưa có.

“Chuyện gì xảy ra với bạn thế?”, anh chàng sửng sốt hỏi.

“Thỉnh thoảng có những con mèo rơi từ cửa sổ tầng lầu thứ mười xuống đất mà chẳng hề hấn gì. Người ta tin là thật vì thấy đăng lên báo.”

Ray nhìn tôi đăm đăm, vẻ hoang mang. Anh chàng cúi xuống, môi chúng tôi chạm nhau, âu yếm dịu dàng. Tôi cảm thấy đôi môi giá lạnh của anh chàng cả ở nơi sâu thẳm tận cùng cơ thể mình. Thêm một cái hôn nữa, gói hàng quý giá, món quà tôi lén đánh cắp được. Mắt anh chàng gần sát đến nỗi tôi nhìn thấy cả những đường vân xanh trong con ngươi màu xám.

Tôi nắm lấy tay anh chàng, hai chúng tôi im lặng quay ra xe. Tôi để ý thấy anh chàng chậm bước lại, kéo cánh tay tôi ra phía sau trong lúc vẫn nắm tay, nhìn toàn vóc người Ruth để xem cô nàng bước đi có vững chãi chưa.

Anh chàng mở cửa bên, tôi ngồi vào ghế, đặt chân lên sàn xe lót thảm. Vòng sang bên kia, cúi người chui vào xe, anh chàng còn chăm chú nhìn tôi lần nữa.

“Có gì không ổn sao?”

Anh chàng lại hôn nhẹ lên môi tôi. Đó là điều tôi ao ước bấy lâu nay. Thời gian trôi chậm lại và tôi tận hưởng nó. Môi anh chàng chạm môi tôi, những

cộng râu lún phún cạ nhẹ, âm thanh của nụ hôn – tiếng mút ngán khi môi chúng tôi áp chặt vào nhau, rồi rút ra đứt đoạn đột ngột. Âm thanh này vang vọng suốt con đường hầm hun hút của nỗi cô đơn khi tôi nhìn bao người trần thế vuốt ve âu yếm nhau. Tôi chưa bao giờ được vuốt như thế. Tôi đã phải chịu đau đớn vì những bàn tay không hề biết đến dịu dàng. Nhưng sau khi tôi chết, mặt trăng rơi một luồng ánh sáng xoáy và chớp chớp lên tận thiên đường của tôi – đó là nụ hôn của Ray Singh. Hình như Ruth cũng biết điều này.

Đầu tôi lại lúng búng khi nghĩ đến việc tôi đang ẩn náu trong cơ thể Ruth – rằng Ray hôn tôi hay khi chúng tôi nắm tay nhau thì nỗi khao khát là của riêng tôi, chứ không phải của Ruth, rằng chính tôi chiếm cứ toàn bộ thịt, da của Ruth. Tôi trông thấy Holly. Cô nàng ngửa cổ cười ngật nghẻo, rồi tôi nghe tiếng con Holiday sửa ai oán, vì tôi trở về nơi ngày xưa tôi từng sống với nó.

“Bạn định đi đâu đấy?” Ray hỏi.

Đây là một câu hỏi bao hàm đủ ý, muốn trả lời cũng vô vàn cách. Tôi biết mình không muốn truy đuổi tên Harvey. Tôi nhìn Ray và biết lý do vì sao mình đang ở đây. Để giành lấy một mảnh thiên đường mà tôi chưa từng được hưởng.

“Đến tiệm sửa xe mô-tô của Hal Heckler,” tôi nói, giọng chắc nịch.

“Sao cơ?”

“Bạn hỏi thì mình trả lời đấy,” tôi nói.

“Ruth ời?”

“Sao?”

“Tớ hôn bạn lần nữa được không?”

“Được”, tôi đáp, mặt đỏ ửng lên.

Trong lúc chờ nóng máy xe anh chàng chồm người sang phía tôi, rồi môi chúng tôi lại chạm nhau, có Ruth đang đứng kia, thuyết giảng cho những ông già đội mũ bê-rê, mặc áo cổ lọ đen đang giờ bật lửa lên cao hươ qua hươ lại, hô tên cô nàng nhịp nhàng như ca hát.

Ray ngồi thẳng người lại, nhìn tôi hỏi: “Có chuyện gì thế.”

“Khi bạn hôn, mình nhìn thấy thiên đường,” tôi đáp.

“Thế thiên đường trông ra sao?”

“Mỗi người thấy một khác.”

“Tớ muốn biết rõ chi tiết,” anh chàng mỉm cười nói. “Cụ thể.”

“Làm tình với mình đi,” tôi đáp, “rồi mình sẽ kể cho nghe.”

“Bạn là ai?”, anh chàng hỏi, nhưng tôi biết là chính anh chàng cũng không rõ mình hỏi gì.

“Máy nóng rồi đấy,” tôi nói.

Tay anh chàng chụp lấy cần số mạ kền bóng loáng cạnh tay lái, rồi chúng tôi, một trai một gái, lái đi – bình thường như chuyện thấy hàng ngày. Năng chiếu vào tầm mica vỡ trên mặt đường cũ vá vúi khi anh chàng cho xe quay đầu lại.

Chúng tôi lái xuống cuối đường Flat rồi tôi chỉ vào con đường đất phía bên kia mỏm Eels Rod Pike dẫn đến chỗ từ đó chúng tôi có thể băng qua đường xe lửa.

“Chẳng bao lâu nữa mọi thứ ở đây sẽ thay đổi hết,” Ray nói trong lúc phóng xe qua bãi đá dăm để chạy vào con đường đất. Đường ray xe lửa một hướng đi về thành phố Harrisburg, hướng kia dẫn đến Philadenphia, suốt dọc đường có những tòa nhà đang bị phá sập, nhiều gia đình gốc gác ở đây lâu đời dọn đi, các chủ hãng kỹ nghệ từ nơi khác lại đổ đến.

“Bạn có định ở lại vùng này sau khi học xong không?”, tôi hỏi.

“Chẳng ai ở lại cả, bạn biết mà,” Ray đáp.

Tôi gần như lóa mắt trước khả năng đó; trước ý nghĩ rằng giả thử vẫn còn sống ở dương thế tôi có thể rời nơi này, tìm đến nơi khác, đi bất cứ nơi nào tôi thích. Rồi tôi tự hỏi liệu trên thiên đường có giống như dưới trần thế này không. Phải chăng điều tôi thấy mình chưa có là thú viễn du, chỉ có được khi ta buông ra, không bám víu níu giữ gì nữa.

Chúng tôi chạy vào dải đất hẹp đã giải tỏa năm dọc hai bên tiệm của anh Hal. Ray dừng xe lại, kéo phanh tay.

“Sao lại đến đây?”

“Bạn nên nhớ bọn mình đang thám hiểm mà.” Tôi dẫn anh chàng ra sau tiệm rồi với tay lên khung cửa cho tới lúc mò thấy chìa khóa giấu ở đấy.

“Làm sao bạn biết được vậy?”

“Mình đã thấy hàng trăm người giấu chìa khóa rồi,” tôi đáp. “Đâu phải là



thiên tài mới đoán được.”

Bên trong mọi thứ vẫn y nguyên như trong ký ức tôi, không khí vẫn nặng mùi dầu nhớt.

“Mình phải đi tắm đây,” tôi nói. “Sao bạn không thoải mái như đang ở nhà của mình?”

Tôi đi ngang qua giường, kéo dây bật đèn – mọi ngọn đèn trắng tí hon trên đầu giường anh Hal liền ngời sáng, ánh sáng duy nhất ở đây, không kể luồng ánh sáng đục chiếu qua cửa sổ con ở tường sau.

“Bạn đi đâu đấy?”, Ray hỏi. “Làm sao bạn biết chỗ này?”

Giọng anh chàng thẳng thốt, nghe có nỗi hốt hoảng mới đây chưa có.

“Ray ơi, chịu khó chờ một lát,” tôi đáp. “Rồi mình sẽ nói cho nghe.”

Tôi vào nhà tắm buồng tắm nhỏ, cố ý để hé cửa. Lúc cởi hết quần áo của Ruth và chờ cho nước đủ độ nóng, tôi hy vọng Ruth thấy được tôi, thấy cơ thể của cô nàng, như tôi cũng đang ngắm, một thần hình hoàn mỹ đầy sức sống.

Buồng tắm có ấm và có mùi mốc, bồn tắm loang lổ sau nhiều năm chỉ xả nước xuống ống thoát còn thì không làm gì khác. Tôi bước vào bồn tắm cũ kỹ có chân hình móng, đứng dưới vòi nước. dù đã vịn mức nóng tối đa, tôi vẫn cảm thấy lạnh. Tôi gọi tên Ray, bảo anh chàng cứ bước vào buồng tắm.

“Tớ thấy bạn sau màn tắm mà,” anh chàng nói, quay nhìn chỗ khác.

“Có sao đâu,” tôi nói. “Mình thích thế. Cởi đồ ra rồi vào đây với mình đi”.

“Susie”, anh chàng nói, “bạn biết mình không làm thế được.”

Tôi ngừng đập. “Bạn vừa nói gì?”, tôi hỏi. Tôi căng mắt nhìn mắt Ray qua lớp ni lông màu trắng trong anh Hal dùng làm màn tắm: một vóc dáng sẫm màu với hàng trăm chấm sáng viền quanh.

“Tôi nói rằng tôi không làm thế được.”

“Bạn vừa gọi mình là Susie.”

Yên ắng hẳn, mãi một lúc sau anh chàng mới kéo màn tắm ra, thận trọng chỉ nhìn vào mặt tôi.

“Susie phải không?”

“Vào đây với mình,” tôi nói, mắt rưng rưng. “Vào đây với mình đi.”

Tôi nhắm mắt lại, chờ đợi. Tôi cúi đầu hứng nước tủa xuống, cảm thấy sức nóng của nước bắn như kim châm khắp trên má, gáy, ngực bụng và vùng bẹn của tôi. Rồi tôi nghe tiếng anh chàng mò mẫm cởi quần áo, tiếng khóa thắt lưng rơi xuống sàn xi măng lạnh, tiếng tiền xu rơi khỏi túi quần của anh chàng.

Dự cảm về hạnh phúc của tôi lúc này cũng giống như ngày xưa còn bé thỉnh thoảng tôi vẫn có, khi nằm trên ghế sau, nhắm nghiền mắt trong lúc bố mẹ lái xe; tin chắc rằng khi xe ngừng chạy là về đến nơi, rằng bố mẹ sẽ nhắc mình lên bế vào nhà. Đó là dự cảm nảy sinh từ lòng tin tưởng tuyệt đối.

Ray kéo màn che ra. Tôi quay lại đối mặt với anh chàng và mở mắt ra. Cảm giác bấp bệ chỗ mé đùi non co giật làm tôi mê mẩn.

“Em sẵn sàng rồi,” tôi nói.

Anh chàng khoan thai bước vào bồn. Mới đầu anh chàng không đụng vào tôi, nhưng rồi anh chàng lần tay theo một vết sẹo trông như một dải ruy-băng.

“Ruth bị thương trong trận đấu bóng chuyền năm 1975,” tôi nói rồi lại run rẩy.

“Bạn không phải Ruth,” anh chàng nói, vẻ mặt sững sốt.

Tôi nắm bàn tay đã lần tới cuối vết sẹo, đặt nó dưới ngực trái của tôi.

“Em vẫn theo dõi cả hai người từ nhiều năm nay,” tôi nói. “Em muốn anh yêu em đi.”

Đôi môi anh chàng hé ra định nói, nhưng cái điều đang nằm trên đầu lưỡi kia quá lạ quá nên không thốt ra được. Ngón cái anh chàng mân mê núm vú của tôi, còn tôi kéo đầu anh chàng sát người. Chúng tôi hôn nhau. Nước từ vòi tỏa xuống hay cơ thể chúng tôi làm ướt đám lông lưa thưa trên ngực và bụng anh chàng. Tôi hôn anh chàng, vì tôi muốn thấy Ruth lẫn Holly, và tôi rất muốn biết họ có thấy tôi không. Dưới nước vòi hoa sen tôi được khóc thỏa thuê và Ray hôn những giọt lệ đó nhưng sẽ chẳng bao giờ hiểu vì sao nước mắt tôi tuôn tràn.

Tôi vuốt ve, sờ nắn từng chỗ trên người anh chàng. Tôi bọc lòng bàn tay quanh khuỷa tay anh chàng. Tôi lấy mấy ngón tay tôi chải lông mu anh chàng. Tôi nắm lấy bộ phận mà xưa kia tên Harvey đã ấn vào trong người tôi. Đầu óc tôi nghĩ chữ dịu dàng, nhưng tôi bật miệng nói chữ đàn ông.

“Ray à?”

“Mình không không biết gọi bạn bằng tên gì.”

“Susie.”

Tôi đặt mấy ngón tay lên môi để anh chàng thôi không hỏi nữa. “Anh còn nhớ tờ thư viết cho em không? Có còn nhớ tự xưng là gã người Moor không?”

Trong một khoảnh khắc cả hai chúng tôi đứng yên, tôi nhìn những giọt nước đọng trên vai anh chàng một thoáng rồi lăn xuống dưới.

Không nói thêm một lời, anh chàng nhắc bổng tôi lên, còn tôi kẹp hai chân vòng qua người anh chàng. Anh chàng dịch người ra xa vùi nước để tựa vào thành bồn tắm. Khi anh chàng đã thâm nhập vào trong người tôi, tôi ghì lấy khuôn mặt anh chàng, hôn bằng hết sức lực mình có.

Sau một phút dài, anh chàng rút ra. “Kể anh nghe ở trên đó ra sao.”

“Đôi khi cũng giống như ở trường trung học,” tôi nói, chưa lấy lại hơi thở. “Em chưa bao giờ đến tận đấy, nhưng ở thiên đường của mình thì em tha hồ đốt pháo bông trong các lớp học hay chạy dọc hành lang tha hồ la hét. Nhưng không phải lúc nào cũng thế. Có lúc trong giống như ở Nova Scotia hay Tangiers hoặc Tây Tạng. Thiên đường giống như mọi thứ mình hằng mơ được thấy.”

“Ruth cũng đang ở đó sao?”

“Cô nàng đang tập diễn thuyết, nhưng sẽ lại về đây.”

“Thế em có thấy được chính mình ở trên đó không?”

“Hiện em đang ở đây mà,” tôi đáp.

“Nhưng em lại sắp đi mất rồi.”

Tôi không muốn nói dối. Tôi cúi đầu. “Đúng thế đấy, Ray ạ.”

Thế rồi chúng tôi lại làm tình, trong bồn tắm rồi trong phòng ngủ, dưới ánh đèn sáng hay ngôi sao giả. Những lúc anh chàng nghỉ lấy sức, tôi hôn dọc cột sống, từng múi cơ bắp, từng nốt ruồi, từng vết bớt của anh chàng.

“Thôi đừng đi nữa,” anh chàng nói, rồi đôi mắt, hai viên ngọc sáng ấy, nhắm lại, và tôi lắng nghe hơi thở nhẹ khi anh chàng chìm vào giấc ngủ.

“Tên em là Susie,” tôi thì thầm, “họ là Salmon, nghĩa là cá hồi.” Tôi tựa đầu lên ngực anh chàng rồi tiếp đi.

Khi tôi mở mắt, cửa sổ phía đối diện ửng màu đỏ sẫm, tôi hiểu mình không còn nhiều thì giờ nữa. ngoài kia, thế giới mà tôi quan sát bấy lâu nay đang sống và thở trên mặt đất nơi tôi hiện đang có mặt. song tôi biết mình sẽ không đi ra thế giới đó. Tôi đã chọn dành hết khoảng thời gian đó cho tình yêu – để rơi vào trạng thái mê đắm yếu đuối không cách gì cứu độ, trạng thái mà tôi không thể cảm nhận ở thế giới bên kia – tình cảm bất lực của con người, mặt tối và sáng của số phận nhân sinh – tìm đường đi tới bằng cảm giác khi dò dẫm lần theo góc tường và vươn tay tìm đến ánh sáng – tất cả nhằm mục đích tìm ra con đường trong một môi trường chưa hề biết.

Cơ thể Ruth suy nhược dần. Tôi tựa đầu lên cánh tay ngấm Ray trong giấc ngủ. Tôi biết mình sắp phải đi.

Một lúc sau, khi Ray mở mắt, tôi nhìn anh, lấy ngón tay lần theo khuôn mặt

anh chàng.

“Anh có bao giờ nghĩ về người chết chưa hử Ray?”

Anh chàng chớp mắt nhìn tôi.

“Anh học ngành y mà!”

“Không phải chuyện tử thi, bệnh tật hay nội tạng hư hoại, ý em muốn nói về những điều Ruth hay nhắc đến. em muốn nói về bọn em cơ.”

“Thỉnh thoảng anh có nghĩ tới thật,” anh chàng nói. “Anh vẫn luôn thắc mắc đấy chứ.”

“Bọn em vẫn ở đây, anh biết không,” tôi đáp. “Từng ngày. Anh có thể chuyện trò hay nghĩ đến chúng em. Đâu nhất thiết cứ phải cảm thấy buồn rầu hay sợ sệt.”

“Anh vuốt ve em lần nữa nhé?” Anh chàng duỗi chân đẩy tấm khăn trải giường để ngồi lên.

Ngay lúc ấy tôi nhìn phía chân giường của anh Hal có khối gì trông như mây mù đứng bất động. Tôi cố tự thuyết phục rằng ánh sáng, khối bụi mà tia nắng rọi qua, lại đánh lừa mắt mình. Thế nhưng, khi Ray đưa tay sờ vào người, tôi chẳng cảm thấy gì.

Ray cúi sát xuống hôn nhẹ lên vai tôi. Tôi không cảm thấy gì hết. Tôi lấy tay tự cấu vào người dưới chân. Vẫn chẳng cảm thấy gì. Khối mây mù ở chân giường dần dần hiện hình rõ nét. Lúc Ray ra khỏi giường, đứng lên thì tôi thấy trong phòng đầy nghẹt người, đàn ông lẫn đàn bà.

“Ray ơi”, tôi kịp gọi trước khi anh chàng vào phòng tắm. Tôi thật muốn nói

“em sẽ nhớ anh mãi” hay “ở lại đây đi” hay “cảm ơn anh”.

“Gì cơ.”

“Anh nhớ đọc nhật ký của Ruth nhé.”

“Nhất định anh sẽ đọc,” anh chàng đáp.

Tôi nhìn xuyên qua những bóng dáng tụ tập ở cuối giường, thấy anh chàng đang mỉm cười với tôi. Thấy vóc dáng dong dỏng thân yếu của anh chàng quay đi, bước đến bậc cửa. một kỷ niệm mong manh, bất chợt.

Lúc hơi nước từ trong phòng tắm bắt đầu tỏa ra, tôi lần dò đến chỗ chiếc bàn loại nhỏ dành cho trẻ em, nơi anh Hal nhét mớ hóa đơn và giấy tờ sổ sách. Tôi lại ngẫm nghĩ về Ruth, về việc chính tôi không thể thấy trước chuyện này – rằng một sự kỳ diệu mà Ruth vẫn mơ tưởng đến từ buổi hai đứa gặp nhau ở bãi đậu xe lại có thể thành hiện thực. Tôi nhận ra là dù ở thiên đường hay ở dưới trần thế tôi luôn muốn đánh đổi mọi thứ cho kỳ vọng của mình. Mơ sẽ thành nhà nhiếp ảnh thú rừng, mơ giật giải Oscar ở trường cao đẳng, mơ được hôn Ray một lần nữa. hãy xây mộng đi, rồi chờ xem chuyện gì sẽ đến!

Tôi chợt thấy có cái máy điện thoại, thế là nhắc ống nghe lên. Không kịp nghĩ ngợi gì, tôi quay số ở nhà, như khi cầm ổ khóa lên để quay đĩa số thì tự nhiên biết ngay mã số nào.

Chuông reo tới lần thứ ba mới có người nhắc máy.

“Alô?”

“Em đấy à, Buckley,” tôi nói.

“Ai đấy?”

“Chị Susie đây.”

“Ai đấy?”

“Susie, em cứng, chị cả của em đây mà.”

“Tôi chẳng nghe thấy gì hết,” nó nói.

Tôi trân trối nhìn máy điện thoại cả phút, rồi chợt ý thức họ đang có đó. Giờ đây căn phòng đầy những vong linh thâm lặng. Có cả người lớn lẫn trẻ em. “Các vị là ai? Từ đâu đến đây?” tôi hỏi, nhưng tiếng tôi nói không biến thành âm thanh gì cả. mãi đến lúc đó tôi mới kịp nhìn thấy. Tôi đang ngồi đấy nhìn những người kia, còn Ruth nằm, người vắt ngang mặt bàn viết.

“Ném cho anh xin cái khăn đi,” Ray vặn tắt nước rồi gọi vọng ra. Không nghe tôi trả lời, anh chàng bèn kéo tấm màn che. Tôi nghe tiếng anh chàng bước ra khỏi bồn tắm, bước qua cửa. Thấy Ruth nằm anh chàng chạy vội lại. Anh chàng chạm nhẹ lên vai Ruth, cô nàng mở mắt ra, còn mơ mơ màng màng. Hai người nhìn nhau. Cô nàng không cần phải nói gì. Anh chàng biết ngay rằng tôi đã ra đi.

Tôi nhớ có lần đi xe lửa với bố mẹ, Lindsey và Buckley, tôi ngồi ghế ngược hướng, lúc đó xe chạy vào đường hầm tối om. Cảm giác cũng giống như bây giờ khi tôi rời cõi trần lần thứ hai. Trạm cuối dù sao cũng đã định sẵn, còn phong cảnh dọc đường đã nhiều lần thấy qua. Song lần này tôi đi có



bạn đồng hành, chứ không phải bị lôi đi, và tôi biết là cả đoàn chúng tôi lên đường bắt đầu một chuyến viễn du để đến một nơi xa xăm.

Rời cõi trần lần thứ hai quả có dễ dàng hơn lúc quay trở lại trước đó. Tôi còn kịp nhìn thấy hai người bạn cũ của mình ôm nhau, không nói một câu, trong căn buồng sau tiệm sửa mô-tô của anh Hal, chưa thể nói thành lời về những gì xảy đến với mình. Ruth mệt nhiều nhưng chưa bao giờ thấy mình hân hoan sung sướng đến thế. Về phần Ray, những gì anh chàng mới trải nghiệm và những khả năng sẽ phát sinh từ kinh nghiệm đó bây giờ bắt đầu thấm vào tâm khảm anh.

-----

1. AWOL (Absent without leave): vắng mặt không có phép.

## CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

Sáng hôm sau mùi bánh nướng của bà mẹ bốc lên theo cầu thang lên vào phòng Ray, nơi anh và Ruth nằm ngủ. Sau một đêm thế giới của họ thay đổi hẳn. Chuyện đơn giản thế thôi.

Trước khi rời tiệm sửa xe của Hal, Ray và Ruth cẩn thận xóa mọi dấu vết cho thấy họ đã ở đó, xong hai người lái xe về nhà Ray, dọc đường không ai nói năng gì. Khuya hôm ấy, nhìn thấy hai người còn nguyên quần áo nằm ôm nhau ngủ, bà Ruana thấy vui bụng rằng rốt cuộc Ray cũng có được một cô bạn gái, dù cô ta hơi khác người thật.

Quãng ba giờ sáng Ray chợt thức giấc. Anh ngồi dậy ngấm Ruth, nhìn cặp đùi thon dài, tấm thân tuyệt mỹ mình đã yêu thương gần gũi, và chợt cảm thấy một luồng hơi nóng lan khắp người. Anh vừa định đưa tay vuốt ve cô nàng thì chợt có vệt sáng rọi lên sàn nhà, đó là ánh trăng chiếu qua khung cửa sổ nơi bao năm qua tôi vẫn đứng nhìn vào ngắm anh ngồi học. Anh đưa mắt dõi theo vệt sáng, thấy túi xách của Ruth để trên sàn nhà.

Khẽ khàng để không làm cô nàng thức giấc, anh rời giường đi ra chỗ cái túi. Trong đó có quyển nhật ký của cô nàng. Anh lấy ra đọc.

“Phần ngọn mấy sợi lông vũ thì rỗng, dưới gốc có vệt máu. Tôi cầm mấy mẫu xương đưa lên cao, mong sao chúng cũng bắt ánh sáng như những mảnh thủy tinh vỡ... tuy nhiên tôi vẫn tìm cách sắp xếp, gắn các mẫu xương ấy lại, để những cô gái bị giết đó được sống lại lần nữa.”

Anh lật sang trang sau:

“Trạm Penn, dãy nhà vệ sinh, dấu vết cuộc vật lộn kéo đến tận bồn rửa.

Một người đàn bà lớn tuổi.

Chuyện trong gia đình. Đại lộ C. chồng và vợ.

Trên mái nhà ở đường Mott, một thiếu nữ, bị bắn.

Vào giờ nào? Bé gái trong C.P (1) bước lẫm chẫm đến bụi cây. Cổ áo trắng viền đăng-ten, đẹp mắt.”

Anh chàng thấy người lạnh cóng nhưng vẫn đọc tiếp, chỉ ngừng lên khi nghe Ruth cửa mình.

“Mình còn nhiều chuyện để kể cho bạn lắm,” cô nàng nói.

Cô y tá Eliot đỡ bố tôi ngồi lên xe đẩy trong khi mẹ và em gái tôi lo gom góp các cành thủy tiên để mang về nhà.

“Cô Eliot ời” bố nói. “Tôi sẽ không quên lòng tử tế của cô, nhưng hy vọng không phải sớm tái ngộ với cô đâu nhé.”

“Tôi cũng mong thế,” cô đáp. Cô nhìn mọi người mong gia đình tôi đứng tề tựu đủ mặt. “Buckley à, mẹ và chị đều tay bưng tay xách cả rồi. chỉ còn cháu thôi.”

“Con đẩy xe cẩn thận nhé, Buck,” bố tôi nói.

Tôi nhìn theo bốn người dọc hành lang rat hang máy. Buck và bố tôi đi trước, còn Lindsey và mẹ tôi theo sau, tay ôm những nhánh thủy tiên ướt còn nhỏ nước.

Đứng trong buồng thang máy, Lindsey nhìn đắm đắm vào cuống hoa màu vàng tươi. Em nhớ lại, Samuel và anh Hal có thấy hoa thủy tiên ở cánh đồng ngô buổi chiều ngày giỗ đầu của tôi. Đến nay họ vẫn không biết ai đã đem hoa đến đặt ở đây. Em gái tôi hết nhìn hoa lại nhìn sang mẹ. Em cảm thấy người cậu em tí sát vào mình, còn bố tôi, ngồi trong chiếc xe đẩy bóng loáng của nhà thương, trông có vẻ mệt nhưng hoan hỉ vì được về nhà. Khi họ xuống đến tiền sảnh và cửa thang máy được mở ra thì tôi biết rằng định mệnh đã an bài cho họ, cả bốn người, để mãi mãi ở bên nhau.

Bà Ruana gọt táo hết quả này đến quả khác, bàn tay ướt nhũn, sưng tấy lên, vừa làm bà vừa lặp đi lặp lại trong đầu từ ngữ mà bao năm qua bà tránh nghĩ tới: ly dị. Chính tư thế nằm ôm quần lấy nhau của Ray và Ruth đã gợi điều gì đó trong tâm tưởng và cuối cùng giải thoát bà khỏi mọi bó buộc. Bà không nhớ lần chót cùng vào giường với chồng là lúc nào nữa. Ông vào phòng ngủ êm ru như một bóng ma, khẽ khàng len vào trong chăn cũng như một bóng ma, đến nỗi khăn trải giường cũng không thấy nhàu mảy. Ông không xấu xa tệ bạc như kiểu ta vẫn thấy chiếu trên truyền hình hay tả trên báo. Sự nhẫn tâm nằm ở tình trạng khiếm diện của ông. Kể cả khi đến bữa ông ngồi vào bàn, ăn món bà nấu, ông có mặt ở đó thật nhưng tâm trí thì ở mãi đâu đâu.

Bà nghe có tiếng nước chảy trong phòng tắm trên lầu, đợi một lúc đến khi bà nghĩ là đủ lâu rồi bà mới gọi vọng lên bảo hai người xuống. Sáng sớm hôm đó mẹ tôi gọi điện tới cảm ơn bà đã cho biết tin nhà lần từ mẹ tôi gọi điện từ California về, bà Ruana liền nảy ra ý định nướng bánh táo mang đến biếu.

Trao cho Ruth và Ray mỗi người một ly cà phê xong bà Ruana mới bảo rằng không còn sớm sửa gì lắm, rằng bà muốn Ray cùng đi với bà đến nhà gia đình Salmon, bà định chỉ ghé để ỏ bánh ở bậc cửa rồi đi ngay.

“Ô, cứ như trẻ con ấy,” Ruth buột miệng.

Bà Ruana nhìn cô nàng chòng chọc.

“Mẹ thứ lỗi,” Ray nói. “Hôm qua chúng con gặp chuyện căng thẳng quá.” Song anh chàng tự hỏi, nếu đem ra kể hết bà mẹ có tin nổi không đây.

Bà Ruana đi ra quầy bếp, bưng một trong hai ổ bánh nóng hổi vừa nướng xong ra bàn. Mùi thơm lừng theo hơi nóng nghi ngút bốc lên từ cách lỗ hõm trên mặt bánh. “Ăn điểm tâm nhé?”, bà hỏi.

“Bác là bà tiên thật!”, Ruth nói.

Bà Ruana mỉm cười.

“Ăn cho thỏa thích đi rồi thay quần áo để còn đi với tôi chứ.”

Ruth nhìn Ray nói: “Mình có việc phải đi đăng này đã, nhưng sau đó sẽ ghé qua.”

Anh Hal khuôn bộ trống đến cho em trai tôi. Anh và bà ngoại đã hội ý với nhau trước đó. Tuy còn mấy tuần nữa Buckley mới đầy mười ba tuổi nhưng lúc này nó rất cần có món quà kia. Samuel không tháp tùng Lindsey và Buckley đi đón bố mẹ tôi trong nhà thương. Với bố mẹ thì việc trở về nhà có nghĩa gấp đôi. Mẹ tôi đã ở bên bố tôi suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ, trong quãng thời gian đó thế giới đã thay đổi không chỉ với hai người mà cả với những người khác nữa, và, bây giờ tôi cũng thấy thế, sẽ cứ chuyển biến liên tục. Không có cách gì làm ngừng lại được.

“Bà biết là sáng sớm thì chưa nên khai mạc,” bà ngoại Lynn nói, “nhưng các cậu thích loại độc dược nào đây?”

“Cháu tưởng mình chuẩn bị sẵn sâm banh rồi,” Samuel nói.

“Thứ đó uống sau,” bà nói. “Bây giờ bà mời rượu khai vị.”

“Cháu xin kiếu,” Samuel nói. “Lát nữa có Lindsey cháu sẽ uống luôn.”

“Còn cháu Hal?”

“Cháu còn phải chỉ cho em Buck cách đánh trống.”

Bà ngoại Lynn kịp giữ miệng, không buông lời bình phẩm việc các đại danh thủ nhạc Jazz đột nhiên chê rượu một cách đáng ngờ. “Thế lấy ba cốc nước đã nhé?”

Bà ngoại tôi quay vào bếp lấy thức uống. Lúc qua đời rồi tôi mới biết thương yêu bà sâu đậm, hơn hẳn thời gian còn sống. Tôi ước giá nói được với bà điều này lúc bà đứng trong bếp nhà bà, quyết định bỏ rượu, song giờ đây tôi hiểu rằng tật uống rượu cũng là phần tạo nên con người bà ngoại tôi. Nếu sau này điều tệ hại nhất người ta nghĩ về bà là đã giúp đỡ con cháu trong tình trạng nát rượu, thì với tôi đó lại là điều tôi ghi nhớ mãi.

Bà lấy nước đá từ tủ đông, cho vào bồn đập âm ầm. Bảy viên nước đá cho mỗi cái cốc vại. Bà mở vòi cho nước chảy đến khi lạnh buốt. Abigail con bà sắp trở về nhà. Cô nàng Abigail kỳ quặc, đứa con gái bà yêu thương.

Nhưng khi ngược lên nhìn ra cửa sổ, bà thề có trời chứng giám là thấy rõ ràng có một cô bé gái mặc một bộ quần áo thời bà còn trẻ, ngồi bên ngoài pháo đài chứa dụng cụ làm vườn của Buckley, đăm đăm nhìn bà. Thoáng

cái cô biến đâu mất. Bà cố gạt bỏ cảnh tượng đã thấy. Hôm đó bà còn bận bịu bao nhiêu là việc. Bà sẽ không kể cho ai nghe cả.

Khi chiếc xe của bố rẽ vào ngõ, tôi bắt đầu suy ngẫm phải chăng đó là điều tôi mong đợi, mong đợi gia đình tôi trở về - không phải là về với tôi, mà là về với nhau, còn tôi đã đi khỏi rồi.

Trong ánh nắng xế trưa trông vóc người bố tôi như nhỏ hơn, gầy đi, nhưng mắt của ông lộ vẻ sáng khoải sau bao năm mới lấy lại.

Về phần mẹ tôi, bà càng lúc càng nghĩ mình đủ sức vượt khó khăn để trở về nhà cũ.

Cả bốn người cùng bước xuống xe một lúc. Buckley từ hàng ghế sau bước tới trước để đỡ bố tôi tuy có lẽ bố tôi không cần lắm, cũng có thể để che chở bố trước mẹ tôi. Lindsey đứng phía bên kia đầu máy xe nhìn cậu em – kiểu kiểm tra thường lệ của em vẫn vận động tự hành. Em cảm thấy mình có trách nhiệm, em trai và cả bố tôi cũng đều cảm thấy có trách nhiệm với nhau. Rồi em quay sang, thấy mẹ đang nhìn mình, gương mặt bà phản chiếu màu vàng hoa thủy tiên rạng rỡ lên.

“Gì vậy mẹ?”

“Con trông giống bà nội như tạc,” mẹ tôi nói.

“Mẹ phụ con lấy hành lý với,” em gái tôi nói.

Hai mẹ con vòng ra phía thùng xe, còn em trai tôi dìu bố theo lối cửa vào cửa chính.

Lindsey đứng yên, nhìn chăm chăm vào góc tối thùng xe. Em chỉ cần được rõ một điều.

“Mẹ sẽ còn làm bố đau khổ nữa không đấy?”

“Mẹ sẽ làm tất cả để bố không phải sầu não nữa,” mẹ tôi đáp, “nhưng lần này mẹ không hứa.” Bà đợi cho đến lúc Lindsey ngược lên, nhìn bà bằng đôi mắt đầy thách thức, như mắt một đứa trẻ đã lớn vọt lên, chạy nước rút từ cái ngày cảnh sát đến báo tin là mái nhiều đến ướt cả đất, rằng con gái bà / chị của cháu / con của ông bà đã chết.

“Chuyện gì mẹ làm con đều rõ cả.”

“Mẹ cũng biết thế.”

Em gái tôi nhắc chiếc túi ra.

Hai mẹ con nghe như có tiếng kêu: Buckley chạy ra hàng hiên trước nhà. “Chị Lindsey ơi,” em gọi, quên vẻ nghiêm nghị thường lệ, vóc người đầy đà của em thoát nhanh nhẹn hẳn. “Chị vào mà xem quà anh Hal đem cho em này.”

Em gõ beng beng, đập bùm bùm, đánh cheng cheng, không ngừng tay. Sau năm phút nghe tiếng chiêng trống anh Hal là người duy nhất còn tươi cười. Mọi người khác đều mừng tượng được tương lai, sẽ rất ồn ào náo động.

“Bà nghĩ đã đến lúc hướng dẫn em cách sử dụng bộ cọ rồi đấy,” bà ngoại Lynn nói. Anh Hal tuân lời bà.

Mẹ tôi trao bó thủy tiên cho bà ngoại Lynn rồi đi ngay lên lầu, viện cớ vào phòng vệ sinh. Ai cũng biết bà định đi đâu: vào căn phòng cũ của tôi.



Mẹ đứng ở ngưỡng cửa, đơn độc, như thể đang đứng bên bờ Thái Bình Dương. Căn phòng vẫn sơn màu tím hoa oải hương. Bàn ghế trong phòng vẫn để nguyên chỗ cũ, chỉ thêm chiếc ghế bành chính được lưng tựa của bà ngoại tôi.

“Mẹ thương con quá, Susie ơi,” mẹ nói.

Tôi nghe bố tôi nói câu này không biết bao nhiêu lần rồi, nên bây giờ tôi bị chấn động. Chính tôi cũng không ý thức rằng mình luôn mong mỗi chờ đợi câu đó từ miệng mẹ tôi. Bà cần phải có thời gian để nghiệm ra rằng tình mẫu tử không hủy diệt con người mình, và – bây giờ tôi mới biết - tôi đã cho bà quãng thời gian đó, tôi cho được vì thời gian thì tôi thừa thãi.

Bà chợt thấy một bức ảnh đặt trên chiếc tủ cũ của tôi, được bà ngoại Lynn lồng trong khung màu vàng. Đó là tấm ảnh đầu tiên tôi chụp bà – chân dung không ai biết được của bà Abigail đang tô son môi, lúc cả nhà chưa ai thức giấc. Susie Salmon, nữ nhiếp ảnh viên chụp thú rừng, đã thu được hình ảnh một người đàn bà đang đắm đắm nhìn qua sân cỏ mù sương vùng ngoại ô này của bà.

Bà vào phòng tắm, vặn vòi xả nước chảy ào ào, xoắn khăn tắm ra xem. Bà biết ngay người mua những chiếc khăn này là bà ngoại: màu kem, khăn lông ai lại đi lựa màu này – kiểu chữ cái thêu lông – tức cười thật, bà thầm nghĩ. Nhưng, ngay lập tức, bà tự cười nhạo mình. Bà bắt đầu tự hỏi không hiểu cách bà giải quyết, đi đến đâu đốt sạch dấu vết mình đến đấy, rốt cuộc đã giúp gì cho bà trong bao nhiêu năm. Mẹ của bà dù nát rượu nhưng yêu thương con cháu, là chỗ dựa vững chắc tuy bà ham mấy thứ phù phiếm. lúc nào mới đúng lúc cần thôi không níu giữ không chỉ người chết mà cả kẻ đang sống nữa – học cách chấp nhận?

Lúc đó tôi không có mặt trong phòng tắm, ẩn trong bồn tắm hay vòi nước; tôi cũng không trụ trên tấm gương treo cao hơn đầu bà, hay thu nhỏ người đứng trên đầu mỗi sợi bàn chải đánh răng của Lindsey hay Buckley. Bằng cách nào đó, mà tôi không lý giải nổi – mọi người có vẻ sung sướng hân hoan thì phải? Bố mẹ tôi tái hợp và sẽ ở bên nhau mãi mãi chẳng? Buckley bắt đầu nói ra được về những gì dằn vặt em chưa đây? Trái tim của bố tôi sẽ lạnh lặn hẳn chứ? Tôi sẽ thôi không mong mãi thấy người thân, không đòi hỏi họ tưởng nhớ mình mãi. Nói vậy thôi chứ tôi vẫn tiếp tục thương nhớ. Và mọi người sẽ nghĩ đến tôi. Mãi mãi.

Dưới nhà, anh Hal giữ cổ tay chỉ cho Buckley cầm que cọ. “Chỉ cần quét phớt lên trên chiếc trống con thôi.” Buckley làm theo rồi nhìn Lindsey đang ngồi trên trường kỷ đối diện.

“Buck cừ thật!” em gái tôi khen.

“Nghe như tiếng con rắn chuông.”

Anh Hal hài lòng. “Đúng thế”, anh nói, viễn tượng về một ban nhạc Jazz, vĩ đại nhất từ xưa đến nay bắt đầu nhảy nhót trong đầu óc anh.

Mẹ tôi trở xuống dưới nhà. Khi bước vào phòng bà đưa mắt nhìn bố trước tiên. Bà ngẫm tỏ cho ông thấy bà vẫn bình thường, bà vẫn đang hít không khí vào phổi, rằng núi cao nhưng bà vượt được.

“Này, tất cả nghe đây!”, bà ngoại gọi từ nhà bếp. “Samuel có đôi điều muốn nói, vậy ngồi cả xuống đi!”

Mọi người bật cười và chưa ai kịp rút vào cái vỏ bọc khép kín của mình – cuộc hội ngộ đông đủ là điều tuy ai cũng mong ước, nhưng vẫn đòi hỏi

nhiều cố gắng – thì Samuel cùng bà ngoại Lynn bước vào phòng. Bà bưng một khay đầy loại sâm banh cao nghệu chờ được rót đầy. Cậu liếc mắt nhìn Lindsey.

“Bà ngoại Lynn sẽ rót rượu giúp cháu,” cậu nói.

“Việc đó bà thạo lắm mà,” mẹ nói.

“Abigail?”, bà ngoại gọi.

“Sao ạ?”

“Được gặp con mẹ cũng rất vui.”

“Samuel, cháu nói đi,” bố nói.

“Cháu muốn nói rằng cháu rất sung sướng được có mặt ở đây với cả nhà.”

Nhưng anh Hal biết tính cậu em. “Nói vậy đâu đã xong, chú mới dạo đầu thôi. Buck đâu, quẹt vài tiếng cọ xem.” Lần này anh Hal để Buckley chơi một mình, thế là Buckley đệm nhịp cho Samuel nói.

“Cháu xin tỏ lòng mừng thấy bác gái về lại, bác trai cũng được về nhà, và cháu có vinh dự được hỏi cưới cô nàng con gái xinh đẹp của hai bác.”

“Nghe được quá chứ, được lắm!” bố tôi nói.

Mẹ tôi đứng lên giữ khay cho bà ngoại, hai người đi một vòng đưa ly cho từng người.

Nhìn người thân nhăm nháp sâm banh, tôi ngẫm nghĩ về cuộc đời họ, bị xô đẩy tới trước hay dạt ngược ra sau từ ngày tôi qua đời, rồi nhìn Samuel lấy

hết can đảm hôn Lindsey giữa phòng trước mặt mọi người thân, tôi cảm thấy mình được nhắc nhở khỏi nơi ấy.

Đây là năm xương tàn thân yêu của tôi, đã hình thành quanh sự kiện tôi vắng mặt: những mối liên hệ - đôi khi ngẫu nhiên có được, đôi khi đòi hỏi nhiều công sức, nhưng tất cả đều tuyệt vời – đã kết với nhau sau khi tôi khuất bóng. Thế là từ nay tôi bắt đầu nhìn mọi chuyện theo một cách mới cho phép tôi hiểu được cái thế giới trong đó không có mình nữa. Mọi sự kiện mà cái chết của tôi gây ra chẳng qua là chỉ là những mảnh xương của một cơ thể được gom góp đầy đủ vào một thời điểm chưa dự kiến được trong tương lai. Cái giá để tôi thấy được hình hài nhiệm màu đó chính là cuộc đời ngày trước của tôi.

Bố tôi nhìn cô con gái đang đứng trước mặt. Đứa con gái trong bóng tối đã biến mất hẳn.

Được anh Hal hứa sẽ dạy em đánh trống sau bữa ăn tối, Buckley mới chịu buông dùi vào que cọ, bảy người nối đuôi nhau vòng qua bếp để vào phòng ăn, nơi Samuel và bà ngoại Lynn đã soạn sẵn các khay đẹp nhất để bày món ziti<sup>(2)</sup> nhãn hiệu Stouffer và bánh pho-mát ngọt hiệu Sara Lee – đều là món làm sẵn đông lạnh.

“Có ai ngoài cửa,” anh Hal nói khi thấy một người đàn ông qua cửa sổ.  
“Ray Singh kia!”

“Mời cậu ấy vào đi,” mẹ tôi bảo.

“Cậu ấy quay ra rồi.”

Mọi người, trừ bố tôi và bà ngoại ngồi lại trong phòng ăn, ủa ra để bắt kịp anh chàng.

“Ray ơi!”, anh Hal mở cửa gọi, suýt giẫm phải cái bánh. “Đợi tí!”

Ray quay lại. Bà mẹ ngồi trong xe, máy vẫn để nổ.

“Tôi với bà cụ không muốn làm rộn gia đình,” Ray nói với anh Hal. Trong khi đó thì Lindsey, Samuel, Buckley và một bà mà anh chàng nhận ra là bà Salmon đang đứng chật cả ở hàng hiên.

“Phải bà Ruana đó không?”, mẹ tôi hỏi. “Cháu mời bà vào nhà đi.”

“Thưa phải, cảm ơn bác,” Ray đáp nhưng vẫn đứng đó không bước lại gần. Susie có đang chứng kiến cảnh này không nhỉ? Anh chàng tự hỏi.

Lindsey và Samuel tiến ra, bước về phía anh chàng.

Lúc đó mẹ tôi đã đi ra từ lối chính ra chỗ xe đậu, tựa vào cửa xe trò chuyện với bà Ruana.

Ray liếc nhìn, thấy bà mẹ mở cửa xe để đi vào nhà. “Cho hai mẹ con thì món gì cũng được trừ bánh táo,” bà vừa đi vừa nói với mẹ tôi.

“Tiến sĩ Singh bận công việc ạ?”, mẹ tôi hỏi.

“Như mọi khi thôi,” bà Ruana đáp. Bà nhìn theo, thấy Ray cùng với Lindsey và Samuel bước vào nhà. “Chị có định ghé chơi hút với tôi thứ thuốc lá nặng mùi đó nữa không?”

“Hẹn thế nhé,” mẹ tôi đáp.

“Chào Ray, ngồi xuống đi cháu,” bố tôi nói khi nhìn thấy anh chàng xuyên qua phòng sinh hoạt bước vào. Bố đặt biệt ưu ái cậu trai trẻ đã đem lòng yêu con gái ông, nhưng Buckley đã sà ngay vào chiếm chiếc ghế bên cạnh bố.

Lindsey và Samuel khiêng hai chiếc ghế từ phòng sinh hoạt sang đặt cạnh tủ bát đĩa. Bà Ruana ngồi giữa bà ngoại Lynn và mẹ tôi, còn anh Hal ngồi một mình cuối bàn.

Lúc ấy tôi mới nghiệm ra rằng họ chẳng biết lúc nào tôi biến đi, cũng không biết thỉnh thoảng tôi lẫn quân mãi trong một căn phòng nào đấy. Buckley đã từng trò chuyện với tôi, và tôi có đối đáp với em. Ngay cả khi tôi không nghĩ là có trò chuyện với em, thì thực sự là tôi có trò chuyện. Tôi hiển hiện theo đúng cách họ mong mỏi được thấy lại tôi.

Cô nàng lại ra đó nữa, đơn độc bước ra giữa cánh đồng ngô, trong khi mọi người khác mà tôi hằng lưu tâm đang ngồi quây quần trong một căn phòng. Cô nàng sẽ luôn cảm thấy có tôi bên cạnh và tưởng nhớ tới tôi. Tôi thấy trước điều đó, nhưng tôi không thể làm gì hơn được. Trước kia Ruth là một cô gái bị ám ảnh, giờ đây cô nàng trở thành một người đàn bà bị ám ảnh. Trước kia do tình cờ đưa đẩy, còn bây giờ là hoàn toàn tự ý. Tất cả, chuyện về cuộc đời cũng như về cái chết của tôi, trở thành chuyện của cô nàng nếu cô nàng quyết định đem ra kể, dù mỗi lần chỉ kể cho một người duy nhất.

\*\*\*

Bà Ruana ngồi chơi được một lúc khá lâu thì Samuel kể về ngôi nhà xây kiểu gô-tích phục hưng mà cậu đã phát hiện ở quãng cây cối rậm rạp trên đường số 30. Khi cậu kể chi tiết cho mẹ tôi nghe về ngôi nhà, tả lại giây phút cậu ấy thấy phải ngỏ lời cầu hôn với Lindsey và muốn sống với em trong ngôi nhà đó, Ray buột miệng hỏi: “Có phải ngôi nhà có lỗ thủng lớn trên trần căn phòng phía sau, và phía trên cánh cửa vào nhà có những cửa sổ trông rất đặc biệt không?”

“Phải rồi”, Samuel nói, và khi thấy bố tôi có vẻ lo lắng, cậu tiếp: “Nhưng sửa chữa được, bác Salmon ạ. Cháu bảo đảm.”

“Ông bố của Ruth là chủ ngôi nhà đó,” Ray nói.

Mọi người im lặng một lúc, rồi Ray nói tiếp:

“Ông ấy vay tiền mua lại những ngôi nhà cũ nào chưa phải phá sập. Ông ấy muốn trùng tu lại.”

“Chúa ơi”, Samuel thốt lên.

Thế là tôi ra đi.

-----

(1) C.P.: Central Park, công viên ở New York

(2) Ziti: món làm từ bột mì cán thành lát, xếp lớp xen kẽ với thịt băm và rau, trên rắc phó-mát, bỏ lò nướng

## HÀI CỐT

Bạn không hay biết là người quá cố ra đi, một khi họ đã quyết định rời bạn mãi mãi. Bạn không nhất thiết phải biết điều đó. Nhiều lắm thì bạn chỉ cảm thấy họ còn đó qua tiếng rủ rỉ hay tiếng thì thầm càng lúc càng nhỏ dần ấy. Tôi thì ví nó với người đàn bà ngồi ở hàng ghế cuối trong giảng đường hay rạp hát mà chẳng ai để ý, cho đến một lúc nào đó bà ta lên ra ngoài. Lúc ấy chỉ những ai ngồi gần cửa, như bà ngoại Lynn, mới nhận ra, với những người kia thì chỉ như có một làn gió thoảng, không rõ từ đâu đến, trong một căn phòng đóng kín cửa.

Mãi nhiều năm sau đó bà ngoại Lynn mới qua đời, nhưng ở đây thì tôi chưa thấy bà lần nào. Tôi mừng tượng bà đang nhậu một chén trên thiên đường của bà, uống rượu bạc hà với Tennessee Williams và Dean Martin (1) trên thiên đường của bà. Lúc nào thích bà sẽ đến đây, tôi tin thế.

Nếu phải nói thật thì quả tình thỉnh thoảng tôi vẫn lên trở về xem gia đình mình ra sao. Tôi không làm sao khác được, và người thân thỉnh thoảng cũng nhớ đến tôi. Họ cũng thế, không làm sao khác được.

Sau lễ cưới, Lindsey và Samuel ngồi uống sâm banh với nhau trong ngôi nhà còn tuềnh toàng trên con lộ 30. Cành lá của hàng cây cao chỗ qua cả khung cửa sổ trên lầu, còn hai người ngồi ngay bên dưới, thấy rõ sẽ phải chặt bỏ ngay mấy cành đó. Bố của Ruth hứa sẽ bán ngôi nhà cho hai đứa nếu Samuel thuận làm nhân viên đầu tiên trong hang trùng tu nhà cửa của ông ta. Quảng cuối mùa hè năm ấy, Samuel và Buckley hợp lực, ông Connors làm xong khâu khai quang khu đất, đặt ở đó một căn nhà lưu động - ban ngày là văn phòng làm việc của ông, ban đêm thành phòng học cho Lindsey.

Thời gian đầu khá nhọc nhằn, vì thiếu điện nước, muốn tắm phải về nhà bố



mẹ hai bên, nhưng Lindsey lo vùi đầu vào việc học, còn Samuel bận lòng các loại nấm đấm cửa và chao đèn thích hợp với kiểu kiến trúc thời đó. Mọi người đều ngạc nhiên khi được Lindsey báo tin rằng mình có thai.

“Em chỉ tưởng chị béo ra thôi,” Buckley nói, cười mỉm.

“Em tưởng ai cũng giống mình cả đấy,” Lindsey bảo.

Bố tôi đã mơ đến ngày ông lại sẽ truyền dạy cho một đứa bé nữa nỗi đam mê làm những con tàu thả vào chai lọ. Ông biết lúc đó niềm vui sẽ luôn đi kèm với nỗi buồn; rằng hoài niệm về tôi sẽ cứ vang vọng mãi.

Tôi xin kể cho bạn rằng biết rằng ở đây cảnh đẹp, rằng tôi, và cả bạn một ngày nào đó, không còn phải lo sợ gặp hiểm nguy gì nữa. nhưng ở thiên đường này làm gì có vấn đề an toàn, hay thực tại đầy chông gai. Ở đây chúng tôi vui chơi thỏa thích.

Chúng tôi làm toàn chuyện khiến người ở trần thế kinh ngạc hoặc cảm kích biết ơn, chẳng hạn một năm nọ cho mảnh vườn của Buckley, trồng lung tung đủ loại cây, nở rộ hoa một lúc. Tôi làm thế là vì mẹ tôi, bà quyết định ở lại và phải chăm chút mảnh vườn. Bà nhìn từng cánh hoa, cành cây hay ngọn cỏ bà ngẩn ngơ. Từ khi về bà hay ngạc nhiên lắm – trước những khúc quanh ngoắt ngoéo mà cuộc đời an bài.

Bố mẹ tôi đem hết đồ dùng của tôi bà của Bà ngoại Lynn tặng cho các hội từ thiện.

Hai ông bà chia sẻ tâm tư khi khi cảm thấy có tôi đâu đây. Chung sống ở

bên nhau, hồi tưởng và nhắc nhở về người đã khuất trở thành một phần hoàn toàn bình thường trong cuộc sống của họ. Mỗi khi Buckley đập trống, tôi cũng lắng tai nghe em.

Ray nay là bác sĩ Singh, “bác sĩ chính danh trong toàn gia tộc,” như bà Ruana nói. Và anh chàng càng có dịp trải nghiệm những khoảnh khắc khiến anh phải tin là có thực. Dù quanh mình toàn những nhà phẫu thuật và khoa học gia nghiêm túc, có thẩm quyền trên thế giới trong đó trắng đen rạch ròi, anh vẫn tin là còn có những thứ khác nữa: rằng những người xa lạ thỉnh thoảng hiện ra vẫy gọi người đang hấp hối không phát xuất từ trí tưởng tượng do họ bị chứng đột quỵ, rằng anh chàng có gọi Ruth bằng tên tôi, và chuyện ân ái với tôi hoàn toàn có thực.

Khi nào hoài nghi, anh chàng gọi điện thoại cho Ruth. Ruth đã nâng cấp chỗ ở, bỏ góc buồng xép, dọn đến một căn hộ riêng, chỉ nhỉnh hơn chút ít, ở khu Lower East Side. Ruth, kẻ luông tìm cách ghi chép về những người cô nàng đã gặp và những gì cô nàng trải nghiệm. Ruth, kẻ mong mỗi mọi người tin vào những gì cô nàng biết là có thực: rằng người chết quả tình có trò chuyện với chúng ta, rằng trong khoảng không giữa những người đang sống luôn dập dềnh những linh hồn bay lượn cười đùa với chúng ta. Họ là dưỡng khí ta vẫn hít thở.

Lúc này tôi đang ở tại nơi tôi gọi là Đại thiên đường, vì đó là nơi đáp ứng mọi ước vọng dù bình dị, nhỏ nhặt hay cao xa nhất của tôi. Chử ông nội dùng là nguồn an ủi.

Cho nên ở đó ê hề bánh gọt, đầy rẫy gói nem đủ màu, thế nhưng dưới tấm chăn muôn mảnh chấp lại rất bắt mắt kia có những chỗ như căn phòng yên ắng nọ, nơi bạn có thể vào ngồi với một người nào đấy, chỉ nắm tay nhau,

không cần nói gì cả. không kể lẽ dài dòng. Không trách cứ than van. Nơi bạn có thể tiếp thụ mọi cảm giác trên từng làn da thứ thiệt, thời gian không hạn định. Đại thiên đường này quy tụ cả những chiếc đỉnh tán, những sợi lông tơ mềm trên cành lá non, những chuyển ngòi xe chạy tuột đường băng uốn hình số tám, những viên bi rơi ra, lơ lửng giữa trời rồi đưa bạn đến một nơi chốn nào đấy mà khi ở thiên đường bé nhỏ của mình bạn có nằm mơ cũng không hình dung ra nổi.

\*\*\*

Một trưa nọ tôi đứng cùng ông nội, lướt mắt nhìn khắp chốn trên mặt đất. Hai ông cháu ngắm lũ chim chuyền từ ngọn nọ sang ngọn kia của những cây tùng cao nhất của vùng Maine, chia sẻ cảm giác khi chúng đáp xuống, đập cánh bay lên, rồi lại đáp xuống. Sau cùng chúng tôi dừng ở thành phố Manchester, vào quán ăn bình dân dù ông tôi vẫn còn nhớ từ thời ông ngược xuôi kiếm sống suốt mạn bờ biển phía Đông. Sau hai mươi năm quán ấy trong tôi tàn xập xệ hẳn, thấy thế chúng tôi bỏ đi. Vừa quay ra tôi chợt nhìn thấy tên Harvey: hẳn đang từ trên chiếc xe buýt của hãng Greyhound bước xuống.

Hắn vào quán, tới quầy gọi một ly cà phê. Ai không biết nhìn hắn chỉ thấy một người bình thường, chính hắn cũng cố tạo vẻ đó, trừ chỗ quanh hai mắt, nhưng bây giờ hắn không mang loại kính áp tròng nữa và chẳng ai rồi hời nhìn qua lớp mắt kính dày cộm của hắn.

Lúc bà hầu bàn đưa hắn ly cà phê nóng bỏng bằng chất dẻo màu trắng, hắn nghe tiếng leng keng của cái chuông treo phía trên cánh cửa sau lưng vào cảm thấy có luồng gió lạnh lùa vào.

Cách chỗ hắn vài hàng ghế có một cô gái ngồi đấy cũng đã mấy tiếng đồng

hồ, nghe máy Walkman, miệng lầm nhảm hát theo. Hăn ngồi ở quầy chờ đến lúc cô gái rời nhà vệ sinh thì theo gót cô ra ngoài.

Tôi thấy hăn bám theo cô trên sân phủ tuyết lầy bên hông quá, ra sau bến xe buýt, nơi cô tìm được một chỗ khuất gió để hút thuốc. Lúc cô đang đứng đó thì hăn mon men lại gần. Cô chẳng hề hoảng hốt. Lại một lão ăn mặc lôi thôi lếch thếch, trông mà chán.

Hăn trầm tính. Trời lạnh, tuyết đổ. Vực sâu, dốc đứng nằm ngay trước mặt. Bên kia vực là rừng cây hoang vu. Hăn lân la bắt chuyện.

“Đi đường xa nhỉ!”

Mới đầu cô nhìn hăn, như không tin rằng hăn nói với mình.

“Hừm”, cô ậm ừ.

Lúc ấy tôi mới nhận ra một dãy, dài và chi chít, ngay trên đầu họ. Băng nhũ.

Cô gái lấy gót giày dụi tắt điếu thuốc, quay người định đi.

“Đồ bợm già,” cô nói, rồi rảo bước bỏ đi.

Trong chốc lát một thanh băng nhũ rơi xuống. Khối đá lạnh và nặng làm tên Harvey mất thăng bằng sẩy chân, trượt luôn xuống vực. Phải đến vài tuần sau tuyết dưới vực mới tan dần để lộ xác hăn ra.

Nhưng bây giờ tôi xin kể cho các bạn nghe về một người đặc biệt:

Lindsey khoanh một thửa trên sân đất để làm vườn. Tôi nhìn em nhố cở đại mọc ở những luống dài đầy hoa. Mấy ngón tay của em co lại trong găng khi nghĩ đến những bệnh nhân ngày ngày đến phòng khám: làm cách nào giúp họ giải mã được những lá bài mà cuộc đời phân chia cho họ, có cách nào làm giảm được những cơn đau của họ?

Tôi nhớ lại rằng những điều đơn giản nhất lại là những điều mà bộ não tôi cho là xuất chúng của em không nắm bắt được. Phải suy nghĩ lung lăm em mới hiểu ra rằng tôi luôn xung phong tĩa cở sát chân hàng rào, vì như thế tôi làm vườn mà vẫn chơi được với con Holiday. Em sức nhớ tới con Holiday, còn tôi dỗi theo những ý nghĩ của em. Ít năm nữa, khi nhà cửa thơm tất, rào giậu xong xuôi, là đến lúc tìm cho con bé con một chú chó. Rồi em nghĩ đến chuyện hiện giờ có loại máy xén tĩa hàng rào, từ cột này đến cột kia chỉ vài phút – ngày trước chúng tôi vừa làm vừa càu nhàu, mất hàng giờ mới xong.

Lúc đó Samuel từ trong nhà đi ra chỗ Lindsey, kia kìa nó nằm trong tay cậu, bé con bụ bẫm dễ thương của tôi, chào đời mười năm sau khi tôi sống tròn mười bốn năm trên quả đất này. Tên cháu là Abigail Suzanne. Tôi gọi là Susie-bé. Samuel đặt Susie nằm trên vương chần trải cạnh luống hoa. Còn Lindsey, em gái tôi, giữ mãi hình ảnh tôi trong ký ức, đó mới đúng là chỗ dành riêng cho tôi.

\*\*\*

Trong một ngôi nhà nhỏ cách đó năm dặm có người đàn ông đưa cho vợ xem chiếc vòng tay dính bùn của tôi.

“Em xem này, anh tìm thấy nó ở khu công nghiệp cũ,” anh ta nói. “Một cậu

thợ xây bảo là họ đang cho xe san bằng toàn khu đó. Họ sợ vẫn còn nhiều hố sụt giống cái hố từng nuốt chửng cả cái ô-tô nọ.”

Cô vợ vịn vôi rót nước vào ly, còn anh chồng tần mẩn lấy ngón tay xoay chiếc xe đạp bé xiu, chiếc giày ba-lê, lẵng hoa và chiếc đê khâu. Lúc cô đặt ly nước xuống, anh chồng chìa chiếc vòng.

“Cô bé có chiếc vòng này giờ chắc lớn lắm rồi,” cô vợ nói.

Gần đúng.

Nhưng không đúng hẳn.

Tôi chúc tất cả các bạn tiếp tục sống lâu, hạnh phúc.

-----  
(1) Tennessee Williams (1911-1983): nhà văn Mỹ; Dean Martin (1967-1995): danh ca, tài tử điện ảnh Mỹ.

***HẾT***

# Table of Contents

TỰA

CHƯƠNG MỘT

CHƯƠNG HAI

CHƯƠNG BA

CHƯƠNG BỐN

CHƯƠNG NĂM

CHƯƠNG SÁU

CHƯƠNG BẢY

CHƯƠNG TÁM

CHƯƠNG CHÍN

CHƯƠNG MƯỜI

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

CHƯƠNG MƯỜI HAI

CHƯƠNG MƯỜI BA

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

NHỮNG BỨC ẢNH CHỤP BẮT CHỌT

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

CHƯƠNG HAI MƯỜI

CHƯƠNG HAI MƯỜI MỐT

CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI

CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

HÀI CỐT